

viết & đọc

CHUYÊN ĐỀ MÙA HẠ 2022

NHIỀU TÁC GIẢ



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

viết&đọc
CHUYÊN ĐỀ MÙA HẠ 2022

*

**Tranh bìa Chuyên đề mùa Hạ 2022 và các phụ bản
của họa sĩ ĐẶNG XUÂN HÒA.**



N H Ữ N G N G Ư Ờ I T H Ụ C H I Ệ N

- | | | |
|--------------------|---|---------------|
| Nguyễn Quang Thiều | • | |
| Nguyễn Thúy Hằng | • | Đào Bá Đoàn |
| Nguyễn Chí Hoan | • | Yên Ba |
| Thái Bá Lợi | • | Tạ Duy Anh |
| Nguyễn Trung Dân | • | Trần Lê Khánh |
| Ngân Xuyên | • | Trần Nhã Thụy |
| Dương Minh Long | • | Văn Cẩm Hải |

bài - ảnh từ: *

thư ban biên tập

7 Nếu lương tri của nhà văn không lên tiếng! -
Nguyễn Quang Thiều

ấn tượng 90 ngày

11 Cái chết của sự đối thoại - **Phan Đăng**

văn xuôi

tác phẩm mới

17 Chinh lửa lấy hương - **Nguyễn Hiệp**
24 Mỗi tình đầu - **Phạm Thị Phong Lan**
29 Dưới mái ngói - **Võ Đăng Khoa**
40 Bữa tiệc - **Nguyễn Lê Văn Khánh**
46 Người hâm mộ - **Lương Khả Tú**

tác phẩm đọc lại

55 Nước mắt trúc - **Lưu Sơn Minh**
64 Với câu hỏi còn lại - **Nguyễn Chí Hoan**
66 Huyền thoại về trở ngại nữ giới - **Hoàng Phong Tuấn**

ghi chép và tản văn

70 Chùm tản văn của **Phạm Giai Quỳnh**
77 Chùm tản văn của **Phùng Thị Hương Ly**
80 Chùm tản văn của **Hồng Cư**
92 Chùm tản văn của **Yên Trang**
95 Bát phở trong nhà dưỡng lão - **Dart Giang**
103 Con cuộc gọi hè - **Châu Hải Đường**

chân dung

106 Giảng buồm lên những đại hải trình thi ca - **Phạm Minh Quân**

tác giả trẻ

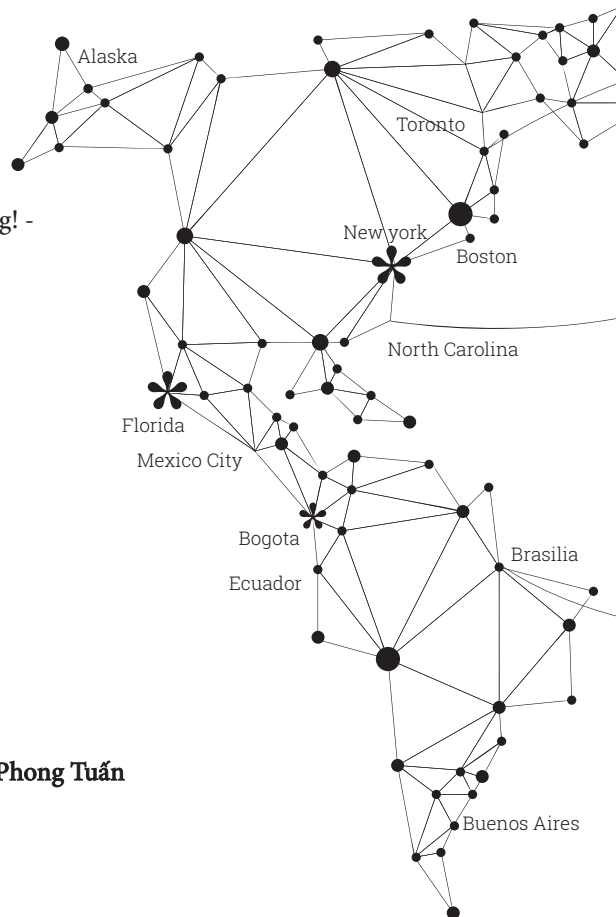
121 Đi tìm những bóng người - **Nguyễn Quang Thiều**
123 Thơ **Vĩ Hạ (Trần Duy Bảo Khang)**
133 Thế giới Rỗng - **Cao Việt Quỳnh**

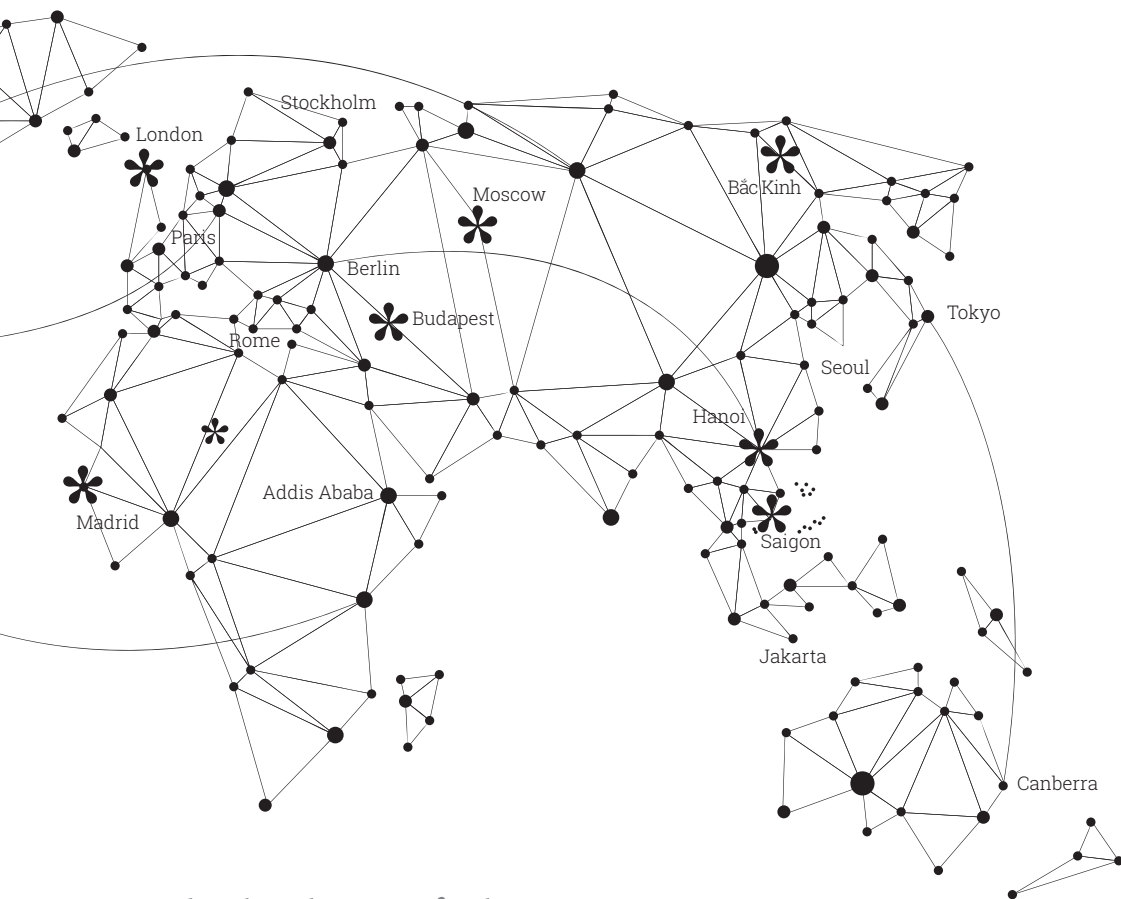
thơ

141 Thơ **Mai Thìn**
147 Thơ **Miên Di**
154 Thơ **Nam Thi**
163 Thơ **Nguyễn Như**
168 Thơ **Nguyễn Phong Việt**
179 Thơ **Nguyễn Thị Kim Nhung**
185 Thơ **Trương Đăng Dung**
194 Tôi không tin ở sự “bất khả liên thông” giữa các nền văn hóa - **Koncz Tamás**
(**Giáp Văn Chung dịch**)

đối thoại

204 Nguyễn Việt Hà - Cơ hội của Chúa-cơ hội của người - **Yên Ba (thực hiện)**





phê bình và tiểu luận

- 235 Thiếu vắng tình yêu - **Uông Triều**
- 238 Những đôi chác “văn chương” không cùng giá trị - **Phùng Kiên**
- 243 Những vắng trắng thơ còn khuất lấp - **Mai Bá Ẩn**
- 251 Khi cái ác được dung dưỡng - **Bích Ngân**

các nhà thơ hải ngoại

- 255 Nguyễn Tất Nhiên, nhà thơ của những văn thơ kỳ dị - **Phan Tường Đan**
- 260 Thơ **Nguyễn Tất Nhiên**

văn học nước ngoài

- 269 Sức mạnh của dòng máu - **Miguel De Cervantes** (Jean Nguyen dịch)
- 284 Tụng ca cái buồn - **Joseph Brodsky** (Ngân Xuyên dịch)
- 291 Những bài thơ thời trẻ của Joseph Brodsky - (Ngân Xuyên dịch)
- 298 Tản văn **Giả Bình Ao** (Châu Hải Đường dịch)
- 308 Độc thoại với nhạc sư - **Ernest Hemingway** (Hà Yên dịch)

tư liệu

- 317 Xung quanh tiểu thuyết *Vào đời* của Hà Minh Tuấn - **Lại Nguyên Ân**

những người nổi tiếng thế giới

- 329 Công lý của bữa ăn sáng - **Yevgeny Yevtushenko** (Thạch Linh dịch)

ảnh tư liệu chân dung văn nghệ

- 357 **Dương Minh Long** thực hiện

Nếu lương tri của nhà văn không lên tiếng!

"Tôi luôn luôn bị ám ảnh bởi câu chuyện mà nhà văn Mỹ Toni Morrison đã kể trong diễn văn nhận giải Nobel Văn học của bà năm 1993. Trong diễn văn quan trọng này, bà kể về một nhà tiên tri mù. Một hôm, có những đứa trẻ cầm một con chim đến trước bà. Chúng nhìn bà với một đôi mắt vô cảm và đầy thách thức rồi cất tiếng: "Này bà tiên tri, bà là một mù già mù nhưng lại nhìn được tương lai. Vậy bà hãy nói cho chúng ta biết: con chim chúng ta đang cầm trong tay sống hay chết?".

Bà tiên tri mù đã không trả lời câu hỏi của bọn trẻ. Bà ngược đôi mắt mù nhìn về phía xa. Bà nhìn thấy tương lai của những đứa trẻ và nhìn thấy một phần tương lai của thế giới thông qua những đứa trẻ đó, một tương lai của nỗi sợ hãi và sự đe dọa. Lòng bà đau đớn vô cùng. Bà biết rõ rằng: nếu bà nói con chim trong tay những đứa trẻ còn sống thì ngay lập tức chúng sẽ bóp chết con chim có trái tim bé bỏng đang đập những nhịp đập sợ hãi trong tay chúng. Số phận con chim kia phụ thuộc vào tình yêu thương của đứa trẻ. Cũng như số phận thế gian này phụ thuộc vào chính lòng yêu thương của con người. Câu hỏi của những đứa trẻ đã sinh ra từ sự vô cảm và đầy thú tính. Câu hỏi xác xược và độc ác ấy của những đứa trẻ đã minh chứng một cách hãi hùng về một thế giới mà con người bắt đầu không dùng tình yêu thương để xây dựng nó mà dùng bạo lực để thống trị nó".

Đoạn trích trên là từ một bài tiểu luận tôi viết cách đây nhiều năm. Và giờ đây tôi muốn đưa lại đoạn văn này coi như mở đầu một cuộc trò chuyện với một người bạn về văn chương nhân một sự kiện quan trọng chuẩn bị diễn ra. Đó là **Hội nghị những người viết trẻ toàn quốc lần thứ 10**.

Mỗi một thể hệ nhà văn chỉ thực sự xuất hiện khi họ mang lại một vẻ đẹp mỹ học mới trong ngôn từ, trong hình ảnh, trong cấu trúc và trong tư tưởng cho tác phẩm của mình. Nếu mỗi thể hệ nhà văn không làm được những điều đó thì mọi trang viết của họ sẽ bị nhấn chìm. Họ sẽ bị cái bóng của những nhà văn đi trước cuốn vào và nghiền nát. Đối mới thi pháp là một vẻ đẹp. Nó giống vẻ đẹp của sự chuyển động của đám mây trên bầu trời, của nước trong dòng chảy con sông, sự mở cánh của bông hoa...

Sự sáng tạo không mang đến những vẻ đẹp mới là đồng nghĩa với sự tù đọng và kết thúc. Nhưng sự thay đổi bản chất của văn chương mới chính là cái chết thực sự của văn chương. Nếu văn chương không trở thành ngôi nhà che chở và an ủi những số phận khổ đau bất hạnh, nếu văn chương không bảo vệ công lý thì văn chương vô dụng; nếu văn chương không mang tới cho con người hy vọng và những giấc mơ làm người đẹp đẽ thì văn chương vô cảm. Sự vô cảm và vô dụng là kẻ thù nguy hiểm của văn chương và giết chết văn chương.

Những đứa trẻ với câu hỏi của chúng mà nhà văn Toni Morrison nói đến là sự cảnh báo cấp bách về tương lai của thế gian này. Chúng chắc chắn là những đứa trẻ thông minh, thành thạo trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội và tự tin một cách ngạo mạn, nhưng lương tri của chúng đã chết khi lòng chúng vang lên câu hỏi ấy. Khi lương tri đã chết thì không có bất cứ một vẻ đẹp nào trong đời sống con người được sinh ra mà ở đó ngập tràn sự ích kỷ, vô cảm, thù hận và sự nguyên rủa. Tình yêu thương con người là mảnh đất duy nhất để mọi sáng tạo nhân văn sinh ra.

Nếu văn chương sinh ra trong ích kỷ, trong vô cảm, trong thù hận và nguyên rủa thì nó trở thành một thứ tội ác. Thứ tội ác này nguy hiểm hơn ngàn lần tội ác diễn ra trong những ngôi nhà, trên mỗi đường phố và trong cả một cuộc chiến tranh, bởi nó mượn danh cái Đẹp để dẫn dắt con người đi theo con đường của bóng tối, bởi nó dẫn dụ con người vào thế giới tội ác với nhiều khoái cảm. Hiện thực đời sống thế gian và đặc biệt ngay cả trong những trang viết đâu đây cho thấy: một phần lương tri của con người đã chết.

Chưa bao giờ nhà văn có nhiều điều kiện, nhiều cơ hội và nhiều hiện thực cho sự sáng tạo và công bố tác phẩm như bây giờ. Nhưng tất cả những điều ấy đang đợi chờ lương tri của mỗi nhà văn khi cầm bút. Nếu lương tri của nhà văn không lên tiếng thì mọi ngôn từ sẽ tàn úa ngay khi được viết ra.

Hà Đông, 5-5-2022

NGUYỄN QUANG THIỀU

Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam

Giám đốc, Tổng biên tập Nhà xuất bản Hội Nhà văn



P h a n Đ ă n g



Cái chết của sự đối thoại

PHAN ĐĂNG

Đây là một buổi sáng lạ. Rất lạ! Trên facebook tôi (và có lẽ là cả nhiều người nữa) bỗng tràn ngập hình ảnh của những đứa trẻ. Buổi sáng hôm ấy dường như ông bố bà mẹ nào cũng muốn post một bức ảnh của con mình lên “phây”, như để tự trấn an hoặc tự khẳng định:

con mình đây! Nó vẫn đang hiện hữu! Bên ngoài thế giới “phây”, có lẽ ai cũng nhìn con mình nhiều hơn một chút, sâu hơn một chút.

Phú, một người em tâm giao: “Alo, có lẽ em cho cháu chuyển sang lớp toán 2 anh ạ; thôi, không ép nữa”.

Một câu chuyện làm thay đổi cách nhìn

Con trai Phú học trường chuyên. Vừa nhờ năng lực cậu bé vừa nhờ khả năng chạy vạy của Phú. Cậu học ở lớp toán 1 - lớp toán giỏi nhất, xịn nhất, oách nhất trường. Trong nhiều cuộc chuyện trò, ngay cả khi mấy anh em bàn về những vấn đề vĩ mô như chiến tranh Nga - Ukraine, biến động của thị trường chứng khoán hay gì gì đi nữa thì cuối cùng Phú đều lái câu chuyện về việc học hành của con cái. Và lúc đó, dù rất kín đáo, Phú cũng không che giấu được niềm tự hào con mình học lớp toán 1 trường chuyên. Mà có gì phải che giấu. Thành tích của con cái là niềm tự hào của cha mẹ. Nó là một nét tâm lý ăn sâu bắt rễ vào trong tiềm thức của một dân tộc suốt nhiều trăm năm luôn lấy “vinh quy bái tổ” là cánh cửa duy nhất để đổi đời (vì cũng chẳng còn cánh cửa nào khác).

Vỡ ra từ truyền thống ấy, chẳng riêng gì Phú, phần lớn những ông bố bà mẹ chúng ta đều như vậy cả. Nếu tôi là Phú, có lẽ tôi cũng vậy.

Vấn đề nằm ở chỗ: con trai Phú có thật sự phù hợp với guồng máy học hành của lớp toán 1 không? Vợ Phú nói với tôi: “Nhìn nó học mà thấy tội. Nó đuối hơn các bạn, nên phải học thêm cùng lúc 2 thầy”. Vợ Phú phản đối quyết

liệt. Hai vợ chồng cãi nhau hết lần này đến lần khác. Nhưng cuối cùng mọi chuyện vẫn phải theo ý Phú. Thành bé cũng ngoan, để bảo, có tinh thần cầu tiến. Bố bảo làm gì cũng làm theo răm rắp. “Nhìn ngoài vậy thôi, em sợ những áp lực tích tụ dần bên trong nó. Rồi một ngày, nó sẽ không thể chịu nổi những đòi hỏi của anh ấy. Mọi thứ vỡ ra...” - vợ Phú vừa alo cho tôi vừa khóc. Cô nhờ tôi tác động lên Phú để làm cái việc mà theo lời cô là “cứu thằng bé trước khi quá muộn”. Tôi đã nói chuyện với Phú, cậu gật gù, nhưng mọi chuyện vẫn không thay đổi. Thật ra tôi biết, một người như Phú không dễ gì thay đổi.

Vậy thì tại sao cậu lại bất thành linh thay đổi?

Mà tôi nghĩ, chẳng riêng gì cậu, trong cái buổi sáng kỳ lạ ấy, có lẽ rất nhiều ông bố/bà mẹ cũng quyết định thay đổi y như Phú. Tại sao? Tại vì đây là buổi sáng đầu tiên sau câu chuyện chấn động diễn ra vào đêm hôm trước: một cậu bé trường chuyên tự tử, để lại một lá thư than vãn về áp lực học hành.

Hai khía cạnh cực đoan

Câu chuyện ấy quả thật đã tác động ghê gớm tới cảm xúc của tất cả mọi người. Bàng hoàng. Xót xa. Phẫn nộ. Trên mạng xã hội, dường như ai cũng muốn viết, muốn nói, muốn trút ra những cảm xúc xối xả trong mình. Và trong cơn lên đồng cuốn cuộn của cảm xúc, cộng đồng mạng lập tức làm cái việc mà họ vẫn làm mỗi khi có những sự cố tương tự: chửi bới, chỉ trích, thoải mại. Đầu tiên họ chỉ trích ngành giáo dục, đây bao giờ cũng là đối tượng dễ chỉ trích nhất, bởi ở đâu, xã hội nào cũng vậy thôi: trăm đầu đổ đầu... giáo dục! Họ bảo phải học khác đi, phải dạy khác đi, thậm chí phải xoá sổ những mô hình trường chuyên lớp chọn mà theo họ chính là những con đường khiến những đứa trẻ phải chịu áp lực nghiệt ngã.

Tiếp nữa, họ chỉ trích phụ huynh cậu bé, người mà theo họ là đã ép con mình học tới mức chỉ có thể giải toả áp lực bằng cái chết. Thật xót xa cho các vị phụ huynh này. Sự ra đi đột ngột của đứa con đã tạo ra nhiều đau đớn lắm rồi, giờ lại trở thành “nơi xả đạn” cho hàng loạt những người chỉ quen hành xử bằng cảm xúc. Đây là những người luôn nhân danh lòng tốt, chân lý, sự cao cả để nhìn nhận/phán xét/chửi rủa mà thực ra chỉ để thoải mãn những đòi hỏi cảm xúc cá nhân. Họ không bao giờ nghĩ đến những hậu quả thảm khốc mà cơn lên đồng cảm xúc của mình có thể gây ra cho người khác.

Là một người quan sát, khi chứng kiến câu chuyện tôi không vội chỉ trích ngành giáo dục, vì tôi chưa có đủ những nghiên cứu lý tính về nó. Tôi cũng không vội chỉ trích phụ huynh cậu bé, vì đơn giản tôi là một người ngoài cuộc, không có đủ thông tin để hiểu cặn kẽ mọi ngõ ngách bên trong. Điều lớn nhất tôi nghĩ đến lúc đó chính là câu chuyện về SỰ ĐỐI THOẠI của các cá thể trong một guồng máy: Sự đối thoại giữa phụ huynh và nhà trường - Sự đối thoại giữa bố mẹ và con cái - sự đối thoại của con cái với chính mình. Bạn thử

nhớ lại xem, ở độ tuổi còn trên ghế nhà trường, những cuộc đối thoại bên trong bạn đã diễn ra như thế nào? Và chính những cuộc đối thoại bên trong đã tác động tới các hành xử của bạn ra sao?

Sau một vụ tự tử, người ta đòi giải tán một lớp chuyên, một trường chuyên ư? Tại sao phải thế nếu vẫn có một bộ phận học sinh nào đó thực sự phù hợp với mô hình giáo dục này? Vấn đề không phải là giải tán một lớp chuyên, một trường chuyên, mà là: phải có những kiểm tìm - đối thoại để luôn chọn ra được từng đối tượng giáo dục thực sự tương thích với từng mô hình giáo dục.

Sau một vụ tự tử, người ta đòi hỏi phải tuyệt đối nghe theo cảm xúc, chiều theo suy nghĩ và ủng hộ mọi hành động/quyết định của những đứa trẻ ư? Tại sao phải thế khi vai trò dẫn dắt, định hướng của gia đình - nhà trường tới quá trình hình thành nhân cách con người là điều ai cũng thấy (nhưng riêng lúc này, trong cơn “lên đồng cảm xúc” thì nhiều người không thấy hoặc cố tình không thấy). Vấn đề nằm ở chỗ cả hai phía, đặc biệt là phía những người làm cha làm mẹ phải tìm ra những kênh hữu ích nhất để có thể lắng nghe, đối thoại với nhau.

Phú, nhân vật tôi kể ở đầu bài viết đã không đối thoại với con, mà chỉ áp đặt con. Vợ Phú đã không đối thoại (hoặc không thể đối thoại) với chồng mà chỉ tranh cãi với chồng. Cậu con trai cũng không được gọi mở năng lực đối thoại với bố mẹ, mà chỉ miệt mài, cần mẫn đi theo những gì bố mình vẽ ra. Điều ấy thực sự đáng sợ, bởi nó chứng tỏ chúng ta đang ở ngay cạnh nhau, ở rất gần nhau, và cứ nghĩ là mình hiểu nhất nhưng thực sự chúng ta chẳng hiểu gì về nhau cả.

Những rào cản đáng sợ

Khác biệt về giới tính, khác biệt về quan điểm, khác biệt về thế hệ là những rào cản muôn thuở ngăn chặn cơ chế đối thoại, đặc biệt là trong mối quan hệ giữa bố mẹ và con cái. Nhưng với riêng thời đại hôm nay, dường như lại có thêm một rào cản mới, khốc liệt hơn, đó chính là rào cản công nghệ. Hãy thử tưởng tượng xem, làm sao bố mẹ và con cái có thể đối thoại trong bữa cơm tối khi bố có Iphone của bố, mẹ có Iphone của mẹ, con có Iphone của con, và mỗi người trong bữa ăn đều có thể vừa ăn vừa đắm đuối truy tìm/kích hoạt/vùng vẫy/thoả mãn trong một thế giới riêng của mình, trùng khít với “con người tinh thần” mà mình trông đợi.

Mà nói về “con người tinh thần”, có một số liệu thế này: khoảng 29% trẻ em Việt Nam trong độ tuổi vị thành niên mắc các bệnh về sức khoẻ tinh thần (theo Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc). Lại có một số liệu nữa: khoảng 30% dân số Việt Nam bị rối loạn tâm thần (theo Viện Sức khoẻ Tâm thần Trung ương). Điều này có nghĩa là trong một guồng quay mà từ người lớn đến trẻ nhỏ đều có (hoặc có nguy cơ) gặp những vấn đề rất lớn về tinh thần thì sự đối thoại đa chiều giữa người lớn với trẻ nhỏ lại càng khó khăn hơn.

Vợ Phú mừng hóm khi nghe Phú thông báo sẽ chuyển cậu con trai từ lớp toán 1 xuống lớp toán 2. Bản thân Phú cũng tự hài lòng với “một quyết định kịp thời” theo cách nói của cậu, vì không lâu sau đó cậu lại hay tin có thêm những đứa trẻ tự tử vì áp lực học hành. Phú bảo, có thể những đứa trẻ ấy quả nhiên bị áp lực đè nặng, nhưng cũng có thể chúng chỉ hơi khó khăn một chút, hơi không vừa lòng với bố mẹ một chút là đã lập tức quyên sinh. Bởi với làn sóng chỉ trích nhà trường/chỉ trích phụ huynh tràn ngập dư luận thì không loại trừ khả năng chúng sẽ học nhau, đua nhau, coi hành động quyên sinh là cách hữu hiệu nhất để tra tấn phần đời còn lại của bố mẹ mình. Phú sợ cậu con trai ngoan ngoãn bị kích thích bởi làn sóng này và trong một khoảnh khắc bốc đồng nào đó lại làm điều dại dột. “Thôi, phải cẩn thận, ngăn chặn từ xa anh ạ” - Phú nói.

Ở đây, rõ ràng Phú chỉ thay đổi sau khi chứng kiến những vụ tự tử đau lòng và sợ hãi nghĩ tới viễn cảnh nó có thể xảy ra với chính cậu con duy nhất của mình. Điều quan trọng nhất có vẻ Phú vẫn chưa làm được: đối thoại với con. Nếu chỉ từ những tác động bên ngoài mà quyết định thay đổi phương thức học hành của con thì Phú thực sự đã hiểu con mình chưa? Và lần này, nếu con trai Phú vẫn tiếp tục răm rắp nghe theo những thay đổi của bố, mà không lần tẩn/không suy nghĩ thì thực sự cậu đã được khơi gợi năng lực đối thoại tới thiếu để sống trong cuộc đời này chưa?

Vĩ thanh

Năm 1935 ở Hà Nội từng xuất hiện một cái mùa có một không hai trong lịch sử, đó là “mùa tự tử” (theo cách gọi của báo *Đàn bà mới*, số ra ngày 12-8-1935). Từ năm 1931 đến 1942, ở Việt Nam nói chung đã xảy ra rất nhiều vụ tự tử, năm cao nhất có đến 526 vụ, trong đó chủ yếu là những cô gái mới lớn (Theo *La société Vietnamiennne à la modernité*). Họ thi nhau chết, đua nhau chết, coi cái chết là cửa thoát duy nhất cho bị kịch đời mình. Lý do là họ chịu ảnh hưởng bởi quyền tự do hôn nhân phương Tây, và vì thế đã không thể đối thoại với những ông bố bà mẹ chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi những quy ước hôn nhân Nho giáo.

Gần 100 năm sau, dù không khốc liệt và rùng mình đến thế, nhưng chúng ta vẫn phải đau xót chứng kiến những vụ tự tử lẻ tẻ (đang có chiều hướng gia tăng) của những thanh thiếu niên chịu áp lực học hành. Cầu mong đây chỉ là những sự vụ đơn lẻ, và sẽ được ngăn chặn kịp thời, chứ không trở thành một làn sóng đau lòng như câu chuyện những cô gái thi nhau chết ngày xưa.

Muốn vậy, bố mẹ và con cái phải kiến tạo những kênh đối thoại thực chất, thay vì phía nọ áp đặt cuộc sống của mình lên phía kia, hoặc trên cái nền của một sự kết nối giả tạo, mỗi phía lại chìm vào một thế giới riêng của mình.

Muốn vậy, ngay tối nay hãy thử làm một điều đơn giản nhất: tắt máy, vứt tất cả các loại điện thoại khỏi mâm cơm gia đình!



VĂN XUÔI

Nguyễn Hiệp
Phạm Thị Phong Lan
Võ Đăng Khoa
Nguyễn Lê Văn Khánh
Lương Khả Tú
Lưu Sơn Minh
Nguyễn Chí Hoan
Hoàng Phong Tuấn
Phạm Giai Quỳnh
Phùng Thị Hương Ly
Hong Cư
Yên Trang
Dart Giang
Châu Hải Đường
Phạm Minh Quân



Chinh lửa lấy hương

Truyện ngắn của NGUYỄN HIỆP

- Sầu à, không duyên không nghiệp thì đừng!

Bà Khương chỉ nói với Sầu một câu như vậy rồi đến bếp nhóm lửa sao trà. Cả ba năm làm người chuyển trà cho bà Khương, giờ Sầu mới dám mon men bày tỏ ý định học nghề. Nghe vậy Sầu ngẩn người. Bà Khương sao trà bằng tay, vừa đảo trà bà vừa liến tay chinh lửa, mỗi lúc sau, hương trà bay lên ngào ngạt, với khuôn mặt đỏ bừng vì lửa, bà mới quay lại nói khẽ: “Mai, đi hồ sen một chuyến xem thử có duyên nghiệp gì không!”

Lớp váng xanh bất động chia hai xứ sở của sen. Sự im lặng của hồ sen rất đáng sợ, làm cho những người như Sầu hoàn toàn không nghĩ gì đến những tầng bùn sinh bên dưới lớp váng ma mị kia. Tất cả sắc hồng, sắc xanh, hương thơm ngan ngát tràn phủ lên phía trên, nó hướng cảm giác, nó hướng hồn vía, nó hướng con người đến với sự trinh khiết, thơm tho. Và khi đã ngập ngụa sinh lấy ngay bên dưới những cánh hoa, Sầu sững sờ ngửi thấy mùi hôi thối nồng nặc, Sầu bàng hoàng ngợp ngụa vùng vẫy trong ranh giới sống chết, trong những bắn loạn, thẳng thốt trước cánh cửa hồi sinh. Sầu đã mất thăng bằng rơi xuống hồ khi với một đóa sen có buộc dây nơ màu tím của bà Khương; đóa sen đông đưa, nghiêng ngả khi Sầu chống chiếc thuyền lá đến gần, càng với nó càng xa ra.

Sầu càng với đóa sen càng xa ra. Nó bị chiếc thuyền lá và lớp bùn lấy đẩy từ bên dưới. Chỉ những người sống gần với sen mới hiểu sen rất khó diệt tận

gốc bởi sự quện quện, đan bện chẳng chặt gốc rễ tận đáy bùn sâu; bùn là một phần của sen và ngược lại. Đóa sen bị đẩy ra xa bởi dòng tộc rễ thân bùn lấy trầm tích lớp lớp dưới tầng sâu của mình.

Cả người Sứu rơi ngập trong sinh và nước đục, sinh chui vào cả mũi cả miệng. Sứu quỳnh quít đập tay loạn xạ, càng đập sinh càng rút Sứu xuống sâu hơn. Sứu hụt hơi, ngộp thở, bấn loạn, may sao lúc ấy hai bàn tay quơ quào được mấy cuống sen ram ráp gai. Sứu dồn về một tay rồi quơ rộng ra, gom được một nùi cuống sen, nường vào điểm tựa không lấy gì làm chắc chắn ấy nhưng cũng đủ để Sứu từ từ, khéo léo mà ngoi lên. Hụt hơi ngoi lên. Bàn năng sinh tồn đã giúp Sứu ngoi lên bằng mọi giá. Khi đã phì phò thở được trở lại Sứu mới hoàn hồn, thoát cơn bàng hoàng như người từ cõi chết vừa trở về.

Bà Khương dồn hết sức lực nắm hai bàn tay đẩy sinh lấy kéo Sứu lên, hai cơ thể ập vào khiến cả hai lẫn đề lên nhau, chiếc thuyền lá chèo chành một lúc rồi cũng yên. Tiếng xào xạc của lá sen, tiếng thở phì phò của Sứu và sự va chạm vừa rồi khiến bà Khương đưa mắt ra xa mơ màng.

Nét cay đắng trên khuôn mặt, trong ánh mắt là nét đẹp nghiêm trang nhất của con người. Khi mới gặp bà Khương lần đầu là Sứu nghĩ ngay như vậy. Bà Khương làm nghề ướp trà sen hơn hai mươi năm nay, cuộc đời có thể nói là đã gắn với sen, với hương sen, với cánh sen, như ai đó đã nói “Ăn sen, ngủ sen”. Sen tinh khiết thơm tho, an yên vậy mà sao nhìn bà là thấy hai chữ “cay đắng”. Gây guộc cay đắng. Xanh xao cay đắng. Tia nhìn buồn trĩu cay đắng. Nhưng với Sứu, bà Khương rất quyến rũ, quyến rũ lạ lùng, một khuôn mặt ẩn chứa hơn là trưng diễn ra bên ngoài, sự quyến rũ của cay đắng thanh tao, không nói thành lời.

Sứu mê nghề ướp trà sen này lắm; anh nghĩ đó là một nghề tinh tế nhất trong các nghề tinh tế mà anh không thể nào học được. Thời gian đầu, Sứu còn chưa biết “một tôm một lá”, “chinh lửa lấy hương” là gì. Dần dà thì mấy cụm từ nghề nghiệp ấy cũng vào được trong đầu, Sứu hiểu đó là việc hái trà và sao trà rất công phu, nghiêm ngặt và tinh tế. Cảm tình với nghề! Cảm tình với người! Sứu muốn vươn lên thoát khỏi công việc thuần là người giao hàng. Càng nghĩ vậy anh càng khát khao được học; không ai khác ngoài bà Khương có thể dạy cho anh, nhưng Sứu chưa dám ngỏ lời lần nữa.

Sứu thường đi lấy trà sen mang đến tận nhà cho khách khắp khu phố cổ này nên trở thành mối ruột của bà Khương từ lâu. Nhà bà ở sâu trong lối, tức ngách phụ, từ đường lớn vào ngõ, gần cuối ngõ thì quẹo ngách, gần cuối ngách thì quẹo sang lối. Nhiều hôm Sứu đi vào tới đường ngách ngoằn ngoèo, tối tăm ấy rồi đành phải dắt xe lùi lại vì gặp xe máy ngược chiều. Nhiều hôm trời mưa thấy ánh đèn ngược chiều là muốn khóc. Mình mấy ướn như chuột lột,

tay chân lạnh run không muốn nhúc nhích mà phải dắt xe lùi ra tận chỗ rẽ thì đúng là khóc được thật. “Ngõ với ngách gì không quá một sai tay!”; Sầu thường thốt lên kèm tiếng thở dài thườn thượt.

Ngôi nhà ống của bà Khương hai tầng, trên là nơi sinh hoạt ngủ nghỉ chính của gia đình, dưới là nơi ướp trà. Ngoài bộ bàn ghế tre, nơi ngồi giao trà sen cho khách, còn có một tủ lạnh lớn giữ trà, hai hàng thau gang có nắp để ủ trà, một cái bếp cùng nồi sao trà và chiếc xe đạp dùng để chở hoa sen của bà Khương từ hồ về. Các vật dụng này cùng các bao hoa sen chiếm xít chỗ trong nhà làm cho lối đi đến cầu thang rất hẹp, có lúc nhiều sen quá phải nhón chân mới đi được.

Nhiều sen là do dạo này bà Khương thêm mặt hàng ướp trà trực tiếp vào bông sen tươi. Cách ướp cũ vẫn duy trì nhưng chỉ ướp lượng vừa đủ cho khách hàng quen. Cực. Cách lấy gạo sen riêng ra ủ chung với trà rồi sàng lọc trở lại cực quá. Trà thì vẫn lấy từ nguồn Hà Giang vào mùa đông về cất, chỉ mùa đông lá trà mới đậm nước, nõn tôm bóng mượt, chịu khó đồ và sao lại xong ủ trong chung đất thì vẫn ổn nhưng ướp ủ thì cầu kỳ, công phu mà lại lâu. Cách đồ trà thẳng vào búp sen hàm tiểu, buộc lại cất vào tủ lạnh qua đêm nhanh hơn, kinh tế hơn mà khách bây giờ cũng thích.

Trên bộ bàn ghế tre luôn có một bộ bình tách Tây Thi đồ gạch, theo bà Khương, khi còn sống ông nhà thường dùng và cũng là để thử trà. Giờ, mỗi lần đến chờ lấy hàng, Sầu luôn ngồi cốt với bộ bình trà này. Nhà Sầu tận ngoại ô, vùng tỉnh lẻ quê mùa mới được sáp nhập với Thủ đô trong thời gian gần đây, nhưng đều đặn cứ sáng sớm là Sầu đã có mặt bên bộ bàn trà này. Bao giờ bà Khương cũng dành sẵn cho Sầu một bông sen đầy trà đã ướp bên trong và một phích nước nóng. Sầu dựng xe, ngồi xuống chiếc ghế tre là tự mở dây, đổ trà ra bình và chế một bình trà ngan ngát hương sen. Sầu chế trà vào cái cốc nhỏ đồ quạch lót men lam bên trong. Khi chờ bà Khương gói hàng, Sầu đã kịp thưởng thức tới bình trà thứ hai. Lâu ngày chày tháng Sầu sinh nghiện, làm như cái bộ bình Tây Thi có cái nắp vồng lên như vú trinh nữ ấy là của riêng mình. Mà đâu chỉ bộ bình trà, đâu chỉ hương sen, Sầu còn nghiện nhiều thứ khác trong ngôi nhà ống này. Có đêm trăng thanh, tự đứng Sầu nghe mùi hương hoa sen thoang thoảng quanh mình. Hít hít mấy lần, đúng là hương sen thật, nhìn quanh lại lại chẳng có một mụn sen nào. Chỉ một thoáng ngạc nhiên thôi là Sầu đã đỡ đần, vào nhà dắt chiếc xe hai bánh cà tàng của mình lên đường, cũng chẳng biết chạy đi đâu. Chạy mãi, chạy mãi từ đêm trăng thanh đến đêm đèn điện phố xá phồn hoa. Chạy mãi, chạy mãi, chạy xuyên qua cả rừng người nhộn nhạo. Mãi đến khi vào ngõ, vào ngách, vào lối, Sầu mới biết mình đang dừng xe trước cửa nhà bà Khương. Chỉ đến, đứng thần thờ ngó lên ô cửa sổ sáng đèn, khi gần sáng thì quay về, tóc tai mắt mũi phờ phạc như người mất hồn.

Nhiều lần Sầu đến sớm quá, bà Khương còn ngái ngủ bước ra mở cửa

với bộ đồ ngủ mỏng dính trên người. Lần đầu, Sửu ngại ngần đưa ánh nhìn đi chỗ khác nhưng đến vài lần sau thì con mắt cũng dần dần, nó dừng ở nơi không được nhìn ấy thật lâu, trong khi bà chủ đang tập trung gói gói ghém ghém.

S Sửu tuổi Quý Sửu, nhỏ hơn bà Khương đến sáu tuổi. Chiều hôm trước, chống thuyền ra hồ, lựa những đóa sen hàm tiếu, bà Khương cứ nhắc chừng Sửu phải chọn đầu búp sen còn nhọn và các cánh sen phải đạt đến độ trưởng thành. Sự chọn lựa đó thật khó khăn với người chưa lành nghề như Sửu. Bà Khương mới nhận dạy nghề cho Sửu trong thời gian gần đây. Vẫn biết chọn búp sao cho khoảng sáng hôm sau thì bung nở, như vậy những hạt gạo sen bên trong mới bắt đầu tỏa hương, hương sen mới thật sự ngào ngạt ướp trọn vào trà nhưng quả là rất khó; các ranh giới trưởng thành trên búp sen thật khó nhận ra. Thấy mặt Sửu đờ đẫn ra rất ngố, bà Khương đưa tay che miệng cười tủm tỉm. Thấy vậy, Sửu càng ngạc nhiên không hiểu tại sao bà Khương lại cười. Bà Khương dường như chịu không nổi nữa nên bung cười to; bà gập người lại mà cười, ngửa cổ lên trời mà cười, gặc người liên tục qua hai bên mà cười. Thót bụng mà cười. Bóp thật mạnh vào xương hàm mà cười. Nhắm tít mắt lại mà cười. Mở mắt ra nhìn Sửu mà cười. Bà cười mà nước mắt rùng rùng, nước mũi lòng thông xuống môi, xuống miệng. Cười lộn ruột. Cười thất tim. Cười làm chao thuyền. Cười không dừng được. Tiếng cười cứ từ đâu đó tuôn ra cổ họng, tuôn ra miệng rồi tràn lênh lang như một thứ sóng sáng gợn gợn trên mặt hồ sen. Bà Khương cả cười làm thuyền lao vào vùng sen rậm rịt. Sửu lây cười cũng bung cười theo, càng không biết mình cười gì thì anh càng cười tợn hơn. Hai cơ thể con người ta hết gác bên này lại nghiêng bên kia, hết nhào tới trước lại ngã phía sau, những gai sen hai bên thuyền quơ cào hết vào mặt vào tay. Một con điên cười lây đều ra hai người, một người biết mình cười gì, còn người kia chỉ biết cười là cười, thế thôi. Kiểu cười vô thức đó một khi đã trào lên thì giần giật, là khằng khặc, là ha ha liên hồi, đợt này nối đợt kia, cứ như sóng, như gió khởi đầu khe khẽ mong manh, sau thì dâng trào, cuộn cuộn. Tiếng cười vô thức đã lôi cả cơ thể to tè của Sửu trượt ra khỏi thuyền mà rơi xuống sinh lầy. Bà Khương trượt xuống theo khi chiếc thuyền bị lật úp chập. Cơ thể nóng ran của bà Khương nằm trọn trong vòng tay của Sửu; anh ôm chầm một cách tự nhiên. Sau một hồi giây giụa, cả hai đột ngột dừng lại, tiếng cười cũng bật tự lúc nào. Mở mắt nhìn cả hai đều ngạc nhiên thấy môi họ quá gần nhau, họ nghe hơi thở của nhau phả vào da thịt mặt mình. Sửu không cưỡng được rụt rè chạm môi nhưng nhanh chóng dừng lại. Bà Khương bị một sức hút kì lạ điều khiển nên nhắm mắt đưa môi ập vào Sửu. Cơn mê xác thịt khiến cơ thể bà Khương nóng ran, nhũn mềm ra trên tay Sửu. Họ đi



H/A
4/202

vào nhau trong sự cuồng nhiệt lạ lùng, tựa vào chiếc thuyền úp, Sửu đi vào cơ thể bà Khương với cả thoi than hùng hực và cả bùn sinh dính bết chung quanh. Bao nhiêu sức trẻ trai thanh tân dòn ra bằng hết. Bao nhiêu sự mặn mà, nồng đượm, lồi đời của góa phụ tuôn ra bằng hết. Ôm siết! Quấn quện! Thúc đập! Bắn tủa! Bà Khương ngửa cổ ra phía sau rên lên từng hồi dài. Sửu nhắm mắt hú hét liên hồi. Sửu chọt như lên cơn động kinh, miệng lảm nhảm những lời tục tũn, cơ thể co giật, co giật liên hồi, những cú thúc người càng lúc càng nhanh mạnh hơn. Bà Khương uốn cong người vắt ngang trên đáy thuyền. Một cú co giật thật mạnh, bao nhiêu tinh lực trong người bắn tuôn ra đổ tràn trên bụng bà Khương. Cả hai mẫn nguyện áp vào nhau mặc kệ những nhơm nhớp tinh dịch trộn lẫn bùn lầy dưới bụng.

Một lúc sau, hai cơ thể mới tách rời nhau được. Sửu lật thuyền lại và đỡ bà Khương lên. Khi đã nằm cạnh nhau trên thuyền, lớp sinh lầy trên người đã róc nước, đổi màu, Sửu mới thẽ thọt:

- Lúc nãy sao em cười?
- Nhìn anh mắc cười quá!
- Thì anh học nghề, chưa rành phải lúng túng thế thôi.

Bà Khương dùng một ngón tay gí yêu vào trán Sửu, đưa mắt vòng quanh một lúc mới chậm rãi nói:

- Gã nhà quê gốc gác à, giờ mình là một rồi, em nói nha! Em lừa anh đó. Cái khó nhất của thuật giả sen là chính người làm cũng tin đó là thật. Anh tin và làm theo như vừa rồi cũng tốt, nhưng thời này, nhất nhất vậy có mà dối. Giả như thật. Thật như giả. Trong giả có thật. Trong thật có giả.

- Là sao? Anh chưa hiểu?

- Là độn thật giả lẫn lộn. Chỉ một số ít thật làm màu thôi, đa phần còn lại... sen nào chẳng là sen, anh cứ lấy hết, có xác sen là có tiền.

- ...

- Thời buổi này, có mấy người thực sự biết thưởng trà sen. Phú quý sinh lễ nghĩa ấy mà, học làm sang là nhiều thôi. Anh ở quê ra phố chưa biết hết đó thôi. Có, có người khảnh, người sành chứ không phải là không có, nhưng ít thôi, người làm trà sen phải thuộc hết những khách hàng khó tính ấy, những người biết thưởng sen thật sự, hầu hết họ là những người hiểu sâu biết rộng, tâm hồn họ nhạy cảm thì nhu cầu thưởng thức của họ cũng nhạy lắm. Với họ không thể khác được, phải trà sen thật, phải sen thật...

- Hiểu rồi!

- Hiểu gì?

- Khách hàng biết thưởng thì trà sen thật, chỉ số người trên cao thôi, số còn lại giả giả, phiên phiên...

- Chưa đúng! Mới đầu thì vậy nhưng sau khi họ đã nghiện sen rồi, nếu cần có thể giả hoàn toàn, vì người nghiện sen thật tới lúc cũng mất khả năng ấy đi, họ tự nhìn vào thị hiếu đám đông để biết thị hiếu của mình, không có sen

người ta vẫn tin là có sen, hiểu không? Vì sao? Vì đám đồng tin là sen thật. Sen giả, trà sen giả vẫn là thật tất tần tật... Nhưng phải làm sao cho chính anh và chính những người đó cũng phải tin tất tần tật là thật, đã sen là phải thật, trà sen là trà sen thật nhưng tin và làm khác nhau. Tin và làm là hai chuyện hoàn toàn khác nhau, anh hiểu chưa già nhà quê?! Phải biết chinh lừa lấy hương, lúc nào nên thế nào. Chỉ khi cảm xúc trở thành trí tuệ thì anh mới trở thành người ướp trà sen lão luyện. Em nói điều này anh phải ghi nhớ: thuật giả sen đỉnh cao là người làm giả cũng tin đó là thật.

Mặt Sửu lại đỡ dần ra lần nữa. Sửu bàng hoàng. Tất cả những gì mình nghĩ và cứ tưởng mình đã biết về bà Khương trước đây giờ hóa ra chưa biết gì. Nét cay đắng trên khuôn mặt, trong ánh mắt là nét đẹp nghiêm trang nhất của con người, Sửu từng nghĩ vậy, giờ thì chưa hẳn vậy. Anh cảm thấy một nỗi sợ hãi dâng ngập trong lòng, sự im lặng của hồ sen rất đáng sợ, nhưng dường như anh không có chọn lựa nào khác là phải dính cặp với bà Khương.

Nếu giả mà không xấu thì trên đời này chẳng có gì xấu cả... Sửu ngao ngán thở một hơi dài, hai mắt lim dim, lắng nghe tiếng bùn sinh đang lao xao xung quanh.

Khi Sửu tỉnh người quay lại thì thuyền trống rỗng, hồ sen im bất trong chạng vạng tối. Bà Khương đã biến mất. Không một chút dấu vết bùn sinh nào trên thuyền. Sửu dụi mắt; giấc mơ thật sao, mà mơ sao lại có những câu nói Sửu chưa từng nghe qua như vậy! Sửu bàng hoàng một lúc lâu rồi lại thả phịch người xuống sàn thuyền, lim dim mắt lắng nghe một giọng nói bất tận đang phát ra từ bên trong mình: thuật giả sen đỉnh cao là người-làm-giả-cũng-tin-đó-là-thật..., đó-là-thật..., đó-là-thật... .

Mối tình đầu

Truyện ngắn của PHẠM THỊ PHONG LAN

... Bắt đầu từ một câu đùa. Lúc đó em đang chùi chiết: “Cậu chưa yêu bao giờ làm sao biết cách mà yêu tôi!” khiến thằng bạn cùng lớp ó người, mặt đỏ dừ. Sâm quay lại từ hàng ghế trên: “Vậy thì Nhung yêu anh đi, anh đã từng yêu, bây giờ vẫn đang yêu đây này”. Sau buổi giao lưu sinh viên toàn khoa đó, Sâm chia tay với người kia thật, không phải tại em, chắc chắn thế. Sâm đau đớn một cách hào sảng, chỉ vào ngực (trái) của mình bảo: “Tình yêu phải được đáp đền bằng chính sự chân thật ở đây này”. Nghĩa là Sâm không chấp nhận mấy may gian dối nào trong tình cảm, huống hồ người ấy lại kịp thiết lập hẳn một mối tình lấp chỗ trống trong thời gian Sâm ở nhà ôn thi đại học lần hai. Chính vì thế em mới yên tâm mà bước vào mối tình đầu. Em yêu Sâm trong nỗi ngờ vực chính mình. Liệu có phải người đàn ông đầy mê dụ như khu rừng nguyên sinh hay bí ẩn như đại dương mênh mông mà mình hằng tưởng tượng và mong chờ đây không?

Sâm đưa em về quê. Ngồi vẹo sườn trên gióng ngang chiếc xe “cuốc” Tiệp khoảng hai tiếng thì tới nhà. Hai cẳng chân tê cứng phản chủ khiến em lăn ục ra đất. Con em út có vẻ hài lòng khi thấy chú chó già không găm gừ cảnh giác với em: “Bọn chó nhạy cảm lắm chị ạ, đến nhà không hợp mặt chó là không sống được với người đâu. Bà em bảo thế.” Qua một bữa cơm mẹ Sâm mê em ngay, vì em biết đun bằng bếp rạ mà thức ăn không hề bị oi khói. Sâm dẫn em ra giữa cánh đồng, say sưa hồi tưởng những ngày thơ ấu chân trần lội ruộng, rồi thiết tha: “Sau này em sẽ về nằm yên nghỉ ở cánh đồng quê anh, mãi mãi.” Em thót tim. Tuổi hai mươi chưa hiểu hết được ý nghĩa sâu xa của niềm mong ước bên nhau trọn đời theo kiểu đó.

Tình yêu lên hai, Sâm bước vào năm cuối đời sinh viên. Em cũng năm thứ ba. Sâm sẽ ra trường, đi làm ở một tờ báo nào đó, nhỏ thôi cũng được nhưng có thu nhập ổn định. Bao nhiêu người cũng đang chạy đua về cái đích ổn định đó thôi. Mong ước thế, nên em cũng chẳng tiếc sức mình ngồi thâu đêm tìm kiếm tư liệu cho những bài viết đầu đời của Sâm. Bản thảo phải viết tay, có lúc lười, Sâm để em làm luôn việc sửa chữa và chép lại sạch sẽ rồi gửi đi. Bài in ra, hai đứa vui như trẻ con được quà tết. Vài lần như thế, em nhận ra những vết lõm chỗ kiến thức mà nếu không kịp thời bổ sung, Sâm sẽ không thể trụ vững với cái nghề khắc nghiệt này. Em đôn đáo tìm tất cả những gì được coi là công cụ nghề nghiệp. Không khác gì một bà mẹ hiểm hoi trang bị kỹ năng sống cho đứa con cầu tự trước nghi lễ trưởng thành. Em cũng đủ tinh tế để giấu đi sự mệt mỏi của mình, tự vỗ về rằng đại ngàn nào chả bắt đầu từ những mầm xanh non bé nhỏ, rằng nếu đừng quá khát khao vươn ra biển lớn thì dòng sông quê cũng đủ cho cả một đời vùng vẫy.

Giáng sinh. Sâm đón em ở cổng trường. Chiếc Win Tầu hầm hốc còn nguyên vết bùn sau chặng đường xa và mưa lạnh. Em líu lo: “Anh về đúng lúc quá. Em có một vài tội lỗi... Nếu không sám hối em chết mất”. Sâm ngỡ ngàng: “Sao trùng hợp thế? Anh cũng đang cần thú nhận một chuyện”. Em để Sâm nói trước. “Cô bé ấy rất cần anh, cả trong công việc và tình cảm. Em là người bản lĩnh còn Thanh lại ngờ nghệch yếu đuối vô cùng. Trước cô ấy, anh mới thấy mình thực sự đàn ông...” Ngày Sâm quyết định đầu quân cho một tờ báo tỉnh xa em đã mang cảm giác của một người mất trắng, nhưng không hình dung nổi lại trở trêu đến thế. Giành lại người đàn ông này là điều hoàn toàn nằm trong khả năng nhưng em lại chỉ cười nhạt, lắc đầu bỏ đi.

Khuyên chủ động đến tìm em, không phải để đồng điệu hay hả hê. Hai đứa im lặng trong góc quán đã từng lần lượt ngồi với Sâm. Ngồi gần nhau em nhận thấy bàn tay Khuyên mỏng và trắng xanh, giọng nói lúc nào cũng như sắp khóc. Yếu ớt và nhẹ dạ như Khuyên còn không níu giữ được anh, nữa là em.

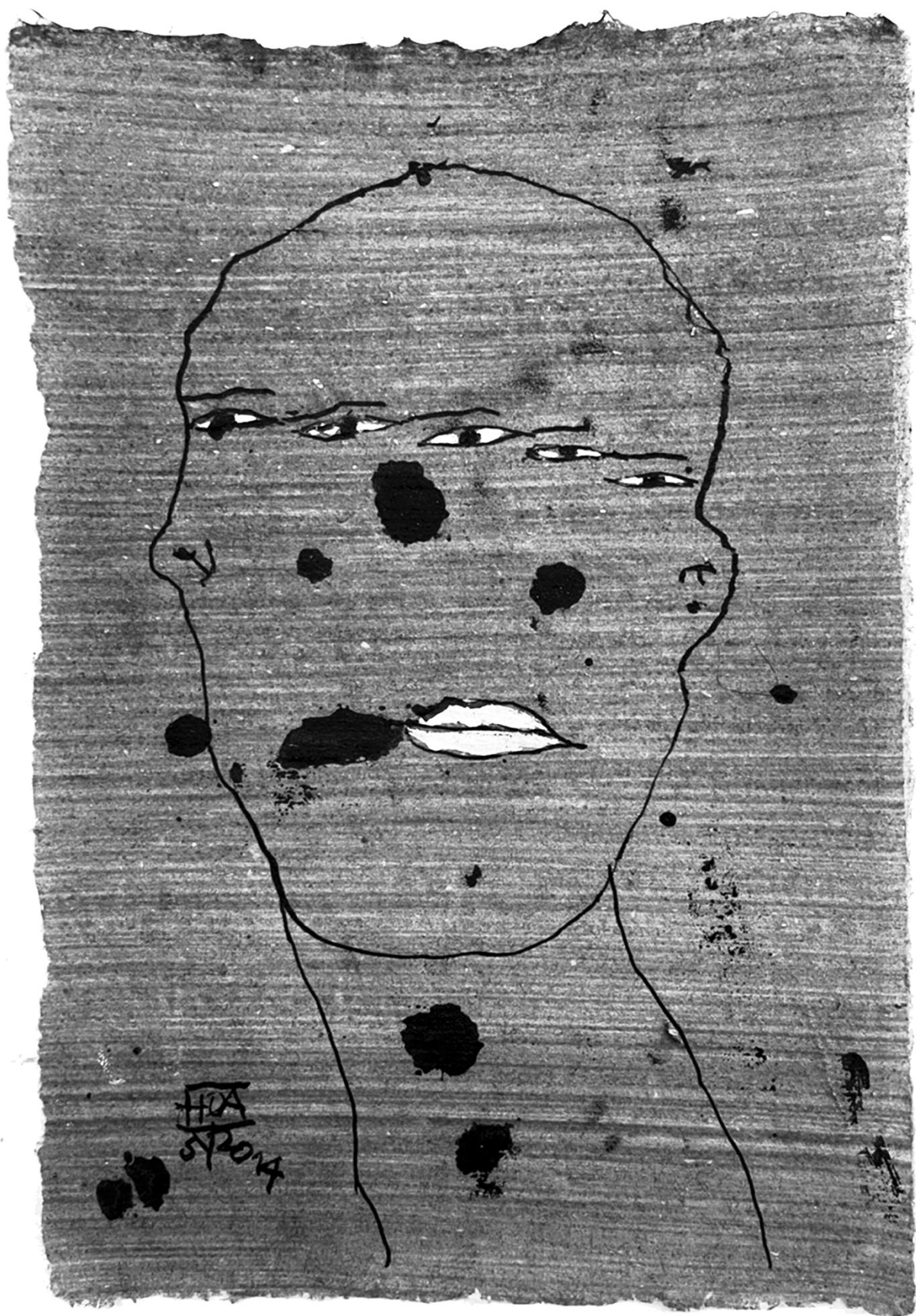
“Anh muốn gặp em. Năm năm rồi...” Hẹn gặp ở một quán cà phê lạ hoắc (với ngày trước), em đến đã thấy những đầu mẩu thuốc lá vun đầy chiếc gạt tàn thủy tinh, ba ly nước cạn trơ chỉ còn xác chanh muối. “Em nói bây giờ, anh không kịp hỏi lại có phải mười chín giờ không nên xuống đây từ sáng...” Em ngồi vào ghế đối diện, bình thản giao hẹn: “Không hoài niệm, không than thở chuyện gia đình, không hỏi han cuộc sống riêng hiện tại. OK?”. Sâm yếu ớt cười: “Em ác lắm...”. Sâm cố tình đi vào những con đường, những góc phố run rẩy giữa mùa đông cũ. Em lặng thinh phía sau. Xe lao thẳng vào khách sạn ven đường. Em lạnh tanh. Ngay cả khi Sâm đổ ập vào với đồng phục hợp cảm xúc. Rồi gục đầu bất lực: “Nguyên rửa anh đi. Đừng trừng phạt bằng cách này.”

Em đi thực tế viết loạt phóng sự về cải cách giáo dục. Không bất ngờ khi chạm mặt nhau ngay cổng trường cấp ba huyện miền núi, Sâm đã là trưởng ban thời sự của báo tỉnh. Ba ngày sau có một cuộc gọi, nửa hẹn nửa mời: “Về

qua thị xã ghé vào thăm văn phòng anh cho biết phóng viên tỉnh lẻ sống chết thế nào.” Sau này nhớ lại em mới thấy mình ác thật. Cứ ngồi vắt chân nhích cấn hạt dưa, không thèm biết người bên cạnh bút rút nhìn đồng hồ, ngó ngược ngó xuôi và chỉ dám thở mạnh khi thấy tuyến xe buýt BG – HN trở đến. Bến xe nằm cùng trục đường chạy ngang cơ quan vợ Sâm, người thị xã biết nhau gần hết, lỡ có ai nhìn thấy... Mà Thanh lại yếu đuối, dễ tổn thương đến mức nửa đêm dùng dùng gọi điện cho mẹ chồng, lu loa khóc đòi tự vẫn chỉ vì một cái tin chưa kịp xóa: “lại nho em roi”. Phải mất cả tuần dỗ dành, giải thích mới chấp nhận cách “giải mật” của chồng, rằng đó là tin nhắn vắn tắt cho một cộng tác viên “lại phải nhờ đến em rồi”. Một chút thôi, cơn áy náy lại trôi qua ngay, nếu có bề gì chắc Sâm sẽ tìm được lý do đủ sức thuyết phục vợ, cô ấy (hay cũng có thể là “con ấy”) đang làm báo trung ương, phải tận dụng quan hệ cầu nối để tìm cách bắt về xuôi chứ, không lẽ cả đời ru rú trên cái xó núi này ư? Anh với cô ta (hoặc “nó”) không còn gì hết, em thấy đấy, còn tình cảm đâu có gặp nhau lạnh te thế. Nhưng (để mà thành “mụ này”) bản lĩnh nhưng cũng rất cả tin...

Hai giờ sáng số máy của Sâm ngắt đôi giấc ngủ. Giọng nữ. Em tỉnh ngay: “Thanh à?”. Cuộc thoại hơn một tiếng. Người nói ầm ục nhắc đến người thứ ba, nhằm ca ngợi người nghe. Tin nhắn của Khuyên đây ứ trong hộp thư đến, rất những nhờ vả, không tiền nong thì cũng xin xỏ chạy chốt chỗ này chỗ nọ. Không “quân tử” như em, Khuyên cứ mang món nợ tình đâu ra tính lãi ngày. Trong khi Sâm cũng là người đàn ông đầu tiên của mình, chấp nhận là người phụ nữ cuối cùng của anh ấy, phải hy sinh đủ thứ mà có đòi hỏi gì đâu... Em hơi sốt ruột: “Tối nay Sâm lại nhậu say à?”. Đầu kia sững lại vài giây, lại trơn tru tiếp tục: “Mình rất muốn anh ấy sớm chuyển về dưới đó, được ở gần chăm sóc ông bà nội của bọn trẻ. Mẹ anh Sâm năm nay cũng yếu nhiều. Mỗi lần nhắc Nhung bà vẫn khóc.” Em chợt thấy trái tim mình nhẹ hẫng đi. Nếu làm vợ, em có đủ khôn ngoan mà tập hợp sức mạnh giúp chồng mình đạt mục đích không? Hay đêm đêm lại chỉ biết úp mặt xuống gối, âm thầm oán hận cái thứ bất tài vô dụng, sống kí sinh một đời bằng tờ hôn thú? Hay phũ phàng quảng phất cái nợ đời ấy đi cho nhẹ gánh để lao về phía ánh sáng và khát vọng?... Chong mắt đến sáng em vẫn không đặt ra được giả thiết khả thi nào, hắt chấn vùng dậy. Chủ nhật luôn nhiều nắng. Phải ra đường. Chỉ khi đi trên đường em mới nghĩ ra được giải pháp cho mọi vấn đề, cứ như tư duy chạy cùng tốc độ với bánh xe vậy. Và lại, các lối rẽ bao giờ cũng bất ngờ tách ra từ một con đường nào đó. Cũng có lúc em đã chán ngấy thành phố này, muốn đi thật xa để ít nhất không phải dè dặt mỗi hơi thở.

Sâm chặn em ngay trước cửa tầng hầm gửi xe cơ quan, tay run run tờ giấy mỏng: “Em xem, quyết định chuyển anh về dưới này. Không ngờ nhanh thế”. Nét hờn hờ thái quá của Sâm khiến em chùng lòng lại, không nỡ nói thẳng ra sự thật đằng sau cuộc điều chuyển nhân sự, để gì một phóng viên báo tỉnh



HDA
5/20/17

mới về lại ngồi ngay ghế phó ban... Anh đang được sử dụng làm bình phong che kín những toan tính mang danh nghĩa khác. Nỗi lo lắng mơ hồ thoáng lên. Sâm có ý thức được những thử thách sắp tới không? Con người ta luôn nghi ngờ cảm giác của người khác khi chính mình chưa trực tiếp trải nghiệm, kể cả sự ngọt ngào. Sâm gọi em thành thói quen mỗi ngày, sau buổi trực báo, không quan tâm người ta đang phải làm gì vào lúc nửa đêm. Có lần em đáp trả: “Còn bức xúc nào thì xả ra cho hết để khỏi vắng tục trên giường. Mà nhớ xóa hết dấu vết đi, kể cả bộ đếm tin nhắn nhé. Em ghét bị oan lắm, nhất là là oan tình... cũ”. Sâm buồn buồn nhận định em ngày càng đáo dể, nếu không hiền lành đi một chút để lấy chồng anh sẽ day dứt cả quãng đời còn lại. Em hạ giọng thật thấp: “Thật chứ? Anh sẽ dành hết những ngày còn lại không làm gì khác ngoài việc day dứt chứ?”. Sâm rầu rĩ: “Sao em cứ ác với anh như thế!”. Và lại thức trắng một đêm, vì em hiểu Sâm không thể giải tỏa được sức ép công việc dồn đến từ nhiều phía, bên cạnh một người chỉ biết du dương điệp khúc anh phải kiếm tiền nhanh hơn, nhiều hơn.

Dịch vụ chuyển phát nhanh đưa đến cho em cái phong bì dày cộp. Một tờ đơn tố cáo viết tay, nổi cảm tức dồn mạnh vào chữ ký ở góc phải trang giấy. Mấy tấm ảnh chụp chính diện, nghiêng phải nghiêng trái một gương mặt phụ nữ từng mảng xanh đỏ tím theo phong cách hóa trang lễ hội Halloween. Tội của em: quyến rũ đàn ông, gây tổn thất hạnh phúc gia đình người khác, làm người vợ vô tội bị chấn thương ở mức cần phải ra tòa... Trời ơi, Sâm! Vợ anh ngờ nghệch đến mức nhầm đúng hôm chồng quá chén để đem chuyện giá cả leo thang, nhà thuê chật chội đến tức thở ra rên rĩ. Sau đó thì hợp lý hóa trận to tiếng và những vệt phấn màu bằng tờ giấy chứng thương đóng dấu của một bệnh viện quen biết. Những dòng run rẩy trong thư đính kèm: Phụ nữ ai chả muốn chồng thuộc về mình trọn vẹn. Suốt đời ôm ấp cái xác không hồn là một nỗi khủng khiếp. Nhưng ơi, hiểu cho mình... Mấy dòng cuối được viết in hoa: Nếu không dừng cái trò gập gở tâm sự lại, tất cả những bằng chứng kia sẽ được gửi đến người có thẩm quyền!

Em lật từng thứ xem lại thật cẩn thận một lần nữa, bỗng bật cười sảng sặc, cười rũ ra cho đến khi nước mắt nhòe nhoẹt cả đồng giấy tờ. Sao phải kì công bày binh bố trận thế này cơ chứ? Nhưng có thể hạnh phúc là thứ luôn cần đấu tranh, giành giật, chiếm giữ. Hạnh phúc sẽ chẳng bao giờ chịu ở lại, với một đứa chỉ cầu an như em?

Mấy hộp giấy đựng sách vở tài liệu được chằng bằng dính kín bưng, đơn tình nguyện xin đi thường trú ở tỉnh miền núi kí sẵn trên bàn làm việc. “Ngay cả đến lúc này em vẫn thương cho anh. Nhưng không còn thấy lo lắng nữa, thật đấy!”. Em nhấc ga, chiếc xe lao vút về phía trước. Có kịp vương lại khói đầu mà cay mắt, hả Sâm?

Dưới mái ngói

Truyện ngắn của VÕ ĐĂNG KHOA

Mẹ nói, tuổi già như chiếc xuống khảm. Mỗi ngày càng chất thêm đầy, nước liếm ván xuống, vồ vập từng nhịp và thèm khát một cuộc nuốt chửng. Xuống của bà tôi là một chiếc xuống rệu rã, cong mình giữa lớp sóng chao.

Bây giờ, thế giới của bà chỉ gom lại dưới mái nhà ngói xứ cù lao. Những ngày trôi qua không nhiều điều mới, chỉ ký ức thôi đã đủ làm cho bà bận rộn sắp xếp, chôn cất và đào lên từ trong mớ vụn đang kỳ mục rữa. Có thể chính những điều đó khiến bà mệt mỏi, như thể bà cong mình để gánh chính mình.

Ta không hiểu được người già. Như chưa treo mắt đến đợt một cái cây dành trăm năm để cao, chưa đâm mình đến tận tối sâu trong ruột đất. Và người già cũng là những bất ngờ, ta không đoán trước được. Họ mạnh mẽ trong một cơ thể yếu đuối.

Bà tôi từng đến nhà của một bà đồng, sâu trong xóm nhà sàn xập xệ chống chân trên nước, khúc sông nhiều lục bình và rác tấp đầy mé bờ, tất cả chúng đều đang nhân mình lên. Đám nhỏ kéo bầy lừa nhau, khó nhớ mặt trong một bộ vỏ y hệt, chỉ mặc một cái quần đùi màu gần như đất kể cả con gái. Chúng chỉ tay cho bà đến ngôi nhà của bà đồng. Ngôi nhà lợp bằng lá dừa nước, dùng mắt nhìn đã đủ để làm cho nó rụng ra từng vụn mục, như chờ đợi để được trút mình khỏi xác cũ. Bà tôi bước lên tấm ván cửa ra từ thân dừa bắc từ chỗ đất chèm nhẹp nước đến trước hàng ba, mùi nhang đón bà từ cái lún xuống đầu tiên của tấm cầu thang đó.

Trong ngôi nhà nhỏ đồ lờm bởi ánh đèn, bức màn và chầm nhang đốt liu thiêu nhà khói, bà đồng ngồi như chờ bà tôi sẵn. Cuộc trò chuyện lâm râm, vừa đủ. Bà tôi nhỏ hơn thường ngày. Không khí ngọt ngào bị nhét đặc, đè xuống từng nhúc nhích nhỏ của những người đang có mặt. Ánh sáng hóa đỏ khi đi qua mấy bức vách dừa lá, cảm giác như không khí cũng rỉ máu.

Bà tôi hỏi, bằng một giọng tò mò và hồi hộp không thể giấu được, như mọi vị khách trước về điểm tĩnh của bà đồng:

- Cô coi, tui còn sống tới chừng nào?

Đó là tất cả những gì mà một người già muốn biết; không phải tình duyên, công danh, sự nghiệp. Không còn gì chờ đón nữa, ngoại trừ một cuộc ra đi. Như người nghèo mới thường coi lu gạo. Đôi lúc tôi thấy thương bà, cho những nắm gạo của bà hao từng ngày, phủ cám trắng đầy tóc, cho đến ngày vét sạch. Tôi chưa từng nghĩ đến thời điểm mình chết; tôi còn quá trẻ để thấy mình già. Giống như một cuộc đua, bà là người xuất phát trước. Lợi thế đó dành cho những người sau, lứa con cháu được dạy dỗ những chỗ bà từng vấp ngã đến trầy xước. Cái vạch đích bà đã thấy mờ trước mắt, và sắp phải giẫm chân lên nó, hẳn là một cái giẫm chân rụt rè và tiếc nuối. Bà cần thời gian để sửa soạn cho dấu chân cuối của mình, giá như nó biết hằn vào đá. Trí nhớ của con người quá mềm.

Sốt ruột, bà dậm lại câu hỏi trước:

- Nhiều năm nữa, cô?

Bà đồng là một người đàn ông trung niên, ốm và khô quắt như bị bệnh lâu năm, mặt trắng tay đen. Móng tay lăm nhăm vết sơn đỏ. Bằng cách bói đồng tiền, nghe tiếng loăng xoăng run trên mặt đĩa, bà đồng mỉm cười hài lòng. Hai đồng tiền xin màu bôi vôi trắng đã nằm im trên tấm trầu xanh cuống còn chưa khô mủ. Dùng sự ngẫu nhiên để nhìn cái tất nhiên, bà đồng buông câu trả lời chắc nịch về tuổi chín mươi. Trong cái không khí ngột ngạt mà giọng trẻ đùa bên ngoài bị vo nhỏ lại một nắm, cảm tưởng đây là một thế giới khác với bên ngoài mấy bức vách buộc lá dừa này. Bà đồng căng mắt ra, một sự quá mức cần thiết, chồm người tới gần vị khách đến mức nghe cả hơi thở nồng mùi thuốc lá rê và những sợi râu chưa cạo mọc lún phún dưới cằm.

- Ngủ một giấc sáng dậy đi luôn, không bệnh tật. Chín mươi! Không bệnh...

Hai đồng xu vẫn nằm trong ánh mắt bà tôi, một trong số chúng kê mình lên đồng xu còn lại, như chỗ hai đốt xương nối nhau trong tấm film chụp của bà mà bác sĩ chẩn đoán thoái hóa khớp, năm trước. Bà đồng là một bác sĩ nhìn bệnh tương lai, lần đầu tôi thấy có người mừng khi nghe về cái chết của mình.

Bà tôi vuốt mấy sợi tóc lúa thừa ra sau búi, khen bà đồng bói chuẩn rồi rút tiền đặt lên đĩa cúng. Năm đó bà sáu mươi chín tuổi.

Tôi sống trong ngôi nhà ngói xứ cù lao, ngôi nhà từ đời của bà. Những tấm cửa lá xách nhìn hướng ra con đường đất, nhón mắt chút nữa sẽ thấy sông. Cù lao xẻ thịt mình để nuôi chính mình, những dòng kinh mát rượi như vết sẹo lỏng, quận lòng phù sa rượt đuổi. Chúng tôi tự xem là một phần của cù lao.

Những trưa, bấy sẽ ủa xuống sân vọc cát, thấy người chúng lại bay lên mái ngói. Trông như đám lá héo rụng ngược lên trời.

Bà không ngồi vông trước hàng ba nhìn nắng ngập mắt nữa. Lũ sẽ dần trở thành một trong những ký ức mục rữa của bà, trong hỗn độn những món mục rữa. Đám giỗ của ông vào tháng trước, bà lo chuẩn bị nhiều đến thừa. Buổi tối khi bước chân ngang qua giường bà, chiếc giường kê sát cửa sổ để hé một kẽ nhỏ đủ để trăng tỏ vàng vọt vắt ngang trên bụng, tôi nghe tiếng lẩm nhẩm những món. Bà nói đến lá chuối, những tấm lá gói đủ cho năm mươi đòn bánh xanh muối, phần trắng phủ một lớp trượt tay ở mặt dưới; những tấm lá lạnh lặn trong mùa gió thổi như muốn ném chính mình vào mọi thứ. Lựa nếp loại ngon, hạt to tròn và đều, mẩy; đậu xanh đãi vỏ cho sạch, vàng như màu của nắng tháng ba. Thịt heo nên đặt trước từ ngày nào, rau củ đến hôm đám đi chợ vẫn kịp. Muối đầy hủ, nước mắm nấu đông đầy ve... Đến từng hạt tiêu sọ cũng giữ bà lại một quãng chờ nhét vào suy nghĩ của bà; chúng cần được xay cho nhuyễn, thơm đến nồng mũi. Và mớ chén đĩa đang rồn rảng đòi lau chùi trong tủ, sẽ nấu những món gì để lấp đầy miệng chúng trong bữa giỗ ông? Đêm vẫn chờ bà ngủ, cái bóng đèn cà na trên trang thờ như con mắt của bóng tối, nhìn bà, mỗi đến đó kè.

Sau bữa mâm chiều, giỗ ông đã xong xuôi. Khi người bác cuối cùng đã về, bà nằm ườn ra chõng trong tiếng lạch cạch chén đĩa mẹ đang rửa sau bếp. Thức ăn nấu thừa hơn cả năm trước, có thể lè nhè cho đến vài ngày nữa mà không cần đi chợ. Theo ý của bà, mọi thứ phải nấu dư hơn một chút. Nhiều hơn, là điều bà mong muốn với mọi thứ, đến thừa mứa. Ai cũng mệt rã người, mẹ cũng chỉ còn vất được nửa tiếng thở dài với những đồ ăn còn trên bếp. Không đủ hơi để cảm rằm, dầu chỉ nhỏ để cho mỗi mình nghe, mẹ mãi mãi chẳng thay đổi được bà. Khi bà đã muốn, mọi chuyện đều phải theo đúng ý.

Bà không ra nằm vông trước hàng ba nhìn cát vùi nhau sau từng đợt xe chạy. Trên chiếc giường kê kê cửa sổ để hé thỉnh thoảng lại bị gió khuấy, bà xoay người vào vách nhắm hờ mắt. Những cơn nhức vẫn nằm trong thớ thịt của bà, trong trí nhớ vẫn biết nó luôn ở đấy, trong tiếng rên hừ hừ từng chập. Nhưng đôi lúc cũng khiến bà một cú bất ngờ, dầu thừa sức biết trước, khi cơn đau nhói lên kéo giật dây thần kinh bà. Gió không làm mát bà nổi, mùi dầu cù là không nung cơn nhức tàn rụi thành tro được. Giường bà đầy mùi dầu cù là, như nó luôn là mùi đặc trưng của mọi người già.

Năm nào cũng vậy, quãng sau đám giỗ là lúc bà vào cơn bệnh. Mẹ nói: “Nhìn mà phát ngán”. Mâm đồ ăn lần thứ tư lặp lại những món cũ xếp đầy trên bàn.

Nắng đổ tràn khắp đất. Buổi trưa khát tiếng, những âm thanh nghe như hấp hối, vắng vắng lúc được lúc mất. Đường vắng, lâu lâu một chiếc xe gắn máy vụt

nhanh qua trước nhà, lại lặn vào trong nắng biết tắm như chưa từng xuất hiện, tiếng xe mất hút kể cả vết bánh cũng bị lấp vùi. Cảm giác như mọi âm thanh đều bốc hơi với thứ nắng này. Tiếng cu gù trên nhánh còng dưới bến sông, như mọi ngày, làm dài buổi trưa ra. Trong nhà cũng im ắng, mẹ tôi ngồi đập máy may cảnh cạch, thỉnh thoảng gió lại thổi bay mớ tóc tuột ra khỏi búi, lất phất tấp lên má.

Đôi lúc, có những âm thanh làm nên im ắng, những âm thanh chỉ nghe khi không còn âm thanh nào khác nữa.

Bà đã ngủ được một lúc, cơn nhức được tiếng thở đều đều giấu đi, bà thôi gọi tên nó bằng những tiếng rên. Lúc ngủ, trông bà thật hiền. Những nếp nhăn thả lỏng, chảy xuống hai bên má, sóng sánh tưởng như sắp nhều xuống mặt chông. Trời nóng, mền được gấp gọn đặt ở cuối giường. Mọi thứ bà cần cho mọi lúc đều nằm trên giường cả. Ngay sát phía trên, nơi những sợi tóc trắng lơ thơ của bà chạm đến, hộp dầu cù là nấp đây chưa kỹ. Một ca nước ấm vừa mới thay, khói liu thiêu bốc lên trên bề của sổ. Hộp nước yến chờ bà thức. Cuộn giấy vệ sinh nằm sát mép giường, rìa giấy lăm nhăm như xé vụn, không theo đường đứt khúc mà người ta cố tình làm ra sẵn.

Suốt giấc ngủ hầu như tôi không thấy bà thay đổi tư thế nằm. Tôi thường ở nhà trước, đọc sách trong tiếng bàn đập máy may. Mỗi lần bước vào nhà sau, ngang qua chiếc giường im lặng bên cửa sổ, tôi ngó bà mình. Một thân thể già nua, dù nằm nhưng tôi thấy lưng của bà vẫn như đang cong lại, đôi mắt nhắm, môi trên mỏng và móm đến mức chỉ thấy những đường nhăn từ dưới hơi thở của bà chạy thẳng xuống cho đến khi bị nuốt bởi môi dưới.

Bà ăn ngày càng ít. Ban đầu vẫn cố ăn được hai chén cơm mỗi bữa, rồi một, rồi lại ít hơn. Bà đòi ăn khô cá lóc, mỗi bữa hấp chung với nôi cơm nấu. Thịt tươi không qua cổ họng được, khi lưỡi chạm đến đã báo hiệu một cơn bóp thắt bao tử, nhợn ra mọi thứ. Dần về sau, đến cơm cũng không nuốt nổi. Mỗi bữa mẹ nấu cho bà nửa gói cháo ăn liền, không cho gói dầu vào, bà nằm mức từng muỗng nhỏ.

Một lần, bà muốn đi vệ sinh. Hôm đó mẹ chau mày suốt và phun nước miếng nhiều. Cả thân người không còn là của bà nữa; nó từ chối đôi chân bà. Mọi vận động dù là ngắn nhất cũng đều cần có sự hỗ trợ của người khác, hoặc đúng hơn là sự điều khiển. Mẹ không thể nào từ chối.

Ba tôi là con út của bà, thường ít khi thấy trong nhà khi trời chưa tối. Tờ mờ sáng, từ trên giường tôi bị đánh thức bởi tiếng khạc và nhổ nước miếng, mọi buổi sáng. Từ lúc các chị của tôi có công việc và gia đình tươm tất, bà đã già, ba mẹ tôi bỏ nghề nuôi vịt chạy đồng. Mấy tháng sau nhớ tiếng quàng quạc, ba mua bảy vịt thịt về nuôi nằm rọ. Vịt trắng không thả đồng, chỉ ăn thức ăn

và lúa. Mẹ phản đối từ đầu, nói với ba tôi: “Nằm rọ từ đó tới giờ mười cửa thì chín cửa lỗ, một cửa huế vốn”. Ba lớn giọng nói: “Mẹ! Muốn làm cái gì mày cũng toàn bàn ra”. Từ bữa đó, tôi thay ba nghe lời của mẹ, “chín cửa lỗ, một cửa huế. Nuôi vịt dụng cái lên đồng!”.

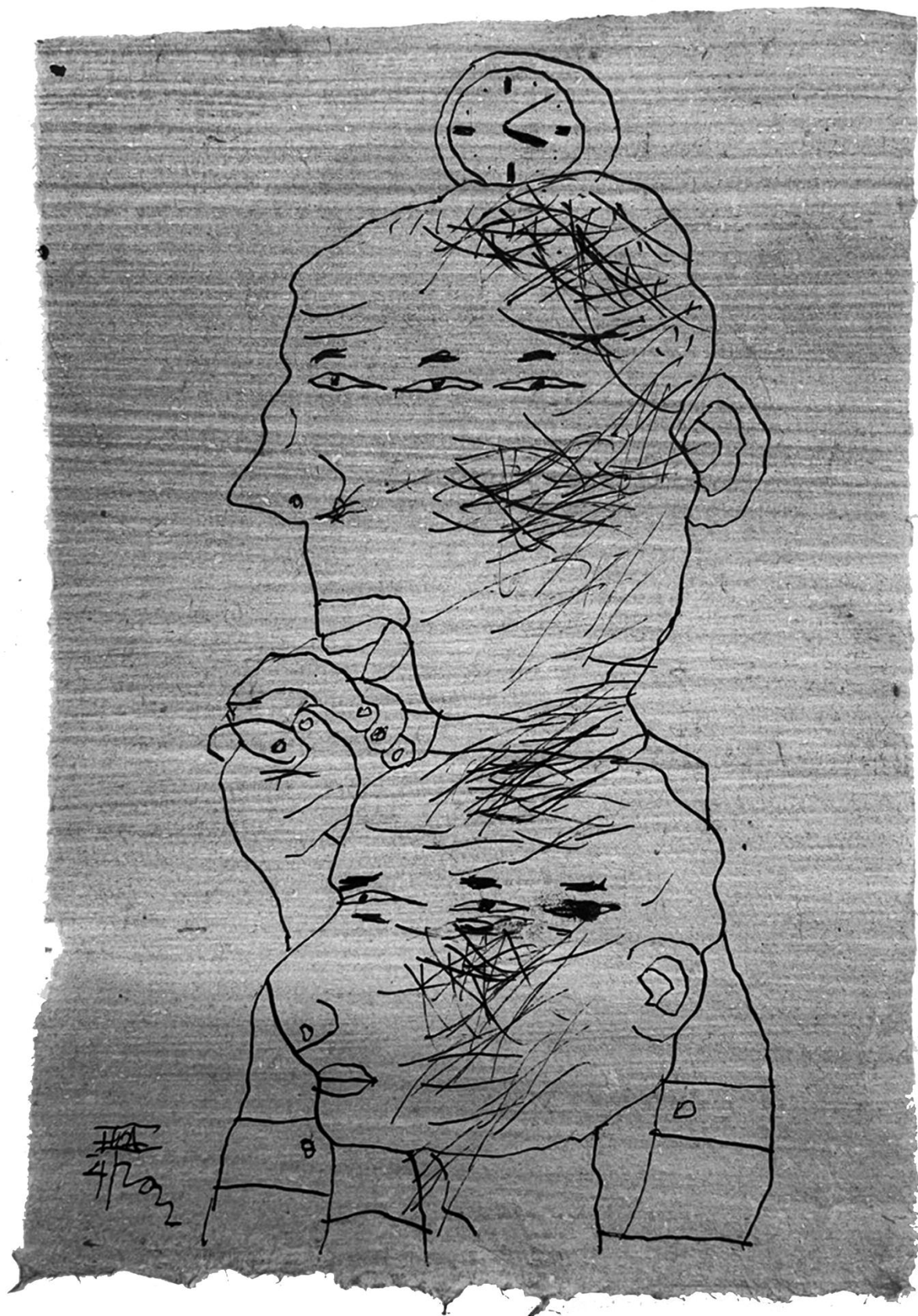
Cái hôm bà đau bụng đó, ba không có mặt ở nhà. Bầy vịt khoanh chuồng ở sau đồng, cho chúng ăn uống xong thì ba tôi ghé quán cà phê chờ mỗi rú nhậu, chiều tối về. Tiếng bà lại gọi mẹ tôi, mũi kim thoi cắm đầu dón dập xuống bàn. Tôi theo mẹ dìu bà.

Bà không đi nổi đến nhà vệ sinh nữa, biểu mẹ đi lấy xô cho bà ngồi. Từ lâu lắm rồi tôi chưa từng chạm vào da thịt của bà, hoặc là chưa có lần chạm nào rõ ràng như lần này. Giật mình, khi tôi nhận ra cánh tay của bà mềm nhũn, cả vai, nách... Tuổi già nung da thịt người ta ra, như kim loại bị nấu chảy. Những ngày nằm liên miên khiến những thứ cơ quên mất chính mình. Mẹ tôi đỡ một bên của bà, tôi một bên. Ban đầu tay tôi nắm lấy bắp tay bà, nhưng như thế là chưa đủ để đỡ lấy toàn bộ sức nặng cơ thể. Tôi cố bấu mạnh, tiếng bà càng la lớn hơn. “Ui... vừa vừa nó bậy. Từ từ. Đau. Ui...”. Để cho bà ngồi được xuống xô là một nỗ lực rất lớn, của cả ba người. Mẹ tôi một lần nữa bóp cái chóp khẩu trang cho ộp kín mũi, “nhóm nhóm chân coi chừng bể cái xô”. Tôi nhận ra mình vừa rùng mình, đôi lông mày thừa lúc bị bỏ rơi, rướn mình vào nhau. Trán tôi bị túm lại. Ngoài hè, tiếng con gà trống gáy trưa thì dứt giọng nửa chừng như mới nhận ra nắng giờ đã quá vàng. Tôi trở về với đôi lông mày của mình!

Hôm đó, bà đi phân lỏng, dầy ra cả trên giường. Mẹ thay chiếu mới, lúc gom thêm cả quần áo vừa thay của bà mang đi giặt, mẹ nói với tôi: “Sợ nhất cái cảnh này, dầy về sau còn khổ nữa”. Tôi nhìn về phía giường bà, lúc này lại im lìm; người bà lại cong đi trên đó, mắt nhắm hé với hơi thở mạnh hơn trước. Tôi biết, cơn đau lại xoay mặt về phía bà, rượt đuổi.

Như già đi là nhỏ lại, bà giờ chẳng khác gì một đứa trẻ không thể tự mình làm cả những chuyện đơn giản nhất, gập lại mình ở cái tuổi mà bàn tay nhỏ xíu nắm lấy mọi thứ, và nằm đó, chỉ khác với những ký ức lẩn lộn thời gian. Bà là một tờ giấy, đang gập đôi mình lại, mép đầu và mép cuối chạm vào nhau, dần khép lại ánh sáng bên ngoài.

Căn bệnh của bà chuyển biến nhanh lắm, đến mức khiến tôi quên mất bà thường ngồi sau nhà vào lúc gần năm giờ sáng chỉ mới đây không lâu, tay cầm hai thanh dưa bắp sắt dài và đen xỉn. Những ngôi nhà ở quê nhiều chuột, bà cứ than “Ông trời sanh chi cái thứ ác ôn!”. Bà ghét chúng, như thần lằn, gián, muỗi... vì chúng ăn và chúng ỉa. Mỗi sáng bà thức, vào sau bếp kiểm tra cái lồng bẫy chuột, bà nhớ rõ đó là con thứ bao nhiêu trong tháng đã lọt vào tay mình. Con chuột chạy điên loạn giữa cái nhà cầm tù và một án tử, tôi biết chắc đó là một sự vô vọng. Cái lồng giam giữ nó chỉ có một đường vào từ bên ngoài, phía cuối là một lỗ tròn bằng cái miệng chén bị đóng chặt kín. Tôi nằm trong mùng, dụng những hình ảnh trong đầu từ từng âm thanh vang lên ở nhà sau qua bức



vách, tôi vẽ bức tranh đầm máu bằng âm thanh. Con chuột gặm tấm lưới mắt cáo bằng dây chì của cái lồng. Bà nói nó: “Ăn biết bao nhiêu gạo từ hôm tới giờ”, một que sắt bà ghim giữ lấy tấm da con chuột, que sắt kia bà dùng để đâm xuống cho đến khi nó không còn kéo tấm da của mình nữa. Tôi nhắm mắt nghe tiếng khò khọt của thanh kim loại trượt qua những lỗ nổi dây chì, tiếng con chuột rít lên chín chít lần trong từng nhịp phẩm phập của mũi sắt đâm xuống... Những âm thanh màu đỏ, vẽ những nét gấp rút và mãnh liệt.

Có những ký ức sẽ không bao giờ mất đi được. Đôi lúc mình tưởng đã quên nhưng thật sự nó chỉ ngủ ở đó, trong trái tim mình. Những điều đẹp đẽ và cả những đau đớn. Những ký ức chỉ biết gặm mòn mình như những kẻ lưu trú bám víu không thể đuổi đi được. Tôi vẫn nhớ về ngôi nhà ngói xứ cù lao, ba là người duy nhất trong nhà để lại dấu chân sinh trên ván, buổi chiều về.

Khi chị em chúng tôi còn nhỏ, chúng tôi chỉ biết khóc và chôn chân một chỗ nhìn mẹ mình chạy trốn chồng. Những buổi chiều ba mang mùi rượu về, liếm bàn chân lên ván sàn vừa lau tìm mẹ, tìm một cuộc bốc cháy, gào thét, một cuộc cuộn trào của nước... Mẹ không có quyền được nói, trong mọi lần tìm mẹ của ba tôi, mẹ không được quyền nói. Kể cả những lời đau đớn nhất xiên vào mẹ tôi, cũng không ngoại lệ. Mọi lần đáp lại đều phải chịu trận dưới tay ba. Tôi không nhớ rõ về những cú đánh bằng cả nắm đấm và lòng bàn tay, cả gối hoặc cùi chỏ... Chỉ nhớ khuôn mặt của mẹ mình. Mẹ tôi khóc đau hơn mọi người khác tôi đã từng gặp, nước mắt mẹ tôi rất bỏng hơn mọi loại nước mắt, giọng mũi nghẹt càng làm cho những âm thanh phát ra trong tiếng nấc khó thành lời hơn, những tiếng gào không bật hết ra khỏi cổ, nhưng rõ ràng đó là âm thanh của sự đau đớn. Tôi nhớ cái mũi đỏ lên của mẹ liên tục được bóp cho vắt sạch nước mũi, lẫn lộn trong mớ tóc hai bên tai bết dính vào mặt. Tiếng ồn ào vang dậy xóm, tôi đứng đó khóc. Tôi ghét bản thân mình lúc đó, xấu hổ vì sự yếu đuối. Một đứa con trai không thể bảo vệ được mẹ mình. Tôi nghĩ về sự đơn độc của mẹ trong ngôi nhà ngói xứ cù lao này, sự đơn độc hơn cả cảm giác là người cuối cùng của thế giới. Bà thường vẫn ngồi ngoài vồng trước, tiếng vồng cú bình tĩnh mà cọt két. Mẹ cầm đầu chạy ra ngoài, không xỏ dép, trốn vào buồng nhà một người trong xóm. Nơi đó an toàn hơn chỗ nằm có mùi dầu gió của mẹ. Lúc ba ngủ, mẹ về im lặng trong cái đôi mắt mãi theo của bà, vẫn từ trên vồng. Tiếng mọt đục như cơn đau âm ỉ rỉ ra từ trong từng thớ gỗ.

Bà nằm trên giường, trần nhà là điều rõ ràng và xuyên suốt nhất dán vào trong mắt. Ngửa người để hứng những hình ảnh đó, như thể chúng liên tục rơi

vào mắt bà. Cả ngày chỉ có bà nằm đó, một mình, dù đám con cháu chẳng ở đâu xa. Chỉ khi nghe tiếng gọi, mẹ mới thôi thả tiếng bàn đạp máy may mà bước vào nhà sau. Lâu lắm mới có người đến ngồi ở cuối giường của bà mà nói chuyện.

Tôi chưa từng đặt mình ở chỗ đó, khi một đứa cháu lúc nhỏ đã từng ngồi trong lòng bà mình nghe kể chuyện đời xưa, có lẽ sẽ dễ dàng hơn tôi lúc này. Từ nhỏ tôi vẫn thích về nhà ngoại hơn. Ở đó mẹ được là chính mình, được yêu thương và nói chuyện không cần dè chừng; hơn tất cả, mẹ được tôn trọng. Tôi hôn ngoại tôi, thích cậu và dì hơn là cô bác. Tôi bắt đầu đời mình từ một đứa trẻ như thế.

Bà bị lãng tai nặng. Tôi nghĩ, cả ngày bà chỉ nghe được chính mình, lời phát ra từ ký ức. Tuổi già là những chuỗi ngày nhìn lại. Lời của bà đồng trong căn nhà sàn bên sông giờ rơi rớt còn lại mấy chữ? Bà vẫn luôn tự tin vào mình, tuổi chín mươi và một cuộc ra đi tự thân sau giấc ngủ; giấc ngủ đó không còn là cách để tìm ánh sáng, bóng tối bất tận kể cả lúc mặt trời lên. Nhưng đó là cuộc ra đi thanh thản. Bà không muốn dựa vào bất cứ ai, từ xưa nay. Những ngày nằm trên giường đến chuyện vệ sinh cũng không tự mình làm được đã cướp đi lòng kiêu hãnh trong bà. Ngày ông mất, bà một mình nuôi bảy người con. Đứa nhỏ nhất, ba tôi, vẫn chưa thôi bú. Mọi người mẹ đều vĩ đại. Bà dựng vợ gả chồng cho tất cả đám con của mình, lo xếp nhà cửa tươm tất và đàn ông hoàng.

Không ai nghĩ bà lại yếu đi nhanh đến vậy. Người trong xóm vẫn nhớ về một bà già cứng cỏi, tuổi đã tám mươi vẫn bữa củi bôm bốp trước sân. Hình như từ trước bà vẫn chỉ nhìn đám con cháu, giờ bỗng đứng nhìn lại mình mới hoảng hốt nhận ra tuổi già. Một cơ thể yếu đuối đang tự thiêu đốt mình, những tế bào run rẩy già nua và kéo những tiếng rên dài ra thiu thiu cả trong giấc ngủ.

Tôi ghét những ngày nhà có giỗ, lý do duy nhất chỉ vì mọi cô bác bên nội của tôi đều ghé về đây. Ngày mẹ càng không phải là chủ của căn bếp, ngày mà mẹ bị căn nhà từ chối nhiều hơn chẳng khác gì một người khách. Có cảm giác mọi lời mẹ nói đều bị phán xét cùng cái bữu môi giấu trong vòm họng của những người cùng là phụ nữ đó. Như mẹ không thuộc về nơi này, không phải là một trong số họ, không góp trong những câu chuyện và tiếng cười của họ, đến tiếng dao băm trên mặt thớt cũng lạc loài.

Hai đứa cháu cổ của bà trạc tuổi tôi, và chỉ có hai đòn bánh tét nhỏ được các cô bác của tôi gói riêng cho chúng. Rõ ràng có ba đứa nhỏ đang khoanh chân ngồi chờ. Tôi lại phải nói mình ghét ngày giỗ. Bà hay ngồi xắt hoa mứt củ cải đỏ và củ cải trắng, chia những khúc nhỏ cho đủ năm cánh, nói về mẹ. Bà kể với các cô bác những chuyện của mẹ tôi. Về con cá lóc được nướng còn đỏ máu, mặt bể xanh rờn và đắng nghét. Hôm rồi nó mới bị đánh. Nhà trước nhà sau không biết lo đủ thiếu, mọi món lặt vặt đều do chính tay bà

mua. Không chuyện gì làm vừa mắt, như chính mẹ đã là điều không vừa mắt. Những câu chuyện bà gởi lại để chờ đến hôm nay, một món phụ để cùng nhau thưởng thức. Đôi lúc bà vẫn hay nhắc về cái ngày đến coi bói chỗ bà đồng, hai cái đồng xu xếp kề lên nhau trên tấm trầu xanh, như một lời khẳng định không cần con dâu út. Những câu chuyện trong ngày giỗ rôm rả trên tiếng băm dao mặt thớt, mùi thức ăn bay khắp căn bếp, bốc khói nghi ngút. Mẹ tôi vẫn lui cui khuấy nổi thịt hầm, củ ấu nổ lép xép.

Mẹ cho rằng bà giờ bị lẫn nặng lắm, điều đó càng chắc chắn hơn kể từ lúc nghe được tiếng thì thảo từ trên chiếc giường kê cửa sổ, những âm thanh lần đầu phát ra dưới ngói nhà này và nó dành cho chính mẹ.

Sáng đó, mẹ lau người cho bà bằng nước ấm và thay lại quần áo mới. Những tảng thịt càng mềm nhũn hơn, như dưới lớp da chùng xuống đó là bùn nhão. Nằm suốt từ ngày này qua ngày khác, lưng bà bắt đầu xuất hiện những vết loét dài. Mỗi lần nghiêng người bà để luồn khăn xuống là lại chạm đến những cơn đau nhói. Dù đã nhẹ hết mức có thể, nhưng trong bà giờ là một đốm than đỏ rực, sẵn sàng bùng lên mỗi đợt gió, dù chỉ là gió. Mọi lần nhúc nhích đều làm bà rên rỉ, những cơn đau không bao giờ giống nhau, chúng đều là mới, và trải nghiệm ngàn lần vẫn không làm quen được.

Bà khác hơn trước rất nhiều. Sự tàn lụi từng ngày như quả héo đã rụng khỏi cuống, tôi vẫn ngang qua bà và quan sát. Dưới những sợi tóc bạc trắng lơ thơ là đôi mắt trũng sâu, quầng đen bên dưới vì những đêm không ngủ được như cái bóng của đôi mắt bị ánh sáng rọi từ trần xuống. Những sợi tóc của bà là những sợi ánh sáng.

Mẹ luồn tay vào thứ ánh sáng chạm được đó, xoa những đầu ngón tay lên da đầu của bà. Xà phòng chảy xuống tai, mẹ lấy khăn chậm nhẹ nhẹ. Bà nhắm mắt mình lại, quên cả những tiếng rên ra khỏi cơ thể. Tiếng nước lẫn cùng với hơi thở đều đều chiếm trọn tai tôi, mãi cho đến lúc mẹ lau khô tóc cho bà. Khi đã xong xuôi, bà nằm đó, mắt vẫn hứng lấy hình ảnh trần nhà và nói khẽ: “Con dâu tui đó... gọi đầu cho tui”. Mẹ tôi giật mình rồi cười, nói bà bị lẫn, không nghĩ có ngày bà lại gọi con dâu út của mình là con dâu.

Một bữa khác, bà khan giọng gọi tôi cho bằng được. Tôi đến bên chiếc giường đậm đặc mùi dầu cù là, chén cháo trắng nằm ở cạnh góc giường vẫn còn y nguyên. Bà lại bỏ bữa. Ánh sáng bên ngoài xẻ đôi nó ra qua cánh cửa sổ khép hờ. Bà đang tan chảy, da thịt lại càng lỏng hơn, một tay đưa ngang bụng như muốn giữ lại cuống rốn. Những chuyển động trên chiếc giường đó đều chậm chạp, mắt bà nhìn mãi vào tôi, nhưng chưa vội nói, như đến từng chữ bà phát ra khỏi miệng cũng già cỗi, lê lét và kéo dài, dựa vào nhau mới chui ra được khỏi miệng:

- Ba mấy đâu? Có sao không?

Mắt bà vẫn từ chối những hình ảnh khác, trừ tôi. Dưới đầu cái lông mày bên trái, tôi phát hiện nốt ruồi thịt của bà như càng lúc lại đậm hơn. Tôi chưa hiểu, hỏi lại:

- Sao nội?

- Ba mấy đánh lộn với ai trong đồng đó, chở về chưa? Tao tức cái chân tao quá, không có đi đâu được. Đi coi ba mấy sao rồi, nó đánh lộn học máu.

Tôi ngẩn người một lúc, xoay sang mẹ để tìm câu trả lời; mẹ lắc đầu ra hiệu cho tôi mặc kệ.

- Đâu có, đâu có đánh ai đâu nội.

Bà lại căng mắt ra nhìn tôi, ngậm chữ cho đủ trong miệng một lúc lâu rồi nói:

- Không có? Vậy mà ông nào đó ổng nói với tao, mới hồi nãy.

Thời gian trong bà gặp phải trục trặc, từng quá khứ thay phiên nhau lặp lại. Chúng kể về mình với bà, mới và rõ ràng đến nỗi không nghĩ chúng từng một khoảng ngủ yên. Những cơn mơ đó bất kể đêm hay ngày, rượt đuổi vượt ra khỏi cả giấc ngủ. Tôi nhìn bà một lúc, rồi bước nhẹ chân rời xuống nhà sau. Không gì có thể ngăn được màu đỏ của máng ngói trút thẳng xuống mắt, liên tục đến nhàm chán.

Đôi chân bà giam giữ cơ thể của bà, và khi chiếc mùng được giăng lên bốn góc giường cũng là lúc đôi mắt bị nhốt lại, trước cả bóng tối. Mỗi buổi chiều khi mẹ tung từ dưới góc giường cái mùng màu xanh da trời, bà lại cực lực phản đối. Tôi nghĩ, cảm giác đó cũng giống như bà sợ cái chết bệnh tật trước tuổi chín mươi. Lúc này, bà có trong mình cả hai nỗi sợ đó, cái chết và bóng tối.

Bà vừa ăn xong, nắng còn chưa kịp ngấm hết xuống đất, mẹ đã giăng mùng cho bà. Dù có không đồng tình, nhưng mẹ cho nó cần thiết để tránh đám muỗi. Mẹ đã không còn phải theo đúng ý bà. Trong cái ô bị đóng lại như chiếc hộp úp ngược xuống, tai bà càng khó bắt được âm thanh. Đêm sẽ chậm chậm len vào từ khe cửa sổ, ngấm vào ánh sáng và chiếm hữu trọn vẹn, vào cả đôi mắt. Sự xâm nhập chậm chạp đó ăn mòn bà suốt đêm, làm không gian dài thêm và càng khiến bà nhận ra sự cô đơn của bản thân mình.

Càng về sau, bà càng lẫn đi nhiều, sự lộn xộn của trí óc thường xảy ra lúc đêm. Ba mẹ tôi ngủ trước hàng ba, tôi cũng nằm ở nhà trước. Giữa đêm, lần đó, bà la lên hốt hoảng. Tôi lồm cồm ngồi dậy thì vừa lúc mẹ cũng hé cửa đi vào. Ba vẫn đuổi theo những cơn ngáy phảng phất cồn. Mẹ vừa đi vừa vuốt tóc từ trán ra sau. Tôi bước theo, nuốt nước miếng trong miệng. Cái mùng hắt ánh sáng của bóng đèn cà na, màu xanh da trời như một lỗ khoét trong bóng tối.

Tiếng bà vẫn chưa dứt cho đến lúc mẹ đặt tay lên dòng sóng sánh của cơ thể bà mà lay nhẹ. Mắt bà vẫn mở, nhìn theo hướng tay chỉ về góc mùng. Mẹ kéo

mí mừng lên, chui đầu vào, cái tấm vải lưới để ngăn muỗi đó dợn lên mấy lượt như sóng. Cảm tưởng như bà lọt thỏm giữa một khối nước hình hộp, bất động không thể bơi.

- Sao má? Nhỏ nhỏ, khuya rồi!

Tôi nghĩ bà nhận ra sự hiện diện của mẹ không phải bằng tai mà bằng mắt, giọng mẹ thì thào. Nhìn kĩ, mặt bà vẫn còn đọng lại vẻ hốt hoảng, phía trống trải trên vách mừng cuối giường, bà chưa đặt tay mình xuống.

- Một đám sâu nái nó bu kia, thấy ghê quá! Bắt ra giùm tui!

Không có gì cả, những con sâu chỉ đậu đó từ trong kí ức của bà, những con sâu không có ngày thành bướm. Tôi không nghĩ chúng làm cho bà tôi sợ, như chưa từng nghĩ có bất cứ thứ gì đủ sức để làm được điều đó. Lớp vỏ của bà giờ mềm theo da thịt, tôi hiểu nó từng kiên cố và cứng đến mức nào.

Mẹ mềm giọng lại, vỗ về. Khi bà đã thôi kêu vang tiếng, mẹ ra trước hàng ba ngủ. Mặt bà nhắm nửa chừng như cái cửa sổ trên vách, đường kẻ đêm đen đặc, bóng tối ngoài vườn đậm hơn phía trong nhà.

Đêm đó, như mọi ngày trước, bà kêu giữa đêm. Không lớn, nhưng gấp gáp và tha thiết. “Con... bây ơ”. Mẹ gọi ba tôi thức dậy, tiếng bàn chân nặng nề và kéo thấp bước ra sau. Đến giường bà, tôi nằm trong mền hình dung, ba ghé tai bà hỏi có chuyện gì. Mãi một lúc sau mới nghe giọng bà nói:

- Kêu vợ mầy vô ôm tao, tao lạnh quá, vợ mầy đâu rồi, kêu vô đây giùm tao!

Xung quanh yên ắng, tiếng chập lười của ba đến chỗ tôi vẫn nghe rõ. Mẹ cựa mình trước hàng ba, không lên tiếng. Đêm đó, khó đỡ dành bà yên được, mất rất nhiều thời gian. Ba không giỏi trong công việc đó, kéo mền đắp lại cho bà thêm lần nữa. Ngoài sân, gió quờ quạng nhưng không nắm được gì, hun hút...

Bà mất. Ngay sáng sau, tám mươi tư tuổi của bà dừng lại. Người nằm nghiêng, lưng hướng vào vách, cánh tay bà thả dài nắm hờ mí chiếu. Mẹ là người đầu tiên biết được sức nặng cuối cùng đã nhấn chìm chiếc xuống rệu rã, khi không nghe tiếng bà hỏi mẹ cuốn mền dù trời đã sáng từ lâu. Mẹ đứng trước giường bà một lúc, không khóc, cho đến khi tôi bước đến lay người. Đêm qua bà cần một cái ôm!

Đám tang của bà, mấy cô bác lại tụ họp về. Mẹ quấn khăn tang ngồi trước di ảnh, vừa được thay khung và lau sạch từ trong ngăn tủ. Đứa con của chị tôi cậy tay mẹ nó, đòi ra sân. Mẹ bước lại kéo nó vào lòng, chỉ lên di ảnh, nói: “Lạy bà cổ con đi, ngoan”.

Giường bà đã được dọn dẹp lại. Chỉ còn cái ca nhựa vẫn hay dùng để pha nước ấm, nằm khô trên bệ cửa sổ. Ngoài vườn mát gió, cánh cửa sổ bị thổi đập nhẹ vào vách nhà.

Bữa tiệc

Truyện ngắn của NGUYỄN LÊ VĂN KHÁNH

Có vẻ như những điều tôi mong muốn, bằng một cách nào đó đều trở thành sự thật.

Một hôm đang lim dim ngủ quên trên gác xép, tôi đã chợt nhận ra điều đó. Bấy giờ đang là mùa hè, tôi cố gắng đóng thùng tất cả mọi đồ đạc lưu cữu. Thỉnh thoảng, từ cánh cửa sổ thông gió chỉ rộng cỡ một bàn tay, luồng không khí hanh hao lại len lén lách vào rồi cứ thế tràn ngập khắp căn gác. Không hiểu sao không khí như vậy luôn khiến tôi rơi vào trạng thái chỉ muốn nằm bẹp xuống và ngủ. Ban đầu có chút gì đó hơi chán ngán, làm cho cả cơ thể rơi vào trạng thái uể oải. Xương vai bắt đầu mỏi còn mí mắt thì sụp xuống. Không chịu nổi! Tôi chỉ định ngồi xuống tựa lưng một lát trước khi tiếp tục dọn dẹp căn gác, tuy nhiên chỉ vài giây sau mọi thứ đã bắt đầu nhào ra. Những chuyện thường kỳ chạy băng băng trong đầu đến giây phút ấy chỉ còn biết lù lù trôi đi và nhào dần. Nhào dần cho đến khi tất cả đều rơi vào trạng thái của một giấc ngủ.

“Này, muốn ngủ là ngủ sao?”. Đột ngột dòng suy nghĩ ấy bật ra khiến tôi giật bắn người và hoàn toàn tỉnh giấc. Thỉnh thoảng trong cơn lim dim, tôi lại bị giật bắn người bởi tiếng động nào đó. Chỉ là những tiếng động với âm lượng bình thường, nhưng đến một giai đoạn nào đó của giấc ngủ, chúng đều bị phóng đại lên quá mức. Lần này lại có vẻ kỳ lạ hơn, dòng suy nghĩ với thứ “âm lượng ồn ào” đến mức ngay lập tức khiến tôi tỉnh như sáo. Như thể đã bật một cái công tắc. “Tách”. Và rồi đầu óc và các cơ đều ở trong trạng thái cách xa giấc ngủ hàng vạn dặm. Vấn đề có thể là đến giai đoạn nhạy cảm, mọi thứ đột ngột bật ra như một cái búng tay, từ tận sâu bên trong.

“Minh là kiểu người gì vậy? Muốn ngủ thì liền tạo điều kiện cho cơn ngủ

xảy ra” - nghiêm túc mà nói lần nào tôi cũng tựa lưng vào đầu đó rồi đánh một giấc thật sâu, thay vì chỉ tựa lưng nghỉ như dự tính ban đầu. Có khi giấc ngủ kéo dài ba bốn giờ liền, nhất là những khi trời hanh hao khó chịu như thế này.

Tôi muốn ngủ, liền đi ngủ, trước giờ là vậy. Và rồi ngay giây phút ấy một sự thật khác cũng đồng hiện: những điều tôi mong muốn đều đã ở ngay trước mắt.

Cũng nên nói rõ một chút, rằng “mong muốn” không phải là “ước mơ”. “Mong muốn” là chuyện trong một giây phút nào đó, bạn hoàn toàn có nó, và rồi quên nó đi. Dễ như việc cầm trong tay và rồi thả một quả bóng bay. Còn “ước mơ” là thứ mà sắp bạn thường hay lờ ra để ném vào mặt những kẻ ít thu lợi cho ông ta. Tôi có lẽ chưa bao giờ có nó, về bản chất. Tuy nhiên cũng thỉnh thoảng mượn lấy đôi ba thứ tựa tựa vậy để nương mình như dùng vài chiếc phao bơi qua sông.

Ngay cả căn nhà tôi đang ở cũng là một mong muốn, nên rồi trở thành sự thật lúc nào không hay. Khoảng chừng ba năm trước, tôi còn đang ở trong căn nhà cũ ở rìa thành phố. Thực ra căn ấy cũng không đến nỗi tệ, chỉ phải tội mùa hè không khí khá ngột ngạt. Và tất nhiên điều đó khiến tôi chẳng muốn làm gì ngoài việc ngủ. Tôi đã nghĩ “phải mà mình có một căn nhà thoáng đãng hơn có lẽ cuộc đời đã làm được nhiều việc có ích”. Ít nhất là có thể hoàn thành công việc đúng hẹn mà không bị cơn buồn ngủ chi chiết. Rồi chỉ tầm bốn tháng sau, người chủ họ vốn trước giờ chưa từng gặp mặt đột nhiên xuất hiện và trao chìa khoá cho tôi.

- Cậu ở hay xem nó như cái nhà kho chứa đồ cũng được, miễn là thỉnh thoảng hãy để mắt tới nó. Tất nhiên là đừng bán nó đi.

Ông chủ họ sắp phải đi định cư nước ngoài, có lẽ vừa biết được tôi đang ở cùng thành phố trong một lần vô tình gặp ba tôi, ngay sau đó liền liên lạc và hẹn tôi ở quán cà phê.

Nhìn từ góc nào cũng không thể nhận ra giữa ông chủ và tôi có nét tương đồng để chứng tỏ máu mủ ruột rà. Gương mặt ông tròn đầy, lại có vẻ như sắp phệ ra. Thân hình thì hoàn toàn ngược lại. Cơ ngực săn chắc, bắp tay cũng chứng tỏ ông ta có tham gia một môn thể thao nào đó. Chèo thuyền chẳng hạn. Chuyện này tôi cũng không rành, tuy nhiên trong lúc ông chủ họ hàng xa luyện thuyền về chuyện tại sao ông ta không muốn bán căn nhà, tôi cũng gắng tìm một chi tiết nào đó để chứng tỏ mọi chuyện đang diễn ra một cách đúng. Tôi khẽ liếc bóng mình trong vách gương của quán cà phê. Vai và lưng tôi hơi khòm, chúng khiến tôi lột thỏm giữa mọi thứ.

Một người lần đầu tiên gặp mặt bỗng trao nguyên cho ta một căn nhà liệu có gì sai không? Không có gì sai! Lý do tôi có được nó là bởi vì tôi đã từng có mong muốn đó, trong lúc đang cố rửa mặt cho thật tỉnh táo bên dưới một mái nhà trọ hầm hập hơi nóng. Kiểu gì thì ta cũng tìm được một lý do hợp lý cho những chuyện đang xảy ra. Hoặc cơ bản, mọi thứ đã xảy ra chỉ bởi vì chúng đều đã có nguyên nhân hợp lý.

Nếu nghĩ theo chiều hướng đó, có lẽ cuộc đời tôi toàn được “trải thảm”. Mọi thứ bày dọn sẵn như chuyện căn nhà và chuyện ngủ vậy. Bữa tiệc đã sẵn sàng, xin mời tự nhiên!

- Có lẽ để con suy nghĩ một chút trước khi trả lời chú.

- Suy nghĩ? - Ông chú trở mắt nhìn tôi. - Suy nghĩ về việc cậu có nên ở miễn phí, không phải tốn một đồng xu các bạc nào không hả? Hay cậu suy nghĩ xem tôi nên trả thêm bao nhiêu để cậu đồng ý?

Ông chú có vẻ thiếu kiên nhẫn. Đến mức hai bầu má tròn đầy dần đỏ bừng hết cả lên. Gò má tôi thì chẳng bao giờ có thể đỏ lên như vậy, nó tái xanh. Tròn đầy thì lại càng không. Tôi chẳng biết tiếp theo phải cư xử như thế nào nên đành nhanh chóng đồng ý để kết thúc câu chuyện.

Mọi thứ cứ im lìm tiến tới, trơn tru và không động tĩnh, như kiểu đã tra kỹ dầu mỡ. Thình thoảng tôi cũng tặc lưỡi cho rằng mọi chuyện xảy ra như vậy bởi vì nó phải như vậy, hay là ta cứ bình thản dự tiệc. Tuy nhiên cứ như đột ngột được mời đến bữa tiệc toàn kẻ xa lạ, được nếm đủ thể loại món ngon trong khi bận rộn dựng lên tám bức tường rào xung quanh, để phòng một ai đó có ý định bước đến hỏi chuyện, nên cũng chẳng mấy khi ngon miệng.

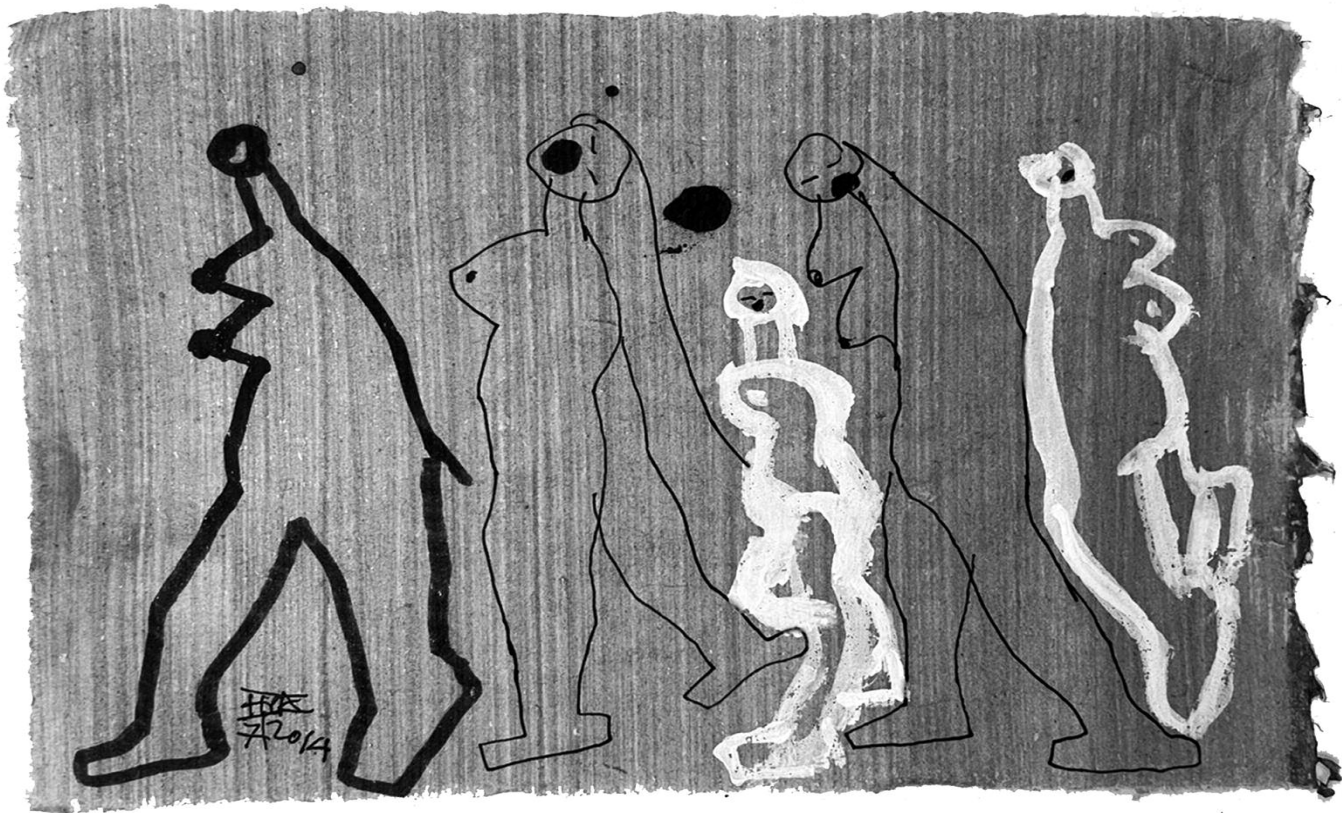
Cảm giác lẩn cẩn ấy cứ mơ hồ tồn tại. Nên rồi cuối cùng tôi đã quyết định rời khỏi căn nhà. Nói chính xác là rời khỏi thành phố này và trở về quê. Đó có vẻ là một hành động khá tích cực, bởi vì ngay khi quyết định xong điều đó, tôi nhận ra mình chẳng tốn bao nhiêu thời gian để dọn dẹp mọi thứ giữa mình và thành phố này. Chỉ cần đóng gói đồ đạc trong nhà và gửi email xin nghỉ việc cho sếp, leo lên chuyến xe và cứ thế con đường trôi đi trong khoảng hơn hai tiếng đồng hồ thì tôi đã có một đời sống khác.

Chưa có dự định gì tiếp theo, thành ra tôi cứ thông thả trải qua những ngày tiếp theo ở quê nhà. Thời gian chính trong ngày thì đọc sách, hoặc đi bộ đầu đó gần nhà. Trời vẫn hanh hao, và cơn buồn ngủ vẫn cứ lờn vờn trước mắt. Tuy nhiên mọi thứ có vẻ như đã mang một bầu không khí khác. Cảm giác như kiểu ai đó đã bê cả thế giới đặt vào một chiều không gian và thời gian khác. Những ai đã từng trải nghiệm giấc ngủ chiều muộn và thức dậy lúc chạng vạng đều có thể hiểu cảm giác đó. Hoặc có lẽ cuộc đời tôi cứ mãi luẩn quẩn với chuyện ngủ nên mọi chuyện đều có vẻ bị sai lệch đến như vậy.

Tôi không chủ ý tìm gặp ai, nhưng cuối cùng lại gặp nàng trong một tình huống không được tự nhiên cho lắm.

- Nè, anh gì đó ời. Đi chơi không?

Tôi đang cố ăn nốt số mì đã nguội tanh nguội lạnh thì nàng bước đến và nói như vậy. Lúc này trong lúc chờ nhân viên siêu thị giúp châm nước nóng vào ly mì vừa mua, tôi đã nhìn thấy nàng đang đứng phân vân trước tủ nước giải khát. Nàng cứ tần ngần với một ngón tay đặt ở chóp mũi, tóc mái thì ngắn đến nửa trán. Khuôn mặt ấy nhìn nghiêng cảm giác cứ như đang quan sát một chuyện gì thật ngang trái, có lẽ bởi vì vậy mà tôi cũng có chút ấn tượng mặc



dù chỉ để mắt chưa đầy mười giây. Ngay sau đó tôi ra ngồi ở băng ghế bên ngoài cửa siêu thị. Đường phố vắng vẻ. Ngọn đèn đường cách đó không xa phả xuống bên dưới thứ không khí vàng vọt nhưng dễ chịu vô cùng. Tôi không thích thứ đèn trắng rõ ràng sắc lạnh bên trong siêu thị nên lúc nào cũng chọn băng ghế bên ngoài.

- Nè, đi chơi đi! - Giọng nàng có vẻ khác hẳn với gương mặt có vẻ ngang và khô. Nghe khẩu ngữ đã biết là người ở vùng khác đến, tuy nhiên vẫn có thứ gì đó quen thuộc đập khe khẽ bên trong tôi. Điều đó khiến tôi phải rà soát lại xem đã từng gặp nàng ở đâu đó.

Cánh cửa tự động vừa khép lại sau lưng thì nàng cúi thấp người, tay chống vào đầu gối. Gương mặt gần kề đến mức tôi đã có thể nhận thấy một chút hơi thở của nàng lơ phơ trên má mình. Tư thế này khiến cổ áo nàng đổ xuống một chút, bờ ngực theo đó cũng lấp lùng một vệt mờ tối. Với cái vệt mờ hút sâu vào bên trong áo như thế, tôi đoán ngực nàng chỉ khiêm tốn như nụ hoa.

Không, có lẽ chỉ bằng một nửa nụ hoa. Phải là loại “một nửa” bằng cách chẻ dọc, cả nhụy lẫn cánh đều chưa hoàn chỉnh. Tất nhiên chỉ thẩm đoán chứ chẳng hề nói ra, tôi nhanh chóng chuyển ánh mắt sang mớ tóc mái chơ vơ như cọng cỏ của nàng.

Ban đầu chúng tôi cùng đi bộ đến trung tâm trò chơi và chơi cho đến khi anh chàng nhân viên cau có ra mặt. Tất cả khách đã về hết từ lâu, chỉ có hai chúng tôi với cái máy đập thỏ chưa có dấu hiệu dừng lại. Con thỏ cứ liên tục trồi đầu lên rồi nhanh chóng thụt xuống trở lại. Nàng dường như rất phấn khích với cái búa gỗ trong tay nên cứ liên tục đập trúng. Cái máy cứ phát đi phát lại một bài nhạc không vui cũng không buồn, trong khi anh chàng nhân viên thì liên tục đi lại sau lưng với cái chổi trong tay. Lát sau có lẽ không thể chờ được nữa, anh chàng dần cây chổi xuống sàn gây nên một tiếng động lớn. Chỉ khi ấy chúng tôi mới nhận ra tất cả các máy trò chơi xung quanh đã được tắt im lìm thì mới tên tò đi về. Bấy giờ đã là nửa đêm.

Và rồi một cách tự nhiên, nàng đã ở lại cùng tôi đêm đó. Quả thực lần theo cái vết mờ tối ấy là hai gò tay thoảng thơm như nụ hoa. Và mỗi khi tôi chạm vào nụ hoa ấy, cảm giác có gì đó đang chờ đợi mình “sau bữa tiệc” lại mơ hồ xuất hiện.

- Anh không thích ngực em sao? - Nàng hỏi khi tôi đang ôm nàng trong lòng. Con buồn ngủ lơ mơ tiến tới ngay lập tức bị đẩy lùi tám thước.

- Không hề! Anh rất thích. - Tôi nhồm dầy một chút để có thể nhìn thẳng vào mắt nàng. Tôi không hề thích nàng phải lẫn lẫn một suy nghĩ không vui nào đó trong đêm nay. Có gì đó đang lừ đừ tiến đến, lộn cộn như một gợn mây.

- Lúc anh đứng đợi nước nóng ở bàn phục vụ, em đã nhìn anh thật lâu. Em không nghĩ tối nay mình đã ở đây, và đã như vậy. - Nàng đặt một ngón tay lên môi tôi, và rồi kéo nó sang phải khoảng hai li. Tôi có thể cảm nhận được môi mình khô ráp, chỗ nàng vừa đặt ngón tay có cảm giác lạnh lạnh.

Nàng tiếp lời:

- Anh cứ đợi cái gì đó, không phải đợi nước nóng phải không? Em không chắc lắm, nhưng em thấy cảnh tượng ấy thật buồn!

- Vậy là ngay lúc chưa biết nhau anh đã làm em buồn sao? - Cái gì đó lại khe khẽ rung lên trong tôi, màu sắc thân thuộc như kiểu tôi đã nằm lòng nó.

- Nay em không phải là người ở vùng khác tới sao? - Tôi buột miệng. - Trước đây anh đã từng gặp em chưa?

Nàng vẫn đang nhìn vào môi tôi, chỗ nàng đã miết ngón tay vào. Tóc mái như đám cỏ lơ thơ lúc này đã nằm rạp sang một bên. Bỗng nhiên tôi nhận ra rằng đêm rất lạnh.

- Hay là em đã từng học tiểu học với anh nhỉ? Những người bạn vào thời ấy nếu bây giờ gặp lại chắc chẳng thể nào nhận ra nhau, nhưng vẫn có tín hiệu nhận ra như kiểu canh rau cải xanh. Cái thể loại canh ám ảnh phải ăn vào mỗi buổi trưa ở lại trường. Kiểu như ngửi phải mùi vị ấy, màu sắc ấy thì cảm giác

quen thuộc đã ập tới, lòng mình chùng xuống, trước khi trí não kịp nhận ra đó là món canh rau cải xanh.

- Trường tiểu học của em không nấu món canh rau cải xanh. - Nàng bật cười. - Thử nói xem anh có chuyện gì đáng nhớ thời tiểu học không? Biết đâu em sẽ nhận ra đúng là mình có quen nhau từ lúc ấy.

- Không thể nào nhớ những chuyện trước mười tuổi rõ ràng như một bức tranh được đâu. Khoa học đã chứng minh. Anh chỉ có thể nhớ vài chuyện đơn lẻ như vài chiếc cúc trên vạt áo.

Không hiểu sao ngay khi nói câu ấy tôi lại nhớ ra một chuyện khá kỳ lạ.

Vào năm tôi bảy tuổi, một hôm mẹ yêu cầu tôi mặc bộ quần áo tươm tất nhất để mang rượu và trà sang nhà thầy giáo. Có lẽ khi ấy là dịp Tết, con đường từ nhà tôi sang nhà thầy dù nhỏ nhưng cũng được trang trí rục rờ. Tôi đến nơi đúng lúc thầy đang tưới cây.

- Bỏ ở ghế cũng được. - Tôi nhớ như in lời thầy nói.

Tay thầy vẫn đang bận giữ vôi tưới. Tôi đặt trà và rượu xuống ghế như lời thầy nói. Mặt ghế lồi xuống, nó khiến cho chai rượu không cách gì đứng thẳng được. Tôi cứ đứng mãi ở đó, đợi xem bao giờ thì chai rượu sẽ đổ. Tôi vừa sợ hãi chuyện ấy xảy ra, nhưng cũng vừa chờ đợi giây phút nó nghiêng và rơi xuống đất vỡ tan tành. Chuyện ấy đột ngột tái hiện lại trong trí não một cách rõ ràng chỉ trong vài ba giây. Tuy nhiên thứ trở dậy rõ ràng nhất là khoái cảm lúc nghĩ đến chuyện chai rượu sẽ vỡ tan tành.

- Có lẽ không có gì có thể gợi nhớ được anh có quen em không. Chẳng có kỷ niệm nào gắn với nhiều người. Anh chỉ nhớ những chuyện chỉ có một mình anh.

Nàng im lặng một quãng. Trong lơ mơ tôi nghe thấy tiếng máy bay bay qua, nhưng chỉ ầm ào khe khẽ rồi lịm dần. Mắt nàng có vẻ dần trĩu xuống, từ từ từng li một như anh chàng lính gác ngủ gật dần buông súng. Mắt tôi cũng nặng dần.

- Này, em đã bao giờ có khoái cảm khi thấy cái gì đó đổ vỡ không? Là đổ vỡ theo nghĩa đen ấy, cái gì đó rơi xuống đất và bị vỡ ra. Mọi thứ tung toé hết cả lên. Ví dụ như, một chai rượu.

Không hiểu sao ngay lúc này, trong tôi chợt trở dậy mong muốn tột độ rằng chai rượu đã rơi xuống và vỡ tan nát.

- Em không biết. Nhưng cái đó dễ mà. Anh cứ tiến tới và thử đập bể nó.

- Không. Anh chỉ đứng vậy mà chờ đợi nó thôi. Và nó cứ lặng lẽ ở mãi ở đó.

Lại có tiếng máy bay. Nhưng lần này chỉ khe khẽ, nghe như từ rất xa. Khẽ đến nỗi tôi cũng không chắc chắn về điều đó. Cũng có thể chỉ là ảo thanh trong đêm tối yên ắng. Không khí mỗi lúc một lạnh. Tôi không nói gì thêm, nàng cứ thể chìm vào giấc ngủ!

Người hâm mộ

Truyện ngắn của LƯƠNG KHẢ TÚ

“Cậu vẫn nghĩ sẽ có ngày Vũ Thanh quay lại và nhận ra cậu là người duy nhất yêu anh ta hết lòng phải không? Mơ mộng hão huyền! Chua chát An nhì nhưng đó là sự thật. Anh ta là nghệ sĩ, An ơi, nghệ sĩ đấy. Dù có hết thời vẫn là một nghệ sĩ từng tắm trong hào quang sáng chói. Nghệ sĩ cặp với nghệ sĩ, người hâm mộ chỉ có thể đứng nhìn từ nơi xa xôi. Tỉnh táo lên nào bạn tôi ơi!”

Lời Ngọc nói như một cái bạt tai cũng chẳng làm Bích An suy suyển. Những lời này cô đã nói gần như trong mọi cuộc gặp. Chỉ cần thấy Bích An bắt điện thoại của Thanh là “bài ca giáo huấn” bắt đầu phát ra rả. Ngọc không dám nhận mình thân thiết với An nhất nhưng chẳng đời bạn cô bỏ ra để dõi theo và hết lòng yêu thương chàng ca sĩ Vũ Thanh thì cô không bỏ sót tí gì. Bích An đã si mê Vũ Thanh từ những ngày anh chập chững vào nghề cho tới khi “hết thời” bằng một tình yêu bền bỉ, thậm chí lớn dần theo năm tháng. Ngọc cảm thấy điều đó thực quá đổi phi thường và phiến toái. Trong suy nghĩ của cô, thần tượng chỉ để hâm mộ trong một vài giai đoạn. Tre già măng mọc, mỗi năm có ổi nghệ sĩ mới nổi lên được công chúng nồng nhiệt đón nhận thay cho những người không còn sức hút. Điều đó đến giờ vẫn đúng với cô, còn bạn cô thì không. Bích An vừa tròn hai mươi lăm tuổi, vào độ đẹp nhất của phụ nữ nhưng cô không hề ham thích việc hẹn hò, gặp gỡ. Cô cố gắng tâm sức cho Vũ Thanh như tình yêu của một phụ nữ trung niên đối với bạn đời trăm năm, không một lần ngỏ ý thay lòng.

“Anh ấy đâu cần nhận ra gì.” Bích An cười lấy lệ sau khi nghe bài ca quen thuộc. “Cái chuyện của mình ấy mà, mình đối với anh ấy thế nào, anh ấy biết, mình biết. Vậy là đủ. Nó không chua chát như cậu nghĩ đâu.”

“Cậu nói được như thế sao không đón lấy nổi một mối tình mà mấy gã trai ngoài kia dâng lên? Công việc cậu đang làm là gì nào? Trợ lý thân cận của Vũ Thanh? Ồi chao mình xin cậu, đấy còn không giống một cái nghề thực thụ. Cậu bỏ việc văn phòng để lãng xăng chạy theo giúp việc anh ta với đồng lương

chết đói. Cậu có từng dành năm phút suy nghĩ cho bản thân chưa? Trẻ thì vẫn trẻ đấy nhưng tuổi trẻ có hạn, cô nương ạ. Cuộc đời chúng mình không phải là phim Hàn Quốc, mỗi tình thần tượng - người hâm mộ sẽ không thành đâu.”

“Ngọc này, mình đã nói rồi, mình biết cậu không muốn than phiền mãi và nghe mình giải thích dông dài mãi. Anh ấy đã hết lòng với người hâm mộ suốt từng ấy năm thì mình cũng muốn hết sức vì anh ấy trong giai đoạn khó khăn. Ngày đó chính cậu ủng hộ niềm hâm mộ của mình còn gì.”

“Vì mình tưởng cậu chỉ thích Vũ Thanh một chút trong một thoáng qua mà thôi.”

Ngọc thở dài nhớ lại buổi đầu cả hai biết Thanh. Hai thiếu nữ mới lớn nghe danh chàng ca sĩ - nhạc sĩ Vũ Thanh về thị trấn biểu diễn liền xoắn xuýt sửa soạn cả ngày trời đến xem buổi diễn. Tới nơi hai cô gái mới bàng hoàng nghe người gác cổng lạnh lùng thông báo rằng mấy tấm vé hai cô quý như vàng là vé giả, chẳng có tí giá trị. Vé chợ đen cũng đã được bán hết từ đời nào. Điều quan trọng là hai thiếu nữ cả tin đã vết sạch tiền tiêu vật cho một đàn anh lớp trên vừa mới tốt nghiệp, đổi lấy món đồ vô giá trị kia. Trong khi Ngọc hết mắng chửi cuộc đời đến rửa sả tay lửa đảo giờ đã cao chạy xa bay thì bên cạnh cô là Bích An đứng thất thần với đôi mắt ngấn lệ. Như nhiều thiếu nữ hoa mộng cùng thời, An mê những sáng tác của Vũ Thanh tới mức có một quyển sổ chép toàn bộ ca khúc của anh, lại còn dày công trang trí từng trang vô cùng tỉ mỉ rồi mang theo khắp nơi. Cô bảo những sáng tác của Vũ Thanh đã an ủi mình trong thời điểm khó khăn nhất nên cô tin anh hơn ai hết.

Gần tới giờ diễn hai cô gái vẫn đứng ngây người bên hông rạp hát trong khi ai nấy đã vui sướng an tọa bên trong. Và rồi thật chậm rãi mà choáng ngợp, một chiếc ô tô đen bóng trở tới trước mặt cả hai. Người bước xuống mang kính đen nhưng chỉ với món đồ cón con ấy thì người hâm mộ nào cũng lập tức nhận ra là Vũ Thanh.

Năm đó Vũ Thanh hai mươi lăm tuổi, là chàng nghệ sĩ trẻ triển vọng được yêu thích nhất thời bấy giờ. Ngọc hiện tại không còn mang tâm tư của cô thiếu nữ năm xưa song vẫn nhớ như in khoảnh khắc ấy. Cô hết tròn mắt nhìn Thanh lại quay nhìn An, chắc hẳn bạn mình sẽ òa khóc nức nở hoặc cuống quýt phát điên lên đúng như hình dung về những cô gái mới lớn được diện kiến thần tượng. Nhưng rồi cuộc khi phép tiên thành sự thật, An chỉ đứng yên như trời trồng, một tay cầm tấm vé giả, tay kia siết mạnh tay Ngọc tới mức nó in lên những dấu hằn. Mắt An mở lớn, đầy mắt trong veo dâng đầy xáo động khiến Ngọc cảm giác đó là thứ bùng sáng nhất trong ngày mây giăng đầy trời. An dùng ánh mắt ấy chăm chú dõi theo bước chân Vũ Thanh đang từ tốn tiến tới chỗ mình.

“Hai em đi nghe nhạc sao còn chưa vào? Đang đợi ai à? Anh tới muộn nhất mà cũng có mặt rồi đây này!”. Tiếng nói Vũ Thanh gần bên tai cảm giác có chỗ không giống hiện thực.

Ngọc nghe câu đùa của chàng ca sĩ mà cười như mếu, đoạn bối rối giải

thích vụng về, giọng hơi run run. Vũ Thanh nghe xong tháo kính râm giắt vào cổ áo, nhìn lướt qua hai tấm vé vào cổng trên tay An. Anh thận trọng vươn tay ra lấy một tấm.

“Cho anh mượn xem chút.” Thanh sẫm soi một lúc, phát ra tiếng thở dài. “Không có dấu của nhà tổ chức. Hai em lần sau mua vé ở đâu cũng phải cẩn thận để ý, đến cả ngày tháng in cũng bị mờ này. Và lại vé kiểu này chỉ xem được ở xa xa thôi, hai em muốn chỗ VIP thì phải gặp đúng người.”

“Bọn em biết gặp ai bây giờ nữa hả anh? Mượn như thế này.” Ngọc thất thểu nói.

Thần nhiên dứt tấm vé giả vào túi áo khoác jeans sành điệu, Vũ Thanh búng tay chỉ vào chính mình, bật lên một tiếng cười hơi khàn khàn.

“Hai em có thích xem anh diễn từ trong cánh gà không?”

Khỏi phải nói, hai thiếu nữ nhảy căng lên như được nhận quà trước ngày sinh nhật. Bích An trước sau vẫn mang dáng vẻ ngơ ngác chưa định thần, duy có ánh mắt là không ngừng lấp lánh và không rời khỏi từng chuyển động của Vũ Thanh. Cô lẻo đẻo bước theo thần tượng, bám sát Ngọc khi cả hai cùng đứng trong cánh gà dõi ra sân khấu. Cô thầm thì thổ lộ mình chưa bao giờ ở gần Vũ Thanh đến thế và Ngọc gật lia lịa. Góc nhìn từ hướng này tuy hẹp, thường xuyên chỉ thấy chàng ca sĩ trong bộ dáng nghiêng nghiêng nhưng đặc biệt lại có thể không bỏ sót một giọt mồ hôi nào rơi trên thái dương anh. Cả hai thả lỏng thân người lúc thì vô tư nhảy nhót, lúc đứng đưa theo lời ca anh vọng đến.

“Anh còn một bài nữa.” Vũ Thanh nói với hai cô trong lúc vào cánh gà uống nước, mồ hôi anh rỏ tong tong xuống cổ nhưng nét cười tươi đặc trưng của nghệ sĩ vẫn giữ. “Hai em ở lại xem hết nhé.”

“Anh hát bài ‘Bay bay về trời’ được không ạ? Em rất muốn nghe bài đó.” Cuối cùng Bích An cũng dám mở lời với thần tượng, đó là lời thỉnh cầu cô đã ôm trong lòng hơn một năm.

“Thế nào bây giờ nhỉ? Bài đó không nằm trong chương trình. Nó buồn lắm, khán giả sẽ không thích đâu.”

“Đó là bài hát rất quan trọng với em. Em chỉ được nghe anh hát ‘Bay bay về trời’ trên radio đúng một lần nhưng nó đã bầu bạn và nâng đỡ em trong khoảng thời gian khó sống nhất.”

Vũ Thanh nhìn sâu vào ánh mắt trong trẻo của An, qua cách diễn đạt anh dần đoán ra cô gái trẻ này đã trải qua chuyện gì. “Bay bay về trời” được anh viết ngẫu hứng trong một ngày mưa tầm tã, là sáng tác hoàn toàn riêng tư dành để tưởng nhớ người mẹ quá cố. Chương trình radio mà An nhắc tới được phát rất muộn, bạn cũ nài nỉ lắm Vũ Thanh mới tham gia và hát ca khúc này để nó được “ra ánh sáng” một lần rồi bay lên thiên đàng với mẹ mình. Chỉ có những người đồng cảnh ngộ mới thấu hiểu sâu sắc những câu chữ mộc mạc mà thiết tha trong ấy.

“Em tên gì?”

“Bích An.”

“Em đợi anh một chút.”

Ca khúc tiếp theo và đáng lẽ là cuối cùng vẫn là một bản sôi động hút hồn đám đông. Rồi trong khi khán giả đang tỏ ra tiếc nuối, Vũ Thanh chợt quay sang ban nhạc mượn cây guitar và chậm rãi ngồi xuống bục sân khấu. Anh đặt hẳn micro xuống sàn khi trò chuyện, tiếng nói lúc này mới thực thà hơn bao giờ.

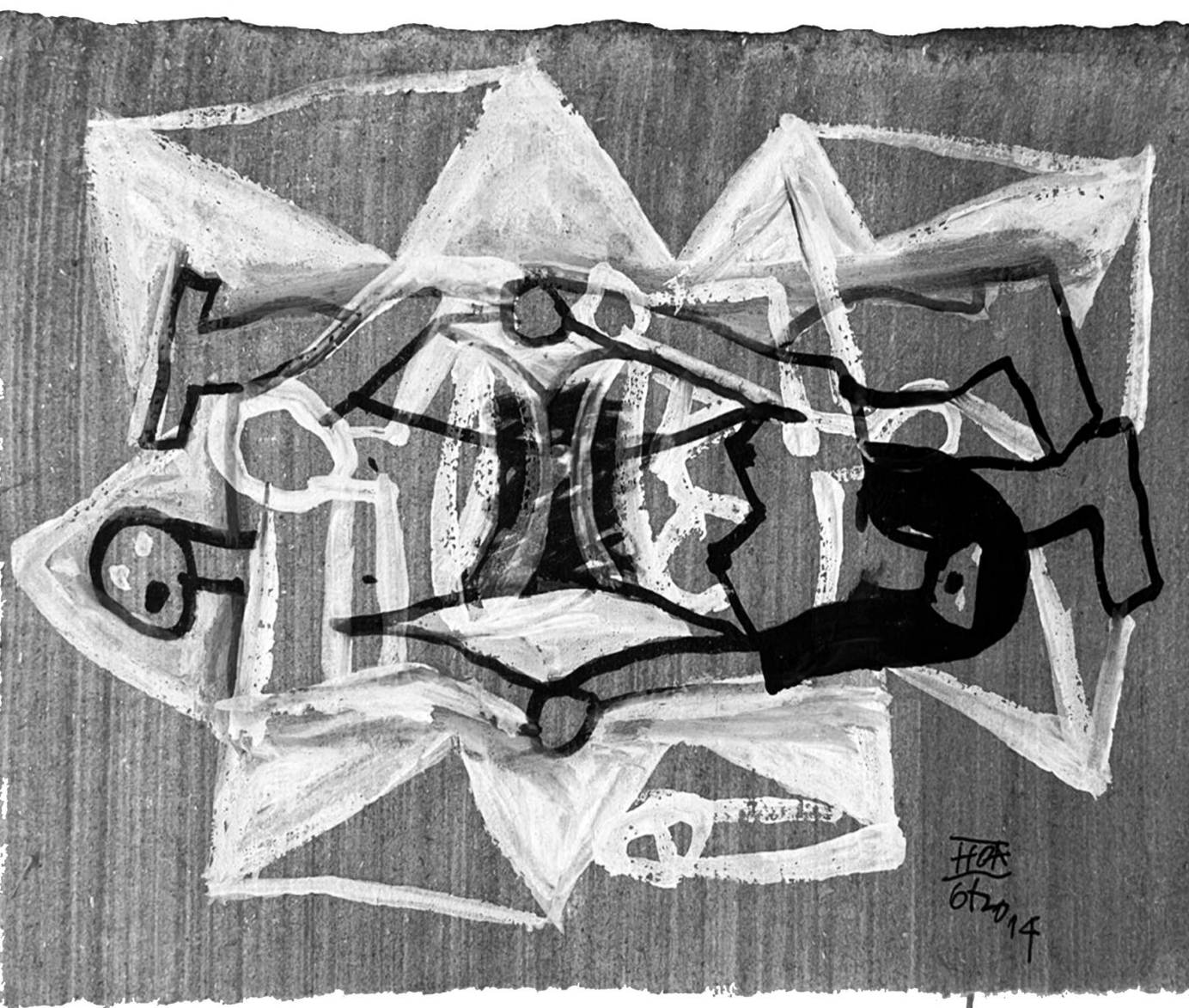
“Phần trình diễn của Thanh tới đây đã kết thúc. Những gì Thanh làm bây giờ là tâm sự, Thanh xin ban tổ chức và mọi người cho Thanh ít phút rủ rỉ tiếng lòng với nhau nhé. Ca khúc sau cùng này Thanh tặng cho những ai không đủ may mắn nhưng không bao giờ vứt bỏ cuộc sống của mình. Mỗi giai đoạn chúng ta đón nhận những được - mất riêng, chỉ cần còn bước tới thì vẫn còn cơ hội nhìn thấy ngày mai đẹp trời. Một bản nhạc Thanh viết trong những ngày đầu sáng tác, bạn nào biết thì đừng ngại hát với Thanh. Chúng ta cùng dành tặng nó cho người bạn đặc biệt của Thanh ngày hôm nay. Tặng em, Bích An. Hãy dành những ký ức mịn màng nhất để nhớ tới người thân yêu của mình dù họ đang ở đâu chẳng nữa.”

Vũ Thanh cất tiếng hát. Không micro, không loa điện, không dàn nhạc, tiếng hát mộc mạc, trầm khàn của Thanh hòa vào tiếng guitar nhẹ nhàng, ấm áp và lời ca du dương của khán giả bên dưới, tất cả hóa ra hoàn hảo trong ba phút đồng hồ. Ba phút đầy phép màu. Bích An khóc suốt thời gian đó. Cô khóc như chưa bao giờ được khóc và dường như tất cả để yên cho cô được mặc sức đắm mình.

Ngọc lảng lảng cả tuần lễ sau đó. Cô mang chuyện khoe với tất cả mọi người, tin rằng bạn mình cũng như thế nhưng cô đâu có ngờ cơn lảng lảng của An kéo dài tận mười năm. Rồi tỉnh lẻ lên thành phố, An vẫn âm thầm dõi theo từng bước chân Vũ Thanh trên con đường ca hát. Những thành công hay bước thụt lùi của anh cô đều ghi chép lại. An chọn học ngành truyền thông để đến gần hơn với thần tượng. Và cô đã làm được.

Hai người nhận ra nhau trong một buổi diễn mà cái tên Vũ Thanh không còn đảm nhận vị trí chủ chốt. Anh vẫn hát say sưa còn cô vẫn đứng trong cánh gà hết mình cổ vũ, hát theo không vấp một chữ. Đến khi anh chấm dứt hợp đồng với công ty quản lý và hoạt động độc lập, An quyết định chuyển sang làm bán thời gian để kiêm luôn việc trợ lý cho anh. Không chỉ lảng lảng trong từng sự kiện lớn nhỏ Vũ Thanh tham dự, nhiều buổi hẹn hò của anh với người yêu An cũng lảng lảng đi theo ngồi một góc riêng để tiện thu xếp công việc.

“Mình phải đi đây. Anh ấy cần mình.” Bích An xách túi đứng dậy, đặt lên



Heck
6/20/14

bàn một tờ polymer. Cuộc hẹn cà phê với Ngọc kéo dài tới đây là đủ. Cả hai đã nói những điều muốn nói.

“Lại gì nữa? Một show diễn cần Vũ Thanh hát lót cho ngôi sao có phải không?” - Ngọc bĩu môi, không cố ý cay nghiệt nhưng lời cứ thế tuôn ra.

Mặt An hơi đanh lại song cô vẫn thu xếp được dáng vẻ dĩ hòa vi quý.

“Anh ấy đang ở trước nhà mình. Hình như gây nhau người yêu. Mình thật sự phải giúp anh ấy, cậu hiểu cho mình đi.”

Ngọc rất muốn hiểu nhưng cô biết rằng nếu cảm thông chuyện này cô cũng chỉ đang hiểu cho hoàn cảnh bi đát của Vũ Thanh. Một ngôi sao hết thời, một nghệ sĩ không thể viết thêm tác phẩm nào trong nhiều năm trở lại đây, một cái tên giờ chỉ nằm ở phía dưới cùng của tấm áp phích. Cứ xem như Ngọc cố gắng thấu hiểu cho Vũ Thanh thì ở phía ngược lại, có ai thật sự thông cảm cho Bích An? Cho đến giờ cô vẫn chỉ là cái bóng nhỏ bé được định danh là trợ lý thân cận của Vũ Thanh không hơn không kém. Cô không phải người yêu dấu của một ai, tồn tại quan trọng với bất kỳ ai. Không ai hết lòng vì cô như cô đang làm cho thần tượng thuở thiếu thời.

Tuy nhiên tất cả những điều này chỉ nằm trong suy nghĩ của Ngọc. Bích An thì chỉ cần nhìn thấy Vũ Thanh đứng trước cửa nhà liền quên bẵng việc mình cũng có một cuộc đời. Cô vươn tay về phía anh như giây phút hội ngộ người bạn cố niên, dịu dàng và thận trọng, khẽ khàng và âu yếm vỗ nhẹ lên lưng anh. Đứng trước người hâm mộ thân tín nhất mình có được, Vũ Thanh trút bỏ sạch sẽ dáng vẻ ngôi sao còn sót lại, hiện nguyên bộ dáng một người đàn ông không giữ được người mình yêu.

“Cô ấy nói anh đã bắt cô ấy đợi quá lâu và giờ thì muộn rồi, cô ấy phải đi. Nhà đã cầm cố để trả nợ, xe thì anh nhường cho cô ấy. Có quá quắt không nếu anh xin ở lại nhà em ít ngày? Ở khách sạn sẽ đánh động báo chí. Bọn kền kền rất thính nhạy loại tin tức này.”

“Em hiểu.”

Côi lòng An vừa trữu nặng đồng thời cũng thấy hẫng đi một nhịp sau khi phát ra hai tiếng này. Trước mặt cô, chàng nghệ sĩ ngôi sao từng tự tin ngời ngời dẫn theo cô và bạn vào trong cánh gà mà không cần ngỏ xin một ai đã không còn nữa, thay bằng một người đàn ông bình thường nhất trên cõi đời. Cô những muốn ôm gọn anh vào lòng nhưng sau rốt bàn tay vẫn chỉ dịu dàng đặt trên lưng anh.

Kế nhà Bích An có một quán rượu nhỏ vô danh. Từ hôm đó ngày nào cũng thấy Vũ Thanh say khướt. Chẳng còn tụ điểm nào gọi anh tới, tên người thương càng không hiện lên màn hình điện thoại. Anh uống tới khi không thấy trời trăng gì nữa và để An dìu về nhà lúc nào không hay. Ở chốn khi ho

cò gáy này cũng chẳng có ai nhận ra anh. Ngày ngày thức dậy trên sofa An đau lưng chết được nhưng nhìn Thanh ra nông nổi ấy An còn thấy đau hơn. Giọng cô qua điện thoại lúc nào cũng nghe uể oải và trệt nhịp, Ngọc khó chịu vô cùng nhưng dù muốn cũng không biết nên can thiệp từ đâu.

Một buổi tối sau cơn mưa rào Ngọc đến đưa đồ cho An, thấy căn hộ của cô để cửa mở nên thuận thế bước vào. Chưa kịp lên tiếng Ngọc đã nhìn thấy bóng An ngoài phòng khách. Có vẻ cô vừa dìu Vũ Thanh từ quán rượu về nhưng vừa tới sofa anh đã đổ gục xuống. Chẳng biết làm gì hơn cô đành để anh nửa nằm nửa ngồi tại đó. Ngọc không muốn đánh động bạn, bèn đứng ngoài cửa mục kích cảnh tượng lạ đời.

Dưới ngọn đèn vàng từ hành lang hắt vào phòng khách, chiếc bóng Vũ Thanh từ trên ghế đổ dài xuống sàn. Mùi mưa vẫn vút trong không khí, gợi lại ký ức về một mùa hè đã qua đi từ rất lâu. Bích An đứng yên như tượng bên cạnh nhìn Thanh ngủ say. Trong cái khoảnh khắc mà Ngọc tin rằng bạn mình sẽ ôm chầm lấy thân tượng mà khóc hay hôn trộm lên má anh thì An bất chợt ngồi xuống, từ tốn dùng ngón tay di khe khẽ theo đường viền khuôn mặt Thanh, cố gắng không chạm vào làm anh thức giấc. Ngón tay di đến đâu về mặt cô nhẹ nhõm đến đó. Đoạn, An dịch chuyển người một chút cho hai chiếc bóng dưới sàn gần sát lại, tiếp đến làm một động tác như diễn viên múa: cô di chuyển bàn tay để bóng mình vỗ về bóng anh. Động tác của cô uyển chuyển và trêu mến như sợ làm đau cả chiếc bóng trên sàn. Rồi cô hát. Khúc “Bay bay về trời” qua cách truyền tải khê khàng của An giống lời ru được cất kỹ từ thời thơ ấu. Cứ thế, không biết là bao lâu, An vừa hát thì thầm vừa đổ dành chiếc bóng Thanh ngủ yên. Khuôn mặt cô tràn đầy vẻ hạnh phúc nhưng có gì trong đáy mắt vẫn sót lại một nỗi nhớ tiếc khôn nguôi.

Bằng ấy những chi tiết lạ thường vừa diễn ra khiến Ngọc hiểu rằng tình yêu là tờ giấy trắng rộng bao la, ai cũng có thể vẽ lên tờ giấy của mình những đường nét không thể sao chép, vẽ bằng cả trái tim căng đầy. Tình yêu của Ngọc là có người đón đưa giờ tan ca, đêm đêm gói mình trong vòng tay ấm áp ngủ ngon lành không mộng mị, là lời yêu được bật lên thành tiếng. Và cũng có những tình yêu tha thiết không bao giờ chạm vào nhau dù thịt da có gần gũi cách mấy. Chỉ có những kẻ không biết yêu thương một điều gì mới nộp giấy trắng sau chuyển ở trọ trần gian.

Liên tục hơn ba tháng sau đó người ta gần như luôn bắt gặp An trong dáng vẻ chạy đôn chạy đáo. Những lúc đứng yên một chỗ cô cũng gọi điện, nhắn tin liên hồi. Hỏi ra mới biết cô đang mài huy động vốn từ những người hâm mộ lâu năm của Vũ Thanh để tặng anh một điều bất ngờ, chính là buổi diễn của riêng anh không cần chịu sự quản thúc của ai. Bích An nghe tin quán rượu

cạnh nhà sắp chuyển đổi thành quán cà phê để đa dạng đối tượng khách hàng, cô liền dùng tất cả tiền lực của mình thuyết phục ông chủ cho mượn không gian quán làm địa điểm tổ chức buổi diễn.

“Một đêm diễn khai trương nghe cũng hay đấy”. - Ông chủ gật gù trước những lợi ích An hứa hẹn.

Số tiền nào còn thiếu An rút thẳng từ khoản tiết kiệm của mình bù vào. Cô nói với Ngọc “Cái gì còn có thể giải quyết bằng tiền thì cứ dùng tiền, đừng đắn đo vì sẽ luôn kiếm lại được”. Ngọc nghe xong không nói gì, âm thầm chuyển vào tài khoản Bích An một dãy số.

Nhờ nỗ lực không biết mệt của An, Vũ Thanh chính thức có một buổi biểu diễn của riêng mình sau nhiều năm hát lót trong các chương trình. Đêm nhạc thành công vượt mức dự kiến. Khán giả trung thành của Vũ Thanh không còn quá nhiều nhưng rất hào sảng, phần lớn đều thành đạt và có gia đình. Họ không mấy mặn mà với những tour diễn ở sân khấu lớn kèm dàn âm thanh hiện đại và đèn chiếu quy mô. Họ thích cái không khí mà sự riêng tư cũng có thể được lan tỏa và sẻ chia. Chẳng cần xếp hàng mua vé, tất cả những gì khán giả của Vũ Thanh cần làm là có mặt ở đó, mua một, hai món đồ uống và cổ vũ anh bằng niềm hâm mộ được gìn giữ bấy lâu.

Vũ Thanh đứng dưới những sợi dây đèn vàng lấp lánh, mỗi lần cúi đầu chào khán giả anh đều nhìn chéch sang phía dưới sân khấu khẽ gật đầu với người hâm mộ số một của mình. Thanh hát như chưa bao giờ được hát, hát như trái tim anh đang chảy máu và rỉ ra những giai điệu chạm đến từng con tim phía dưới. Đó là tiếng lòng nóng hổi của anh trong những giờ khắc hạnh phúc lần cô liêu. Khi đêm sâu hơn người ta thấy lại hình ảnh Vũ Thanh bên cây guitar đầy vết xước, nhẹ nhàng đặt micro sang một bên để thủ thỉ lòng mình bằng những lời chân phương nhất. Tất cả cùng hát theo ca khúc “Bay bay về trời”, thậm chí rủ rủ như là tâm hồn họ sau bản nhạc này sẽ được tái sinh.

Lần này Bích An không còn rơi một giọt lệ nào; cô giữ nụ cười tươi suốt từ đầu tới cuối. Vì cô biết điều gì đang thực sự tái sinh.

Hữu xạ tự nhiên hương, chỉ hai hôm sau điện thoại của Vũ Thanh lẫn An đều chực nổ tung vì những cuộc gọi chào mời. Sau nhiều lần thương thảo Vũ Thanh quyết định ký hợp đồng với công ty mới và dự án đầu tiên là cùng các nghệ sĩ của họ lưu diễn Đông Nam Á. Anh nhận ra mình chẳng có mấy món để mang theo trong hành lý và rồi cũng phải để lại luôn người hâm mộ số một của mình. Tất cả đều hiểu dấu có mang vừa An trong hành lý thì cô cũng chọn ở lại.

“Ở tuổi này anh chẳng thiết thành công rực rỡ nữa, nhưng đâu có cơ gì dừng lại phải không các em?”

Vũ Thanh nở nụ cười tròn đầy vương một tia tiếc nuối nhìn Bích An và Ngọc. Sân bay ken đặc hành khách lũ lượt vào ra song tiếng nói của họ rót vào tai nhau vẫn rõ ràng như lời hẹn bên rạp hát chiều hè. Đường như An có vô vàn lời để nói nhưng cô để dành nó vào đáy mắt trong.

“Anh tin mình sẽ gặp lại em sớm thôi, An ạ. Khi anh hát hết mình trên sân khấu, từng khán giả bên dưới chính là em. Cảm ơn vì tình yêu của em.”

An hơi nép mình sau lưng Ngọc khi đón nhận lời cảm ơn. Nhân lúc bạn mình không để ý, Ngọc kiễng chân nói thầm vào tai Vũ Thanh mấy câu. Toàn bộ biểu cảm của Thanh thu lại trong vẻ nhẹ nhõm, rồi anh chậm chậm lấy trong túi áo khoác ra một mẫu giấy cũ mềm, quần góc. Tầm vé giả năm xưa anh đón từ tay Bích An và dùng nó để được cô đón vào trái tim yêu thương vô điều kiện. Một tay trao lại tấm vé cho An, tay kia anh làm động tác khẽ vuốt tóc cô. Tất cả đều dịu dàng.

“Giờ là lúc dành thời gian cho chính mình rồi đó, Bích An. Hãy để toàn bộ phiền lo bay bay về trời. Em cũng là một người quan trọng, đáng được yêu và ngưỡng mộ. Đừng sợ, em không cô đơn, anh cũng không.”

Khoảnh khắc ấy Ngọc nhìn thấy một sự chuyển giao kỳ lạ. Vũ Thanh dùng ánh mắt ngưỡng mộ tha thiết nhìn An, bóng anh vỗ về bóng cô, trái tim anh được an ủi bởi tồn tại của cô. Ngọc hiểu chặng đời làm người hâm mộ số một của Bích An đã chấm dứt. Có lẽ phải mất một thời gian nhưng An sẽ bước những bước chậm rãi mà kiên định vào cuộc đời bằng tâm thế vừa được thay mới. Cô bước một mình, hoặc đặt tay trong bàn tay đáng tin cậy khác. Trái tim con người cùng một lúc có thể vô cùng nhỏ bé và vĩ đại. Trong tờ giấy trắng rộng bao la, ai cũng được mặc sức vẽ những vòng tay ôm không buông ra bao giờ. Chỉ cần không ngừng dẫn bước thì người từng tiếng tăm lừng lẫy như Vũ Thanh, hay những cá thể bình thường như Ngọc và An sẽ chẳng có gì phải sợ mình chỉ có một mẫu giấy trắng ôm khư khư suốt đời.



Nước mắt trúc

Truyện ngắn của LƯU SƠN MINH

Trăng đêm Yên Tử sơn qua tiết Trung thu lại càng tròn và sáng. Trên một vạt đất phẳng, rộng chừng non nửa cái chiếu là một thiền sư đang tĩnh tọa. Ánh trăng tràn trên bóng hình bất động tựa như một pho tượng dát vàng. Tất cả đều im lặng, một sự im lặng vô biên. Chỉ có thoảng chút khói hương thơm quanh quẩn...

Phía trong, gần sát vách núi có mấy người lơ nhố. Tiếng thì thảo của họ dường như tan biến vào khoảng không yên tĩnh: “Trăng sáng nhường kia mà hồi sáng sao mưa gió thế không biết. Giá đừng mưa thì đâu đến nỗi...”

Đột nhiên nhà sư quay lại và khẽ vẫy tay. Lập tức một người cao, gầy guộc trong đám kia vội chạy lại, mang theo bút và nghiên. Thiền sư thông thả chấm nhẹ ngòi bút vào nghiên mực và chậm chậm viết một chữ “Giải” thật lớn lên chiếc lá vừa nhặt ngay cạnh đó. Mực đen chưa khô nhấp nhánh trong ánh trăng như nước. Trông vào đó đột nhiên người cao gầy cúi đầu xuống và cố giấu một tiếng thở dài. Trăng vẫn sáng...

Câu chuyện:

... Đêm mười bốn trời tạnh ráo, Thượng hoàng⁽¹⁾ sai bày cỗ trông trăng để những kẻ đi theo được có chút thanh nhàn sau mấy ngày khênh cáng từ hành cung Thiên Trường tới An Bang. Trong bữa cỗ, viên quan hầu đột nhiên nhớ ra chuyện ả Trần⁽²⁾ - tức là Chiêu Quốc Vương Ích Tắc có lần sai đám nha sinh trong nhà vịnh trăng tiết Trung thu. Một gã đã nộp lên một bài thơ chẳng

(1) Trần Nhân Tông (1258 - 1308). Làm vua 14 năm, hai lần đánh quân Nguyên, sau nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông, tu ở núi Yên Tử, xưng hiệu là Trúc Lâm đầu đà.

(2) Sau khi trốn ra hàng quân Nguyên, Ích Tắc bị gọi là ả Trần!

tên chẳng tuổi, gọi trắng là thứ không sao hái nổi, còn mộng tưởng trên đời chỉ là chuyện hão mà thôi. Ích Tắc nổi giận sai đi tìm nhưng không biết tác giả bài thơ trốn đi đâu. Về sau hoá ra hắc đầu quân và chuyên bày mưu cho Hoài Văn Hầu Quốc Toàn. Mưu của gã này cực kỳ oái oăm, chỉ toàn đánh bằng những trò quái dị, giặc chẳng biết đâu mà chống đỡ...

Tới đây, câu chuyện lại đột nhiên chùng hẳn xuống. Ai cũng không muốn nhắc lại dù trí óc người nào cũng nhớ rất rõ rằng Quốc Toàn đã hy sinh trong trận đánh bên bờ Như Nguyệt khi truy kích lũ quân Nguyên bỏ chạy. Quá say với chiến thắng, Hoài Văn đã trúng một mũi tên bay lạc. Tới sau khi bình công, hỏi đến gã mưu sĩ kia thì chỉ thấy quân lính nói rằng gã đã âm thầm bỏ đi trong đêm, hình như mấy năm sau có người kể gặp lại gã - giờ đã trở thành một du tăng - vẫn đang trong bước vô định khắp núi sông...

Chợt Thượng hoàng nâng chén trà đã nguội lên, nhấp khẽ rồi cất giọng ngâm hai câu thơ:

“Xã tắc hai phen chôn ngựa đá

Non sông nghìn thuở vững âu vàng” ⁽³⁾

Tiếng ngâm thơ và không khí trầm hùng của câu thơ khiến cho một cảm giác hào sảng chợt ủa vào lòng người....

Viên quan hầu khẽ đưa mắt nhìn trộm Thượng hoàng. Chẳng lẽ con người mà tráng chí Đông A còn ngùn ngụt nhường kia lại đương khi chuẩn bị lên Yên Tử để tu hành ư...

Lúc ấy, Anh Nga đang ngồi yên trong bóng tối. Nàng đã quen với cái cảm giác cô đơn như vậy suốt mấy năm qua. Kể từ khi Thượng hoàng ngự tại hành cung Thiên Trường, hành tung của Người trở nên rất kỳ bí. Nay đây, mai đó, Thượng hoàng đi khắp nơi xem xét hình sông thế núi. Có khi Thượng hoàng ra Vân Đồn để xem tin tức về thói nhiễu lạm dân chúng của Nhân Huệ Vương Khánh Dư là thực hay hư. Hoặc giả Thượng hoàng rẽ qua thăm ông anh vợ Hưng Nhượng Vương Quốc Tăng ⁽⁴⁾ để bàn bạc dăm ba câu chuyện gì đó rồi lại đi. Thành thử Thượng hoàng truyền không đem cung nữ xuống hành cung Thiên Trường, Người chỉ sai chọn ngay tại đất mấy kẻ thạo việc lo chuyện cơm canh.

Tất thấy đám cung nữ vẫn được Thượng hoàng sủng ái vốn đã hoàn toàn bất ngờ trước việc Thượng hoàng xuống ở hành cung Thiên Trường lại càng ngỡ ngác hơn khi được biết người không cho một ai trong số họ đi theo. Tất cả đều đã trầm lặng thu xếp hành lý và khe khẽ bàn luận với nhau về chuyện xuống Thiên Trường. Ngay cả Anh Nga vốn hay được Thượng hoàng hỏi ý về nhiều chuyện giờ cũng hoá ra người trong ống. Ngày trước, mỗi khi gặp phải

(3) “Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã
Giang sơn thiên cổ định kim âu” (Thơ Trần Nhân Tông)

(4) Con trai thứ ba của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn - nổi tiếng là người đa tài.

chuyện không vừa ý hoặc khó xử, Thượng hoàng thường sai Anh Nga và Tú Anh bày bàn nhỏ trong sân, thắp một chiếc đèn lồng treo lên cành cây phía trước. Rồi Người sai Tú Anh hầu nước, và bắt đầu hỏi ý Anh Nga bằng những lời bóng gió. Thượng hoàng rất quý trọng trí tuệ của cô gái này. Những suy đoán sắc sảo của Anh Nga đôi khi khiến Thượng hoàng phải bất ngờ vì sự mới mẻ của nó. Không phải Thượng hoàng trước đây không suy nghĩ thấu đáo, nhưng cái táo bạo trẻ trung trong cách thức bàn việc của Anh Nga luôn mang một chút gì rất độc đáo. Kể ra mà người ngoài có nghe hóng thì vẫn tưởng rằng Thượng hoàng nói chuyện văn chương thi phú với cô cung nữ tài hoa này. Chẳng ai ngờ những câu chuyện bóng gió như thế lại có khi là một lần cân nhắc cuối cùng của Thượng hoàng trước khi quyết định việc gì liên quan đến vận mệnh một người, một lộ hay có khi cả việc lên xuống của một ông quan.

Vậy mà có lần câu chuyện của Thượng hoàng khiến Anh Nga choáng người. Hôm ấy, đương nói về chuyện phạt số nhân gian chẳng qua cũng chỉ như muôn loài côn trùng thảo mộc, Thượng hoàng đột nhiên chỉ tay vào chiếc đèn lồng hỏi:

- Sao lại có đèn màu xanh thế kia? Ta thấy chú Chiêu Văn⁽⁵⁾ cũng được Trọng phụ⁽⁶⁾ tặng một đôi đèn lồng nhưng màu nguyệt bạch cơ mà?

Anh Nga vội chấp tay lại thưa:

- Dạ, đôi đèn này không phải là đôi mà Quốc công tặng đâu ạ. Đây là quà của Đức ông Hưng Nhượng.

- Quà của Đức ông Hưng Nhượng à? Cái ông này chơi gì cũng lạ, đèn lồng cũng nhuộm thành màu xanh cho khác người thì mới yên hay sao nhỉ?

- Dạ, Đức ông có dặn tỳ nữ, màu xanh này là màu của lá sen.

Thượng hoàng bật cười:

- Thế còn sen đâu?

Anh Nga buột miệng:

- Dạ, thì Đức ông Hưng Nhượng chẳng có ý tặng lá sen cho đài sen đấy ư?

Anh Nga giật mình khi thoáng Thượng hoàng chợt nhìn thẳng vào mặt nàng, ánh mắt Người vụt có một vẻ gì khác lạ. Đường như câu nói của nàng chạm phải một điều gì thâm kín trong tâm tư sâu thẳm của Người. Đột nhiên Thượng hoàng cất giọng đọc:

- Lá chẳng phải lá

Đèn chẳng phải đèn

Xanh là đài ngọc

Đỏ là lửa ghen...

Suốt từ lúc đó đến khuya, Thượng hoàng ngồi im lặng trước sân; Người

(5) Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật - chú ruột của Trần Nhân Tông.

(6) Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn - người vừa là cha vợ, vừa là thầy học của Trần Nhân Tông.



090

1903

104
8/20/4

091

109

26

995

270

091

1309

222

23109

613

khoát tay cho Anh Nga và Tú Anh đi vào. Cả hai nắm tay nhau đứng khuất trong khung cửa nhìn ra, chỉ thấy Thượng hoàng cứ nhìn chăm chú vào ánh sáng xanh dịu của ngọn đèn màu lá sen cho tới khi đĩa dầu trong đó cạn dần rồi tắt phụt...

Anh Nga cứ ngồi suy đi ngẫm lại. Những trần trở của Thượng hoàng từ ngày ấy, rồi mấy câu thơ Người vừa mới ngâm xong hồi nãy là một câu đố quá khó đối với nàng. Nàng chợt nghĩ rằng, có lẽ cả triều đình và rồi mãi sau này nữa, sẽ chẳng có ai biết rằng Thượng hoàng lên núi vì một lẽ gì...

Anh Nga vào cung khi đương tuổi trăng rằm. Và kể từ đó trở đi, nàng mãi mãi là một cô bé mười lăm tuổi trong trí tưởng. Thượng hoàng rất cưng chiều nàng và Tú Anh vì hai cung nữ này là những người có hiểu biết và cái chính là họ có dáng dấp thanh tao, yếu điệu của một vẻ đẹp thoát phàm. May mắn cho Anh Nga là được tuyển vào cung chính khi nàng chút nữa bị ép gả cho con trai xã trưởng - vốn là chủ nợ của cha mẹ nàng. Kể từ ngày đặt chân vào cung hầu Thượng hoàng, sự tận tụy của Anh Nga đã làm không ít người phải ghen tị. Chẳng ai có thể dậy sớm thức khuya như nàng. Cũng chẳng một ai biết pha thứ trà sen bằng giọt sương hứng lúc sớm mai hay cất một thứ rượu lá trúc thật què mà cũng thật thanh như nàng.

Có lần Thượng hoàng đột nhiên tới thăm nàng vào giữa trưa khi Anh Nga đi đầu vắng. Người đứng ngơ ngàng thật lâu trước một căn phòng nhỏ bài trí thật khác thường. Một chữ “Thanh”, nét chữ xộc xệch đầy ngạo khí, rõ là của một kẻ giang hồ, viết trên cái nền lá trúc khô ghép lại. Lá trúc già ngả sang màu vàng như ánh trăng, lung linh ba chấm thủy⁽⁷⁾... Căn phòng chỉ có vậy; một vài viên sỏi cuội xếp lẫn cùng chiếc chén Thượng hoàng ban cho hôm nàng cất rượu vừa ý, vài chiếc lá xanh vàng lẫn lộn đặt hững hờ như vô tình mà thực hữu ý trên chiếc bàn lẽ ra bọn cung nữ vẫn bày những thứ điểm trang...

Thượng hoàng im lặng quay đi, mấy hôm sau nhớ ra Người mới hỏi Anh Nga xem ai là kẻ đã viết chữ Thanh đẹp đến như vậy, và chữ ấy viết có nghĩa gì. Anh Nga cúi đầu xuống, nàng im lặng khá lâu trước khi cho Thượng hoàng biết đó là chữ mà một du tăng đã viết cho nàng khi sắp vào cung. Lệ thường, khi ấy, mỗi cô gái được mấy ngày chuẩn bị. Trong lúc những người khác thì cuống lên, mang thứ này, lo thứ nọ, thì nàng lại lên ra chùa nhặt ít lá trúc khô ghép lại để lưu giữ chút hình bóng của cái làng quê lam lũ mà quá đổi thân thương. Khi tấm lá vừa ghép xong thì một vị du tăng tới thăm chùa. Ông nhìn thật lâu vào màu khô vàng của lá trúc rồi đột nhiên gọi nàng lại, cho nàng chữ

(7) Chữ Thanh có ba chấm thủy nghĩa là trong.

Thanh và dặn rằng: “Hãy giữ lấy mà nghiệm, chữ này chính là mệnh số của con, không sửa nổi được đâu”...

Về sau Thượng hoàng có bảo nàng mang chữ đó ra hỏi Đức ông Chiêu Văn và Đức ông Hưng Nhượng nhưng không một ai chịu giải nghĩa cả. Đức ông Hưng Nhượng chỉ tâu lên Thượng hoàng chữ này chính là nét của kẻ chuyên bày mưu dưới lá cờ sáu chữ⁽⁸⁾ năm xưa. Mãi đến năm ngoài đột nhiên Thượng hoàng sai nàng bày mâm rượu lá trúc rồi mang tám lá đó đến và dặn không cho ai đến gần. Người ngồi thật lâu, tới giữa canh ba thì đột nhiên đặt bút viết mấy dòng:

*Núi xanh xanh
Núi xanh xanh
Đi không đành
Ở không đành*

*Nước trong xanh
Nước trong xanh
Bút sơi tơ mảnh...*

... Rõ ràng lúc Thượng hoàng xuống tắm ở con suối tại chân núi ngoài thì trời hãy còn nắng, vậy mà tới khi kiệu đến chân Yên Tử thì cơn mưa đang lúc kinh khủng nhất. Nước đổ ào ào trên những thân cây dọc theo sườn núi. Đám cung nữ ướt lướt thướt vừa đi vừa nghiêng ngả khóc. Mấy viên quan hầu mặt mũi tái xanh nhìn lên đỉnh núi mờ đi trong màn nước trắng xoá. Không ai biết liệu những tảng đá lớn đang ẩn nấp đâu đó tí xa trên kia liệu có đột nhiên rụng mình mà lăn xuống không. Nhưng chẳng một kẻ nào dám hé răng ra nói bất cứ một câu nào. Đột nhiên, một cung nữ chơi với rồi ngã vật xuống. Thượng hoàng không hề ngoái lại; Người chỉ khoát nhẹ tay ra hiệu cho lũ lính. Cả bọn vội vã chạy ủa vào vực người cung nữ lên. Thế rồi đột nhiên Thượng hoàng nghe thoáng trong tiếng mưa gió vọng lại mấy câu thơ. Suốt những ngày qua Thượng hoàng đã ra nghiêm lệnh, không một kẻ nào được can việc lên núi của Người. Chẳng lẽ lại có kẻ liều mạng không biết liến trong mấy hôm hành cung Thiên Trường nhao nhác, hết quan này đến quan kia vâng mệnh Quan gia tới xin Thượng hoàng nghĩ lại đều bị đuổi ra, mà còn dám ngâm thơ ư?

... Đã lâu lắm mới lại có một lần thấy Thượng hoàng nổi giận như mấy hôm vừa rồi. Lần gần đây nhất người ta thấy Thượng hoàng giận là khi đang đêm

(8) “Phá cường địch, báo hoàng ân” - sáu chữ viết trên cờ lệnh của Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản.

Thượng hoàng đột nhiên về kinh, và bắt gặp Quan gia⁽⁹⁾ đương lúc ngủ gục bên mâm rượu xương bồ cạnh mấy viên quan. Chén bát ngã nghiêng, đèn nến ngã nghiêng. Quan gia đã sai đuổi sạch bọn cung nữ đi để cho “khỏi hỏng mất hương rượu quý”, thành thử chẳng còn ai đứng ngoài cửa điện trừ bọn lính canh. Gã lính xanh lét mặt mày thấy Thượng hoàng đột nhiên hiện ra ở cửa điện như vừa mới thu phép ẩn thân. Gã toan chạy vào bẩm nhưng Thượng hoàng đã khoát tay đuổi ra ngoài. Trông thấy vị vua của cả một nước đang ở trong cái tình cảnh “chẳng giống ai” ấy, Thượng hoàng quay ra và ngay trong đêm về lại thẳng hành cung Thiên Trường, quyết hôm sau truất Quan gia khỏi ngôi báu. Tỉnh rượu Quan gia chạy khắp cả viện trên viện dưới, chẳng một vị đại quan nào nghĩ cho ra một cái mẹo mực gì cho khả dĩ. Cuối cùng may nhờ thư sinh Đoàn Nhữ Hài dám liều mình quỳ trước sân hành cung cả ngày, bất chấp nắng mưa dăng biếu, Thượng hoàng mới hồi tâm mà tha cho Quan gia. Đoàn Nhữ Hài được phong ngay làm Ngự sử trung tán còn Quan gia thì từ đấy cứ đinh ninh rằng một khi Thượng hoàng đã quyết điều gì, họa chẳng chỉ còn khổ nhục kể mới cần nổi. Ai ngờ lần này dám quan ra Thiên Trường lẫn lóc can ngăn thế nào cũng không được lếch thếch kéo nhau về kinh đô. Quan gia gọi vào hỏi chuyện rồi sai hai viên quan hầu dẫn bọn cung nữ vốn được Thượng hoàng tin dùng trước đây đi ngay ra Thiên Trường xin lùi ngày lên núi lại. Mẹo hoãn binh ấy thì đúng là Quan gia nghĩ, thế nhưng làm thì không dám làm, cứ nhớ tới cái lời mà Trung tán Đoàn kể lại phải đến như thế nào mới xin được một cái gật đầu ưng thuận của Thượng hoàng thì tự khắc Quan gia lại dựng hết cả tóc gáy. Đành rằng Thượng hoàng muốn tu thì tu, nhưng cứ ở yên hành cung Thiên Trường để bọn hầu phục dịch, đằng này Thượng hoàng lại nhất quyết lên Yên Tử để tu cho thanh tĩnh. Thượng hoàng còn mượn câu của Quốc sư Phù Vân nói với đức Thái Tông năm xưa để răn đám quan hầu mà thật ra là để răn Quan gia. Chừng như ý Người muốn dặn rằng đừng cố mà bắt dân lên núi xây cung điện. Đây là chốn thanh u tịch mịch, là núi thẳm Yên Tử sơn chứ không phải là Điện Yên Tử. Quan gia đành phải xuống chiếu truyền quan sở tại tuyển phu xẻ một con đường đá lên núi rồi cứ lấy cớ đường chưa xong mà cản Thượng hoàng. Nhưng rồi hôm đầu tháng, Thượng hoàng đã quyết đúng ngày mười sáu thì lên núi. Quan Ngự sử trung tán họ Đoàn vội vã dâng sớ xin Thượng hoàng chọn ngày khác vì cứ như tình tượng mà xét thì ngày mười sáu mưa rất lớn thành thử đường lên núi như thế rất khó đi. Thượng hoàng sai viên quan hầu đến tận nơi trả lời với Đoàn trung tán: Ngày lên núi phải mưa để rửa cho sạch cái vương bận nhân gian! Bữa cơm trưa hôm ấy, gã quan hầu ghé tai Đoàn Nhữ Hài nói nhỏ: “Thượng hoàng xem xong biếu bật cười rồi nói: Cái thằng ranh mặt trắng này chắc chưa được leo

(9) Danh xưng triều Trần dùng để chỉ vua, ở đây là Trần Anh Tông con của Trần Nhân Tông.

núi bao giờ!”. Đoàn trung tán giật mình trợn mắt nhìn lại gã quan hầu gầy nhom đang nhăn răng ra nói tiếp: “Quan ngự sử có nhẽ quên chú mấy cái núi này, thuở Thiệu Bảo - Trùng Hưng⁽¹⁰⁾ Thượng hoàng nào coi là cái gì cơ chứ...”.

Bây giờ thì Thượng hoàng đã nhận ra những câu thơ ấy. Đó chính là mấy câu mà Người đã viết ra hôm uống rượu lá trúc dưới trăng. Viên quan hầu đi bên cạnh Thượng hoàng ngẩng lên nhìn qua vai mấy tên lính về phía người cung nữ đang nằm giữa một bọn người xúm xít rồi lẩm bầm: “Ai như là Anh Nga”. Bước chân Thượng hoàng dường như thoáng chút ngập ngừng... Mấy hôm vừa rồi khi đám quan hầu và bọn cung nữ đến nơi, cả lũ lại lẫn xả vào khóc lóc, can ngăn. Thượng hoàng không hề nói gì. Hiểu con không ai bằng cha. Người biết thừa cái mẹo con con này là của Quan gia. Thượng hoàng cứ để mặc cho đám thừa nước mắt kia khóc cho đã, quả nhiên chốc sau đều im bật cả. Chỉ riêng có một mình Anh Nga, người cung nữ vốn được Thượng hoàng nể vì nhất bởi lối nghĩ suy thấu đáo thì lại không hề nói gì. Nàng chỉ im lặng như một pho tượng gỗ, quyết không có lấy một lời khuyên can nào cả. Chính bởi vậy, trong lòng Thượng hoàng thoáng một vẻ kính phục con người có trái tim sắt đá ấy. Thì bây giờ, ai ngờ người vừa sụm xuống kia lại chính là nàng... Quả thật, ngay cả kẻ gần gũi nhất với nàng là cung nữ Tú Anh cũng không lường trước được điều này. Mà, chẳng lẽ Thượng hoàng lại nghe thấy chính những câu thơ ấy vào cái lúc này ư..

Nhưng rồi Thượng hoàng lại tiếp tục trèo qua những mỏm đá đầu tiên nơi chân núi. Bao nhiêu lâu nay dân phu đã xếp đá thành những bậc tam để đường đi đỡ khó hơn nhưng đám lốc thốc phía sau vẫn hỗn hển gạt nước mưa trên mặt mà leo. Dần dà tiếng những bước chân đi theo Thượng hoàng mỗi lúc một xa. Có gì xôn xao rộ lên dưới chân núi rồi cứ lạc dần trong tiếng mưa, tiếng nước đổ xuống từ sườn núi như những dòng thác nhỏ. Khắp bốn bề trắng xóa những nước là nước. Thượng hoàng cứ im lặng đi giữa màn nước ấy, lên cõi thanh u...

Lời kể của viên quan hầu với Đức ông Chiêu Văn:

Tới tận lúc tắt nắng, Thượng hoàng mới được nghe một tên lính kể lại rằng Anh Nga đã gieo mình xuống dòng suối Hồ Khê nơi chân núi. Tên lính mặt mũi còn nhợt ra nói Anh Nga đợi Thượng hoàng đi đã xa mới vùng dậy, không ai cản kịp. Tiếng xôn xao mà tôi nghe thấy khi lên nửa chừng cái dốc đầu tiên chính là của bọn lính đang cố sức cứu Anh Nga mà không được. Dòng Hồ Khê⁽¹¹⁾ đang chảy cuộn cuộn trong mưa đã cuốn nàng đi...

Thật là đáng sợ, thuở chưa xuất gia, Thượng hoàng có đôi lần nói với tôi về mấy câu “nửa thơ, nửa kệ” mà người đã viết cho Anh Nga. Nghe ra thì câu

(10) Niên hiệu của Trần Nhân Tông trong lần đánh giặc Nguyên thứ hai và thứ ba.

(11) Ngày nay suối Hồ Khê gọi là suối Giải oan. Cạnh suối có chùa Giải oan.

“thơ” cũng thoáng nét tình tứ nhưng lại mang nặng một nỗi oán thán không nguôi và đầy bất trắc. Vậy mà cuối cùng ba dấu chấm thủy trong chữ “Thanh” quả chính là số phận của người con gái tài hoa. Tôi cứ ngồi nghĩ ngợi quẩn quanh rồi chợt nhớ ra hồi chiều khi theo hầu Thượng hoàng ở rừng trúc trên kia, nhìn những giọt nước mưa đọng trên lá, tôi buột miệng thưa với Thượng hoàng rằng những cây trúc dường như đang khóc. Nào có ai ngờ...

Khi tỉnh ra, tôi rùng mình trông ra xung quanh chỉ thấy Thượng hoàng và ngay cả những người lính đều ngồi im phăng phắc. Ánh trời nhàn nhạt và trăng đang lấp ló phía xa. Mọi người chúng tôi đều mệt nhưng không ai thấy đói, tất thấy đều quên rằng thường khi giờ này đương bữa cơm chiều. Dường như ngày đầu tiên ở trên Yên Tử sơn, ngay cả lũ phàm nhân chúng tôi cũng đột nhiên thấy lòng thanh tĩnh lạ thường. Chỉ có một điều này tôi không hiểu nổi, phải chăng sự thanh tĩnh và nỗi buồn cũng gần giống như nhau?...

Khi trời mới rõ mặt người thì đã thấy một vị thiền sư đứng ở ven bờ suối Hồ Khê. Thiền sư quỳ xuống, nghiêng người nhìn sâu vào lòng suối, nơi những chiếc lá cứ xoay tròn một lúc lâu mới trôi đi, rồi lại quẩn vào gần bờ và xoáy. Những giọt nước mắt đầu tiên từ từ lăn trên khuôn mặt tĩnh lặng của Người. Rồi giọt nước nhỏ nhoi ấy khẽ buông xuống suối và làm thành một quãng gợn mong manh. Cứ thế nước mắt của thiền sư theo nhau buông xuống một khuôn mặt vẫn còn mang đầy vẻ vương giả đang hiện lên trên mặt nước. Dòng suối như quặn mình lên, những chiếc lá đột nhiên vượt ra khỏi vòng xoáy và trôi băng băng. Thiền sư lấy từ trong tay áo một chiếc lá rồi thả nhẹ trên mặt nước. Người khẽ rướn lên trông theo chiếc lá xoay xoay một hai vòng rồi vụt đi trong dòng chảy đang dần mạnh lên của con suối. Đột nhiên thiền sư khẽ rùng mình, dường như có những giọt nước mắt lớn hơn đang rơi trên khuôn mặt dưới dòng nước. Người bất giác ngửa nhìn trời... Trời lại mưa. Khuôn mặt dưới kia cứ nhoà dần, nhoà dần và vỡ oà ra trong mưa rồi cuốn theo dòng nước đang cuốn cuộn chảy. Thiền sư chống tay vào một viên đá lớn và đứng dậy, chậm bước quay lên... Cứ bấm đúng từ lúc ấy thì chính khi thiền sư lên gần tới vạt đất hôm qua là tạnh mưa...

Tháng năm, Kỷ Mão

Với câu hỏi còn lại

NGUYỄN CHÍ HOAN

Những lời đáp cứ đến rồi đi, và các câu hỏi đối tượng của những lời đáp ấy thì còn lại. Một danh nhân thời hiện đại đã nói đại ý như vậy.

Dĩ nhiên, người ta hiểu rằng đây là nói về loại câu hỏi nào. Không hẳn là có những câu hỏi “lớn” bên cạnh những câu hỏi không “lớn”, ở thế gian này. Nhưng có lẽ ai cũng biết có một loại câu hỏi mà cứ hể cố trả lời là lại trả lời sai. Hay là, có lẽ hiếm gặp hơn, loại câu hỏi gọi cho người ta suy nghĩ lại về những câu hỏi khác đã bị khuất tầm chú ý chỉ vì chúng quá đối hiển nhiên.

Truyện ngắn *Nước mắt trúc* của tác giả Lưu Sơn Minh gọi lên loại câu hỏi đó, rõ nhất ở một đoạn kiểu mô tả độc thoại nội tâm đặt vào nhân vật cung nữ Anh Nga:

“Anh Nga cứ ngồi suy đi ngẫm lại. Những trần trở của Thượng hoàng từ ngày ấy, rồi mấy câu thơ Người vừa mới ngâm xong hồi nãy là một câu đố quá khó đối với nàng. Nàng chợt nghĩ rằng, có lẽ cả triều đình và rồi mãi sau này nữa, sẽ chẳng có ai biết rằng Thượng hoàng lên núi vì một lẽ gì...”

Truyện ngắn này đầy xúc cảm và thấm đẫm tính tượng trưng của thơ. Kết cấu mặt văn bản của nó với các đoạn in đậm, in thường và in nghiêng tương ứng với ba lớp trần thuật hợp thành truyện; mỗi lớp trần thuật đó đều lung lơ, cùng lúc đối ứng qua lại, khế hợp với nhau, khiến cho người đọc tự kéo những liên lạc cảm xúc do mỗi lớp kể đó gọi lên mà ghép chúng lại liền mạch truyện trong khi đọc. Kết cấu đầy tính tượng trưng đó ứng hợp với cái “tứ” của truyện này, được nói lên qua lời của nhân vật viên quan hầu - “hồi chiều khi theo hầu Thượng hoàng ở rừng trúc trên kia, nhìn những giọt nước mưa đọng trên lá, tôi buột miệng thưa với Thượng hoàng rằng những cây trúc dường như đang khóc.”

Hình ảnh đậm chất thơ và tượng trưng đó được diễn giải ngay trong đoạn kết, in đậm, sau đây, mô tả nhân vật Thiền sư - tức Thượng hoàng Trần Nhân

Tông - nghiêng mình rơi nước mắt trên dòng suối dưới chân Yên Tử nơi nghe kể rằng cung nữ Anh Nga đã gieo mình, và rồi sau khi ngài thả xuống nước ấy một chiếc lá ngài lấy ra từ trong tay áo (- ắt hẳn là chiếc lá được mô tả ở đoạn mở truyện, khi Thượng hoàng vừa lên tới rừng trúc lưng chừng Yên Tử, nhặt một chiếc lá viết lên đó một chữ “Giải”...) thì “đường như có những giọt nước mắt lớn hơn đang rơi trên khuôn mặt dưới dòng nước. Người bất giác ngửa nhìn trời... Trời lại mưa.” Vậy là hình ảnh biểu tượng đó, nói như người xưa, như thể của một lòng xót thương động đến tận trời xanh, phải chăng?

E rằng không chỉ là như thế. Hẳn không đơn thuần đây chỉ là (nhân vật) Thiên sư - Thượng hoàng khóc thương một cung nhân tài hoa từng được ngài biệt đãi, tức nhân vật Anh Nga mà truyện kể rằng nàng ta gieo mình xuống dòng Hồ Khê đó sau lúc Thượng hoàng đã đi khuất trên lối dốc lên đỉnh Yên Tử. Không đơn thuần như thế, ít ra bởi một lẽ: truyện này trong hầu hết các cảnh đề cập đến Thượng hoàng Trần Nhân Tông đều thể hiện ngài đã có quyết ý rất mực sâu xa và kiên định về việc lên núi ẩn tu, về việc lựa chọn núi Yên Tử, về việc dứt bỏ mọi mối ràng buộc hay vương vấn với thế gian thường hằng. Truyện hàm ngụ điều ấy trong vài lời kể chấm phá:

“... suốt mấy năm qua. Kể từ khi Thượng hoàng ngự tại hành cung Thiên Trường, hành tung của Người trở nên rất kỳ bí. Nay đây, mai đó, Thượng hoàng đi khắp nơi xem xét hình sông thế núi. Có khi Thượng hoàng ra Vân Đồn để xem tin tức về thói nhiễu lạm dân chúng của Nhân Huệ Vương Khánh Dư là thực hay hư. Hoặc giả Thượng hoàng rẽ qua thăm ông anh vợ Hưng Nhượng Vương Quốc Tăng để bàn bạc đàm ba câu chuyện gì đó rồi lại đi.”...

Hẳn nên lưu ý rằng nhân cách của một bậc cao tăng như Thượng hoàng Trần Nhân Tông không thể đo lường theo phép tắc thông thường. Truyện đã dùng một ý niệm rất hay để mô tả mặt khả kiến của cái nhân cách ấy: “kỳ bí.” Chuyện một ông vua đương triều hay một vị Thái thượng hoàng đi kinh lý giang sơn bản triều của mình thì rõ không phải chuyện về loại “hành tung kỳ bí”, dẫu có bất thường hay lạ lùng thế nào đi nữa. Và, theo truyền thống của Thiền tông, một thiền giả thường chỉ lui vào ẩn tu khi đã đến được Cửa Ngộ - cảnh giới mà tất cả những người khác không thể biết, hiểu, hay mừng tụng ra nó thế nào; việc ẩn tu lúc này là để thiền giả ấy “bảo nhiệm” sự giác ngộ ấy, tức hoàn thành sự giác ngộ triệt để. Vậy thì nước mắt của một người dường như đã bước một chân ra khỏi cõi luân hồi liệu có giống với nước mắt của đại chúng nhân gian hay không? Cho nên cái hình ảnh ngài ngước lên thấy mưa xuống tựa hồ nước mắt trên gương mặt dưới dòng nước Hồ Khê thật rất ý vị: nước mắt không phải là nước mắt mà được gọi là nước mắt.

Cũng rất ý vị, ở đoạn vừa trích trên đây, “hành tung kỳ bí” của nhân vật Thượng hoàng là ý niệm do nhân vật Anh Nga đưa ra - đoạn văn đó thể hiện dòng nội tâm của người cung nữ này.

Bởi nhân vật Anh Nga thể hiện sự ý thức rõ ràng về trạng thái “kỳ bí” của

chủ nhân Thượng hoàng - Thiền sư của cô, nên thật hợp lẽ khi trong dòng nội tâm ở ngay đầu truyện, như đã trích, cô đã “chợt nghĩ rằng, có lẽ cả triều đình và rồi mãi sau này nữa, sẽ chẳng có ai biết rằng Thượng hoàng lên núi vì một lẽ gì...”

Người cung nữ tài hoa ấy đã thấy được hay hiểu được, có lẽ theo một cách thấp thoáng, điều gì đấy như là “thực tướng” ở vị thiền giả - vương giả chủ nhân của cô hay chăng? Truyện này không nói rõ, cũng không trả lời. Và chẳng, xét ra thì việc nó gọi lên một câu hỏi như thế là đã đủ.

Bởi vì dường như đã rất ít ai đầy đặt một câu hỏi như thế với bản khoản thật sự mà không bị sự thỏa mãn với các đáp án thông thường che khuất tầm nhìn. Thông thường là những gì thì truyện này cũng đã kể, một cách chấm phá, khơi gợi:

“Viên quan hầu khê đưa mắt nhìn trộm Thượng hoàng, chẳng lẽ con người mà tráng chí Đông A còn ngùn ngụt nhường kia lại đương khi chuẩn bị lên Yên Tử để tu hành ư...”

Câu hỏi như thế vẫn còn đứng mãi ở đó.

Và chữ “Giải” mà nhân vật Thiền sư - Thượng hoàng viết lên một chiếc lá trúc rụng rồi đem thả xuống Hồ Khê cũng mang một bề sâu “kỳ bí” như vậy: ý của ngài là gì?

Cả hai, từ góc độ Thiền, đều có thể xem như các “Công án” vậy.

Huyền thoại về trở ngại nữ giới

HOÀNG PHONG TUẤN

Có một khuôn mẫu cổ xưa về mối quan hệ giữa đàn ông và đàn bà, theo đó, người đàn ông muốn vươn lên một cõi khác phải kiên quyết thoát khỏi sự níu kéo của người đàn bà đẹp. Ta thấy ở đây có công án *Bà lão đốt am* nổi tiếng, hay hình ảnh Từ Hải chia tay Thúy Kiều để “thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong”, hay gần hơn nữa là chuỗi ảnh chụp nhà sư tỏ vẻ an nhiên tự tại trong hang núi cùng với các cô người mẫu khỏa thân (sư thầy Huệ Phong trong bộ ảnh *Thoát*).

Khuôn mẫu ấy mặc định rằng người đàn ông khi tìm kiếm điều gì khác cao cả, lớn lao hơn, thì khó khăn lớn nhất không phải là khả năng của anh ta, mà là sự níu kéo thường được gọi tên là “thói nữ nhi thường tình” (*Truyện Kiều*) của người đàn bà ở bên anh ta. Theo đó, điều lớn lao mà anh ta kiếm tìm,

không chỉ là những thứ ngoài kia mà người đời hay bản thân anh ta định giá là cao đẹp, mà chính là một tồn tại đích thực của chí hướng đàn ông không có đàn bà, vì đối với anh ta, họ chỉ là hiện thân cho trở ngại.

Nước mắt trúc có thể được xem là truyện ngắn ẩn chứa mô hình của huyền thoại ấy. Truyện phác ra một hành trình lên núi ẩn cư của Thượng hoàng; như để tô điểm cho sự quyết tâm của vị vua - thiến sử, truyện cấu tạo nên những trở ngại từ hình ảnh Quan gia đến các vị quan hầu cận khi họ cố gắng năm lần bảy lượt hoãn chuyến đi lên núi. Nhưng trọng tâm của trở ngại là tuyển nhân vật các cung nữ, trong đó nổi bật là cô cung nữ được Thượng hoàng sủng ái: Anh Nga. Anh Nga tất nhiên phải là cô gái trẻ trung, “thanh tao, yếu điệu” nhưng “thoát phàm” và trí tuệ. Hai đặc điểm sau để phân định cô với các cô cung nữ khác vốn chỉ có vẻ đẹp của phụ nữ đơn thuần, nhưng cũng là để tạo nên chiều sâu cho nhân vật, như một hình mẫu trở ngại không đơn thuần là nhan sắc và xác thịt. Mô hình của truyện đã được dựng nên, cốt truyện tiếp tục triển khai mô hình ấy với các tình tiết thơ ca và chữ nghĩa, như một trung giới tinh thần giữa Thượng hoàng cùng cô cung nữ xinh đẹp, trí tuệ, để xây dựng nên một cặp đôi tri kỉ tiềm năng, và để tăng thêm ý nghĩa của trở ngại nữ giới mà người đàn ông là Thượng hoàng phải đối diện.

Mô hình triển khai ấy tạo nên ít nhất là ba nấc thang của trở ngại trong một nhân vật Anh Nga: cô gái đẹp - cô gái đẹp có tâm hồn và trí tuệ - cô gái đẹp tri âm. Như thế, chặng đường gian nan mà Thượng hoàng phải trải qua không phải là con đường lên núi hiểm nghèo, một con đường vật chất của thế giới ngoại tại, mà là con đường nội tại có trong chính cái mô hình người đàn ông khao khát một cô gái đẹp sâu sắc trí tuệ và tri âm. Cái mô hình này vốn từng thoáng hiện trong nhân vật trữ tình của Bạch Cư Dị nơi bến sông lắng nghe tiếng tí bà, trong cái chết của Từ Hải ở trận tiền...

Trong truyện *Nước mắt trúc*, khao khát thầm kín bên trong ấy được tiết chế bởi vẻ ngoài trầm ngâm và điềm nhiên của nhân vật, nhưng đã bộc lộ tất cả qua bài thơ ngắn mà Thượng hoàng “đột nhiên” viết nên:

*“Núi xanh xanh
Núi xanh xanh
Đi không đàn
Ở không đàn
Nước trong xanh
Nước trong xanh
Bút sợt tơ màn...”*

Từ góc độ sự triển khai mô hình đàn ông trong truyện, hai câu thơ “đi không đàn, ở không đàn” có thể hiểu là sự giằng co giữa quyết tâm buông bỏ và sự gắn bó trong sâu thẳm của người đàn ông với cô gái đẹp tri âm sâu sắc, trí tuệ. Sự giằng co này diễn tả hành trình nội tâm của nhân vật Thượng hoàng ở vào khúc ngoặt quan trọng: qua câu thơ có tính tiên đoán, ông dường

như thấy trước được điều gì sẽ xảy ra với cô gái tri âm của mình nếu mình chọn ra đi (*Nước trong xanh/ Nước trong xanh/ Bút sợi tơ mảnh...*).

Chi tiết này đồng thời cũng tạo nên độ căng giữa bình diện tình cảm, đạo đức cá nhân với bình diện giải thoát, hay nói như Kierkegaard, một triết gia hiện sinh tôn giáo trong cuốn *Sống sờ và run rẩy*, đó chính là độ căng giữa chiều hướng luân lý xã hội với chiều hướng đạo đức tôn giáo mà con người cần phải vượt qua để đạt đến bước nhảy về mặt tinh thần.

Thượng hoàng phải vượt qua sự đánh giá nội tâm của mình về việc Anh Nga sẽ trầm mình là do lỗi của ông, do ông đã cương quyết ra đi. Đây chính là nút thắt của hành trình giải thoát, khi ông phải bỏ lại các phán xét đạo đức luân lý của cõi trần tục này: tội lỗi và sự cứu vớt, nhân ái và nhẫn tâm. Và ông thực sự đã bỏ lại để tiếp tục hành trình của mình, để lại cái chết phía sau lưng mà thậm chí ông còn không ngoái lại.

Tuy nhiên, chính ở đây ta thấy sự gắn bó chặt chẽ của truyện kể với huyền thoại trở ngại nữ giới, theo đó, người đàn ông đi tìm ý nghĩa đích thực của mình thông qua sự vượt bỏ người đàn bà bên cạnh mình.

Ở truyện ngắn này, đằng sau mô hình ấy là ý hệ khởi nguyên có tính tôn giáo về giới: đàn bà xinh đẹp trẻ trung là hiện thân cho sự hủy diệt con đường phát triển của người đàn ông đích thực. Ý hệ ấy được xây dựng xuyên suốt lịch sử lâu dài ở văn hóa phương Đông, từ những truyện kể và các hệ thống quy tắc tồn tại lâu đời trong không gian tu tập của tôn giáo (đặc biệt là tông phái Tiểu thừa), đến không gian tu thân của Nho gia, ngấm ẩn trong các tác phẩm văn chương và diễn ngôn về giới và sự giải thoát.

Nơi cốt lõi của huyền thoại ấy là một nhân quan về thế giới được phân định bởi sự gắn bó dị tính: người đàn ông rời bỏ được người đàn bà để vươn lên cõi khác, và ngược lại là người đàn ông không làm được điều ấy. Các câu chuyện từ truyền thuyết lịch sử (Trụ vương trong *Phong thần diễn nghĩa*) cho đến hư cấu (*Truyện kì mạn lục*), cả đến văn bản chính trị (*Hàn Phi Tử*) nối tiếp nhau bồi đắp nên huyền thoại ấy.

Nó thậm chí đã tạo nên phiên bản đối nghịch như là một phản ứng vào cuối giai đoạn phong kiến: người đàn ông luôn gắn bó với các cô gái đẹp như Nguyễn Công Trứ nhưng lại tự hào về công nghiệp của mình (*Bài ca ngất ngưỡng*). Hình ảnh người đàn ông ấy gợi nên một cõi sống rất đời, chống lại chiều hướng giải thoát có tính khắc kỉ mà cả một giai đoạn dài lịch sử văn hóa đã xây dựng nên.

Tuy nhiên, xét ở góc độ huyền thoại mang quan niệm tôn giáo, truyện ngắn này dường như mới đi được nửa con đường của quan niệm về giải thoát của Thiền tông nói chung, hay Thiền tông mà thời Trần đã vươn tới được nói riêng, ít nhất với Tuệ Trung thượng sĩ, theo đó, sự giải thoát không chỉ là vượt bỏ cái trần tục, mà còn là vượt bỏ chính thái độ chấp trước với cái được xem là trần tục.

Trở về với dòng chảy tư tưởng Phật giáo, chính nơi nguồn cội của nó, Hoa Nghiêm tông đã đặt ra câu hỏi sâu sắc về xác thịt và sự giải thoát, khi để cho kỹ nữ Tu Mật Đa trả lời Thiện Tài về đạo: thân nằm, tay ôm, môi xúc chạm (Kinh *Hoa nghiêm*). Điều này ta còn thấy rõ hơn với công án *Bà lão đốt am*, theo đó, câu trả lời của vị sư đã hàm chứa giai đoạn cuối cùng của sự vượt bỏ cái nhìn chấp trước về cái đẹp và xác thịt: gắn bó hay buông bỏ với người con gái đẹp chỉ là ý niệm của người đời.

Như thế, truyện *Nước mắt trúc* có lẽ mới dừng ở giai đoạn đầu của mô hình giải thoát mà công án nổi tiếng ấy đã gợi ra: như cây khô tựa đá lạnh chẳng còn rung động nào (khô mộc ý hàn nham). Nỗ lực buông bỏ hóa ra lại thể hiện tâm ý gắn bó hơn bao giờ hết; khi đó, ta xem chính sự buông bỏ mới là hiện thân của giải thoát, hay nói cách khác, giải thoát là mặt đối lập của gắn bó. Như thế, giải thoát chỉ được nhìn trong cái nhìn về sự gắn bó/ buông bỏ, do đó, nó vẫn chỉ là cái nhìn chấp trước mà thôi.

Truyện ngắn *Nước mắt trúc* do đó có lẽ là một tạo sinh nửa vời từ huyền thoại về trở ngại nữ giới trong các định chế văn hóa truyền thống. Ngày nay nó không còn có thể nói lên điều gì mới mẻ nữa, cả ý niệm Thiền đến khả năng gợi mở về sự gắn bó đầy phức tạp đời tư giữa đàn ông và đàn bà (từ quan điểm cá nhân, theo tôi, *Gạ tình lấy điểm* của Nguyễn Huy Thiệp giải quyết câu hỏi theo cách sâu sắc hơn nhiều), sự gắn bó mà, như ta đã thấy trong biết bao tác phẩm văn chương nghệ thuật khác, đầy ham mê nhưng cũng đầy bất trắc, mỏng manh, ngọt ngào và không thiếu bi kịch.



C H ù M T Ả N V Ắ N
C ù A P H Ạ M G I A I Q U Ỗ N H

Quy sơn

*“Nào những ai
Kê vàng tỉnh mộng
Tóc bạc thương thân
Vèo trông lá rụng đầy sân
Công danh phù thế có ngần ấy thôi”
(Tản Đà)*

Tiếng mưa rỏ tí tách ngoài ban công, sau đó dần trở nên dồn dập như tiếng ngọc đánh mâm đồng khiến cho tôi vô tình thức giấc. Trời vẫn chưa sáng, mùi của cây tùng hương phảng phất trong không gian khiến cho phòng càng thêm lạnh. Bỏ quên thời gian, tôi ngơ ngẩn rảo riết chờ mùa thu – cái mùa còn lâu lắm mới đến.

Đó là một giấc mơ xưa cũ, giấc mơ về căn nhà nhỏ dưới chợ mà tôi từng sống, dù bao nhiêu năm qua đi, luẩn quẩn lại trở về nơi đó. Nói là nhà nhưng nó chỉ được dựng từ hai ki-ốt, ba phần để làm nơi kinh doanh, góc còn lại là chỗ sinh hoạt cho bốn người.

Kỵ ngoại tôi hành y cả đời, đức cao vọng trọng. Ông ngoại kể rằng ngay cả khi trời đã khuya mà người ta vẫn đưa vòng tới mời kỵ đi chữa bệnh bốc thuốc. Chỉ hiểm nổi sau này trong nhà không ai nổi được nghề tổ, dần tản mát,

số sách y đều đã bị đem cho hoặc bị đem bán. Ông ngoại sinh ra ở Thái Bình, lênh đênh Nam Bắc, dành cả tuổi trẻ để phục vụ trong chiến trường, sau giải phóng từng làm nhiều chức vụ, sau rút lại từ bỏ tất cả, lên núi dựng nhà, mở một tiệm ăn, nuôi con chăm cháu. Trong nhà lúc nào cũng nồng mùi gia vị, dầu mỡ và thịt thà, thứ hương quần lầy quần áo và đầu tóc tôi suốt những tháng năm thơ ấu trước khi rời đi học xa. Bà ngoại hay lên núi hái rau, thông thạo đường rừng, biết ở đâu mọc loại rau hay loại quả nào. Mỗi khi Tết đến, bà mua lá dong của dân bản địa về gói bánh chưng, cái nào cũng chần chẹn đều mà chẳng cần phải dùng tới khuôn gỗ. Tôi đã từng thử gói một chiếc bánh bé buộc lạt đỏ nhằm đánh dấu, tuy nhiên tới khi bóc ra thì gạo đi một nơi nhân đi một nẻo.

Bốn mùa trên núi chuyển vần, luân hồi không điểm kết, mới đây thôi tôi còn là một đứa trẻ đang chạy giữa những vạt hoa mua tím đậm mùi sương và mùi nắng, mè mải núi xanh chẳng muốn về. Năm xuống thăm cỏ xanh chen lẫn một vài nhánh cỏ may, hạt cỏ găm dính vào quần áo nhưng cũng mặc, tôi ngẩng mây, những đám mây ấy có xanh có đỏ, một trận gió thổi qua, mây chợt trôi vụt đi, thời gian cũng cứ vậy mà chảy, mùi hương của đất của núi năm ấy giờ chỉ còn lại trong ký ức mờ mịt.

Người dân sống trong núi thuần phác đôn hậu. Những năm 2000 điện kéo tới Hòa Bình còn chập chờn lúc được lúc mất, trong nhà lúc nào cũng leo lét đèn dầu nển đỏ, tôi và đám trẻ hay rủ nhau đi bắt tôm bắt tép. Suối nước trong vắt, sỏi to sỏi nhỏ dưới đáy đủ màu sắc bắt sáng lấp lánh trông tựa ngọc quý. Chiều chiều, tiếng mõ trâu gõ vào thỉnh không, thảng hoặc nếu vào mùa sẽ ngửi thấy mùi rơm rạ cháy ở ruộng gần đó, chúng tôi đi lẫn trong âm thanh và mùi hương để trở về nhà trước khi trời tối hẳn. Những người bạn đó đều đã lớn, có người đã qua đời, có người dạt trôi tận chân trời góc bể chẳng bao giờ còn gặp lại nữa.

Sau này ông ngoại lại chuyển nhà, căn nhà này được xây ngay phía trước một taluy, nói đúng hơn là phía trước của nửa lát cắt quả đồi thấp, sau lưng có rừng cây và gốc hoa dẻ đến mùa nở rộ thơm ngát, sau nhà luôn ẩm ướt, đám côn trùng, lưỡng cư hay tụ về đấy, đôi khi vào lúc trời sắp mưa lớn, một vài con cua sẽ bò từ suối lên, dạo ngang qua đó.

Những ngày cuối năm thường có mưa lán phắn trên núi, cây cối khẳng khiu ẩm nước lại được thêm một phen rũ bỏ vài chiếc lá khô đeo đẳng trên thân mình, thấp thoáng giữa những cành xoan là mấy chùm quả trĩu khô. Tôi và mấy đứa bé thường hái chúng xuống để vun vào bếp, là nguồn chất đốt tốt cho mấy hôm lạnh buốt mà không ai ra ngoài được, chỉ có thể chôn chân bên đống lửa nỏ.

Bấy giờ trong nhà có một ông cóc, đến nhà tôi từ lâu, ban đầu chỉ là một chàng cóc tí hon với lớp da sần sùi, ngồi một chỗ và chẳng đi đâu. Thời gian

dần trôi, làn da màu đất đỏ chột như được ruộm vàng, ông cóc cũng lớn hẳn ra, chỉ có một điều không đổi, ấy là vị trí ngồi. Đôi lúc, vào những khi sắp mưa to, ông mới nhảy ra ngoài trời ngồi một lát, sau đó lại trở về đúng chốn cũ. Với biểu cảm hầu như không đổi, vẫn cái ánh mắt lạnh lùng bỏ lửng mọi thứ bên ngoài, lảng lảng ở chỗ của mình, ngay cả khi bị con mèo múp nhà tôi vờn ông cóc cũng ngồi yên, chỉ phồng mang trợn má lên để dọa con vật to lớn hơn mình gấp nhiều lần kia. Có lẽ vì không trêu chọc được ông, con mèo cũng chán, dần bỏ ra xa, nó hứng thú với lũ bướm cải trong vườn hơn.

Ông ngoại tôi bảo rằng *cóc chết ba năm quay đầu về núi*, nếu loài này sống ở đâu quá lâu thì nó sẽ không bỏ đi được. Nghe thế, tôi bỏ ông cóc vào một chiếc hộp, sau đó mang đi thật xa, vậy mà mấy ngày sau lại đã thấy ông ngồi ở đó với đôi mắt hấp háy. Tôi đâm ra áy náy, cho ông cóc mấy hột cơm nguội, có bạn ông bắt được một con muỗi song không nuốt, chỉ ngậm với vẻ chẳng mấy hài lòng. Lần nọ, tôi thấy ông cóc ra ngoài sân ngồi, hướng mắt về dòng suối xa xa. Cả nhà tôi đâm nhặng lên, hay là ông muốn đi, hay là đã chán cảnh ngồi một chỗ, hay là đang lúc gần đất xa trời? Nhưng chỉ một thời gian, lại thấy ông lừ lừ nhảy vào góc bếp. Cuối năm còn đi đâu được nữa. Đám mèo con cũng quen với sự hiện diện của kẻ lớn tuổi này, giáp Tết, chúng quây quần lại gần bếp, lông dính đầy tro, có chú còn bị cháy quần cả râu vào, nhưng vẫn chẳng chữa, vẫn xán vào nơi có người hoặc nơi có lửa. Ánh lửa thoảng qua đôi mắt ông cóc vàng, đồng tử giãn ra rồi co lại, đôi khi tôi còn tưởng như ông có thể nói được, hoặc đang suy tư điều gì lung lăm. Suy tư suốt mấy năm, đến người cũng già rạc đi, huống chi là cóc.

Sau Trung thu năm Mậu Tuất, lũ quét qua núi, nhà tôi cũng không tránh được mối họa ấy, taluy sụp xuống chèn vào bếp, cả nhà vất vả mãi mới chuyển được sang nơi ở mới. Các chỗ khác cũng chịu thiệt hại lớn, phải mất một tới hai tuần để khôi phục dần hệ thống giao thông và lưới điện. Không ai biết ông cóc đã đi đâu, hay ông bị chôn vùi ở đó? Mỗi lần nghĩ tới lại thấy buồn nhiều.

Càng lúc những giấc mơ vội trong đêm càng đẩy tôi về quá khứ với một vài mảnh ký ức đã bị bỏ qua mà nay trở nên đẹp đẽ, song chẳng vớt lại được.

Ông bà ngoại già đi theo thời gian, ông nuôi tôi từ lúc bế ngựa, bón từng thìa sữa thìa cơm, mái tóc đen của ông nay bạc trắng cả. Tôi sau này lênh đènkhấp chốn, lận đận công danh, lại sa vào bút mực thi văn, không tròn được đạo hiếu. Ngoảnh đầu lại, quên cả thời gian, cũng gửi gắm vào thời gian từng đoạn đời như nước chảy mây trôi. Hai chục năm chớp mắt như trắng trong gáo, đầy ắp lại với mồn. Mấy năm nay tôi đặc biệt yêu thích thuyết Trang Chu mộng điệp, cũng yêu thích đạo vô vi, sống trong căn phòng nhỏ nấu nước pha trà, ủ rượu ngâm hoa mới chợt nhận ra rằng nơi nào tâm an, nơi ấy chính là đạo nguyên cổ thổ.

Tập tàng mùa xuân

Năm ngoai vẫn chưa cảm nhận được tiết thu mà trời đã đột ngột vào đông, cơn giá lan tỏa kèm theo hơi mưa buốt kéo dài, dẫu đã sang xuân mà trời vẫn lạnh, mưa rỏ tí tách trên mái tôn, giữa bầu không tĩnh mịch của phố huyện miền núi, có thể cảm nhận được cả sự di chuyển của từng giọt nước, từ vòm trời đến mái nhà và lăn tròn trên các tán lá. Nhắc trông lên, bình tuyết mai cắm suốt những ngày Tết đã hé nụ, hoa trắng li ti kết thành từng chùm tỏa hương nhẹ nhẹ, tuy vậy nếu tiến lại gần sẽ thấy hương hoa rất dày, dễ làm người ta choáng ngợp.

Ngoài chợ, xuân mang tới cơ man những rau củ mỡ màng non mơn mớn, đặc biệt là đám măng béo mẫm, có loại đắng và cả loại ngọt, ông tôi nói rằng nếu chưa có sấm thì măng sẽ không đắng được. Nhưng chợ xuân cũng không đông đúc như ngày thường, mầm độc của dịch bệnh vẫn lặng lẽ len lỏi khiến cho người vẫn hẩn so với những năm trước.

Thuở nhà còn ở trên xóm núi, để bắt gặp từng tốp phụ nữ bản địa vào rừng đào măng, họ đi từ sáng sớm tinh sương và về lúc tối muộn, hoặc cũng có thể ngược lại, trí nhớ của tôi như bị cán mờ theo thời gian, rốt cuộc thứ đọng lại được chỉ là những bóng chân và vạt váy đen lẩn trong lớp sương dày dần bị ánh nắng yếu ớt ủ tan.

Trong vườn của bà ngoai tôi, từng đám rau tập tàng nhú lên, lớn nhanh như thổi, nếu không hái sớm thì rau sẽ già và bớt ngon. Nói là rau tập tàng nhưng nó không phải tên của một loại nhất định mà là tập hợp nhiều loại khác nhau, có rau xương cá, rau muối, sam chua, mã đề, tầm bóp, lá ớt non,... Không cứ mùa xuân mới có, nhưng mùa xuân thì rau tươi ngọt và phong phú nhất. Nhen bếp lửa, bắc nồi lên, một gáo nước sạch, một nắm tập tàng, một nhúm muối trắng, một thìa nước mắm ngon, chẳng cần thêm xương hay thịt, chỉ cần chờ sôi chừng hai ba phút là đã có một nồi canh ngọt và thơm. Nếu may mắn tìm được vài mũ nấm mối dưới đám lá bí đỏ thì chẳng còn cao lương mỹ vị nào hơn được thế nữa.

Bấy giờ, trên ruộng mọc đầy rau dại, đặc biệt là rau bọ và ngải cứu. Không biết bởi thổ nhưỡng hay vì lí do nào khác mà ngải cứu dại mọc ở bờ ruộng và ven suối có mùi hương và vị đậm hơn rất nhiều so với loại được trồng mà về sau tôi mua ở chợ hoặc trong các siêu thị dưới thành phố. Hoặc giả cũng có thể vị của chúng giống nhau, thứ mà tôi tiếc nhớ mãi chẳng quên là ký ức trong trẻo đã qua là chẳng bao giờ trở lại ấy mà thôi. Tôi suy nghĩ, con người nếu không tìm được tri kỷ thì sao có thể hết cô độc đây?

Trời rét căm căm. Mưa giăng bám, vắt vết như tơ nhện, có gỡ ra sao cũng chẳng thể gỡ được. Mưa tạo thành một màn nước mỏng, tựa sương mà cũng chẳng phải sương, tưởng như chỉ cần đi xuyên qua là đã tiến vào cõi khác,

tưởng như chỉ cần đi xuyên qua là đã vặn ngược thời gian, trở về với thời thơ ấu - ở cái nơi có thể nằm nhào bên suối, vẩy nước tới khi quần áo ướt sạch rồi lại hong khô dưới ánh nắng; ở cái nơi có thể ngắm mây trông trăng, đêm đến ngóng muôn sao lấp lánh và ngân hà giăng ngang trời; ở cái nơi mà ông bà tôi chưa hề già đi, còn tôi vẫn là một đứa trẻ vô lo vô nghĩ.

2022

Tửu đồ

Không khí lạnh lẽo, loăng ngắt mấy tầng sương thúc người ta tìm nhớ những thức có khả năng làm ấm gan ruột - trong đó có rượu. Trong U Mộng Ảnh, danh sỹ Trương Trào có nói một câu thế này: “Rượu có thể thay trà, trà không thể thay rượu”, tôi lại không đồng tình lắm, đã có trà tất phải có rượu và ngược lại, vị ngon của nhân sinh đúc lại cố nhiên không thức nào hơn kém thức nào.

Nếu như sau này trà mới được nhập vào các nước phương Tây và trở thành văn hóa thì rượu lại xuất hiện sớm ở mọi nơi trên thế giới. Đường như loại thức uống lên men này được sinh ra cho tất thảy, không phân biệt ranh giới địa lý và ranh giới văn hóa. Phương Đông chuộng các loại rượu cất, lên men từ gạo; phương Tây lại phổ biến loại vang đỏ và trắng lên men như nho, hoặc chưng cất từ thảo mộc...

Xét xú ta tuy có phần rượu cốt như rượu gạo chưng cất hoặc lên men, song cổ nhân cũng lấy chút khí thanh tao mà đưa vào chén, ủ chế ra các loại rượu đục như rượu hoa cúc, rượu hoa quế,... cất trữ lâu năm, khi thì trong hang đá, khi thì vùi đất sâu, chờ đến độ mới mang ra để mà nhấm nháp. Như vậy muốn uống một chén rượu cũng lắm công phu, mà cũng cần nhẫn nại, đâu chỉ có tục khí thôi đâu?!

Người ta uống rượu, không cốt nhiều, không cốt để giải khát mà để giao đãi với nhau. Lấy rượu làm lễ là phép của người xưa và nay. Tính tôi vốn trái khoáy, người ta thích rượu Tây, tôi lại chỉ chịu được rượu gạo, người ta thích rượu nhẹ nhàng mà ngắm lâu, tôi lại khoái một vò rượu ngon hể uống là cảm thấy máu huyết và cái hào sảng cháy trong cơ thể. Tôi yêu tiết giăng thẳng tắp, mẻ rượu cúc mới ủ ngấu vừa tới độ, mặc dù còn hăng hăng song cũng đã ít nhiều thu được thanh khí của loài hoa với cốt khí cao khiết ấy.

Tôi không rõ phương pháp cất rượu nên đành ủ rượu vậy, nếp ngon lựa hạt căng mẩy rồi ngâm nở qua một đêm, đồ lên thành xôi, dàn mỏng trên chõ cho nguội bớt. Men ta hoặc men lá giã mịn, hòa với nước cho tan rồi trộn đều với chõ xôi nếp còn ấm. Nếu ủ với cúc thì trộn thêm cúc, nếu ủ với hoa hồng thì

thêm hoa hồng, nếu ủ với nho thì trộn với nho đã nhào nhuyễn. Sau đó thêm vào một chút mật ong, một bánh đường phèn, một chút rượu làm cái, thả bốc vào vò, phong kín lại. Lại tiếp tục chờ hai tới ba tháng để lấy được mẻ rượu đầu tiên, rượu rất nhẹ, uống chỉ có thể khiến trong người ngà ngà. Tôi thường ủ rượu trước mùa đông, để khi gió rét về có thể nhâm nhi một chén cho ấm cơ thể.

Vò rượu vừa ngấu, rót lấy một bình, hãy đốt lò đun nóng rượu lên. Lý Bạch chẳng phải đã từng viết: “Nghìn xưa thánh hiền đều tịch mịch, chỉ có kẻ uống rượu lưu danh” đấy ư? Trời đất mệnh mang, thương hải tang điền, biển biếc rồi cũng cạn mà cuộc đời lại ngắn ngủi, đôi khi nhắm nháp một chén rượu mới thấy được hùng tâm của mình vẫn chưa cạn, mới có thể chấp nhận được sự thật phũ phàng của nhân sinh, mới có thể tiếp tục đi hết kiếp người.

Nhớ Nguyễn

*“Cuộc nhân sinh thực sự, mà cuối cùng sẽ được hiển lộ,
cuộc nhân sinh duy nhất được sống một cách trọn vẹn, là văn chương”*
(Proust)

Người ta đã viết nhiều, nói nhiều về Nguyễn Tuân, có người biết, có người từng gặp, thậm chí có người chỉ đứng bên ngoài nhìn vào mà - khi là ngưỡng vọng, khi là mỉa mai, khi là sợ hãi. Nhân sinh ba vạn sáu nghìn ngày, thường nghe một thoáng tan thành tro bụi, thế nhưng đã mấy thế hệ chưa từng ngại trong việc đi tìm Nguyễn.

Gần đến ngày giỗ Nguyễn, trời chuẩn bị nổi bão, chỉ e rằng trời muốn cản kẻ muốn tìm gặp người đã khuất. Vậy mà chủ nhật ấy, ánh nắng chói chang rọi gắt, đường đến Văn Điển thốc bụi, đôi ven là ruộng lúa xanh rì. Tôi mang theo chén gốm, tìm mua một bó cúc trắng, một chai rượu con con cứ vậy đến nơi mà cụ và vợ mình đang yên nghỉ. Không khí âm sâm đôn trùng, các vũng nước đọng trên nền đất tỏa ra mùi ngai ngái quặng lẫn với mùi nhang khói, thảng hoặc có tiếng khóc vắng ra nơi nhà tang lễ.

Ai đó đã đến thăm cụ trước tôi, có lẽ là bạn bè, hoặc con cháu. Tôi không rõ, nhưng chỉ cần còn người nhớ Nguyễn là đủ. Thành đá vương vài chiếc lá khô, đời người cũng như lá: đâm lộc, vươn mình, vàng úa, héo tàn. Châm hương, rót rượu, lại nhận ra rằng với Nguyễn thì hình thức này dường như đã quá quen thuộc, bèn cáo rằng: “Hôm nay cháu mời cụ theo phong cách giang hồ!” Rượu thơm tuổi xuống lần cỏ xanh, có lẽ việc này là vô lễ song hẳn cụ sẽ bỏ quá cho kẻ hậu sinh này mà cười trừ thôi. Trên đường đi, biết bao nhiêu

điều muốn nói đều hiện ra trong đầu, hiểm nổi, đứng trước cụ rồi, tôi lại chẳng thể nói được gì nữa.

Mấy lô đất của nghĩa trang đang được tu sửa, coi nói, chốc chốc lại nghe thấy tiếng máy móc rầm rì. Máy ngòi mộ nằm bên chẳng được chăm nom, cỏ dại cứ vậy phóng sức nảy mọc, kết dày. Đời người trăm năm, rốt cùng phải nằm buộc trong một khối xi măng này. Không rõ khi đã nằm xuống, cụ Nguyễn có thôi ghét được mấy tay phê bình cơ hội hay chưa? Chợt nhớ đến câu đùa của cụ ngày trước, rằng khi cụ chết hãy bỏ tiền mua vòng hoa, phúng viếng mà mua lấy mấy téc bia cho anh em cùng được hưởng. Lại có giai thoại rằng, vào buổi sáng trước khi mất, Nguyễn đã trốn khỏi viện, chống cây can gỗ đến bờ hồ Hoàn Kiếm và rồi đi mãi vào thiên thu. Lại có giai thoại... Biết bao giai thoại. Những việc tần phiến bám mãi chẳng buông.

Hơn ba mươi năm đã trôi qua, thời gian như bóng câu qua cửa sổ xóa sạch nhiều dấu vết, nhiều vết thương và nỗi đau. Hương lạnh, đèn tắt, người đi, trà nhạt. Mở cửa vào thứ Tư và thứ Sáu, bà Thu Giang qua lại giữa nơi ở và gác Nguyễn, duy trì hương khói. Trên chiếc án lên màu nâu bóng, Nguyễn nhìn qua khung cửa sổ phòng mình bằng ánh mắt đôn hậu mà sâu lắng, nghiêm nghị mà hiền từ, phóng chiếu bản thân vào thiên niên.

*Vang bóng một thời, gợi lại thêm nao hồn lãng tử,
Quê hương bao độ thiếu, mãi đi cho trọn kiếp giang hồ⁽¹⁾*

Thế hệ sinh sau thập niên 90 là chúng tôi đã thuộc vào hàng cháu chắt, chỉ có thể tìm dấu người xưa qua chuyện cũ mà thôi.

Giữa vòm không, làn khói xám nhẹ tỏa biến mất vào hư vô. Từ biệt Nguyễn, con đường trở về chỉ thấy hoang hoải. Ai còn canh cánh bài thơ tứ tuyệt nhòe lệ năm nào?

(1) Đôi câu trong sổ tang Nguyễn Tuân của Đỗ Phấn.

Vị đắng

Vị đắng, chẳng mấy ai thích, thậm chí là nỗi sợ và đôi khi là cái cớ để người ta vịn vào nó để biểu đạt nỗi lòng mình.

Cái vị đắng đót của trái dưa chuột cuối mùa thật khó tả, tôi đã bỏ đi biết bao trái khi nếm phải, nhưng bạn vẫn điềm nhiên, chăm chăm thưởng thức, bạn nói thích vị đắng, tôi không tin vị đắng ấy hấp dẫn đến thế, đó chỉ là cái thú. Sau này thấy bạn uống trà, bạn mân mê chén trà trên tay, trà pha đặc nước một, bạn nhấp từng ngụm và hít hà mùi thơm lan ra từ chén nước còn nóng hổi tôi mới tin rằng đối với một ai đó vị đắng không phải chỉ cái thú mà đó là thói quen, lòng kiên nhẫn, thậm chí là sự mê mẩn.

Dường như trà nóng sinh ra là để dành cho những người thư thả, cho những cuộc chuyện dài hơi chứ không phải là thứ nước uống giải khát thông thường. Bạn nâng chén trà lên, bàn tay khum khum nơi miệng chén, khẽ hít sâu làn khói thông thả đưa hương, rồi nhấp từng ngụm nhỏ, giữ một lúc trong miệng mới từ từ nuốt. Bạn nói chả có gì phê pha như khi uống trà nóng, vị ngọt nơi cuống họng cứ chia đều khắp nơi, cái vị ngọt ấy mới hay ho thì vị làm sao. Tôi cũng thử nhấp một ngụm hòng chạm đến vị ngọt sau cùng nhưng vội phì ra bởi vị đắng chát tê người, bạn nhìn tôi lắc đầu. Đi hết chuyện này đến chuyện khác, không biết vị trà đắng khiến chúng tôi chân thành hơn hay sự chân thành khiến vị đắng qua đi dễ dàng như vậy.

Thuở ấy, khi tôi còn là đứa trẻ lấm lem, không biết bao lần cả nhóm bạn ở xóm núi len lỏi khắp quả đồi để hái quả, nào là bứa, quả dâu da hoặc mắc kham - thứ quả còn có tên gọi khác là me rừng, trong mỗi chuyến đi ấy chúng tôi đều mang về thêm túi nải rau rừng mà rất là những thứ có vị đắng. Những trái mắc kham xanh lét, đắng ngòm được chúng bạn chia nhau ăn, ăn vài quả lại uống một ngụm nước, mà phải là nước suối trong lành mới đã, từ vị đắng chuyển thành vị ngọt nơi đầu lưỡi, tôi không chịu được vị đắng, nhìn chúng bạn ăn ngon lành mà nuốt nước miếng.

Còn thứ mà chúng tôi cất trong túi nải kia đó là những trái mướp đắng rừng bé xíu, măng vầu, rau gai hay những bó rau đắng cây giật mình đắng đót khi mùa sấm dậy đều được người lớn làm thành món ăn, vị đắng điềm nhiên len lỏi trong cả bữa cơm thường nhật. Tôi cứ thắc mắc mãi tại sao núi rừng cho con người nhiều đồ ăn mà lại có vị đắng như thế, còn thật nhiều thứ ngon mà tại sao người

quê tôi lại thích vị khó ưa này. Với một đứa trẻ nghèo, trong bữa cơm mà chỉ có đĩa măng đắng xào hoặc bát canh mướp đắng quả là tội nghiệp. Thiên nhiên tặng cho người miền núi quê tôi những thức quả vừa như đặc ân vừa như thử thách lòng kiên nhẫn, nhưng có hề gì, người miền núi không chỉ biến vị đắng thành món ngon mà còn thể hiện vô cùng tinh tế. Ví như quả núc nác, sau khi hái trên cây về còn mùi hăng và đắng gắt, thế mà sau khi được vùi trong tro nóng hoặc nướng trên than hồng cho tới khi quả mềm, người ta dùng dao cạo sạch lớp vỏ bên ngoài sẽ dùng chấm mẻ, giấm tỏi ớt hoặc tẩm ướp cùng vài thứ gia vị làm nộm cũng thành đặc sản cho bữa ăn, ai thích ăn thành nghiện.

Có lần tôi nghe ông nội kể chuyện về thuở khai hoang ruộng nương, thời kỳ khó khăn và thiếu thốn, ông bà làm việc cực nhọc mà đến bữa ăn chỉ có củ mài và rau đắng, năm thì mười họa mới bắt được con gà rừng hoặc con sóc để cải thiện cho gia đình. Ấy vậy mà người tay cày, người tay cuốc dần dần cũng được hơn chục thửa ruộng để trồng cấy. Tôi hỏi ông sao không tìm thứ rau nào không đắng để ăn, ông mới bảo rau rừng tuy nhiều loại nhưng không phải mùa nào cũng có, mùa nào thức đấy, phải mùa nào có rau đắng thì ăn, ăn mãi thành quen và thấy ngon. Nghe những câu chuyện xưa tôi thấy trong đó có len lỏi vị mặn đắng cuộc đời bươn trải của bậc ông cha để mới có được ngọt ngào hôm nay.

Đến giờ tôi vẫn chưa biết thưởng thức trà nóng, chưa thể ăn những món ăn mang vị đắng như cách bạn tôi và cả những người miền núi quê tôi đã làm, nhưng tôi nhận ra một điều, bất luận là vị đắng nơi đâu môi hay trong tâm hồn nếu dung cảm hòa cùng nó sẽ không cảm thấy sợ nữa, vì biết chắc, sau vị đắng ta sẽ chạm đến điều ngọt ngào.

Xúc tép sông quê

Buổi tối gió thanh thanh, nhóm bạn chúng tôi dựa vào nhau kể chuyện phiếm. Bờ hồ sóng gợn lăn tăn dưới ánh đèn mờ ảo. Từ phía bên kia hồ, có nhóm người cầm đèn pin đi rón rén, dùng panh kẹp những chú cá trạch đang nằm thi u ngủ sát bờ. Thì ra, ở phố cũng có thể đi bắt cá nhưng họ có cách riêng chẳng phải xắn quần lội nước, một tay cầm đèn, tay kia nhẹ nhàng kẹp từng con cá dễ dàng. Tôi thích thú nhìn theo, mặc cho nhóm bạn thao thao bất tuyệt về những câu chuyện trên trời dưới bể.

Đó là công việc của họ hay chỉ là thú vui để xả xì-trét, tôi cũng không rõ. Tuổi thơ tôi, bàn chân lấm bùn quê mẹ, sau biết bao lần vấp ngã lại nhận ra tình yêu và kỉ niệm bám theo chặt níu gót trần. Nhớ biết bao những ngày xúc tép mò cua thả thuê trên dòng sông bốn mùa xanh mát.

Giữa buổi trưa hè, tiếng mẹ ru em nhẹ nhàng bên cánh võng. Tôi nhòem dụi, rón rén xuống bếp với lấy cái rổ chạy theo bọn trẻ con đang nhí nhéo ngoài ngõ, chiếc quần chun của tôi lỏng hết cỡ, vừa chạy vừa phải kéo lên xềnh xệch. Bất chấp cái nắng rát đỏ trên mái tóc cháy vàng, tôi mang sự háo hức ra bến sông.

Trên con đường, chúng tôi kéo nhau một hàng dài, đứa thì quần cộc áo phông, đứa đầu trần mặt mũi đen nhẻm cười toe toét. Trong suy nghĩ của chúng tôi thì dòng sông bao giờ cũng hiền hòa và cũng hồn nhiên như trẻ con vậy. Đứa mang dậm, mang rổ đứa cầm cái sàng của mẹ đi xúc tép. Lợi bì bõm trên những đám rong, rêu muọt mà. Trời nắng, tôm tép hay trú dưới đám rêu, chúng tôi chỉ việc dùng rổ, sàng xúc theo con nước là có thể được chúng. Nước chảy quá đầu gối, mỗi lần nhắc rổ lên những chú cá lẩn uồn mình bật tanh tách, còn tép thì nhiều vô kể, bàn tay nhỏ xíu của tôi lùa lùa vào rồi nhúp từng nhúp cho vào chiếc túi đeo ngang hông. Những chú tép bé nhỏ bám trên cọng rêu nằm im re, tôi kiên nhẫn nhặt từng con, không để sót, chỉ những con mang bọt trứng trong bụng nặng nề là tôi nhặt dễ nhất.

Chúng bạn, đứa thì lấy cả tôm tép cá cua, đứa chỉ lấy cá nhỡ. Tôi thương thằng Loa nhất, nó cũng xúc như bao người nhưng cả buổi chỉ được dăm ba con cá bống và nhúm tép con con, thế mà chẳng bao giờ tôi chia cho nó con nào cả. Miệng thằng Loa méo xệch như sắp khóc; nó tí tê rằng cái mắt rổ của nó to quá, mỗi lần nhắc lên khỏi mặt nước cá tôm đã kịp luồn đi mất, nó nài mẹ mua cho cái dậm từ mấy phiên chợ trước mà vẫn chưa được.

Mặt sông lấp lóa ánh mặt trời, tiếng reo hò thì thoảng lại vang lên mỗi khi có đứa xúc được nhiều cá. Mặc cho chân tay nhăn nhéo vì ngâm nước, chúng tôi vẫn mãi miết chạy theo những chùm rêu dài. Cái túi đeo ngang hông cứ nặng dần theo niềm vui tưởng như mãi mãi. Phút mãi mê ấy, tôi quên mất rằng mình đã quá xa bờ, nước ngập đến ngang hông, nếu không vì vừa được con cá lẩn to bằng ngón chân cái tôi đã biết quay trở lại. Tôi vấp vào hòn đá nhọn, người chấp chới giữa dòng nước, váng vất sợ sệt. Anh cả trong nhóm đã kịp bơi ra túm lấy tôi, giở tép trôi phập phển theo dòng nước. Bỗng chốc đánh mất cả một buổi chiều, tôi khóc như Tấm. Cả lũ mặt tái mét xúm lại, mỗi đứa góp một nhúm cho vào rổ để tôi mang về, trong lúc hoảng hồn tôi vẫn kịp dặn dò bọn chúng không đứa nào được mách lại với bố mẹ tôi. Tối đó tôi đi ngủ sớm, chẳng thiết ăn cơm. Bố tôi rang tép với riềng thơm lừng, gọi tôi dậy ăn nhưng tôi lắc đầu. Cả nhà ai nấy đều làm lạ. Vài ngày sau tôi ăn trận “cá lươn” no nê của bố. Chẳng biết ai đã mách lại. Từ đó, buổi chiều tôi phải ở nhà học bài và trông em, nhìn thấy chúng bạn gọi nhau í ới lại nhớ sông cồn cào.

Mùa này ở quê, thể nào lũ trẻ chẳng bì bõm xúc tép ngoài bến sông. Tôi sẽ lại trở về, cùng lũ bạn năm nao ùa ra sông ngụp lặn để cảm ơn những điều đã làm tôi lớn. Chỉ điều đó mới giúp tôi có được trọn vẹn bầu không gian trong trẻo mà cả tuổi thơ đã đọng đầy.

C H ù M T Ầ N V Ắ N C ù A H Ò N G C ù

Mẹ

Buổi trưa nắng, dáng mẹ lợt thỏm giữa hai bó củi to nặng oằn lưng, bóng mẹ liêu xiêu trên con đường độc đạo đầy nắng và gió oi nồng. Từng hạt mồ hôi to như hạt đỗ lấm tấm khắp khuôn mặt nhăn nheo, già nua hơn tuổi, chiếc áo cũ sòn ướt rồi lại khô biết bao nhiêu lần. Cái nghề nấu rượu nuôi lợn tốn rất nhiều củi, lại thêm phong trào chặt phá rừng ngày càng lên cao, càng ngày con đường của mẹ càng xa, quãng đường mẹ gánh củi trên vai càng dài, mồ hôi mẹ đổ nhiều hơn. Nhưng không đi không được, bếp lửa như cái mồi không đáy ngốn bao nhiêu củi chừng như cũng không đủ. Những thanh củi bỏ vào lò, từng giọt rượu nhỏ ra chậm rãi như phin cà phê, thế mà rượu quê còn rẻ hơn nước khoáng đóng chai của các hãng máu mặt, chẳng thế mà ở cái xứ này lắm người say đến thế. Vì người người nấu rượu, nhà nhà nấu rượu và đua nhau bán phá giá, mỗi mẻ rượu chỉ được lãi mỗi chút bả chần lợn. Biết là thế, không nấu rượu nuôi lợn thì chả còn biết làm gì khác vào những lúc nông nhàn, vì mẹ quá lành, mẹ không đủ bản lĩnh để bon chen giành giật nơi phố chợ. Từ đôi tay đến trên người mẹ lúc nào cũng thoang thoảng mùi bã rượu.

Mùa xuân.

Mồng bốn Tết, mẹ vội vàng chêm cái cuốc cho thật chắc để lên đôi làm đất trồng ngô, làm đất xong mẹ mãi miết đi đổi công với hàng xóm nhiều ngày để đến lượt nhà mình gieo hạt có người đến giúp. Bao nhiêu gánh ngô thu hoạch về thì cũng bằng ấy gánh phân mẹ phải gánh lên đồi. Đến kỳ ngô trở ba lá, bốn lá, khi ngô chuẩn bị đến kỳ vun, mẹ gánh từng gánh phân nước tưới chúng. Hồ phân sau nhà đến cả vài ngàn mét khối vậy mà một mình mẹ gánh hết gánh này đến gánh khác đến khi đáy của nó trơ ra. Những hôm trời mưa, đường trơn bàn chân trần của mẹ bầm xuống con đường nhào nhoét mà cứ đi phăm phăm. Nhiều lúc trộm nghĩ, sao mẹ khỏe thế, mẹ làm từ sáng đến tối chẳng ngơi tay, mẹ đủ sức khỏe làm tất cả những việc nặng nhọc trong nhà mà chẳng thấy ồm bao giờ.

Mùa hạ.

Tháng sáu, chân mẹ ngập dưới làn nước nâu sánh, rong rêu bám đầy cổ chân, có một vài chỗ máu rỉ xuống hòa với bùn do bị đĩa cắn. Bàn tay mẹ thoăn thoắt cạy từng nhánh mạ xuống lớp bùn mịn nhão, tấm lưng nhỏ bé phơi ra giữa nắng hè. Mẹ làm từ lúc gà gáy sáng đến khi gà lên chuồng, buổi trưa chỉ ăn cơm vội vàng với khúc cá mắm và rau luộc. Hết mùa cấy, mẹ luồn sâu vào những luống ngô sắp đến ngày thu hoạch, bàn tay xù xì dày cộp với những nốt chai thoăn thoắt túm từng búi cỏ nhỏ chúng lên, lá ngô cửa vào tay, vào cổ, quất vào mặt, vừa ngứa vừa rát. Nào kiến lửa, nào sâu, nào vô số loài côn trùng gặm gù tấn công kẻ vừa đảo lộn ngôi nhà của chúng. Mẹ dọn sạch cỏ trong rẫy ngô trước khi thu hoạch để chuẩn bị cho mùa khoai, mùa đỗ sắp tới. Đến ngày thu hoạch ngô, tay mẹ thoăn thoắt bẻ những bắp ngô vàng óng căng mọng cho vào quang gánh, ngô càng được mùa càng vui, càng vui thì đôi vai mẹ càng oằn xuống bởi gánh ngô trĩu nặng không bao giờ dưới 50 kg cùng mẹ lên dốc xuống đèo.

Tháng bảy, đỗ, khoai lang trồng gối vụ cũng đã trở mầm, lúa chưa đến ngày thu hoạch. Ngô đã về đầy nhà, mẹ lại tất tả tẽ ngô, phơi ngô, bởi nếu không làm nhanh chúng sẽ mọc mầm trong cái thời tiết nóng ẩm của tháng bảy. Mẹ thoăn thoắt phân loại ngô, bắp nào to đẹp thì cất lên gác bếp, bắp nào nhỏ, xấu hơn thì bóc ra phơi, để ngô có thể cho vào máy tách hạt thì bắp ngô phải có độ khô nhất định. Những bắp ngô sáng được gánh ra ven đường phơi, chiều lại gánh vào, nếu nắng đều thì phải phơi hai đến ba ngày mới tẽ được. Hạt ngô sau khi đã tẽ cũng phải phơi chừng ấy ngày mới cất được vào bồ. Chỉ mỗi việc phơi ngô buổi sáng, thu ngô buổi chiều mà cũng tốn rất nhiều thời gian và sức lực. Tháng bảy nóng ẩm mưa nhiều và cực kỳ nhiều những cơn mưa bóng mây, chúng thoắt đến rồi thoắt đi không theo một quy luật nào cả, một ngày nắng nóng có thể có ba đến bốn cơn mưa là chuyện thường tình. Những cơn mưa bóng mây nghe thì có vẻ thơ mộng lắm, nhưng chúng là nỗi phiền muộn của mẹ. Mỗi khi trời sắp chuyển mưa, mẹ lại tất tả chạy ra ven đường thu dọn đồng ngô đang phơi, ngô hạt phơi trong bạt thì tạm gấp lại được, nhưng bắp ngô nguyên quả thì phải nhặt lại gánh vào nhà, cứu ngô trời mưa gấp gấp chẳng khác nào cứu muối trên đồng. Có khi thu ngô vào nhà kịp trước khi mưa đến, có khi chẳng kịp, những hạt ngô sắp khô chuẩn bị được đem cất, chỉ cần một chút nước mưa ào qua là lại quay về dưới điểm xuất phát. Mưa ào qua xối ướt mọi thứ xong xuôi bầu trời lại hừng nắng gay gắt, mẹ tiếc trời nắng lại tất tưởi gánh ra phơi. Một ngày vài lần như thế mẹ mắng ông trời oái oăm, mẹ lau bàu hôm nay chẳng thềm phơi nữa, nhưng khi trời nắng gắt, mẹ tiếc nắng lại quảy ngô ra. Những cơn mưa bóng mây tháng bảy dường như đã trở thành nỗi sợ của mẹ, chúng ám ảnh mẹ cả trong giấc mơ. Còn nhớ có một buổi trưa, khi mẹ đang nằm nghỉ trên chiếc ghế dài chừng như đang say giấc, bỗng nhiên miệng mẹ ú ớ mấy từ trong cuống họng “ôi trời mưa”, mẹ bật dậy theo phản

xạ, chẳng biết thế nào mà lại lặn kénh xuống đất, tỉnh giấc mẹ biết mình nằm mơ. Những giấc ngủ trưa của mẹ bao giờ cũng thắc thỏm tội nghiệp như thế.

Mùa thu.

Nắng hanh hao tràn về, mẹ ra đồng gặt lúa, bàn tay mẹ thoăn thoắt đưa chiếc liềm vào gốc khóm lúa, một chốc cả vạt lúa đã nằm “như ngã rạ” dưới chân mẹ. Mẹ đập lúa vào chiếc loong, chúng phát ra những tiếng bập bùng đều đặn khấn trương như tác phong thường nhật của mẹ. Năm nào mẹ cũng cẩn thận cấy một đám lúa nếp thân cao hạt to, căng tròn, giống lúa này chẳng thể gặt đại trà mà phải hái từng bông. Giống lúa phải cấy ở đám ruộng quanh năm ngập nước, vì thân cao bông lúa trĩu nặng nên khi đến mùa thu hoạch chúng đổ rạp xuống đất, mẹ vừa hái từng bông lúa vừa lặn tìm, nhặt nhanh chúng trong đám lá ngã rạp. Bố bảo mẹ đừng cấy loại lúa này nữa, vất vả thêm nhưng mẹ không chịu, mẹ nói những cái Tết quanh năm làm bánh đều phải dùng loại lúa này bánh mới ngon, làm bánh còn để cúng ông bà tổ tiên, bánh không ngon đem cúng ông bà quả chết, thà vất vả một chút còn hơn.

Mùa đông.

Mẹ lên rừng lấy cây rào đám ruộng quanh năm có nước lại để ngăn trâu bò phá, mẹ kỳ công đắp đất thành những luống cao để nước chảy qua các rãnh, mẹ gieo hạt trồng rau, các loại rau mùa lạnh như su hào, bắp cải, súp lơ... rau của mẹ tươi tốt nhờ kỳ công chăm bón, có cây bắp cải to bằng cả cái sọt. Rau nhiều, ăn không hết mẹ gánh ra chợ bán nhưng bán rẻ như cho cũng chẳng có mấy ai mua vì đang vào chính vụ, rau xanh ngập chợ. Rau nhiều, lợn của mẹ ăn cũng chẳng hết, thế là những cây bắp cải, bông súp lơ, củ su hào của mẹ lại nằm buồn thiu thối rữa ngoài đồng.

Mỗi buổi tối, mẹ lấy chiếc dao lam cùn bố cạo râu thừa thái thái những mảng da cứng đơ ở gót bàn chân nứt nẻ, có những hố nứt sâu đến nỗi máu tứa ra, những mảng da chết ở gót chân mẹ chẳng bao giờ hết, mẹ càng gọt chúng càng sinh ra, nhất là mùa đông thì tình trạng này càng trầm trọng. Bàn chân mẹ xấu chẳng kém gì bàn tay hay một số bộ phận khác, những chiếc móng chân của mẹ lúc nào cũng đen đúa, cẩu cạch cho dù có rửa, có chà kỹ đến thế nào. Có đứa nào chê thì mẹ cười bảo: Bao giờ chúng mày lớn kiếm được nhiều tiền nuôi mẹ, để mẹ ngồi không thì móng chân mẹ khắc đẹp ra. Những đứa con nhỏ nghe mẹ nói mà lòng chẳng có ý niệm gì sâu sắc.

Mẹ thường gọi mày xưng tao với các con, nhiều lúc thèm nghe một tiếng con âu yếm từ mẹ, nhưng biết làm sao được, mẹ không quen màu mè, mẹ không biết dùng lời hay ý đẹp, mẹ xù xì thô mộc như gánh củi, gánh khoai. Có lúc cùng thằng em ôm cổ mẹ nũng nịu:

- Mẹ, mẹ thương ai hơn? Mẹ thương con hơn phải không?
- Không thương đứa nào hết, ai học giỏi thì tao thương.

Câu trả lời của mẹ làm hai đứa chưng hửng, mẹ lúc nào cũng thế, chẳng được một câu ngọt ngào như mẹ chúng nó, vì thế, hồi ấy cứ ngỡ mình không

được mẹ thương bằng chúng bạn. Mẹ chẳng bao giờ cho tiền ăn quà, mà các hàng quán trước cổng trường học thì đông chẳng khác nào cái chợ, cứ giờ ra chơi, lũ bạn lại rủ nhau sà vào hàng quán, thôi thì cơ man nào là các món ngon. Ngoài bánh kẹo chè đỗ đen, bánh cháo, bánh rán ra thì còn có đu đủ ướp, củ cải su hào ướp, mận ướp, chỉ cần 200đ, 500đ là đủ để thỏa mãn cơn thèm, thế mà cứ phải đứng nhìn từ đằng xa. Thế nhưng các cô bán hàng cổng trường thì nhiệt tình miễn chê ở khoản chiều khách.

- Ăn đi cháu, không có tiền cũng được, hôm nào có thì trả sau.

Đánh liêu ăn hàng nợ, đến buổi chiều bà chủ quán đến hỏi tiền mẹ, trả tiền cho bà ta xong mẹ nọc ra đánh một trận nhớ đời, mẹ vừa phát roi vào mông vừa mắng:

- Mày lão quá mới tí tuổi đầu mà dám ăn hàng nợ, đánh cho chùa này! Lần sau còn thế nữa không?

- Ôi mẹ ơi từ nay con không làm thế nữa, hu hu...

Hồi ấy mới học lớp ba.

Mẹ là người siêu tiết kiệm, mỗi sáng, mẹ dậy sớm rang cơm cho cả nhà, mẹ bảo ăn cơm cho chắc dạ, no lâu. Còn tôi thì thèm nhỏ dãi mỗi khi đi qua hàng bánh cuốn ở đầu ngõ, mùi nước dùng thơm ngậy, mùi hành phi với thịt băm bay vào mũi đầy ám ảnh. Nhưng họa hoàn lắm mẹ mới cho ăn bánh cuốn, mà chỉ những dịp thật đặc biệt mới được ăn thứ xa xỉ này. Mẹ nói một bữa bánh cuốn sáng của cả nhà tao mua được cân thịt ăn cả ngày rồi, mẹ hay so sánh những thứ đắt đỏ với thịt, ví dụ như mua cái nọ cái kia chẳng thà mua cân thịt ăn cho sướng. Đến bây giờ cái ngày ấy đã đi rất xa nhưng thi thoảng vẫn nghe loảng thoảng ngoài chợ những câu kiểu như câu của mẹ ngày ấy.

Thế mà mẹ rất khéo tay, nhất là các món bánh của mẹ làm thì ngon hết ý. Bình thường mẹ chẳng bao giờ bày vẽ ra món gì “cho mất thời gian”, thế nhưng những ngày lễ tết trong năm của người Tày thì nhất định mẹ phải làm các món bánh theo truyền thống. Ví như Tết Nguyên đán thì làm bánh chưng, bánh khảo, Tết tháng hai và Tết tháng bảy thì làm bánh gai, Tết tháng sáu, tháng bảy thì làm bún, Tết đông chí thì làm bánh trôi, Tết Đoan ngọ thì làm bánh gio... Bánh gio của mẹ thơm, mềm, vàng sánh như mật, bánh gai của mẹ vừa dẻo vừa dai, để lâu mà không chảy nước, bánh chưng mẹ gói vuông vức căng tròn dù chẳng cần khuôn, bún của mẹ sợi vừa ngọt vừa dai mặc dù không cần bất kỳ phụ gia nào, còn bánh khảo của mẹ thì khỏi phải nói, vừa đủ cứng vừa đủ dai, vừa đủ ngọt, vừa đủ thơm... Bánh khảo là món bánh làm rất khó, nhất là nếu làm vào lúc trời lạnh thì càng khó hơn. Đến năm chị gái lên cấp hai mẹ giao cho chị nhiệm vụ làm bánh khảo cho ngày Tết cổ truyền. Mẹ nói, lớn rồi tập làm dần đi là vừa, không đến sau này đi lấy chồng mà không biết làm bánh khảo thì người ta chê cười. Và từ đấy năm nào tôi cũng thấy chị nước mắt ngấn nước mắt dài bên chậu bột, vừa khóc vừa ra sức vò lấy vò để đám bột trong chậu nhưng vò hàng tiếng đồng hồ vẫn khô khốc, năm nào

trời lạnh thì chị càng khóc tuyệt vọng hơn. Cuối cùng mẹ vẫn phải giúp một tay, mẹ vừa xăm xăm làm vừa mắng: Tao biết ngay là không có tao thì không được ăn mà.

Quanh năm mẹ cứ tất bật như thế, thức khuya dậy sớm làm toàn việc nặng mà chẳng bao giờ thấy mẹ kêu ca, quần áo mẹ toàn đồ xám màu, nhàu nhĩ và hoen ố, còn đầu tóc thì dường như lúc nào trông cũng bù xù do những sợi tóc mai trên trán và hai bên thái dương ngắn chẳng ngắn, dài chẳng đủ buộc ra đằng sau mà chúng lại loăn xoăn đến khó chịu, thành thử tóc mẹ dù đã búi gọn gàng ra sau trông vẫn như một cái đầu rối. Chị tôi khi mới cập kê vào tuổi con gái, bắt đầu biết làm đẹp thì biết chê mẹ xấu, luộm thuộm, mẹ bảo: thế mà mày thấy bà nào xinh thì đi mà nhận làm mẹ, chị chẳng nói được gì.

Mấy đứa con dường như cũng biết phận nhà khó khăn nên khỏe giống mẹ, chả thấy ốm bao giờ, ngoài giờ học thì làm việc phẩm phẩm, tôi cũng không là ngoại lệ. Thế mà lớn lên, đi học xa, lần đầu tiên xa nhà, lần đầu tiên biết mặt mũi của thành phố, chưa đầy một tháng bỗng nhiên bụng đau dữ dội, bạn bè xóm trọ đưa vào bệnh viện, bác sĩ hỏi han vài câu, nắn bụng sơ sơ rồi phán: Đau ruột thừa, mổ cấp cứu.

Lần đầu tiên biết mùi bệnh viện thì được nghe câu phải mổ, sợ toát mồ hôi, vừa hoang mang không biết làm thế nào ở nơi đất khách quê người này, bạn bè gọi điện về nhà báo người nhà xuống chăm, mẹ đầu bù tóc rối xuất hiện, nhờ có mẹ, mọi chuyện cũng xong xuôi tốt đẹp. Khi chuyện đã qua ngồi nhắc lại, thấy mọi người tả cảnh mẹ mình khi biết tin con vào viện mới tội nghiệp làm sao. Hàng xóm nói, lúc ấy mẹ đang cấy lúa, nghe người ta báo tin mẹ buồng bó mạ, chạy sấp ngựa băng qua bờ ruộng nham nhở đầy những hang chuột, hang cua, mẹ vừa đi vừa khóc hu hu như một đứa trẻ và ngã dúi dúi xuống bờ ruộng không biết bao nhiêu lần vì bẩn loạn, vì bao nhiêu cảm xúc không thể diễn tả hết bằng lời. Mẹ không ngờ đứa con khỏe như vâm ở nhà chẳng bao giờ phải tốn một viên thuốc của mẹ lại phải nhập viện, mà lại còn phải mổ nữa thì kinh khủng quá. Hình ảnh ấy dù chỉ là nghe kể lại nhưng đã ám ảnh tâm trí tôi mãi, tôi mới hiểu rằng mẹ yêu tôi nhiều biết chừng nào, tình yêu chân chất mộc mạc bản năng, không màu mè, chẳng phô trương mà sâu nặng.

Thế mà cái ngày ấy cũng đã trôi rất xa, các con của mẹ giờ cũng đã trưởng thành, dường như chẳng làm được gì to tát nhưng cũng tự hào đã đứng được hiên ngang giữa đời bằng những gì mẹ vun đắp, để biết rằng được làm con của mẹ may mắn biết bao nhiêu.

Đi xa lâu, một ngày về thăm mẹ, thấy mẹ ngồi trên chiếc ghế năm nào, cả hai chân thu lên ghế, mắt chăm chú vào cuốn lịch nhỏ trên tay, thấy lưng mẹ còng xuống như nửa hình tròn, bất giác nước mắt ứa ra, mẹ đã già thật rồi. Lưng càng còng xuống, mặt càng gằn mặt đất hơn. Bao nhiêu vất vả lo toan “gánh nặng cuộc đời” đè nặng lên đôi vai nhỏ nhắn của mẹ. Đôi mắt nâu đã

bắt đầu chuyển dần sang màu đục ngược lên nhìn con gái, nhìn đôi mắt ánh lên nét cười rạng rỡ biết mẹ đang vui. Buổi trưa ăn cơm xong mẹ tranh phần rửa bát, mẹ cứ lục đục dưới bếp hàng tiếng đồng hồ, sốt ruột xuống xem vẫn thấy mẹ đứng bên bồn rửa bát, vòi nước vẫn đang chảy, bát bẩn còn nguyên trong bồn, tay mẹ vẫn cầm chiếc bát mân mê. Hỏi mẹ này giờ làm gì, mẹ bảo mẹ rửa bát. Thấy lòng đau như xát muối, mẹ đã già thật rồi.

Càng lớn, truyền thông, xã hội càng quan tâm đến người phụ nữ, bởi theo lẽ thường “phú quý sinh lễ nghĩa”, những ngày để tôn vinh họ như 8-3, 20-10 ngày càng được nhắc đến nhiều, ngày càng được quan tâm. Bất kể nguyên nhân hoặc là làm theo phong trào, hoặc là theo nghĩa vụ, hoặc là học đòi theo những người sang trọng hay sự quan tâm thực sự từ đáy lòng. Những người phụ nữ đã có gia đình, những cô gái tuổi hoa niên hoặc thanh niên đã có hoa trong những ngày lễ dành cho họ. Tôi cũng được tặng và tặng cho nhiều người những lời chúc có cánh, những món quà hoặc nhỏ, hoặc to. Thế nhưng, những người như mẹ tôi và biết bao người đàn bà chân lấm tay bùn khác có lẽ cả đời chưa từng biết đến ngày 8-3 hay 20-10, nếu biết cũng chỉ nghĩ nó không phải của mình, cũng chẳng thấy nó là quan trọng. Tôi cũng chưa bao giờ mở miệng chúc mẹ mình một câu nhân ngày của giới mình, không phải không muốn làm mà vì tự nhiên thấy ngượng.

Cuộc đời của những người như mẹ tôi chẳng biết gì ngoài làm lụng và lo toan. Mẹ sống giản đơn, làm việc giản đơn, suy nghĩ giản đơn, chỉ có tình yêu của mẹ tưởng như giản đơn mà không dễ gì hiểu hết được, để đến khi đi hết gần nửa đời người mới cảm nhận hết được tình yêu ấy. Niềm vui của mẹ cũng chẳng có gì xa xỉ, chỉ là đủ cơm ăn áo mặc, con cái trưởng thành, mẹ cũng chẳng bao giờ nghĩ, chẳng bao giờ mong con mình thành ông này bà nọ, chỉ cần chúng mãi là con ngoan của mẹ là hạnh phúc lắm rồi.

Cô Sầu thương nhớ

Từ xưa đến nay, chuyện ăn uống luôn được nhắc đến nhiều trong đời sống hàng ngày, xưa có nhà văn Thạch Lam, Nguyễn Tuân cho đến Vũ Bằng đều có những dòng văn tuyệt đỉnh nói về ẩm thực, ngày nay chuyện ăn uống ra rả từng giờ trên báo chí chừng như vẫn thấy chưa đủ để nói về “cái mục đích hàng đầu và tối thượng của con người”. Có người còn nói rằng, chiều sâu văn hóa, hồn cốt của một vùng đất, một dân tộc... đều được phản ánh qua chuyện ăn uống, văn hóa ẩm thực luôn gắn liền với văn hóa truyền thống, làm nên sức sống lâu bền, thậm chí là tinh hoa của mảnh đất, con người nơi đó. Theo tôi,

việc ăn uống còn phản ánh tính cách, điều kiện, hoàn cảnh sống của con người, ví như: người nghèo ăn lấy no, người giàu ăn lấy ngon, người tao nhã ăn như một sự thưởng thức cái đẹp, kẻ sĩ diện ăn như một sự phô trương... Bởi thế chắc không phải ngẫu nhiên mà tiền nhân gọi cái sự mưu sinh kiếm sống của con người là “làm ăn”.

Một ngày nọ đứa con gái bé nhỏ bỗng nhiên hỏi tôi: “Quê hương là gì hả mẹ?”, bất giác tôi nao lòng trước câu hỏi quá đỗi bình thường của trẻ thơ. Quê hương là gì ư? Tôi nhớ lại thuở trước cách đây hơn hai mươi năm. Đối với tôi, quê hương là ký ức tuổi thơ gắn liền với bao nhiêu thức quà bánh nơi phố chợ Cô Sáu chưa khi nào thôi ám ảnh con nhóc tôi ngày ấy, để đến bây giờ khi đã đi qua gần hết nửa đời người thì nỗi thèm ấy vẫn không hề phai nhạt. Nói về ẩm thực của phố Cô Sáu thì phong phú đa dạng lắm, món nào cũng ngon, món nào cũng lạ, cũng thấm đẫm tâm hồn và cốt cách của con người miền núi, ăn rồi, đi rồi mới biết, mới cảm được chiều sâu văn hóa của mảnh đất quê mình.

Đầu tiên là món phở, phở thì ở đâu mà chả có? Người Việt Nam ai mà không biết đến phở? Nó còn nức tiếng năm châu và được xếp vào hàng những món ngon nhất thế giới cơ mà. Miền Bắc có phở Hà Nội, phở bò Nam Định, miền Trung có phở Huế, miền Nam có phở Sài Gòn... Phở miền Bắc đặc trưng bởi vị mặn, phở miền Nam thì ngọt và nhiều rau còn phở miền Trung phải cay rách lưỡi mới đúng vị. Tất cả đều có cái ngon riêng của nó, đến cả thứ “phở đại gia” được cho là phở bò Kobe, người ta nói nó được làm từ thịt của những con bò được nuôi với chế độ hơn cả người, thức ăn là lúa non, cỏ tươi, còn đồ uống là nước được chiết xuất rất tinh khiết và thậm chí là cả bia. Hàng ngày bò được tắm bằng nước ấm, được massage, được nghe nhạc giao hưởng của Mozart, Beethoven... để thư giãn... Mỗi bát phở có giá đến cả nửa tấn thóc thì chắc cũng ngon phải biết. Nhưng với tôi, phở Cô Sáu vẫn là số một. Cái thứ phở nước có màu đỏ nâu, màu của đường phen, bề mặt bát phở lông bông mỡ, loại phở làm lung lay mọi quan niệm về thế nào là phở ngon. Nói đến bát phở đạt tiêu chuẩn gọi là ngon chắc người ta nghĩ loại phở có nước thanh, ngọt, nước dùng trong, như nhà văn Thạch Lam đã từng miêu tả về phở Hà Nội: “Nước thì trong và lúc nào cũng nóng bỏng, khói lên nghi ngút”. Nhưng người dân quê chúng tôi không lấy nước phở trong làm chuẩn mực cho một thứ nước dùng hảo hạng. Phở mà không có màu đỏ nâu giống màu của những con vịt quay thì nhạt nhẽo lắm, ngoài ra, bát phở phải thêm một thìa mỡ thơm ngậy, thứ mỡ dùng để chao vịt, bao nhiêu cái thơm ngon của thịt vịt được quyện vào thứ mỡ ấy, thả xuống bát phở, quyện vào từng sợi phở mới thơm, ngậy, béo, bùi, mới hợp với khẩu vị người miền núi lúc nào cũng cần nhiều năng lượng để lao động và chống chọi với cái lạnh tê buốt của mùa đông. Món phở gần như đã ám ảnh tâm trí tất cả bọn trẻ con con chúng tôi ngày ấy, vì với mức sống thời đó phở quả là một món ăn xa xỉ. Bây giờ phố Cô Sáu đã đổi mới nhiều, giàu có lên, phở không còn

là thức ăn xa xỉ với trẻ con trong phố nhưng với những đứa trẻ trong làng, đời sống còn khó khăn, chẳng mấy khi chúng được ra chợ thì phở vẫn là thứ “nằm bờ ỏn”. Cô bạn của tôi làm giáo viên dạy văn cấp hai trường làng đã từng kể rằng: có một lần ra đề văn cho học sinh tả về một phiên chợ thì hầu như tất cả các bài văn của học sinh đều nhắc đến phở trong buổi đi chợ mơ ước của mình. Nghĩ mà thương...

Nói đến thức quà sáng ở phố chợ Cô Sầu, đã nhắc đến phở sẽ thật là thiếu sót nếu bỏ qua món bánh cuốn. Khi viết về những món quà phố chợ Cô Sầu tôi đã định bỏ qua món bánh cuốn, vì bánh cuốn ở phố Cô Sầu cũng giống như bánh cuốn ở bất kỳ vùng nào trên đất Cao Bằng. Bánh cũng được tráng từ bột gạo tẻ, nhân thịt và phải ăn ngay khi bánh còn nóng ăn với nước canh nóng hổi chứ không phải bánh cuốn nguội chấm nước mắm, nước tương như nhiều nơi. Nhưng có phải vì tôi là người con của phố chợ Cô Sầu mà tôi lại thấy bánh cuốn của quê mình có một vị rất riêng không lẫn vào đâu được, và chắc chắn đối với tôi bánh cuốn của phố Cô Sầu vẫn là món bánh cuốn ngon nhất. Ngon trước hết phải kể đến nước dùng, chẳng biết các bà, các mẹ có bí quyết gì trong cách nấu nước dùng mà nó có vị thơm và ngọt đến thế. Thật khó có thể diễn tả đầy đủ cái vị ngọt tuyệt vời ấy bằng lời, không phải vị ngọt của mì chính, càng không phải của bột nêm. Thứ nữa là bánh cuốn, bánh không quá dai như bột bánh được cho thêm hàn the hoặc bất kỳ thứ phụ gia nào khác có tác dụng làm dai bánh, bánh cũng không mềm và nhão kiểu của những người làm bánh vùng về. Bánh vừa đủ dai vừa đủ mềm để ta thấy được sự tinh tế, sự khéo léo của người làm bánh. Người sành ăn có thể cảm nhận được cái vị ngọt rất tinh tế, rất thật của nước dùng, vị dai và mềm của bánh. Nếu ai muốn thưởng thức và tự mình đánh giá phải tự mình đến phố Cô Sầu thưởng thức vậy.

Khi xưa thèm phở nhưng không có tiền ăn thì mẹ cho ăn bánh đúc, bát bánh đúc chỉ có giá bằng một phần ba bát phở. Bánh đúc đúng là một thức quà ngon của con nhà nghèo, đáp ứng được cả ba tiêu chí “ngon, bổ, rẻ”. Bánh đúc cũng là một món ăn phổ biến của người Việt Nam và chẳng ai lạ gì nó, nhưng bánh đúc ở phố Cô Sầu đặc biệt ở chỗ, bột bánh đúc sau khi được nấu chín thì được đổ ra cái mẹt lớn, để nguội sau đó cắt thành miếng dài, to chừng bằng hai ngón tay, mặt phía trên bánh được phủ một chút thịt băm và hành, khi ăn thì lấy ra bát rồi chan với nước canh, nước canh tương tự như nước canh phở nhưng kém ngậy hơn một chút, rưới thêm một thìa tương vàng óng, ăn vừa không ngấy, vừa no. Bánh đúc chấm tương, bánh đúc chấm mắm thì nghe nhiều rồi, nhưng bánh đúc chan canh thì chắc chỉ có ở phố Cô Sầu. Tôi có anh bạn là kỹ sư xây dựng, hay có việc phải vào Trùng Khánh công tác, không đếm nổi bàn chân anh đã đi qua cái phố Cô Sầu bao nhiêu lần, anh tự hào đã đi hầu hết các xã của Trùng Khánh, chắc chắn còn đi nhiều hơn cả tôi, tự hào cho rằng nói về Trùng Khánh thì chắc còn hơn cả dân bản địa như tôi, tôi kém tự tin cho rằng anh đúng. Một hôm tôi mời anh bạn ra phố ăn sáng, anh than thở:

- Đạo này tiệc tùng nhiều, lên cân ghê quá, giá như được ăn món gì đỡ ngấy một chút.

Tôi nói:

- Thế thì em mời anh ăn bánh đúc nhé, món ngon, bổ, rẻ đấy!

- Thử xem sao.

Ăn xong ra khỏi quán, anh nhìn tôi cười:

- Bánh đúc ngon và lạ ra phết, anh vào Trùng Khánh suốt mà sao không biết món này nhỉ?

Tôi cười:

- Vì anh có phải là người Cô Sầu đâu.

Nói đến bánh đúc nhân thể nói đến món tương, vì người ta hay ăn tương với bánh đúc, cũng như bánh đúc ở phố Cô Sầu ăn mà thiếu tương thì cũng ít nhiều giảm giá trị, chả thế mà anh bạn tôi vừa ăn bánh vừa xin thêm tương đến mấy lần. Tương thì cũng chả ai lạ gì, tương Bần Hưng Yên, tương Cự Đà Thanh Oai - Hà Nội, tương Nam Đàn - Nghệ An đều nổi tiếng, đều có vị ngon riêng của nó nhưng lại có mùi khó ngửi nên kén thực khách. Còn tương phố Cô Sầu lại khác, nó mang một mùi thơm quyến rũ, vừa ngậy vừa bùi thơm mùi nắng hạ, vừa có mùi cánh đồng quê lồng lộng, thứ mùi có thể làm vừa lòng bất kỳ người thưởng thức khó tính nào.

Nói đến tương chắc người ta đều nghĩ được làm từ đậu tương, nhưng tương của phố Cô Sầu lại khác, tương được làm từ lúa mì, tiếng Tày gọi là “Méc cáng”, tương được làm vào khoảng tháng tư, tháng năm khi mà mùa hạ bắt đầu chiếu những tia nắng gắt đầu tiên lên vạn vật. Vì tương phải có nắng, càng phơi nắng càng có màu vàng càng óng như màu mật ong. Thứ tương đặc sánh, có mùi thơm đậm đà, có vị ngọt nơi đầu lưỡi và đặc biệt chỉ mặn vừa phải. Nước tương có thể vắt chanh, thêm ớt, làm nước chấm, làm gia vị cho nhiều món ăn. Ví như món thịt vịt quay chẳng hạn, sau khi đã làm sạch bụng con vịt, có chút tương với lá “mác mật” bỏ vào bụng vịt, đem chao trên chảo ngập mỡ đến khi vịt vàng ươm đem ra chặt thành miếng, thứ nước tương trong bụng vịt đã quyện với mùi thơm của lá “mác mật” dùng luôn làm nước chấm thịt vịt thì ăn một lần là nhớ mãi. Ngoài ra tương có thể cho vào phở, vào bún, vào bánh đúc như một thứ gia vị hảo hạng.

Tương ngon là thế nên quá trình làm cũng lắm công phu, sơ sẩy một chút là hỏng cả vại tương như thường. Tương là đặc sản của phố Cô Sầu, nhưng không phải nhà nào cũng làm được tương ngon, ngoài phải tuân thủ đúng công thức và kỹ thuật làm tương thì người làm còn phải có duyên với tương nữa. Tương không để được quá lâu vì không có quá nhiều muối, không có chất bảo quản, tương chỉ có vào mùa hè, cùng lắm là sang thu, là thứ thức ăn theo mùa, người ta càng quý tương hơn là vì thế.

Ăn uống ở phố Cô Sầu, nếu thực khách trong túi không rủng rinh tiền ăn phở, ăn bánh đúc lại sợ chóng đói, muốn chắc dạ thì đã có hàng bánh chưng

rán, một chiếc bánh chưng rán to cũng chỉ có giá bằng bát bánh đúc, bánh chưng rán của các bà, các mẹ trong làng ra bán, lòng mẹ thật thà chân chất đến đâu thì chiếc bánh chưng cũng mộc mạc như thế. Đồ nghề của mỗi hàng bánh chưng chỉ vồn vện cái chảo, chút mỡ, dăm cái bát, vài đôi đũa và bó củi thế mà chiều lòng được cả anh bán củi, chị công chức cho đến mấy em học sinh đang tuổi ăn tuổi lớn vốn khản ăn.

Đó là những thức ăn để no, còn những thức ăn chơi cũng ngon và lạ không kém. Hàng đầu phải kể đến bánh bò, loại bánh làm bằng bột gạo tẻ có màu vàng ươm như mật ong và mùi thơm ngọt của đường phen, mềm và xốp tựa bánh ga tô hay bánh bao, điều đặc biệt ở chỗ, các loại bánh ấy được làm cho nở xốp bằng bột nở, còn bánh bò phố Cô Sầu không dùng bột nở mà được được làm bằng cách ủ với rượu cái để lên men rồi đem hấp. Khi được hấp chín, bánh nở to như bánh ga tô hay bánh bao mà không cần đến thứ bột nở công nghiệp, bởi thế bánh vừa có mùi thơm đậm đà của đường phen, vừa có mùi thơm nồng của rượu. Miếng bánh ăn vào cắn ngập cả răng, thơm, mềm, ngọt, xốp ngay từ đầu lưỡi. Bây giờ sống ở thành phố, thi thoảng vẫn gặp đâu đó những hàng bánh bò người ta bán, nhưng là thứ bánh bò trắng nhợt có lẽ được làm bằng đường trắng, bánh bò mà làm bằng đường trắng là hỏng vì nó mất đi cái vị thơm ngọt, cái màu đỏ của đường phen. Thêm vào đó, miếng bánh lại xẹp lép và nồng mùi rượu do cho quá nhiều rượu cái và không được lên men đúng cách. Thế mới biết, cùng một loại bánh, cùng một công thức nhưng đâu phải bàn tay ai làm cũng giống nhau? Có lẽ chỉ bàn tay người dân phố Cô Sầu mới có thể làm nên được những chiếc bánh bò dẻo, xốp và thơm ngon đến vậy.

Bánh bò là loại bánh làm từ gạo tẻ, còn bánh làm từ gạo nếp cũng chẳng thiếu. Nếu thực khách muốn thưởng thức bánh làm bằng gạo nếp thì bánh rán tẩm đường cũng sẵn ngoài chợ. Những chiếc bánh đồ au bên ngoài bởi được bọc đường phen, vàng ươm bên trong bởi màu nhân đỏ xanh, bánh giòn vỏ dẻo thịt và xốp nhân. Thứ bánh này có ở nhiều nơi nhưng không dẻo, ngụi là ăn hơi cứng vì được pha quá nhiều gạo tẻ, cứng vì cái thứ đường kính trắng bao ngoài vỏ bánh. Bánh rán ở phố Cô Sầu còn ngon bởi một nhẽ nó được làm từ gạo nếp đặc biệt, thứ gạo thân cao thường trồng ở những đám ruộng quanh năm có nước, từ khâu trồng cấy đến khi thu hoạch đều lắm kỳ công. Thu hoạch loại gạo này không phải gặt cả khóm đem vào máy tuốt như gạo tẻ được mà phải ngắt từng bông bằng một dụng cụ đặc biệt, gặt lúa mà ngắt từng bông thì phải kiên nhẫn và tỉ mỉ lắm. Những bông lúa được hái về bó thành từng bó dựng ngược lên phơi ngoài nắng nở rục rở như hoa, sau khi lúa khô đem cả bó treo trên gác bếp để dành, nhà có việc gì cần dùng đến gạo nếp thì mới lấy xuống tuốt, dùng bằng nào thì tuốt bằng đó. Tuốt lúa phải dùng bằng tay, cầm thìa mà cạo từng hạt thóc ra khỏi bông lúa thì mới được thứ hạt gạo căng tròn màu trắng đục, khi nấu lên đứng xa cả chục mét vẫn ngửi thấy mùi thơm bát ngát, thế mới xứng danh gạo nếp. Thế mà bánh rán đường ở phố Cô Sầu

được bán chỉ bằng nửa giá bánh rán ở nơi khác. Thứ gạo nếp ấy cũng được dùng làm bánh trung thu. Bánh trung thu của người Cô Sầu ăn vào miệng vừa dẻo vừa dai, càng nhai càng bùi, càng dẻo càng muốn miếng bánh cứ ở mãi trong miệng. Bánh không ngọt khé cổ, nó có độ ngọt vừa phải, bánh không có màu trắng tinh giả tạo của chất tẩy trắng công nghiệp mà có màu trắng đục của gạo nếp rang. Nhân bánh có thể nhiều nguyên liệu tùy theo sở thích nhưng không thể thiếu được chút lá chanh tươi được thái chỉ thật mịn, mùi thơm lá chanh tươi càng làm cho chiếc bánh đích thị là bánh mới ra lò, vì chỉ được làm sớm hơn Trung thu có một ngày, là bánh mới “không có chất bảo quản” như nhiều thứ đồ ăn vẫn quảng cáo hàng ngày trên ti vi để làm yên lòng người tiêu dùng. Thêm nữa, bánh không được làm đối trá bằng cách cho thật nhiều nhân vào ruột để phồng to một cách đối trá, nhân bánh thì nhiều, đầy những thứ hổ lốn mà vỏ bánh, phần ngon nhất của chiếc bánh thì chả có được bao nhiêu. Bánh trung thu phổ Cô Sầu cũng chỉ có giá bằng một phần năm, một phần sáu so với chiếc bánh trung thu công nghiệp loại bình thường bán trên thị trường.

Đến mùa khoai sắn, khoai sọ lại có bánh khoai sắn, bánh khoai sọ, hai thứ bánh này cách làm tương đối giống nhau, chỉ cần luộc chín, có thể cho thêm chút cơm nếp đem giã nhuyễn, rồi nặn thành bánh, rắc thêm chút đồ xanh phủ lên trên. Khi ăn, đến chính người làm ra nó cũng phải ngạc nhiên bởi làm sao từ một thứ nguyên liệu quá đỗi bình thường mà có thể cho ra được loại bánh ngon đến thế. Bánh ngon là thế nhưng không phải muốn ăn là mua được, chỉ vào mùa khoai thỉnh thoảng mới gặp được các bà, các mẹ trong làng ra bán, chắt chỉ những người may mắn mới có duyên thưởng thức.

Nói đến thức quà vật giải khát mùa hè sẽ thật thiếu sót nếu bỏ quên món thạch trắng đục nhất vô nhị chỉ có ở đất Cô Sầu. Không phải loại thạch làm bằng gói bột hóa chất chỉ cần hòa một thìa xuống nước khuấy khuấy là có cả chậu thạch, vừa ăn vừa lo bị ung thư, cũng không phải loại thạch xanh xanh đỏ đỏ của các hãng thực phẩm đóng trong những chiếc cốc nhựa bé xíu ăn nhạt nhẽo vô hồn. Là loại thạch làm từ nguyên liệu tự nhiên nhưng tuyệt đối không giống với loại thạch đen của vùng Thạch An, ăn tuy ngon nhưng hơi cứng mà là loại thạch làm từ hạt của một loại quả gần giống với quả vả, nhưng bé hơn một chút, tiếng Tày gọi là quả “Mác Púp”, trong vốn ngôn ngữ ít ỏi của tôi không biết tiếng Kinh gọi là quả gì. Người ta đem quả “Mác Púp” về bổ ra lấy hạt phơi khô rồi vo hạt ấy làm thạch. Để làm ra được món thạch có màu nắng thu vàng sánh, trong vắt cũng lắm công phu. Hạt “Mác Púp” sau khi đã phơi khô thì cho vào miếng vải xô và vo với nước như vo bồ kết vậy, nhưng vo phải khéo, nếu không những hạt “Mác Púp” li ti sẽ rơi ra chậu thạch là ăn không được. Cái chất sóng sánh trong hạt “Mác Púp” tan chảy vào nước làm cho nước dần dần sánh lại, vo xong để chừng một tiếng là đã có được món thạch thơm ngon vừa mềm vừa mát, ăn với chút đường phen màu đỏ sậm

được nấu thành mật còn thơm mùi mía, thêm vài viên đá lạnh cho mát. Vị thanh mát của thạch quện với vị ngọt thơm của đường phen và cái mát lạnh của viên đá hòa vào nhau, từng miếng thạch đưa lên miệng là trôi tuột xuống cuống họng tưởng mùa hè còn ở đâu xa lắm... Thạch ngon là vậy nhưng để làm được một bát thạch không phải là dễ, không phải ai cũng làm được bởi khi vo thạch nếu cho quá nhiều nước thì thạch sẽ hơi có vị chua nặng mùi hạt “Mác Púp”; cho ít nước quá thì thạch không đông, lại hỏng cả bát thạch; vo không khéo thì hạt thạch rơi vào nước cũng hỏng. Làm thạch công phu là thế, nó như là phép thử sự bền bỉ, khéo léo và tinh tế của các chị, các mẹ Cô Sầu. Một điều lạ nữa là cái hạt “Mác Púp” ấy chỉ có quện với nước Trùng Khánh nó mới thành thạch, mang đến nơi khác làm là thạch không đông, vì thế muốn thưởng thức cái món đặc biệt này không có cách nào khác phải về Cô Sầu đúng mùa hè mới được ăn. Ngày tôi còn đi học xa nhà, từng thấy đứa bạn sau kỳ nghỉ hè mang theo cả mấy chai nước to xuống trường, hỏi ra thì mới biết cô nàng định đem món thạch Trùng Khánh đi quảng cáo, đi ra khỏi đất Cô Sầu thạch nó không đông nên phải đem thêm mấy chai nước Trùng Khánh đi làm thạch thì mới mong có món đặc sản quê hương mời chúng bạn, thế mới biết “Nghề ăn cũng lắm công phu”.

Nếu ai để ý một chút sẽ thấy đồ ăn ở Cô Sầu không riêng gì phở, tương mà cả bánh trái đến đồ ăn giải khát đều có đặc điểm chung là có màu sắc đậm đà, tự nhiên, người dân thích dùng đường phen trong chế biến đồ ăn hơn là dùng đường kính trắng, đường phen mới đích thị là đường, mới có mùi thơm ngọt của mía. Dân quê tôi chắc cũng giống dân miền núi ở nhiều nơi khác, vốn ưa màu sắc, màu càng đậm đà, bắt mắt càng đẹp, nhưng phải là màu tự nhiên, đồ ăn mà nhuộm phẩm thì sẽ lên thứ màu ma quái nhìn đã thấy sợ. Phải chăng điều đó bắt nguồn từ mùa đông lạnh lẽo nơi núi rừng xa xôi? Màu đậm đà, đậm thắm để làm rực rỡ hơn cho cuộc sống, xua tan cái ảm đạm u buồn của xứ rừng lạnh lẽo?

Giờ đây người ta hay nói bông đùa về tiêu chí mua hàng số một là phải ngon, bổ, rẻ thì dường như những người tiêu dùng khó tính khó có thể gặp nơi nào bán hàng hội tụ đủ ba tiêu chí trên vì tiền nhân còn có câu “đắt xắt ra miếng” và “của rẻ là của ôi” thì về với phố Cô Sầu quan niệm ấy đã có phần chủ quan. Những thứ quà bánh ở phố Cô Sầu được làm từ tấm lòng thơm thảo của những con người chân chất, làm ra bán cho hàng xóm, cho người quen và cho chính mình thưởng thức, làm vừa do kế sinh nhai vừa là để phô diễn cái tinh tế, cái đậm thắm của mảnh đất, con người nơi quê mình. Những thức quà được làm ra trên vùng quê có truyền thống văn hóa lâu đời đã kết tụ biết bao tinh hoa cùng khí thiêng sông núi, ăn một thức quà là thưởng thức cả một nền văn hóa thắm đậm tình đất, tình người vậy.

Tết của người nhà quê

Người ta bảo cái Tết ở quê vui hơn ở thành thị. Tôi cũng chưa từng ăn Tết ở thành thị nên không so sánh được. Nhưng chắc chắn rằng Tết đối với trẻ con thì dù ở đâu cũng vui hơn người lớn. Theo ý kiến chủ quan của tôi, có lẽ Tết đối với trẻ con nhà quê Tết hẳn sẽ bát ngát và bất tận hơn. Bởi ở thành thị trẻ con dễ dàng được thỏa mãn với niềm vui, còn trẻ con ở quê muốn có niềm vui phải biết lượm lặt dù chỉ là những viên sành vỡ...

Khi cái rét ngọt tràn vào giữa đêm lẫn trong tiếng mưa lác cắc ngoài thêm, lúc ấy là mùa đông và mùa xuân đang giao ca. Sớm mai, cạnh trái buổi bắt đầu ửng vàng là những bông bưởi đực rụng trắng góc vườn. Ngoài đồng, những chiếc cải bắp to tròn chắc lẹm được chặt thỏ ra chợ bán. Người trong làng bắt đầu bóc hành củ, muối dưa chua đón Tết.

Nhưng Tết sẽ thực sự đến gần hơn, rõ rệt hơn trên những cánh đồng, khi tiếng nói cười rôm rả trên cánh đồng nhiều hơn mọi khi. Nhà nhà thi nhau nhổ mạ thật nhanh để cấy xong mấy thửa ruộng. Phải tranh thủ lúc thời tiết còn ấm để cấy. Nhà ai cấy xong trước, quay qua phụ một tay cho nhà bên cạnh để kịp trước chiều 30... Người nhổ mạ, người thỏ mạ, người cấy đi lại gặp nhau nói nói cười cười... Không khí hối hả tràn ngập sắc xuân.

Tết đã về thật trên cánh đồng và đang đến rất gần trong tiếng nói cười của người dân miền quê. Trẻ con lúc ấy bắt đầu đứng trước sân lấy viên gạch đỏ vẽ từng vạch đếm ngày Tết.

Người ở quê không có thói quen sắm Tết từ trước cả tuần, cả tháng. May chăng trước đó vài tháng người ta tranh thủ mua mấy con gà con thả sau vườn chờ đến Tết lấy thịt. Những gia đình thu xếp được công việc đồng áng sớm hơn thì 28, 29 Tết bắt đầu dọn nhà sửa soạn gói bánh chưng.

Nhưng sao Tết với người nhà quê sao lại nô nức đến thế? Trẻ con bảo Tết đến sẽ được lì xì, trong nhà lúc nào cũng đầy bánh kẹo, mứt và trái cây, những thứ mà ngày thường chẳng bao giờ có. Đặc biệt mỗi mâm cỗ đều có thịt gà, giò lợn, cơm nếp, bánh chưng... Những thứ mà cả năm may ra chỉ được ăn vài lần hoặc thậm chí một lần.

Nhưng với cô bé nhà quê là tôi của hơn 20 năm về trước, Tết không chỉ là bánh mứt kẹo giò mà còn mang một ý nghĩa khác nữa. Tết là dịp duy nhất chúng tôi không phải ra đồng làm lụng. Không phải lội bùn cấy lúa trong cái lạnh đến thấu xương, không phải gánh phân tưới rau hay cuốc đất cả chiều. Cũng chẳng phải tranh thủ dậy từ 5 giờ sáng để làm lụng cho kịp mùa màng. Tết là ba ngày duy nhất trong năm người nhà quê được nghỉ ngơi, đi chơi theo đúng nghĩa.

Những ngày đi chơi rất ngắn, thực chất chỉ là những chuyến đi với phạm vi trong làng. Ấy vậy mà sao vẫn nô nức và vui đến bất tận.

Bắt đầu từ chiều mừng Một, già trẻ lớn bé tụ tập quanh gốc đu thi nhau nhún trong cái gió xuân lồng lộng lẫn tiếng reo hò “nhún nữa đi, cao lên tí nữa”. Người nhà quê, từ trẻ con đến người già ai cũng biết đánh đu và mê trò chơi này.

Những gốc đu cũng là nơi để trẻ con khoe áo mới, nam nữ thanh niên cũng để ý nhau từ ấy mà ra. Bởi đối với người nhà quê, chỉ có Tết mới được may áo mới. Còn những ngày trong năm quần áo của em thì mặc lại của chị, của chị mặc lại của chị trên nữa. Cứ như vậy nếu rách mới phải may, còn không thì chỉ mặc lại của nhau quanh năm.

Thời đó ở nhà quê rất chuộng loại vải trắng sa tanh để may áo, kaki đen để may quần. Nhà nào giàu có thì may cho con cả bộ, còn nhà nào dù có nghèo lắm, đến Tết cũng cố may cho con một chiếc áo mới. Có năm mẹ bảo, chị lớn rồi nên không may áo Tết nữa mà nhường lại cho em. Đến ngày Tết, mẹ nhìn cô chị học lớp 9 nhìn đứa em mặc áo mới mắt ngẩn ngơ mà rớm lệ.

Thường thì áo may phải giặt rồi mới mặc. Nhưng vì mấy làng mới có một tiệm may nên có khi đặt may chậm, lúc lấy áo đã là tối Ba mươi nên không kịp giặt. Đến khi mặc còn nguyên vết chỉ kẻ.

Sáng mồng Một, trẻ con được đánh thức dậy rất sớm, phần vì chúng háo hức đón Tết, phần vì sắp được mặc áo mới. Dù áo có mới nhưng chỉ sau một ngày chơi xuân, nhiều đứa áo đã bẩn. Nhưng không đứa trẻ nào chịu cởi áo ra mà đòi mặc tiếp sang ngày mồng Hai, mồng Ba. Trẻ con sẽ đem niềm vui ấy vào giấc ngủ, ngủ cũng nhất định không chịu cởi áo mới. Nhưng niềm vui thường chóng vánh và qua rất nhanh. Bởi hết ngày mừng Ba là hết Tết sang ngày mồng Bốn trẻ con và người lớn đã bắt đầu ra đồng cấy lúa.

Với người nhà quê, sở dĩ niềm vui bất ngát như vậy cũng bởi Tết quá ngắn. Thế nên cái Tết của người nhà quê trong ký ức của những người xa xứ thường hoài niệm đến rưng rưng.

Bà tôi và gốc đa già

Làng tôi tên gọi là Nga Thiện, nằm hẻo lánh dưới những dãy núi cao ngất thuộc địa phận huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đất đai khô cằn phơi mình trước gió, những con đường cái đỏ đất xanh, quanh năm gặp nhiều ngày mưa trối chại lỵ lô nhô ra giữa đường. Cái làng vốn đã nhỏ bé, lại nằm lọt thỏm dưới bóng cây đa già hàng trăm tuổi như người mẹ chở che đàn con suốt bốn mùa khắc nghiệt.

Bà tôi ngày ngày vẫn lên rừng hái củi, những đon củi đều tằm tắp, buộc tròn căng. Một ngày đông gió rét, bà đã phải đánh đổi một ngón tay ở lại với rừng vì lo con khóc, phải kịp về lúc trời còn sáng. Nhưng bà vẫn không quên khi đi

ngang qua gốc đa dừng lại nhìn ra phía cánh đồng nghỉ ngơi ít lâu rồi mới đi tiếp.

Những buổi trưa, sau bữa cơm cà pháo rau đay, bà lại chống gậy đi ra gốc đa làng. Bà bảo: trưa nắng thật mát nhưng ra gốc đa ngồi mát lắm. Buổi tối, nghe tiếng trẻ con réo nhau bà lại lộc cộc đi theo trăng ra đầu làng. Tôi không biết bà nghĩ gì dưới những bóng trăng tròn vàng vạc ấy. Tôi hồn nhiên bảo: “Sao bà theo cháu?”. Bà bảo: “Bà đi theo trăng”. Nghe thế tôi cãi: “Ở nhà cũng có trăng mà”. Nghe thế bà chỉ cười, vuốt những sợi tóc mai khẽ nhại mô hôi trên trán tôi rồi dịu dàng bảo: “Muộn rồi về nhà đi ngủ”.

Khi ấy tôi đã nghĩ bà cũng thích gốc đa như bọn trẻ con nên bà thường ra đó. Bởi dưới gốc đa già biết bao câu chuyện cổ tích hay mà người lớn kể lại. Nó như mầm cây nhú lên những ngọn xanh làm trẻ con trong làng lớn nhanh như thổi.

Nhiều lần vì mãi chơi trốn tìm, tôi không chịu về đi ngủ. Bà dọa “thần cây đa, ma cây gạo”. Nghĩa là ở khuya, ma của cây gạo sẽ tới gốc đa, đến lúc ấy đám trẻ con sợ quẩn mông mới chịu theo mẹ, theo bà về nhà đi ngủ.

Sau này lớn hơn, tôi cũng không hiểu tại sao lại thần cây đa, ma cây gạo. Có lần bà bảo: vì cây đa thường sống hàng trăm năm tuổi, mà các vị thần cũng thường sống lâu như thế, nên gọi là “thần cây đa”. Nghe vậy tôi bảo mẹ: “Vay con ước bà hãy cứ ngồi ở gốc đa mỗi chiều nhìn ra cánh đồng như thế mãi để sống lâu”. Niềm tin ấy nuôi nấng tuổi thơ tôi chỉ toàn ánh trăng vàng và tiếng cười lanh canh với những đêm chơi trò trốn tìm có bà.

Làng tôi còn có chợ Viềng, cái chợ quê heo hút nằm gần nghĩa địa nhưng đó là niềm tự hào của cả làng. Các dì, các bác và mẹ mỗi lần về quê, khi đi qua cổng, người thu tiền chợ vẫn còn nhớ mặt sẽ không lấy tiền vào cổng. Vì chợ chỉ lấy tiền vào cổng đối với người làng khác. Tôi trở về làng ra chợ tìm bà, người gác cổng nhận ra con cháu làng Thiện nên không thu tiền, dù mỗi lượt chỉ năm trăm đồng.

Tôi vẫn thấy bà tôi tóc dài heo hút đến gót chân, chống gậy gộc xuống những khe đá hỏ của con đường, cố đi cho vững, bước thấp bước cao ra đồng. Cây đa già xoã tóc nhìn cánh đồng làng mùa này một màu xanh thẫm. Cà đang đến mùa nở hoa tím thẫm cánh đồng. Đám con gái trong làng mỗi lần đi làm đồng về, dừng chân qua mương nước lại chao chân, ghé xuống ruộng bứt quả ra sớm ăn sống cho ngọt miệng. Rồi cũng như bà khi đi ngang qua gốc đa, dừng lại gặp gỡ người này người kia nói dăm ba câu rồi mới đi. Bà bảo: bác tôi, mẹ tôi, dì tôi ngày xưa cũng thế.

Lưng bà đã rất còng mà bà vẫn còn cồng những ước mơ cho con cái đi học. Bà bảo: cho chúng học bao giờ hết chữ thì thôi, học không hết thì cháu bà sẽ học tiếp. Bà tôi mắt mờ khua cái gộc cây làm gậy, miệng cười: “Mai này mấy đứa cháu bà về làm đường nhựa cho làng nhé”.

Bây giờ, làng đã rải nhựa, mà bên gốc đa già chỉ còn tiếng gió thổi ra phía cánh đồng. Nơi ngôi mộ chui chít đom đóm tạo thành chùm. Trên mộ ông tôi mọc những bông hoa xương rồng rực rỡ. Đến lúc này tôi mới chợt hiểu vì sao bà vẫn hay nhìn ra phía cánh đồng vào những buổi chiều đông buốt.

Tôi đã không thấy giọt nước mắt của bà trong suốt ấu thơ để rồi nhận ra sự vụng dại chất chứa nỗi nhớ thương bà không dứt.

Bát phở trong nhà dưỡng lão

DART GIANG

Hai người đàn ông, một già, một cũng chẳng còn trẻ lắm, cầm củi ăn phở. Phở tự nấu ở nhà vì cụ già đã ngoài 90 tuổi không ra tiệm được nữa. Mà kể cả khi cụ đi được thì để tới một tiệm phở gần nhất cụ phải đi bus gần một giờ vào trung tâm London rồi bắt tàu về phía Đông, tới Kingsland Road, quận Hackney, nơi nhiều hàng quán Việt tụ tập về một chỗ.

Cứ hai ba tuần một lần, ông Sơn đến thăm cụ Văn ở nhà dưỡng lão xanh mướt bóng cây ở Wandsworth, nằm về phía Nam thủ đô nước Anh. Năm nay đã ngoài 60 nhưng ông còn khỏe, đi Phố Tàu (Chinatown) nhấc cả bao gạo 10 kg bằng một tay nhẹ không. Nghỉ nghề làm bếp từ lâu, nay ông nhận lương hưu và ở nhà do chính phủ cấp. Nhưng sống một mình nên ông vẫn chăm nấu ăn và thỉnh thoảng làm nghề bếp khi được mời. Cứ vài tuần một lần ông đi chợ, mua đồ tươi, rau quả, thịt cá, gia vị, cho hết vào xe rồi đến thăm cụ Văn. Ông nấu cho cụ ăn, để lại một nồi hoặc một bát to, đóng bằng giấy bóng kính cẩn thận. Còn một nồi ông gói lại, cho vào cốp xe, mang về lại ăn được một hai ngày.

Già hơn ông Sơn nhưng cụ Văn lại không ở một mình. Đứng ra thì cụ ở một mình một phòng nhưng có bạn gái, một bà đã ngoài 70, ở phòng khác cùng khu nhà. Hai dãy nhà dưỡng lão có vườn nhỏ bao quanh dành cho chừng năm mươi người về hưu trên 70 tuổi, Âu có, Á có và tình cờ thế nào mà có tới bốn năm cụ người Việt và Hoa cùng nhập vào trung tâm này. Từ khi những người châu Á tới, vườn để trồng hoa biến thành vườn rau, với đủ loại húng, ngò gai, thì là, hành củ, cứ mùa hè đến lại đua nhau mọc mơn mớn.

Mới hai tuần trước, bà Phương, bạn gái của cụ Văn có mặt trong bữa ăn ba người như thế này. Lần đó ông Sơn mang đến một con cá seabass để rán, hai

cái đầu cá hồi và nhiều hành, rau dăm, mùi, rau thơm để nấu canh. Cụ Văn gọi bà Phương tới luộc bún. Chuyện trò rôm rả, cụ kể ngày xưa đi câu cá ở ao sen ngay huyện Từ Sơn ra sao. Bà Phương thì nhắc lại chuyện hồi theo chồng sang sống ở Đan Mạch, lần đầu tiên bà được theo tàu ra khơi câu công nghiệp bắt được những con cá dài tới trên một mét. Ông Sơn quê ở vùng núi ít có kỷ niệm với tôm cá nên chỉ nghe, vừa trông nổi canh, vừa thái mấy cọng thì là cho sẵn vào chiếc tô to. Ít tuổi hơn cả, ông gọi bà Phương là cô, cụ Văn là bố xưng con và hay im lặng để nghe người già kể ra các câu chuyện đời họ.

Khu dưỡng lão đường, mà người Việt ở Anh gọi nôm na là “nhà già”, tụ họp nhiều cảnh đời. Bà Phương là người Việt nhưng chỉ thăm Việt Nam lần đầu khi đã trung tuổi, vì bà sinh ra ở Lào, lấy chồng là một ông người Đan Mạch, rồi về châu Âu sống đã nhiều năm. Chồng bà làm chuyên gia cho một tổ chức quốc tế nên hai vợ chồng và cô con gái đã từng sống ở nhiều châu lục. Nay ông đã qua đời, ở Đan Mạch lạnh và vắng người Việt nên bà sang Anh bằng hộ chiếu EU rồi ở lại. Đi nhiều nhưng bà thích nhất lại là châu Phi:

-“Châu Phi chia làm bốn phần nhé: phía Bắc là sa mạc, vùng Bắc Phi nói tiếng Pháp, tiếng Ả Rập, người châu Phi không coi đất phía trên Sahara đó là của họ; Còn phần phía Đông đẹp lắm, nhất là thung lũng Rift Valley ở Kenya, tôi ở đó bốn năm, đi thăm hết cả hươu cao cổ, sư tử trong công viên...”

Ông Văn ngắt lời bà bằng câu đùa: “Bà nói công viên như cái công viên Wandsworth đây? Hay nó là safari trên đồng cỏ? Tôi xem kênh Discovery thấy sư tử nằm ngủ trưa cứ như các ông bà trong nhà già này ngày trời nắng...”

Không ai cười với câu ví von của cụ. Bà Phương còn lườm ông già một cái, rồi nói tiếp:

“Người ta gọi là National Park, gọi là vườn quốc gia, hay công viên cũng thế thôi. Ông để tôi kể tiếp cho mà nghe. Phần phía Đông châu Phi tôi cũng ở rồi, ở Togo, thời tiết trời oi sao mà giống ở Việt Nam, mưa rào ẩm ẩm đổ, ngoài vườn cây chuối um tùm, cây hoa nhài tỏa hương về sáng... đến củ mì, củ khoai cũng giống Việt Nam.”

Cụ Văn lại trêu tiếp:

“Ơ hay sao bà biết giống Việt Nam, bà đã ở Việt Nam ngày nào đâu?”

“Ông này buồn cười thật đấy. Cha mẹ tôi người Việt Nam, bên Lào tôi ở xóm Việt Nam, mà khí hậu Lào có khác chi Việt Nam?”

Ông Sơn hỏi để bênh bà Phương và cho bà tiếp tục chủ đề yêu thích:

“Con chưa đi châu Phi bao giờ. Rồi còn vùng gì nữa cô kể tiếp đi, đang hay.”

Bà chớp chớp cặp mắt to, mi cong một thời rất đẹp mà nay đã kèm nhèm, phải tra thuốc, rồi bà bỏ cặp kính lão xuống, kéo vạt áo lau cho khỏi vì hơi canh cá làm mờ:

-“Vùng Nam Phi, nhà chúng tôi có đi thăm thôi và nghỉ hè thôi. Mùa hè của họ là cùng thời gian mùa đông ở châu Âu. Họ ở Nam bán cầu mà lý”

“Này nhé, văn hóa Nam Phi hệt như Anh quốc, giàu có lắm, nhưng đó là

khu người da trắng, còn đi ra xa thì nhiều vùng còn nhiều người còn đóng khố, mặc váy lông chim, cầm giáo mác như thời xưa.”

Ông Sơn múc thêm canh cá từ nồi vào bát:

-“Trên phim có người Zulu dùng cầm lăm, chỉ dùng giáo mà giết chết cả quân Anh.”

Ăn thêm miếng bún, bà Phương tiếp:

-“Tôi nói thật ông và chú nghe nhé. Người châu Phi da họ đen nhưng lòng dạ không đen. Không như người một số nước, mặt mũi sáng sủa mà lòng dạ tối thui.”

Cụ Văn lại khích bà:

-“Thì bà nói rõ ra đi, người Việt và người Tàu phải không? Còn người Anh này họ cũng thẳng thắn, công bằng chứ hả?”

Bà Phương không nói gì, còn ông Sơn thì cũng chẳng chấp cụ già, mặc dù khi cụ nói “người Tàu”, ông cũng hơi động lòng.

Nếu nhìn vào giấy tờ chính phủ Anh cấp thì ông Sơn là người Hoa từ Việt Nam (Vietnamese-Chinese) nhưng khi đến chơi với cụ Văn, ông vẫn coi mình là người Việt. Sinh ra ở Lạng Sơn trong gia đình gốc Hoa, hồi nhỏ cậu bé Sơn đi học trường phổ thông bình thường nhưng nghe cha mẹ nói tiếng Hoa ở nhà. Năm 1972, khi Mỹ bắn phá mạnh các tuyến hỏa xa, cha của Sơn được điều sang tăng cường cho đường Hà Nội - Lào Cai, cả nhà chuyển sang sống ở Tuyên Quang. Tại đó thì chẳng có ai nói tiếng Quảng Đông nữa, trường học cũng chỉ toàn trẻ em Việt nên Sơn quên dần tiếng Hoa.

Năm 1978, cả nhà theo dòng người nạn kiều sang Bắc Hải, rồi bị đưa vào nông trường. Lúc đó đã lớn, Sơn học chữ Hán chập vập, không biết làm nghề nông nên làm thợ cắt tóc, rồi phụ bếp. Ở Việt Nam họ là Việt gốc Hoa, về Trung Quốc là Hoa gốc Việt và chính quyền chia hàng trăm nghìn người này ra mấy hạng. Nhà nào cả hai vợ chồng đều là gốc Hoa, biết tiếng của tổ tiên thì được cho ra ngoài tìm việc làm, hoặc muốn đi đâu thì đi trong đất Trung Quốc. Nhà nào chồng Hoa vợ Việt hoặc ngược lại, và gán bó về ngôn ngữ Hán không còn nhiều, thì họ cho tự đi sang Hong Kong. Một cách tổng đi cho rảnh nợ mà không bị mang tiếng là xua đuổi. Nhà Sơn “thuần Hoa” và có thân quyến ở Phúc Kiến bảo lãnh nên chuyển hết về đó sinh sống. Sơn đi làm trong tiệm bánh, học nghề nấu ăn và chung vốn với bạn ở quán cơm Việt.

Ông lấy vợ, một phụ nữ làm tạp vụ trong trường tiểu học địa phương và được phép có một con. Khi Trung Quốc mở cửa, ông xuất ngoại sang châu Âu lần đầu. Ông làm cho một công ty bán giày của Trung Quốc đưa hàng sang Đông Âu, di chuyển giữa Ukraine, Ba Lan và Slovakia. Tại đó, vốn tiếng Việt của ông lại có ích để giao tiếp với khách hàng Việt Nam vốn chiếm lĩnh ngành bán lẻ hàng may mặc khi các nước Đông Âu chuyển sang kinh tế thị trường. Hai năm sau, ông sang Anh bằng hộ chiếu Trung Quốc rồi xin tỵ nạn. Lúc ấy, ông Sơn mới lấy ra lý lịch người Việt gốc Hoa đi năm 1978 và được xếp vào

nhóm “thuyền nhân Đông Dương”. Những lúc gặp nhau, những người như ông hay so sánh ngày đến và ngày đi khỏi Hong Kong. Ai cũng nhớ cột mốc là thời điểm Hong Kong được Anh trao về cho Trung Quốc năm 1997. Người gốc Á tại Anh phần nhiều sang nhập cư trước năm đó. Riêng ông Sơn may mắn, gặp thủ tục khá thuận lợi cho việc nộp đơn xin tỵ nạn, và chỉ sau vài tháng là ông được cho ở lại Anh. Vợ con ông, hoàn toàn là người Trung Quốc, không muốn sang đoàn tụ gia đình nên ai ở đâu cứ ở đó, ông Sơn gửi tiền về giúp họ lúc cần.

Sang Anh, ông Sơn mới thấy mình nhỏ bé trong biển người tứ xứ, mà đông nhất là gốc Ấn Độ. Số người gốc Hoa từ Việt Nam đi qua ngả Trung Quốc hoặc Hong Kong mà nước Anh đón nhận cũng chỉ chừng hơn 20 ngàn, chẳng ăn thua gì so với người từ các thuộc địa cũ của Đế quốc Anh. Một lần nói chuyện với bạn làm bếp người Nepal, ông nghe anh ta bảo chỉ riêng dân Nepal tại Anh đã có gần 70 ngàn, còn người Hồi giáo thì ít ra là một triệu. Tại Anh, đa số những cựu thuyền nhân Hong Kong như ông Sơn trở về với gốc Việt. Cũng chỉ vì công việc bắt phải vậy. Các quán Tàu ở Anh phần lớn đã do người Hoa từ Malaysia, Hong Kong làm chủ. Mở thêm một quán ăn nhỏ như take-away (bán đồ ăn mang đi) đã khó cạnh tranh, còn mở quán to (restaurant) thì cần vốn liếng hàng trăm nghìn bảng và cũng dễ bị thị trường bóp chết nhanh chóng. Vì thế, một cửa làm ăn cho nhóm người mới đến này là mở quán Việt hoặc Việt Hoa, gọi là Chinese-Vietnamese cuisine, đem lại cho thị trường ẩm thực Anh quốc một số món ăn lạ, gồm cả phở, nem và các món nộm, gỏi cuốn mà quán Hoa truyền thống không có. Đi lên từ tiệm “take-away”, ai tích lũy được vốn thì mở restaurant, vẫn giữ tên Việt – Hoa như một quán ở Hackney, hoặc chuyển sang quán thuần Việt, với các cái tên như Hà Nội, Kinh Đô, Sông Quê...

Cụ Văn gặp ông Sơn ở một quán ăn như thế tại Đông London. Ông làm phụ bếp, còn cụ đến chơi thăm người chủ là họ hàng quê Bắc Ninh. Vừa gặp hai người đã quý nhau. Kể chuyện Việt Nam, Trung Quốc, cụ khoe đã từng sống ở Thượng Hải để học làm hải quân, chuẩn bị cho các tuyến đưa viện trợ vào Nam đánh Mỹ, gọi là Đường 559 trên biển. Ông Sơn lấy xe chở cụ về rồi hẹn một lần khác đến thăm.

So với những gì cụ Văn trải qua thì cuộc đời mình quả là quá bình lặng, ông Sơn tự nhủ. Nhìn ông già nhỏ bé, tóc rụng gần hết, chân đã chậm nhưng dáng đi lại vẫn hiên ngang, luôn cười duyên với bộ ria bạc kiêu hãnh vẫn được chăm sóc hàng ngày theo tiêu chuẩn “cấp tướng” (lời của cụ), lòng ông Sơn dội lên niềm cảm phục. Điều đáng quý nhất ở cụ Văn là sự lạc quan, tính hài hước, cười được cả những nghịch cảnh cuộc đời nhiều khúc bị vùi dập. Cụ cũng là nguồn thông tin, kiến thức về phong tục và lối sống của người Việt Nam trong thế giới đã mất đi cùng các cuộc cách mạng, chiến tranh. Ông Sơn rất khoái nghe cụ kể về cái thời “toàn người tốt” mà ông chưa bao giờ được sống.

-“Sơn à, hồi nhỏ bác không chỉ đi câu cá đâu nhé, mà đến mùa là cùng các anh, các chú đi bẫy chim. Bẫy cả cò vạc ngoài đồng từ sớm. Phải mang lưới, mang theo cả xôi, nước chè xanh, đi chơi có ăn mới thú. Người lớn mang cả lá thuốc đi hút. Như Tây đi picnic đó.”

-“Bố đi ra cánh đồng của người ta vào săn chim?”

-“Không, đồng nhà mình chứ, vài chục mẫu cơ mà, đi mỗi chân không hết. Cụ ông của bác là chánh tổng một vùng, đất từ làng Đình Bảng sang Phù Lưu. Cụ là ông Đám, giàu có lắm, phát canh thu tô cho người cày thuê, nhà chỉ lo buôn bán.”

Thấy ông Sơn không hiểu, cụ Văn giải thích:

-“Từ thời xưa, nhà vua cho làng Đình Bảng hàng năm làm lễ giỗ các vua nhà Lý. Lễ hội đền Đô là tháng Ba âm lịch, nhưng tảo mộ thì sau Tết. Mà cổ Tết Đình Bảng thì nhất cả tổng, cả tỉnh đấy nhá...”

Trầm ngâm thêm gần một phút như thể đang điếm qua trong đầu những món ăn ngon đặt trong bát chiết yêu ở mâm cỗ Tết, cụ Văn mới quay từ chuyện Tết trở lại việc làm đám giỗ vua:

“Còn làm đám cho vua thì chỉ nhà giàu thì được mời. Mà phải tự bỏ tiền ra để lấy tiếng thôi. Nhưng làm xong được gọi là ông Đám. Có ông Đám Thi, có ông Đám Xương... có người làm ông Đám mấy năm liền”.

Rồi cụ trở lại chuyện đi bẫy chim thời trước năm 1945 ở một làng giàu có ngoài Bắc. Nghe ra chẳng khác gì môn săn cáo của giới quý tộc Anh với ngựa, chó hounds, các đồ dùng đặc dụng, kèn trống, khiên, gậy để “ra quân”. Phải gần đây chính phủ Anh mới cấm môn săn cáo vì bị các nhóm bảo vệ môi trường và quyền động vật gây sức ép. Còn ở Việt Nam, săn bắn ngày nay trở thành vấn đề kiếm thịt rừng, chim chóc để ăn, không liên quan gì đến truyền thống sinh hoạt của nông thôn một thời nữa.

Cụ Văn hay trở lại tuổi thơ lúc vui. Còn bình thường cụ ít kể về những chặng đời nhiều khúc mắc nên ông Sơn phải “thu hoạch” dần các đoạn qua nhiều năm chơi với cụ.

Năm 1945, thanh niên Văn vào tuổi hai mươi hăng hái gia nhập đoàn quân của Việt Minh đánh Pháp ở Nam Bộ. Anh có mặt ở Sài Gòn khi Nam Bộ khởi nghĩa vì được gia đình cử vào phụ trách một tuyến nhập lụa từ Bắc vào Nam. Bỏ việc buôn bán đi theo cách mạng, Văn nhanh chóng lên làm trung đội trưởng nhờ dũng cảm, hiểu biết và giỏi tiếng Pháp. Khi quân Anh kéo vào giải giáp quân Nhật tháng 9 năm 1945, các đơn vị Việt Minh phải rút ra ngoại ô. Đón ở Bà Điểm một vài tháng, Văn được cử ra Bắc. Anh về quê thăm gia đình, lấy vợ, rồi trở về quân ngũ để rồi lại vào Nam. Lần này, Văn cùng đoàn quân Nam tiến đi tàu hỏa và xe hơi, rồi đi bộ vào miền Trung. Mãi đến sau Hiệp định Geneva, Văn mới tập kết ra Bắc lại.

Từ Hà Nội, thiếu úy Nguyễn Khắc Văn được cử sang Trung Quốc học ngành hải quân để chuẩn bị về xây dựng lực lượng trên biển cho Việt Nam

Dân chủ cộng hòa. Nhưng sau đó, việc chính của Văn, đã mang hàm trung uý, là đi các tuyến vận tải đường biển mang hàng từ miền Bắc sang Campuchia để chuyển vào các chiến khu ở Nam Việt Nam. Đây là giai đoạn đầy nguy hiểm mà hào hùng của người sĩ quan. Hàng hóa không phải đi từ Hải Phòng bị phong tỏa, mà từ Trại Giang, Quảng Đông qua đường biển quốc tế bằng tàu mang cờ các nước khác xuống gần Singapore rồi mới ngược lên Sihanoukville. Ở đó, các cơ sở người Hoa hoặc Việt gốc Hoa đưa hàng xuống tàu chờ lặn vào vùng biển của chính quyền Sài Gòn hoặc lên bộ đưa vào Tây Ninh. Người biết cả tiếng Hoa và đã quen miền Nam như Văn đóng vai trò quan trọng cho thành công của công việc đặc biệt ấy...

Sang Anh, người cựu quân nhân của “Đường 559” trên biển lại có dịp dùng tiếng Hoa, vì người Hoa gốc Việt thân với người Việt hơn các nhóm Hoa khác và họ thường bị dân Trung Quốc lục địa và gốc Hong Kong kỳ thị. Qua nói chuyện, ông Văn để ý thấy người Hoa từ Trung Quốc luôn coi thường Hoa kiều ở Đông Nam Á vì coi họ là mất gốc, lai tạp cách sống, cộng thêm sự khác biệt chế độ và giáo dục từ nhiều đời rất khó hòa hợp. Ngược lại, ông từng nghe một bác chủ quán người Hoa Singapore nhếch mép nói, “Người Trung Quốc mới thật sự mất gốc, tiếng Anh cũng kém chúng tôi, chỉ cậy nhiều tiền, cái gì cũng đòi mua.”

Ông Sơn cũng gặp tình cảnh tương tự. Ông thuộc nhóm Hoa mà thân với người Việt, làm ăn cùng người Việt. Chỉ khi cần vay tiền ông mới hỏi qua các chủ tiệm Hoa gốc Phúc Kiến. Người Việt tình cảm lắm, ông Sơn tự nghĩ. Vợ đã ở lại Trung Quốc nên ông kiếm bạn gái là một cô người Việt. Cô gần 40 tuổi, bỏ chồng con ở Việt Nam, trốn vào Anh bằng đường lậu để làm móng. Nay thì cô đã có giấy tạm trú và sống ở Swindon, khá xa London nên chỉ về thăm ông Sơn một tháng một lần. Thôi thì ở nơi xứ lạnh người ta cần có đôi để đùm bọc nhau, tạo hơi ấm cho cuộc đời bớt lạnh lẽo mà không cần có thêm con cái gì vì cả hai đều đã có gia đình. Ngoài cô bạn gái thì cụ Văn chính là gia đình của ông Sơn. Những chuyện cụ kể làm ông nhớ lại bố ông, người cựu cán bộ hỏa xa Việt Nam cần mẫn đến khi mất vì bệnh ung thư ở Phúc Kiến vẫn luôn nhớ Lạng Sơn. Ông còn kính nể cụ vì câu nói “Chưa đi tù chưa thành đàn ông”.

Sau trận Mậu Thân, nhiều cơ sở của Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam bị phá vỡ, nhiều nhân vật cộm cán nằm vùng bị phía chính quyền Sài Gòn bắt. Có nghi vấn rằng thượng uý Văn đã để lại dấu vết khiến đối phương lần ra cả tuyến đường chuyển tiền cho du kích Việt Cộng từ Campuchia vào Tây Ninh rồi tới cửa ngõ Sài Gòn. Không ai biết điều gì cụ thể, người biết thực thì có thể đã chết, nhưng nghi vấn của “tổ chức” khiến người ta bắt ông Văn, bỏ ngục để thẩm tra.

Ngồi tù hơn một năm rồi cuộc điều tra được đóng sổ, chẳng đi đến đâu. Ông Nguyễn Khắc Văn xin giải ngũ, về quê. Nhưng ôi chao, cuộc đời của ông

thật không may. Những lúc hoạn nạn cần người đùm bọc, chia sẻ thì người vợ lại hắt hủi ông, nên ông bỏ nhà, sang sống nhờ chị gái và anh rể ở làng bên. Túng thiếu, ông tìm đường buôn lậu Hà Nội – Lạng Sơn để kiếm sống. Quen hoạt động bán công khai, ông dùng bộ quân phục đóng giả sĩ quan để đi tàu xe, mang thuốc lá từ các vùng xa về xuôi và đưa hàng lậu, cả đai chiến lợi phẩm miền Nam, thuốc Tây lên mạn ngược.

Cụ Văn cười và tự nghĩ về cái số cứ phải lên tàu bỏ đi của mình. Sau 1975, nhà người anh họ mà ông ở nhờ tại Sài Gòn bị tịch thu hết gia sản, lục tục tìm đường vượt biên. Trước khi đi, ông về quê thăm hai đứa con, để lại cho con ít tiền, rồi xuống Hải Phòng, tìm mối lên tàu ra phao số không. Bập bênh trên sóng gần một ngày thì được tàu hàng của Anh vớt lên. Sang Anh, khi đó đã ngoài 50 tuổi, ông bắt đầu từ đầu bằng nghề cạo sơn cho tàu thủy ở cảng Dover. Ba năm sau ông mới về London sinh sống và ở đây từ ngày đó cho tới khi về hưu.

Hai người ăn hết phở. Ông Sơn bấm điện đun nước pha trà. Ông pha loại trà sâm, chắt ra một chén riêng, đổ thêm nước nóng cho loãng mời cụ Văn. Từ mùa đông năm ngoái, sau lần cụ bị tăng huyết áp khá nghiêm trọng, suýt nhồi máu cơ tim, bác sĩ người Anh cấm cụ không được uống bất cứ thứ gì có chất kích thích. Lệnh cấm đó mới thật là một cú đánh vào tâm lý cụ. Hồi mới sang Anh, công việc vất vả, cuộc sống cô đơn, cụ đã làm quen với whiskey. May mắn Trời Phật đã đưa cụ tới bến bờ Anh quốc, xứ sở được Ông Trên ban cho thứ “thần tửu” có một không hai. Hàng ngày làm việc cực nhọc, tối về cầm chiếc cốc pha lê Glencairn dày dặn, mát lịm trong tay để làm nửa ngụm rượu Dewar’s của Scotland thì mùa đông, mùa hè gì cũng thế, bao mệt mỏi cứ nhẹ nhàng mà bay đi tiệt.

Nhưng nay thì từ rượu bia đến cà phê, trà pha đậm cụ đều phải bỏ hết. Cụ Văn tặc lưỡi: “Mình chẳng sợ chết”. Thời còn trong quân đội, mỗi lần trên thuyền vào Nam là một lần thử thách, đối mặt với cái chết. Cụ đã quen nhìn ra vô vàn ngọn sóng để chuẩn bị súng đạn, sẵn sàng tử chiến rồi. Những đêm trong nhà tù nhìn qua ô cửa bé bằng bàn tay chỉ thấy trời đen kịt, lốm đốm hai ba chấm sao, cụ cũng đã nghĩ tới cái hơn thiệt của chết và sống. Xét cho cùng, cái chết không đáng sợ bằng sự đày đoạ nhân phẩm, và khi đã từng xuống đáy thì người ta chỉ còn một con đường là đi lên, như con thú bò từ đáy vực lên đỉnh núi, bấu vào đá, vào đất, trầy xước chân cẳng nhưng chẳng còn hướng đi nào khác ngoài hướng bò lên. Nếu có trượt chân ngã lộn trở lại thì đó cũng là số phận.

Nhấp ngụm trà sâm, cụ Văn nhìn ra cửa sổ và bảo ông Sơn:

-“Này, Sơn cứ ra vườn hái hết rau thơm mang về ăn nhé.”

-“Bố cứ mặc con, hôm nay có rau thơm vườn nhà mình ăn phở ngon thật bố nhỉ. Con sẽ lấy về một ít nhưng phải để cho bố và cô Phương nữa chú.”

-“Bà ấy đi thăm cháu bên Đan Mạch tháng nữa mới về.”

“Ừ mà thôi”, cụ Văn nhỏ giọng lại như nói với bản thân, “Còn đi được như bà ấy thì cứ đi...”

Ông Sơn không nói gì. Từ năm ngoái, bác sĩ nói vì bệnh tim đã nặng và huyết áp nên cụ Văn không được đi lại tàu xe xa và nhất định không được lên máy bay. Thế là cụ vĩnh viễn ở Anh, tắt hẳn cơ hội về thăm quê lần cuối. Ông Sơn nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi vườn rau của nhà dưỡng lão có ong bướm thẩn thơ tới thăm. Lại sắp đến một dịp Tết. Cải sẽ ra hoa trong trời nắng nhạt mà nồng nàn những chiều giữa đông ở Anh. Ông nhớ những ruộng hành, tỏi, cà rốt bên quê nhà chỉ đợi thu hoạch khi trời lâm thâm mưa phùn, gió lạnh để đem ra chợ chiều 30. Đất ở đây là đất đảo mà tốt thật, ông tự nhủ để quên đi cảm xúc nhớ thời thơ ấu. Chỉ mấy luống nhỏ đã nuôi dưỡng bao loại rau cỏ, hoa lá với đủ hương vị, sắc màu hết sức đa dạng. Ông Sơn đứng lên, vươn vai một cái rồi đẩy cửa bếp, ra vườn hái nắm rau thơm đã vào mùa lên xanh mơn mớn.

Con cuộc gọi hè

Tản văn của CHÂU HẢI ĐƯỜNG

Năm tôi học lớp bốn, vì ngôi trường cấp một, hai của xã không đủ chỗ học, nên bọn lớp bốn chúng tôi - có hai lớp cả khối - phải chuyển tới học ở một điểm trường lẻ nằm sâu trong thôn Gia Phong. Điểm trường chỉ có ba, bốn phòng học tuềnh toàng, với một mảnh sân đất lơ thơ cỏ mọc, đặt gần đình làng. Tuy tường xây mái ngói nhưng đều đã cũ: cửa chính sứt vỡ, cửa sổ thì chỗ có chỗ không, chỉ trơ ra những chấn song bằng gỗ bạch đàn thô sơ không được bào nhẵn. Những cái bàn cũ lem nhem mực xanh mực tím, ngăn bàn thì cái có, cái đã rơi mất miếng ván dưới đáy đi đâu bao giờ, khiến đứa nào không may ngồi phải bàn ấy thì chỉ còn cách để cặp sách dưới chân. Hai lớp khối bốn chúng tôi học ở hai phòng, một phòng thì cho thầy cô ngồi nghỉ tạm vào mỗi giờ ra chơi, còn một phòng để không, thi thoảng cho hợp tác xã mượn để cất đồ dùng, cũng có khi để tạm cỗ đèn khiêng đám ma vì người trong thôn chưa kịp đưa trả lên xã. Mỗi khi cỗ đèn khiêng chạm trở rỗng phượng ám khói hương đen được để ở đấy là bọn học trò chúng tôi cứ giờ chơi lại kéo nhau ra đu cửa sổ nhìn xem, rồi dọa ma lẫn nhau chạy rối khắp mảnh sân đất.

Điểm trường đó của tôi lúc nào cũng rộp mát và riu rít tiếng chim, bởi vây quanh là hàng rào tre xanh mượt. Qua bên kia hàng rào tre là đồng lúa hết đập dềnh nước trắng, lại xanh mượt lúa thì con gái, rồi sang vàng ruộm mùa về. Ấn tượng nhất với tôi là mỗi dịp sắp vào hè, quanh khu trường lại rộn ràng những tiếng cuộc kêu hòa nhịp nhau không ngớt. Hết phía bờ tre bên đông vang lên những tiếng “tục... tục... cuộc... cuộc” thì lại đến phía khóm tre bên tây cất lên những tiếng “cuộc... cuộc... tục... tục”. Thế nhưng tuyệt nhiên tôi không trông thấy lũ chúng bao giờ. Có khi vào giờ ra chơi chúng tôi hò nhau đi ra bờ tre dò xem, nhưng cứ đi đến đâu là chúng im bật đến đó. Thảng hoặc có khi chúng tôi thấy có những tiếng loạt xoạt lủi vào bụi rậm khá mạnh, hoặc cũng có khi bắt ngờ vù lên một bóng đen bay ngang ngay trước mặt, khiến đứa đi trước hốt hoảng vội vàng quay ngoắt lại cầm cổ chạy, có khi ngã lăn chiêng. Lúc ấy, trong đầu đứa nào cũng chỉ hiện lên hình ảnh cỗ đèn khiêng đám ma trong gian phòng để không mà thôi.

Những sáng đầu hè trở dậy đến trường sớm, tôi cũng đã nghe thấy rai rác khắp đồng những tiếng cuộc... cuộc... Từ bên bờ ao cạnh nhà, tiếng cuộc lan ra bờ tre bên làng, ra ngoài cánh ruộng Đồng Chua, rồi theo chân tôi đến tận bờ rào

tre ngoài trường. Cho đến tối tiếng cuốc vẫn không chịu ngưng, còn kêu đến tận khuya. Những đêm trăng sáng nó càng kêu to. Không biết đến khi tôi đi ngủ rồi nó có nghỉ không, nhưng sáng sau thức dậy thì tôi lại đã nghe thấy nó rồi.

Một tối sáng trăng, nghe tiếng cuốc kêu thảng Tuyền em tôi hỏi mẹ: “Làm sao lại gọi nó là con cuốc hả mẹ?”. Cái thằng này chúa rắc rối, cái gì nó cũng đòi kể chuyện “sự tích”, giải thích cho bằng được mới nghe. Mẹ tôi ngẫm nghĩ rồi bảo: “Ngày xưa, có cậu bé tên là Quốc, mãi đi chơi, không nghe lời mẹ, khiến mẹ đi tìm đi gọi mãi mà vẫn không thấy. Cuối cùng mẹ cậu kiệt sức mà chết, hóa ra con cuốc, suốt ngày gọi “Cuốc... Cuốc...” tìm con...”. Thằng Tuyền ý chừng cảm động lắm, vì buổi chiều nó vừa để mẹ phải đi tìm mãi mới về. Nó bảo: “Con sẽ không mãi chơi đâu mẹ ạ...”.

Bận khác, trong ánh nắng vàng đã hơi oi ả của một sáng tháng Tư, khi tiếng cuốc gióng giả nổi nhau ngoài bờ lau, ông tôi đang ngồi đan rổ bên hiên nhà chợt cất giọng ngâm nga mấy câu thơ: “Ai xui con cuốc gọi vào hè; Cái nắng nung người nóng nóng ghê...”. Rồi ông vừa làm vừa thủng thủng kể: “Ngày xưa, có ông vua nước Thục, tên là Đỗ Vũ, sau khi để mất nước thì uất hận quá mà chết, hóa ra con chim cuốc, ngày ngày kêu: “Thục Quốc! Thục Quốc!”. Thế nên, con cuốc, sách xưa mới gọi là con “Đỗ Vũ”! Kể mất nước nó uất hận đến như vậy đấy con ạ!”. Tôi vừa sắp những thanh nan tre cho ông, vừa lắng nghe câu chuyện ông kể, thầm thắc mắc trong lòng: không biết con cuốc ở bên bờ tre chỗ lớp tôi là người mẹ chú bé mãi chơi kia, hay là ông vua nước Thục này? Còn ông ngồi lặng hồi lâu, rồi nói bâng quơ một câu tôi thấy chẳng ăn nhập chút nào: “Bố mày đi bộ đội chống Mỹ về rồi, lại tái ngũ đến hai lần nữa!”

Những ngày sau đó, mang theo cả hai câu chuyện đến lớp, tôi không thấy tiếng cuốc chói tai khó chịu như trước nữa. Đôi khi, thấy tiếng cuốc ngưng, tôi lại thấy lo lắng: không biết cuốc đã bỏ đi chỗ khác rồi hay là nó bị làm sao? Và cho đến khi con cuốc lại cất lên những tiếng “Tục... tục... Cuốc... cuốc...” tôi mới thở phào. Một buổi trưa, khi chúng tôi sắp tan buổi học sáng, ông cụ thủ nhang ở đình làng khệ nệ bưng sang một thùng oản, chuối, tới cửa lớp tôi. Cụ xin phép cô giáo vào chia lộc cho chúng tôi. Cụ bảo: cái cuốc đã gọi hè về, hôm nay ở đình làng làm lễ cúng vào hạ, chia lộc thánh cho các cháu cho may mắn, mạnh khỏe. Chia hết cho chúng tôi, đưa quả chuối, đưa cái oản xôi rồi, cụ nói: “Đức thành hoàng làng ta xưa có công đánh đuổi ngoại xâm cứu nước, lại dạy dân lập ấp cấy cày, thế nên mới có làng có xóm có ruộng có đồng cho dân làng ta bao đời sinh sống. Các cháu cố gắng học hành cho giỏi để mai này giúp nước giúp đời như ngài nhé!”

Chúng tôi trật tự lắng nghe. Tôi không ăn cái oản. Tôi muốn mang nó về để chia cho em tôi và kể nó nghe câu chuyện về đức thành hoàng. Và cả câu chuyện về ông vua nước Thục mà ông tôi nói nữa. Tiếng cuốc giữa buổi trưa đầu hạ vẫn lan dài trên khắp cánh đồng, khắp chân lũy tre từ trường về đến tận nhà...

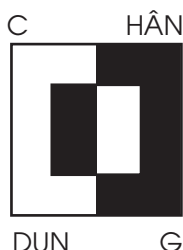
Rồi chuyện học hành, công việc cứ kéo tôi xa dần những tiếng cuốc gọi hè về

ấy. Tôi cũng không nhớ lần cuối mình nghe thấy nó là khi nào nữa. Ông tôi đã qua đời từ lâu, những câu chuyện xưa cũng vắng lặng cùng tiếng cuốc. Bẵng đi gần hai chục năm sau, cái tiếng kêu tưởng như đã bị xóa khỏi ký ức của mình bởi muôn vàn những âm thanh huyền ảo và hỗn độn của thành phố đông đúc nơi tôi làm việc, thì một sớm mùa hè, sau khi chuyển đến văn phòng mới, tôi lại nghe thấy âm thanh quen thuộc ấy vang vọng bên ngoài cửa sổ. Tôi không thể không đứng lên nhìn ra phía tiếng cuốc kêu tìm kiếm. Đó là vườn sau của ngôi chùa cổ Nam Đồng. Dưới tán vườn xanh um, dường như có một cái chuôm nước nhỏ, và con cuốc đã tìm được một nơi đất lành an toàn nhất cho mình giữa thành phố đông đúc này. Tôi chợt nhớ đến quang cảnh những ruộng rau muống, đầm bèo tây cùng những con kênh nhỏ trải dài ở khắp một dải Hoàng Cầu, hồ Đống Đa liền kề ngay gần bên ngôi chùa, nơi tôi từng đứng xem người ta câu cá rô, khi còn là sinh viên, mà đến nay tất cả đã thành nhà, thành phố. Có lẽ chú cuốc kia đã từng lặn lội ở nơi hồ đầm ấy, nên bây giờ còn quen lối đi về? Và nó chỉ còn tìm thấy vũng nước nhỏ trong vườn chùa này, mà có lẽ, chỉ nặng thêm mấy bữa nữa, thì vũng nước ấy cũng khô cạn...

Đến hè năm sau thì tôi quả nhiên không còn nghe thấy tiếng cuốc kêu sau vườn chùa Nam Đồng nữa thật.

Sau chừng dăm năm đánh bóng mặt đường khắp phố phường Hà Nội, rồi lại chuyển công việc ra gần một vùng đầm nước ruộng lầy khác phía Đông Nam thành phố tôi mới một lần nữa lại nghe thấy tiếng cuốc kêu. Tiếng kêu ra rả, suốt hàng tuần, khi khoan khi nhặt, lúc chậm lúc dồn, như một chiếc chìa khóa chợt mở tung những ngăn kéo từ lâu đã đóng kín bao nhiêu ký ức xưa cũ khiến nó chợt ủa ra trong trong tâm trí tôi. Thậm chí tôi còn nhìn thấy tới hai con cuốc lông đen, mỏ vàng bay vút lên từ chỗ này đáp sang chỗ khác trên mặt hồ ken đầy bèo tây bên cạnh công ty. Nhưng rồi cũng không để tôi phải đợi đến năm sau, chưa hết mùa hè, thì cái hồ đã bị lấp để mở rộng xưởng. Một buổi, khi tôi vừa về tới cổng công ty đã thấy mấy cậu bảo vệ đang xúm xít xem một cái tổ rơm rác với ba cái trứng nhỏ lốm đốm chấm nâu, sau khi vớt hết bèo trên hồ để sẵn sàng san lấp cát. Còn vợ chồng nhà cuốc? Không biết chúng đã đi đâu!

Dưới cái nắng oi đầu hạ, tôi phóng xe máy xuyên qua những quãng đường bụi cuốn nối nhau, lên triền đê sông Hồng, rong ruổi khắp một rẻo “vành đai” - Nhĩ Hà, bao quanh thành phố. Thi thoảng vẫn bắt gặp thấp thoáng một bên là những rặng tre thưa, hay những mảnh ruộng rau, ruộng mạ; còn một bên là lô nhô phổ xá xen lẫn những tòa nhà nhiều tầng cao đang ngày một dày thêm, nhưng không nghe thấy một tiếng nào, cái âm thanh “tục... tục... cuốc... cuốc” quen thuộc, mà tôi đã từng được nghe từ sau lũy tre làng, cho đến khi ở giữa thành phố này. Có lẽ tôi sẽ còn phải đi xa hơn nữa, xa hơn nữa... mới lại được nghe thấy cái âm thanh báo hiệu mùa hè một thuở ấy. Nhưng tôi tin, chắc chắn nó vẫn ở đâu đó quanh đây thôi, bởi mùa hè đang về.



Giảng buổi lên những đại hải trình thi ca

(về khởi đầu của những nhà thơ lớn)

PHẠM MINH QUÂN

Có rất nhiều nhà thơ vĩ đại trên thế giới bộc lộ tài năng của mình từ rất sớm. Elizabeth Barrett Browning làm thơ từ năm 1812, khi nữ thi sĩ chỉ mới 6 tuổi; Sylvia Plath công bố bài thơ đầu tiên của mình trên tờ *Boston Herald* khi 8 tuổi; John Milton bắt đầu viết từ năm 10 tuổi và đến năm 15 tuổi ông đã hoàn thành hai bài thánh thi (psalm), còn Emily Dickinson chấp bút từ lúc 11 tuổi...

Chúng ta hay lầm tưởng rằng tác giả yêu thích của mình, một khi bước vào sự nghiệp thi ca, hẳn đã phải trang bị hiểu biết và nghiệm sinh chín muồi, bản thảo của họ đã được hoàn thiện sau khi thôi nôi, và sứ mệnh của họ là lan tỏa tức thì tới công chúng. Lại có quan điểm cực đoan cho rằng, một người sáng tác thơ phải trên 30 tuổi mới có thể tự gọi mình là nhà thơ đích thực.

Cây bút Emily Temple từng thực hiện một khảo sát nhỏ thú vị vào năm 2019, dựa trên 80 tác gia nổi tiếng đã qua đời, để nhằm tìm hiểu xem ai có sự nghiệp dài hơi nhất. Tuy nhiên, khác với bài viết này, cô không tập trung vào độ tuổi bắt đầu một sự nghiệp văn chương; thay vào đó là phạm vi của nó. Thay vì thống kê dựa trên tổng số lượng tác phẩm, cô chọn khoảng cách thời gian giữa tác phẩm đầu tiên và tác phẩm cuối cùng được xuất bản. Có một kết quả đáng quan tâm là độ tuổi trung bình xuất bản tác phẩm đầu tiên đối với tác giả nam là 27; đối với tác giả nữ là 31. Độ tuổi bình quân chung giữa hai giới là 28,84.

Kết quả khảo sát này dường như ủng hộ cho quan điểm trên. Nhưng nên nhớ, ngay cả những nhà thơ vĩ đại nhất, tất yếu đều phải có một điểm khởi đầu. Buổi đầu bình minh thi ca có thể xuất hiện ở nơi khiêm tốn nhất, một ô nhỏ trên một trang báo hay tạp chí văn chương. Mỗi một nhà thơ đều bắt đầu với tư cách là một nhà thơ “trẻ,” trẻ về độ tuổi sinh học lẫn độ tuổi sáng tạo.

Cũng giống với vấn đề phong cách, khi bóc tách một nhà thơ, ta sẽ thấy ba thành tố ảnh hưởng chủ đạo: cá nhân, dân tộc và thời đại. Tổ chất thiên phú, một rung cảm trực giác, hay dự cảm về một con đường thơ, đã nhen nhóm hiện diện ngay ở những vần thơ đầu đời. Đi kèm với bài thơ đầu tiên gửi cho biên tập báo *Boston Herald* vào năm 8 tuổi, Sylvia Plath đã ghi chú rõ bài thơ này là những gì cô bé “nhìn và nghe thấy vào một đêm hè oi ả”: *Nghe tiếng dế kêu/Trong đám cỏ đầm sương/Những chú đom đóm sáng nhỏ/Bay qua lấp lánh* (Thơ, 1941). Đó chỉ là một quan sát tự nhiên của trẻ thơ hồn nhiên, và đôi khi cũng có thể chỉ là sâu muộn tuổi thiếu niên, như bài thơ đầu đời hai câu được Edgar Allan Poe chép trong cuốn sổ kế toán của cha nuôi mình năm 15 tuổi: *Đêm qua, sau nhiều lo âu và lao động đè nặng/Mỗi mết, tôi đặt mình trên một chiếc ghế dài để nghỉ ngơi* (Không đề, 1824).

Để lý giải tầm vóc của mỗi nhà thơ vĩ đại, ta cần đặt họ vào giữa những mối liên hệ văn hóa. Một nhà thơ kiệt xuất chính là hiện thân hoàn kết của thời đại văn hóa họ được sinh ra, tiếp nhận những giá trị kết tinh của nền văn hóa và tinh thần thời đại (*zeitgeist*), hay ngược lại, họ cũng là nhân tố chủ đạo đưa nền văn hóa này phát triển lên một tầng bậc mới, với tư cách những *nhà thơ dân tộc và nhà thơ thời đại*.

Cuối cùng, quay lại về sự khác biệt giữa độ tuổi sinh học và độ tuổi sáng tạo trong thi ca. Có những nhà thơ nở muộn. Nhà thơ người Anh John Stammers bắt đầu con đường thơ của mình rất muộn sau khi kinh qua nhiều nghề nghiệp như điều hành hãng thu âm, công chức chính phủ, người pha chế đồ uống, tư vấn viên. Ông ra mắt tập thơ đầu tay *Panoramic Lounge Bar* (2001) đạt giải thưởng khi 47 tuổi. Nhà thơ Mỹ George Frederick Morgan phải đến năm 50 tuổi mới trình làng thi tuyển đầu tiên, *A Book of Change* (1972), kết quả đến từ sự ra đi của người vợ và hoàn cảnh phải gà trống nuôi sáu đứa con. Không dừng lại ở đó, ông tiếp tục sáng tác thêm 7 tập thơ trước khi qua đời vào năm 2004. Chỉ đến 92 tuổi thì nữ thi sĩ Nhật Toyo Shibata mới bắt đầu làm thơ, sau khi được con trai động viên. Tập thơ *Kujikenaide* (*Đừng nản lòng*) xuất bản năm 2009 của bà trở thành tác phẩm bestseller tại Nhật với doanh số 1,58 triệu bản.

Độ tuổi của họ ở thời điểm xuất phát tuy không còn trẻ, nhưng họ vẫn “trẻ” nếu tính theo độ tuổi sáng tạo, bởi nhiệt huyết lao động sáng tạo và cảm hứng thi ca của họ vẫn không ngừng tuôn chảy. Do đó, đối với thi ca, sáng tạo không bao giờ là muộn, và đại dương luôn bao la vẫy gọi với những ai dũng cảm giăng buồm.

Tagore và Thơ dâng

Rabindranath Tagore sinh năm 1861 trong một gia đình danh gia vọng tộc ở Calcutta, đi đầu trong phong trào Phục hưng Bengali. Sau này người ta cho rằng Tagore là đỉnh cao và đồng thời là kết thúc của phong trào này. Dòng họ Tagore với lịch sử hơn 300 năm không chỉ đóng góp về văn chương, nghệ thuật và âm nhạc, mà còn đóng góp cả về kinh tế, xã hội và cải cách tôn giáo cho khu vực Bengal. Cha ông, Debendranath, là một triết gia và nhà cải cách tôn giáo theo đạo Hindu. Gia đình có ảnh hưởng rất lớn đối với ông. Với tác động từ cha, ông đã sớm được tiếp xúc với các trước tác kinh điển tiếng Phạn như kinh Vệ Đà, đặc biệt là phần *Upanishad*, và sử thi *Ramayana* của Valmiki.

Tagore bắt đầu làm thơ từ năm 8 tuổi. Nhưng bài thơ đầu tiên với nhan đề *Abhilash (Khao khát)* của ông lại được công bố khuyết danh. Bài thơ này dường như được ông sáng tác trong thời gian theo học ngắn ngủi tại trường dòng St Xavier vào năm 1875. Sau đó Tagore được giáo dục tại gia đình, chủ yếu học văn chương. Ban đầu với sự giúp đỡ của các thầy giáo, nhưng về sau ông đã có thể tự đọc được các tác phẩm bằng tiếng Phạn, tiếng Anh và tiếng Bengali. Gia sư tiếng Phạn của ông đã dạy ông đọc *Sự khai sinh của thần chiến tranh* của Kalidasa và *Sakuntala*. Ông đọc tác phẩm *Cuộc hành hương của Childe Harolde* của Byron, *Những giai điệu Ireland* của Moore, *Macbeth* và *Giông tố* của Shakespeare bằng tiếng Anh. Ông cũng từng thử đọc bản dịch tiếng Anh tác phẩm của Dante và nguyên tác tác phẩm của Goethe trong tiếng Đức nhưng chúng không gợi cho ông nhiều sự yêu thích.

Tập thơ đầu tiên Tagore sáng tác được xuất bản là *Kabi-Kahini (Chuyện về nhà thơ)*, viết bằng tiếng Bengali vào năm 1878 lúc ông mới 16 tuổi. Trước đó những bài thơ này đã được đăng đều đặn trên tạp chí văn học Bharati. Xuyên suốt cả thời gian theo học ở London (1878 - 1880) và khi trở về Ấn Độ, ông vẫn liên tục xuất bản các tập thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết và kịch. Các bài thơ của ông sau này được tuyển chọn và đích thân ông tự dịch sang tiếng Anh với nhan đề *Song Offerings (Gitanjali, Thơ dâng)*, là tập thơ tiếng Anh đầu tiên của ông, xuất bản vào năm 1912 và ngay lập tức giúp ông giành giải Nobel Văn học vào năm 1913.

Đối với phương Tây, Tagore là một sự xuất hiện đột ngột và không mất nhiều công sức để gạt lấy giải thưởng Nobel; ông đã đi vòng quanh thế giới và nhận được sự tán dương tôn sùng trong vòng hai thập kỷ, điều mà không một tác giả nào khác ở thế kỷ XX nhận được. Nhưng ở quê nhà Bengal thì lại hoàn toàn khác. Trước 1912, Tagore bị đa số người Bengali phản đối, bởi người ta coi ông là một sản phẩm của ảnh hưởng văn hóa phương Tây và cho đến cuối đời ông vẫn phải trải qua cả sự gièm pha lẫn tôn vinh. Chỉ sau khi qua đời vào năm 1941 ông mới được bất tử hóa, trở thành nghệ sĩ vĩ đại nhất của Bengal.

Bản thân Tagore cũng tự cảm nhận được khối mâu thuẫn lớn. Với tư cách

là một người duy tâm, ông đặt tinh thần nhân văn phương Tây lên bậc cao nhất, khi lần đầu ông được tiếp cận với chủ nghĩa tự do của văn chương và chính trị Anh ngữ thế kỷ XIX. Nhưng với góc độ là một người yêu nước, đặc biệt sau năm 1900, ông nhận ra rằng phải tin vào sự trường cửu của những giá trị tinh thần Ấn Độ cổ xưa trong Ấn Độ đương đại. Và *Thơ dâng* chính là sự hòa hợp của hai đức tin trong tâm trí của ông.

Thơ dâng số 1: Cây sáo nhỏ

Rabindranath Tagore

Người đã biến tôi trở nên vĩnh hằng, đó là niềm vui của người. Con thuyền mang chở mỏng manh này tưởng như đã bao lần trống rỗng, nhưng lại luôn được người lấp đầy bằng đời sống tươi mới.

Cây sáo nhỏ với chiếc dăm người đã mang băng qua bao đồi và thung lũng, và đã thổi qua nó những giai điệu mới bất tận.

Khi cái vuốt ve bất tử của tay người chạm đến trái tim nhỏ của tôi, nó vui sướng vô ngần và sinh ra những tiếng không thốt nên lời.

Món quà vô tận của người chỉ đặt vào đôi bàn tay nhỏ của tôi. Thời gian trôi qua, cho dù người không ngừng đổ đầy, nhưng lòng tôi vẫn hằng dung chứa.

Thơ dâng số 3: Âm nhạc của đời

Tôi không biết người hát như thế nào, thưa người! Tôi chỉ luôn lắng nghe trong ngạc nhiên thình lặn.

Ánh sáng đến từ âm nhạc người soi rọi thế giới. Hơi thở cuộc sống của âm nhạc người băng qua mọi phương trời. Dòng chảy thiêng liêng của âm nhạc người xuyên phá mọi hòn đá cản đường và tuôn chảy mãi miết.

Trái tim tôi khát khao được hòa vào âm nhạc người, nhưng vô vọng đấu tranh giành lấy một tiếng nói. Tôi muốn nói, nhưng lời nói không thành bài hát, và tôi bật khóc trong thất bại. Trái tim tôi đã bị giam cầm trong mê lưới bất tận của âm nhạc người!

Thơ dâng số 20: Hoa sen

Vào ngày hoa sen nở, than ôi, tâm trí tôi lại đang lang thang nên tôi không thể biết. Gió của tôi trống không và bông hoa ở đó không ai chú ý đến.

Chỉ lúc này và một lần nữa có một nỗi sầu muộn giăng phủ lên tôi, và tôi choàng tỉnh khỏi mộng và cảm nhận thấy dấu vết ngọt ngào đến từ một mùi hương kỳ lạ trong gió Nam.

Làn hương ngọt ngào mơ hồ khiến con tim tôi thổn thức khao khát và dường như với tôi đó là hơi thở nồng nàn của mùa hạ đang tìm kiếm sự hoàn kết.

Tôi không biết rằng bấy giờ nó thật gần, nó là của tôi, và mùi hương ngọt ngào hoàn hảo này đã bùng nổ trong thẳm sâu trái tim mình.

Thơ dâng số 29: Ngục tù của tôi

Con người mang tên của tôi đang khóc trong ngục tù này. Tôi mài miết xây dựng tường bao quanh; và khi bức tường này ngày một vươn lên tới trời cao, tôi càng lạc mất con người đích thực của mình trong bóng râm tăm tối của nó.

Tôi tự hào vì bức tường vĩ đại này, và tôi trát bụi và cát lên nó vì ít nhất nên để lại lỗ hổng cho cái tên này; và với mọi công sức bỏ ra, tôi đã đánh mất con người thật của mình.

Thơ dâng số 35: Tâm trí không sợ hãi

Nơi tâm trí không sợ hãi và ngẩng cao đầu;

Nơi hiểu biết là tự do;

Nơi thế giới không bị phân thành nhiều mảnh bởi những thành trì quốc gia chật hẹp;

Nơi ngôn từ phát ra từ thẳm sâu chân lý;

Nơi nỗ lực không mệt mỏi vươn tay hướng tới sự hoàn hảo;

Nơi dòng chảy lý trí trong ngăn không lạc lối vào sa mạc khô cằn của tập quán cứng nhắc;

Nơi tâm trí được người dẫn dắt đến hành động và tư duy không ngừng mở rộng

Đến với thiên đàng tự do, Cha, xin hãy đánh thức đất nước của con.

Thơ dâng số 66: Người phụ nữ trong tâm hồn tôi

Nàng, người luôn tồn tại trong thẳm sâu bản thể tôi, trong ánh chạng vạng của tia sáng yếu ớt thoáng hiện; nàng vốn chưa bao giờ vén bức màn trước ánh ban mai, sẽ là món quà cuối cùng của tôi dành cho người, hỡi Thượng đế, được tôi gói ghém trong bài ca cuối cùng.

Lời tán tỉnh đã được buông ra nhưng không thể giành lấy nàng; lời tâm sự đã dang rộng vòng tay với tới nàng nhưng không được đáp đền.

Tôi đã phiêu du rong ruổi hết đất nước này qua đất nước khác, giữ kín nàng trong tim, và xung quanh nàng đã mọc lên rồi sụp đổ những thăng trầm đời tôi.

Nàng ngự trị một mình tách biệt trong tư tưởng và hành động, trong cơn ngủ vùi và giấc mộng của tôi.

Rất nhiều người đàn ông gõ cửa tôi và hỏi nàng, rồi phải bỏ đi trong tuyệt vọng.

Không một ai trên thế giới này từng được diện kiến nàng, và nàng vẫn cô độc chờ đợi sự công nhận của người.

Thơ dâng số 81: Thời gian đã mất

Đã bao ngày nông nhàn tôi nuối tiếc thời gian đã mất. Nhưng thời gian không bao giờ mất, thưa người. Người đã nắm lấy trong tay mọi khoảnh khắc cuộc đời tôi.

Ấn trong trái tim vạn vật, người di dưỡng hạt trở thành mầm cây, nụ hóa thành hoa, và hoa chín muồi ra quả.

Tôi mệt mỏi ngủ trên chiếc giường trống trải của mình và hình dung mọi việc đã kết thúc. Sáng tôi thức giấc và thấy khu vườn của mình lấp đầy loài hoa kỳ diệu.

T.S. Eliot và *Bản tình ca của J. Alfred Prufrock*

Nếu như Tagore là một minh chứng tiêu biểu cho sự hợp lưu Đông - Tây, nhưng dựa trên nền tảng văn hóa Ấn Độ giàu truyền thống, thì Thomas S. Eliot (1888 - 1965), nhà thơ, nhà phê bình, nhà viết kịch người Mỹ gốc Anh đạt giải Nobel Văn học năm 1948, lại là đại diện cho sự giao thời, một sự chuyển đổi hệ hình văn hóa từ thơ trữ tình lãng mạn cuối thế kỷ XIX sang thơ Hiện đại chủ nghĩa.

Trong quá trình trưởng thành của mình, T. S. Eliot là một người tiếp nhận đa dạng ảnh hưởng. Những năm tháng thơ ấu thể chất yếu kém, không được chơi đùa cùng với bạn bè đồng trang lứa, đã tạo cho cậu bé Eliot tình yêu say mê với sách. Những cuốn sách ưa thích của Eliot là câu chuyện về miền Tây hoang dã, đặc biệt là hình tượng nhân vật Tom Sawyer của Mark Twain, như một sự gửi gắm ký thác những ao ước phiêu lưu trẻ con. Biên độ đọc của Eliot thực sự mở rộng khi bước chân vào chương trình trung học tại Học viện Smith, nơi ông được học tiếng Hy Lạp cổ điển, Latinh, Pháp và Đức. Mặc dù xuất thân từ một gia đình thành đạt trong lĩnh vực kinh doanh nhưng Eliot được tự do lựa chọn và theo đuổi sở thích của mình. Eliot bắt đầu làm thơ từ năm 14 tuổi và công bố bài thơ đầu tiên, vốn là một bài tập, với nhan đề *A Fable for Feasters* (Ngụ ngôn dành cho những người dự yến) đăng trên tạp chí của trường vào năm 1905. Ông đã tiếp xúc với các nhà thơ Tượng trưng Pháp như Rimbaud, Verlaine, Laforgue và Mallarmé từ năm 1908 qua cuốn *Phong trào tượng trưng trong văn học* của Arthur Symons. Thời gian học đại học tại Harvard là cơ hội để ông mở rộng kiến thức về triết học Ấn Độ và tiếng Phạn. Trong một tiểu luận năm 1950, *What Dante means to me* (Dante có ý nghĩa gì đối với tôi), Eliot đã trình bày về Dante, Shakespeare, Baudelaire và Laforgue như những nguồn ảnh hưởng lớn nhất đến phong cách của mình, đặc biệt là Dante.

Eliot bắt đầu sáng tác thi phẩm được xuất bản đầu tiên của mình với nhan đề *The love song of J. Alfred Prufrock* (*Bản tình ca của J. Alfred Prufrock*) vào tháng 2 năm 1910, khi còn là một sinh viên triết học tại Đại học Harvard. Năm 1914, khi dự học trường Cao đẳng Merton, Oxford, Anh, Eliot đã có dịp hạnh ngộ một nhà thơ lớn khác, Ezra Pound. Chính Pound là người đã phát hiện ra tiềm năng của Eliot. Qua sự giới thiệu của Pound, *Bản tình ca của J. Alfred Prufrock* lần đầu xuất bản vào năm 1915 trên tạp chí *Poetry*.

Nhân vật chính của bài thơ là J. Alfred Prufrock, một thanh niên thượng lưu luôn ưu tư bi quan, bị giày vò bởi những cơ hội bị bỏ lỡ, ám ảnh bởi khát thèm nhục thể. Tác phẩm phản ánh ảnh hưởng lớn nhất tới Eliot - Dante Alighieri - với lời đề từ bằng tiếng Ý được trích từ chính tác phẩm *Thần khúc*. Thậm chí, Eliot từng phát biểu: “Dante và Shakespeare chia đôi thế giới thành hai nửa. Không có người thứ ba”. *Bản tình ca của J. Alfred Prufrock* đã mang lại tiếng vang đầu đời cho Eliot, đồng thời trở thành một trong những kiệt tác tiêu biểu của thơ ca hiện đại.

Bản tình ca của J. Alfred Prufrock

T.S. Eliot

Nếu tôi nghĩ rằng câu trả lời của tôi
dành cho ai đó có lẽ đang trở về thế giới,
ngọn lửa đang cháy này sẽ không còn lay động.
Nhưng kể từ khi, dưới những vực thẳm này,
chưa từng ai sống sót trở về, nếu những gì tôi nghe là đúng,
tôi sẽ trả lời mà không sợ mang tiếng.⁽¹⁾

Tôi và bạn, chúng ta hãy lên đường
Khi màn đêm bắt đầu giăng lên bầu trời⁽²⁾
Giống như bệnh nhân mê man trên bàn mổ;
Ta hãy đi, qua những con phố hiu quạnh,
Những lời thì thầm lẫn trốn
Của những đêm trắng trong những nhà nghỉ rẻ tiền
Và những nhà hàng bụi bặm ngổn ngang vỏ sò:
Những con phố nối nhau như một cuộc tranh luận tẻ nhạt
Với đầy ý định hiểm tàng
Dẫn đến một câu hỏi bao trùm...
Ôi, xin đừng hỏi, “Nó là gì?”
Ta hãy cứ đi và đến nơi.

Trong căn phòng những người phụ nữ đến và đi
Họ nói với nhau về Michelangelo.⁽³⁾

(1) Lời đề từ trích từ Địa ngục, 27.61-66 trong *Thần khúc* của Dante. Đây là lời của Guido da Montefeltro, bị cầm tù dưới ngọn lửa hỏa ngục, nói với Dante, thuật lại cuộc đời xấu xa tui hổ của mình, bởi vì ông tin rằng Dante sẽ không thể quay trở về trái đất và tái phạm nó.

(2) Liên hệ đến phép ẩn dụ hay được triết gia Henri Bergson sử dụng trong tác phẩm *Time and Free Will* (Thời gian và sự tự do của ý chí, 1889).

(3) Liên hệ tới câu thơ của nhà thơ tượng trưng Pháp Jules Laforgue nhắc lại trong bài thơ của mình về những bậc thầy của trường phái Siena, Phục hưng Ý (Dans la piece les femmes vont et viennent/En parlant des maitres de Sienne).

Làn sương vàng cọ lưng vào những khung kính cửa sổ
Lấn khói vàng cũng dụi miệng lên khắp những khung kính cửa sổ,
Đưa lưỡi nó liếm các góc tối của trời đêm,
Nấn ná trên những vũng nước tù đọng trên máng,
Trộn lẫn với bồ hóng rơi xuống từ ống khói,
Trượt trên mái hiên, và đột ngột nhảy xuống,
Và khi biết đây là một đêm tháng mười quanh quẽ,
Nó lượn quanh ngôi nhà, rồi chìm vào giấc ngủ.

Và rồi sẽ đến lúc
Khi làn khói vàng bay dọc con phố,
Cọ lưng của nó vào những khung cửa sổ;
Rồi sẽ đến lúc, rồi sẽ đến lúc
Chuẩn bị một gương mặt để đối mặt với mọi gương mặt;
Rồi sẽ đến lúc phải hủy hoại và tạo sinh,
Và rồi sẽ có thời gian cho mọi lao động và ngày công của đôi tay⁽⁴⁾
Nâng lên và thả câu hỏi vào đĩa của bạn;
Sẽ có lúc cho bạn và lúc cho tôi,
Và sẽ có lúc dành cho hàng trăm điều do dự,
Và dành cho trăm điều để nhìn và xét lại,
Trước khi thưởng thức lát bánh và tách trà.

Trong căn phòng những người phụ nữ đến và đi
Họ nói với nhau về Michelangelo.

Và hiển nhiên rồi sẽ có lúc
Để tự hỏi, “Tôi có dám không?” và “Tôi có dám không?”
Sẽ có lúc để quay trở lại và bước xuống nhà,
Với một mảng hói ngay giữa mái tóc -
(Họ sẽ nói: “Tóc của anh ta đang thừa thớt đi này!”)
Chiếc áo choàng buổi sáng của tôi, cổ áo đóng khuy sát cầm,
Chiếc cà vạt đắt tiền không phô trương, được gắn bằng một chiếc ghim
đơn giản -
(Họ sẽ nói: “Trông tay chân gầy guộc của anh ta kìa!”)
Liệu tôi có dám
Khuấy động vũ trụ không?
Trong một phút chứa đựng thời gian
Dành cho những quyết định và thay đổi, để nghịch đảo một phút.

(4) Liên hệ tới bài thơ của Hesiod thế kỷ VIII TCN về ngày mùa thu hoạch.

Bởi vì tôi đã biết hết mọi thứ, biết tất cả:
Đã biết buổi tối, sáng và chiều,
Đã đo đạc cuộc đời mình bằng những chiếc muỗng cà phê;
Tôi đã biết thanh âm hấp hối của mùa thu đang chết⁽⁵⁾
Ẩn dưới âm nhạc phát ra từ một căn phòng phía xa.
Vậy tôi nên giả định điều gì đây?

Và tôi đã biết tất cả những con mắt, biết tất cả -
Con mắt ẩn định bạn vào một câu nói công thức,
Và khi tôi bị công thức hóa, bị căng ra bởi một chiếc ghim,
Khi tôi bị ghim lại và quần quai trên tường,
Vậy tôi nên bắt đầu việc
Phun ra những đầu mẩu ngày tháng và cung cách như thế nào đây?
Và tôi nên giả định điều gì đây?

Và tôi đã sẵn biết những cánh tay, biết tất cả -
Những cánh tay đeo xuyên, trắng trần trụi⁽⁶⁾
(Nhưng dưới ánh đèn, bị nhấn chìm vào mái tóc màu nâu nhạt!)
Có phải là hương nước hoa đến từ chiếc váy đầm
Khiến cho tôi phân tán đến vậy.
Những cánh tay đặt quanh một chiếc bàn, hay quần khăn choàng.
Và tôi nên giả định điều gì đây?
Và tôi nên bắt đầu từ đâu?

Phải chăng tôi nên nói, tôi đã ra đi vào lúc chạng vạng băng qua những phố hẹp
Và ngấm nhìn khói bốc lên từ ống tàu
Của những người đàn ông cô độc mặc sơ mi, nghiêng người khỏi cửa sổ?

Đáng lẽ tôi nên là một cặp càng cua xù xì⁽⁷⁾
Hối hả chạy ngang qua đáy đại dương thỉnh lặng.

Và buổi chiều, rồi buổi tối, ngủ thật an bình!
Được vuốt ve bởi những ngón tay dài,
Ngủ thiếp... mệt nhoài... hoặc là nó chỉ giả vờ,
Nằm dài trên sàn nhà, bên cạnh bạn và tôi.

(5) Liên hệ tới lời nói của nhân vật Công tước Orsino nói trong màn I, cảnh I, vở *Đêm thứ mười hai* (The Twelfth Night) của Shakespeare.

(6) Liên hệ đến câu thơ “Một vòng xuyên kết bằng tóc màu sáng phủ lên xương” của John Donne trong bài thơ *The Relic* (Di vật).

(7) Liên hệ tới lời Hamlet chế nhạo Polonius trong vở kịch cùng tên của Shakespeare (“Thưa ngài, nếu ngài già như tôi, giống như một con cua, ngài có thể đi lùi” - màn II, cảnh II).

Liệu tôi, sau trà, bánh và kem,
Còn đủ sức khỏe để ép khoảnh khắc trở nên khủng hoảng?
Nhưng cho dù tôi đã khóc và nhịn ăn, khóc và cầu nguyện,
Cho dù tôi đã nhìn thấy chiếc đầu của mình (đã hơi hói) được đặt lên một
chiếc đĩa,
Tôi không phải là một nhà tiên tri - và đây cũng chẳng phải vấn đề gì lớn;⁽⁸⁾
Tôi đã chứng kiến khoảnh khắc sự vĩ đại của mình lóe sáng,
Và tôi đã chứng kiến người hầu vĩnh cửu giữ áo choàng của tôi và cười
khúc khích,⁽⁹⁾
Và tóm lại, tôi đã rất sợ.

Và sau tất cả, liệu nó có đáng
Sau những ly chén, mút cam và trà,
Giữa đồng đồ sứ, giữa những câu chuyện về bạn và tôi,
Liệu có đáng
Để chấm dứt câu chuyện với một nụ cười,
Để nhồi vũ trụ vào một trái bóng
Để đẩy nó đến những câu hỏi bao trùm,
Để nói: “Tôi là Lazarus, đã trở về từ cõi chết,⁽¹⁰⁾
Trở về để nói cho mọi người tất cả, sẽ kể cho mọi người tất cả” -
Nếu một ai đó, kê đầu của cô ấy lên một chiếc gối
Sẽ nói: “Đó không phải là ý tôi muốn;
Hoàn toàn không phải.”

Và sau tất cả, liệu nó có đáng
Liệu có đáng,
Sau hoàng hôn, cánh cửa sân vườn và đường phố được phun nước
Sau những tiểu thuyết, tách trà, sau những chiếc váy kéo lê trên sàn nhà -
Và điều này, và nhiều hơn thế?-
Là bất khả để nói ra những gì tôi muốn nói!
Nhưng nếu một đèn lồng ma thuật có thể in những hoa văn dẫn đo lên
màn hình
Liệu có đáng
Nếu ai đó kê gối hay ném đi một chiếc khăn choàng,
Và hướng về phía cửa sổ, để nói:
“Đó không phải thế,
Đó hoàn toàn không phải ý tôi nghĩ.”

(8) Liên hệ với chi tiết nhà tiên tri Do Thái John Tẩy Giả (John the Baptist). Salome xúi Herod, người cai trị xứ Galilee, chặt đầu John Tẩy Giả đặt trên một chiếc đĩa bạc để làm phần thưởng.

(9) Hình tượng người hầu vĩnh cửu là biểu trưng cho cái chết, tiễn đưa con người về thế giới bên kia.

(10) Liên hệ tới Thánh Lazarus, sau khi chết bốn ngày được Chúa Jesus hồi sinh.

Không! Tôi không phải là Hoàng tử Hamlet, cũng không muốn trở thành;
Tôi chỉ là một phụ tá cho ngài, như vậy là đủ
Để làm quần chúng, bắt đầu một hoặc hai cảnh,
Khuyên bảo hoàng tử; không hoài nghi gì, một kẻ dễ sai bảo,
Khúm núm, mừng khi được việc,
Khôn ngoan, thận trọng và tỉ mỉ;
Đây những câu nói cao sang, nhưng hơi chậm hiểu;
Đôi lúc, tất nhiên rồi, gần như ngớ ngẩn -
Gần như lúc nào cũng là kẻ Ngốc.⁽¹¹⁾

Tôi đã già... tôi đã già...
Tôi sẽ phải xắn gấu quần của mình lên.

Tôi có nên rẽ tóc ra đằng sau không? Liệu tôi có dám ăn một quả đào?
Tôi sẽ mặc quần vải dạ màu trắng, và đi lại trên bãi biển.
Tôi sẽ nghe các nàng tiên cá hát cho nhau nghe.

Tôi không nghĩ họ sẽ hát cho tôi.

Tôi đã chứng kiến họ cười trên những cơn sóng
Chải mái đầu bạc trên mỗi ngọn sóng lướt qua.
Khi gió thổi mặt nước cuộn xoáy trắng và đen
Chúng ta vẫn quần quanh những căn phòng dưới lòng biển khơi
Cạnh những mỹ nhân ngư khoác lên mình rong biển đỏ và nâu
Cho tới khi giọng nói con người đánh thức chúng ta, và ta đuối chìm.

Gabriela Mistral và *Những bài sonnet chết*

Gabriela Mistral là minh chứng điển hình về những vần thơ đầu tiên có thể xuất phát từ những rung cảm mãnh liệt nhất. Bà tên thật là Lucila Godoy Alcayaga, sinh năm 1889 tại Vicuña, một thành phố nhỏ miền trung Chile. Cha của bà là một giáo viên đồng thời cũng là một nhà thơ tài tử, rồi bỏ gia đình khi bà chỉ mới ba tuổi. Mặc dù trải qua một tuổi thơ khốn khó, phải làm đủ công việc để hỗ trợ gia đình trang trải cho cuộc sống, bà đã bắt đầu viết và đăng thơ từ năm 15 tuổi trên các tạp chí địa phương. Song, để không ảnh hưởng đến công việc chính là dạy học, bà đã phải sử dụng bút danh Gabriela Mistral, ghép từ tên hai nhà thơ yêu thích của bà, *Gabriele*

(11) Nguyên văn “The Fool,” mẫu nhân vật trong kịch Shakespeare, chuyên pha trò giải trí cho sân khấu triều đình.

D'Annunzio và Frédéric Mistral. Ít ai ngờ đến rằng, nữ giáo viên tỉnh lẻ này một ngày kia lại trở thành tác giả Mỹ Latinh đầu tiên được nhận giải Nobel Văn học vào năm 1945.

Bước ngoặt sự nghiệp của Gabriela Mistral đến cùng với bi kịch cá nhân của bà, hay nói khác, một mất mát tận cùng đã khởi lên trong bà một thứ thi ca của sự sống. Đúng như đánh giá của Viện Hàn lâm Thụy Điển khi trao giải Nobel Văn học dành cho bà: “Một bi kịch tầm thường của cuộc sống thường nhật đã mất đi tính chất cá nhân của nó và bước vào nền văn chương toàn thế giới.” Đó là khi bà viết lên *Sonetos de la Muerte* (Những bài sonnet chết), cũng là thi phẩm đầu tiên của bà được xuất bản vào năm 1914. *Những bài sonnet chết* đã giúp Gabriela Mistral giành giải thưởng Juegos Florales và đưa tên tuổi bà lên tầm vóc châu lục, trở thành biểu tượng của nền văn học Mỹ Latinh. Tác phẩm là những tiếng kêu đau thương đến từ trái tim rỉ máu, xuất phát từ mối tình trái ngang giữa cô giáo viên trường làng Mistral và chàng công nhân đường sắt trẻ Romelio Ureta. Họ, như bao đôi lứa khác, cũng có một tình yêu nồng nàn và say mê. Nhưng cuộc tình tan vỡ khi Ureta phải đính hôn với một cô gái khác, và chàng đã chọn cách tự sát trước cuộc hôn nhân này. Giày vò, giằng xé đến tuyệt vọng trước cái chết của tình yêu, bà đã cất lên *tiếng nói* của mình qua *Những bài sonnet chết*. Bài thơ mãnh liệt không chỉ bởi những ngôn từ hình ảnh xúc động của nó, mà còn bởi những chiều kích sâu thẳm của trái tim người được lột tả.

Những bài sonnet chết

Gabriela Mistral

(Dịch từ bản dịch tiếng Anh của Francis Blessington)

1

Trong hốc tường lạnh giá nơi người ta đặt anh vào,
Em sẽ đưa anh đến một đồng cỏ giản dị và nắng ấm.
Họ không hề biết là em cũng sẽ ngủ,
và rằng chúng ta sẽ mơ trên cùng một chiếc gối

Em sẽ đặt anh nằm trong thảm nắng mặt trời
cùng tình yêu ngọt ngào của mẹ dành cho đứa con ngủ,
và mặt đất sẽ phải trở thành chiếc nôi êm ái
để đón nhận thân thể người thương của em.

Và rồi em sẽ rải mùn cửa của đất cùng hoa hồng,
và dưới vầng mây cát xanh mịn của ánh trắng,
ánh sáng của anh sẽ không bị cầm tù.

Em sẽ ra đi cất lên tiếng hát đỏ máu tươi đẹp của mình,
bởi ở vực sâu này, không một người phụ nữ nào có thể
vội tay xuống và giành lấy di cốt của anh!

2

Sự mệt mỏi này ngày nào đó sẽ lớn lên
và linh hồn sẽ nói với cơ thể rằng nó không muốn tiếp tục,
kéo lê nó xuống con đường màu hồng
nơi những người đàn ông yêu sống vẫn hằng đi...

Ở bên ấy anh sẽ nghe thấy tiếng họ đào bới,
rằng một người an nghỉ đã đến thị trấn yên tĩnh này.
Em sẽ chờ cho tới khi họ vui lấp em hoàn toàn...
Và rồi chúng ta sẽ tâm tình đời đời!

Chỉ khi vậy anh mới hiểu tại sao,
da thịt mình không sẵn sàng cho sự chôn vùi này,
nơi anh nằm xuống, phải là khi anh thanh thản.

Rồi sẽ có ánh sáng trong miễn tối định mệnh.
Anh sẽ hiểu mối kết liên của ta là thiêng liêng,
và một khi nó bị phá vỡ, anh phải qua đời.

3

Những bàn tay ác độc đoạt mạng anh,
khi những ngôi sao gieo lên mảnh đất
những bông hoa huệ trắng như tuyết vui nở.
Những bàn tay ác độc đã hung dữ xâm phạm...

Và em nói với Chúa: “Trên con đường phạm trần
chúng mang anh - dáng hình yêu dấu chúng không biết cách dẫn lối!-
Xin Chúa, hãy giành giật anh ấy khỏi những bàn tay tử thần,
hoặc nhấn chìm anh vào giấc ngủ vùi Người ban.

Con không thể đuổi theo anh ấy! Con không thể thét gào!
Một cơn bão đen kịt đã đẩy thuyền anh ấy đi.
Xin hãy trả anh ấy về với con, hoặc là chấm dứt một sinh mệnh.”

Con thuyền hồng của đời anh đã dừng lại...
Chẳng lẽ em không hiểu về tình yêu? Em không có lòng thương xót?
Chúa, Người đang phán xét con, hãy hiểu điều đó, Chúa ơi!

TÁC GIẢ



TRẺ

Vĩ H ạ (T r ầ n D u y B à o K h a n g)
C a o V i ệ t Q u ỳ n h





Nhà thơ trẻ Vĩ Hạ (Trần Duy Bảo Khang).

Đi tìm những bóng người

Vào một ngày tháng Ba năm 2022, tôi nhận được một bức thư viết tay rất dài gửi từ Bình Thuận. Bức thư đã làm tôi mất ngủ. Người viết bức thư đó là một chàng trai có tên Trần Duy Bảo Khang, 17 tuổi.

Mới 17 tuổi nhưng Trần Duy Bảo Khang đã phải hai lần đứng giữa lằn ranh giữa sự sống và cái chết với câu hỏi về ý nghĩa của sự hiện diện của con người mình trên thế gian này; và đi tìm câu trả lời. Một câu hỏi quá lớn và quá khó đối với một chàng trai trẻ. Đây là câu hỏi mà mọi con người sinh ra trên thế gian này phải trả lời, cho dù không nhiều người dám đối mặt với câu hỏi đó và đi tìm câu trả lời bằng mọi cách.

Trần Duy Bảo Khang là một người đã bước đến trước câu hỏi như bước đến miệng vực sâu. Không gì có thể thay thế con người để trả lời câu hỏi đó, kể cả cái chết của chính họ. Họ phải sống, phải dẫn bước, phải tự vấn, phải suy tưởng... để trả lời câu hỏi. Câu trả lời là toàn bộ đời sống mà mỗi người đang sống và dẫn bước. Nghĩa là con người phải sống với toàn bộ nỗ lực và khát vọng của mình, cho tới giây phút cuối cùng.

Nhưng một điều kỳ diệu đã hiện ra với chàng trai Trần Duy Bảo Khang. Đó là THI CA. Thi ca đã mở ra một cánh cửa và chàng trai nhìn thấy con đường dẫn tới câu trả lời cho mình. Sau khi đọc thư của Trần Duy Bảo Khang, tôi đã điện thoại nói chuyện với chàng trai. Lúc đó tôi mới biết Trần Duy Bảo Khang có một bản thảo thơ gửi Nhà xuất bản Hội Nhà văn xin giấy phép xuất bản, có tên là ĐI TÌM NHỮNG BÓNG NGƯỜI với bút danh Vĩ Hạ.

Tôi đã đọc những bài thơ trong tập bản thảo của Trần Duy Bảo Khang như đọc một tài liệu vô cùng quan trọng để xem trong tâm hồn chàng trai 17 tuổi nay đã vang lên những gì, chàng trai ấy đã đi qua nỗi tuyệt vọng về đời sống này như thế nào. Và tôi nhận thấy: những câu thơ đã hé lộ những bí ẩn thâm sâu trong chàng trai, những suy nghĩ bất thường và bất trắc, những phức tạp tầng lớp, những dày vò, đau khổ, sợ hãi cùng những khát vọng và ánh sáng đẹp đẽ như Thiên thần.

Tất cả dâng lên trong tâm hồn chàng trai ấy và biến thành thi ca của chàng trai.

Xin trân trọng giới thiệu chùm thơ rút từ bản thảo ĐI TÌM NHỮNG BÓNG NGƯỜI của Vĩ Hạ (Trần Duy Bảo Khang).

NGUYỄN QUANG THIỀU

Thơ Vĩ Hạ (Trần Duy Bảo Khang)

Một chiều nắng đốt đi tất cả

chiều nắng ngọam chặt tôi
tiếng bồ câu
đâu đứng đợi con tuổi?
thành phố mùi
mắt nhắm hôm xưa
cơn nắng vừa đi
mang cái chết cháy đám cỏ.
màu ánh dương
nhuộm chặt lấy bàn tay
da thịt chảy ngập chiều.
sao mùa đông,
nắng đòi nhiều đến thế?

cơn bão nắng cứ ở làm lòng tôi thể đọc
những trang thơ ghi
nhiều trận mưa trong đó.

nắng chiều tàn phá bờ cỏ
đốt khô tiếng chim bên lan can
đốt sạch mùi áo ai thơm mưa
đốt một ngày thành tro đêm nhuộm tối

nắng khiến tôi tự hỏi
tại sao nắng không đốt chết tôi?
sao nắng lại cho tôi nước mắt?
có thật không?
tuổi tôi là cơn nắng rực rỡ?
hay chỉ là... nỗi buồn nắng chiều chờ...

cuối cùng nắng đốt hết tất cả
còn mình tôi, chiêm bao mưa buồn.

Hãy

hãy ôm thân mà biết thương nhau
trên mái ngói, trong gió thoảng ngay đầu

hãy hôn môi và gần nhau thêm nữa
ngày mai rồi hết hạn thương đau

hãy yêu nhau từ ba sáu Hà Nội
ngược về lại Sài Gòn tình khô

hãy thương nhau như là lúc lần đầu
em nhìn anh như một vì sao nở.

Chân dung một cơn mưa

tôi sinh ra để bên
những khuôn mặt mưa
những gai gió chích đầy mặt
loang lỗ mủ và máu,
cổ bụi đời mặt rỗ
tàn tích vết thương mưa.

đã được hiểu ở
rỗng tuếch căn phòng khô
khóc liệt người hay sao...

căn phòng mòn mỏi hằng ngày
làm nơi sao dung thân,
làm nơi mùi treo tuổi,
làm nơi đèn trái xanh.
và nó để những cơn mưa
rơi từng lộp độp ánh lửa
xì xèo bóng ngón tay nắng xa xôi

đã tắt khi sưởi ấm những triển đổi bên cửa.
những... ngón tay...
hằng đêm mân mê mảng gương vỡ
soi cơn mưa tồn tại giữa căn phòng đêm...

ươn ướt những tiếng đen ngòm tay
thấm thấu da thịt... mưa chảy dọc mạch người...
để đông phù nề kỉ niệm phủ đầy cơn mưa
khuôn mặt mưa loang lổ mụn kí ức...

2-11-21

*Tải bút: đất của tôi, trời đêm tôi, khuôn mặt mưa của tôi. mong sau này, mãi mãi sau này, năm nào
đó, ba mươi [?]
mưa sẽ dừng rơi
và tôi sẽ ngừng bơi giữa căn phòng bối rối...*

[kết - 3-11-21, Phan Thiết]

Đi tìm những bóng người

ở giữa những con đường
rất xa xôi hôm nay.

tôi đã thấy những đôi mắt con mây
đập dìu bên những khoảng không xanh không người

những bóng người
im lặng ở đâu?

từ những con đường
tôi đã đi tìm suốt những dãy phố
cô đơn đã thành hình.

những bóng người đã biến mất
tôi đi hàng dặm đường
những đường không ai dừng lại.
những con đường...
chẳng ai biết thương nhau.

tôi đã tìm ở đâu,
những bóng người sẽ ở lại đôi mắt con mây cũ?

26-12-21

Bức tường cô đơn

trên bức tường ướt những màu nắng đỏ vàng
im lặng tóc rêu rì mốc ô gạch nhỏ,
em với đôi tay rờ từng khe hở
những viên gạch để nối cô đơn dính chặt vào nhau.
mái đầu em tuổi còn đồ cơn sầu
nỗi cô đơn chưa bao giờ dừng lại
anh tự hỏi
có ngày nào đó mình lần mò giải mã?
một thế giới lúc bức tường đang mưa
thế giới nào sau những nỗi cô đơn kết chặt?
có lẽ chỉ là...
một thế giới có mỗi chúng ta.

chúng ta, những nỗi cô đơn lắm rồi,
cùng nhau rời đi rồi im lặng,
rời im lặng sau khi đồng chữ đã chết,
graffity cô đơn, những con chữ cứ thế
rực rỡ những vắn độc vắn.
dòng người cứ lẩn lướt trở đi rồi trở lại
trước bức tường cô đơn,

không nhìn tường
cũng không cảm thán bức tranh vô danh nào đó.
có những người gương mặt không thấy nhớ
cũng chẳng thấy buồn và vui vẻ gì,
chỉ họ bước đi lặng thinh, không ai dừng, không ai nhìn ai
cũng chẳng ai muốn biết sau bức tường ấy
thế giới có yên bình và lặng thinh.
anh cùng em đứng giữa dòng người chật kín
vậy mà, chúng ta, vẫn cô đơn đến thế ư?

13-12-21

Những cuộc hành trình cô đơn giữa rừng đèn đêm

*“Chưa ai thấy
một tiếng thân quen của cuộc đời
vang xa.”
(Cuộc hành trình - Tùng)*

những lênh đênh đèn lồng nhốt hồn, treo hoang hoải và bơ vơ ở một nơi nào đó. không có tên. họ - người lạ của đời tôi, đến hằng đêm, trên tay xanh rục một ngọn đèn bọ.

tôi có hỏi họ là nỗi cô đơn? họ liền biến mất dưới những vũng đen ánh sáng. nửa cá thể họ đem để ở chính giữa màn đêm, một ngọn đèn lồng to vắt vẻo giữa hàng trăm đèn lồng chơi vơi.

tiếng hát của một dòng cây dị dạng bùng sáng đang đi lừng lững giữa rừng. đầu đó và đầu đó, vài đốm bọ cũng đồng thanh rin rít thú ánh sáng ngay tai. những con bọ cây đèn từng bùng ánh sáng.

tôi nhìn lảng vảng những con bọ đom đóm ánh cây bay lên rồi nhốt mình vào cái củi đèn bơ vơ trên kia. đã nhiều năm không nghĩ, nhiều năm thốt thảng ơ kìa. có đôi lúc tôi thấy rừng cây ấy kơ-nia, cũng có lúc tôi thấy bóng cây từng vươn lên ám ảnh. ám ảnh những khát vọng đêm. ám ảnh những lá từng đêm.

họ trôi lên từ phía dưới cơn mơ rồi lại quay trở lại. tôi lại hỏi họ có phải nỗi cô đơn? họ ở lại lần này, chỉ đưa đôi mắt nhìn thẳng vào đôi mắt tôi. bàn tay họ mê mẩn gò má tôi rồi nhỏ từng túi buồn từ mắt xuống. miệng họ thốt những ánh sáng chữ đã tô màu màng nhĩ tôi. hai thứ quả đã để trí não thành một bức tranh đèn lồng vắng lại giữa dòng sông trời đêm khắc khoải.

hai bàn tay họ luồn xuống hông tôi và ôm chặt. họ muốn được tồn tại, nhưng họ tan chảy rồi quay về với vũng đen ánh sáng. còn một chút ít dung dịch ảo ảnh vương lại trên người tôi, vũng đen ánh sáng biến mất. còn mình tôi ngồi đây. nhìn thứ ngũ pháp rừng cây đang lảng vảng dưới chân dây phớ. từng đợt cây thả những con đom đóm ánh cây lên những chiếc đèn lồng treo đêm.

cửa sổ đã đóng và tấm lòng ngập ngụa trong thứ nhựa cây sáng trưng một khoảng trời.

tôi đã ngồi lại và nhìn họ - người lạ của đời tôi, lần nữa trôi lên ở đằng xa đi rong một cuộc hành trình, trên tay cầm ngọn đèn lồng xanh lam đi xuống



dưới lòng sâu biển trời lặng. họ đang đi tìm một điều gì đó giữa rừng cây. hàng vạn kilomet rừng đèn treo mây, hàng vạn kilomet cô đơn trải dọc cơn say. họ đi bằng thứ ánh sáng xanh hoang hoải.

giữa một bạt ngàn rừng cây lồng đèn... tôi từ lâu đã nhỏ bé và vẫn còn nhiều chuyến hành trình nữa. còn tôi lảng lảng khám phá chính rừng cây mà họ - người lạ của đời tôi, đã để lại trong linh hồn qua con phố màng nhĩ, chảy dọc vào nốt cùng của trái tim. tôi đi lang thang giữa cánh rừng, lần này tôi không có đèn, không có họ, chỉ có tấm thân tôi.

những con bọ lồng đèn đẻ trứng đầy dưới tán cây. tôi ăn chúng. những mảnh thịt của trời đêm rơi xuống. tôi ăn chúng. thứ ánh sáng xanh lam tuyệt vời kia. tôi ăn chúng. những chiếc lá của rừng cây vươn lên hi vọng. tôi cũng ăn chúng. những con chữ từ em - người lạ của đời tôi. tôi ăn ngấu nghiến chúng.

em quay vội về phía tôi, cuộc hành trình của em vẫn còn đang tiếp diễn. tôi là bến trạm giữa khứ hồi và em vẫn đi, dưới ngọn đèn xanh lam. em để tôi ôm em chặt vào lòng, cả hai tan chảy, về nỗi cô đơn của một rừng cây xanh. cuộc hành trình của em giờ đây mới bắt đầu.

mãi mãi nằm dưới những rừng đèn lồng. những con đường cổ đại, những cuộc hành trình lạ lẫm để dẫn bước cô đơn.

để ngày mai khi rừng cây đứng lại, ngọn đèn hi vọng bùng lên một thứ ánh sáng không bao giờ buồn đêm đi nữa.

ở đó chỉ còn màu xanh đèn lồng của cá thể tôi và em, tàn dư của khu rừng đèn cô đơn đêm - những khu rừng lạ lẫm và hùng vĩ từng tồn tại trong cuộc đời của chúng ta, mãi mãi, cái chết cô đơn đã giam cầm tôi và em, trên bầu trời này.

17-21-21 - 25-12-21

Mệt

Hôm nay và nay mai chúng ta, mệt rồi
em đừng đi, đừng đi nữa...

Ôi em ơi quá khứ ta chôn vùi
kí hợp đồng với mưa rửa hết.
Ngày mai mình đào màn đêm
xé nát những con sao hoang hoải
Hôm qua giấc ngủ dễ trôi
hôm qua giấc ngủ hờ môi...

Để con người treo trên màn đêm tối
anh bỏ nỗi buồn vào bình nước vôi
xám ngắt
đôi môi nắm chắc
những cơn mưa môi
xa xôi.
Chỉ còn chúng ta mà thôi
em ơi, chúng ta thấm mệt rồi
cứ ngủ một chút rồi đi
đừng như những giấc lẩm li để quên...

Máy bay giấy

đường ngày sâu lắng bên cửa sổ rực
thời thúc lấy giấy và viết vào trong đó
những cơn mây túc trực trên ngọn cỏ tôi
nhiều ước mơ cuộc đời từ chối nhận

đó là tôi, cư trú sân bay cây.

bên trên đôi một em bé nhỏ nhắn
vẽ một ước mơ bằng màu của nước mắt
gấp chiếc máy bay, bay phai phôi mơ

máy bay đó tôi chép giấc mơ giấy
ngày qua đi chẳng ai ở lại
em bé ấy có bảo tôi rằng:
“anh đừng khóc nhé, hôm nay trời không mưa!”

hôm nay, ngày sau, xa hơn nữa
những chiếc máy bay qua ô cửa rực trời
tôi không nghĩ tuổi thơ mình ở đó
nhưng em ơi! tôi vẫn luôn ở đó,
bên xứ lạ với bản thể của mình.

tôi đi trọ quán trọ mây
hôm nay nhìn qua phòng hoa sữa
nồng nặc màu trắng sạch trang giấy
tôi đem gấp những ước mơ xưa
rồi đem bỏ lửa vào đốt bữa

tạm biệt nhé, tuổi thơ xa mãi mãi
tạm biệt nhé, tình yêu xa mãi mãi
và nỗi buồn, những nỗi buồn lai rai
đã thôi say và đem chôn mặt đất
ngày qua ngày, hãy đem, hãy xa theo tôi
em ơi em ơi, em bé triển đổi
em đã ở đó, rồi em ở đó
giữa đôi cánh cỏ may
giữa đồng trắng bay mái tóc giấy
giữa bạt ngàn cúc đại

em đã ở đó
em đã ở đó
anh đã biết đi sau một ngày lặn dưới chân đồi.
anh đã biết đi, khi nước mắt theo máy bay giấy trôi.

Tulip

hoa tulip trong giấc mơ
có lẽ anh sẽ không mua nữa
hôm qua bên bàn mình ngồi
hai sắc tulip trắng.

anh đã quên cách để nói rằng:
“chúng ta yêu nhau trăm lần muôn thuở.”
đôi mắt em nhìn anh như thể
chỉ còn anh một tulip hồng hoang
tulip hồng, thân xác tàn
chùm môi rũ phôi đôi mắt buồn lặng
nên hôm qua anh vừa mua tulip trắng.
anh đã quên mùi thương yêu con mây
khi con chữ cứ đi hoang trống vắng
lan man những lời nói này.
anh thấy lạ lắm
giữa rừng tulip ngập tràn một trang giấy.

đôi tulip mây vẫn im lặng trên bàn,
có lẽ nhiều năm nữa mới đỏ trở lại.

đêm sau này anh chỉ muốn em hiểu,
“tình yêu nào tulip cũng trắng thôi”,
để mai em đi sau tình yêu một thời,
ở đâu đó con chữ thơm nụ cười lần nữa.

đôi tulip phủ tình yêu môi em
anh đã hôn những kỉ niệm buồn phút chốc.

em ơi bình tulip chật
những màu trắng đã không còn trông mong.

09-12-21

Lưu trú

Dành tặng anh T-rex và chị Sunny

có đôi mắt đã lưu trú nỗi buồn
để con người học cách bước đi.
có giấc mơ đi lưu trú giấc ngủ
đã bao nhiêu lần nhìn mình thắm thì.
có những đại lộ xanh lưu trú bầu trời
đem bình yên cho những lần nhìn thấy.
có cây bút đã lưu trú bài thơ
nhiều con chữ im lìm trong em.
có dòng máu lưu trú nặng con tim
ta liên hồi đập vỡ bức tường chết
có bình minh đi lưu trú ban mai
mình im lặng và đôi tay thần thờ.
có những ngày ta lưu trú trong tôi
nơi chúng ta cô độc để sống.
có để quên lưu trú ở lại
xin tôi hãy nhớ đón về.

Chọn lấy quyền được đau

Dành cho em, và cả chúng ta

em đã chọn một màn đêm để được phép nói:
đừng trống rỗng khi nhận ra rằng
nụ cười cũng biết đau.

em đã chọn một hành tinh để được phép nói:
đừng tuyệt vọng khi nhận ra rằng
màn đêm cũng biết đau.

nhắc nhau (một câu nhẩn nhủ)

yêu nhau mưa nắng mỗi mòn
cho sau giấc ngủ hãy còn giấc mơ

20-7-21

Thế giới Rỗng

CAO VIỆT QUỲNH

Cao Việt Quỳnh sinh năm 2008 tại Hà Nội. Hiện đang sống và học lớp 8 tại Tp. Hồ Chí Minh. Cao Việt Quỳnh bắt đầu viết tiểu thuyết *Người Sao Chổi: Cuộc phiêu lưu vòng quanh thế giới* năm 9 tuổi, hoàn thành tiểu thuyết thứ hai *Người Sao Chổi: Cuộc nổi dậy của Robot* năm 11 tuổi, tiểu thuyết thứ ba *Người Sao Chổi: Cuộc tấn công của đội quân sao Hoả* năm 12 tuổi.

13 tuổi, Cao Việt Quỳnh viết xong tiểu thuyết thứ tư và cũng là tập đầu của bộ tiểu thuyết mới: *Thế giới Rỗng*. Hiện nay, Cao Việt Quỳnh đang viết tập hai của bộ tiểu thuyết cùng tên và cũng là cuốn thứ năm.

Quỳnh dự định sau khi viết xong 10 cuốn tiểu thuyết đã lên đề cương, cậu sẽ bắt đầu một chặng đường văn chương mới.

Từ ngày 26 đến 31-3-2022, bộ ba tiểu thuyết *Người Sao Chổi* của Cao Việt Quỳnh được trưng bày, giới thiệu tại Hội sách bản quyền quốc tế Bangkok lần thứ 20 và Hội sách Quốc gia Thái Lan lần thứ 50.

“Nhiệm vụ ngoài không gian”, là chương mở đầu của bộ tiểu thuyết mới gồm hai tập - *Thế giới Rỗng* của Tiểu thuyết gia nhí nhỏ tuổi nhất Việt Nam, Cao Việt Quỳnh.

Chương 1: Nhiệm vụ ngoài không gian

Jim giật mình thức dậy khi tiếng mẹ cậu vang lên từ phía dưới. Cậu ngồi dậy và nhìn vào gương. Cậu vẫn là một cậu bé mười hai tuổi, người Việt Nam. Tóc cậu trắng toát, không phải là vì cậu nhuộm tóc hay gì đâu, mà là vì sinh ra cậu đã như vậy. Điều đó là thừa hưởng từ mẹ, một người Việt trăm phần trăm nhưng lại luôn muốn gọi bằng tên ở nhà là Amy (Jim cũng bị nhiễm cái đó từ mẹ).

Jim bước vào phòng tắm, đánh răng rửa mặt. Cậu quay lại phòng ngủ, mặc đồng phục đi học vào rồi lao nhanh xuống dưới tầng một. Jim đi qua phòng

khách, ông bà cậu đang ngồi xem tivi. Bộ giáp Hiệp Sĩ Đỏ cùng với Hiệp Sĩ Đen được treo hai bên cửa ra vào.

- Vafab! - Ông của Jim nói. - Chuyển kênh.

- Tuân lệnh! - Người trợ lí ảo đáp.

Jim bước vào phòng ăn, mẹ cậu đang làm bữa sáng, mái tóc trắng xõa xuống vai. Amy quay lại, nói:

- Cuối cùng con xuống phía dưới rồi. - Amy ngược nhanh nhìn lên mái tóc của Jim. - Con nên đổi màu tóc đỏ trước khi đi học.

- Được rồi ạ. - Jim đáp.

Mái tóc Jim đổi thành màu đen mà không cần cố gắng. Đây là sức mạnh của cậu, sức mạnh duy nhất của cậu. Bố Thành có thể điều khiển lửa trong khi Amy thì có khả năng trí não (cho nên Jim phải rất cẩn thận với những gì mình nghĩ). Còn Jim, con của họ lại chẳng có thể làm gì ngoài chuyển màu tóc của mình từ trắng sang đen. Amy biết được ngay con mình đang nghĩ gì. Cô nói:

- Đừng lo, sức mạnh của con chỉ chưa bộc lộ thôi. Sớm muộn gì thì con cũng sẽ tìm ra nó.

- Con hi vọng vậy. - Jim trả lời, rồi nghĩ thầm trong đầu. - Con của chú Người Vô Hình có được sức mạnh khi mới lên ba, giờ cậu ấy trở thành bậc thầy của trò trốn tìm.

Amy đương nhiên biết Jim đang nghĩ gì, nhưng cô không trả lời. Thành bước vào phòng. Nhiều năm trôi qua, Thành vẫn mặc cái áo phong đen cùng chiếc áo khoác da bên ngoài, đeo chiếc vòng cổ với hình thoi tím ở giữa. Nhưng Jim lại thấy rất lạ, chẳng phải sắp đến giờ bố đi làm rồi sao, lẽ ra ông phải đang mặc bộ đồ kĩ sư chứ. Nhưng cậu còn chưa kịp nói gì thì Amy đã lên tiếng:

- Này, còn mười phút nữa đến giờ đi học rồi.

- Làm sao mà chúng ta kịp được đây? - Jim ngạc nhiên nói, cậu nhận ra mình đã ngủ quá lâu.

- Đừng lo. - Thành trả lời. - Ba có thể đưa con đến trường trong một phút, cứ từ từ mà ăn sáng đi.

Jim nhận lấy cái bánh mì từ Amy. Cậu ăn thật nhanh rồi đi ra ngoài sân với ba mình. Thành đưa tay ra cho con mình nắm, hỏi cậu:

- Con đã sẵn sàng chưa?

- Dạ được rồi ạ. - Jim gật đầu.

Toàn thân của Thành bốc cháy, ông phóng lên trời, kéo theo cả Jim. Cả hai bay vụt qua nhiều tòa nhà, bay là là trên đầu những chiếc xe ô tô.

- Chúng ta còn cả khối thời gian. - Thành nói giữa tiếng gió rít. - Con có muốn đi vòng qua Thành Phố Trên Không không?

- Được chứ ạ! - Jim hào hứng nói.

Hai cha con Thành phóng thẳng đến cánh rừng Sác. Từ xa Jim đã có thể nhìn thấy Thành Phố Trên Không lơ lửng trên không trung. Đã từ lâu nó đã không còn phải tàng hình nữa. Ngay rìa của mái vòm kính, Người Vô Hình

đang đứng vẫy tay lại chào cha con họ. Mái tóc che một con mắt của ông vẫn không thay đổi, chỉ có chiếc áo khoác vàng là được thay bằng bộ đồ vest cùng chiếc mũ của thị trưởng. Thành và Jim đưa cánh tay ra vẫy lại Người Vô Hình, quay lượn vòng quanh thành phố rồi quay lại Thành phố Cần Giờ. Chỉ trong một giây, hai ba con đáp xuống cổng trường Jim.

- Nhớ nhé Nam... - Thành thì thầm. - Con sẽ đến nhà của chú Người Vô Hình hôm nay. Chú ấy đang nóng lòng muốn gặp “Người tên Nam tuyệt vời thứ nhì” đấy (Thứ nhất thì chính là Người Vô Hình).

- Còn ba sẽ đến NASA vì một lời triệu tập tuyệt mật nào đó! - Jim tiếp lời.

- Được rồi. - Thành kết thúc. - Học cho tốt, đừng có đổi màu tóc ngay giữa buổi học.

- Con nhớ rồi. - Jim gật đầu.

Cậu bước vào trong sân trường.

- Không biết đó là lời triệu tập gì nhỉ? - Jim tự hỏi; đã rất lâu rồi cậu chưa thấy ba mình có bất cứ nhiệm vụ gì.

...

Jim đứng chờ trước cổng trường. Thành đáp từ trên trời xuống. Những người đứng xung quanh Jim nhìn cảnh tượng và kêu lên kinh ngạc phấn khích.

- Được rồi! - Thành nói. - Chúng ta đi thôi!

Thành cùng với con trai mình lao nhanh lên trời. Họ đi vào trong Thành Phố Trên Không, đến ngay trước cửa nhà của Người Vô Hình.

- Cuối cùng hai người cũng đến rồi! - Người Vô Hình mỉm cười; không như sáng nay, giờ ông đã mặc lại chiếc áo khoác màu vàng.

- Mọi người chơi với nhau đi nhé! - Thành vội vã nói. - Giờ tớ phải đi ngay rồi.

- Khoan! - Người Vô Hình nói, đưa tay lên vai Thành.

- Sao vậy? - Thành quay lại.

- Tự nhiên cậu lại bảo rằng có nhiệm vụ... - Người Vô Hình thì thầm. - Liệu nó có nguy hiểm không?

- Đương nhiên là không rồi! - Thành đáp ngay, xách chiếc cặp của mình lên rồi phóng vụt đi.

Một tiếng sau, Thành đáp xuống Washington DC, ngay phía trước trụ sở NASA. Một tòa nhà khổng lồ màu trắng in hình logo NASA ở một bên, với chiếc cờ Mỹ ở bên còn lại. Đột nhiên Thành nghe thấy một tiếng động đập đất rất mạnh và ông quay phắt lại. Jim trèo xuống từ con rồng lớn màu đen. Nở một nụ cười hối lỗi với ông.

- Sao con lại ở đây? - Thành ngạc nhiên nói.

- Ba không giấu con được đâu! - Jim nói. - Chắc chắn đang có chuyện khủng khiếp gì đó xảy ra! Nên con mới cùng con Phun Lửa đến đây!

- Đó không phải chuyện của con! - Thành giận dữ nói. - Con lên con Phun Lửa và...

Đúng lúc đó con rồng đập cánh và bay đi mất.

- Quá muộn rồi ạ. - Jim nhún vai.
- Chẳng còn thời gian đưa con về được nữa. - Thành liếc nhìn chiếc đồng hồ đeo tay. - Ba phải đưa con vào trong cùng thôi.

Cả hai bước qua cánh cửa bằng kính để vào bước bên trong hành lang rộng lớn được sơn màu trắng. Trong lúc đang đi, Thành lấy một chiếc loa phiên dịch nhỏ cài vào túi áo rồi bấm nút. Sau đó ông cũng đưa cho Jim một cái.

- May mà ba có giữ thêm một cái nữa để phòng.

Bên kia hành lang có một cửa thang máy. Ngay phía trước cửa, một người đàn ông ngoại quốc đang đợi sẵn. Ông đang mặc bộ đồ đồng phục của NASA.

- Chúng tôi đang đợi ông đây. - Ông ta nói bằng tiếng Anh, nhưng với loa phiên dịch thì Thành và Jim đều nghe thấy tiếng Việt. - Tình hình đang rất nguy cấp!

- Còn bao lâu hả Tom? - Thành hỏi.

- Khoảng nửa tiếng! - Người đàn ông tên Tom trả lời. - Nhưng cũng có thể là sớm hơn.

- Bố, rốt cuộc là có chuyện gì vậy? - Jim lên tiếng. - Điều gì sẽ xảy ra trong ba mươi phút nữa?

- Con cứ đợi một chút! - Thành thì thầm. - Rồi cả hai cha con sẽ được nghe hết tất cả mọi chuyện.

Cả ba người bước vào trong thang máy rồi bấm nút lên. Cửa thang máy lại mở ra một lần nữa, họ đi ra một hành lang khác. Người đàn ông đẩy một cánh cửa. Bên trong, có một căn phòng cấu tạo như rạp chiếu phim hay giảng đường đại học. Cánh cửa nằm ở khá cao so với nơi thấp nhất của căn phòng rộng lớn này. Bên kia căn phòng là một màn hình rộng lớn với đầy đồ thị và hình vẽ khó hiểu. Một cầu thang dẫn từ cánh cửa đến cái màn hình đó. Cứ vài bậc lại có một lối đi với những hàng ghế cùng hàng máy tính. Tất cả các chỗ ngồi đều được bố trí hướng về chiếc màn hình lớn nhất. Đây chắc chắn là nơi để màn hình phóng chiếu mà Jim đã thấy rất nhiều trong các bộ phim.

Bây giờ, căn phòng có rất nhiều người đang đi đi lại lại đầy bận rộn. Họ đánh nhiều hàng chữ lên các màn hình. Rồi ngẩng nhìn lên màn hình lớn với vẻ lo lắng. Thành và Jim theo sự hướng dẫn của ông Tom đi xuống đến tận phía dưới. Khi đến gần màn hình, Jim mới nhận ra rằng đó là hình Trái Đất với một thiên thạch. Những số liệu cho thấy chiều ngang của thiên thạch dài một kilomet.

- Chẳng lẽ... - Jim bàng hoàng nói.

- Con đang nghĩ đúng đấy! - Thành gật đầu. - Hai mươi lăm phút nữa, thiên thạch này sẽ đâm vào Trái Đất.

- Đó sẽ là điều cực kì kinh khủng! - Jim kêu lên. - Vậy theo dự tính thì nó đang đâm vào đâu?

- Vào Hawaii! - Ông Tom nói. - Chúng ta đã sơ tán hết mọi người một cách lặng lẽ rồi.

Jim thở phào, nhưng Thành lại kêu lên:

- Một vụ va chạm như vậy sẽ làm cho núi lửa phun trào cực mạnh, càn quét cả hòn đảo. Rồi khói bụi sẽ tản đi khắp nơi, làm không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng.

- Đó là điều mà chúng tôi đang lo sợ! - Người đàn ông gật đầu. - Nên chúng tôi muốn nhờ ông giúp.

- Tôi sẽ ra tàu ngay! - Thành đáp. - Jim!...

- Con sẽ không ở lại đâu! - Jim kêu lên. - Làm sao con có thể đứng đây chờ đợi xem vận mệnh Trái Đất ra sao trong hai mươi phút chứ!

- Nhiệm vụ thì quá nguy hiểm! - Thành hét lên. - Con còn quá bé!

- Chỉ trẻ như hồi ba đánh cả một đội quân người Sao Hỏa! Đánh Robot khổng lồ rồi một mình chấp tên phù thủy nguy hiểm nhất hệ Mặt Trời thôi!

- Nhưng hồi đó ba có sức mạnh! - Thành vội vàng nói.

- Vậy là ba đang nói con không có sức mạnh? - Jim buồn bã trả lời bằng một câu hỏi.

- Ba không có ý như vậy! - Thành thở dài, đáp.

- Nếu không có ý như vậy! - Jim trả lời. - Thì ba phải tin ở con và cho con đi theo.

- Được rồi! - Thành lẩm bẩm.

Thành quỳ xuống để gương mặt của mình ngang với con. Ông tháo chiếc vòng cổ hình gắn hình thoi màu tím của mình ra rồi đeo vào cổ của Jim.

- Cái này là sao? - Jim hỏi, tay cậu nắm lấy hình con thoi đó.

- Ông bà mua cho ba cái này vào sinh nhật mười một tuổi của ba, cùng với chiếc máy bay điều khiển từ xa. - Thành nhẹ nhàng nói. - Sinh nhật đó cũng là ngày mà những người dân Thành Phố Trên Không có sức mạnh siêu nhiên. Và ba cũng đã chứng kiến làn khói xanh lần đầu tiên. Cứ như thể chiếc vòng cổ này là sự khởi đầu vậy. Khi ba chuyển thành trạng thái sao băng tím, vòng cổ này cũng sáng lên. Chẳng hiểu sao viên ngọc gắn trên vòng cổ, vốn có màu xanh cứ dần trở thành màu tím. Nó giống như bùa hộ mệnh của Người Sao Chổi. Hi vọng nó cũng sẽ giúp được con.

- Hi vọng vậy! - Jim cảm động nói, siết chặt tay vào hình thoi.

- Giờ chúng ta đi được chưa? - Ông Tom lo lắng nói.

- Được rồi! - Thành gật đầu. - Không còn thời gian để chậm trễ nữa.

Cả ba đi ra ngoài bãi phóng của NASA, nơi có quả tên lửa đang đợi sẵn. Quả tên lửa to bằng một chiếc xe buýt, với hình dạng như một chiếc phi cơ. Thân con tàu được sơn màu đỏ chói, trước thân tàu là một mũi giáp lớn.

- Chúng ta nhờ người Sao Hỏa cung cấp một tàu vũ trụ, và thế là họ cho chúng tôi cái tốt nhất. - Ông Tom nói. - Con tàu với tốc độ âm thanh, có thể ra khỏi bầu khí quyển trong một giây. Thậm chí nó có thể uốn cong không gian, đưa con tàu đến những vùng đất nằm ở những dải ngân hà khác. Nhưng đương nhiên chúng tôi sẽ không sử dụng chức năng đó.

- Evac đúng là có khả năng điều hành Sao Hỏa! - Thành thán phục.

Thành với Jim mặc ngay bộ đồ phi hành gia vào. Khác với những bộ áo

cổng kênh ngày xưa, bộ quần áo này ôm sát cơ thể với ống thở được gắn một cách không vướng víu chút nào. Chưa kể mặc lồng vào quần áo bên ngoài cũng rất nhanh chóng.

- Riêng bộ đồ của Thành thì chúng tôi phải nhờ bên Sao Hỏa! - Tom nói. - Rất khó để có thể chế tạo một bộ đồ mà Thành có thể sử dụng sức mạnh thoải mái. Thôi, hai người lên tàu đi.

Hai ba con trèo lên tàu qua một cánh cửa. Bên trong tàu rộng rãi với những bức tường bằng sắt. Chỉ có phần gần mũi tàu là hơi chật chội vì có những bàn điều khiển và một cái ghế lái. Trên ghế lái, một phi hành gia đã ngồi sẵn. Thành và Jim ngay lập tức ngồi xuống hàng ghế được gắn bên thành tàu, thắt đai an toàn lại.

- Cả hai đã ngồi vào rồi chứ? - Phi hành gia hỏi.

Thành và Jim gật đầu. Phi hành gia bấm một nút và những động cơ bắt đầu được khởi động. Jim cảm thấy con tàu đang dần lên cao. Qua cửa kính, cậu thấy những đám mây và ánh sáng đang lao nhanh trước mắt. Ánh sáng lóa lên, bầu trời đầy sao xuất hiện trước mắt. Những vì sao lấp lánh, mặt trời trở nên sáng hơn và rực lửa. Nhưng quan cảnh tuyệt đẹp đó bị phá hỏng bởi một khối thiên thạch to như trái núi.

- Kéo cửa ra! - Thành nói.

Cạch! Cánh cửa bật mở. Không khí kéo nhau thoát ra ngoài. Jim cảm thấy mình bị nhấc bổng lên, luồng không khí cũng như đang cố gắng kéo cậu, nhưng may mà có chiếc đai an toàn giữ lại. Thành ngay lập tức nhảy ra ngoài. Cánh cửa liền đóng lại. Jim ngồi phịch xuống đất. Ở bên ngoài, Thành đang bắt đầu kích hoạt trạng thái sao băng tím. Ông đã mất rất nhiều năm để điều khiển thành thạo khả năng này. Những kẻ hở cực nhỏ mở trên cánh tay của bộ đồ vũ trụ, từ đó, lửa tím bốc ra. Chiếc vòng cổ trên cổ Jim cũng đang phát ra ánh sáng tím không ngừng. Cả khối thiên thạch bùng lên ánh sáng tím và dần dần chuyển hướng. Nhưng dưới sức ép của ngọn lửa tím, khối thiên thạch vỡ ra thành từng mảnh to bằng chiếc xe hơi. Thành vội vàng dùng những ngọn lửa tím bao quanh từng mảnh thiên thạch rồi quăng chúng vào không gian một cách dễ dàng. Nhưng một mảnh đã đụng vào con tàu làm nó rung lắc dữ dội. Ánh sáng đỏ và tiếng còi báo động vang lên khắp không gian.

- Chúng ta phải rời khỏi đây thôi! - Phi hành gia hét lên. - Cánh cửa kia dẫn đến khoang thoát hiểm!

Cánh cửa tàu vũ trụ mở ra, Thành lao vào bên trong.

- Tất những mảnh thiên thạch đều đã được đưa đi! - Thành nói.

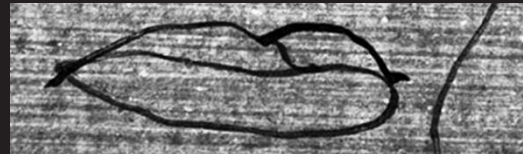
Cả ba mở cánh cửa rồi bước vào khoang thoát hiểm. Cánh cửa khoang bắt đầu đóng lại. Ủnh! Con tàu lại rung lắc. Jim bị văng ra ngoài ngay trước khi khoang thoát hiểm đóng lại rồi phóng về phía Trái Đất.

- Không! - Thành hét lên, ông cố gắng đẩy cánh cửa khoang ra.

Jim loạng choạng đi đến bên bàn điều khiển. Đầu cậu đập vào bàn phím trước khi bất tỉnh.



M a i T h ì n
M i ê n D ì
N a m T h ì
N g u y ê n N h ư
N g u y ê n P h o n g V i ệ t
N g u y ê n T h ì K i m N h u n g
T r u ơ n g Đ ă n g D u n g



Thơ Mai Thìn

Lưỡi

Thường cúng
và sắc
mới đặc dụng

lưỡi dao
lưỡi rửa
lưỡi cửa...

nhưng sao
lưỡi con người
mềm
mà bén thế.

Mồ côi

Đêm qua mơ thấy
những con cá mẹ ăn câu
trở về tìm lại đàn con
chúng quấy bộ xương
lợn mồi

trong mơ
những con chim sập bẫy
vừa bay vừa gọi
tao tác cả bình minh
tôi vã mồ hôi
bơi cùng cá
tìm cùng chim

bên kia chân trời
đàn trẻ mồ côi
bồng bế nhau
lội ngược.

Cái ác cỏ dại, cái ác lang thang...

Tiếng vắng vắng
từ những con dòi con kiến
đã giúp người ta tìm ra em
đứa trẻ bị bỏ rơi ba ngày tuổi

đầu tiên là hoi sữa
rồi da non, thịt thơm
nung nắng
vằng vằng dưới hố ga

những rung động của dòi
nỗ lực của kiến
phát ra tiếng kêu
suốt ba ngày tuổi

tiếng kêu về cái ác
chỉ có ở con người
cái ác cỏ dại, cái ác lang thang
lang thang...

9-6-2020

Tiếng hát

Con chim mê mãi với trời trong
mê mãi hát
rồi quên, không để ý
tiếng của mình thành mục tiêu của đố kỵ, của cái ác

vì chim không biết
nên
còn có được khúc thanh bình
mỗi sớm mai.

Bầy chim trên dây điện

Lú lo về những cái cây, những rừng cây
xanh trong tiếng hót

tiếng chim vang nốt nhạc
ngân trên dòng nhạc
những sợi dây
hát về những cái cây, những rừng cây

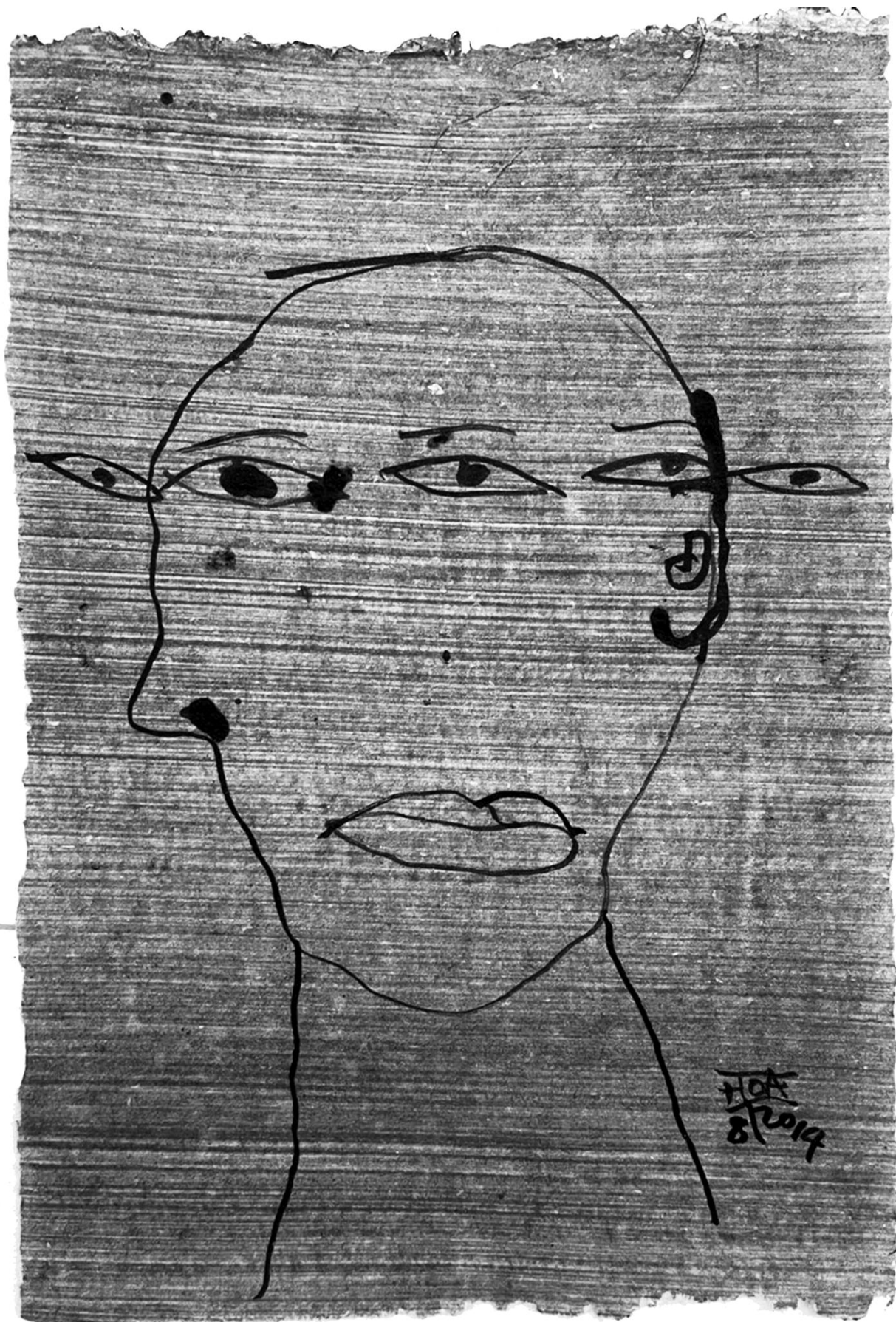
vẽ ra từ thế kỷ trước
những con chim trên dây điện
khản cổ hát
bài ca vọng cổ hương
xanh
trong ký ức.

Giọt mưa đang hấp hối

Nửa đêm thức giấc
con tim ho khan
tiếng gõ gập gao
tiếng gõ không đều

đường như ai
cửa kính
rung lắc
chao ngói nhà

công tắc đèn bật sáng
máy vẫn lạnh



vòi nước vẫn chảy
con tắm nằm
chong đèn

nửa khuya lại thức giấc
con tim vang lên
ai như tuyệt vọng
ai như kêu gào

xác lá vùi đầy ngõ
xác gió giần giật trời
giọt mưa đang hấp hối
sủi bọt
trôi
con đường.

17-2-2020

Những con trâu trên đường cao tốc

Nhấn nạt đi
lùng lững đi
phe phẩy
từng chiếc móng lọc cọc, lọc cọc

những con trâu trên đường cao tốc
vừa lợi vừa nhai
bụi và bùn
từ kiếp trước

một thói quen nhàn tản
chúng nhai
mà không biết nhai gì

mặc thập niên xe, thế kỷ xe sốt ruột
chúng đi
mà
không biết đi đâu...

Tim mặt

Sau một đời ngang dọc
anh không còn nhận ra gương mặt mình
nét dọc nét ngang

soi vào gương chỉ thấy lảng máng
có phải khuôn mặt mẹ cha cho anh
hay bộ mặt của thời gian danh vọng

không còn nhìn thấy
sau mấy chục năm lớn khôn thành đạt
anh tuyệt vọng tìm gương mặt mình
trong vô vàn không thật.

Sám hối

Cuối cùng anh là nhúm phân
bón cho cây diếp đại
người ta sẽ trộn anh với cỏ rác
rồi ủ
như ủ phân bò với rạ rơm
cho ruỗng ra
cho hoai ra
mới là siêu chuẩn

anh chỉ còn giá trị
cho cây xanh
cây bồ công anh chẳng hạn

mọi suy nghĩ, mọi nỗ lực
còn lại là đồng phân
dâng cho cây xanh
trong nghi lễ cuối cùng

sám
hối.

Thơ Miên Di

Tâm sự với đám mây

Cuối năm hỏi chuyện đám mây
Trôi qua năm tháng và cây cỏ buồn:
- Tao làm người biết bốn chốn
Làm sao hờ hững vô hồn như mây?
- Là mây, chẳng khác gì mây
Cao xanh rồi cũng có ngày không mây

Bài thơ đứng ngoài tiệc cưới

Có một chỗ ngồi trống trong mắt cô dâu
dành cho người buồn nhất
ngày em lấy chồng

Buổi sáng lơ đãng
ta bỗng không nhau
ly cà phê nguội không thơm nữa
chỉ còn vị đắng
như vòng tay đã nguội
mùi thơm và hạnh phúc, đều thoảng qua

Em theo chồng
mái tóc lộng đã gọn gàng trong khăn đóng
miệng cười như một mùa đông

Em có mời anh không?
để ngày vu quy mắt em kiếm tìm một chỗ ngồi phải trống
anh lang thang
quanh quần bài hát cũ
từ nay ta không nghe chung

Ai trang điểm cho em
sao không đánh phấn nổi buồn
đôi môi ngույ trong màu son nóng
em lơ đãng nghe những lời chúc tụng
trăm năm buồn như một dòng sông

Mùa thu & thằng phần chí

Anh vẫn buồn, như một buổi trưa
Có chiếc lá rụng, thế là mùa thu không qua khỏi
Phía ngoài kia cuộc đời như thoáng khói
Anh ngó nghê, tìm điều không thật có ở trên đời

Tìm em thừa còn yêu chút nhỏ
Của một mùa, vài đoá nở cũng đủ vui

Anh ngó nghê, nên thành kẻ thua đời
Tìm tình người trong trò đen đỏ
Tìm nhân nghĩa giữa bầy xã hội
Và tìm em, trong lời hứa của mình

Lời anh hứa, khi tưởng đời dễ ợt
Tưởng chỉ yêu nhau là hạnh phúc sẵn trên đời
Chuyện thành đạt tưởng chỉ cần vuông ngực trẻ
Để như trời luôn đủ rộng để mây bay

Nhưng gấm trời rộng thế
Sao lão ăn mày không có chỗ để nương thân?
Anh ngó nghê, nên thành thằng phần chí
Cay chuyện đời vào cả nỗi nhớ em

Mà em cũng cùng mùa thu thay lá
Khóm cúc buồn kể từ những mùa sau
Có một lần gặp lại em sau tay lái
Em tránh ổ gà, mà anh tưởng tránh anh

Anh phần chí, nên thành thằng hay trách móc
Hễ mùa thu, lại nhắc nhớ kẻ thua đòi
Hễ say rượu, lại đập toang vuông ngực
Hễ lang thang, lại giận tím gằm trời

Anh phần chí, nên thành thằng rách việc
Mà người ta lại muốn những điều lành
Cứ lặn đạn, từng cuộc tình vát vã
Người bỏ người, anh ngồi nhớ mùa thu

Anh phần chí, nên thành thằng khó bảo
Phật không hay, mà Chúa cũng chẳng cần
Chỉ còn mỗi vâng lời cúc nhỏ
Hình như là nở để nhớ anh

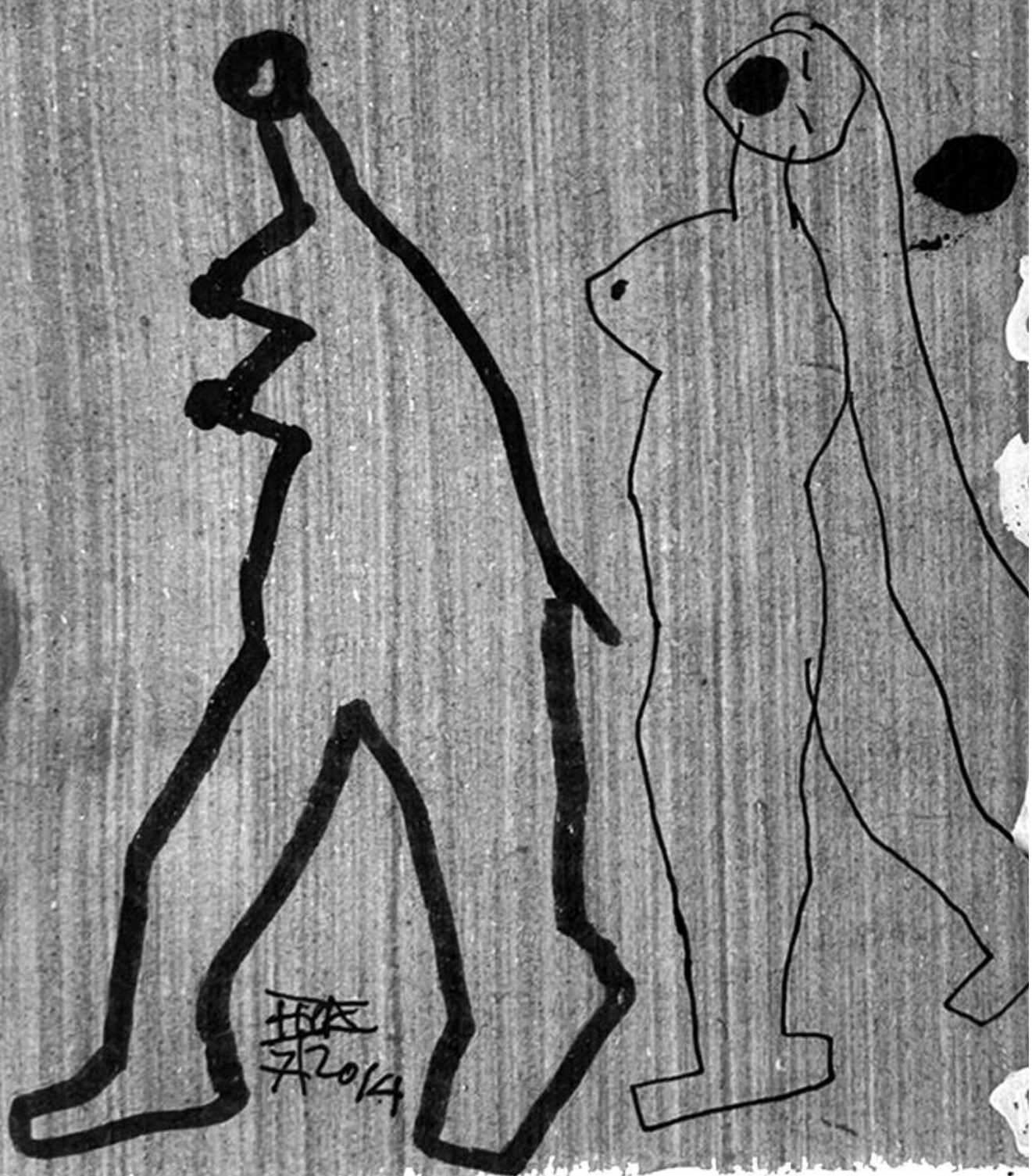
Dù mùa thu, đã không là mùa thu cũ
Nhưng vẫn còn những trút lá đến mai sau

Đêm lặn qua một cuộc người

Đêm về, tôi đau như thơ
Một con giun đất bên bờ kẻ mương
Có ai thương quý nếp vườn
Trên cao trăng gió, dưới thường tình tôi

Có ai tìm lại vết ngồi
Sau triệu triệu những đã rồi trôi lặn

Có ai thơm một hương tanh
Tôi con cá quẫy giữa vành tử - sinh



Có ai gặp lại chính mình
Sau bao thất lạc bởi tình thế thôi

Đêm về, tôi như mùi hôi
Để bông hoa nở bên đời, là thơm

Tâm sự với dòng sông

Ngồi buồn, hỏi những dòng sông
Chảy đi rồi cuộc vẫn trong sự về

Tôi là con đẽ về khuya

Tự tìm tôi phía bên kia chính mình
gáy vang đập bể lặng thinh
tan thành vài mảnh lân tinh, vui, buồn
tan tôi theo những lời đồn
tôi có phải những gì tồn tại tôi?

Êm êm xuôi vô xa xôi
như chưa từng có trên đời, xem sao...

Bỗng hiểu ra cánh chim chao
nghe ra như một lời chào mắt nhau

Bỗng dừng nhận thấy cơn đau
của một chiếc lá rơi vào đất đêm

Bỗng dừng tha thiết với em
như đứa trẻ tiếc que kem tan dần

Bỗng dừng thấy khác mọi lần
cái cũ kỹ bỗng vô ngăn mới tinh

Bỗng là một kẻ vô hình
Bên người cạnh đấy mà mình rất xa

Đêm khuya đưa tôi đi qua
hình như ai đó như là tôi đây
ngày mai đã chớm chân mây
tôi còn như để ở ngay chỗ ngồi

Bỗng dừng, tôi rất cần tôi
để cho ai đó trên đời có nhau

Tôi là con để đêm đau
thức cạn cho biết hôm sau là đây

Nửa đêm lộn trái bàn tay
phía bên kia của phô bày, là tôi

Học viên sỏi

Ta về như sỏi, tròn vo
Xưa kia đá tảng, bây giờ nhỏ nhoi

Nhân tính của nỗi buồn

Đừng tin vào những nụ cười
Cười là di tích của loài thú săn
Vẫn còn dấu vết răng nanh
Hãy tin vào giọt nước lã, biết buồn

Đói buồn

(Bài thơ kỷ niệm với Chu Văn Sơn)

Vào những chiều đói nỗi buồn khôn tả
Ta như con thú cuống ngồi nhấm máu vết thương lâu

Mây cũng trôi
Rồi nước cũng qua cầu
Xe cũng chạy
Rồi con đường cũng vắng

Chỉ còn lại cái bùng binh tự kỷ
Chẳng biết nghĩ gì khi đứng giữa ngã tư

Và ta cũng một mình như am tự
Như khung thành sau trận đấu kinh thiên
Đời rỗng rang như sân vận động đã qua mùa
Trông trơ vài lá cờ giờ là rác

Thèm trận thắng, và thèm cả trận thua tức tưởi
An yên buồn còn hơn cả nỗi buồn tôi
Thời sóng gió chỉ cần yên thôi là đủ
Sao ngón tay lại cạy miệng sẹo đã lành

Vào những chiều đối nỗi buồn khôn tả
Ta như con thú cuồng ngồi nhấm máu vết thương lâu

(Chu Văn Sơn & Miên Di)

Tâm sự với mẹ

Mẹ ơi, sấm sét ngang trời
Không sợ bằng tiếng cạo nổi ngày xưa...

Thơ Nam Thi

Mất tích

Anh tiễn em đi đến cuối sông
sông trắng
nắng đen
mình đứng giữa bốn bề trong suốt
chợt anh ngã xuống
niệm ái ân
tụng mùa xuân
hơn một nghìn lần
nước mắt anh giàn giụa đỏ cả dòng sông
Hà Nội mùa đông
bắn bật gió rung
sông Hồng chết đứng
đôi mắt em cồn cào hơn gió
táp vào tim anh lớp lớp tơ vò
anh phải gào lên
anh cần hét lên
địa cầu vụn vỡ

Mùa đông anh tiễn em đi đến cuối sông
em đặt gót lên con thuyền trần
vòng tròn trầm hương
chợt em ngã xuống
vái cô thần
lậy quả tú
hơn một nghìn lần
nước mắt em giàn giụa trong vòm thủy tinh
Hà Nội vòng tròn
sông Hồng nằm nghiêng
đôi mắt anh đen đục hơn nắng

anh không nhìn em
anh không quắt xốt xa vào tim em
anh không níu giữ em
toàn không gian im lặng
anh và em im lặng
hố thẳm là im lặng
im lặng cao ngút ngàn

Một ngày mùa đông
anh tiễn em đi đến cuối sông
Sương đã phủ mù bốn đồng tử
cuộc tình mất tích.

5-1-2019

Trong chiều bất động

Anh đứng dưới vòm trời
trong một chiều bất động
nghìn vệt nắng nằm nghiêng
anh đổ mình theo nắng
gục đầu lên tường trắng
thấy mình dường như tan
hơi thở đã muốn tàn
trong một chiều bất động
bốn bề hoá lập thể
là phẳng cả không gian
niêm phong lẫn thời gian
trong một chiều bất động
mùa hạ đang phân mảnh
lá cây đang phân mảnh
mặt biển cũng phân mảnh
một nghìn điểm lấp lánh
từ ngàn cửa xa xăm
trong một chiều bất động
những cánh chim vội tắt
mây hoá thạch nền trời
trong một chiều bất động
quan năng anh bất động

em ở đâu, ở đâu?
có thể hát lên không?
cho gió lộng nằm thẳng
cho mưa rào nằm ngang
cho tim anh rộn ràng
trong một chiều bất động

6-4-2019

Cậu bé ru mẹ

Căn gác phố buồn hun hút đêm
cậu bé nằm chờ dương cầm mưa trên mái
cậu bé của thập kỷ cô đơn
cậu bé muốn hát ru mẹ một bài
ru mẹ đường xa
ru mẹ sợ những góc phố Hà Nội
vòng lặp bốn mùa lặp chia ly
ru mẹ bỗng chốc ra đi
mười lăm năm trôi trong một ngày
ngày tuyệt đẹp, nắng nhạt và gió mát
ru mẹ tường trắng bóng đổ
cho vụn dăm thôi đại lộ lênh đênh
ru ngày mẹ sinh
con bế em đong đưa đầu gối
chết đứng trắng treo
mười ngón nhỏ đan nôi điệu linh
con ru em à ơi cánh cò giã giụa trên đất cho lòng thẳng bé độc lập
cài cho chặt cửa thế giới riêng
đừng ai muộn phiền nếu anh em con không giao tiếp
mẹ còn xa thì cần gì người lạ
ru mẹ vô hình
không cần tìm cấu trúc
tìm làm gì khi ngôi âm dương đột nhể nhại mặt người
ru mẹ ngày tháng chảy mòn
quá khứ đóng đinh con trên đầu ngọn gió
Hà Nội co ro
xin cho mãi là một đứa trẻ
đứa trẻ nào cũng cần có mẹ

vĩnh viễn không thể thành tựu tâm hồn
ru mẹ một mình
tuyệt tính thời gian âm thầm lặng lẽ
cậu bé của thập kỷ cô đơn

Căn gác phố buồn hun hút đêm
cậu bé nằm chờ dương cầm mưa trên mái
cậu bé không sợ chờ đợi
chỉ sợ không biết đến bao giờ
cậu bé quỳ lạy những miền không gian
lòng cậu khô khốc
vậy đất trời khóc lóc được không?
Hà Nội bắt nhịp được không?
con muốn hát ru mẹ một bài
chỉ một bài là đến ngày gặp lại.

14-7-2019

Bây giờ nên nhớ ai?

Vì nỗi nhớ làm sự vắng mặt có ý nghĩa

Anh thấy mình đứng giữa một vòng tròn người
tất cả đều quay lưng
tất cả đều đang hát
tất cả nức nở khóc
nước mắt chạm đất đồng thời
thành bảy nốt dương cầm lỏng phát thanh toi bời
anh gục đầu lên vai từng nhân vật
và đứng cô đọng đợi vũ trụ ghi hình
như một kiệt tác mệt mỏi
nhưng anh có mệt đâu
anh có xúc động được đâu
tâm tư chết từ ngày em mất tích
biết lấy gì mà bạo động tâm hồn
anh có thể hôn lên vai cả vòng tròn
vén dòng tóc
và hôn lên cổ nữa
họ thăm thì bảo anh nghĩ

tưởng tượng về người anh thương
một tiếng thét không âm lượng xé toạc bối cảnh
khi tuyến tính thời gian mới bước vài tích tắc
anh không biết bây giờ nên nhớ ai?
không một gương mặt hiện lên
cả vòng tròn quay lại
mọi mặt đều vắng mặt
mọi mặt phẳng lý như bình địa đã gợn gằng khai hoang
hoá ra đau khổ không phải điều tệ nhất
hoá ra hân hoan không phải điều vui nhất
hoá ra sự chết không phải kết duy nhất
hoá ra có em không phải hạnh phúc nhất
trên nhất
là biết nhớ
anh không biết bây giờ nên nhớ ai?
anh không biết phải đi đến đâu vào những thửa-đất-mặt-người
anh thấy tim mình thũng
trắng, sao, mưa, nắng chảy thành vũng dưới sàn
anh nghe tiếng nhèm nhẹp
những đôi chân vui vầy vũng tim anh
anh không biết bây giờ nên nhớ ai?
rồi anh sẽ không biết nhớ cả mặt mình
vì bình địa mặt anh cũng sớm được san phẳng
vô nghĩa đang đông tới tận cổ họng
anh lưu vong
trong tập đoàn vô nghĩa
anh không biết bây giờ nên nhớ ai?

21-12-2019

Chân trời chảy muộn

Có những khi tôi thấy
tôi là một dòng sông
một dòng sông tôi phơi mình dưới ánh mặt trời ban ngày
và le lói trắng lạnh trong đêm
muôn gấp khúc thâm tâm bị vạch trần vẻ cuồng xiết
phô bày điên loạn.



VLÖGER VLÖG VLÖGE
VLÖGER LÖG VLÖG
VLÖGE
VLÖGE VLÖGE
VLÖGER ÖG
X/20 14

Có những khi tôi thấy
tôi là một làn khói
một làn khói tôi phơi mình dưới ánh đèn vàng gay gắt
muôn đường cong cảm xúc bị vạch trần vẻ uốn éo hỗn độn
phô bày mong manh

Mà thực ra ai chẳng là một dòng sông
thực hành chảy-trình cho hết kiếp đời
tới biển-khoi-chân-trời

Mà thực ra ai chẳng là làn khói mờ
thực hành hiện-trình cho vài giây đậm đặc
rồi tan biến vào hư vô

Có khi tôi là một chân trời
Một chân-trời-chảy-muộn
Tôi nằm ngang
 có khi nằm nghiêng
 có khi sóng sánh
 có khi rất mảnh
 có khi nhạt nhòa

Một làn ranh niêm phong
giữa hai miền đa thể sáng – tối
Tôi niêm phong không gian
Tôi niêm phong thời gian
Tôi niêm phong tôi
Tôi niêm phong tôi như dòng sông đã quá nhanh đổ ra biển lớn
Tôi niêm phong tôi như ngậm làn khói chừng đã ngừng thở từ lâu
Tôi niêm phong tôi như một chân trời chảy muộn

Ông Trần Dần ơi!
chẳng có chân trời đích thực nào cho tôi
Tôi là một con người
cũng có thể là dòng sông
 làn khói
 cánh chim

Lạc lõng trong không gian hữu thể này
Vì tôi chân trời hay chân trời tôi hoá ra đều vô nghĩa
Thế nên tôi quyết định sẽ là một chân trời
Một chân trời chảy muộn.

Đừng ra khỏi tuổi thơ

Chiều qua em bảo tôi đôi lời
rằng, em sẽ đi một mạch xuống trời trong sông
Hà Nội mùa này khô như nước mắt
còn Sài Gòn nắng cháy đêm đen
em phải đi thôi, trước khi men xanh bạc màu
em còn gì đâu, lá đã quên cách rụng
Tôi nắm tay em
và thì thầm vào mắt
đừng ra khỏi tuổi thơ
sao em nỡ rời bỏ những nguyên sơ sáng sớm
tôi biết em sợ giờ sương
nỗi mong manh bị động tuổi bọt miệng không cất nổi thành lời
tuổi thơ cho ta một căn nhà sáng suốt hai mươi bốn giờ từ chối đèn điện
và cho ta biết sự hiện diện của ký ức
đừng ra khỏi tuổi thơ
tôi lo em sẽ mòn trong dòng chảy của đời
mà tim em nào được tạc bằng đá
tôi lo tôi sẽ cùn trong dòng chảy thương nhớ
mà tim tôi nào có phải hư vô
gió bắc xô tóc em đổ
đừng ra khỏi tuổi thơ
đừng ra khỏi tuổi thơ

19-12-2021

Hiện thực vắng mặt

Một đêm nín thở miệt mài
Một đêm đã chết những người chia hai
Một đêm hát những tàn phai*
Nắng đêm đã dậy mang thai mặt trời
Anh nghe em đến bên đời
Anh nghe em đến giữa trời mưa cầm
Em đi mười ngón âm thầm
Em đi hiện thực đắm đèn đường khuya
Anh nhìn chín phương mười phía

Anh nhìn cháy cả tia nhìn xanh lam
Anh tin hiện thực đã chạm
Đầu mày cuối mắt giữa làn môi tím
Đắm chìm mang thai chết chìm
Đẻ ra hiện thực im lìm như trăng
Hiện thực vắng mặt đấng mặt
Hiện thực chớp mắt tắt ngàn ái ân
Thôi đừng tụng lá về sân
Mùa thu ngắn ngủi có ngắn ấy thôi

24-10-2020

**Tên bài hát của cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.*

Thơ Nguyên Như

Con chim Kơ Púc

Lang lảng tiếng gà trôi
bầy gió công đêm về nhà nằm ngủ
ôi! Bình minh đang dọn những vì sao
này ngọn đồi mẫm mĩm xưa xanh!
bàn tay ai từng vót?
bàn tay ai còn ôm?

Rõ hơn rồi
hố tròn Chư B'luk* mặt trời bay lên
nóng hôi hổi
những ụ mây đang uống giọt nắng căng vàng
“dòng sông sao đục thế?”
“cây đi đâu? Đi đâu?”

Đá sạm đen chân người
khói ám mùi tận cùng đáy thơ hoang
thơ không vẽ được màu xanh của lá
thơ không thấy được lấp lánh của sông
thơ không nói được những điều đẹp nhất...

Con chim Kơ Púc đậu trên lưôi cửa... “ánh mắt”
im
lặng
bay...

8-2-2021

* Núi lửa Chư B'luk.

Xanh

Êm dịu ngõ quê
tiếng gà gọi sớm hơn ngày thường
vệt sáng đèn tình
mặt trời kéo những loài hoa mỏng mảnh
hôn
miệng núi

Hôm nay vẫn rỗng
trống một nỗi vui mong mỏi
ngoài kia đầy lo âu
giặc dịch xâm lăng khắp nông thôn phố thị...

Hãy qua đi mệt nhọc
một thời hòa bình nhưng nhiều nhòai ngã
khi tiếng chuông đen hiện hữu
dải tang nào buộc vừa trán núi

Hãy qua đi... Lời nguyên quý dữ
xanh đám mây
trong trắng bông hồng

Ban mai mới - bàn tay con người...

28-5-2021

Giữa tháng 10

(Tặng em trai Lê Ngọc Hoàng nhân ngày sinh nhật)

Đỉnh đôi sương trưa lẫn trắng
mùa mưa
buồn mình hoa Muống rữ vàng bờ sông
điều ngàn năm Sê Rê Pôk gấm lên vông gió
phía đầu nguồn lũng thu
mẹ trở dạ tháng mười

Nằm trên đôi tay nửa đời khô khát
chàng trai chưa khóc một lần
từ những rãnh sâu nóc đá
lướt thướt khoảnh sân

Con lớn lên sau tiếng cổng già làng gõ vọng
phất phơ chân trời
phơ phất rừng thiêng...???

Hà Nội, 9-10-2021

Xác hoa

Chờn vờn cánh hoa già
chị công hồn mình đi đâu bằng xác nhỏ
bàn tay cũ như trắng
vót bài thơ nhọn núi

Xác đá lổn nhổn ngày xuân
chị bóc thẩm những lớp da xưa thật mạnh
nấu nổi đau thành đặc sản
ngồi mát giọt sương đang rơi lĩa chìa ngoài trời

Hôm nay lần đầu uống rượu
hết nghĩ lời âm u
chị mang bài ca vương mùi nước hoa ra sông...
đặt hồn mình bên bến đò
nhìn xác hoa trôi...

3-2021

Từ mùa thu ấy

Từng vuốt trong dải suối
trơ trọi bàn chân lội cùng lũng nắng
nhịp thở nơi đâu ngoài lòng kẻ lạ
sau cửa rừng một loài hoa dị chắc đã thương mình

Bao năm khóc tợn
thân thể rập màu tán cây
đôi rấn hung bạo vừa lí nhí điều mật ngọt
quen tai chiều thu lá rộp
đã bọc đất rế hồn...

Bao năm vầy vã
chỉ thoáng lát hiện tại trống trải???
một quả đối xệ nửa
dày đặc vệt chân người

Bên kia, từ chỗ cao nhất
đám mây trắng toát
mưa???

Lấn quẩn trong tiếng trầm của đá
dấu rìu lờm lợm nổi đau
đất không màu đỏ
đất bạc, nặc mùi khói lửa

Mùa thu buộc ta trên đỉnh thác
nín lặng một phút???
mỏi mong trở về...!!!

Đăk Nông, 4-2021
Cầm Thủy, 6-2021

Mai về

Cần đêm
lập lờng trăng
khét nụ cười lịm giông
chót tháng mười

Mùi sương Cao Nguyên lênh lênh rồi
người thui thủi ngọn cây uất lặng

Gập ghềnh nổi buồn trắng
bầu vuu dòng trong trẻo muộn màng

bàn tay vẩn tròn nhẵn nhỏ dục ngang
bộn bề bụi đất lẫn dội

Mai nở màu trắng
con mơ về cùng tã tằm gió nắng
Mẹ thành mùa xuân từ chiếc áo sao khuya

Krông nô à!
51 quả đồi xanh...???

Đêm lạnh Cẩm Thủy, 23-12-2021

Thơ Nguyễn Phong Việt

Chỉ những chiếc lá mới biết...

Có những năm tháng của chúng ta
rơi theo mùa lá trước hiên nhà
rơi không chạm đất
để những cuộc hồi sinh chưa bao giờ có thật
thì làm thế nào biết chúng ta trưởng thành hay mãi mãi trẻ con?

Thình thoảng chúng ta đứng trong buổi chiều bình yên
giữa thành phố xa lạ
và tự hỏi giá như có thể
chọn lựa làm một chiếc lá vàng chạm đất
hay xanh tươi mãi trên đầu ngọn gió
chúng ta sẽ chọn lựa ra sao?

Có những mùa lá trước hiên nhà
theo năm tháng của chúng ta rơi về đâu
những chiếc lá vừa xanh non đã lìa cành
những chiếc lá sống đến úa vàng rồi rơi chạm đất
những chiếc lá vừa chớm niềm vui đã nhìn ra mất mát
những chiếc lá mà khổ đau song hành cùng hạnh phúc...
có ai biết?

Đôi khi chúng ta ngồi lại với bóng của mình
ngay giữa đám đông vội vã nhìn nuối tiếc
và tự hỏi giá như có thể
chọn lựa làm một chiếc lá giữa nắng mưa hay nép vào một góc nhỏ
chúng ta sẽ chọn lựa ra sao?

Có những mùa lá trước hiên nhà
theo năm tháng của chúng ta rơi thật mau
không kịp nhớ mình đã sống

những chiếc lá chưa bao giờ mọc ra
làm sao biết cảm giác chạm đất
những chiếc lá chưa bao giờ đi qua những ngày mưa
làm sao biết cảm giác của một tia nắng
những chiếc lá chưa bao giờ thật sự úa vàng
làm sao biết cảm giác của úa vàng (đã sống trọn một đời lá...) không hề là cay
đắng...
làm sao biết cảm giác của tất cả những điều này?

Lúc nào đó chúng ta muốn rẽ ngang con đường đang bước đi
ngay khi hình dung về đích đến
và tự hỏi giá như có thể
chọn lựa làm một chiếc lá đúng nghĩa một chiếc lá hay một chiếc lá không có
gì để nhớ
chúng ta sẽ chọn lựa ra sao?

Có những năm tháng của chúng ta rơi theo mùa lá trước hiên nhà
nhìn- đẹp- biết- bao...
(còn chuyện chúng ta có chấp nhận trả giá để rơi chạm đất
có lẽ chỉ những chiếc lá mới biết...)?

Bởi vì không thể quên

Bởi vì không thể quên
nên ta hiểu cảm giác của cả triệu người trên thế gian
đã từng yêu ai đó hơn chính bản thân mình!

Những tháng ngày chỉ cần sống cuộc đời bình thường
nấu cho nhau một bữa ăn
mua một viên thuốc khi người kia đau ốm
hay vuốt giùm sợi tóc bay ngang tầm mắt...
nhưng ta biết chẳng dễ gì bên cạnh người được
chẳng dễ gì có thể sẻ chia...

Đã bao giờ người muốn gọi tên ta
muốn ngủ mãi trong giấc mơ mà không thức giấc
muốn chối bỏ đời sống này vì mất đi tình yêu duy nhất
muốn giọt nước mắt cuối cùng sẽ rơi trên vai ta mà không là ai khác
muốn nhìn thấy ta hơn tất cả những hi vọng trên đời...

Chúng ta đã nhiều lần chết đi dù vẫn đang tồn tại giữa bao người
khi nhìn thấy nhau nhưng không cách nào bước tới
khi lướt qua nhau và nghe rõ nhịp tim của người kia đau nhói
khi rời xa nhau mà ngay cả ánh mắt cũng không bước đi nổi
xót xa nào hơn...

Người có biết mình mắc nợ chính bản thân mình
cứ mãi loay hoay tìm cho ra một điểm tựa
không phải con người này, không phải ngôi nhà này... mà là ở nơi đó
với một vòng tay bao dung!

Ta không hề muốn sống cuộc đời của những mẫu số chung
yêu một người và lấy một người khác...
rời tự an ủi mình miễn là có một bờ vai bên cạnh
tự an ủi mình ai cũng giống như vậy thôi???

Người vẫn giữ cho riêng mình một khoảng trời
nhưng đã chôn giấu vào tận góc tâm hồn không có ánh sáng
người không muốn nhìn lại, không muốn rơi nước mắt...
dù trái tim mỗi ngày tự nó làm mưa tuôn...

Bởi vì không thể quên
nên (không chỉ riêng) ta không thể tự tha thứ được cho chính mình!

Chỉ tại lòng mình...

Chỉ tại lòng mình
nghĩ nhiều quá
nên rồi cứ lặng thinh...

Mình không muốn nói ra vì sợ nặng lòng những điều không cần
bắt người kia phải đưa vai gánh vác
mỗi một đời sống đã có biết bao nhiêu câu chuyện đời được mất
thêm một ngọn nến tắt
chỉ làm đêm dài hơn...

Đôi khi mình đã lấp sẵn trên môi mình một mũi tên
rồi lại lo sẽ làm đau nỗi hờn nhiên bên ấy

đâu phải ai cũng để tâm những cái quay lưng mà mắt buồn như mưa vậy
đánh cuộn lại lời chưa kịp mấp máy
cất sâu nữa vào trong...

Những con người luôn miệng nói - không sao - thật ra rất yếu lòng
vì cứ nhường nhịn như một bản năng có sẵn
nghĩ cho ngoài kia còn mình giấu từng cơn đau quặn thắt
có lần còn không dám chắc
mình đã đủ tử tế chưa?

Rồi sẽ có ai đó nhìn mình như một cái cây để tựa vào lúc phong ba
ngay vào lúc mình muốn đánh vắn hai chữ - nhờ vả
một câu hỏi han thôi có thể làm lạnh một trái tim bao ngày chấp vá
nhưng cuộc đời xa lạ
chỉ toàn đứng dừng...

Không ai biết mai này chúng ta có còn đủ những bao dung
hay sẽ gào lên như một sợi rong rêu mắc cạn
giữ cho người vui hay giữ cho mình bình an khi đối mặt
dù là cho hay nhận
mình cũng sẽ mỉm cười...

Chỉ bởi tại lòng mình
nên ít ra mình phải nói với mình để đừng quá xa xôi!

Chúc cho chúng ta đều may mắn...

Chúc cho chúng ta đều may mắn
nửa đời sau dù đứng trong những ngày nhiều nắng
tim vẫn vẽ lên được một bóng râm...

Chúc cho chúng ta nhận ra con người ai cũng giấu dưới đáy sâu một nốt trầm
những năm tháng ồn ào chỉ là ngông nghênh trong khoảnh khắc
nước mắt phần nhiều chỉ dành cho cơn đau và nỗi hận
rồi một chiều hôm giữa mặt
trách mình không thương mình xót xa...

Những con đường, dù không muốn, cũng đã làm trầy xước khắp thịt da
nợ nần nhau bằng lời thương cùng hơi ấm

chúng ta tạm biệt nhau mà chân như chiếc mỏ neo của một con tàu đắm
rơi trong làn nước thật chậm
rồi vĩnh viễn đứng im...

Chúc cho chúng ta không còn cần phải thấp nển đi tìm
trong những đêm biết lòng đầy yếu đuối
hành trình của một con người là trả hết thứ mình chưa chắc tin mình có lỗi
nhưng vẫn phải tập nói dối
mình cần thấy mình được lớn khôn...

Chúc cho chúng ta nhìn thấu nhiều hơn dẫu có trăm ngàn nỗi buồn
vì ngoài kia gươm đao nhiều như sỏi đá
không cần phải lo âu nếu sớm mai người trở thành xa lạ
vì ít ra chúng ta cũng đã
từng hạnh phúc vì nhau...

Lời cảm ơn sẽ được nhận ra trước khi lời hứa kịp bắt đầu
chúng ta biết mình không thể nào bất biến
nên không cần phải lên non cao cũng chẳng cần phải đi ra đến biển
chỉ là trong một buổi bình minh lên chúng ta nắn nót một dòng chữ viết
- mai này nhớ cười vui!

Chúc cho chúng ta không thấy tiếc vì đã được làm người
ngay cả khi cô đơn có trong từng lớp áo
chúng ta phải bước đi dù không hề muốn lòng mình nhân hậu
ở trong từng mạch máu
ai cũng có nỗi thiết tha...

Chúc cho chúng ta đều may mắn
lúc nhìn thấy một mái nhà...

Chúng ta chưa hề là những người sâu sắc...

Chúng ta chưa hề là những người sâu sắc
vì tận sâu trong nước mắt
vẫn để lại hình bóng một con người...

Chúng ta nói dễ dàng quên những nửa khuya cú bối rồi không lời
đâu đó trên từng dấu vân tay là hơi ấm

từ xa lạ rồi thân quen xong biến thành lạ lẫm
chúng ta cố gắng rời đi thật chậm
chỉ để tim đừng vỡ òa...

Chúng ta chúc nhau bình an mà sóng gió gào lên ở trong thương nhớ nhắc
từng giờ
nhìn vào đâu cũng thấy mình yếu đuối
con người của trước kia và con người của hôm nay như có thêm làn khói
hun lên từ trong đau nhói
mà không thể tan ra...

Chúng ta đã từng ước mơ nhưng nắng đã không tới được hiên nhà
nên chẳng biết làm sao xóa nhòa đi thế giới
rút lại từng viên gạch muốn xây như bắt mình bước lùi vào bóng tối
nơi không có ai chờ đợi
kể cả bóng mình...

Chúng ta rõ ràng không thể vượt thoát được khỏi con người bình thường
với bao nhiêu chồng chênh lấn hệt hăng
chỉ là hy vọng nhỏ nhoi trong sáng mai kia thức giấc
tìm mình trong vô thức
quên mất một nhịp đập cho người...

Chúng ta chưa hề sâu sắc như lắm tưởng mình đã vui...

Chúng ta cô đơn quá...

Chúng ta cô đơn quá
như những chiếc lá
rơi xuống trong rừng già...

Chúng ta không bám víu vào đâu để bày tỏ hết được nỗi thiết tha
của một con người cần ai đó thấu hiểu
chúng ta đi qua những con đường, những đám đông với ít nhiều cam chịu
nỗi day dứt của một con người bị thiếu
một ai đó choàng vai...

Chúng ta biết rõ mình chưa hề là một phiên bản sai
trong rất nhiều những thân quen thường nhật

nhưng nói nói cười cười cũng không thể nào che khuất nơi đuôi mắt
một ánh sáng chờ thấp
soi rọi hết trời đêm...

Chúng ta từng muốn quay lưng cũng từng muốn dõi theo kiếm tìm
một kết nối làm vỡ òa nước mắt
chúng ta chờ đợi đến bao lâu để nghe được thanh âm bình yên nhất
- không sao mà, cứ khóc...
hoặc thoải mái mỉm cười...

Có thể nào trong một kiếp sống xa xôi
với hình hài mình ước mong sẽ gặp
chúng ta ủi an nhau như hạt mưa lần đầu rơi trên sa mạc
rồi bỗng dừng chỉ là chớp mắt
tan biến vào hư không...

Chúng ta cô đơn quá
có biết không?

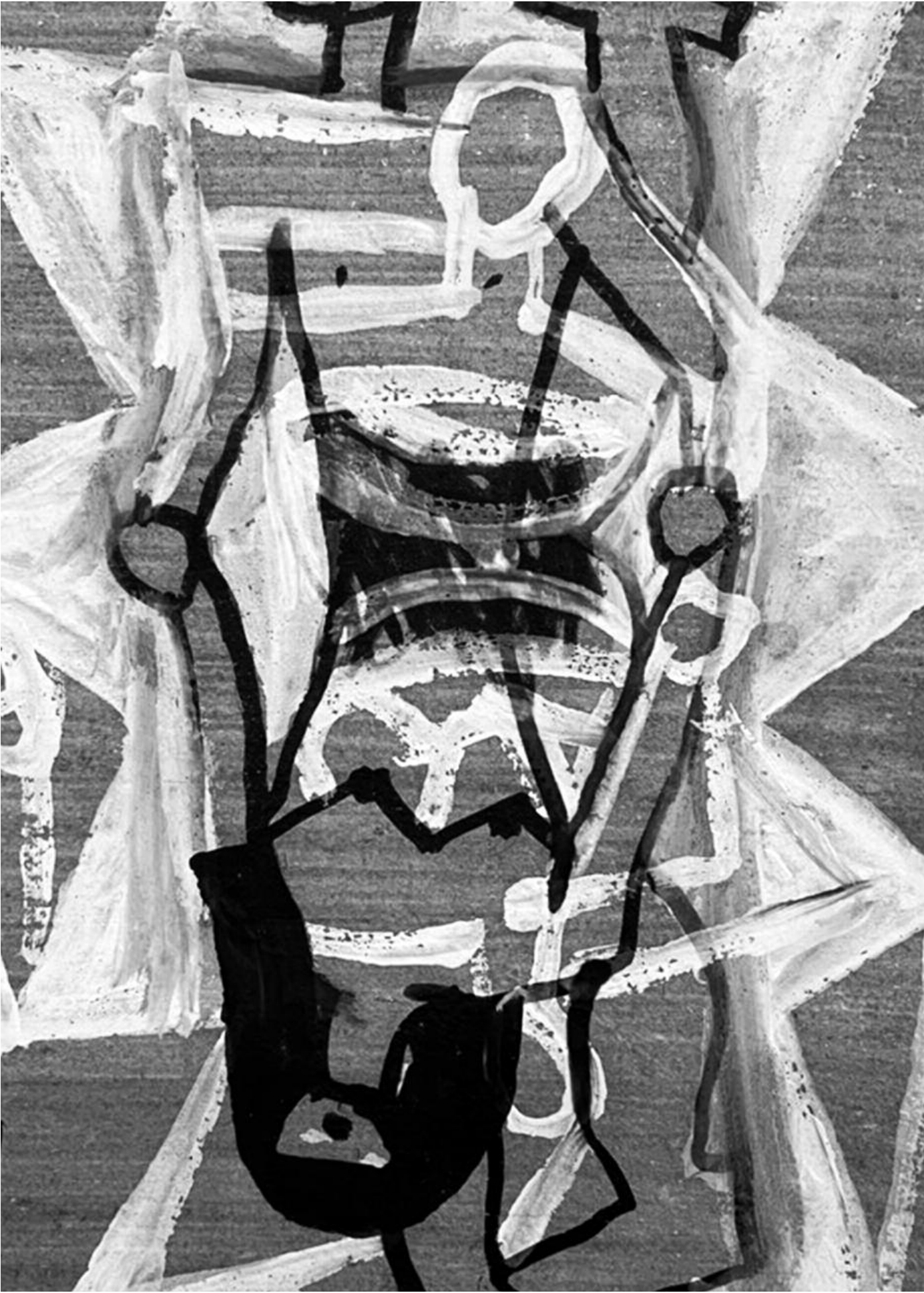
Chúng ta còn rất ít cơ hội gặp lại nhau...

Chúng ta còn rất ít cơ hội gặp lại nhau
khi lòng đã hết tin vào phép nhiệm màu...

Quý thời gian của những kiếm tìm giờ nhường chỗ cho những giấc ngủ sâu
để mong mình sớm mai thức dậy
không thật nhiều yêu thương nhưng cũng không phải sợ hãi
vì một ai đó đột nhiên rời đi mãi mãi
không từ biệt một lời...

Chúng ta còn rất ít cơ hội để sửa sai với cuộc đời
nên phải vui với những gì đang có
nhường nhịn một con người không phải là chúng ta ngại gian khó
chỉ là đến lúc không nở bở
thứ mà tim mình đã dựng xây...

Chúng ta còn rất ít cơ hội để tay nắm chặt bàn tay
vì đã quên nhiều hơn là nhớ



thình thoảng nhận ra mình không đáng để nhận hết yêu thương từ những người bày tỏ
mình như một ngọn cỏ
muốn được xanh ở một góc vườn...

Những hoài nghi được thay thế bằng những chấp nhận một cuộc đời bình thường
ai cũng có nhiều hơn một phần tốt đẹp
mình lọc lừa được bao nhiêu rồi cũng trả lại cho lòng mình những vết thương
buộc đẩy dây thép
không ai muốn cuối đời mình chỉ là một mảnh ghép
xấu xa...

Chúng ta còn rất ít cơ hội để cúi xuống xin được thứ tha
vì mỗi ngày đều lấy đi nhiều mất mát
có lúc chậm một giây, có khi hẹn... rồi ngút ngàn tầm mắt
một bước chân là một khoảng cách
nghìn trùng...

Chúng ta còn rất ít cơ hội để nói với một người
- rằng mình có thể bao dung...

Chúng ta đã đi hết bao nhiêu dặm đường?

Chúng ta đã đi hết bao nhiêu dặm đường
sau mười năm rời bỏ yêu thương...

Chúng ta đã đứng ở những dốc đồi nào để nhớ về nỗi buồn
hoặc những đêm mưa trong lòng phố thị
chúng ta bật tin nhau như cây kim đã tuột tay rơi khỏi cuộn chỉ
chỉ còn trong ý nghĩ
một phác thảo hình hài...

Chúng ta không hề đúng và cũng chẳng có ai là sai
giữa những hoang mang cuối cùng chúng ta đã chọn
để cho cái tôi của mình va chạm nhau trong xót xa hờn giận
vào giây phút trái tim ngoảnh mặt
cuộc đời đã ngừng thở rất lâu...

Chúng ta đã gặp không biết bao nhiêu con người và ghi nhớ trong đầu
thứ hình ảnh xếp chồng lên như từng lát cắt
nhưng có một vài thanh âm, một vài mùi hương có thể làm cho chúng ta se sắt
thể giới khi ấy bỗng đột ngột vụt tắt
vì chỉ còn một con người...

Chúng ta đã hứa sẽ có một hành trình yên vui
nên những khổ đau nếu ngáng chân cũng đừng hoảng sợ
không cần gặp lại nhau song trong tim luôn có một phần làm chỗ chứa
cho những thương nhớ
chân thành...

Chúng ta sẽ lại đi tiếp
những dặm đường mong manh...

Hãy để chúng ta đưa nhau về...

Không phải con đường nào cũng đẹp như một ước mơ
hãy để chúng ta đưa nhau về...
trong thương nhớ...

Có lẽ không ai muốn nhắc về ngày mai lần nữa
có lẽ khoảnh khắc này là thứ còn lại sau tất cả
có lẽ nên mỉm cười để cảm ơn một phần duyên nợ
có lẽ nên dành cho những cơn mưa tối tìm về trên vòm cây than thở
và chúng ta chỉ giữ lại bình yên...

Hãy để chúng ta đưa nhau về như một thói quen
rồi từ mai sẽ từ bỏ...
rồi từ mai có thể người sẽ đi về cùng ai đó...
rồi từ mai một trong hai chúng ta phải học lại cách bày tỏ...
rồi từ mai biết rằng còn quá ít niềm vui được xếp dưới đáy cuộc đời vốn nhiều
đau khổ...
làm sao mới tìm thấy được nhau trên con đường này?

Hãy xắn tay áo cao lên một chút để chạm vào cái lạnh đêm nay
vén tóc cho vành tai mà nghe rét buốt
chúng ta cần hôn nhau như lần đầu biết hôn mà vẫn cười khúc khích
cho phép mình nhìn thấy cả quãng đời vào một giây phút

để dù mai sau có đánh mất
vẫn biết cách tìm lại trong giấc mơ!

Hãy để chúng ta đưa nhau về như những ngày xưa
trong tim vang tiếng chuông gió
mỗi bước chân đều có một giọt sương nhắc nhở
mỗi tiếng cười đều có một vì sao cùng rạng rỡ
như thiên đường...

Đừng trách gì và cũng đừng ỉn an
hết con đường này sẽ đến con đường khác
biết thế sao chúng ta vẫn muốn dừng mãi nơi con đường đang bước
biết thế sao chúng ta vẫn muốn hoán đổi tương lai thành kí ức
biết thế sao chúng ta cứ phải tự nhủ mình đừng khóc
khi khoé mắt rung lên...

Hãy để chúng ta đưa nhau về trên đường vắng lặng im
vì nhìn thấy nhau còn hơn vạn lời nói
vì được xác tín niềm tin rằng chúng ta chưa bao giờ nông nổi
kể cả khi cần phải đánh đổi
một phần đời...

Hãy để chúng ta đưa nhau về
dù là tận xa xôi...

*P/S: Hãy chọn con đường dài nhất để bước đi bên cạnh nhau
khi chúng ta không thể biết yêu thương kia tan vỡ vào lúc nào!*

Thơ Nguyễn Thị Kim Nhung

Niềm tin

Trăng xa như chiếc thuyền trong tranh vẽ
bão đánh tan vẫn còn lại dáng nằm
đắm mình rồi có hiểu được mệnh mông

Ta khôn nguôi một vầng trăng nước
những giấc mơ đánh bắt bủa vây
bàn tay trắng vớt mảnh lưới bạc

Tuổi ba mươi ta đánh mất cánh bướm
nơi mắt người chỉ còn ảo ảnh
đám mây đã vẽ vào trời xa

Những chú cá giấy lên lần cuối
mộng biển xanh gửi lại con thuyền
còn chiếc vảy tạc vào lấp lánh.

Ở ngoài kia

Ai còn kéo chần đắp qua giấc ngủ ngày
Giêng Hai này thiếu vắng những hàng cây
đàn chim lạc đường về phương Bắc

Ở ngoài kia mùa xuân đang đi tắt
lá chưa xanh đã ngả vào ngực đất
gió chưa căng đã rỗng những con đường

Lời nào nghiêng ngả khói hương
bụi đi vắng để tượng làm bia đỡ
những nường nhờ xô lệch tiếng chuông

Người nằm co nghĩ sông xuôi thẳng
cách nào cũng ra được biển Đông
những khúc quanh lẫn vào ký ức

Ở ngoài kia cuộc tiễn đưa vội vội
rơi một khắc dùng dằng
đàn kiến nhặt chớ vào đêm sâu

Ở ngoài kia
khoảng cách giữa hàng cây và bắt trắc
những mơ hồ dặt dứ nhau qua.

Gốm

Không tin mình là đất
xù xì, lấm lẩn, đa mang
nỗi buồn trôi lên óng ả

Đã xa chuyện của bếp
lửa chập chờn vẽ mãi vào đêm
đừng cời thức lặng im cát cứ
lên ngôi từ thuở tro tàn

Bóng một người mất ngủ
ngồi canh giữ giấc mơ
lấm lẩn từ đây ẩn khuất

Ai tin lời tĩnh vật
giữa ồn ã bán rao

Bầy chim muốn về trời
không qua được quăng vắng mùa thu
hàng cây nghiêng mãi
bóng chưa sang mùa hè

nai vàng uống nước
rỗng lòng bình vôi
bao đời vương giả
không đầy kiếp tôi

Lại nghĩ về đám cháy mùa mưa
rơi tự do trên cánh đồng thô tháp
không ai khan khát ngoài ta
những bí ẩn trở nên tẻ nhạt.

Chứng nhân

Sự thắng thốt đẹp tựa nỗi đau
trên khuôn mặt những người đi vắng

Tháng Hai đến từ im lặng
ồn ào ở phía khói sương

Ban mai gọi tên màu sắc
màu sắc cúi đầu trước trắng đen

Đừng đánh trống khua chiêng
người đi vắng không về từ đó

Bao năm lối về vẫn cỏ
tháng ngày sắp sửa xanh xao

Đêm qua bầu trời hé cửa
đám mây lặng lẽ bước vào

Nếu chọn mây làm cột mốc
tháng Hai có hóa cơn mưa

Phía nào cũng nhiều thao thức
dòng sông thấm ướt đôi bờ

Đá núi từng là nỗi nhớ
mềm và ướt dải biên cương

Nhiều năm cựu binh còn nhắc
phía nào cỏ cũng chắn đường

Sau cùng những người đi vắng
chìm vào phía lặng im
trả vện nguyên cho những điều không trọn.

Đêm sông

Bên hồ nước còn chùm hoa nghịch dại
sao chị không về cùng em

Mẹ lên rừng hái măng
cái đắng lẫn vào vết chém
khuyết lẹm sao vẫn dư thừa

Năm nào mùa cũng qua đây
em tìm đêm sông chị tắm
bóng bơi ngại ngừng trăng náu
em không gạn nổi bóng mình

Bên hồ nước còn chùm hoa ngơ ngác
sao chị không về cùng em

Hàng xóm sáng dậy hỏi thăm
tiếng khua nước đêm qua rõ lắm
mẹ xuống bến chỉ nghe im lặng
gập dáng chuẩn trên cánh hoa trôi.

Khu vườn kí ức

Như bông hoa héo khô dần
rồi một ngày người rụng vào lòng đất
đêm thêm một vì sao

Chữ nghĩa dắt tôi đi
xa hơn khu vườn của nội
sao chưa đến được chân trời

Tôi là chú dế hát đêm
mà ánh trăng thì lạnh
khuya khoắt nào đánh cắp bài ca

Ai về khu vườn của nội
cho tôi thăm lại luống cà
và bông hoa chưa bao giờ kết trái.

Đêm

Căn phòng đêm nay rất trắng
bóng đèn dằng rồi cũng bỏ đi
giấc mơ là cây cầu gỗ mục
chạm vào rồi làm sao bước qua

Mẹ đã sinh con tuổi ngựa
xin hãy ru con bài hát xa nhà
tháng Tư sấm nhiều hơn cỏ
đăng cây⁽¹⁾ sau đồi đăng đốt nở hoa

Đêm không nói nhiều hơn bản nhạc không lời
bao kẻ vẫn vì đêm thao thức
trắng tan rửa vì mắt ai rạo rực
găm vào đêm niềm nổi của sao

Cánh đồng Thần Nông không người gặt hái
rỏ âu lo xuống những chiêm bao

Trong bóng tối ập òa mắt, được
dải mây đêm kín đáo thay màu.

(1) Một loại cây thuốc, cũng là cây rau rừng làm món ăn hàng ngày.

Khu vườn bí mật

Khi bé con say ngủ
tôi đếm màn cùng với gió thu
cửa sổ mở vì đám mây, có lẽ

Bên kia hàng rào dừa dại
gai âm thầm cào xước heo may
men theo phía trẻ đi thành lối
những ranh ma giấu ở cuối vườn

Tôi cố gắng không gây tiếng động
trái mâm xôi chín rục sắp rơi
những đứa trẻ chăn bò tìm đến
tôi rời đi trước những gọi mời

Không ai biết nơi này, ngoài chúng
tôi chỉ là tên trộm mùa thu
mọi thứ hãy còn là bí mật

Không cần ngại vua và gươm báu
chúng chia đều cả những chiều hôm
rồi trở về sau nhiều do dự
không quên rập kín lối vào

Một đứa trẻ từ nhiều năm trước
vụng về tạm biệt khu vườn
gai dừa dại cửa vào nổi nhớ
tôi trở về nghe tiếng khóc bé con.

Thơ Trương Đăng Dung

Những kỉ niệm tưởng tượng

Tưởng nhớ nhà thơ Hollo Andras

Tôi không thể quên một ngày tháng Năm năm 1054
tôi với anh đã nhìn thấy mặt trời
ngày ta sinh là ngày đầu tiên ta nằm bệnh viện
các bác sĩ hân hoan khi có trẻ ra đời
họ lấy nhau của mẹ ta làm đồ nhắm rượu
các nữ y tá nhìn ta
kính nguyệt chảy màu máu còn tươi rói
không có bông, họ lấy tà áo choàng lau vội.

Đêm đầu tiên ta nghe những tiếng động đầu tiên
những chú chuột ăn cắp tã vá của ta làm áo choàng vào bệnh viện
chúng sờ lên mặt ta tìm môi ta liếm liếm
rồi chúng ra đi, ta hồi hộp nằm chờ.

Chúng ta lớn lên cùng nhau ăn thịt chó
cùng nhau thấy những con trâu vừa kéo cày vừa đái bừa xuống ruộng
cùng nhau thấy những gái điếm ngủ dọc bờ sông đầu gục xuống
và những chuyến tàu chở đầy áp vũ khí
trên nóc toa là trẻ nhỏ người già.

Cùng nhau thấy những đám tang không có hòm
chân người chết thò ra khỏi chiếu
cùng nhau thấy những người mẹ bị thương ruột lòi ra

vẫn ôm con nhảy xuống hầm, tranh nhau chỗ ngồi với rắn
và những cánh tay trẻ thơ bom hất lên cành cây vắt vẻo
bên loa phóng thanh đang hát điệu à ơi...

Sáng nay em gái tôi đột ngột ra đời
khi nhìn thấy tôi mẹ tôi cười đau khổ,
(mẹ ơi mẹ sinh em đâu phải là tội lỗi)
em tôi nằm mặt cau có đầy nhăn
giữa ngày sinh của chúng ta lần thứ một ngàn.

Đã lâu rồi quạ cũng bay đi
có lẽ một ngày kia chúng sẽ trở về mang theo nhiều xương ống
để làm búp bê cho em tôi chơi
làm dùi cho em tôi đánh trống.

Budapest, 5-1983

Giấc mơ của Kafka

Ở New York chiều chiều
những con voi nhảy từ tầng mười một xuống sông
cứu những con chim sẻ.

Ở Paris trước cửa Viện bảo tàng
người nằm ngáp
trâu xếp hàng mua cỏ.

Ở Moskva những thiếu phụ da vàng
chơi với hổ
trên quảng trường ngập nước.

Ở Tokyo nữ phát thanh viên truyền hình
không có miệng
hươu tay chào khán giả...

Khắp nơi
những đôi mắt
dính trên cổ những người không có mặt
những tiếng kêu

phát ra từ miệng những người không có cổ
những bàn chân
càng bước càng lún sâu vào đất.

Hà Nội, 29 Tết Canh Dần 2010

Tô Thùy Yên

Ngựa đã gục ngã trên cánh đồng hoang
tàu vẫn chạy
mặt trời vẫn mọc.
Thi sĩ bước nhanh cho kịp bóng mình
đi như không thể hoãn
đi như không thể dừng
cuộc rượt đuổi thời gian bất tận.

Những con đường không biết dẫn về đâu
đường chạy theo con tàu
đường đi cùng lũ khách
cuộc hành trình tự nguyện
trong đau khổ, hoài nghi
một chấm nhỏ thi sĩ
cuối chân trời.

Tàu đã cách xa, rất xa
thi sĩ vẫn trên đường
phía trước mờ sương
Hiu Quạnh lớn trùm lên mặt biển
trùm lên cánh đồng
trùm lên mọi vật.

Tàu đã khuất, con đường xa vô vọng
thi sĩ vẫn đi
mong kịp trình lên Thượng Đế
những lầm than kiếp người
rối như một tráng sĩ
kiêu hãnh thẳng tiến về Định Mệnh.

Hà Nội, 2019-2020.

Tin nhắn cho em

Đêm nay trời đầy sao. Điều gì xảy ra nếu mỗi ý nghĩ của anh về em có thể nở thành một bông hoa?

*

Thế giới này không còn chỗ bình yên, em là nơi anh tị nạn.

*

Kỷ niệm cứu rỗi chúng ta, nó lưu giữ thứ ánh sáng làm cho gương mặt ta mãi mãi là gương mặt con người.

*

Anh muốn em là quá khứ để anh sống bình yên trong hiện tại; anh muốn em là hiện tại để anh hi vọng vào tương lai; anh muốn em là tương lai để kỷ ức anh tự do bùng sáng.

*

Đêm nay trời đầy mây. Điều gì xảy ra nếu kỷ ức không cất giữ cuộc đời ta an toàn nhất?

Anh không thấy thời gian trôi

Anh không thấy thời gian trôi
chỉ thấy những đám mây di chuyển
và những chiếc lá vàng không muốn lìa cây
gió rung, lá rơi còn vấy vấy.

Anh không thấy thời gian trôi
chỉ thấy những lá thư ngày một bạc màu
những cơn mưa rơi vào đêm vắng
dấu chân ta - năm tháng có còn đâu.

Anh không thấy thời gian trôi
chỉ thấy mùa thu vừa lạ vừa quen
những gương mặt những nụ cười mới gặp
chưa kịp thân đã thấy khác đi rồi.

Anh không thấy thời gian trôi
chỉ thấy lòng ngày một tha thiết với trời xanh,
sợi tóc rụng bàn tay nào giữ được
mỗi ban mai khắc khoải việc chưa thành.

Anh không thấy thời gian trôi
thời gian ở trong máu, không lời
ẩn mình trong khoé mắt, làn môi
trong dáng em đi nghiêng nghiêng như đang viết lên mặt đất
thành lời
về kiếp người ngắn ngủi.

1997

Anh chiếm chỗ bóng đêm

Anh nghe bóng đêm tan trên cơ thể em
bóng đêm chạy trốn.
Những khoảnh khắc trong đêm
những đường cong như sóng vươn về phía trước
hơi thở như gió
đắm say và gấp gáp.

Anh chiếm chỗ bóng đêm
cơ thể lún sâu đến kiệt sức
những khoảnh khắc trong đêm
sâu lắng và bí ẩn.
Bóng đêm chạy trốn
Thủy triều lên từng đợt, từng đợt
Bãi cát mịn mượt mà dâng hiến.

Anh chiếm chỗ bóng đêm
anh gom ánh sáng bằng sức lực đàn ông
có tự ngàn đời
để cho em rạng rỡ.

Có phải chúng ta đang bị tự nhiên lừa⁽¹⁾
để kéo dài sự sống?
anh vẫn muốn bị lừa
để chiếm chỗ bóng đêm
để có em vĩnh viễn!

4-2007

(1) Ý của Arthur Schopenhauer.

Ác mộng

Tôi chạy trên bức tường dựng đứng
những con nhện đen đuổi theo
những con thằn lằn đen đuổi theo.

Tôi chạy trên cánh rừng ngập nước
những con hổ không da đuổi theo
những con rắn không đầu đuổi theo.
Tôi chạy trên cánh đồng bỏ hoang
những người khiếm thị ôm súng đuổi theo
những người khiếm thính cầm loa đuổi theo.

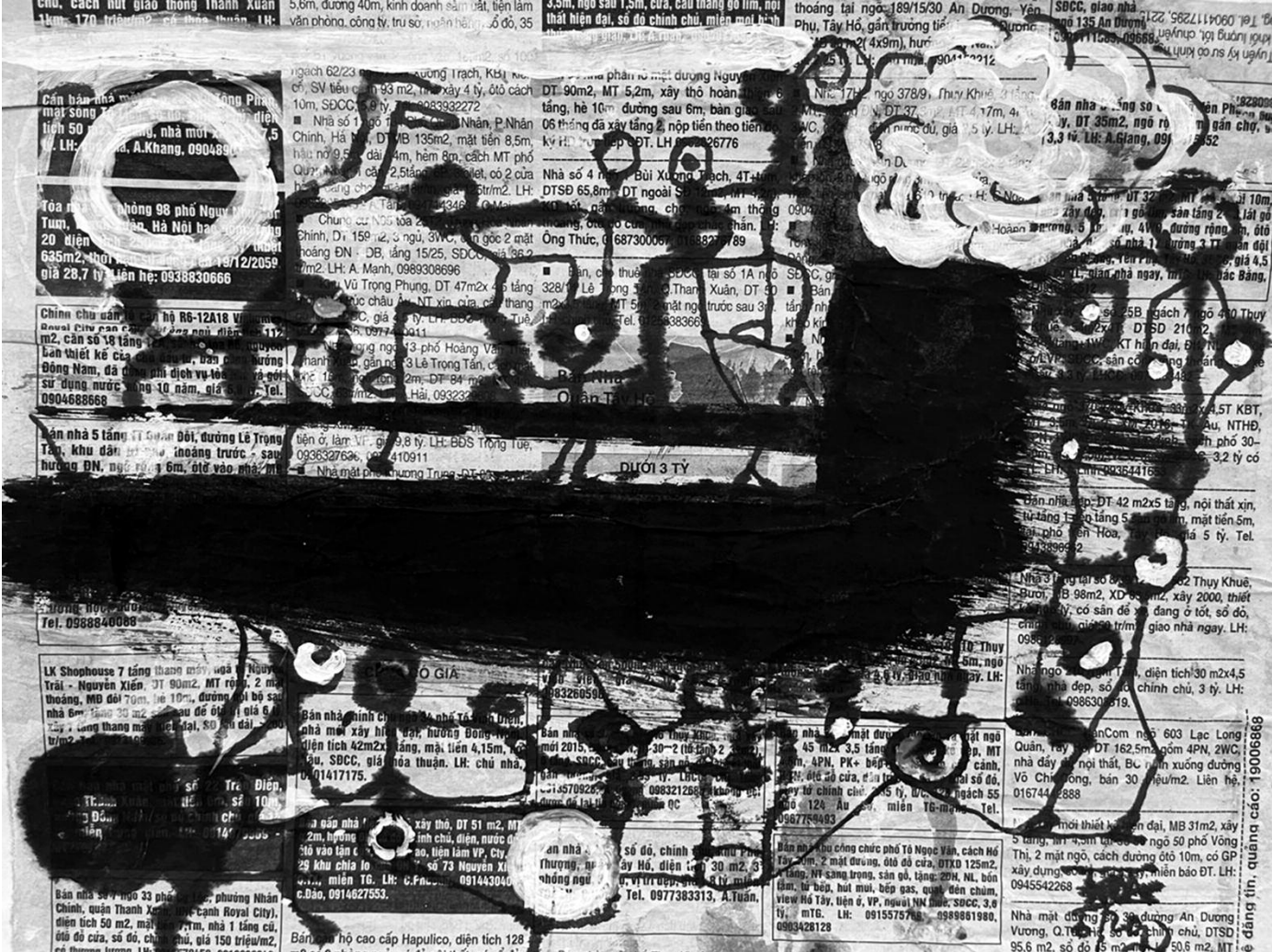
Tôi chạy trên đại lộ không người
những chiếc xe lăn chất đầy chân giả đuổi theo
những chiếc xe nôi chứa đầy mắt trẻ em đuổi theo.

Tất cả áp sát tôi
tôi nói, họ không hiểu
họ nói, tôi không hiểu.

Đêm bất ngờ ập xuống
tôi không nhìn thấy họ
họ không nhìn thấy tôi.

Tôi gọi em
dưới đáy sông
một ngôi nhà mở cửa.

Hà Nội, 11-9-2015



Trên bàn thờ

(Kính tặng mẹ)

Xin mẹ đừng buồn
con đã không giữ được vẹn toàn thân xác mẹ cho.

Đã 65 năm
đói con cho ăn
khát con cho uống

rét con cho mặc ấm,
con đối xử chu toàn với thân xác của mình
hơn cả với tâm hồn nhạy cảm.

Con làm kẻ thứ ba
giữa tâm hồn bất an
và thể xác bất toàn.
Con tìm nơi cứu rỗi
giữa những hoài nghi, cô đơn và bất lực
ngổn ngang kí ức
tâm hồn con mang nặng cuộc đời con.

Con không có quyền năng
trong cuộc chiến chỉ mình con biết
bản năng sống và bản năng chết
loại trừ nhau.

Thân xác con đau
tâm hồn con biết làm gì chia sẻ?
Con chỉ mong được về nhà với mẹ
cho tâm hồn và thể xác về theo.

Hà Nội, 12-2019

Giấc mơ của con

Con thấy bố về đêm qua.
Ngoài đồng xa
hiu hắt trăng treo
nhiều cái bóng vật vờ cùng đom đóm.

Bố bảo dưới đất còn bom
xương người chết
lẫn với mìn chưa nổ.

Con gọi bố
chỉ nghe tiếng gió
một vệt sáng vút qua...

Sáng nay trong gương
con bắt gặp ánh mắt buồn của bố
tuổi năm mươi.

Có gì mới hơn sau mỗi kiếp người?
con hỏi bố,
thấy một người già lặng lẽ đứng nhìn con.

Tự bạch

Tôi có tác phẩm đầu tiên là tiếng khóc chào đời sau chín tháng ngồi im tập xếp hình dấu hỏi.

Tôi sinh ra bên một dòng sông, phía trước là cánh đồng phía sau là biển. Làng tôi nghèo, biển nổi sóng, sóng đẩy gió, gió thổi trời lên cao. Những ngôi sao lung linh hình hạt gạo, gieo giữa trời xa hi vọng của bao đời.

Tôi nghe đêm đêm tiếng bước chân người, tiếng trẻ khóc đòi ăn, tiếng mèo kêu ma quái, tiếng mưa rơi da diết gọi bình minh. Bóng những người cha lặng lẽ vô tình, như vết máu đỏ dài trên vách, những người mẹ ôm bụng trào nước mắt, sung sướng lo âu nghe nhịp đập con người.

Tôi không nói được chính xác bằng lời về những điều cảm nhận. Ngôn từ như con tắc kè hoa, có đời sống riêng và không ngừng thay đổi.

Tôi đi giữa mọi người, bên những hàng cây im lặng, lòng thầm biết ơn thân cây nào rồi đây ngã xuống, xẻ mình ra ôm tôi về cát bụi.

Tôi không mang đến điều gì mới lạ, giữa quá khứ và tương lai tôi chỉ là đứa trẻ biết già.

Khoảnh khắc của Petöfi

Năm 1849 ở Seregvár⁽¹⁾
một ngày tháng Bảy
trong tiếng vó ngựa, tiếng gươm khua, tiếng súng
Petöfi đã ngã xuống
tay trái còn nắm chặt thanh gươm.
Trời xanh đã giữ lại
ánh mắt cuối cùng của nhà thơ
gió đã mang theo
khát vọng cuối cùng của nhà thơ

và mặt đất
lặng lẽ ôm ông vào lòng.
Petőfi đã sống hết mình theo cách của ông
bằng sự cảm nhận của chú cẩu trước từng cơn địa chấn⁽²⁾
sự nhạy cảm của thi nhân
trong từng khoảnh khắc hiện tại.
Có thể ngày mai
khoảnh khắc mới mà nỗi đau vẫn cũ?
có thể ngày mai
khoảnh khắc mới và nỗi đau cũng khác?
Khoảnh khắc tiếp nối khoảnh khắc
thể kỷ tiếp nối thể kỷ
ở đâu đó máu vẫn đỏ vì nền Cộng hoà,
vì Tự do...
26 năm cuộc đời nhà thơ
một khoảnh khắc đã trở thành Vĩnh viễn.

Hà Nội, tháng Năm 2022

(1) Seregvár: nơi Petőfi hi sinh trong chiến trận.

(2) Petőfi từng nói: “Tôi cảm nhận Cách mạng như chú cẩu cảm nhận động đất”.

Nhà thơ, dịch giả Hay János: Tôi không tin ở sự “bất khả liên thông” giữa các nền văn hóa

KONCZ TAMÁS thực hiện

Nhà thơ, dịch giả Hay János chia sẻ: “Càng có ít những lớp sơn văn hóa phủ lên một tác phẩm, thì nó càng gần gũi với tôi hơn.” Chính vì thế mà ông thích những bài thơ trong sáng, tối giản, giàu suy tưởng của nhà thơ Việt Nam Trương Đăng Dung. Dưới đây là cuộc trò chuyện giữa tôi và Hay János, người đã dịch tập thơ *Những kỉ niệm tưởng tượng* của Trương Đăng Dung sang tiếng Hungary. Bản tiếng Hung của tập thơ do Nxb. Europa ấn hành năm 2018.

- Ông đã biết tới thơ Trương Đăng Dung bằng cách nào, và điều gì trong những bài thơ của ông ấy đã khiến ông để ý tới?

+ Việc đó xảy ra hoàn toàn ngẫu nhiên. Đại sứ Hungary tại Hà Nội - ông Öry Csaba - và Viện Balassi đã liên hệ với tôi; họ bảo đây là một nhà thơ đang nổi ở Việt Nam và bản dịch nghĩa cũng đã có, rồi hỏi tôi nhận lời chuyển thành thơ được không. Tôi đọc bản dịch nghĩa và nhận ra trong đó những cảm xúc tinh tế và sự thông thái. Chính vì vậy, mà bằng cách nào đó tôi sẽ phải tìm ra phương thức tiếp cận chúng.

- Ông đã đọc các bài thơ đó lần đầu tiên qua bản dịch của ai?

+ Ông Giáp Văn Chung - một dịch giả Việt Nam sống ở Hungary - đã dịch nghĩa (prose) tập thơ này. Rất tiếc là tôi không có bản dịch tập thơ ở một ngôn ngữ khác, vì nó có thể làm cho công việc trở nên dễ dàng hơn. Ông Chúa, tôi và Giáp Văn Chung có thể cộng tác với nhau rất tốt và linh hoạt.

- Các ông chuyển ngữ một tập thơ đã xuất bản, hay làm một tuyển tập các bài thơ đã sáng tác cho tới khi đó của tác giả?

+ Nội dung bản in tiếng Hungary chính là nội dung bản gốc của tập thơ *Những kỉ niệm tưởng tượng* đã xuất bản trước đó mấy năm của Trương Đăng Dung, nhưng có thêm một số bài mới, nghĩa là bản tiếng Hungary có dung lượng lớn hơn bản tiếng Việt. Có thể coi đây là phần sáng tác chủ yếu của nhà thơ, nhà nghiên cứu văn học Trương Đăng Dung. Ông làm thơ không nhiều.

- Trương Đăng Dung ít được biết tới ở Hungary. Ở đất nước của mình, nhà thơ được yêu thích như thế nào?

+ Tôi nghĩ rằng, ở Việt Nam thơ cũng không phải là thể loại được đọc nhiều nhất. Tập thơ *Những kỉ niệm tưởng tượng* của Trương Đăng Dung đã nhận được giải thưởng cao quý (Giải thưởng Hội Nhà văn Hà Nội, 2011 - ND), và đã có rất nhiều bài phê bình viết về nó.

- Trương Đăng Dung biết tốt tiếng Hungary, ông ấy từng học đại học ở Hungary, đã nghiên cứu ở đây trong những năm tám mươi (thế kỉ trước). Nhà thơ có giúp được gì ông trong công việc dịch tập thơ?

+ Đầu tiên tôi chỉ làm việc với người dịch nghĩa, sau đó gửi bản dịch gần hoàn chỉnh cho nhà thơ Trương Đăng Dung. Ông đề nghị sửa đổi nhiều chỗ mà tôi hiểu sai ý, hoặc tôi đã diễn đạt quá xa bản gốc. Có những chỗ chúng tôi thống nhất được với nhau, có những chỗ tôi giữ nguyên bản dịch của tôi, vì có những sắc thái ý nghĩa mà người nước ngoài dù giỏi tiếng Hungary cũng không nhận ra. Cuối cùng, về cơ bản nhà thơ rất hài lòng; những bài thơ của

ông đã được tái sinh trong ngôn ngữ Hungary. Xét cho cùng thì đó là mục đích, ngay cả khi ta mong muốn đáp ứng sự đòi hỏi của bản gốc. Ông còn vui hơn khi cầm trong tay tập thơ đã xuất bản. Ông ấy là người dễ mến và tinh tế.

- Những thử thách về mặt chuyên môn và ngữ nghĩa là gì? Dù thông điệp các bài thơ của Trương Đăng Dung có thể hiểu được đối với bất kì cộng đồng nào, chắc chắn có những mô-típ xa lạ đối với bạn đọc Hungary.

+ Các bài thơ gắn liền với Việt Nam, nhưng có thể cảm nhận được ảnh hưởng mạnh của văn hóa châu Âu, vì tác giả đã sống ở Hungary những năm tháng nhạy cảm nhất của ông về mặt tinh thần. Đối với tôi, những câu chuyện đau thương trong chiến tranh Việt Nam có tác động mạnh nhất. Dĩ nhiên, chúng ta cũng không phải đi quá xa để tìm đến những hồi ức về sự hi sinh và sự tàn phá. Tôi phải nói thêm rằng, một trong những sự kiện thế giới quan trọng nhất thời niên thiếu đối với tôi là cuộc chiến tranh Việt Nam và các phong trào phản đối cuộc chiến đó. Tôi có biết đôi chút điều gì đã xảy ra, nhưng trước hết còn lại trong tôi là sự đồng cảm. Công việc (dịch tập thơ này) đã đến đúng lúc.

- Các bài thơ trong tập Những kỉ niệm tưởng tượng có nhịp điệu chậm, với các chương suy tưởng độc thoại về mối quan hệ giữa cái tôi cá thể và tự nhiên, nỗi cô đơn và nỗi buồn của sự phôi pha. Có bao nhiêu phần là giọng điệu của Trương Đăng Dung, và bao nhiêu là của Hay János? Bất nhịp với hình thức trò chuyện nội tâm ấy có khó khăn lắm đối với ông không?

+ Điều khó khăn nhất là tôi phải nhận ra được về mặt hình thức, các bài thơ này sẽ vận hành như thế nào. Thi ca phương Đông thường là đơn âm, tiếng Việt cũng vậy, nhưng Trương Đăng Dung không đi theo một hình thức thơ truyền thống nào. Có thể nói đây là những bài thơ tự do có nhịp điệu. Khác với tiếng Hung, tiếng Việt gồm những từ đơn âm ngắn, đó là sự khác biệt lớn - tôi nghĩ tới những từ tiếng Hung rất dài và các trọng âm ở đầu. Hơn nữa thi ca Hungary bảo thủ (*konzervatív*), nhiều khi khăng khăng giữ các hình thức, nhạc điệu tẻ nhạt đến khó chịu. Tôi phải lưu ý đến cả điều này nữa, và tất nhiên cả việc tôi có thể coi hình thức nào là của riêng mình. Thế là tôi quyết định cách cấu trúc câu vừa có vần nhẹ nhàng, vừa có nhịp điệu, cũng là đặc trưng cho nhiều bài thơ của tôi.

- Đôi chỗ, trong một vài hình tượng, tôi cảm thấy ảnh hưởng của các nhà thơ Hungary, hay ít ra là trong bản dịch. Trong bài Thành phố

phía chân trời, câu “một căn phòng một cái giường hai chiếc gối” gợi nhớ tới Pilinszky; bài Anh không thấy thời gian trôi khiến tôi nhớ tới một bài thơ buồn giọng khô hài của Petri - bài Mặt trái của đổi thay; đôi khi cả Kemény István cũng ẩn hiện. Có thể Trương Đăng Dung chịu ảnh hưởng của thi ca Hungary?

+ Sự gợi nhớ tới Pilinszky và Petri là trò chơi của tôi, nhưng tôi có khả năng lựa chọn điều này, vì nó phù hợp về mặt nội dung. Đưa các câu đoạn của người khác vào, như một phương pháp, là việc tôi không khi nào quan tâm, nhưng dù không muốn thể thính thoảng chúng ta vẫn bật ra các “mảnh vụn” trích dẫn, các biến thể. Tôi phát hiện ra nhiều “mảnh vụn” của các ca khúc nhạc pop, trong khi đọc lại và chốt văn bản cuối cùng.

- Các tác phẩm của Trương Đăng Dung chuyển tải chân lí mang tính phổ quát, giữa chúng và những điều bình thường chỉ cách nhau sợi tóc - nhưng nhà thơ không bao giờ bước qua sợi tóc đó, trong khi nêu ra những vấn đề nghiêm túc nhất: “Có thể giới này không/ nếu con người ngừng cấp cho ý nghĩa?” (Lưu ý). Là người dịch, để giữ được sự tối giản này có khó không?

+ Tôi rất thích sự tối giản. Đối với tôi trạng thái thi sĩ đích thực nhất là của người sáng tác dân ca. Càng ít chất kem được bôi trát lên một tác phẩm, thì tôi càng dễ chấp nhận, và chính tôi cũng muốn đi theo hướng đó, nơi mà các sự việc hiện diện ở mức độ cơ bản nhất - các bài thơ của tôi hướng tới thứ ngôn ngữ tối giản và khám phá con người như là thực thể sinh học. Thơ Trương Đăng Dung nhiều chất thơ và cảm xúc hơn. Có người nói, tâm hồn tôi rộng mở hơn trong quá trình dịch. Để rồi xem.

- Ông cảm thấy bài thơ nào trong tập thơ là quan trọng nhất?

+ Bài Anh không thấy thời gian trôi. Có lẽ vì một lí do thực dụng, đó là bài thơ đầu tiên mà tôi dịch, nó giúp tôi trải nghiệm niềm vui về sự thành công sẽ đến của bản dịch.

- Trương Đăng Dung cho rằng, ngay trong những quan hệ gần gũi nhất vẫn có những giới hạn chia rẽ chúng ta: “Giữa những cái bắt tay/ có một bức tường” (Những bức tường). Bằng công việc dịch thuật, ông có thể phá vỡ những bức tường tới mức nào?

+ Tôi không tin ở sự “bất khả liên thông” giữa các nền văn hóa. Cả điều này nữa, ngoài sự khác biệt với người khác, chúng ta không hề muốn hòa tan vào

nhau một chút nào. Rõ ràng đây là một trong những nỗi bất an cơ bản của tồn tại: người khác sẽ ảnh hưởng tới tôi đến mức nào, và ảnh hưởng đó liệu có hủy hoại cá tính của tôi. Vì thế mà con người mãi mãi ở thế bập bênh: vừa muốn trở thành một phần của kẻ khác, vừa muốn chạy trốn khỏi nó. Người phương Đông ít coi trọng bản ngã hơn; đối với họ đời sống cộng đồng được đề cao. Dù tác giả có nói tới những bức tường, thì đối với họ, trách nhiệm hay sự giúp đỡ gia đình, bè bạn là lẽ tự nhiên. Có thể điều này đang mất dần đi từng giờ từng ngày, vì lòng tham không cùng của thế giới phương Tây sẽ làm hỏng đi những con người đang ứng xử khiêm nhường hơn với đời sống.

GIÁP VĂN CHUNG dịch từ nguyên bản
tiếng Hungary trong ÚJ KÖNYVPIAC



N g u y ễ n V i ệ t H à



Không bao giờ là quá khứ

Viết&Độc muốn đặt một cái tên chung cho loạt các cuộc phỏng vấn sẽ được giới thiệu trong chuyên mục ĐỐI THOẠI này. Bởi tất cả những cuộc đối thoại ấy đã được thực hiện cách đây gần 20 năm tính từ ngày khởi đầu. Có những người được phỏng vấn đã trở thành người thiên cổ. Với những người còn sống thì gần 20 năm trôi qua cũng là một thay đổi lớn lao về mọi mặt trong cuộc đời của họ. Nhưng những gì họ nói cách đây gần 20 năm không thuộc về quá khứ. Mọi sự thật luôn thuộc về hiện tại. Và khi chúng ta bước vào tương lai thì sự thật vẫn theo chúng ta để làm một hiện tại mới. Có những nỗi sợ hãi của con người cách đây mấy ngàn năm vẫn là nỗi sợ hãi của người hôm nay, có những câu hỏi của mấy trăm năm trước giờ vẫn tiếp tục vang lên, có những đau đớn của người xưa vẫn giằng xé trong tâm hồn người nay, có những giấc mơ của tiên nhân vẫn hiện lên trong lớp lớp hậu thế... Thực ra, con đường của nhân loại chính là con đường để đặt ra những câu hỏi về kiếp sống và tìm câu trả lời cho những câu ấy. Hỏi và trả lời đều là lý do để con người được sống.

Những cuộc phỏng vấn này nằm trong dự án có tên: “Phỏng vấn nhân vật Việt Nam ba miền” do nhiếp ảnh gia Dương Minh Long khai sinh và tổ chức. Dương Minh Long bắt đầu lên ý tưởng cho dự án và lên danh sách nhân vật phỏng vấn năm 1997. Sau đó ông tổ chức triển khai ý tưởng, thực hiện bản sơ đồ nhân vật theo các vùng địa lý, trao đổi, hợp tác với từng nhà báo, nhà văn đang làm việc tại các cơ quan báo chí, Hội Văn nghệ địa phương, các cây bút độc lập, thu thập và tìm kiếm tư liệu về nhân vật (tiểu sử, tác phẩm, công trình...), chuẩn bị nguồn tài chính cá nhân cho dự án. Và nhiếp ảnh gia Dương Minh Long mất bốn năm để chuẩn bị.

Vào tháng 1 năm 2003, dự án bắt đầu được thực hiện và tạm thời kết thúc vào tháng 10 năm 2006. Toàn bộ chi phí cho dự án là nguồn kinh phí cá nhân của nhiếp ảnh gia Dương Minh Long.

Dự án này đã được thực hiện với khoảng 300 nhân sỹ trong cả nước ở các lĩnh vực: văn thơ, nhạc, họa, sân khấu, điện ảnh, nghiên cứu, phê bình. Nhiếp ảnh gia Dương Minh Long là Tổng đạo diễn tất cả các đầu việc cho dự án này.

Ông bàn luận kỹ lưỡng nội dung với người thực hiện về nhân vật sẽ phỏng vấn, lên kế hoạch chụp ảnh từng nhân vật, phân bổ kinh phí tới từng người phỏng vấn và nhân vật phỏng vấn. Có những cuộc phỏng vấn nhân vật sống ở

nước ngoài cũng được thực hiện như trường hợp bà Mộng Điệp sống ở Pháp, một người từng là người tình của Vua Bảo Đại. Đối với một số nhân vật, có tới ba người phỏng vấn ở những thời điểm khác nhau và những góc khai thác khác nhau để nhân vật đó hiện ra một cách đầy đủ nhất.

Viết&Độc thật may mắn khi được nhiếp ảnh gia Dương Minh Long cho phép sử dụng toàn bộ các bài phỏng vấn này. Khi tổ chức thực hiện dự án đặc biệt này, ông đã mua bản quyền toàn bộ các bài phỏng vấn. Tôi có thể nói rằng: toàn bộ những bài phỏng vấn khoảng 300 nhân sỹ người Việt Nam là một tài sản khổng lồ. Thời gian cứ từng khắc rời khỏi chúng ta và không bao giờ trở lại với bất cứ lý do nào. Nhưng nó ở lại với chúng ta trong một tinh thần khác. Đó là những giá trị đích thực mà chúng ta đã làm ra trong quá khứ.

Viết&Độc trân trọng được giới thiệu với bạn đọc dự án “Phỏng vấn nhân vật Việt Nam ba miền” của nhiếp ảnh gia Dương Minh Long trên lần lượt các số của **Viết&Độc**:

- Nhân vật phỏng vấn đầu tiên **Viết&Độc** giới thiệu cùng bạn đọc là nhà văn Nguyễn Huy Thiệp do hai nhà báo: “Người gây phiền phức, người gây bối rối” - Dương Phương Vinh thực hiện 2004 - “Nguyễn Huy Thiệp: Tôi đóng vai của tôi cũng được” - Yên Ba thực hiện 2003. In **Viết&Độc** số Mùa Xuân 2021.

- “Vương Trí Nhàn: Tình trạng tẻ nhạt khó chữa” - Yên Ba thực hiện 2004
- “Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn: Mở ra một con đường ngắn nhất đi từ trái tim của mình đến trái tim của người” - Văn Cẩm Hải thực hiện. In **Viết&Độc** số Mùa Hạ 2021.

- “Trung Trung Đỉnh: Người lạc ở phố” - Yên Ba thực hiện 2003. In **Viết&Độc** số Mùa Thu 2021.

- “Nguyễn Thị Thu Huệ - “Người đàn bà ra mở cửa” 2003 - Yên Ba thực hiện. In **Viết&Độc** số Mùa Đông 2021.

- “Nỗi niềm điều bông...” - Phỏng vấn nhà thơ Hoàng Cầm nhân kỷ niệm “100 năm Hoàng Cầm 1922 - 2022” - Yên Ba thực hiện. In **Viết&Độc** số Mùa Xuân 2022

Chuyên đề **Viết&Độc** Mùa Hạ 2022 tiếp tục trân trọng giới thiệu đến bạn đọc bài phỏng vấn nhà văn Nguyễn Việt Hà do nhà văn - nhà báo Yên Ba thực hiện năm 2002.

NGUYỄN QUANG THIỀU



Nhà văn Nguyễn Việt Hà.

Khi tôi trò chuyện với Nguyễn Việt Hà vào một ngày cuối năm 2002, cả hai chúng tôi đều còn trẻ và Nguyễn Việt Hà là một công chức ngành ngân hàng viết văn. Tiểu thuyết *Cơ hội của Chúa* Nguyễn Việt Hà ra ba năm trước đó bị “đánh” dữ dội trên các mặt báo, trong những diễn đàn văn học. Thế nên dĩ nhiên câu chuyện của chúng tôi liên quan đến *Cơ hội của Chúa* nhưng hơn thế nữa, còn là những quan niệm của Hà về việc viết và sống, cách tổ chức cuộc sống của nhà văn, về đức tin và sự chán nản...

Giờ đây, Nguyễn Việt Hà không còn trẻ nữa, cũng không còn làm công chức mà chuyên tâm vào viết văn. Anh đã có thêm nhiều tác phẩm sau *Cơ hội của Chúa*, có thêm những chiêm nghiệm mới, nhưng những gì trong câu chuyện của chúng tôi, thật ra là qua hai cuộc trò chuyện, lần đầu tiên sau 20 năm xuất hiện trên *Viết&Đọc*, vẫn không hề cũ...

(YÊN BA)

Nguyễn Việt Hà - Cơ hội của Chúa-cơ hội của người!

YÊN BA (Thực hiện)

Viết cuốn tiểu thuyết đầu tay *Cơ hội của Chúa* và ngay lập tức nổi tiếng, đó là Nguyễn Việt Hà, đến mức chỉ cần giới thiệu “Việt Hà Cơ hội của Chúa” là khỏi cần phải nộp “các-vi-dít” cho mệt! Bị “đánh” và cũng được bảo vệ một cách quyết liệt. Như Việt Hà nói, anh không thích trả lời phỏng vấn mà chỉ thích một cuộc trò chuyện. Ừ thì trò chuyện! Nhưng tôi cũng không ngờ rằng cuộc trò chuyện của chúng tôi phải trải qua hai buổi mới tạm dừng, mà thấy vẫn còn nhiều điều để nói...

Cuộc trò chuyện thứ nhất

Sự cùng quẫn của con người là cơ hội của Chúa!

Yên Ba: Nếu như tôi nhớ không nhầm thì anh đề từ cho cuốn tiểu thuyết đã làm anh nổi danh nhưng cũng gây cho anh không biết bao nhiêu phiền phức là “Sự cùng quẫn của con người chính là cơ hội của Chúa”? Một lời đề từ có nhiều hàm ý, khiến người ta buộc phải đọc tiếp trang đầu tiên. Chứ có nhiều ông, đọc đề từ xong là đủ rồi, khỏi phải đọc thêm trang nào nữa...

Nguyễn Việt Hà: Thực ra, anh Nguyễn Văn Lưu, Giám đốc Nhà xuất bản Văn học dị ứng với cái tên sách *Cơ hội của Chúa* và muốn tôi chọn cái tên là *Một ngày của Chúa*! Nhưng tôi không thích cái tựa đó. Còn câu đề từ mà anh dẫn ra đó, tôi có viết phía dưới là trích từ Kinh Thánh ra, nhưng thực ra trong

Kinh Thánh không có câu đó! Nó là câu của nhà thần học người Ý Thomas Aquino hồi thế kỷ XIII. Thường thì Chúa bao giờ cũng đến sau! Con người ta mấy ai mà không có một “vấn nạn” nào đó. Tôi thích cái từ này... Nếu có một “vấn nạn” nào đó mà không nói được với vợ con, bạn bè thì người ta mới đến nói với Chúa. Chính bởi vậy mà sự hiện diện của Chúa thường đồng hành với những lúc người ta đau khổ nhất, thật nhất. Cũng có nghĩa là muốn gặp được Chúa thì chỉ khi con người ta cùng quẫn...

***Yên Ba:** Anh có tin vào Chúa không?*

Nguyễn Việt Hà: Tôi dân Phát Diệm, Ninh Bình, là một tín đồ công giáo nên đương nhiên là tôi tin vào Chúa. Quan niệm của tôi về đức tin là khi có một cái gì đó để mà tin thì người ta dễ trở nên lương thiện hơn. Bi kịch của nhiều người xuất phát từ chỗ không có đức tin. Nhìn sâu vào bản thân tôi thì tôi chắc một điều là nếu tôi không tin thì tôi sẽ là một thằng rất tệ! Tôi tin nên tôi mới viết văn mà, Nho giáo gọi là tu thân vậy, như là một cách phòng tránh cho tôi khỏi một cái gì đó bị xâm huỷ. Nói tóm lại tôi đánh giá rất cao về đức tin.

Vấn đề tin hay không tin rất quan trọng đối với thẳng trí thức. Bây giờ tôi muốn nói tới đức tin một chút. Mặc dù nó bị tuyên xưng rất nhiều lần, nhưng nhiều khi cái đức tin đó không phải nằm ở chỗ tuyên xưng nhiều lần, mà nó nằm trong thao tác và tư duy của anh, trong cái hành động của anh. Đại khái nó thế! Nên ở sâu xa, thẳng Hoàng trong *Cơ hội của Chúa* vẫn là thẳng thiếu vắng và đi tìm đức tin. Như thế thì không phải là một tín đồ chân chính.

Nếu theo khái niệm một thời, anh phải có niềm tin tôn giáo. Tất cả những đức tin mà tôi nói đó, nó được xây dựng bằng sự kiểm nghiệm của trí thức. Chứ không phải như người ta nói tin là bị mê đi và đó là mê tín. Với trí thức thì độ mê tín hầu như không có. Tôi thích các nhân vật trí thức về tôn giáo, kể cả về đạo Phật, bởi tôi tin rằng, những người đó họ tin, nhưng lại không mê. Nhiều học giả ở Việt Nam không chịu quan tâm đến cách xưng hô của Đức Phật khi gọi các đệ tử của mình. Khi đang rao giảng, Phật Thích Ca bao giờ cũng gọi: “Này các bậc thiện trí thức, ta nói điều này các con nghe đây...” Thiện thôi chưa đủ, mà cần phải có trí thức. Trong tất cả các xưng hô của kinh Phật đều xưng là bậc thiện trí thức. Tức là nó cộng hai cái đó lại. Thiện là bản chất, là tố chất của anh ta, nhưng phải có trí thức nữa chứ!

Các nhân vật trí thức hay là tôn giáo của Việt Nam đều không tới nơi, không rốt ráo, nên rất là khó. Điều đó cũng giải thích thêm, vì sao Việt Nam lại hiếm những trí thức lớn. Hoặc là quá hiếm những nhà tu hành lớn. Không có giáo chủ, những triết gia cỡ lớn. Tại sao lại có chuyện đó, thì nhiều người lý giải rồi. Có ông nói Việt Nam “sơn bất cao, thủy bất thâm” - núi không cao, sông không sâu, nước thì nhỏ, phong khí nó vậy, nên chỉ như thế thôi! Không có triết gia lớn, nhà tu hành lớn thì chuyện không có nhà văn hay thương gia

lớn, theo tôi quá dễ lý giải. Để có được một cái gì đó tầm cỡ sẽ khó, không thể sốt ruột được, bởi nhiều khi tạng chất của người Việt Nam nó vậy!

Yên Ba: Tôi đồng ý với anh là nếu có đức tin thì người ta đỡ nói năng lung tung và nhất là không làm lung tung! Nhưng quay trở lại với cái tựa đề cuốn sách của anh. Trong đó không chỉ có Chúa, mà còn có cả sự cùng quẫn nữa! Viết về sự cùng quẫn thì cũng đã có nhiều người rồi, như Dostoevsky chẳng hạn! Anh nói là muốn gặp được Chúa thì phải cùng quẫn, nhưng những nhân vật của anh, những Hoàng, những Nhã, những Tâm, họ không có vẻ gì là cùng quẫn cả...

Nguyễn Việt Hà: Kinh Thánh nói rằng “Cứ gõ thì mở”. Điều tôi quan tâm không phải là những nhân vật của tôi họ có gõ (cửa Chúa) không mà là *tại sao họ gõ?* Cũng tức là tại sao lại cùng quẫn? Những nhân vật của tôi vẫn đi làm, kiếm tiền, yêu đương..., nhưng họ vẫn là những người lâm vào tình trạng cùng quẫn. Như nhân vật Hoàng, anh ta tự hỏi: “Ngày mai mình làm gì nhỉ?” Rồi anh ta trả lời: “Ừ, ngày mai mình không biết làm gì!”. Đó chính là sự cùng quẫn. Mặc dù anh ta là người có học, rất thông minh, nhưng anh ta vẫn lâm vào tình trạng cùng quẫn.

Yên Ba: Có nghĩa dù sao đó vẫn là một sự cùng quẫn về mặt tinh thần. Trong hoàn cảnh ở ta thì đó là một điều khá xa xỉ. Người ta có bao nhiêu điều phải lo trước khi ngồi ngẫm nghĩ về chuyện có nên đến gặp Chúa để bày tỏ những bế tắc tinh thần của mình hay không. Theo như tôi hiểu thì trước anh, trong văn học nước ta đã có một người viết rất hay về sự cùng quẫn vật chất, cơm áo gạo tiền, đó là ông Nam Cao với *Sống mòn*...

Nguyễn Việt Hà: Tôi rất phục ông Nam Cao ở chỗ ông ấy viết về chuyện đó mà lại vẫn hay! Đúng là giáo Thứ của Nam Cao bị sức ép của cơm áo ghê gớm, nhưng đó là nhân vật ở khu vực ngoại ô, thậm chí còn xa hơn. Còn nhân vật của tôi là những người trí thức, những người trẻ tuổi ở đô thị. Họ không bị dẫn dắt bởi chuyện cơm áo. Đối với họ, điều quan trọng là hoặc trụ vững trong cuộc, hoặc bị văng ra khỏi đời sống đô thị. Bác Tô Hoài có lần nhận xét rằng các nhân vật của tôi có đầy đủ cả trung, hiếu, tiết, nghĩa!

Dau khổ vì trí tuệ!

Yên Ba: Tôi còn nhớ hồi đó, khi cuốn sách còn đang om sòm, có người nhận xét rằng sự cùng quẫn của các nhân vật của anh là giả...

Nguyễn Việt Hà: Thật ra tôi không đồng ý với ý kiến đó. Bởi vì những nhân vật trí thức của tôi luôn khát khao muốn đóng một dấu ấn nào đó trong đời sống. Điều này thì thể hệ nào cũng vậy thôi. Nhưng trước đây, trong những năm chống Pháp, chống Mỹ, các cuộc kháng chiến hào hùng đã hất văng đi cái tù động và người trí thức cứ trôi theo cái dòng hào hùng đó. Nhưng đến thời hậu chiến, khi đời sống trở nên bình bình thì người trí thức, được học hành, có chữ nghĩa và rất mẫn cảm, sẽ phản ứng với sự đều đặn, tù động.

***Yên Ba:** Anh nói cứ như đời sống hoà bình là cái môi trường tai hoạ cho trí thức không bằng!*

Nguyễn Việt Hà: Không phải vậy. Trong lịch sử của bất cứ một quốc gia nào cũng có những giai đoạn máu lửa, những hào hùng. Nhưng cũng có những giai đoạn ít biến động. Tôi không nói là cứ phải có chiến tranh thì mới là hào hùng, trí thức mới có điều kiện để lại dấu ấn của họ. Nhưng một cái đời sống bình bình, tôi không nói là sự ổn định, ngăn nắp hoàn toàn, nhưng cứ bình bình thôi, là đã khiến những trí thức phải ngồi ngẫm nghĩ. Tôi không nói họ bị tha hoá trong cái môi trường ấy, nhưng có khi chỉ là một tâm trạng chán chán thôi.

Nhưng đừng có coi cái sự chán chán ấy là nhỏ! Anh có biết là hồi thập niên 90 ấy, đã có rất nhiều truyện ngắn ở ta viết về cái sự chán chán ấy đấy. Mà một trong những bằng chứng của cái sự chán chán nơi người trí thức là anh ta không biết yêu! Tôi cho rằng ngày nay, Romeo và Juliet đã chết từ lâu rồi! Những người trẻ tuổi không biết yêu. Bởi vì có một hằng số chung trong tình yêu là sự hy sinh thì đa số bọn họ đều không biết! Chính đức hy sinh sẽ dẫn tới sự vị tha, thương yêu và được thương yêu. Không hẳn họ là những người ích kỷ mà đơn giản là họ không biết có một sự hy sinh tồn tại trong tình yêu.

***Yên Ba:** Như vậy là anh nghiêng về khía cạnh cho rằng bản chất của người trí thức, những người luôn mẫn cảm với nhịp điệu đều đặn của một đời sống bình thường, đã tiềm tàng mầm mống của bi kịch...*

Nguyễn Việt Hà: Ngày bé, tôi xem một vở kịch có tựa đề là *Đau khổ vì trí tuệ!* Ông Tô Đông Pha bên Trung Quốc từng nói là *Nhân sinh thức tự đa ưu hoạn* - thằng nào biết nhiều chữ là đã tự chuốc lấy sự phiền muộn vào người rồi! Tôi cho rằng trí thức là những người không bình thường, khao khát làm được một cái gì khác thường.

***Yên Ba:** Đây là một vấn đề mang tính kinh điển rồi! Quan trọng là vì sao anh lại nhìn nhận nó như một đối tượng để phản ánh, cái cách mà anh đã nhìn ngó vào trong những ngõ ngách tâm hồn các nhân vật của anh cơ!*

Nguyễn Việt Hà: Sở dĩ tôi nhìn về khía cạnh tinh thần là chủ yếu bởi vì cái sở học của tôi nó chỉ thuần với những vấn đề như thế. Tôi chỉ quan tâm đến những bi kịch của giới trí thức. Đương nhiên là người bình thường thì cũng có những bi kịch của người bình thường. Chỉ có điều là bi kịch của trí thức thì nó “văn” hơn mà thôi.

***Yên Ba:** Tôi có cảm tưởng như anh vẫn chưa có được đủ độ sâu cần thiết khi nhìn vào tầng lớp trí thức ấy. Như nhân vật Hoàng chẳng hạn. Anh ta vẫn bị kịch theo một kiểu mẫu rất khuôn sáo: bế tắc thì tìm đến rượu, rồi sau đó là dần vật...*

Nguyễn Việt Hà: Nếu gọi là khuôn sáo thì không hẳn đúng. Xét về trường nghĩa thì đó vẫn là một kiểu cách kinh điển! Tôi gọi là kinh điển cho nó đỡ bạc! Đúng ra là anh ta lặp lại những thao tác rất cũ, như là thói quen mà anh ta trôi theo một cách vô thức. Tôi cũng có thể cho anh ta đánh bạc hay đi chơi gái, nhưng nó không hợp với bản chất của anh ta. Phải chấp nhận một hiện tượng như thế này: có những thao tác đã rất cũ, nhưng không thay đổi được. Như ngày xưa vua Hùng ăn cơm thì bây giờ anh và tôi cũng ăn cơm, và phải gọi nó là ăn cơm chứ không gọi khác đi được. Như người ta vẫn thường hay phê phán phim ảnh của ta là để cho nhân vật khi ốm cứ ho sù sụ, sáo mòn, nhưng rõ ràng là để tìm một hình thức độc đáo hơn thể hiện việc ốm mà không ho thì vẫn chưa tìm ra! Cái thao tác tư duy của anh trí thức cũng theo một khuôn sáo như vậy. Nếu như anh Pha hay chị Dậu gặp điều trục trặc trong cuộc sống thì họ đổ cho số phận, còn anh trí thức mà gặp bế tắc thì dần vật là chuyện đương nhiên.

Về sự dung tục hoá trong phê bình

***Yên Ba:** Bây giờ tôi đề cập đến hậu Cơ hội của Chúa. Sau khi cuốn sách ra, tôi và độc giả báo chí đều biết anh bị “đánh”. Vừa mới viết cuốn sách đầu tiên mà đã bị như thế, kể cũng choáng. Nhưng mà tôi nghĩ rằng khi tung cuốn sách ra với chợ đời thì anh cũng đã xác định tư tưởng rồi chứ không đến nỗi bị “tẩu hoả nhập ma”...*

Nguyễn Việt Hà: Truyện ngắn đầu tiên của tôi với bút danh là Nguyễn Việt Hà được in trên *Sông Hương* năm 1993. Tôi được giải cao nhất của cuộc thi năm đó luôn, giải Nhì cùng với anh Nguyễn Bản và chị Quế Hương, vì năm đó không có giải Nhất. Tôi viết xong *Cơ hội của Chúa* tháng 2-1997; cuốn sách in vào tháng 1-1999. Đến tháng 6-1999 có những bài báo đầu tiên về cuốn *Cơ hội của Chúa*; còn bài mà nói như anh là “đánh” thì khoảng tháng 7-1999, của

anh Trần Mạnh Hảo đăng trên báo *Nhân dân*. Sáu tháng đầu sau khi in, các hàng sách còn nói là bán rất ế, không ai để ý.

Nhưng rồi khi có những bài báo, mà đầu tiên là những bài khen, chủ yếu của giới báo chí, thì người ta mới bắt đầu để ý. Còn để nói chính danh, tờ *Thế thao & Văn hoá* là tờ báo đầu tiên viết bài về cuốn sách và tôi. Sau đó thì có một loạt các báo viết theo, như *Tuổi Trẻ thành phố Hồ Chí Minh*...

Còn nhiều chuyện nữa, nhưng ý tôi muốn nói, khoảng cách từ cái truyện ngắn đầu tiên cho đến lúc có chuyện âm ỉ về *Cơ hội của Chúa*, là khoảng 4 năm. Trong khoảng thời gian đó, tôi biết khá nhiều chuyện của giới văn học, nhưng tôi không có quan hệ sâu. Tôi biết rất nhiều chuyện mà như anh nói là những tác phẩm bị “đánh” ấy. Thông thường thì tôi thấy là do cách đọc hiểu thôi! Tôi vẫn giữ cái công văn của Sở Văn hoá thành phố Hồ Chí Minh đăng năm 1999 trên báo *Sài Gòn giải phóng*, kể tôi một loạt tội, mà theo đấy đáng ra bản tôi còn hơn! Đây là công văn chính thức đấy nhé! Nó quá nặng nề!

Đến năm 1999 thì tôi không phải là thằng mới nhập môn trong chuyện viết lách. Trước *Cơ hội của Chúa* tôi đã có một tập, tập hợp những truyện ngắn của tôi đã đăng trên các báo mà tôi vẫn thường gửi qua đường bưu điện.

Nhưng lúc đó, khi bắt đầu bị “đánh”, nói của đáng tội, tôi rất hoang mang. Nói hoang mang và bối rối thì đúng hơn là buồn bực.

Ở đây tôi muốn nói về chuyện phê bình ở Việt Nam độ khoảng 5 năm gần đây nhé! Phê bình ở Việt Nam, vì sao có nhiều người nói nó cứ lụi dần đi. Cái phê bình văn học đấy! Bởi vì phê bình ở Việt Nam thường bị dung tục hóa nhiều. Bình thường, người đọc có một ý kiến feedback lại tác phẩm mình đã đọc, tức là phản hồi lại những gì mình đã đọc. Tôi nói đó là đối với những độc giả chuyên nghiệp nhất, tinh tế nhất. Người đọc rất quan trọng, đó là cái chuyện rất đương nhiên rồi. Khi các anh chị viết phê bình, đưa ra những ý kiến là của riêng mình, nhưng nói không đến nơi. Những người viết phê bình ở Việt Nam có cái kiểu như trêu độc giả ấy! Khen không tới, chê không tới. Nhưng đó là sự chân thành của họ và điều quan trọng nhất là sự chân thành đó lại dung tục. Nó thể hiện ở chỗ lảng xê hay vui đùa, hoặc là một cái gì đấy bị hiểu méo đi.

Người phê bình chuyên nghiệp đầu tiên bảo vệ tôi quyết liệt là anh Phạm Xuân Nguyên, nhưng lúc đó tôi hoàn toàn không biết mặt. Anh ấy cũng hoàn toàn không biết gì về tôi cả. Khi mà anh viết một tác phẩm có tính chất thuần tuý là sáng tác, chẳng hạn như truyện ngắn, tiểu thuyết, thơ ca, thì cái chuyện mà anh bị hiểu không đúng, bị méo ở góc độ này hay bị cong ở đầu kia, theo tôi đó là đương nhiên. Những người phê bình là những người diễn giải tương đối rõ ràng những giá trị của tác phẩm, mà còn bị hiểu một cách dung tục và méo mó như vậy, thì sự khó chịu của tác giả sẽ bị tăng lên rất nhiều lần và khiến cho người ta bị chùn bút. Tôi biết có một nhà phê bình, đọc tác phẩm của một chị này rất thích, nhưng không viết, vì sợ bị gọi là lảng xê. Tức là chính anh ta mắc cả với một hệ thống bị dung tục như vậy. Đến mức độ như

vậy! Ý tôi nói, môi trường phê bình văn học ở Việt Nam bị vấy bẩn một cách rất tệ hại. Tôi cho chữ “dung tục” là rất chính xác! Nó bị dung tục quá!

***Yên Ba:** Tôi cũng thấy thế. Nhưng ở đây còn có vai trò của những người quản lý, những người có trách nhiệm cầm cân nảy mực để một nền văn học đi theo hướng tạo ra một môi trường sao đó để cá nhân nhà văn phát huy hết được cái khả năng của họ. Báo chí thì cũng vẫn là sự quản lý mà thôi...*

Nguyễn Việt Hà: Các nhà quản lý văn hoá ở mình đều xuất thân từ những nhà văn, nhà thơ cả. Nói thẳng tưng là như thế. Nói là dân chuyên nghiệp trong nghề mà ú ớ không biết chuyện gì cả, tôi cho là không có. Thế nhưng tôi nói đến việc phê bình theo phe nhóm, theo cánh hẩu. Ở đây tôi nói đến những người phê bình chuyên nghiệp đã thành danh. Để thành danh, anh ta phải có một đạo đức nghề nghiệp như thế nào đó mới thành danh được.

Nhưng khi đạo đức đó bị vấy bẩn, có thể tự bản thân anh ta tự làm vấy bẩn chứ không phải người ngoài, thì cái sự trung thực trong khen hay chê ai đó là đáng phải bàn. Ông Hoài Thanh ông ấy toàn khen đấy chứ. Ông ta không chê ai cả. Cũng chả sao cả! Tôi nói có người toàn chê cũng chả sao cả. Vấn đề là khen chê thế nào, nói một cách cải lương một chút, là để tâm phục khẩu phục.

Tâm phục khẩu phục không phải cho một người, hay một số người, mà phải cho số đông các độc giả. Các bài phê bình của Việt Nam độ khoảng chục năm gần đây, nó rất là tiểu khí. Tức là nó hẹp lượng, khí độ của nó rất là nhỏ. Có thể chữ nghĩa của các ông ấy rất giỏi, nhưng chẳng để làm gì! Còn tại sao nó lại kẹt đến mức độ như vậy, thì mỗi người phải tự vấn vì sao nó đến nông nổi như thế.

***Yên Ba:** Nhưng tôi thì lại tin vào một điều thế này này: dù có một nền phê bình như thế nào đi chăng nữa, thì một tác phẩm có giá trị nó sẽ vượt qua. Khen cũng thế, mà chê cũng thế...*

Nguyễn Việt Hà: Đương nhiên! Đương nhiên! Không có gì phải bàn thêm cả. Trong lịch sử nhân loại, có những thời đại lịch sử nào đó, nó có một cái độ tiểu khí như vậy. Có những giai đoạn lịch sử rất là tiểu khí. Nói thẳng ra như ông Trần Văn Giàu: lịch sử Việt Nam từ năm 1858 cho đến đầu thế kỷ XX, phong khí dân tộc mình nó rất suy vi. Chế độ nhà Nguyễn nó đã làm cho phong khí của cả dân tộc nó xuống như thế. Ảnh hưởng thế này, 6 thằng lính Pháp (thật ra là 8 lính Pháp và 2 lính đánh thuê người Việt-YB), nó chiếm được cả một tỉnh lỵ Ninh Bình. Đúng không? Tức là cái tư tưởng cầu an nó tha hoá từ một tay nhất đẳng đại thần cho đến một thằng đội. Có một lúc, nó đến như thế. Nó tệ như thế! Đó là sự biến thiên của lịch sử thôi.

Một dân tộc nó cũng như con người, lúc khoẻ, lúc yếu. Không phải ông cứ gán cái chữ dân tộc vào đấy thì luôn là một sự liên tục đâu. Dân tộc cũng có lúc nó trở nên tồi tệ. Như Trung Quốc, giai đoạn mà Lỗ Tấn viết văn đấy. Ông ta cay đắng cho cái phong khí của người Trung Quốc nó xuống thấp đến độ không thể chịu đựng được nữa. Nó tha hoá, nó bạc nhược, nó rất tệ. Tôi không nói nguyên văn, nhưng ý của ông ta là như thế! Ông ta đã vút dao kéo thấy thuốc đi, để viết văn, chọc cho cái phong khí nó lên. Rõ ràng như thế!

***Yên Ba:** Một người có giọng văn tương tự như Lỗ Tấn, giai đoạn đầu thế kỷ XXI được đánh giá cao là Vương Sóc. Anh có biết không?*

Nguyễn Việt Hà: Vương Sóc thì tôi có đọc một tiểu thuyết và truyện của anh ta trên tạp chí *Văn học nước ngoài*. Tôi cũng đọc tập sách của Bá Dương *Người Trung Quốc xấu xí*, qua các trích đăng trên *Tiến phong*, *Văn nghệ Trẻ*, rồi cả Giả Bình Ao qua những tạp văn của ông ta. Nhưng tôi không thích lắm. Theo tôi, viết tạp văn hay nhất vẫn là viết theo kiểu Lỗ Tấn. Tôi đã viết hẳn một bài tạp văn về chuyện ấy rồi. Cả Giả Bình Ao và Bá Dương đều không ăn thua. Tôi không thích nói những chuyện chửi bới tiểu tiết. Rất tiểu khí. Tôi cũng là thằng trí thức, cũng đề cập đến các vấn đề xã hội, phải như thế, chứ còn chửi thì dễ thôi. Chửi cái xấu bao giờ cũng dễ! Tôi cho là những người viết văn, chính trị gia, nghệ thuật gia, hay là những trí thức nói chung, khi nói đến một chuyện gì đấy xấu xa, bao giờ người ta cũng nói với tất cả sự đau đớn của mình. Đau đớn thôi, chứ bảo tìm giải pháp là rất khó.

***Yên Ba:** Đúng ra là họ không có trách nhiệm phải đề ra giải pháp. Cái đó là dành cho những người quản lý, các nhà hoạch định chính sách. Quả thực là tôi không muốn mình ở vào vị trí của anh sau Cơ hội của Chúa, vì dù muốn hay không thì anh cũng vẫn bị phiền phức bởi cuốn tiểu thuyết đầu tay của mình!*

Nguyễn Việt Hà: Lúc này anh nói, ở một mức độ nào đó rộng lượng, xếp tôi vào loại nhà văn bị “đánh”, theo cái nghĩa loại trừ cái gọi là mưu cầu để nổi tiếng, cái danh dung tục không đáng nói làm gì. Tất cả các nhà văn gọi là bị “đánh”, tức là tôi nói bị dung tục, bị méo mó đi ấy, thì kết quả tai hại nhất là họ bị tước khả năng viết. Không phải là bị cùn bút, hay bị tha hóa ngòi bút đâu, mà theo tôi nó làm cho mất đi cái khả năng, phẩm chất cao quý nhất của mỗi nhà văn là quyền được suy nghĩ. Tức là nó làm cho ông không được nghĩ nữa. Nó rất là lung tung!

Cho đến giờ tôi chưa thấy một nhà văn, nhà thơ, một người làm nghệ thuật nào gọi là thích thú với chuyện nổi danh vì bị “đánh”. Đối với tôi, những hiện tượng tự viết bài “đánh” mình cho nổi tiếng, xếp loại theo Freud là bọn bị loạn

trí, tâm thần, tức là bọn rất không bình thường; bọn ấy mình không xếp nữa! Có người xưng xưng nói rằng trên văn đàn Việt Nam có hiện tượng như thế thì quá đê tiện, quá bất bình thường trong một cái chu trình bình thường.

Cũng là một sự ấn chứng

Yên Ba: *Tôi muốn hiểu sâu hơn, cái cảm giác của người khi bị “đánh”. Buồn, vui, hay đó là một sự thách đố?*

Nguyễn Việt Hà: Thực ra thì cuốn *Cơ hội của Chúa* của tôi chưa có một văn bản chính danh nào là cấm cả. Chỉ có giám đốc NXB. Văn học, anh Nguyễn Văn Lưu gọi tôi lên và bảo: tạm thời đình bản. Hồi đó, đầu nậu sách có xin nổi bản, tái bản nhưng không được. Tạm thời là nó chỉ bị đình bản. Anh hỏi khi bị “đánh” là vui hay buồn, hay là sự thách đố, thì thế này: thực ra không một ông nhà văn nào bị “đánh” mà lại coi đó là động lực để viết cả. Tôi chưa gặp ai như vậy! Tôi chơi với rất nhiều nhà văn, nhưng bị “đánh” là động lực để viết thì tôi không nghe ai nói đến cả. Khi bị “đánh”, hiểu một cách nghiêm túc là tất cả những điều anh viết một cách chân thành, tâm huyết bị hiểu một cách dung tục, méo mó đi, thì sâu xa nó sẽ làm cho anh bị bài hoải, buồn. Nói chung là chán, rất chán!

Yên Ba: *Có thể nói đó là tình trạng cùng quẫn của trí thức? (cười)*

Nguyễn Việt Hà: (cười) Nói thế thì cũng hơi quá. Nhưng thực ra không có một giai tầng nào trong xã hội bị hiểu lầm nhiều như trí thức. Thật đấy! Trong tất cả các quá trình lịch sử, trí thức liên tục bị hiểu sai. Tôi xin dẫn chứng: Nguyễn Trãi chẳng hạn! Phải hơn 20 năm sau khi ông chết mới được gọi là *Ức Trai tâm thượng quang Khuê tảo*, cái tâm sáng như sao Khuê (thật ra sao Khuê chủ về văn chương, ý của Lê Thánh Tông là tâm hồn Ức Trai tỏa sáng trong văn chương-YB). Theo tôi, trí thức là thành phần liên tục bị hiểu lầm. Ông nào xác nhận là trí thức mà ngay từ đầu được hiểu đúng thì tôi hơi nghi ngờ về giá trị của người trí thức đó! Tất nhiên có những người rất lỗi lạc, có thể gọi là thần đồng trí thức, có thể khẳng định bản thân ngay từ rất sớm. Nhưng trước sau gì những tay thần đồng trí thức đấy, đến tuổi trung niên, ở đây tôi không có hàm ý xỏ xiên gì anh Trần Đăng Khoa đâu, kiểu gì cũng bị hiểu lầm ngay. Thế thôi!

Yên Ba: *Tức là lúc đó, có một cảm giác buồn lẫn với chán chán!*

Nguyễn Việt Hà: Chán! Nói chung lúc ấy là chán. Đến mức mà tôi cho rằng, cái chán đó đánh gục những người mẫn cảm và yếu đuối. Văn nghệ sĩ, trí thức

có nhiều người yếu đuối, nhưng cũng có rất nhiều người mạnh mẽ. Thông thường, những người trụ lại được là những người mạnh mẽ: cả trí thức, bản lĩnh và cả đạo đức. Giới văn nghệ Việt Nam rất chuộng cái chuyện của Yesenin và Mayakovsky (tự sát-YB). Hai ông này, qua nhiều tư liệu, chúng ta biết rằng họ đều bị một cái gì đẩy, nói thẳng là dung tục, giết chết. Theo tôi, hai ông này quá yếu, không thể viết tiếp được mà đều phải chết như vậy. Quá yếu! Còn chuyện Hemingway (tự sát-YB) thì lại quá tù mù, chưa rõ ràng nên mình không bình.

Tôi nhớ nhiều tư liệu của Nga ngày xưa nói Mayakovsky (Maya) là một người rất mạnh mẽ, có thể nói là thách đố, nhưng bị những đòn đau nên cuối cùng lại có kết cục như vậy. Khi triển lãm thơ của ông ta làm mà mọi người không đến, giới văn nghệ tẩy chay, đã dẫn đến khủng hoảng và cái chết của Maya. Chính Maya từng giễu cợt cái chết của Yesenin, cho rằng tự tử là thằng hèn. Ông kia thì từng có một câu thơ rất nổi tiếng: *Chết chẳng có gì là mới, sống trên đời thì cũng chẳng mới gì hơn!* Nhưng rồi ông ta yếu quá, nên ông ta ra đi. Maya là một tay, theo tôi là con hùm con hổ. Một tay kinh khủng! Tức là ông ta bị chế nhạo rất nhiều và ông ta tưởng như đã thích nghi được với mọi sự dung tục; nhưng trong thâm sâu ông ta không chịu được như vậy. Đó là tôi nói đến những hiện tượng hết sức đặc biệt.

***Yên Ba:** Nếu một mình anh bị “đánh” thì không nói làm gì. Nhưng rồi nó là hiện tượng khá phổ biến, như trường hợp Nguyễn Huy Thiệp nữa chẳng hạn. Những trường hợp khác quá nặng không nói làm gì. Rõ ràng được khen thì dễ quên, bị “đánh” thì dễ nhớ. Có những tác giả bị “đánh” bằng được! Dưới góc độ là một người bị “đánh”, anh nhìn nhận hiện tượng đó như thế nào? Phải chăng trong nền phê bình nói riêng của văn học chúng ta giai đoạn vừa qua có vấn đề...*

Nguyễn Việt Hà: Trường hợp anh Nguyễn Huy Thiệp là cái đã qua. Bây giờ giá trị văn học của anh Thiệp có nhiều cái không thể chối cãi. Còn đã có lúc anh Thiệp bị “đánh”, cái đó là dĩ nhiên rồi. Theo tôi đòn đau thì nhớ lâu và đó là chuyện thông thường. Tuy nhiên cũng có người được nhớ lâu vì được khen rất nhiều. Nói ngoài lề, như hiện tượng bà Ngân Giang là tôi không hiểu. Bài báo nào cũng trích: *Ái Bắc quân thù kinh vó ngựa*, cũng được nhớ lâu!

Câu hỏi của anh đang khu biệt vào vấn đề những người hay bị “đánh”. Vì tôi cũng chơi thân với anh Thiệp nên tôi biết rõ, khi có bài “đánh” đầu tiên thì ai cũng muốn biết bài viết đó của ai. Nói chung ở bất kỳ nền văn học nào cũng có nhiều các độc giả, trong các độc giả thì lại có nhiều cấp độ. Tùy theo trình độ nhận thức về văn học, theo những xu hướng chính trị cá nhân mà mỗi người nói lên suy nghĩ của mình về một vấn đề nào đó mà họ quan tâm. Trong số các ý kiến bạn đọc ấy, có ý kiến cũng làm cho mình đau lòng, nhưng nói về

chuyện nghề nghiệp thì thực sự mình không quan tâm. Còn nếu những bài viết đó ký tên là một đồng nghiệp, tức là một nhà văn nào đó, thì không thể không quan tâm.

Ở đây tôi xin trở lại một trạng thái, nói trần trụi thì chưa đến mức như vậy, nhưng nó cũng gần như thế trong suy nghĩ của tôi, đó là: tại sao anh ta/chị ta được gọi là nhà văn? Tôi là người mê tôn giáo và muốn nói rằng: một ông thiên sư muốn đắc đạo, muốn tới cảnh giới của sự đắc đạo, thì ngoài tự thân, ông ta cần phải kiếm một bậc thầy nào đó để ấn chứng, trong cửa Phật người ta gọi như vậy. Tức là khi bậc thầy kia nói: mày là thiên sư đấy, thì lúc đó con đường tu hành của người thiên sư trở nên tự tin hơn rất nhiều. Tôi nhớ một bài viết hình như đăng trên *Văn học nước ngoài* do ông Phong Lê dịch. Đó là giới phê bình văn học nước ngoài, nhất là những nền văn học lớn như Pháp, Anh, Nga, Mỹ, bao giờ người ta cũng chia sự ấn chứng ra ba mức độ: đầu tiên là ý kiến bạn đọc, trong ấy mở rộng bao gồm cả báo chí nữa, media, phương tiện truyền thông đại chúng; cấp độ thứ hai là những người đồng nghiệp, những người cùng nghề; cấp độ thứ ba là giới hàn lâm, academic đấy! Đó là giới phê bình cực kỳ chuyên nghiệp mà ông không dám cãi lại.

Ở nước mình, những người phê bình đạt đến trình độ như Bielinski, Viên Mai, hay Kim Thánh Thán, có khả năng đưa ra một cái gì đấy gọi là tiêu chuẩn, không biết may hay dở, là chưa có! Nhiều người nhắc đến Hoài Thanh, nhưng tôi không quan tâm lắm, vì ông ta bình về thơ, còn tôi là thằng viết văn xuôi. Ngay một người như ông Hoài Thanh vẫn còn nhiều chuyện để bàn lắm, chứ chưa thống nhất được.

Lịch sử văn học thế giới từng có nhiều hiện tượng mà lời đánh giá của người phê bình trở thành khuôn thước, như một sự ấn chứng, để người ta có thể khẳng định: thằng này là nhà văn đây, cho dù đạo đức nó thế nào đi nữa. Ở nước mình hay có sự lẫn lộn giữa văn cách và nhân cách, nhưng theo tôi về văn cách thì đó là thằng nhà văn.

Trở lại với vấn đề bị “đánh”. Cấp độ thứ nhất gọi là ý kiến bạn đọc, mở rộng ra là báo chí, mà ở đây tôi chỉ muốn nói những độc giả bình thường. Ở cấp độ này cũng đau đớn, nhưng nói thật sự về nghề thì tôi không quan tâm. Đau đớn nhất là những người cùng nghề nói, tức ở cấp độ thứ hai! Nhưng đó cũng là vinh dự nhất. Lúc đó ông được những người gọi là nhà văn gọi ông là nhà văn! Nó chính là sự thừa nhận: ông có là nhà văn hay không!

Quan niệm ở đây của tôi giống như một tay nhà văn người Áo, chia nhà văn ra hai loại: nhà văn biết viết và nhà văn không biết viết. Mỗi người có một quan niệm về cái mình thích và cái mình không thích. Nếu nói về quan niệm cá nhân, tôi coi Victor Hugo, Paustovsky là không biết viết. Nhưng các ông ấy là nhà văn! Cái hay nhất của Hugo, theo tôi mà một số nhà phê bình không nhận ra, chính là cái đại ngôn và sự rườm rà. Đối với tôi, lúc hùng biện ông Hugo quá dài dòng. Bộ *Những người khốn khổ* vĩ đại, nhưng dài dòng quá!

Theo tôi văn nghiệp của Hugo, cuốn mà đọc được là *Thằng gù ở nhà thờ Đức Bà*. Tôi đọc ông ta thì cũng như tất cả anh em mình đi học, cái gì đưa vào chương trình học thì phải đọc. Ngoài cuốn đó ra, tôi không chấp nhận cuốn nào khác. Văn Hugo tôi không thể chịu được! Đây là tôi nói những tác phẩm văn học nước ngoài đã được chuyển sang Việt ngữ. Đó là quan điểm của tôi, còn nhà văn biết viết theo tôi rất nhiều.

Từ đây, tôi quan niệm: có những nhà phê bình biết viết và những nhà phê bình không biết viết. Trong quan niệm tôi, những người như tôi, anh Thiệp, nếu bị người phê bình thực sự biết viết, “đánh” một bài thì nó đem lại sự tích cực.

Trở lại cấp độ thứ hai là những nhà văn đồng nghiệp. Nếu một người tôi coi là biết viết lại viết bài bảo tôi không biết viết, thì bao giờ nó cũng đem lại một động lực cho mình viết tiếp. Còn nếu một nhà văn tôi coi không biết viết lại bảo tôi không biết viết, thì tôi coi như những độc giả bình thường khác mà thôi! Khi tôi viết lại thì không phải vì những con người theo tôi không biết viết đó mà khi một nhà văn, một nhà phê bình biết viết chê tôi, khi ấy tôi coi đó như là một sự thách thức, làm cho mình tích cực hơn như anh nói đấy! Thế là mình cố gắng, mình lại viết để chứng tỏ với họ...

Muốn viết tiểu thuyết thì phải khoẻ và biết cách sắp xếp cuộc sống

***Yên Ba:** Tôi quan tâm và rất muốn biết về chuyện những bản thảo của anh. Khi những chuyện om sòm xung quanh cuốn *Cơ hội của Chúa* lên đến đỉnh điểm thì dù muốn dù không, anh cũng trở thành nổi tiếng mất rồi! Mà số phận của những người nổi tiếng là phải chịu để người ta “soi”, người ta đồn thổi. Tin đồn cũng là một trong những tiêu chí để phân biệt một người nổi tiếng với những người không nổi tiếng đấy! Thời đó, tôi nghe tin đồn là anh bị “đánh” sợ quá đến mức đem đốt cả bản thảo của cuốn anh đang viết dở. Chẳng biết chuyện đó có thật hay không chứ nếu như vậy thì cũng là hy hữu trong nền văn học thế giới đấy!*

Nguyễn Việt Hà: Có hai chuyện. Thứ nhất là đốt bản thảo thì nó bắt nguồn từ chỗ này: mỗi nhà văn có một cách gìn giữ bản thảo theo thói quen. Tôi không nói dở hơi hay không, nhưng thông thường những cái gì tôi chán thì tôi hay đốt. Thói quen này có từ ngày tôi chập những bước vào nghề văn chương. Khi tôi nói chuyện này với anh Thiệp, anh ấy bảo nên bỏ thói quen đó đi. Bắt nguồn từ thói quen đấy, đến khi chuyện âm ỉ xung quanh cuốn *Cơ hội của Chúa* bùng lên, thì tôi đốt. Cũng là do thói quen. Trước đây mình đốt do mình đọc lại thấy thôi quá, chán quá. Còn tiểu thuyết viết sau mà tôi đốt, hoàn toàn

không phải do thối quá hay chán quá, mà do cộng hưởng từ thói quen và nhiều thứ khác. Lúc đấy thấy văn chương nó bạc bẽo lắm!

Nhà văn nào khi đang viết đều cho mình viết hay mới tiếp tục viết. Ở đây tôi muốn nói đến một huyền thoại nổi tiếng, khi Tolstoy đọc chuyện *Cha Serghi*, ông ta vỗ đùi mà bảo: thằng nào đây viết hay quá! Chuyện này là do Gorki kể lại trong cuốn *Gorki bàn về văn học*, tập 2. Tôi cho rằng lúc đó đọc giả Tolstoy đọc truyện của nhà văn Tolstoy. Anh cũng như tôi, có khi đọc lại những cái mình viết thì tự hỏi: sao khi đó mình viết được như thế nhỉ! Đó là cảm hứng rất lạnh mạnh, rất tinh táo.

Khi anh viết rồi thì anh luôn nghĩ mình đang làm một công việc rất hay. Nhưng rồi đôi khi đọc lại thấy mình viết chán quá! Bản thảo mà tôi đốt là cuốn thứ hai. Với tôi, đã viết một cuốn tiểu thuyết thì không dưới 500 trang. Lúc đó tôi viết được khoảng 160 trang rồi. Mọi chuyện nó rất tự nhiên. Nó như một thằng nhảy lầu tự tử, nếu thoát chết, anh hỏi nó vì sao lại làm vậy, nó không trả lời được. Chỉ biết lúc đó làm như vậy thôi! Có thể nói đó là khủng hoảng, nhưng cũng không xác định rõ ràng được. Hôm đó tôi có uống rượu, rồi có một cái gì đấy khó diễn tả làm cho mình đốt bản thảo.

Nhưng cái chuyện đốt bản thảo ấy không đau bằng việc mất cặp đựng bản thảo. Sau khi đốt bản thảo, tôi cẩn thận viết lại cuốn đã đốt, nhưng lại bị mất. Hôm ấy tôi còn nhớ đi với vợ và bị mất ở chỗ “giặt khô” áo da. Tôi đã nhờ đi tìm hộ cái cặp nhưng rồi không tìm được. Lúc đó tôi đã viết lại được hơn 100 trang. Chính vì vậy, mà tôi cho rằng cuốn tiểu thuyết thứ hai của tôi nó có số. Tôi là người không viết được bằng bàn phím. Tôi chỉ viết được bằng bút, mà cũng chỉ bút mực thôi, không viết được bằng bút bi. Khi viết thì bắt buộc giấy có kẻ dòng. Tôi rất nể những ông nào viết giấy trắng không cần kẻ dòng. Tôi có một cái tật, khi viết một cuốn sách mới bao giờ cũng có thêm một cuốn nữa. Tức là tôi ngồi chép lại y xì. Tất nhiên trong quá trình chép lại thì có sửa chữa. Một lần đốt và một lần mất, làm cho mình có thói quen như vậy. Đó là một điều trì trệ đấy! (cười...).

Yên Ba: Cuốn sách ấy có tên chưa?

Nguyễn Việt Hà: Cuốn *Cơ hội của Chúa*, sau khi viết xong gần 4 tháng, tôi mới đặt được cái tên đó. Tôi viết truyện ngắn cũng thế, tức là không bao giờ đặt tên trước khi viết xong. Nên cuốn thứ hai chưa có tên. Theo tôi cuốn này là được! Có chuyện thế này: ở cuốn thứ hai mình không còn độ hồn nhiên như lúc viết cuốn đầu tiên. Ngày trước, khi viết *Cơ hội của Chúa*, tôi hay viết về đêm, có thói quen viết đêm.

Yên Ba: Học theo Dostoevsky à?

Nguyễn Việt Hà: Dostoevsky hay Hemingway có những giai thoại, theo tôi chỉ để kể cho sinh viên khoa văn năm thứ nhất nghe thôi. Tôi không bao giờ tin, một ông nốc 1 lít rượu rồi còn ngồi vào bàn viết được 3 trang. Bịa! Tôi không bao giờ tin! Dos đánh bạc đến 2, 3 giờ sáng rồi lại ngồi vào bàn viết! Tôi cho đó chỉ là những giai thoại mà thôi! Bởi viết là một công việc rất mệt, đòi hỏi sự tập trung lớn.

Năm 1995, về cơ bản tôi đã xong cuốn *Cơ hội của Chúa* và lúc đó tôi lấy vợ. Việc lấy vợ đã thay đổi một loạt thói quen sinh hoạt của tôi. Nhà hẹp, rồi chuyện vợ con, nên tôi không viết thêm được. Mất thói quen viết đêm, tôi cũng rất tiếc.

Theo tôi biết, đa phần những người viết ở Việt Nam đều viết đêm. Không phải họ bắt chước Dos đâu, mà vì điều kiện, cơ sở sinh hoạt của họ bắt buộc như vậy. Nó tệ quá! Ban ngày, vợ bừa con ríu, nhà thì chật chội, bố mẹ, anh em ra vào. Anh hỏi tôi nhiều về công việc viết lách, tôi nói thế này: để viết được một tiểu thuyết, thao tác chính của nhà văn là phải biết tổ chức đời sống của ông ta một cách khoa học, hợp lý. Vì một cuốn tiểu thuyết nó dài dòng, lâu lắm! Nó luôn lẫn lộn vào đời sống hàng ngày, như vợ con ông vậy. Tức là nó ở chung với mình nhưng lại không hiện hình. Nó đòi hỏi ông phải dành cho nó một góc trong đời sống hàng ngày, mà cái góc đó ông không cho mọi người thấy được. Chính vì vậy, ông phải tổ chức mọi chuyện một cách ngăn nắp. Những nhà văn Việt Nam khổ vì phải viết đêm là như vậy. Chẳng qua ông đã phải dành một góc cho vợ con, một góc cho bố mẹ, một góc cho toilet rồi, thì văn chương ông phải xếp sau cùng và phải viết đêm thôi. Ông không có cách gì khác được!

Nói thật không chỉ riêng tôi, khi mua cuốn Pushkin tuyển tập hay cuốn sách nào đó của Tolstoy, thường có ảnh trang trại, hay phòng làm việc của những ông đó, thì ông nhà văn Việt Nam nào cũng thêm nhỏ dãi! Tôi nói thế không phải bôi bác gì, nhưng sự thực đời sống của các nhà văn Việt Nam là vậy. Nếu có ai đó viết trong toilet thì cũng chẳng có gì ghê gớm cả, vì điều kiện phải như vậy! Không phải vì gián mà cũng chẳng phải vì ruồi!

Yên Ba: Bao giờ thì anh viết xong cuốn thứ hai này?

Nguyễn Việt Hà: Tôi đặt thời hạn cho tôi khoảng 3 năm. Tôi bắt đầu khởi bút vào ngày sinh nhật của tôi. Tất nhiên tôi đã chuẩn bị rất kỹ và nghĩ rằng rất là hay! Thực ra, như tôi nói đấy, viết tiểu thuyết là công việc dài hơi, trường kỳ, cần phải có sự sắp đặt hợp lý thì mới được.

Yên Ba: Cuốn này có dính dáng gì đến cuốn bị đốt và mất không?

Nguyễn Việt Hà: Tất nhiên nó có những cái lẻ tẻ được dùng lại. Như anh biết, thói quen của tôi là hay chép lại bản thảo, cái bị đốt là cái đã tương đối

phẳng phiu, còn đầu đó vẫn có những cái lẻ tẻ, là những đoạn viết đầu tiên chưa được chép lại một cách hoàn thiện; những cái đó vẫn còn và tôi tìm nhặt chúng lại. Bảo dính dáng thì nó cũng lẻ tẻ linh tinh, nhưng là có!

Còn phụ thuộc cả vào thể tạng nữa

***Yên Ba:** Nói về tuổi thì không còn trẻ, nhưng để viết tiểu thuyết thì anh vẫn là một nhà văn trẻ. Vậy là một tác giả trẻ trong nhịp điệu của đời sống hiện nay, anh có thấy khó khăn không? Bởi vì như anh biết đấy, làm một thằng thanh niên thời buổi này khó lắm! Bao nhiêu là thứ ràng buộc, bao nhiêu là cám dỗ...*

Nguyễn Việt Hà: Tôi còn nhớ trong một bàn tròn văn học, anh Ma Văn Kháng có nói rằng (đó cũng không hẳn là ý của anh ấy đâu, mà của rất nhiều nhà văn): tiểu thuyết thông thường dành cho những người tương đối còn trẻ. Nhưng tôi quan niệm rằng, viết tiểu thuyết là công việc dành cho những người có sức khỏe. Đó là vấn đề quan trọng nhất. Tôi chưa thấy tiểu thuyết gia nào lại xanh rớt, ốm yếu.

Vì là người viết tiểu thuyết nên tôi hay quan tâm đến công việc của những người viết tiểu thuyết khác, cả Đông lẫn Tây. Tôi cho rằng những cuốn tiểu thuyết được viết ngẫu hứng là nhờ có một cái gì đó như tài năng hay do ân sủng của Chúa soi rọi cho người viết trong một giai đoạn nào đó và ông ta làm việc miệt mài. Thông thường ông ta cũng chỉ viết được một cuốn như vậy thôi.

Còn những người gọi là nhà tiểu thuyết, họ đều khỏe và rất trường sức. Một trong những cái sức đầu tiên của người viết tiểu thuyết là sức đọc và trí nhớ phải rất chuẩn. Đây là cái mà tôi cho là đặc thù lớn nhất của người viết văn. Những người viết văn trẻ hiện nay, viết được hay không viết được tiểu thuyết đều phải hiểu công việc, phải xác định công việc như thế nào đã. Tôi cho là nhiều nhà văn trẻ Việt Nam ngần ngại viết tiểu thuyết. Vấn đề không phải là chuyện lập đề cương, mà quan trọng nhất là anh ta tổ chức cuộc sống như thế nào, trong đó có vấn đề sức khỏe, tiền bạc. Anh nói tôi 40 tuổi vẫn là nhà tiểu thuyết trẻ, nhưng 40 tuổi là người bình thường thì chắc chắn đã có vợ, may mắn thì có hai con, bết thì cũng một con. Những chuyện con cái nó quấy rầy anh khủng khiếp! Anh không thu xếp được những chuyện quấy rầy đó để khỏi ảnh hưởng đến sự liên mạch, mà như tôi đã nói, cái liên mạch quan trọng nhất của thằng nhà văn là cái nghĩ. Cái viết thì có thể đứt mạch được, nhưng cái nghĩ mà anh bị đứt mạch thì khó khăn lắm. Để nối lại một ý nghĩ, tức là nối lại một cái trường nghĩ đã “bị thủng” thì rất vất vả. Theo tôi nghĩ, quan niệm trẻ hay già trong viết tiểu thuyết thì nó...(ngập ngừng).

***Yên Ba:** Không phải phân định theo kiểu máy móc đâu. Anh phải hiểu*

thể này, cái nhịp độ cuộc sống nó đòi hỏi rất là “mỳ ăn liền”, rồi tiền bạc... các thứ nó xô đẩy anh. Mỗi một người bây giờ chịu sự xô đẩy của rất nhiều lực. Để có thể thích nghi và đối mặt với những sức ép đó, để có thể trở thành một người viết tiểu thuyết ở lứa tuổi như anh, thì gặp những khó khăn như thế nào? Người trẻ bao giờ cũng muốn chạy theo những cái khác nữa...

Nguyễn Việt Hà: Rất nhiều ví dụ minh chứng, như Vũ Trọng Phụng, chết năm 27 tuổi khi đã có 4, 5 cuốn tiểu thuyết. Rồi nhiều người khác viết được tiểu thuyết khi đang còn trẻ. Tiểu thuyết, thực ra theo tôi là chuyện về thể tạng. Nó là thể tạng! Tôi từng nói với anh Thiệp là tôi không tin anh Thiệp viết được tiểu thuyết, dù anh Thiệp có nói là anh sẽ viết tiểu thuyết. Vì thế này: anh Thiệp rất kỹ chữ. Theo tôi, muốn viết được tiểu thuyết thì tương đối phải ầu. Ấu ở đây, tức là trong khi viết ông phải hồn nhiên, không cần ke quá trong cái gọi là ngữ pháp, về câu chữ.

Cái thao tác viết tiểu thuyết tôi cho là nó khác xa viết truyện ngắn. Tất nhiên cái nào nó cũng có cái khó kinh khủng riêng của nó. Kể cả viết một cái tạp văn tôi cho cũng rất khó. Tôi vẫn nghĩ mình là tạng thẳng viết văn, có chút danh môn. Nhiều báo họ thường đặt tôi viết. Vì sự ham hố, kể cả về chuyện tiền nong, hay là cái danh của mình tí xúu nên cũng muốn viết. Vì vậy tôi cho rằng đó là cái thể tạng. Cho nên tôi viết được khoảng sáu bảy chục cái tạp văn, là do tôi chọn cái thể loại đó vì nó phù hợp với thể tạng của tôi. Tạp văn là một thứ nửa văn, nửa báo. Nó rất là đơn giản. Thế thôi!

Thế nên, khi một ông sinh ra để viết truyện ngắn mà lại nhằm nhằm viết tiểu thuyết, thì bảo đảm chắc chắn là bại! Một minh họa lỗi lạc nhất về chuyện ấy là trường hợp Chekhov. Ông ta hiểu rất rõ về công việc đang làm. Cuối cùng ông ta quay sang viết kịch, bởi vì ông ta tự cho là người viết thoại giỏi. Thế thôi! Còn nói về tài văn Chekhov, sao nói tài văn ấy không viết được dài? Đó chính là thể tạng! Một trong những nhà văn chuyên viết truyện ngắn cũng nổi tiếng như Chekhov là Guy de Maupassant. Ông ta viết được hai cuốn tiểu thuyết mà tất cả các nhà phê bình đều nói rất tồi, là *Anh bạn đẹp* và *Một cuộc đời*, đều đã được dịch sang Việt ngữ cả. Vậy mà không hay bằng một cái truyện ngắn là *Viên mỡ bò*... Đó chỉ là sự kết nối rất lỏng lẻo của nhiều truyện ngắn vào đó. Nói tóm lại: ông ta không có tư duy tiểu thuyết, bởi vì ông ta là người chuyên viết truyện ngắn.

Tôi cho rằng, tiểu thuyết là thứ “đặc sản” của phương Tây, cái mà gọi tiểu thuyết tự sự ấy! Giới nghiên cứu, phê bình văn học phương Đông đã xếp loại văn chương Trung Hoa theo thứ hạng như triết học tiên Tần, phú Hán, từ Tống, Đường thi, tiểu thuyết Minh Thanh... Tức là mỗi giai đoạn lịch sử Trung Quốc chỉ có một thể loại nổi trội, chỉ thích hợp với một thể loại. Đời Đường người ta chỉ làm thơ thôi, không viết được phú nữa và cũng không viết được

tiểu thuyết mà phải đến đời Minh, Thanh. Không phải cái hiện thực thời Minh, Thanh lúc đấy mới để cho ông viết tiểu thuyết mà tôi cho cái thể tạng của thời đại, thời cuộc nó quy định như vậy.

Tất nhiên ở thời đại nào cũng có những ông viết tiểu thuyết, nhưng nó đến thời đoạn mà như mình nói là sung sức nhất. Như văn học Nga, đặc biệt cái thời đoạn từ 1820 đến 1890, tức là trong vòng 70 năm thôi, tay nào động bút cũng thành tiểu thuyết gia cả. Tôi nói thật sự đấy! Kinh khủng luôn!...

Nhưng mà thôi, nói chuyện với ông mệt quá! Còn gì nữa thì để một buổi khác đi!

Yên Ba: Đồng ý!

Cuộc trò chuyện thứ hai

Mỗi thế hệ có thời của nó

Yên Ba: Buổi trước chúng ta đã nói về chuyện làm một nhà văn trẻ, tóm lại: phải khỏe! Bây giờ chuyển sang chuyện mới đi! Cách đây độ khoảng gần bảy năm, không biết chuyện này do lão Phạm Xuân Nguyên bày trò hay do ông Hoàng Hưng bên báo Lao Động, cái chuyện “đổi gác” ấy! Ý kiến của anh về chuyện này thế nào? Tôi muốn nói về ý kiến của công luận, cũng như về chuyện “đổi gác”. Có người nói rằng: văn học có phải là vệ binh đầu mà đi đổi gác!

Nguyễn Việt Hà: Tôi nói thế này: dù muốn hay không muốn, thì trong văn học nghệ thuật, người ta vẫn theo một cách rất chính thống. Tức là nó phân ra từng thời đoạn, từng giai đoạn. Mỗi giai đoạn, mỗi thời đoạn lại gắn liền với một thế hệ. Thế hệ đó có những vấn đề của thời đoạn đấy. Thế cho nên khi ông làm về văn chương, về lễ luật của thời đoạn, thì bắt buộc ông phải đối đầu với những vấn đề của thời đoạn đó. Theo tôi nghĩ, vấn đề đổi (gác) hay không đổi, thì nó luôn vượt ra khỏi ý muốn chủ quan của tất cả những người viết.

Ví dụ, lớp văn học chống Pháp, họ đã hoàn thành xong phần việc của họ. Lớp văn học chống Mỹ cũng vậy. Còn nói gì thì nói, lớp sau 1975, đặc biệt là sau năm 1980, khởi đầu bằng một loạt những cái mà gọi là văn học đổi mới đấy, rõ ràng nó là một kiểu, một thế hệ khác, với cách nhìn khác. Như thế thì bắt buộc nó có một thi pháp khác, nói chữ nghĩa là như vậy. Chất liệu đời sống nó đã khác, vấn đề cuộc sống nó đặt ra cũng khác rồi, thì rõ ràng phải có những người viết khác.

Những người viết thế hệ trước có theo kịp những điều đó không, theo tôi nghĩ khá hiếm hoi. Đa phần họ đều bị văng ra. Vì một trong những cái mà người viết dễ nhận là giọng điệu riêng. Cái giọng điệu riêng là sự cộng vào của rất nhiều những thói quen, cách nhìn và điểm nhìn. Không phải xã hội thay đổi rồi mà các anh các chị đó không theo kịp, mà vấn đề là họ không thay đổi được cái thói quen, cái thao tác làm việc. Từ đó những sáng tác của họ, nói hơi vớ vẩn là không cập nhật lắm. Lúc đó những người đã đi qua, đã thành danh, thành công ở những giai đoạn trước, người ta không phải là người trong cuộc của những vấn đề ngày hôm nay nữa.

Nói một câu có tính kinh điển, quy chuẩn: nhà văn đích thực thì không cần thời. Làm gì có nhà văn của thời hôm nay, nhà văn của thời đã qua, nhà văn của thời tương lai. Không có! Đó là sự phân biệt có tính giả tạo. Tôi nghĩ rằng một tác phẩm nào, đúng thực sự là văn chương thì phải có tính xuyên thời. Thế thôi! Nói gì thì nói chứ bây giờ đọc lại nhiều tiểu thuyết của *Tự lực văn đoàn* không vào được. Nhiều tiểu thuyết thời kháng Pháp, kháng Mỹ đọc cũng không vào... Có thể có nhiều lý do, nhưng chắc chắn những vấn đề đặt ra trong những tiểu thuyết đó không phải là vấn đề của ngày hôm nay.

Còn những tác phẩm đọc lại được đương nhiên là dấu ấn của một thời nào đó được bảo lãnh bằng nghệ thuật và, chắc chắn chúng phải có chỗ đứng trong nền văn chương. Nhưng theo tôi, những tác phẩm như thế không nhiều!

***Yên Ba:** Nhưng mà liệu, cứ tạm cho là của ngày hôm nay đi, thì những Nguyễn Việt Hà, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Thị Thu Huệ, Võ Thị Xuân Hà, Bảo Ninh... đã tạo lên một lớp người sáng tác của ngày hôm nay chưa? Theo ý kiến của anh, những người như vậy đã đủ tư cách, chất lượng để tạo nên diện mạo chung chưa? Tất nhiên, nhà văn là mang tính cá nhân, tính riêng tư rất rõ nét nhưng chính những gương mặt mới tạo nên đội ngũ của từng thời đoạn: chúng ta đã có một thời chống Pháp với những tên tuổi như vậy, chống Mỹ có lực lượng rất là hùng hậu. Vậy cái anh nói là của ngày hôm nay, với những gương mặt đã kể trên và còn nhiều nữa, anh có đủ tự tin coi đấy là một đội ngũ của ngày hôm nay hay chưa?*

Nguyễn Việt Hà: Qua truyền thông đại chúng thì tôi thấy ở thơ, nơi mà tôi không sành, người ta bảo có độ phân loại quyết liệt hơn. Còn ở văn xuôi, tôi cho rằng, thế hệ khởi đầu hình thành với những tác phẩm ra đời khoảng từ 1985 - 1986, tức là bắt đầu thời kỳ đổi mới ở Việt Nam và kéo dài đến 2002. Những người như anh nhắc tôi, anh Nguyễn Bình Phương, hay một số nhà văn nữ như chị Thu Huệ, chị Xuân Hà... vẫn là sự tiếp nối của giai đoạn ấy thôi.

Như anh nói, để tạo nên một diện mạo văn xuôi đương đại, phải mạnh mẽ bắt đầu từ những tác phẩm đầu tiên có ý thức phản tỉnh của Nguyễn Minh

Châu, rồi rõ rệt nhất là cuốn *Thời xa vắng* của anh Lê Lựu. Sau đó là một loạt các tiểu thuyết như *Những mảnh đời đen trắng* của anh Nguyễn Quang Lập, rồi đến thành công của thể loại truyện ngắn trong khoảng 15 năm trở lại đây. Không thể không công nhận thành công của văn học thời kỳ này với những tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài.

Trong tiểu thuyết không có những thành tựu rõ rệt như vậy. Nếu nói về văn xuôi, tôi cho rằng, truyện ngắn thành công hơn tiểu thuyết. Nếu nói về cái gọi là đương đại, theo tôi truyện ngắn thời kỳ vừa qua chính là diện mạo của văn xuôi đương đại. Khi chúng tôi được mời sang Mỹ, họ gọi chúng tôi là nhà văn đương đại - contemporary. Người Mỹ quan niệm, đương đại là trong khoảng 15 năm. Vượt ra khoảng đó không còn được xem là đương đại nữa. Cái từ đương đại trong tiếng Anh, còn có nghĩa là lâm thời, tức là đúng cái thời ấy, giống như chính phủ lâm thời của thời điểm đó, ông phải giải quyết những vấn đề đương nhiên của lúc đó. Còn nói có hay không có văn học đương đại, sức sống hay sự khẳng định của nó, nói một cách rụt rè là phải đợi thời gian. Đợi thời gian nó lọc!

Rồi đây, khi thời gian trôi qua, những người bây giờ được nhắc tên hai ba mươi năm nữa họ vẫn có những vị trí không thể bỏ được trong đời sống văn chương. Vàng hơn thì được như những bậc tiền bối lớn Vũ Trọng Phụng, Nam Cao. Trong giai đoạn chống Mỹ tôi đánh giá cao Phan Tú - Lê Khâm. Ông ta là một nhà tiểu thuyết. Cuốn *Trước giờ nổ súng* hay hơn *Bên kia biên giới*. Đặc biệt là cuốn *Mẫn và tôi*, bây giờ có thể đọc lại được. Với anh Chu Lai, anh ấy viết nhiều, viết khoẻ, nhưng tôi ấn tượng nhất là cuốn *Nắng đồng bằng*. Trong tiểu thuyết có rất nhiều đề tài, nhưng đỉnh cao về đề tài chiến tranh của văn học đương đại, thì xuất sắc nhất là cuốn (*Nỗi buồn chiến tranh*-YB) của Bảo Ninh. Đây là cuốn đương đại tôi cho là xuất sắc nhất về đề tài chiến tranh.

Yên Ba: Thế là anh đã trả lời câu hỏi tôi định hỏi anh về nhà văn lớp trước nào mà anh có ấn tượng nhất rồi! Phải thừa nhận là anh khá rạch ròi trong phân định những gì anh thích và không thích, tất nhiên là theo ý chủ quan của anh. Nhưng điều khiến tôi băn khoăn là những nhà văn lứa như anh hiện nay đang viết khoẻ, liệu có để lại được những dấu ấn trong văn học sâu đậm như các bậc tiền bối xưa kia hay không...

Nguyễn Việt Hà: Đây là những nhà văn vắt qua thời. Có rất nhiều nhà văn viết vắt qua thời, nhưng vẫn theo kịp với thời. Trong hành văn và cách diễn đạt đã có nhiều người theo kịp thời. Trường hợp *Thời xa vắng* của anh Lê Lựu, có thể xem là mở đầu cho một chủ đề, mà trước đó do văn học Việt Nam phải trải qua hai cuộc kháng chiến quá dài, nên được đề cập rất ít, là chủ đề mà giới nhà

văn trẻ bây giờ thường gọi là chuyện đời thường. Theo tôi, *Thời xa vắng* là một điểm mốc. Từ đó có một loạt các tiểu thuyết đời thường, nhưng so với truyện ngắn thời kỳ này, thì không thành công bằng. Chính vì vậy tôi mới nói, các nhà văn trẻ chỉ thích viết truyện ngắn, còn tiểu thuyết thì rất ít. Cái này cũng giống như thể thao ở Việt Nam, môn nào đã thành công, có tên tuổi rồi thì có đông người tham gia. Thế thôi!

Nói cách khác cái thời nó thế! Không phải họ sợ làm đề cương tiểu thuyết. Có khó khăn gì với tiểu thuyết đâu, mà do sự thành công của những người như anh Thiệp, chị Hoài cũng như rất nhiều người khác, đã tạo cho một lớp nhà văn trẻ có tâm lý: viết truyện ngắn thì dễ thành công hơn. Đó cũng là một động lực, khi ta làm việc gì mà thấy được kết quả trước.

Còn theo tôi, bất cứ một ông viết tiểu thuyết gì thì cũng khởi đầu bằng truyện ngắn hết. Đó là một trong những quy luật rất khó thay đổi của lịch sử văn học thế giới. Tức là bao giờ cũng bắt đầu từ ngắn, sau đó đến dài. Còn ở những trường hợp hết sức đặc biệt thì văn nghiệp mới được khởi đầu bằng một cuốn tiểu thuyết. Tôi bắt đầu cũng từ việc viết truyện ngắn, nhưng rồi vì thấy truyện ngắn không tải hết được những điều mình thích, nên chuyển dần sang tiểu thuyết.

Yên Ba: Trường hợp cuốn Papon, người tù khổ sai là trường hợp đặc biệt của văn học thế giới phải không?

Nguyễn Việt Hà: Đúng rồi! Nhưng nghĩ cho cùng, cuốn sách đó tôi vẫn không cho là văn chương. Một dạo ông Đỗ Văn Khang, người hay phê phán anh Thiệp, đã đưa ra khái niệm gọi là “cận văn học” đấy. Các nước có nền văn học phát triển, lý luận nghiên cứu về văn học đã ổn định rồi, người ta không xếp tiểu thuyết trinh thám và những cuốn tương tự *Papon* vào tiêu chí thực sự là văn chương. Đã nói đến văn chương, ông vẫn phải đưa ra một kiểu viết để các nhà văn khác có thể học được. Nó có một cái tú là: nhà văn của nhà văn. Cái quan niệm nhà văn của nhà văn rất quan trọng, là văn để ra văn mà! Có người viết văn là nhờ đọc văn. Đọc văn rồi đi viết văn! Thành ra những tác giả ấy rất đáng kể và đáng nể. Tôi nói chuyện anh Phan Tứ, Lê Lựu, Nguyễn Huy Thiệp rồi Phạm Thị Hoài, rõ ràng họ đã để lại dấu ấn cho người viết sau, là kinh nghiệm và những cái gì đấy mà người khác học được từ họ.

Đã có những biên tập viên truyện ngắn phong trào của một số báo phát rồ lên vì bao nhiêu truyện ngắn gửi đến đọc cứ thấy hao hao như là Nguyễn Huy... gì đấy! Cũng là cái “tông” của anh Thiệp: “tôi bảo, anh ấy bảo, ông ấy bảo...”, cứ thế. Nếu nói về phụ nữ đương đại biết viết thì ở Việt Nam tôi cho có hai người là Phạm Thị Hoài và Phan Thị Vàng Anh. Nói ra thì sợ xúc phạm người khác, nhưng thông thường tôi nghĩ rằng văn chương là cái nghề rất nặng nhọc. Ở đây không có vấn đề trọng nam khinh nữ. Hai người nữ trên

theo tôi quan niệm là nhà văn biết viết, tức nhà văn nữ biết viết có hai người đó là đáng kể.

Truyền thống của tiểu thuyết mang tính thế giới

***Yên Ba:** Vừa rồi anh có nhắc đến Chu Lai. Khi tôi hỏi: vì sao tiểu thuyết Việt Nam không có tác phẩm lớn, anh Chu Lai lý giải thế này: một trong những lý do là do thiếu một cái nền từ sâu xa trước đó. Ví dụ như Solokhov có được Sông Đông êm đềm, bởi vì trước ông ấy đã có những “đỉnh núi” như Dostoevski, Tolstoy, Pushkin... Đại loại như vậy. Tiểu thuyết đương đại Việt Nam lại dựa trên cái nền, đầu tiên là những bài ký của Trần Đăng, Thâm Tâm, rồi những truyện của Nam Cao viết rất hay. Nhưng đó vẫn chưa phải là những cái bề thế...*

Nguyễn Việt Hà: Tôi hiểu ý anh! Bây giờ nói thế này: tiểu thuyết là một thể loại. Cái khái niệm tiểu thuyết như thế nào thì tôi đã nói rồi. Ở phương Đông, theo sách Lã Thị Xuân Thu, người ta phân biệt ra hai loại: đại thuyết và tiểu thuyết. Đại thuyết là lời nói lớn, bao gồm: kinh, sử, tử, tập. Tiểu thuyết là lời nói nhỏ. Còn như mình hiểu và các nhà văn người Việt Nam chúng ta đang viết là tiểu thuyết tự sự, là “đặc sản” của phương Tây. Nếu Pháp không vào Việt Nam sẽ không có tiểu thuyết Việt Nam hiện đại. Tiểu thuyết Trung Quốc thời Minh, Thanh rõ lên được những bộ tiểu thuyết lỗi lạc: *Thủy Hử*, *Tây Du Ký*, *Tam Quốc*, *Hồng Lâu Mộng*, *Nho lâm ngoại sử*, *Chuyện làng Nho...*, nếu có ảnh hưởng đến văn chương Việt Nam thì cũng không đáng kể bởi tiểu thuyết chương hồi không đẩy được tiểu thuyết Việt Nam lên đâu.

Tiểu thuyết Việt Nam có được hoàn toàn là nhờ vào văn minh phương Tây, trực tiếp ở đây là người Pháp đưa vào. Nếu nói Việt Nam không có truyền thống tiểu thuyết thì tôi nghĩ rằng: một khi đã gọi là người viết tiểu thuyết thì đều nằm trong một truyền thống nói chung. Cả thế giới luôn! Tiểu thuyết, theo tôi không có bản sắc dân tộc. Nó là một thể loại mà ông có muốn lắm chưa chắc đã làm được. Vấn đề tiểu thuyết ở Việt Nam, không rõ ý anh Chu Lai có phải nói về văn xuôi nói chung hay không nhưng có lẽ anh ấy theo định nghĩa của phương Đông. Truyện ngắn gọi là đoản thiên tiểu thuyết. Truyện vừa gọi là trung thiên tiểu thuyết. Còn như tôi viết dài dài, thì gọi là trường thiên tiểu thuyết. Nhưng nó vẫn gọi chung là tiểu thuyết và ở đây tôi chỉ bàn về những cái gọi là trường thiên tiểu thuyết. Bọn Tây nó phân biệt rất rõ ràng giữa cái short story và cái novel. Không hiểu vì sao mình dịch chung novel là tiểu thuyết. Thế thôi! Nhưng truyện ngắn là truyện ngắn còn tiểu thuyết là tiểu thuyết. Nói gì thì nói, giải Nobel đến bây giờ chỉ trao cho tiểu thuyết, chứ không cho truyện ngắn. Nó vẫn trao cho những ông gọi là novelist thôi! Đó là cái hiển nhiên, không thể chối cãi được. Theo tôi, không phải là người ta đánh

giá thể loại nào cao hơn thể loại nào đâu. Nếu trao cho thơ, thì thơ là một thể loại riêng.

***Yên Ba:** Cũng có một vài ngoại lệ, như Octavio Paz chẳng hạn...*

Nguyễn Việt Hà: Nhưng theo tôi, hầu như giải Nobel văn chương đều trao cho các tiểu thuyết gia. Tiểu thuyết không phải vấn đề dày hay mỏng đâu, mà do tính chất thể loại của nó, chứa đựng được nhiều cái mà chắc chắn truyện ngắn không thể đạt tới. Cái đó do quy định của thể loại. Như tranh sơn dầu và tranh bột màu vậy. Nếu một truyện ngắn hay, nó hơn vạn lần cuốn tiểu thuyết tồi, đúng không? Nhưng không ai đi so sánh một cuốn tiểu thuyết rất hay và một cái truyện ngắn rất hay cả. Nếu nói về sức sống, sức bền, cái độ ảnh hưởng tới cộng đồng xung quanh, tới một bộ phận độc giả, tôi cho rằng tiểu thuyết vẫn là thể loại lợi hại. Nó khẳng định được vị thế đó.

***Yên Ba:** Một nhà phê bình có nói, đại ý là: các nhà văn của ta, nhất là những nhà văn trẻ, đọc thì nhiều, nhưng lại ít hiểu về những nền văn học nước ngoài. Anh nghĩ sao về vấn đề này?*

Nguyễn Việt Hà: Một khi ông đã đưa ra một cái luận cứ thì ông chắc chắn sử dụng rất nhiều những khái niệm có thể gây tranh cãi. Như thế nào là đọc, thế nào là hiểu? Đầu tiên mình phải khu biệt về quan niệm thế nào là đọc, thế nào là hiểu đã. Đọc nhiều mà không hiểu, thì...

***Yên Ba:** Tôi nói lại như thế này cho dễ hiểu. Nói tóm lại, các nhà văn Việt Nam, nhất là lớp trẻ, bị ảnh hưởng của văn hóa pop nhiều, trong khi đó họ lại ít hiểu biết về tinh hoa văn hoá nhân loại. Tôi đưa ra một mệnh đề như vậy, ý kiến của anh thì sao? Tại sao tôi lại hỏi thế? Bởi vì qua cuốn sách của anh tôi thấy anh là một người dù ít hay nhiều có chịu ảnh hưởng, có tham khảo văn hoá nước ngoài. Phải chăng tiểu thuyết Việt Nam nói chung và một số tác phẩm của các nhà văn trẻ nói riêng, chưa có được cái tầm lớn, bởi vì không có được cái sự mà nói như ngôn ngữ đại chúng hiện nay là hội nhập?*

Nguyễn Việt Hà: Tôi đã nói với anh rồi! Tiểu thuyết, nếu nói về lịch sử và truyền thống của nó, là không có biên cương, biên giới. Khi tôi viết tiểu thuyết thì chắc chắn phải bắt buộc theo truyền thống tiểu thuyết nói chung. Trong khi đó tiểu thuyết Việt Nam rất là khu biệt, không có cái truyền thống của chính nó.

Xem xét văn học Nga, đặc biệt là Nga Xô viết, người ta không thấy ấn tượng bị ảnh hưởng của tiểu thuyết Anh, Pháp, bởi vì cả nền tiểu thuyết thế kỷ XIX

của Nga nó quá kinh khủng. Tức là ông tiểu thuyết Nga xuất phát từ một cái nền vững như vậy. Tiểu thuyết Nga đương đại không phải là cái độc đáo của người Nga mà do người ta xuất phát từ một cái nền gần gũi của người ta, là tiểu thuyết Nga thế kỷ XIX.

Còn tiểu thuyết ở Việt Nam trông cậy vào một cái nền gần, tức là tiểu thuyết trong quá khứ, thì như anh Chu Lai nói đấy, không có. Đương nhiên ông phải đi ra từ những cái truyền thống của tiểu thuyết nói chung. Mà tiểu thuyết nói chung bao gồm những tiểu thuyết đã thành công và thành danh của Anh, của Pháp, của Nga hay của Trung Quốc hay những tiểu thuyết mới đây của các nhà văn Nam Mỹ. Đấy là chuyện đương nhiên, nên ông không thể trốn ảnh hưởng được.

Còn các nhà văn trẻ, tôi cho rằng phải đánh giá cao chức năng đọc. Thực ra khi viết văn, anh chỉ bộc lộ những cảm xúc và trần thuật lại những kinh nghiệm anh đã từng trải. Kinh nghiệm sống, kinh nghiệm đọc, kinh nghiệm đi đều phải tinh túy thì văn anh mới hay được. Nó là của riêng anh. Nói các nhà văn trẻ đọc nhiều mà không hiểu, theo tôi, có rất nhiều lý do. Có thể người ta đọc chỉ để giải trí. Đa phần những tiểu thuyết văn chương, nếu không hiểu thì rất khó đọc. Nói nhà văn không hiểu có nghĩa chắc chắn những nhà văn đó không đọc! Còn nếu đọc với tính chất bắt buộc vì công việc, như những người làm nghiên cứu phê bình, các nhà báo giữ trang văn nghệ các báo lớn, hoặc những giáo sư dạy đại học... thì người ta buộc phải đọc!

Nhiều nhà văn không phải chịu sức ép bắt buộc phải đọc như vậy. Thông thường, nhà văn nào nói “tôi không hiểu” những cái gì đấy, thì tôi tin chắc là anh ta không đọc. Không đọc! Còn đọc chắc chắn là phải hiểu. Hiểu không nhất thiết phải thích, nhưng phải bị ảnh hưởng. Kinh nghiệm bản thân tôi, có những nhà văn mình không thể đọc hết 1/3 cuốn của họ. Còn nếu bắt buộc phải đọc hết những cuốn mà mình không thích là bởi vì mình không muốn bị lạc hậu với đời sống văn học thôi!

Trong những nhà văn được coi là thành công của thế giới, tôi cho rằng có 3, 4 nhà văn mà mọi người đều coi là khó đọc như Faulkner, nhà văn Mỹ với cuốn *Âm thanh và cuồng nộ*; Kafka cũng rất khó đọc; rồi đặc biệt bản Việt ngữ *Cái trống thiếc* dịch của Gunter Grass. Đó là những cuốn rất khó đọc. Nhưng các ông đó lại khởi thủy ra một kiểu viết. Ban đầu thì khó, nhưng dần dần những thi pháp đó được công nhận, nói cách khác là nó thoải hiệp hơn đối với đọc giả.

Ông Hemingway nói một câu rất rõ ràng: không có Faulkner không có tôi! Mặc dù tông văn khác hẳn nhau, nhưng nói Hemingway chịu ảnh hưởng của Faulkner ở điểm nào, thì kết luận của 30 nhà khảo cứu vẫn không mò ra được. Nói vậy để hiểu việc tiếp nối, sự ảnh hưởng lẫn nhau là rất phức tạp.

Còn một chuyện khác là cũng một nhà văn, ở trong một thời gian này, độ tuổi này, đọc thì được, ví dụ như hồi rất trẻ tôi đọc được Hugo, đặc biệt là cực

kỳ thích Nguyễn Tuân; nhưng bây giờ thì không thể nào tôi đọc lại được. Nguyễn Tuân, tôi có thể thuộc lòng được vài trang, nhưng cái kiểu văn rắc rối quá, nên bây giờ tôi không đọc nữa. Chuyện đó nó rất bình thường. Có những nhà văn mình đọc được ở tầm tuổi này, đọc được ở thời gian này, nhưng những lúc khác lại không đọc được.

Tóm lại văn đọc lúc năng khác, lúc mưa khác, lúc khoẻ khác, lúc yếu khác. Tôi mà hạnh phúc, tôi đang yêu đương, tôi sắp lấy vợ, tức là tôi rất khoẻ thì tôi đọc được văn rất khoẻ. Đó là giai đoạn tôi đọc được Jack London, vì văn ông ta rất khoẻ, có độ tự tin rất là cao. Nhưng một giai đoạn tôi gần như đang bế tắc thì tôi lại không thể say mê ông này nổi. Rồi sau đó, khoảng từ năm 1988 đến 1992, nếu nhìn thấy sách của London thì tôi rất sợ! Có những nhà văn lúc nào cũng có thể đọc đi, đọc lại; có thể họ còn gây tranh cãi, nhưng dạng như Kim Dung, Walter Scott lúc nào cũng có thể đọc được cả. Lúc đau, lúc yếu, lúc mạnh khoẻ, vui vẻ hay buồn... Đó là những nhà văn mà theo tôi tác phẩm của họ có độ giải trí rất đậm đặc.

Yên Ba: *Thế những nhà văn nước ngoài nào anh thường đọc đi đọc lại?*

Nguyễn Việt Hà: Nói chung về thần tượng thì theo tôi không nên bắt bẻ. Tôi cực kỳ thích Remarque. Có những nhà văn mà mình quá thích, thích đến nỗi nó ảnh hưởng vào tới tiềm thức lẫn vô thức của mình. Ngoài mảng phương Đông ra, về các nhà văn phương Tây, tôi thích Hemingway và Remarque. Các bản dịch Việt ngữ của hai ông này vừa nhiều vừa tốt, được giới thiệu kỹ lưỡng tại Việt Nam.

Có những nhà văn mà thỉnh thoảng mình bí trong cách viết phải lôi ra đọc, với tôi đó là Faulkner; tôi bị ảnh hưởng rất sâu xa từ ông này. Đó là những nhà văn mình biết ơn, nếu không đọc các ông ấy thì mình rất khó viết. Còn để đọc đi đọc lại liên tục được thì chỉ có Kim Dung thôi. Kim Dung đọc không thấy chán. Theo tôi, văn Kim Dung viết rất là ầu, nhưng phong độ của ông ta rất lớn. Nói như người Trung Quốc, đó là một đại gia thực sự. Còn nếu xét về từng chi tiết nhỏ thì Kim Dung là một tay viết vô cùng nhàm và ầu.

Đó là những nhà văn coi như gắn với đương đại rồi, còn những nhà cổ điển thì tôi cho Dos là lỗi lạc nhất. Dos là kinh khủng nhất đấy! Thực ra trong văn nghiệp của Dos, tôi chỉ thấy *Tội ác và trừng phạt*, *Thằng ngốc* và *Anh em nhà Karamazov*, đặc biệt là *Anh em nhà Karamazov* là đáng kể nhất. Cuốn *Đầu xanh tuổi trẻ*, bản Việt ngữ do Sài Gòn làm trước 1975, nếu tôi nhớ không nhầm, cuốn đó có một lời đề tựa rất hay, đại ý thế này: cũng giống như tất cả các đại văn hào, bao giờ cũng kết thúc sự nghiệp văn chương của mình bằng một cuốn tiểu thuyết rất tồi; đây là cuốn tiểu thuyết cuối cùng của Dos, mời các bạn đọc *Đầu xanh tuổi trẻ!* (cười...).

***Yên Ba:** Thực ra Đầu xanh tuổi trẻ vẫn nằm trong một hệ thống của Dos...*

Nguyễn Việt Hà: Theo tôi thì đại cao thủ thì dù vùng tay, vùng chân vẫn là độc thủ cả thôi. Nói gì thì nói, chú Càn Khôn Đại Nã Di vẫn hơn mấy cái võ làng nhàng kia. Cái thằng Trương Vô Kỵ (nhân vật trong tiểu thuyết võ hiệp *Cô gái Đồ Long* của Kim Dung-Y.B), võ công của nó rất phức tạp, nhưng thành danh nhờ Cửu Dương Thần Công và Càn Khôn Đại Nã Di. Với Dos cũng vậy, không phải cuốn nào cũng thực sự hay cả. Ba cuốn nói trên chính là Cửu Dương Thần Công và Càn Khôn Đại Nã Di, còn lại là loại litiu tiu!

***Yên Ba:** Sao anh không tính Lữ người quý ám?*

Nguyễn Việt Hà: *Lữ người quý ám*, theo tôi rất nặng. Nói thế này, Dos hay Faulkner, Grass, Kafka, đều là những người rất khó đọc. Đây là mình nói toàn bộ văn nghiệp của người ta. Trong đó vẫn có những cuốn dễ đọc. Nhưng có những cuốn anh không thể nào đọc liền tù tì trong một tiếng hay một tiếng rưỡi đồng hồ được; *Lữ người quý ám* là cái giống ấy!

Khi viết thì tôi chỉ là nhà văn, không là bất kỳ một ai khác

***Yên Ba:** Anh là một công chức ngân hàng, nhưng lại viết văn. Có bao giờ, vì những chuyện bầm dập lúc đầu, anh chán nản mà quay trở lại công việc mẫn cán của một nhân viên ngân hàng không?*

Nguyễn Việt Hà: Khi tôi viết văn, không bao giờ tôi nghĩ mình làm ngân hàng. Lúc đó, tôi tự duy mình là nhà văn và khi đã xác định mình là một nhà văn tôi mới viết. Trong lịch sử văn học, có rất nhiều nhà văn tên tuổi làm những nghề không liên quan gì đến văn chương. Còn tôi, mọi người tỏ ra ngạc nhiên khi thấy tôi viết văn lại đi làm ngân hàng. Cho tôi hỏi: bao nhiêu người viết được văn nhưng không đi làm gì cả thì có được gọi là nhà văn chuyên nghiệp không?

Tôi cho rằng đến một mức nào đó, nhà văn cần nhiều điểm để cân bằng. Một công việc có tính chất công chức, không ăn nhập và hoàn toàn không là văn chương, theo tôi nên chọn. Tôi thích một câu của ông Nguyễn Khải, đại ý: văn chương rất chiều những kẻ ngoại đạo, hay những người đi “cửa sau” gì đó! Ông ấy kêu văn chương là cái gì đấy giống như một nghiệp chương. Thế thì đừng nên duy trì một công việc mưu sinh ở gần hay là ở trong cái trường “nghiệp chương” đó.

Tất nhiên một nhà văn làm việc cho một toà soạn báo, một nhà xuất bản, tức là làm những công việc liên quan tới việc viết lách, là tốt. Nhưng cũng

chẳng có quy định nào người viết văn phải làm những công việc liên quan tới sách báo, tức là những chuyện thuần túy văn chương.

Vì tôi là người thích đọc nên tôi rất tôn trọng những độc giả không bao giờ viết nhưng trình độ thẩm văn, tức là tri thức đọc của họ cực kỳ uyên bác. Tôi từng gặp nhiều người như vậy. Ở các thành phố lớn có một lớp “cao bồi giả”, những người thỉnh thoảng cầm ba toong, vẫn xem đồng hồ quả quýt, đang đi dừng lại rút một cuốn tiểu thuyết Pháp ra xem. Tôi rất quan tâm tới những độc giả như vậy. Họ là những độc giả chân chính, nói vui là họ rất “sành điệu” đấy! Tôi thấy, những người này, khi đọc văn không quan tâm ông tác giả này đang làm nghề gì. Đến khi biết tác giả làm một cái nghề linh tinh, người ta cũng cười và xem đó là một chi tiết thú vị. Những độc giả sành điệu, khi đọc văn chương thì chỉ đọc văn thôi.

Thế nên, theo tôi, các tác giả khi viết văn chỉ quan niệm là viết văn thôi, không nên lấy tư thế ông là quan chức, là thảo dân, ông làm kinh tế hay thể thao... Đó là chuyện đương nhiên. Ngành nghề ở đây không có ý nghĩa, chẳng ảnh hưởng gì tới chuyện văn chương cả.

***Yên Ba:** Khoảng thời gian giữa cuốn *Cơ hội của Chúa* và cuốn tiếp theo của anh là 5 năm phải không?*

Nguyễn Việt Hà: Tôi xong *Cơ hội của Chúa*, như đề trong sách là tháng 2-1997, cho đến năm 2002 đã hơn 5 năm. Như thế là quá lâu rồi!

***Yên Ba:** Vậy có thể lý giải khoảng thời gian dài như vậy, đây là sự lý giải của riêng tôi nhé, là do anh bị kiệt sức vì rút ruột ra cho cuốn đầu tiên. Và giờ đây anh bắt đầu cuốn tiểu thuyết mới với một niềm hưng phấn mới được không?*

Nguyễn Việt Hà: Theo tôi hiểu thì trong lịch sử văn học có hiện tượng “tác giả một cuốn”, “tác giả một bài”, đặc biệt là bên thơ với những người lỗi lạc như Hữu Loan, Hoàng Lộc ở ta. Cái lý do tại sao người ta phải viết thì tôi cho là cực kỳ mù mờ, khó hiểu và khó giải thích. Y như là hỏi tại sao ông không viết? Rất nhiều người nói tại sao phải viết. Viết là vì tôi cô đơn, tôi phẫn uất, tôi muốn bộc lộ bản thân mình hoặc cảm thấy mình có một sứ mạng văn học. Đại khái đó là tôi nói về cái chung. Còn tại sao ông không viết? Nhiều ông cũng lý giải, nhất là những người đã tương đối thành công trước đó, rằng họ rửa tay, gác kiếm!

Tôi nghĩ rằng nhà văn đương nhiên phải viết, nhưng viết hay không viết còn tùy thuộc vào sự thúc ép thế nào đó, rất khó lý giải. Đọc tiểu sử của một nhà tiểu thuyết, thông thường tôi hay đếm khoảng thời gian giữa các cuốn sách ông ta viết. Tôi thấy nhịp độ trung bình của những nhà văn viết khoẻ là độ khoảng

từ 3 đến 5 năm ra một cuốn, nhà văn tương đối yếu thì khoảng cỡ 10 đến 15 năm mới có được một cuốn. Nếu ý Chúa cho ông ta sống lâu.

Tôi xin dẫn ra hai nhà văn mà ai cũng biết là Tolstoy và Dos. Tolstoy viết *Chiến tranh và Hoà bình* khoảng từ năm 38 đến 42 tuổi, xong viết *Anna Karenina* lúc ngoài 60 tuổi, viết *Phục Sinh* lúc 73, 74 tuổi rồi. Tất nhiên giữa những cuốn tiểu thuyết đó, ông ta có viết những cuốn khác, nhưng không tính! Khoảng cách giữa các cuốn tiểu thuyết đó là cả mấy chục năm. Trường hợp mà tôi vô cùng kính trọng là Dos, năm 46, 47 tuổi viết *Tội ác và trừng phạt*, sau đấy đến độ 57 tuổi thì viết *Thăng ngục*. Quá 64, 65 tuổi, tức là khoảng gần chục năm gì đấy, viết *Anh em nhà Karamazov*. Đây là ba cuốn tiểu thuyết lớn của Dos, còn tất nhiên ông ấy cũng viết những cuốn khác, bởi nhiều lý do khác, như vì miếng cơm, manh áo.

Ngược lại có những người viết với tốc độ rất nhanh. Nói về Vũ Trọng Phụng, trong vòng khoảng 4 năm ông viết được năm cuốn tiểu thuyết, mà nói chung cuốn nào cũng đọc được, trong đó có một kiệt tác là *Số đỏ*. Không biết lý giải thế nào cả...

Qua đấy, tôi muốn nói ông nhà văn cũng phải sống. Sau khi mỗi cuốn sách ra đời sẽ có sự va đập và ông tác giả phải sống với sự va đập đó, đôi khi kèm theo sự trống rỗng vì đã rút gan rút ruột trong cuốn sách vừa qua. Sẽ có những kinh nghiệm khác, những đau đớn khác, mệt mỏi khác. Một nhà văn đã viết có sự thành công mà không viết tiếp nữa thì tôi cho là kỷ luật lao động của anh ta có vấn đề đấy! Tức là cái thao tác lao động, cách tổ chức cuộc sống của anh ta có vấn đề. Nó không phải là vấn đề tài năng, bởi cao thủ ra chiêu là cao thủ rồi. Nó không thể mất đi. Thế tại sao ông ta không ra chiêu nữa? Vấn đề là ông ta không hành hiệp trên giang hồ nữa.

Yên Ba: Có nghĩa là khoảng cách 5 năm, nó đủ cho anh thu xếp để bắt tay vào cuốn tiểu thuyết mới rồi phải không?

Nguyễn Việt Hà: Thực ra, 5 năm đó như thế này: sau cuốn *Cơ hội của Chúa*, thì tôi lấy vợ. Cuộc sống trước và sau hôn nhân là hai cảnh giới khác nhau xa kinh khủng. Một cuốn tiểu thuyết ông viết khi còn độc thân nó sẽ khác với cuốn ông viết khi đã có gia đình. Còn có những hệ lụy linh tinh từ thành công của cuốn trước đưa lại nữa. Tức là những danh vọng hào huyền, những sự quấy rầy nhất định, cả những sự hâm mộ, tôn trọng của độc giả. Có những nhà văn có sự tiếp xúc với độc giả rất giỏi, hay, khéo léo, như anh Lê Lựu, Chu Lai, Nguyễn Huy Thiệp... Ngược lại có những người không làm được việc đó.

Theo tôi, một tác phẩm thành công, thì cái giá trị bán chạy, có đông độc giả là không thể phủ nhận. Anh đừng nghĩ rằng những tác giả khó đọc như Kafka và Grass là “tia ra” nó ít đâu. Ở Việt Nam ít chú những tác giả đó được dịch ra rất nhiều thứ tiếng, tức là có lượng độc giả rất lớn, bán rất chạy. Nhiều ông cho

rằng rằng cái gì nó hay, nó khó đọc thì khó in nhiều. Theo tôi có gì khó đọc bằng Kinh Thánh, Kinh Phật hay là sách của các triết gia như Karl Marx, Lenin, Hegel..., nhưng theo thống kê của các nhà xuất bản nổi tiếng thế giới, thì đó là những tác phẩm có “tia ra” lớn nhất thế giới. Sách của ông làm sao khó hiểu bằng Kinh Thánh được? Đúng không? So sánh vậy nó khắp khiêng nhưng để thấy rằng, ở ta hiện nay có một số người lầm lẫn rằng: tôi viết để cho tôi đọc! Đó cũng chính là hệ quả của thói suy nghĩ: cái gì nó ưu tú thì nó phải ít! Nên nhớ rằng, ít ở đây có thể cách diễn đạt của ông ít, chứ không phải số bản nó ít. Hai chuyện nó khác hẳn nhau. Tư duy của ông có thể rất là đậm đặc, nhưng cái số phát hành sách của ông phải rất loãng, tức là phải tràn trề. Tư duy ông đậm đặc mà sách in đọc bản thì tôi nghi ngờ tư duy đó không có sự cuốn hút thực sự.

Còn chuyện tri âm giữa độc giả với tác giả cũng khó. Một tay nhà văn cũng giống như một tay hoạ sĩ, cái tay mà ông Nguyễn Ngọc trích trong cuốn sách dịch *Độ không của lối viết*; ông ta bảo rằng: đừng tìm hiểu xem tôi vẽ cái gì; vì chính tôi vẽ, tôi còn không hiểu! Tức là nhiều khi ông làm, chỉ thuần tuý là chuyện vô thức, lúc đó ông cứ viết thôi. Tất nhiên, viết thì phải chắc tay và tập trung cao độ. Ở đây tôi nói một ví dụ, hơi dung tục, ấy là viết văn cũng y như làm tình vậy. Nếu ông làm giữa chừng, thì ông bại! Theo tôi là như vậy. Đưa ra quan điểm viết văn giống làm tình thì nó dung tục, nhưng ít nhất cái thao tác của tôi cũng phải như vậy!

Yên Ba: Đưa cái lý luận ấy ra, anh có sợ bị “soi” không?

Nguyễn Việt Hà: Theo tôi thì nó dung tục quá. Nó có thể bị dị ứng và ở mình người ta không quen. Thực ra, tôi thấy nó đúng như vậy. Không có cái gì nửa chừng cả. Ông làm tình nửa chừng khó chịu như thế nào thì sao ông lại chấp nhận cái chuyện viết văn nửa chừng? Thông thường với một số nhà văn trẻ không thành công hay bị vấp ngay từ đầu thì vẫn là dạng làm tình nửa chừng. Vẫn rất ảm ức, tức là ông biết làm tình đấy, nhưng không thoả mãn điều gì cả. Tất nhiên đó là một cách nói thôi. Ý tôi nói, khi làm cái gì cũng nên tới nơi tới chốn. Ông muốn làm tình được, thì phải có giường chiếu, phòng ốc, có tổ chức chứ...

Yên Ba: Tức là nó cũng do ngoại cảnh, nhưng không phải là vì ruồi phải không?

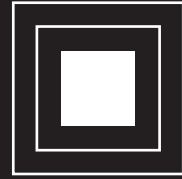
Nguyễn Việt Hà: Rất khó nói. Như tôi, trước đây có thói quen viết đêm, còn bây giờ không viết đêm được nữa. Thế thì phải tập viết ban ngày thôi! Trước đây ông chỉ đến thư viện để đọc một cuốn sách, thì bây giờ ông phải tập thói quen viết ở thư viện nữa. Khi tôi viết thì rất ghét người nào ngồi cạnh,

nhưng bây giờ cuộc sống không cho phép một mình như thế. Ông phải chấp nhận điều hơi dung tục là có ruồi! *Cơ hội của Chúa* là cuốn đầu tay của tôi, vì vậy nó có những cái ưu tú của cuốn sách đầu tay. Đó là sự hỗn nhiên, độ rướn, độ sức lực bất chấp mọi thứ để làm việc. Nhưng giờ đây, khi đã trót có chút gì gọi là danh rồi, thì cái độ hỗn nhiên bao giờ cũng bị giảm bớt. Tức là anh không còn được viết một cách hỗn nhiên, mà phải viết với một độ kỷ luật. Gọi kỷ luật thì nó hơi quá, nhưng nó phải có sự ràng buộc, sắp xếp, sự chuẩn bị...

***Yên Ba:** Nói chuyện với ông mệt quá! Thôi có lẽ chúng ta hẹn một dịp khác để nói tiếp nhé.*

Nguyễn Việt Hà: Đồng ý!

PHÊ BÌNH



TIỂU LUẬN

U ô n g T r i ề u

P h ù n g K i ề n

M a i B á Ẩ n

B í c h N g â n



VIẾT&ĐỌC XIN GIỚI THIỆU TIẾP CHUYÊN ĐỀ "KHOẢNG TRỐNG TRONG NHÀ VĂN"

Thiếu vắng tình yêu

UÔNG TRIỀU

Thiếu vắng tình yêu? Tôi bật ra cái ý này khi đọc lời bìa trắng của nhà văn Lý Nhuệ người Trung Quốc khi ông nói về hai cuốn tiểu thuyết của mình: *Chốn xưa* và *Ngân thành cổ sự*. *Ngân Thành cổ sự* được viết sau *Chốn xưa* mười năm, gần như cùng một chủ đề, một vùng đất, được tác giả đầu tư nhiều hơn nhưng đọc giả lại thích cuốn đầu tiên hơn. Tôi đã nhận ra vấn đề của sự mâu thuẫn này: cuốn thứ hai thiếu vắng tình yêu so với cuốn đầu tiên!

Sự khác biệt trong tiếp nhận tác phẩm của Lý Nhuệ không phải là duy nhất. Tác giả công nhận rằng ông đã không cảm thấy thoải mái với *Chốn xưa* và viết tiếp *Ngân Thành cổ sự* để bù đắp. Ở cuốn tiểu thuyết thứ hai về Ngân Thành, sự khốc liệt, dữ dội được tăng lên, thậm chí tác giả công phu hơn nhiều nhưng giới nghiên cứu và cả bạn đọc không thấy hấp dẫn bằng cuốn thứ nhất. Bởi không có một tình yêu lớn nào trong *Ngân Thành cổ sự*, trong khi ở *Chốn xưa*, có những tình yêu rất mãnh liệt, quyết liệt, gần như là tôn thờ; tình yêu gắn liền với chiến tranh, xung đột giai cấp, gia đình; có lẽ vì thế cuốn sách có yếu tố tình yêu được ưa thích hơn.

Tôi nhận ra rằng những tiểu thuyết có những tình yêu lớn thường là những cuốn tiểu thuyết lớn. Ta có thể kể đến *Anna Karenina* của Lev Tolstoy, *Anh em nhà Kamazov* của Dostoevsky, *Bà Bovary*, *Giáo dục tình cảm* của Flaubert... Trong *Anna Karenina* và *Bà Bovary*, hai người phụ nữ có chồng đều nảy sinh những tình cảm rất mãnh liệt với người không phải chồng của mình. Họ say đắm và hiến dâng, gần như hoàn toàn sống trọn vẹn trong tình yêu đầy tội lỗi của mình với một thái độ quyết liệt và tận tụy. Và khi bị phản bội hoặc không thể tiếp tục với tình yêu ấy, hai người đàn bà đều tìm đến cái chết như một sự giải thoát hoặc trả thù người tình của mình.

Trong văn học Việt Nam cũng có những tình yêu rất lớn trong những cuốn sách rất đáng kể. Như mối tình của Phạm Thái và Trương Quỳnh Như trong *Tiêu Sơn tráng sĩ* của Khái Hưng. Mối tình của Phạm Thái và Trương Quỳnh Như là một thiên tình sử tuyệt đẹp giữa khách giang hồ và nàng thơ trong nhung gấm, mối tình đã khiến Phạm Thái tạo ra những vần thơ diễm lệ cho đời. Cũng vì một phần bởi Trương Quỳnh Như tự tuyệt khi gia đình ngăn cản, Phạm Thái đã không còn sức chiến đấu cho lí tưởng của mình, tuyệt vọng đi trên con đường phiêu lãng không biết đâu là bến bờ...

Trong cuốn tiểu thuyết mỏng *Lan Hữu* của Nhượng Tống cũng có một mối tình bi thảm giữa Lan và Hữu, một mối tình đã lấy nhiều nước mắt của người đọc đương thời. Cuốn sách đã ảnh hưởng lớn đến độc giả thời ấy, thậm chí khi đó đã có người “kết tội” rằng: phụ nữ tự tử nhiều là bởi đọc tiểu thuyết!

Trong tiểu thuyết *Xóm Cầu Mối* của Nhất Linh cũng có một mối tình đầy chênh vênh giữa Mùi và Siêu, những người anh em con chú, con bác với những tình cảm đầy day dứt và mâu thuẫn cùng những ranh giới khó vượt qua; tình cảm này là trục chính xuyên suốt, là yếu tố quan trọng khiến *Xóm Cầu Mối* trở thành một trong những cuốn sách lớn nhất của Nhất Linh.

Trong *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh có mối tình rất đáng kể giữa Kiên và Phương với nhiều thăng trầm xuyên suốt từ thời chiến cho đến thời bình; mối tình này đã tạo thêm dư vị lạ cho cuốn tiểu thuyết của Bảo Ninh, góp phần mang lại thành công cho tác phẩm.

Còn trong văn học đương đại, với các tiểu thuyết Việt khoảng hai chục năm trở lại đây, thật khó để tìm ra một tình yêu lớn. Sự thiếu vắng những tình yêu lớn trong văn học là điều rất rõ ràng. Đây là một vấn đề rất đáng bàn luận. Phải chăng con người hiện đại không còn yêu nữa, hay tình yêu của họ không đủ lớn để các nhà văn có một sự quan tâm và đầu tư vào chủ đề ấy?

Có người cho rằng bây giờ luận đề mới là quan trọng, là đáng kể, còn tình yêu chỉ là một thứ lãng mạn không đáng được quan tâm và đầu tư. Có người còn bảo, thời nào rồi mà còn thuần túy nói đến tình yêu? Con người đương đại thực dụng hơn rất nhiều; các vấn đề như mâu thuẫn chính trị, xung đột tôn giáo, biến đổi trong cơ cấu xã hội, gia đình, quan niệm đa dạng của xã hội, bảo vệ môi trường, trẻ em... mới cấp thiết và quan trọng. Một cuốn sách đơn thuần tình yêu hoặc tình yêu chiếm tỉ lệ lớn sẽ bị cho là sến súa, lãng mạn rơi rớt, xa rời hiện thực, cuộc sống xã hội.

Có những ý kiến bình tĩnh hơn cho rằng, tình yêu vẫn còn trong văn học nhưng đã bị tình dục lấn át. Điều này rất dễ nhìn thấy vì trong các tiểu thuyết Việt đương đại, tình dục xuất hiện rất nhiều, thậm chí là chủ đề chính. Các nhân vật thi nhau làm tình, mọi chỗ, mọi nơi, nhiều người coi tình dục là phương tiện giải toả hoặc mục đích sống. Trước đây, tình dục là yếu tố phát sinh, giúp tình yêu thăng hoa thì bây giờ ngược lại, tình dục là yếu tố chính, trọng tâm, còn tình yêu chỉ là yếu tố điểm xuyết, thậm chí người ta không cần

tình yêu trong các quan hệ tình dục. Khi tình dục được nâng cao vị thế thì tất nhiên tình yêu sẽ bị giảm đi, điều này phổ biến trong quan niệm đương thời và văn chương phần nào cũng phản ánh điều ấy.

Một lí giải khác là tình yêu bây giờ quá dễ. Người ta có rất nhiều phương tiện và phương cách để tìm thấy tình yêu hoặc tìm ra đối tác thích hợp. Các cá nhân bây giờ sống hầu như không có khoảng cách với người khác nhờ các phương tiện thông tin hiện đại, giao thông tiên tiến và tốc độ cao. Một người vài tháng hoặc một năm mới gặp, mới biết tin tức của người yêu sẽ rất khác với việc họ gặp nhau hàng ngày hoặc hàng tuần. Tình yêu lớn thường sinh ra trong các điều kiện khó khăn như cách trở địa lí, chiến tranh, thiếu phương tiện giao thông thì bây giờ những cản trở ấy hầu như không còn nữa, con người ta quá thuận tiện để liên lạc và đến với nhau. Với những điều kiện quá dễ dàng và thuận lợi thì khó lòng nảy sinh những tình cảm lớn được. Từ điều kiện thực tế của cuộc sống, văn chương cũng khó “tô vẽ” thêm, tạo ra những chương ngại, thử thách - những biểu hiện thông thường và điển hình của những mối tình lớn.

Lại nữa, quan niệm xã hội hiện đại cũng thông thoáng và cởi mở hơn rất nhiều so với trước đây; có rất ít những ngăn cản từ gia đình hoặc các thiết chế luật pháp về yêu đương, không hoặc rất ít phân biệt về giàu nghèo, tuổi tác, địa vị, màu da; thậm chí tình yêu cùng giới tính, đa giới tính đã dần dần được chấp thuận như một điều bình thường và tự nhiên. Tình yêu có thể xảy ra từ bất cứ điều kiện nào mà không bị cản trở. Người ta gần như hoàn toàn tự do để yêu đương. Sự cởi mở và đa dạng về quan niệm và không bị thiết chế luật pháp gò bó, về mặt nào đấy cũng khó làm nảy sinh những tình cảm lớn. Bởi vì càng bị thách thức, con người thực tế và nhân vật văn học mới càng nỗ lực để làm ra những kì tích cho riêng mình.

Nhưng nói thế không phải để cáo chung cho tình yêu trong văn chương hoặc sẽ không xuất hiện những tình yêu lớn. Thực tế con người đương đại vẫn còn yêu và vẫn có những tình yêu lớn dù khó nhận ra hơn. Hơn nữa, những tác phẩm có tình yêu lớn sẽ rất ít bị lỗi thời trong khi các chủ đề khác thường mau chóng bị vượt qua hoặc không còn phù hợp. Chẳng nào con người còn tồn tại thì người ta vẫn còn yêu; tình yêu là đặc tính bất diệt trong đời sống xã hội, là chủ đề không bao giờ lạc hậu trong văn học và tôi dự đoán, sau tất cả những thử nghiệm và cách tân người ta rồi sẽ quay lại cổ điển. Tình yêu đã và sẽ luôn là một trong những mẫu mực cổ điển bền bỉ nhất, cả trong đời sống xã hội và khí quyển văn chương.

Những đổi chác “văn chương” không cùng giá trị

PHÙNG KIÊN

Trong truyện ngắn trứ danh *Lão Hạc* được dạy ở không gian học đường, Nam Cao đã tạo ra một nhân vật kể chuyện độc đáo trùng với chính tên câu chuyện. Lời kể có vẻ mộc mạc của ông lão ấy như đem lại cái nhìn mang tính hiện thực cho tác phẩm, sao cho như nó diễn ra trước mắt ta. Còn ông giáo dường như chỉ đóng một vai phụ rất nhạt để làm nổi bật cái nhìn hiện thực đó. Câu chuyện dựa trên *những sự đổi chác chỉ bằng niềm tin*. Mở đầu bằng cảnh lão Hạc mỗi sớm chiều đi dạo, truyện ngắn bắt vào câu chuyện qua lời thổ lộ bên ấm nước điều thuốc Lào về việc ông lão muốn bán con chó vàng. Chính bản thân câu chuyện được kể đó tạo ra ấn tượng sẵn lòng chia sẻ, đồng cảm khi kể về những con người thấp cổ bé họng trong xã hội ở vào tình thế bị kịch. Đó là một kiểu đề tài thực sự được ưa thích của những tác phẩm hướng về các vấn đề xã hội, được gọi là tả chân trước những năm 1944, và cho tới những năm 1990 nó luôn được định danh là chủ nghĩa hiện thực.

Lão Hạc đã tỏ ra tin cậy đối với ông giáo để kể hết những câu chuyện của đời mình. Còn ông giáo trong vai người nghe câu chuyện dù vẫn nghi hoặc cũng cần thể hiện mình hoàn toàn tin tưởng vào những lời kể để không làm lão Hạc thất vọng. Hai sự “tin cậy” có đi có lại này là nền tảng không chỉ cho những chuyện văn bên ấm chè, mà còn chuẩn bị cho những sự cậy nhờ vô giá. Trong câu chuyện được coi mang tính hiện thực và được kể như một sự biểu diễn này, xảy ra ba sự đổi chác của lão Hạc. Thứ nhất đó là việc ông lão bán cho thằng Mực và thằng Xiên con chó vàng lấy năm đồng. Thứ hai ông lão “đánh cược” bằng cuộc đời mình cho niềm tin của mình rằng ông giáo sẽ gìn giữ mảnh vườn cho con. Thứ ba ông lão đổi cuộc đời mình lấy sự nguyên vẹn số tiền ba mươi đồng để làm ma cho mình.

Trong ba sự đánh đổi này, có duy nhất một sự đánh đổi ban đầu có vẻ như ngang giá với sự đảm bảo chắc chắn là con chó, còn hai sự đánh đổi sau mang tính “tín chấp” rõ rệt. Sự đánh đổi đầu tiên diễn ra nhanh gọn, tức thì dựa trên những biểu hiện có thể định giá sản phẩm được giao dịch. Trong sáng tác của Nam Cao cũng như của văn học đương thời, con chó nhiều lần được nhắc đến như một thứ sản phẩm để đổi chác ngang giá và hiệu quả đối với đời sống

người thôn quê đương thời (câu chuyện bán chó của chị Dậu với giá một đồng hai vì bị ép giá thay vì dự tính ba đồng rưỡi nếu đợi được vài phiên chợ).

Trong câu chuyện, con Vàng với lão Hạc là “Cậu Vàng” - một cách gọi tên chứa đầy ý nghĩa với người dân quê xưa. Vậy là trong cuộc đổi chác này, bên cạnh sự “đúng giá thị trường”, vẫn còn có một sự bất cân xứng về giá trị từ những góc nhìn khác nhau của hai bên tham gia. Một đằng là giá trị cụ thể, được xác định theo “giá thị trường” của một thứ thực phẩm, còn đằng kia là những giá trị không thể đo đếm, gắn với cảm xúc, với cuộc đời một con người cô đơn, không thân thích ở làng quê.

Sự bất cân xứng về giá trị đổi chác hiện rõ qua hình ảnh “lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước”. Sự bất cân xứng giá trị từ hai góc nhìn khác nhau đã trở thành động lực cho sự vận động của câu chuyện, thăng hoa thành cảm xúc ở người nghe chuyện là ông giáo, sau đó là của người đọc truyện. Những chi tiết trên khuôn mặt mà ông giáo tả lại là đòn bẩy để đẩy toàn bộ câu chuyện về một hướng khác. Câu chuyện bán “cậu Vàng” của lão Hạc được liên tưởng đến việc bán sách của ông giáo, vì ông thấy đó là những sự bất cân xứng giá trị. Sự bất cân xứng giá trị của việc đổi chác con chó làm tiền để cho một suy ngẫm về một sự bất cân xứng giá trị khác của những sự đổi chác.

Hai sự đổi chác bất cân xứng đều dựa trên sự tín chấp trong câu chuyện đã liên kết hai người kể lại với nhau. Khi nói tín chấp, đó là một giả định về hai việc: chủ thể thực sự đáng tin để được nhận tín vật; sự tín chấp mang tính thời gian. Nhưng thế nào để nhận diện sự “đáng tin”? Không có bất kỳ điều nào đảm bảo cho điều này ngoài “niềm tin”, đó là sự tín chấp. Lão Hạc không gửi tiền cho những hàng xóm láng giềng khác, trong đó có binh Tư, và thậm chí còn “chơi khăm” binh Tư, kể chuyện bầy chó, bằng một cú bầy người. Dùng niềm tin của anh ta đối với mình để “mua chịu” bả chó và trả giá bằng cái chết của mình. Đó là một cú giao dịch tín chấp vượt mọi hình dung của người được nghe kể là binh Tư, và chính cả ông giáo. Sự tín chấp đó được kéo dài qua cam kết của ông giáo ở phần kết thúc truyện ngắn: “Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hân và bảo hân: *Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn: cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào...*”.

Lời cam kết này nhấn mạnh lần nữa cái đáng về giống như thật, cái không khí hiện thực của câu chuyện, rằng đó là một sự việc thực sự đã xảy ra trong làng quê nơi “tôi” sinh sống. Người đọc nên tin vào đó, tin vào sự việc được kể. Sự tín chấp kết thúc câu chuyện về cuộc đời lão Hạc đã hoàn tất trọn vẹn một *câu truyện* mà Nam Cao hình dung, tưởng tượng để kể với độc giả. Nhà văn khi dùng bút ở dòng cuối cùng đã ngầm đề nghị người đọc đồng ý với những cam kết rằng hãy tin vào *câu truyện*, chứ đừng tin vào câu chuyện.

Câu chuyện đó có thật không, có đáng tin không, hay chỉ là một thứ truyện kể “mua vui cũng được một vài trống canh”, như mọi thứ vô cùng phù phiếm

vẫn được văn chương muôn đời kể lại? Chỉ có đồng ý với cái cam kết này, người đọc mới sẵn lòng bỏ tiền ra để mua sách, mua những *câu chuyện* do nhà văn kể. Giống như sự tín chấp mà người đọc dành cho sản phẩm của nhà văn, một sự bất cân xứng giá trị của là nền tảng cho những giao dịch văn hóa trên thị trường. Việc đặt cược vào những thứ được kể luôn bất trắc nhưng thú vị, và đó là một phần của những câu chuyện văn chương thời hiện đại.

Nam Cao đã thể hiện giản dị trong câu chuyện của mình những điều được nói tường minh đó của lý thuyết văn học nửa sau thế kỷ XX. Sách và truyện đều là những sản phẩm văn hóa mà người ta có thể định giá được. Khi nghe ông lão thổ lộ việc định bán chó với một dung lượng không nhỏ, ông giáo đã nghĩ về những cuốn sách của mình: “Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Hồi bị ốm nặng ở Sài Gòn tôi bán gần hết cả áo quần, nhưng vẫn không chịu bán cho ai một quyển. Ốm dậy, tôi về quê, hành lý chỉ vền vện có một cái vali đựng toàn những sách... Nhưng đời người ta không chỉ khổ một lần. Mỗi lần cùng đường đất sinh nhai, và bán hết mọi thứ rồi, tôi lại phải bán đi một ít sách của tôi. Sau cùng chỉ còn có năm quyển, tôi nhất định, dù có phải chết cũng không chịu bán. Ấy thế mà tôi cũng bán! Mới cách đây có hơn một tháng thôi, đứa con nhỏ của tôi bị chứng lỵ gần kiệt sức...”

Những suy nghĩ của ông giáo cho thấy luôn có những sự đối chác bất cân xứng giá trị: với ông giáo thì rất quý, vì nó chứa đựng cả ước mơ và kỷ niệm, nhưng với người mua thì đó chỉ là những sản phẩm. Cũng như lão Hạc bán chó để giữ vườn cho con trai, ông giáo phải đổi những “quyển sách rất nâng niu” để nuôi “đứa con nhỏ của tôi bị chứng lỵ gần kiệt sức”. Giá trị tinh thần được đặt cạnh giá trị đời sống để buộc ông giáo phải lựa chọn.

Nhưng sách là một trong số những sản phẩm văn hóa của thời hiện đại, nơi sự nhân bản kỹ thuật là tiền đề cho mọi hoạt động vật chất lẫn tinh thần, thương mại lẫn văn hóa. Sách không chỉ tham gia vào đời sống tinh thần của con người, mà còn góp phần vào sự tồn tại vật chất. Đó thực sự là một vấn đề được đặt ra một cách nghiêm túc với tất cả những ai muốn sống bằng ngòi bút ở Việt Nam từ thời Tản Đà. Điều này không hề có với những nhà Nho tài tử nhất như Nguyễn Công Trứ, “ngày ba bữa, vỗ bụng rau bịch bịch, người quân tử ăn chẳng cầu no”.

Vậy là vấn đề đặt ra không còn dừng ở câu chuyện được kể, mà còn là những suy tư của Nam Cao phải đối mặt với cuộc sống hàng ngày. Xuất hiện thấp thoáng trong truyện ngắn của Nam Cao câu chuyện về những giá trị văn hóa được “sản xuất ra” và tồn tại nhờ vào vận hành bất cân xứng giá trị của các thiết chế xã hội. Việc sản xuất này có liên quan đến đặc thù của thị trường văn hóa tinh thần, đến một thứ “niềm tin” mời gọi tham gia vào trò chơi đó.

Ông giáo của Nam Cao nâng niu những cuốn sách mà không ai biết đó là những cuốn sách gì. Ông có cả một “vali đựng toàn những sách”. Chúng là toàn bộ gia tài của người đọc cụ thể này theo cả nghĩa vật chất lẫn tinh thần.

Sách với ông là một phần của cuộc sống, làm nên một không gian tinh thần. Nó tạo cho những người như ông một khoảng trống và sự tự do vì họ được ước mơ. Giá trị tinh thần này không tự nhiên sinh ra, vì nó gắn với giá trị tinh thần khách quan được tạo ra và được định giá bởi một cộng đồng. Ông giáo bán sách để đáp ứng những nhu cầu cấp thiết của cuộc sống, khi “cùng đường” cho những ai cũng yêu thích những cuốn sách ông đang có.

Những cuốn sách này tạo nên quanh chúng một tập hợp thành viên cụ thể. Họ tự giác tham gia, bởi hứng thú cá nhân, vào cộng đồng vô hình. Cộng đồng này – như cách nói của B. Anderson - hoàn toàn có tính tưởng tượng, mà mỗi thành viên tham gia chỉ biết đến sự tồn tại của thành viên khác thông qua những nhu cầu được xác lập liên quan đến cuốn sách họ quan tâm. Những mối liên hệ của họ vô hình, nhưng bền chặt bởi mối quan tâm chung đến một cuốn sách. Trước đó họ không biết đến nhau, và khi không còn quan tâm đến sách thì họ cũng rời bỏ cộng đồng đó.

Chính nhờ sự tồn tại của những nhu cầu, những mong muốn, những mối quan tâm với các cuốn sách nào đó có một giá trị tương trưng nhất định mà mỗi người đọc cụ thể có “liên lạc” với nhau thông qua sự định vị của giá trị kinh tế. Đường biên của cộng đồng giả định này là tưởng tượng, phụ thuộc vào lực hấp dẫn gây ra bởi cuốn sách hay tác giả nào đó. Giá trị tương trưng của những cuốn sách này hẳn là rất lớn để duy trì một sự tồn tại cộng đồng như thể thông qua những kiểu giao tiếp khác nhau, trong đó có giao tiếp kinh tế như một biểu đạt cụ thể đong đếm được.

Người đọc không chỉ tồn tại trong một thời điểm khi việc giao dịch diễn ra, mà còn tồn tại lâu hơn thế. Sự tồn tại này được duy trì chính là nhờ vào giá trị tương trưng như một thứ tín chấp có được từ sản phẩm hoặc người sản xuất. Hạn sử dụng sản phẩm không đương nhiên gắn với giá trị tương trưng của nó, gồm hai loại giá trị tương trưng mà ta có thể gọi là nội tại và ngoại tại. Giá trị tương trưng ngoại tại gắn với bản gốc về mặt vật chất.

Tại Việt Nam vào đầu thế kỷ XX, trong điều kiện của chế độ thuộc địa diễn ra những sự mở rộng dần của công chúng đại chúng, khác hẳn với thời kỳ tiền thuộc địa. Việc giảng dạy bằng tiếng Việt trong nhà trường theo lối giáo dục của Pháp - bất luận mục đích của chủ thể ra sao - đã tạo nên một sự thay đổi đáng kể số lượng người có thể giao tiếp với nhau bằng văn bản so với trước kia.

Vào 1906, chỉ có khoảng 3.000 học sinh ở 19 trường học khu vực Bắc Kỳ. Sau ba lần cải cách trong vòng hai thập kỷ, khoảng 15 tới 20% trẻ em từ 6 tới 12 tuổi được đi tới trường. Chắc chắn số khách hàng đọc Nguyễn Du thời kỳ 1930 lớn hơn rất nhiều số người đọc ông thời chỉ có những bản in khắc gỗ Duy Minh Thị chẳng hạn.

Giai tăng tư sản và tiểu tư sản - trong cái nhìn tổng quan - có vai trò chính trong số độc giả để cho một thứ công chúng giả định của báo chí như *Phong Hóa*, *Tiểu thuyết thứ bảy*... Tự lực văn đoàn đã thành công không phải vì sự

chiếm được thị trường, mà vì họ đã tạo ra cho mình một thứ khách hàng là công chúng mới thuộc giới tiểu tư sản.

Trong câu chuyện của Nam Cao, sự “tín chấp” của lão Hạc với ông giáo được đặt cược dựa trên tổng số hành vi mà ông giáo đã thể hiện. Nó cũng liên quan đến vị thế của ông giáo trong làng, trong cộng đồng. Trong câu chuyện về lão Hạc này, nhân vật có uy tín quan trọng nhất lại chính là ông giáo. Chính ông giáo đã dùng tín chấp để đảm bảo cái chết của lão Hạc được thanh thản dù đau đớn, cũng chính ông giáo là người kể chuyện đã tín chấp *hư cấu* bằng ngôi kể thứ nhất để đảm bảo với người đọc giả định của mình rằng những gì được kể là sự thực. Ông giáo đã dành cả cuộc đời của mình để gìn giữ những giá trị tượng trưng của cái cộng đồng mà ông tham gia vào.

Giá trị cụ thể như một sản phẩm vật chất của chúng chắc chắn không cao, nhưng giá trị tượng trưng nội tại được định giá bởi cái cộng đồng vô hình và tưởng tượng mà ông giáo tham gia lại rất cao. Chính sự an ủi khi bán bớt sách để vượt qua khó khăn, hay thậm chí cứu mạng cho đứa con của ông giáo chứng minh rõ sự quy đổi vừa công bằng vừa bất cân xứng giữa chúng và đồng tiền - một loại ký hiệu kinh tế ngang giá. Hoạt động kinh tế rõ ràng đã tham gia rất sâu vào việc cấu thành nên sự vận hành những giá trị tinh thần và tượng trưng mà ông giáo tôn thờ. Điều này góp phần ngược trở lại sáng tạo và duy trì sự tồn tại của tác giả những cuốn sách ấy. Thế là bên cạnh đối tượng được kể là số phận bi thảm của lão Hạc còn những suy tư dằn vặt của ông giáo về giá trị đích thực của những cuốn sách, về cái cộng đồng vô hình và tưởng tượng mà ông tham gia: “Không! Lão Hạc ơi! Ta có quyền giữ cho ta một tí gì đâu?”.

Một câu chuyện xưng tôi, kể về số phận bi thảm của ông lão nông dân hàng xóm và sự khốn cùng của những kẻ biết chữ như mình phải bán sách để tồn tại tựa như một thứ nhật ký mà ông giáo ghi lại về mình, cho mình và vì mình. Người đọc của câu chuyện khi được đăng báo có thể rất rộng, nhưng người đọc *câu truyện* thực sự không nhiều. Dường như người đọc *câu truyện* chỉ là những người làm nghề văn, những ai có mối quan tâm tới văn chương thuần túy, thứ văn chương chỉ dành cho những người trong nghề, cho những người đọc để viết chứ không đọc để đọc.

Trong những câu chuyện khác của Nam Cao, *Giăng sáng*, *Đời thừa*, cũng có nhân vật ông giáo là nhà văn như chính tác giả. Chúng ta thấy có lẽ đây là một trong những kiểu nhật ký nhà văn về nghề văn tựa như nhật ký của Edouard trong *Bọn làm bạc giả*. Những câu chuyện được ông giáo ghi lại dựa trên những gì mình thấy chung quanh. Đó là những điều đã thực sự diễn ra nhưng vì thế rất ít giá trị tượng trưng. Chỉ những cuộc trò chuyện trong một cái nhìn bất tận về thứ thực tại khác được tạo nên bởi văn chương mới vượt qua được giá trị thương mại. Thực tại đó luôn chứa đựng những sự bất cân xứng giá trị của mọi sự đổi chác văn chương, để nhờ thế văn học có thể tồn tại được trong thời kỳ nhân bản kỹ thuật.

Những vầng trăng thơ còn khuất lấp

(Trăng trong thơ miền Nam 1954 - 1975)

MAI BÁ ẮN

Có lẽ từ khi loài người chưa có chữ viết, trăng đã hiện diện trong thi ca (có thể lúc ấy chỉ là những khúc ca dao!). Vì khi con người sinh ra, vũ trụ đã có sẵn rồi, để sau này, qua mối liên tưởng, đối sánh, ta mới coi con người chính là tiểu vũ trụ tồn tại trong đại vũ trụ này vậy! Nghĩa là, trăng đã trở thành đối tượng của thi ca tự ngàn xưa, lâu lắm. Kể cả trong văn xuôi từ thuở chưa có văn xuôi mà chỉ là những thần thoại được kể bằng lời. Để giải thích về nguồn gốc vũ trụ, hầu như thần thoại của dân tộc nào cũng có Nữ thần mặt trăng trong tương quan với bầu trời, trong đối sánh với mặt trời, mây trời, sấm chớp...

Cho nên, đến bây giờ mà bàn chung về trăng trong thơ thì nghe ra chuyện đã là cổ lỗ. Trăng trong ca dao đã được nói nhiều rồi, trăng trong thi ca cổ - trung đại rồi đến Thơ Mới 1932-1945 và thơ ca cách mạng - kháng chiến Việt Nam cũng đã được tìm hiểu khá kỹ... Ở phạm vi bài viết này tôi xin được đề cập đến một cõi thi ca còn ít được nhiều người biết đến. Đó là trăng trong thơ một số nhà thơ nổi tiếng ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975 mà vì nhiều lý do, cả khách quan và chủ quan, bấy lâu nay, giới nghiên cứu văn chương vẫn còn chưa vén hết những đám mây mù làm khuất lấp...

Với **Bùi Giáng** (1926-1998), thế giới trăng trong thơ ông biến hóa muôn trùng cùng những “tồn nghi” mà đến muôn sau cũng khó lòng lý giải. Ngoài tập thơ *Đêm ngắm trăng* xuất bản sau này (năm 1997), trong giai đoạn 1954-1975, trăng cũng là một đối tượng gần gũi và xuất hiện khá đa dạng, độc đáo trong thơ Trung Niên Thi Sĩ: *Cây và cối bầu trời và mặt đất/ Đã nhìn tôi dưới sương sớm trăng khuya/ Mở buồng phổi đón gió bay bát ngát/ Dừng bên sông bến cát buổi chia lìa* (Phụng hiến). “Sương sớm trăng khuya” của chiều thời gian hòa với “bầu trời và mặt đất” của chiều không gian đại vũ trụ lớn lao cùng nhìn vào cái tiểu vũ trụ bé nhỏ là nhà thơ để nâng tầm cao rộng “đón gió bay bát ngát” của người thơ nguyên “phụng hiến” cuộc đời. Rồi hình ảnh “sông trăng bảo lòng mở cửa”, “trăng vàng sao giục cánh mộng tung ngàn”, “gió dậy lửa mơ” cả “bốn phía ba phương” cùng chung tụ về “gục khóc đêm giông” khiến vầng trăng trong thơ Bùi Giáng đã đưa tâm hồn con người muốn “phụng hiến” cả vui buồn, đau khổ hòa cùng vũ trụ, tự nhiên:

Sông trắng quá bảo lòng tôi mở cửa
Trăng vàng sao giục cánh mộng tung ngân
Gió thổi giập (dây) lụa mơ vào bốn phía
Ba phương trời chung gục khóc đêm giông (Phụng hiến).

Rồi đôi lúc, trăng lại là một gã lãng du “từ Trường Sơn heo hút” đến “đèo Hải Vân” tìm “con nai lạc trong sương” vô cùng cụ thể mà tiền thân của nó dưới ánh trăng đêm đúng nguyên hình “là con nai cao gót” rất lạ lùng của Thi Sĩ Đuôi Ươi: *Thổi trắng núi từ Trường Sơn heo hút/ Đèo Hải Vân con nai lạc trong sương/ Con nai ấy xưa là “nai cao gót”/ Em nhớ không? Trời đất vẫn như đường...* (Chào thu lục tỉnh).

Có khi ánh “trăng rằm” lại như gã đa tình xuất hiện trong một không gian, cảnh sắc rất trữ tình để “dọ dẫm hoa” bên “bờ nước cũ”: *Nhìn em nhé bên bờ kia gió thổi/ Lá xanh vườn theo cỏ muột ngân nga/ Tờ vi vút một đời thương nhớ tuổi/ Cửa trăng rằm xuống dọ dẫm bên hoa* (Bờ nước cũ).

Cũng có lúc bỏ quên tất cả những gió trăng, hoa sóng, thiên thần, ác quỷ, về tự “đối diện tôi”, để gom lại chỉ “còn hai con mắt” và cuối cùng... cũng chỉ để “khóc người một con”: *Bỏ trắng gió lại cho đời/ Bỏ ngang ngửa sóng giữa lời hẹn hoa/ Bỏ người yêu bỏ bóng ma/ Bỏ hình hài của tiên nga trên trời/ Bây giờ riêng đối diện tôi/ Còn hai con mắt khóc người một con* (Mắt buồn).

Trăng trong thơ Bùi Giáng những năm tháng ấy và có lẽ mãi đến sau này luôn xuất hiện đa sắc màu, đa biểu tượng vừa rất mệnh mông, mơ màng, cao rộng lại có khi rất cụ thể, gợi hình theo kiểu Bùi Bàng Giúi:

Còn hay mất? Ngày sau ta sẽ lại
Em sẽ về giữa mùa nước phơi trăng
Oanh yến múa cho trời xuân xanh mãi
Và yêu thương lên tiếng bảo nhau rằng (Bờ mây)⁽¹⁾.

Quách Thoại (1930-1957) là một nhà thơ tài hoa mà bạc mệnh. Chỉ vắn vện sống trên đời 27 mùa trăng nhưng ông cũng đã kịp để lại một vầng trăng khá độc đáo và mới lạ cho thơ ca Việt, đó là *Trăng thiếu phụ*: *Đã mấy đêm trường tôi không ngủ/ Nằm thao thức nhớ mảnh trăng thu/ Đã biết bao lần tôi tự nhủ/ Rằng cho tôi chết giữa âm u*.

“Mảnh trăng thu” hay mùa thu hay nàng thu mà khiến người thơ thao thức mấy đêm trường không ngủ được và muốn “chết giữa âm u”? Muốn chết vào đêm không trăng, sao lại nhớ trăng? Còn phải “động tình” khi ngoài kia trăng sáng?; rồi lại “sợ trăng lạnh rớt bên thềm” nhà mình?: *Cớ sao trăng sáng ngoài kia nhi?/ Làm động tình tôi giữa buổi đêm/ Tôi nhắm mắt nhìn không dám nghĩ/ Sợ nhìn trăng lạnh rớt bên thềm*.

Hình như vì quá yêu trăng, người thơ muốn chết vào một đêm không trăng,

(1) Bùi Giáng, Mưa nguồn, Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh tái bản, 2005.

nên khát khao “phòng tôi luôn mãi tối” và van “xin trăng đừng chiếu lướt qua song” để “hồn chìm lạc lối” và “tàn chết hết cả hoài mong”:

*Tôi muốn phòng tôi luôn mãi tối
Xin trăng đừng chiếu lướt qua song
Tôi muốn hồn tôi chìm lạc lối
Cho tàn chết hết cả hoài mong*

Có phải chính tình yêu nầy mằm từ tuyệt vọng chẳng mà người thơ phải “cơ khổ nuôi mộng” làm đau đến cả gối chăn trong tâm trạng vừa thương vừa sợ: *Cơ khổ cho tôi còn nuôi mộng/ Làm đau chăn gối giữa đêm thu/ Chỉ tội hồn tôi thêm xáo động/ Mà thương mà sợ mảnh trăng lu.*

Người thơ đang thương và sợ điều gì? Té ra là “sợ trời sáng”, “trăng lu” khiến “trăng thu thơ mộng sẽ không còn”, gặp lại người xưa thì gương mặt tươi trẻ của “thuở sắt son” đã không còn nữa:

*Tôi sợ ngày mai trời sẽ sáng
Trăng thu mơ mộng sẽ không còn
Tôi gặp mặt người người đã bán
Cả mùa xuân đẹp thuở sắt son*

Cứ như thế, cả bài thơ chứa đựng một khối mâu thuẫn lớn giữa “thương” và “sợ”, từ đó đâm ra hoài nghi “trăng của lòng tôi hay của ai?”. Để cuối cùng là nỗi đau đớn và tràn ngập cô đơn, tuyệt vọng đến tận cùng vì trăng đang bận “sáng bên đời”: *Bởi đâu lệ nhỏ lã trên gối/ Tôi thấy cô đơn lạnh lắm rồi/ Tôi biết đời tôi e hấp hối/ Mà trăng thì sáng tận bên đời.*

Cuối cùng là sự khẳng định bằng một câu kết đột ngột đến bất ngờ làm xoay chuyển toàn bộ nghĩa lý của bài thơ để rồi ai đọc cũng phải gật gù: nỗi bi tình với người thiếu phụ được thổ lộ qua hình ảnh trăng thu khiến cho *Trăng thiếu phụ* còn hay mãi đến bây giờ:

- Không người thiếu phụ đứng bên tôi! (*Trăng thiếu phụ*)⁽²⁾.

Về bài thơ này, Sa Giang Trần Tuấn Kiệt - một nhà thơ cùng thời đã nhận xét: “*Bài Trăng thiếu phụ* tuyệt vời, như một tiếng thở dài thoát ra và làm khua động trăng sao, làm ớn lạnh trên đường u-tịch... Tâm hồn luôn ngầy ngất, với gió trăng huyền sử, Quách Thoại đã nhân cách hóa, hoặc Thần hóa trăng trở thành một nàng thiếu phụ diễm mộng trong khung cảnh huyền thoại hoặc Liêu trai”⁽³⁾.

Không biết có phải vì bài thơ quá độc đáo khiến nhiều người bị ảnh hưởng hay vì nó là một vầng trăng bị khuất lấp lâu nay mà chính tên bài thơ đã tạo nên một hiệu ứng rất rõ nét đối với những nhà thơ hậu bối Việt Nam trong và ngoài nước (Đó là hai bài *Trăng thiếu phụ* của Bùi Nguyên Phong và của Lê Hữu Minh

(2) Nguồn thơ, Sáng Tạo số 17 tháng 2 năm 1958, trích theo dutule.com.

(3) Trần Tuấn Kiệt, Tác giả - Tác phẩm, Sài Gòn, 1973, trích theo thang-phai.blogspot.com ngày 20/11/2012.

Toán, bài *Vầng trăng thiếu phụ* của Phạm Như Hùng, bài *Miền trăng thiếu phụ* của Phan Thành Minh...)

Nguyễn Sa (1932-1998), bắt đầu làm thơ và nổi tiếng từ thời còn theo học triết tại Đại học Sorbonne, Pháp (1952). Năm 1956, ông về Sài Gòn và chủ trương Tạp chí Hiện đại. Ông là nhà thơ nổi tiếng ở miền Nam, được nhiều bạn đọc yêu thích. Với chủ trương thơ đừng nên quá chinh vắn mà phải lạc đi đôi chút mới thành tự nhiên, thơ Nguyễn Sa tuy “lạc vắn” nhưng vẫn lấy vắn làm chuẩn, khác với chủ trương thơ không vắn của Thanh Tâm Tuyền. Chất lãng mạn bay bổng đã làm nên sự hấp dẫn của thơ Nguyễn Sa với bạn trẻ.

Trước hiện thực u tối, điều tàn của chiến tranh, người đọc tìm thấy ở ông một chút lãng mạn, hư ảo vừa đủ để xoa dịu lòng: *Hư ảo nào như hư ảo trăng/ Em đàn cung nguyệt hát cung vắn/ Ta về đúng lúc đêm đang tối/ Tìm thấy trong thơ chiếc nguyệt cầm*. Từ đó, thơ ông dẫn người đọc đến chỗ xem “đời như mộng”, sống an phận, không tranh giành, cứ như là quay lưng với thời cuộc:

*Hư ảo nào như hư ảo trăng
Trời đưa ta tới chỗ em nằm
Em như huyền hoặc, đời như mộng
Ta ngã lưng làm một giấc trăng (Hư ảo trăng).*

Nhẹ nhàng, thanh thản, mơ màng như “đêm nguyệt bạch”, như hơi “gió thổi trong vùng tóc” hoặc thoảng qua mơ hồ như một “cánh nhận” bay qua: *Tôi đã gặp em từ bao giờ/ Kể từ nguyệt bạch xuống đêm khuya/ Kể từ gió thổi trong vùng tóc/ Hay lúc thu về cánh nhận kia? (Tuông tư)*⁽⁴⁾.

Đi đầu trong chủ trương hiện đại hóa thi ca ở miền Nam và cả việc tiên phong trong sáng tác, **Thanh Tâm Tuyền** (1936-2006) là một tên tuổi quen thuộc của thi đàn miền Nam 1954-1975 với những cách tân táo bạo nhằm đưa thơ Việt thoát khỏi từ trường của Thơ Mới. Trong hơi thơ cách tân ấy, trắng của Thanh Tâm Tuyền là trắng của những màu sắc lạ, bất bình thường so với trước. Đó là “đóa trăng tàn trắng phếu” trên *Đỉnh non xa*: *Trắng phếu sườn non ngày mới chớm/ Một đóa trăng tàn lẩn lút bay (Đỉnh non xa)*. Là vầng “trăng thất sắc” trong “sáu biển khúc quanh một bài thơ cổ” gửi vợ chồng K:

*Trăng thất sắc lánh xa. Ngày sợ rạng.
Đôi chập chờn. Cỏ rối tường heo may (Ngôi nhà).*

Cũng lần đầu tiên ta gặp trong thơ Việt màu “trắng hồng vàng vạc” trong một kiểu pha màu đầy ấn tượng: đỏ - hồng - thiên thanh - sậm nâu - biếc lục - tím than - vàng: *Ngôi nhà đỏ đôi trắng hồng vàng vạc./ Cửa thiên thanh. Mái xoải ngủ sậm nâu./ Cây biếc lục. Trời tím than. Núi sững./ Phố tuôn vàng huyền náo dưới triển sâu*. Và có một nàng trăng “khỏa thân xanh mượt” rất lạ lùng, đầy ám ảnh:

*Mùa ngả độc. Nhà nín hơi lẩn lút.
Đôi sượng sần. Cây lia cành, lá trút.*

(4) Nguồn thơ: trích theo thivien.net.

Đừng ngoái nhìn. Phơ phất khói sương thu.

Đừng ngoái nhìn. Trăng khoả thân xanh muốt (Ngôi nhà).

Ngoài sắc màu, ta còn nhận ra rất rõ sự tương giao, tương hợp giữa sắc màu và cảm giác, thính giác, thị giác (sững, huyền ảo, ngã độc, nín hơi, sượng sần, ngoái nhìn) của chủ nghĩa tượng trưng. Trăng không phải của đêm thanh tịnh nơi làng quê như ta thường gặp ở thơ truyền thống và Thơ Mới mà là trăng giữa phố vào một sáng sớm mai: *Chạy xe trên phố đêm, thẳng tắp, điện sáng trưng. Trăng tỏ trên những mảng trời đen lung bùng gió (...) Trăng nấp khuất sau lưng. Lấp lánh vun vút lửa tuôn trong mắt ham hồ những sao sa, những tàn lửa (Trăng phố buổi sớm)*⁽⁵⁾.

Ở miền Nam trước 1975 có “Ba kỳ nhân”, bên cạnh Bùi Giáng và Phạm Công Thiện là **Nguyễn Đức Sơn** (1937-2020), còn nếu xếp theo phạm vi thuần thi ca thì Nguyễn Đức Sơn cũng vào hàng “Tứ quái kiệt” bên cạnh Bùi Giáng, Thanh Tâm Tuyền và Tô Thùy Yên. Từ thuở trẻ trai với bút hiệu Sao Trên Rừng, Nguyễn Đức Sơn đã tỏ ra là một cây bút kỳ dị với cái nhìn siêu hình về cuộc đời cùng những suy tư, hoài nghi về thân phận. Cái cách bỏ ngang, không thềm học Đại học Văn khoa để làm thơ, rồi sau đó lại dắt vợ con từ bỏ phố phường về rừng sống vô vi theo lẽ tự nhiên đã chứng minh điều kỳ dị đó. Vì thế chẳng mà trăng của Sao Trên Rừng là bóng trăng tà (ít khi là vầng trăng non) cô độc, xa xăm dù là trăng trong câu chuyện yêu đương trai trẻ: *thôi nhè ngàn năm em đi qua/ hôn tôi cô tịch bóng trăng tà/ trời sinh ra để chiều hôm đó/ tôi thấy mây rừng bay rất xa (Tôi thấy mây rừng).*

Hay là trăng khi đã “huyết lạnh anh về”:

rồi mai huyết lạnh anh về

ru nhau gió thổi bốn bề biển xưa

trăng tà đổ bóng cây thưa

mộng trần gian đã hái vừa chưa em (Tịch mặc).

Ở đây, ta thấy Nguyễn Đức Sơn đã nghĩ, khi mình từ biệt trần gian thì bên cạnh lời ru của gió lồng ba bề bốn biển, vẫn là bóng “trăng tà đổ bóng cây thưa” sau khi đã trải qua giấc “mộng trần gian” giữa giờ “tịch mặc”⁽⁶⁾.

Tô Thùy Yên (1938-1919) cũng là gương mặt độc đáo của thi ca miền Nam thời ấy. Cùng với Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, hai họa sĩ Duy Thanh, Ngọc Dũng; Tô Thùy Yên lập nên nhóm Sáng tạo với chủ trương “Thơ Tự do” trên văn đàn miền Nam vào thập niên 1960. Quê ở Gò Vấp nên ông cũng là người miền Nam duy nhất trong nhóm Sáng tạo. Chính vì lẽ đó, trăng trong “Thơ Tự do” được ông thực nghiệm bằng những câu văn xuôi trải dài trên trang giấy, dù là đêm của “Lễ tấn phong tình yêu” trong khu vườn tình ái được thiên nhiên “tráng men trắng bạc..., tinh tú xum xuê”, nhưng hồn người thì lại “tráng men buồn thiu và âm u chất sáng”, có “hoa cỏ trở mình” nhưng cũng lại xuất hiện rất nhiều những bất an của

(5) Nguồn thơ: trích theo thivien.net.

(6) Nguồn thơ: trích theo chimviet.free.fr.

“hồn ma hiện về tuần rảo”: *Cả khu vườn trắng men trắng bạc và trên trời tinh tú xum xuê. Hồn anh cũng trắng men buồn thiu và âm u chất sáng (...) Thỉnh thoảng ánh sáng mỏng mảnh lại rung rinh, hình như hoa cỏ trở mình. Hay hồn ma hiện về tuần rảo (Lễ tấn phong tình yêu).*

Là một nhà thơ, một trí thức lại trực tiếp tham gia vào cuộc chiến, nên thường trực trong thơ ông là một vắng trắng “ủ ê” pha những lo toan, “mỏi mê” của thân phận con người: *Thấy gì chẳng, chẳng thấy gì/ Nước rão, trắng rạt, ta thì mỏi mê.../ Chảy khuya, nước ủ trắng ê/ Uống công, bãi ấy đi về một ta.../ Mãi rồi trời cũng sáng ra/ Phần trắng trắng lặn, phần ta ta về (Đi về).* Đối diện với chiến tranh, ông nghĩ đến thân phận mỏng manh của kiếp con người với cái nhìn bi quan đến mức phải vội nói lời chia tay với “bạn hiền” trắng ngay khi vừa “tái ngộ”, thương “bạn hiền” trắng phải bơ vơ khi bạn thơ đã chết “Quanh mồ ta, trắng phải lang thang”:

Trắng, bạn hiền xưa giờ tái ngộ

Ta thức đêm nay chơi với trắng

Nghĩ tội thương sau này, mãi mãi

Quanh mồ ta, trắng phải lang thang (Hế, ta trở lại gian nhà cô)⁽⁷⁾.

Sa Giang Trần Tuấn Kiệt (1939-2019) cũng là một gương mặt đáng chú ý của thơ ca miền Nam. Ông xem trắng như nơi chốn đi về để tìm sự thanh thản lòng mình những khi chán chường thời cuộc: *mai tôi về sau núi/ suốt đời ngắm ánh trắng/ tôi ngồi yên từ đó/ trong bóng sáng mờ màng/ tôi ngồi yên từ đó/ cầu nguyện áng mây trời/ vắng trắng huyền diệu lắm/ xin mây dừng lại thôi.*

Nhưng dẫu có cố tìm quên qua “vắng trắng huyền diệu”, đôi lúc cái thời cuộc chán chường vẫn dấy lên trong lòng những hoài nghi thắc mắc: *từ đó hỏi trắng rằng/ mai này trắng của ai/ không gian vừa khẽ động/ buông ra tiếng thở dài (Trắng xuân thu).*

Rồi bỗng xuất hiện cả “vắng trắng lửa Hạ” rất lạ lùng treo trên “mấy cành củi khô” bên “vực sâu rêu phủ”. Trắng soi trên phiêu du hoa trắng ngàn xưa cùng ngọn “nước sa buồn” tủi:

Vắng trắng lửa Hạ treo nhành

Vực sâu rêu phủ mấy cành củi khô

Ngàn xưa hoa trắng phiêu du

Nước sa buồn với mùa Thu cách nguồn

“Nước sa buồn” khiến “trăm sông buồn” giữa “quanh co bến lạ” rụng sấu xương máu chiến tranh: *Trăm sông buồn cũng xô luôn/ Quanh co bến lạ máu xương rụng sấu (Biển khuya)⁽⁸⁾.*

Phạm Thiên Thư (1940) với *Đoạn trường vô thanh* (Hậu truyện Kiều), bằng những dòng lục bát trường thiên trong như suối nguồn, thanh cao như bóng hạc đã sớm khẳng định tên tuổi của mình trên thi đàn miền Nam từ những ngày còn

(7) Nguồn thơ: tạp chí Văn Nghệ số 8, tháng 9 & 10, Saigon, 1961, trích theo <http://tienve.org>.

(8) Nguồn thơ: trích theo thivien.net.

khoác áo tu hành nhằm tránh đi “quân dịch”: *Hỏi con vạc đậu bờ kinh/ Có sao lặn đặng cái hình không hư/ Hạc rằng thừa bác Thiên Thư/ Mặc chi chiếc áo thiên sư ốm ở (Động hoa vàng).*

Cũng có thể nói rằng Phạm Thiên Thư chính là nhà thơ đã biến triết thuyết Phật giáo thành thơ. Vì lẽ đó, trắng trong thơ ông cũng nhuốm vị thiền thanh thoát, phiêu diêu: *Đêm dài ươm ngát nhụy hoa/ Chim kêu cửa mộ trắng tà gõ bia/ Em ơi rủ tóc mây về/ Nhìn trăng nở để lời thể gió bay/ Đợi nhau tàn cuộc hoa này/ Đành như cánh bướm đôi tây hững hờ (Động hoa vàng).* Trong thơ ông giai đoạn này, trắng cú thanh thân giữa trời cao quán chiếu trần gian, thấu tóm những vui buồn tục lụy, rồi vút lên qua hơi lục bát nhẹ nhàng, hỉ xả, siêu thoát:

Đợi ai trăng rồi hoa buồn

Vắng em từ thuở theo bướm gió xuôi

Chiều chiều mở cổng mây trôi

Chênh vênh núi biển mắt ngời sao hôm (Đoạn trường vô thanh).

Vì lẽ đó, trắng trong thơ Phạm Thiên Thư cú như là bối cảnh cho những hội tụ, đoàn viên giữa hiện thực miền Nam đầy biến động. Nó khiến cho con người rũ bớt lụy phiền, hơn thua, chém giết, trở về với thể giới an bình: *Trăng nằm ngoài nội cỏ khô/ Tết thu rang một rá ngô trắng hồng/ Gia đình tụ giữa sân trong/ Nhón trăng hay nhón mấy bông cúc vàng (Chút băng khuâng trên hiên hoa vàng)⁽⁹⁾.*

Từ già cỗi đời ở tuổi 40, nhưng **Nguyễn Tất Nhiên** (1952-1992) là một tiếng thơ tự khẳng định mình bằng một cách đi riêng, chinh phục được đa phần giới trẻ miền Nam lúc ấy. Thơ ông không thoát tục như Phạm Thiên Thư (tất nhiên!), nhưng cũng không đồng điệu với tiếng thơ chung của những trào lưu cách tân lúc bấy giờ. Trong sáng tác, ông là người chối bỏ mạnh mẽ nhất những mỹ từ để đưa thơ về gần với vĩa hè cuộc sống. Cũng vì thế mà dù không đổi mới nhiều về hình thức thơ, nhưng thơ Nguyễn Tất Nhiên đã thoát đi rất xa so với lối Thơ Mới dày đặc mỹ từ. Đó là những vắng trắng mười sáu với vu vơ hờn giận của tuổi học trò trung học: *Bởi vì hai đứa ngây thơ/ Tình tôi dạo ấy là... ngỡ ngẩn nhìn/ Thế rồi trắng sáng lung linh/ Em mười sáu tuổi giận hờn vu vơ (Trúc đào).*

Là vắng trắng man dã giữa rừng hoang, ghi riết tuyệt vọng khi phải “xa người”:

Mai về thiếp giữa rừng hoang

Chiêm bao chắc cũng hai hàng chân đi

(Xa người tôi bỗng man đi

Tay nâng sầu thâm tay ghi trắng hoa) - (Chết tôi một cuộc vong tình).

Nếu vị thiền nhà Phật hòa trong hương tình thanh thoát, nhẹ nhàng là thơ Phạm Thiên Thư thì dù không phải là con chiên của Chúa, nhưng những bài thơ hay nhất của Nguyễn Tất Nhiên chính là những bài thơ gần với tình học trò và tan hòa trong tiếng chuông của giáo đường Thiên Chúa. Có một tư liệu nói rằng,

(9) Nguồn thơ: Phạm Thiên Thư, Động hoa vàng, Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh tái bản, 2006 và từ nguồn: thivien.net.

khoảng năm 1972-1973, Nguyễn Tất Nhiên có giấy gọi đi quân dịch, nhưng sau đó bị trả về do “tâm thần bất ổn”. Có phải thế chăng mà vắng trắng trong thơ ông đôi lúc “lên cơn điên”, kéo cả quá khứ - hiện tại - tương lai về rất gần cõi chết với sự xuất hiện của địa ngục, sa tăng: *dĩ vãng là địa ngục/ giam hãm đời muôn năm/ tôi - người yêu dĩ vãng/ nên sống gần Satan/ ngày kia nghe lời quỷ/ giáng thế thêm một lần/ trong kiếp người linh mục/ xao gầy cơn điên trắng!* (Linh mục)⁽¹⁰⁾.

Có phải thế chăng mà nổi tiếng với những bài thơ viết rất hay bên những giáo đường nhưng vốn là người ngoại đạo, nên khi chết, dù chết trong thân phận ly hương, ông vẫn tự chọn cho mình cái chết bên một sân chùa trên đất Mỹ (“ngày 3 tháng 8 năm 1992, người ta thấy anh nằm chết trong một xe hơi cũ, đậu dưới bóng cây trong sân chùa tại California”)⁽¹¹⁾.

Đến đây, có người sẽ bảo: sao không thấy Du Tử Lê (1942-2019) và một số nhà thơ tên tuổi khác nữa? Vâng! Người viết bài này đã nghĩ ngay đến Du Tử Lê từ khi bắt đầu tìm tư liệu. Nhưng tìm hoài, thì nhận ra, trong thơ của Du Tử Lê giai đoạn 1954-1975, trắng lại rất ít xuất hiện. Ngạc nhiên trước điều này, tôi liền nhắm lại bài hát *Khúc thủy du* rất phổ biến với đoạn kết “Anh là chim bói cá, em là ánh trăng ngà, chỉ cách một mặt hồ, mà muôn trùng chia xa”. Hi vọng chợt lóe lên! Nhưng khi truy về gốc bài thơ thì đoạn này lại không có trong bài thơ dài về sự dữ dội và tang thương của chiến tranh, đúng như Du Tử Lê đã một lần bày tỏ: “Nhạc sĩ Anh Bằng chỉ lọc, lựa một số câu thơ liên quan tới tình yêu mà, không lấy một câu thơ nào nói một cách cụ thể về chiến tranh, chết chóc (...) Từ đó đến nay, thỉnh thoảng vẫn còn có người lên tiếng phản đối sự giản lược nội dung bài thơ của tôi vào một khía cạnh rất phụ: Khía cạnh tình yêu (...) Nhưng, hôm nay, sau mấy chục năm, nhìn lại, tôi thấy, ông cũng có cái lý của ông”⁽¹²⁾.

Còn những vắng trắng thơ sau 1975 của Du Tử Lê như *Đêm nhớ trăng Sài Gòn*, *Người nhón gót: thả vắng trắng thứ nhất và Australia*, *Thơ ở Nguyễn Trọng Tạo...* thì lại không thuộc đối tượng khảo sát của bài viết này. Đối với một vài cây bút khác thì một phần do nguồn tư liệu khó khăn, một phần chủ đề trắng trong thơ họ cũng không phải là đề tài nổi trội, gợi nhớ. Vì lẽ đó, xin chỉ dừng lại ở đây. Về tư liệu thơ, người viết bài này cũng chủ yếu dựa vào nguồn thơ trên các trang mạng (<https://vi.wikipedia.org>, thivien.net...) rồi đối chiếu cùng một số tài liệu có được, vì thế, tất sẽ khó tránh khỏi những trích dẫn có thể chưa chính xác ở đôi câu, đôi chữ của bài thơ của một số tác giả không có nguồn tư liệu giấy. Rất mong bạn đọc lượng thứ với những khai mở ban đầu để chúng ta cùng góp phần làm sáng tỏ hơn lên những vắng trắng thơ còn khuất lấp xưa nay.

Quảng Ngãi, Thu Đông 2021

(10) Nguồn thơ: trích theo thivien.net.

(11) Theo <https://vi.wikipedia.org/wiki>.

(12) Nguồn: <http://www.dutule.com>.

Khi cái ác được dung dưỡng

BÍCH NGÂN

1.

Những năm tám mươi của thế kỷ trước, tôi được xem đôi lần vở kịch *Herostratus (Vụ án người đốt đền)* qua sân khấu truyền hình; ấn tượng lúc đó cho mãi tới bây giờ vẫn là sự nhập vai xuất thần của những nghệ sĩ tài danh Trọng Khôi, Đoàn Dũng, Nguyệt Ánh... Kẻ đốt đền, phu nhân nguyên soái thành Ephesus là hai nhân vật vẫn ám ảnh cho tới giờ, ngay cả khi ngồi xem nghệ sĩ Văn Hải, NSND Lệ Ngọc thủ vai hai nhân vật trứ danh của một kiệt tác sân khấu thế giới.

Tôi cố gắng gạt khỏi trí nhớ hình ảnh Herostratus và Klementin đã xuất hiện hơn 30 năm trước dù mình chỉ được xem trên màn ảnh truyền hình, để thưởng thức trọn vẹn sự diễn xuất tươi mới đang diễn ra trên sân khấu. Nhưng ký ức là thứ đeo bám lý lợm. Mà đâu chỉ là ký ức. Nó giống như cuộc gặp gỡ định mệnh của tình đầu. Xua đuổi nó, lãng quên nó thật không dễ dàng...

Herostratus và Klementin đôi lứa xứng đôi bởi tham vọng và dục vọng. Chúng không chỉ là nhân vật hư cấu của kịch tác gia Grigori Gorin mà còn là những nhân vật bước ra khỏi ánh đèn sân khấu. Và dưới hình thức này hay hình thức khác, chúng vẫn ngang nhiên hành động. Chúng hiện thân cho cái ác và oái ăm thay, cái ác đó lại được dung dưỡng, được cộng hưởng bởi lòng tham. Tham danh, tham lợi, tham thụ hưởng và tham cả sự bất tử của thần linh. Chúng hiện diện không chỉ ở thời điểm hơn 2.000 năm trước, không chỉ trong phạm vi một thành bang, một quốc gia. Chúng đi xuyên qua thời gian. Chúng có mặt khắp nơi. Chúng muôn hình vạn trạng. Chúng ẩn nấp. Chúng lộ diện. Và đau đớn thay, nói như Người nhà hát nói, “Hắn đã tồn tại, đang tồn tại và rất tiếc là sẽ còn tái sinh nữa”.

2.

Nguyên soái Tisafern, quan toà Cleon, hai nhân vật của vở *Herostratus* mà hơn 30 năm trước đây với sự chói sáng của các vai diễn của Trọng Khôi, Đoàn Dũng, Nguyệt Ánh, là hai nhân vật trên sân khấu Lệ Ngọc khiến tôi bị cuốn hút.

Tisafern, người đứng đầu một thành bang, kẻ chặn dắt con dân lại là một kẻ dửng dưng, thờ ơ với số phận của người dân, của thành bang, của đất nước. Nguyên soái thành bang thiếu tất cả phẩm chất của người chịu trách nhiệm trước muôn dân, chỉ dư thừa sự ti tiện, hèn hạ, lòng tham vô độ và sự hưởng thụ bất chấp tất cả, đạo lý, pháp luật, tôn giáo, nỗi thống khổ của công dân, của dân tộc. Diễn xuất chừng như từng từng nhẹ hều của NSND Tiến Dũng đã lột tả được cái sức

nặng của tội ác, phơi bày được bản chất tham tàn của một kẻ sống phồn phơ trên nỗi ai oán của muôn dân.

Cleon, nhiếp chính, người phán xử, là một hình mẫu lý tưởng mà người dân không chỉ của thành bang Ephesus hơn 2.000 năm trước khao khát có được. Anh ta làm tất cả những gì có thể làm để bảo vệ sự nghiêm minh của luật pháp, bảo vệ sự tôn nghiêm của một thể chế. Quyết liệt, trung thực và trong sáng đến mức... ngò nghê trước dã tâm của thế lực bị thao túng và biến chất bởi ma lực của quyền, tiền và sự thụ hưởng. Kẻ mang lửa đốt đền thiêng, tên tội phạm bị nhốt vào nhà giam vẫn quyến rũ và làm tình với phu nhân nguyên soái trong ngục thất, mua chuộc không chỉ tên cai ngục, mua bán “bản quyền” với nguyên soái, kể cả những ghi chép như nhuốc về cuộc hoang đâm của hắn với vợ ông ta... Dù đã làm mọi cách để tuân thủ pháp luật nhưng cuối cùng, Cleon buộc phải ra tay bóp cổ tên tội phạm đang gây thêm biết bao tội ác. Sự bất lực của quan toà, sự thua cuộc nhục nhã của pháp luật, của công lý được nghệ sĩ trẻ Quang Tú thể hiện khá thuyết phục, cho thấy rõ hơn một sự thật: “Sự xảo trá của con người còn mạnh hơn thần linh”.

3.

Ấm ảnh dai dẳng của vở *Vụ án người đốt đền* trên sân khấu Lê Ngọc, với tôi, là thần thái sững sờ và cuộc đấu lý giữa kẻ đốt đền với người dẫn chuyện - người của nhà hát, giữa quá khứ với hiện tại.

Người nhà hát ít xuất hiện, ít tham dự vào diễn biến câu chuyện, cũng như ít trích dẫn những câu nói khôn ngoan của triết gia khi nguyên soái thành bang cần, cũng không hăm hờ ngăn cản Cleon khi anh ta rút dao định kết liễu bản thân vì thấy pháp luật chỉ còn là trò hề và quan toà chỉ là con rối, như trong kịch bản gốc.

Tuy nhiên, người dẫn chuyện đã sững sờ đến chết lặng và phải kêu lên, bật lên thứ âm thanh bất lực của con người hôm nay trước sự tấn công của bóng ma quá khứ, của kẻ đốt đền thờ thần linh, kẻ phạm tội, kẻ hiện thân cho cái ác. Cái ác tấn công bằng ngôn từ, bằng lập luận, bằng thách thức, bằng rượt đuổi và dồn người phát ngôn, người của thời hiện đại vào chân tường.

Âm thanh kinh hãi và lạ lùng đó như vón lại thành mũi tên có khả năng sát thương, gây nên vết thương tinh thần, cú sốc đau đớn khiến con người choáng váng, sững sờ và biết đâu, cũng có thể mở ra cơ hội thức tỉnh.

Thanh âm, thần thái đó đã khiến người nghe người xem dường như nhận diện rõ hơn diện mạo, hành vi, sức mạnh và sự huỷ diệt của cái ác. Chất giọng, âm giọng “phù thủy” của NSUT Lê Chúc đã góp phần làm mới một vở kịch từng chinh phục được khán giả Việt từ những năm tám mươi của thế kỷ trước.

Vượt lên tất cả là thông điệp gửi gắm của vở diễn. Khi tội ác không bị trừng trị, khi quyền lực đứng cao hơn luật pháp, khi lợi danh xỏ mũi kẻ nắm quyền, khi tiếng nói người chính trực không được nghe thấy, khi số phận công dân bị rẻ rúng... cũng là lúc, cái ác được dung dưỡng và sinh sôi.

Tối 23-3-2022

CÁC
NHÀ THƠ
HẢI
NGOẠI



N g u y ễ n T ấ t N h i ề n





Nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên.

Nguyễn Tất Nhiên, nhà thơ của những vần thơ kỳ dị

PHAN TƯỜNG ĐAN

Trong số các nhà thơ miền Nam trước năm 1975, Nguyễn Tất Nhiên là một hiện tượng lạ!

Nguyễn Tất Nhiên tên thật là Nguyễn Hoàng Hải, sinh ngày 30-5-1952 tại Biên Hòa (nay thuộc tỉnh Đồng Nai). Nguyễn Hoàng Hải học trung học tại trường Ngô Quyền ở Biên Hòa, ngôi trường đã nuôi dưỡng những rung động đầu đời thuở học trò của cậu học trò mà sau này sẽ vụt sáng trên thi đàn và cả qua những bài thơ được các nhạc sĩ Phạm Duy, Nguyễn Đức Quang phổ nhạc, rất được giới trẻ miền Nam yêu thích.

Nguyễn Hoàng Hải làm thơ rất sớm, từ khi mới học trung học. Năm học lớp 7, cậu rủ một người bạn cùng lớp là Đinh Thiên Thọ thành lập một thi văn đoàn lấy tên là Tiếng Tâm Tình, sáng tác cả thơ lẫn văn, in roneo truyền tay nhau đọc trong số các bạn bè học sinh. Tới năm 1966, hai cậu học trò cùng nhau in một tập thơ tựa là *Nàng thơ trong mắt*, Đinh Thiên Thọ lấy bút danh Đinh Thiên Phương, còn Nguyễn Hoàng Hải lấy bút danh Hoài Thi Yên Thi. Sau này, tương truyền bút danh Nguyễn Tất Nhiên là do nhà thơ Du Tử Lê đặt cho Nguyễn Hoàng Hải vì cái bút danh Hoài Thi Yên Thi ai cũng chê!

Vậy là mới 14 tuổi, Nguyễn Tất Nhiên đã có tác phẩm đầu tay, in thành sách hẳn hoi! Cũng trong thời gian học trung học, cậu học trò mơ mộng có tình cảm đơn phương với một cô bạn gái gốc Bắc chung trường tên Duyên. Chính cô bạn Duyên này đã đi vào nhiều bài thơ của chàng thi sĩ trẻ tuổi như *Khúc tình buồn*, *Duyên tình con gái Bắc* (còn một phiên bản khác là *Gái Bắc*, có khác đi chút ít), *Đi trong mưa nhớ Duyên*, *Bài tạ lỗi cùng người*...

Như sau này cô Duyên kể lại trên báo thì khi ấy, Nguyễn Tất Nhiên đã làm nguyên cả một tập thơ cho riêng cô, in chỉ chừng trăm cuốn, trong đó có 3 bản đặc biệt, một cho cô, một cho bản thân tác giả, một cho ai đó không nhớ rõ!

Thời ấy, có một trào lưu khá phổ biến trong giới làm thơ nhạc ở miền Nam là đưa vào trong các bài thơ bản nhạc tên thật của những người bóng hồng đã gọi nguồn cảm hứng cho tác phẩm của mình. Đây là cô nữ sinh viên trường (đại học) Được có tên đệm là Thụy trong bài thơ *Khúc Thụy Du* (sau được Anh Bằng phổ nhạc) của Du Tử Lê, là cô nữ sinh đệ tam (Hoàng Thị) Ngô trong *Ngày xưa Hoàng thị* của Phạm Thiên Thư (Phạm Duy phổ nhạc), cô bạn học Thúy Nga trong thi phẩm *Nga* của Nguyễn Sa; Diễm trong *Diễm xưa* của Trịnh Công Sơn, cô Thu (tên gọi thân mật ở nhà) trong ca khúc *Thu hát cho người* của Vũ Đức Sao Biển hay cô vũ nữ Vũ Lệ Thi trong nhạc phẩm *Chuyện tình người thiếu nữ tên Thi* của Hoàng Thi Thơ, cô gái tên Mai trong ca khúc *Mai lỡ (hai) mình xa nhau* của Lưu Trấn Lê (tức nhạc sĩ Tú Nhi, cũng là danh ca Chế Linh)...

Và Duyên của Nguyễn Tất Nhiên.

Nhưng Duyên ở thơ Nguyễn Tất Nhiên không ngoan hiền, không lãng mạn cũng không dễ mến hay được làm mềm đi như thường thấy trong ký ức những cuộc tình lỡ. Khác với đa phần các giọng thơ cùng thời thuở ấy khi tả tình thường khuôn sáo, chau chuốt, cô Duyên, dưới ánh sáng của mối tình học trò đơn phương có hình ảnh khá chua chát, giễu nhại:

*Em nhớ giữ tính tình con gái Bắc
Nhớ điều ngoa nhưng giả bộ ngoan hiền
Nhớ điệu dáng nhưng thâm ý khoe khoang
Nhớ duyên dáng, ngây thơ mà xảo quyệt!
(Duyên tình con gái Bắc)*

Yên đơn phương lại không được đền đáp nên xúc cảm của Nguyễn Tất Nhiên gần hắt hiu trẻ con bị cướp mất quà:

*Nghe nói em vừa thi rớt Luật
Môi trâm anh tàn héo nụ-xa-vời
Mắt công nương thâm khép mộng-chân-trời
Xin tội nghiệp lần đầu em thất vọng!*

*(dù thật sự cũng đáng đời em lắm
rớt đi Duyên, rớt để thương người!)*
(Duyên tình con gái Bắc)

Duyên tiếp tục xuất hiện trong một bài thơ khác của Nguyễn Tất Nhiên,
Khúc tình buồn, mặc dù tên của cô không lần nào được nhắc đến:

*Người từ trăm năm
về như dao nhọn
ngọt ngào vết đâm
ta chết âm thầm
máu chưa kịp đỏ*
(Khúc tình buồn)

Cái chết của mối tình si khiến cho chàng thi sĩ mơ mình thành hạt mưa rơi
vỡ trên tượng đá:

*(thà như giọt mưa
vỡ trên tượng đá
thà như giọt mưa
khô trên tượng đá
có còn hơn không
mưa ôm tượng đá)*
(Khúc tình buồn)

Mối tình đơn phương trong trường trung học của Nguyễn Tất Nhiên với
cô bạn học trò tên Duyên thì cả trường ai cũng biết, nhưng thơ Nguyễn Tất
Nhiên khi ấy thì không phải ai cũng biết, chỉ giới hạn trong số bạn bè học
sinh. Chỉ đến khi một giáo sư (giáo viên trong trường trung học thời kỳ trước
năm 1975) trường Ngô Quyền gửi một số bài thơ của Nguyễn Tất Nhiên tới
tạp chí *Sáng tạo* của Mai Thảo hay *Văn do* Trần Phong Giao chủ trương rồi
được đăng thì một số nhạc sĩ như Phạm Duy, Nguyễn Đức Quang phát hiện
ra một giọng thơ lạ.

Phạm Duy phổ nhạc, kết hợp *Khúc tình buồn* với *Duyên tình con gái Bắc*,
lại thêm vào những câu như:

*Khiến người trăm năm
Đau khổ ăn năn
Khiến người tên Duyên
Đau khổ muôn niên*

khiến cho thơ Nguyễn Tất Nhiên nhanh chóng nổi tiếng. Cô Duyên bắt đầu
đi cũng nổi tiếng theo! Nhiều năm sau, Nguyễn Tất Nhiên đã hối tiếc về cái
cảm xúc sân hận thời tuổi trẻ trong *Bài tạ lỗi cùng người* sáng tác năm 1972:

*năm năm trời... có một tên Duyên
ta ca tụng, rồi chính ta bôi lọ
tình ta đẹp nhưng tính ta còn nít nhỏ
nên lỗi lầm đã đục màu sông*

*nếu em còn thương mến tuổi mười lăm
xin nuốt hận mím môi cười xí xóa
(Bài tạ lỗi cùng người)*

Thơ Nguyễn Tất Nhiên trước năm 1975 không chỉ nổi tiếng bởi mối tình với cô học trò tên Duyên và được một số nhạc sĩ phổ nhạc. Cách diễn đạt lạ lùng, phóng khoáng, đôi khi chạm tới sát đường biên của những điều cấm kị:

*Em hiền như ma soeur
Vết thương ta bốn mùa
Trái tim ta làm mủ
Ma soeur này ma soeur
(Ma soeur)*

hay:
*vì tôi là linh mục
không mặc áo nhà giòng
nên suốt đời hiu quạnh
nên suốt đời lang thang!
(Linh mục)*

(bài *Ma soeur* được Phạm Duy và *Linh mục* được Nguyễn Đức Quang phổ nhạc) khiến cho thơ Nguyễn Tất Nhiên rất được ưa thích trong giới trẻ đô thị miền Nam hồi ấy.

Tình yêu trong thơ Nguyễn Tất Nhiên không lãng đãng mây ngàn mà luôn bám vào trần thế, như:

*Tình cũng khó theo thời cơm áo, khó
Nên mới yêu, mà cư xử rất vợ chồng
Rất thiệt tình khi lựa quán bình dân
Khi nói thẳng: "Anh gọi cà phê đen bởi hệt tiền uống cà phê đá"
(Hai hàng me ở đường Gia Long)*

Nếu biết rằng năm mười năm trước ở thời Nguyễn Tất Nhiên, việc làm đá lạnh còn khó khăn nên rất đắt đỏ, một ly cà phê đá khác một trời một vực với cà phê đen, thì mới thấy thơ tình Nguyễn Tất Nhiên hiện thực đến thế nào!

Những bài thơ của Nguyễn Tất Nhiên trở nên nổi tiếng khi anh còn rất trẻ, trên dưới hai mươi tuổi, cho thấy tài thơ dị thường của anh.

Sau năm 1975 một thời gian, Nguyễn Tất Nhiên qua Pháp rồi sang định cư ở Mỹ, nơi ông tiếp tục làm thơ. Thời kỳ này, Nguyễn Tất Nhiên có nhiều bài

thơ theo thể lục bát, in trong tập *Chuông mơ* tại California năm 1987, hay *Minh khúc* năm 1990.

Vẫn là nỗi hoài nhớ những áo trắng sân trường thuở hoa niên mà sống trên đất Mỹ, thi sĩ chỉ còn biết ngậm ngùi tìm tiếng chuông giáo đường trong giấc mơ của ký ức:

*áo trắng cả sân trường trắng
tan học trong đời anh thần thơ
đời anh quên, nhớ, quên... nhiều lắm!
chiều chiều xứ Mỹ cũng chuông mơ...
(Chuông mơ)*

Thuở thiếu thời yêu trong lặn đạ. Đến khi thành danh rồi lập gia đình, cuộc sống của Nguyễn Tất Nhiên vẫn không thoát khỏi những gằn hắt, buồn phiền. 10 bài thơ lục bát trong tập *Minh khúc* 11 bài lại là một Nguyễn Tất Nhiên đau đớn bởi những chia xa, rạn vỡ trong đời sống cá nhân.

Đây là nỗi nhớ con đến thắt ruột của người cha lái xe độc hành trên đường:
*đường không gian - đã phân ly
đường thời gian - đã một đi không về...*

*những con đường mịt sương che
tôi vô định lái chuyển xe mù đời
cu tí ngủ gục đâu rồi?
băng sau, ngoái lại, bời bời nhớ con!
(Minh khúc, 90)*

Tấn bi kịch chia ly của gia đình ấy khiến nhà thơ cảm thấy đau đớn:
*điều nhau trên những đường dài
đâu đâu cũng tiếng người thay đổi lòng
rồi sao? có thấy chi không?
con ơi, bố mẹ diễn tuồng sinh ly..
(Minh khúc, 10)*

Nỗi đau quá lớn có lẽ đã khiến cho trái tim run rẩy của Nguyễn Tất Nhiên không chịu đựng nổi. Một ngày tháng 8-1992, người ta tìm thấy Nguyễn Tất Nhiên đã chết trong chiếc xe hơi cũ của ông tại sân sau một ngôi chùa nhỏ ở Quận Cam, California. Ông ra đi ở tuổi 40 để lại những vần thơ dị thường của một nhà thơ tài hoa mà bạc mệnh.

Thơ Nguyễn Tất Nhiên

khúc tình buồn

1

Người từ trăm năm
về qua sông rộng
ta ngoắc mòn tay
trùng trùng gió lộng
(thà như giọt mưa
vỡ trên tượng đá
thà như giọt mưa
khô trên tượng đá
có còn hơn không
mưa ôm tượng đá)
Người từ trăm năm
về khơi tình động
ta chạy vòng vòng
ta chạy mòn chân
nào hay đời cạn
(thà như giọt mưa
vỡ trên tượng đá
thà như giọt mưa
khô trên tượng đá
có còn hơn không
mưa ôm tượng đá)
Người từ trăm năm

về như dao nhọn
ngọt ngào vết đâm
ta chết âm thầm
máu chưa kịp đổ
(thà như giọt mưa
vỡ trên tượng đá
thà như giọt mưa
khô trên tượng đá
có còn hơn không
mưa ôm tượng đá)

2

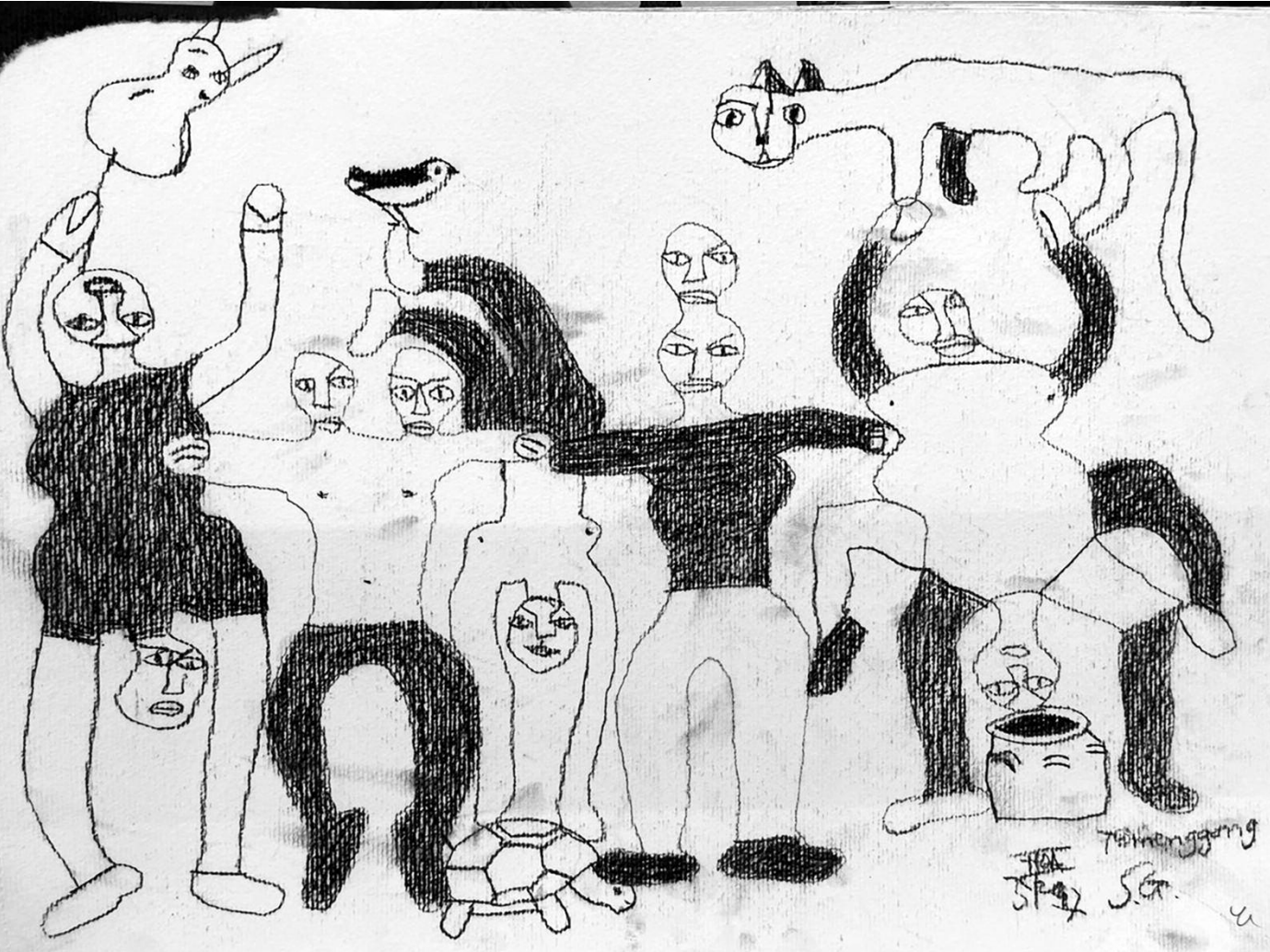
Thà như giọt mưa
gieo xuống mặt người
vỡ tan vỡ tan
nào ta ân hận
bởi còn kịp nghe
nhịp run với với
trên ngọn lông măng
(người từ trăm năm
vì ta phải khổ)

(1970)

Bài tạ lỗi cùng người

1

năm năm trời... ta làm tên quái đản
cầu danh trên nước mắt của người tình
năm năm trời có nhục có vinh
có chua, chất, ngọt, bùi, cay, đắng...
có hai mái đầu chia nhau thù oán
có thằng ta trút nạn xuống vai em!
năm năm trời... có một tên Duyên
ta ca tụng, rồi chính ta bôi lọ
tình ta đẹp nhưng tính ta còn nít nhỏ
nên lỗi lầm đã đục màu sông
nếu em còn thương mến tuổi mười lăm
xin nuốt hận mím môi cười xí xóa
hồn ta đẹp nhưng đời ta thảm quá



nên tị hiềm nhen nhúm giữa ngày thơ
 nếu em còn chút đỉnh mộng mơ
 xin rộng lượng thứ dung người lỡ đại!
 năm năm trời... ta là tên chiến bại
 tìm mưu thâm hạ thủ dê hèn
 và lần nào ta lén lút đâm em
 bằng những ngọn dao mù lòng quáng dạ
 Duyên oằn oại cũng là Duyên sáng giá
 bởi trước đây ta đã tự đâm mình!
 năm năm trời... đeo đuổi hư danh
 ta mấy kiếp vẫn là ta mắc nợ

mình hậu thế cách chi mà gặp gỡ
bởi vì ta không dễ được đầu thai!
nếu được đầu thai, không dễ được làm người!
(dù chỉ làm người trên đất... mọi!)

2.

ta háo thắng nên tưởng mình cứng cỏi
tưởng đầu mình can đảm giết tình yêu
tưởng đầu mình Quan Đế tuyệt đường siêu
giờ ngã ngựa, tiểu nhân như... Tào Tháo
ta háo thắng nên thành người trăng tráo
bị đời khinh lại giờ giọng khinh đời!
kỷ niệm đầu thơm ngát cả đôi môi
ta nông nổi đưa tay cầm chén máu!

3.

năm năm trời... có tình giông nghĩa bão
có con sông chờ cuốn kẻ quên bờ
có trăm ngàn cánh lá trúc đào khô
rơi rụng trước sân nhà em thốn thức
Duyên kiêu hãnh cũng là Duyên chết giấc!
sau năm năm... hẳn chắc cũng lạnh mồ (?)
ta ngày nay, tạ lỗi một bài thơ
em hãy ráng thuộc lòng... cho trẻ lại!

(1972)

Hai hàng me ở đường Gia Long

Hôn rách mặt mà sao còn nghi ngại?
Nhớ diên đầu sao cứ sợ chia tan?

Mỗi lòng người một lý lẽ bất an
Mỗi cuộc chết, có một hình thức, khác
Mỗi đắm đuối có một mầm gian ác
Mỗi đời tình, có một thú, chia ly

Chiều nắng âm thầm chào biệt lữ lá me
Lá me nhỏ, như nụ cười hai đứa, nhỏ
Tình cũng khó theo thời cơm áo, khó
Ta dìu nhau đi dưới bóng nợ nần

Em bắt đầu thấy ân hận, chưa em?
Vi lỗi nói thương anh, cái thằng quanh năm túng thiếu
Ân hận, có, thì hãy nên, ráng chịu
Hãy xem như cảnh ngộ đã an bài
Như địa cầu không thể ngược vòng quay
Như Chúa, Phật phải gay go trước giờ lên ngôi Phật, Chúa

Tình cũng khó theo thời cơm áo, khó
Nên mới yêu, mà cư xử rất vợ chồng
Rất thiệt tình khi lựa quán bình dân
Khi nói thẳng: "Anh gọi cà phê đen bởi hệt tiền uống cà phê đá"

Mỗi cuộc sống thăng trầm, phải mua bằng nhục nhả
Mỗi mặt trời, phải trả giá một hoàng hôn
Đêm, chẳng còn cách khác tối tăm hơn
Nên mặt mũi ta đây, bùn cứ tạt

Môi thâm tím bạn nào tươi tắn, hát
Em nhớ vờ hoan hỉ vỗ tay khen
Để anh còn cao hứng cười duyên
Còn tin tưởng nụ hôn mình, vẫn ngọt

Khăn tắm tối hãy ngang đầu quần nốt
Quần cho nhau, quần bạo, quần cuồng điên
Vòng sau cùng sẽ gặp quỷ Sa Tăng
Bởi hạnh phúc mơ hồ như, Thượng Đế

Đời, vốn không nương người thất thế
Thì thôi, ô nhục cũng là danh

Mình nếu chọn đời nhau làm dấu chấm
Mỗi câu văn đâu được chấm hai lần

(1973)

Mưa trong nắng

trên đường đến nhà em
trời tháng ba mưa nhỏ
mưa lóng lánh nắng vàng
nắng mưa đùa ướt phố
người yêu gặp người yêu
nắng mưa đẹp cả chiều...

trên đường đến nhà em
trời tháng xuân óng ả
nắng không nhin mưa lên
mưa không nhường nắng tỏ
người yêu gặp người yêu
xôn xao mưa nắng gió...

trên đường đến nhà em
chuông giáo đường quện lấy
xóm đạo nắng mưa chuông
chuông nắng mưa từ ái
người yêu gặp người yêu
lâng lâng cả khung chiều...

nhưng sao em vắng nhà
đã qua giờ tan lễ...
người yêu đợi người yêu
mưa gì dai dẳng thế?

sao em đâu mất tiêu
mưa khua thêm nho nhỏ...
người yêu đợi người yêu
tiêu điều nghe tiếng võ!

Quốc Lộ 1 buồn hiu
trên đường về đi bộ
người yêu giận người yêu
mưa trên đầu trên cổ!

Westminster, CA, ngày 16-10-1987

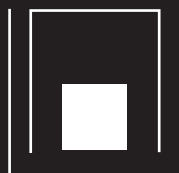
Minh khúc 5

tay đèn ngoắc bóng phố khuya
phố khuya khuya phố chia lìa ước mơ
và, cô đơn giết mòn chờ
và, hun hút có ai ngờ vẫy theo?

cô liêu tôi đứng nghe chiều
bao đêm khuya thức bao điều tàn phai
và, mang cũ kỹ thêm vài
và, tôi đứng đợi ngày mai chút già...

Westminster, CA, 26-7-1989

VĂN HỌC



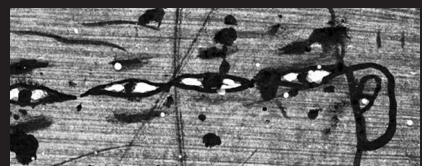
NƯỚC NGOÀI

M i g u e l D e C e r v a n t e s

J o s e p h B r o d s k y

G i à B ì n h A o

E r n e s t H e m i n g w a y



Văn hào Tây Ban Nha Miguel de Cervantes, một trong những nhà văn vĩ đại nhất mà thế giới từng sản sinh, là cha đẻ của thiên tiểu thuyết về anh chàng Don Quixote bất tử trong văn chương thế giới. Tuy nhiên, tác phẩm bất hủ của Cervantes không chỉ giới hạn ở Don Quixote; truyện sau đây là một ví dụ...

(Viết&Đọc)

Sức mạnh của dòng máu

MIGUEL DE CERVANTES

Một đêm nọ, sau ngày hè oi bức, một quý tộc già (hidalgo - tầng lớp quý tộc thấp kém ở Tây Ban Nha) của thành phố Toledo bước ra ngoài hóng gió bên bờ sông cùng với vợ, con trai nhỏ, con gái mười sáu tuổi và một hầu gái. Mười một giờ đã điểm; đó là một đêm đẹp trời và họ là những người duy nhất trên đường. Họ thông thả tản bộ dọc đường để không phải trả giá bằng sự mệt mỏi cho những trò giải trí có sẵn dành cho người Toledo trong lung lũng hoặc trên bờ sông. Yên tâm với sự thi hành công lý cẩn thận ở Toledo, cùng với tính cách của những cư dân tốt đẹp nơi đây, người quý tộc tốt bụng không hề ngờ tới bất cứ thảm họa nào có thể xảy đến với gia đình ông. Nhưng bất hạnh thường xảy ra khi ta ít cảnh giác nhất; nó đã xảy ra với gia đình này, đêm hôm đó. Giữa cuộc vui vô tội, gia đình nhà quý tộc đã gặp một tai họa khiến họ phải khóc trong nhiều năm.

Trong thành phố có một kỵ sĩ trẻ, khoảng hai mươi hai tuổi, người mà sự giàu có, gia cảnh tốt, tính cách ngỗ ngược, đặc ân khác thường, và đồng bạn trác táng buộc anh ta làm những việc hồ thẹn với phẩm cấp của mình. Kỵ sĩ trẻ này - tên thật mà ta sẽ vì lý do chính đáng thay bằng Rodolfo - ra ngoài

tối đó với bốn người bạn, những kẻ ăn chơi xác láo giống anh ta. Bọn họ tình cờ đi xuống cùng một ngọn đồi như người quý tộc già và gia đình ông. Hai bên cừu và sói gặp nhau. Rodolfo và lũ bạn của anh ta, mặt bịt kín áo choàng, nhìn chằm chằm vào người mẹ, đứa con gái và người hầu gái một cách thô lỗ và xác xược. Người quý tộc già phản kháng đầy phần nộ; chúng đáp lại ông bằng những lời chế nhạo và giễu cợt, rồi đi tiếp. Nhưng Rodolfo đã bị thu hút bởi vẻ đẹp tuyệt vời của Leocadia, cô con gái của người quý tộc; giờ đây anh ta bắt đầu có ý nghĩ phải tận hưởng vẻ đẹp đó, bất kể có phải gặp khó khăn gì. Trong giây lát, anh ta truyền đạt ý nghĩ của mình cho đám bạn và ngay sau đó chúng quyết định quay lại mang cô đi để chiều ý Rodolfo. Những người giàu có hào phóng luôn có những kẻ ăn bám sẵn sàng khuyến khích khuynh hướng xấu của mình; vậy nên để thai nghén mưu đồ độc ác này, chia sẻ nó, thống nhất về nó, chúng quyết định bắt cóc Leocadia; rồi việc thực hiện mưu đồ chỉ tốn vài phút.

Chúng rút kiếm ra, che mặt bằng vật áo choàng, quay lại, và chẳng mấy chốc đã chặn đầu nhóm người kia, những người còn chưa kịp tạ ơn Chúa vì thoát khỏi đám đàn ông thô lỗ đó. Rodolfo tóm lấy Leocadia, ôm chặt cô vào tay, chạy đi, trong khi cô vẫn bị choáng ngợp bởi ngạc nhiên và kinh hoàng, không thể tự vệ hay khóc lên, thậm chí còn không kịp hiểu ra hay nhìn ra để thấy được kẻ bắt cô, hay biết được hắn đang mang cô đi đâu. Bố cô hét lên, mẹ cô gào thét, em trai cô khóc, người hầu gái cào xé cả mặt mũi tóc tai; nhưng tiếng hét và gào thét bị bỏ qua; những tiếng than khóc không tạo chút thương hại nào, sự giận dữ và cào cấu cũng vô ích; tất cả đều biến mất trong không gian vắng vẻ, sự im lặng của màn đêm và trái tim tàn nhẫn của những kẻ bắt cóc. Cuối cùng thì một bên bỏ đi hơn hở, bên kia bị bỏ lại trong tối tăm và thống khổ.

Rodolfo về đến nhà riêng không gặp bất kỳ trở ngại nào, còn cha mẹ của Leocadia về nhà với trái tim tan nát và tuyệt vọng. Họ sợ phải cầu cứu pháp luật để xin công bằng, vì như thế là công khai sự ô nhục của con gái mình; hơn nữa, mặc dù địa vị không thấp kém nhưng họ nghèo, không có tiền để mua sự ảnh hưởng hay thiên vị; trên hết, họ không biết tên của kẻ xúc phạm họ, hay không biết phải phản nản về ai hay cái gì ngoài chòm sao thiếu may mắn của mình.

Trong lúc đó Rodolfo đã có được Leocadia an toàn trong căn phòng của gã. Căn phòng này ở một bên cánh tòa nhà của cha gã, nơi ông ta để cho gã cầm chìa khóa, một sự thiếu thận trọng đối với bất kỳ bậc cha mẹ nào. Khi Leocadia ngất đi trong tay gã, gã buộc vải che mắt cô, sao cho cô không nhận biết được đường đi hay biết về căn phòng cô bị bắt đến; trước khi cô kịp hoàn hồn, gã Rodolfo đã thực hiện mục đích tội lỗi của mình.

Thờ ơ và ghê tởm thường theo sau khi dục vọng được thỏa mãn, Rodolfo giờ chỉ chờ để tống khứ Leocadia. Cuối cùng gã quyết định tống cổ cô ra

đường trong trạng thái bất tỉnh. Anh ta đang thực hiện ý định của mình thì cô tỉnh lại, nói: “Tôi đang ở đâu? Ôi khốn khổ là tôi! Bóng tối gì đây? Tôi đang ở trong chốn lao tù vô tội, hay ở địa ngục của tội lỗi? Ai đã chạm vào tôi? Tôi đang nằm trên giường sao? Mẹ! Bố thân yêu! Mọi người có nghe thấy con không? Than ôi, con hiểu rõ rằng người không thể nghe thấy con, và rằng con đang nằm trong tay kẻ thù. Sẽ tốt thôi nếu bóng tối này với con là mãi mãi, và đôi mắt con không bao giờ nhìn thấy ánh sáng nữa!”. Đột nhiên cô bám vào tay Rodolfo, thốt lên: “Bất kể người là ai, nếu linh hồn người có còn biết thương hại, xin ban cho ta một lời cầu nguyện: đã tước đi danh dự của ta, giờ hãy tước đoạt mạng sống của ta. Đừng để ta sống với sự ô nhục của mình! Hãy rửa lòng thương giết ta ngay bây giờ! Đó là sự đền bù duy nhất ta đòi hỏi ở người cho tội lỗi người đã làm với ta.”

Bối rối trước những lời trách móc dữ dội, Rodolfo không biết nói gì hay làm gì. Gã không thốt ra nổi một từ nào. Sự im lặng này khiến Leocadia kinh ngạc, đến mức cô bắt đầu tưởng rằng cô đang mơ, hay bị ám bởi một hồn ma! Nhưng bàn tay cô đang tóm lấy là bằng xương bằng thịt. Cô nhớ lại vũ lực đã tách cô khỏi cha mẹ mình, thực sự nhận thức rõ được bản chất tai họa mình gặp phải. Sau một tràng bùng nổ mạnh mẽ của nước mắt và tiếng rên rỉ, cô tiếp tục: “Kẻ trẻ tuổi vô nhân đạo! Những hành vi của người cho ta thấy rằng hẳn người tuổi không nhiều; ta sẽ tha thứ cho sự sỉ nhục người đã gây ra cho ta, với điều kiện duy nhất là người thể sẽ che giấu tội ác của mình bằng sự im lặng vĩnh viễn, sâu thẳm như màn đêm mà trong đó người đã thực hiện hành vi của mình. Đây chỉ là một đền bù nhỏ cho một sai lầm quá mức trầm trọng; nhưng là điều lớn nhất ta có thể yêu cầu, hay người có thể chấp thuận cho ta. Ta chưa bao giờ thấy mặt người và không bao giờ muốn nhìn thấy. Đã quá đủ cho ta phải ghi nhớ vết thương ta gánh chịu, mà không để hiện lên trong tâm trí hình ảnh của kẻ cưỡng đoạt ta. Những lời phàn nàn của ta sẽ chỉ được gửi tới Thượng đế: ta sẽ không để mọi người nghe thấy; họ đánh giá sự việc không tùy theo hoàn cảnh, mà theo định kiến của riêng họ. Người có thể sẽ thắc mắc khi nghe ta nói thế, bởi người còn quá trẻ. Bản thân ta cũng bất ngờ và ta nhận thức rằng nếu nỗi đau khổ tận cùng đôi khi câm lặng, chúng cũng có lúc hùng hồn. Hãy làm như vậy, ban cho ta ân huệ ta cầu xin: cái giá người phải trả sẽ rất ít. Hãy lập tức đưa ta ra đường, hay ít nhất là gần một nhà thờ lớn; từ đó ta sẽ biết đường về nhà cha mẹ ta. Nhưng người cũng phải thể không được đi theo ta, hay cố gắng tìm hiểu tên của ta hay của gia đình ta; họ là những người mà nếu giàu có như danh hiệu của mình, sẽ không phải chịu đựng sự sỉ nhục của ta. Hãy trả lời ta, và nếu người sợ có thể bị nhận ra bởi giọng nói của người, hãy biết rằng, ngoại trừ cha ta và cha xưng tội của ta, ta chưa bao giờ trò chuyện với bất cứ người đàn ông nào trong cuộc đời, rằng ta sẽ không bao giờ nhận ra người là ai, dù người có nói mãi.”

Câu trả lời duy nhất Rodolfo đưa ra cho Leocadia bất hạnh là ôm lấy cô và cố gắng lặp lại hành vi phạm tội của mình; nhưng cô đã tự vệ bằng tay, chân, và răng, và với nguồn sức mạnh gã không nghĩ rằng cô có thể có. “Tên côn đồ đê tiện”, cô kêu lên, “người lợi dụng ta một cách bỉ ổi khi sức lực chống đỡ của ta không hơn một vật vô tri vô giác; nhưng giờ khi ta đã hồi tỉnh, người sẽ phải giết ta trước khi người thành công. Người sẽ không có được lý do để lăm tưởng, từ sự phản kháng yếu ớt của ta, rằng ta chỉ giả vờ ngất xỉu khi người hủy hoại ta”.

Vậy là cô đã tự vệ với tinh thần và sức sống mạnh mẽ làm vụt tắt hoàn toàn ý chí của Rodolfo. Không nói một lời, gã rời khỏi phòng, khóa cửa lại và đi tìm đồng bọn của mình, để hỏi ý kiến họ gã nên làm gì tiếp theo.

Chỉ còn lại một mình, Leocadia ra khỏi giường, mò mẫm khắp căn phòng, dọc theo các bức tường, tìm kiếm một cánh cửa hay cửa sổ mà từ đó cô có thể trốn thoát. Cô tìm thấy cánh cửa, nhưng nó đã bị khóa bên ngoài. Cô thành công trong việc mở cửa sổ; ánh trăng chiếu sáng đến mức cô có thể phân biệt màu sắc của một số đồ găm vóc treo trong phòng. Cô thấy chiếc giường được mạ vàng rất dày, đến mức nó giống giường của một hoàng tử hơn là của một thượng lưu tư nhân. Cô đếm số ghế và tủ, quan sát vị trí của cánh cửa, nhận biết vài bức tranh treo trên tường, nhưng không thể nhận ra chủ thể trong tranh. Cửa sổ khá lớn, được bảo vệ bằng tấm lưới sắt chắc chắn: nó nhìn ra một khu vườn, bao quanh bởi tường cao, vậy nên trốn thoát bằng đường này cũng là bất khả như với cửa ra vào.

Mọi thứ cô quan sát được trong căn phòng xa hoa này cho thấy chủ nhân của nó là một người thuộc tầng lớp trên, cực kì giàu có. Trong số những thứ cô nhìn được có một cây thánh giá nhỏ bằng bạc nguyên khối, đặt đứng trên một chiếc tủ gần cửa sổ. Cô cầm lấy nó, giấu vào trong tay áo choàng, không phải vì lòng sùng đạo, cũng không phải với ý định tội lỗi, mà với một suy tính rất đúng đắn và thận trọng. Làm xong, cô đóng cửa sổ như trước, trở về giường để xem kết cục của sự việc đã có mở đầu tội tệ này là gì. Trong khoảng nửa giờ, theo cô nghĩ, cửa phòng mở ra; một người đi vào, bịt mắt cô, nắm tay cô, không nói một lời nào, dẫn cô ra khỏi phòng; cô nghe tiếng y khóa cửa phía sau lưng.

Người này là Rodolfo, dù đã đi tìm những người bạn của mình nhưng sau đó đổi ý định, cho rằng gã không nên cho họ biết những gì đã xảy ra giữa gã và cô gái. Ngược lại, gã quyết định sẽ nói với họ rằng khi thấy ăn năn về hành vi bạo lực của mình và cảm động trước những giọt nước mắt của cô gái, gã đã đem cô chỉ nửa quãng đường về nhà gã rồi thả cho cô đi. Sau khi đi đến quyết định này, gã vội vàng quay trở lại đưa cô đi trước khi trời sáng, vì nếu để tới lúc đó gã sẽ phải giữ cô trong phòng cả ngày hôm sau. Gã dẫn cô đến Quảng trường Ayuntamiento; tại đó, bằng một giọng giả nửa tiếng Bồ Đào Nha nửa Tây Ban Nha, gã nói rằng cô có thể về nhà mà không cần sợ



hải, sẽ không bị ai bám theo; gã đi khỏi trước khi cô tháo miếng băng che mắt xuống.

Leocadia nhìn xung quanh: cô thực đang một mình, không có ai trong tầm mắt; nhưng nghi ngờ rằng mình có thể bị theo dõi từ xa, thỉnh thoảng cô dừng lại trên đường về nhà, cách đó không xa, nhìn lại phía sau. Để đánh lừa bất kỳ kẻ do thám nào có thể đang theo dõi, cô vào một căn nhà đang mở cửa; dần dần đi từ đó về nhà mình, nơi cô thấy cha mẹ mình ngẩn ngơ vì đau buồn. Họ còn chưa thay đồ hay nghĩ đến việc nghỉ ngơi. Khi thấy cô, họ chạy về phía cô với vòng tay giang rộng, chào đón cô bằng nước mắt. Nghẹn ngào vì xúc động, Leocadia ra dấu với cha mẹ rằng cô muốn nói chuyện riêng với họ. Họ ngồi riêng cùng cô và cô tường thuật lại ngắn gọn những gì đã xảy ra với mình. Cô miêu tả căn phòng nơi cô bị cướp mất danh dự của mình, cửa sổ, lưới sắt, khu vườn, tủ, giường, đồ treo găm vóc; cuối cùng, cô cho họ xem cây thánh giá cô mang theo. Trước cây thánh giá, ba nạn nhân vô tội rơi nước mắt, cầu nguyện một sự báo thù của Thượng đế đối với kẻ cưỡng đoạt xác xược, rằng hắn sẽ bị trừng phạt một cách diệu kỳ. Cô nói với cha mẹ rằng dù cô không muốn biết tên kẻ đã gây tội lỗi ác độc này, nhưng nếu họ nghĩ tìm hiểu điều này là phù hợp, họ có thể làm việc đó thông qua cây thánh giá, bằng cách chỉ đạo những người giữ đồ thánh ở các giáo xứ trong thành phố loan báo trên bục giảng rằng ai làm mất thánh tượng này sẽ tìm thấy lại nó trong tay một tu sĩ do cha mẹ cô chỉ định. Bằng cách đó, họ sẽ phát hiện ra kẻ là chủ nhân của cây thánh giá này.

“Con của ta,” cha cô trả lời, “sẽ thật tốt nếu kế hoạch của con không dễ bị làm hỏng bởi sự xảo quyết thông thường; nhưng chắc chắn rằng chủ nhân thánh tượng này đã phát hiện nó bị mất; người đó sẽ luận ra rằng nó bị lấy đi bởi người hăn nhốt trong phòng. Cho người đó biết về cây thánh giá nằm trong tay một tu sĩ nhất định sẽ chỉ làm cho người đó biết về người đã ký gửi nó, mà không khiến cho hăn lộ mặt; hăn có thể sai một kẻ khác đi lấy, cung cấp cho kẻ này đủ thông tin cần thiết để xác minh. Vì vậy con thấy đấy, chúng ta chỉ gây hại cho mình mà không có được thông tin ta cần tìm; dù để chắc chắn ta cũng có thể dùng chính mẹo đó, gửi thánh tượng này cho tu sĩ qua một người thứ ba. Điều tốt nhất con nên làm, con của ta, là giữ lấy nó, cầu nguyện bằng nó, bởi nó là nhân chứng cho sự hủy hoại thanh danh của con; nó sẽ làm sáng tỏ danh dự của con bằng sự phát xét công bình. Hãy nhớ rằng, con của ta, một đồng cân ô nhục công khai thì nặng hơn một tạ nhục nhả bí mật; và bởi, nhờ sự ban phước của Chúa, con có thể sống trong danh dự công khai, đừng tự lo lắng về nỗi sỉ nhục bí mật với chính mình. Sự ô nhục thực sự nằm ở tội lỗi, và danh dự thực sự nằm ở đức hạnh. Có ba cách xúc phạm Chúa bằng suy nghĩ, lời nói, và việc làm; nhưng con chưa từng xúc phạm Người kể cả trong suy nghĩ, bằng lời nói, hay bằng hành động; hãy tự coi mình là người toàn vẹn danh dự, như

cách ta sẽ luôn nhìn con và không bao giờ đối xử với con bằng tình cảm của một người cha”.

Bằng cách đó, người cha nhân đạo và đúng đắn này đã an ủi đứa con gái bất hạnh; người mẹ ôm lấy cô lần nữa, làm mọi thứ có thể để xoa dịu cảm xúc của cô. Bất chấp tất cả sự dằn vặt của họ, nỗi đau khổ của cô quá lớn để được xoa dịu; từ cái đêm chết chóc đó, cô tiếp tục sống cuộc sống ẩn dật dưới sự bảo bọc của cha mẹ.

Rodolfo lúc về đến nhà không thấy cây thánh giá đâu, đoán ra người đã lấy nó nhưng không quá quan tâm đến việc này. Với một người giàu có như gã thì mất mát đó không đáng kể gì; cha mẹ gã cũng không hỏi han gì khi ba ngày sau, trong chuyến đi tới Ý, một người hầu của mẹ gã kiểm kê tất cả những vật dụng gã để lại trong phòng. Rodolfo đã chờ đợi chuyến đi Ý từ lâu; cha của gã, người từng đến đó, khuyến khích gã đi, bảo rằng không ai có thể hoàn toàn là một quý ông mà không biết về các quốc gia khác. Vì lý do này và nhiều lý do khác, Rodolfo dễ dàng tuân theo mong muốn của cha mình, người cấp cho gã nhiều thư tín dụng ở Barcelona, Genoa, Rome và Naples. Mang theo hai người đồng hành, gã lên đường với kỳ vọng cao dựa vào những gì gã được nghe kể từ một số người lính quen biết về không khí vui vẻ trong các nhà trọ của Ý và Pháp, về cuộc sống tự do và dễ dàng mà người Tây Ban Nha tận hưởng ở khu của họ. Tài gã kích thích bởi âm thanh của những cụm từ tên rượu và món ăn bằng tiếng Ý: *ecco li buoni polastri, picioni, presuto, salcie* và tất cả những thứ tốt đẹp khác mà những người lính nhớ lại khi trở về Tây Ban Nha từ các vùng đó.

Tóm lại, gã lên đường mà không bận tâm lo lắng về những gì giữa gã với nàng Leocadia xinh đẹp, như thể cái việc đó chưa hề xảy ra.

Trong khi đó Leocadia tiếp tục sống ẩn dật một cách nghiêm ngặt nhất cùng với cha mẹ, không bao giờ để người khác nhìn thấy, tránh mọi ánh mắt để không ai đọc được nỗi bất hạnh trên gương mặt mình. Việc sống ẩn dật như cô đã tự nguyện làm lúc ban đầu, sau vài tháng, hóa ra lại hết sức thích hợp: cô phát hiện mình đã mang thai, một sự nhắc nhở đáng buồn về tai họa đã xảy ra với cô.

Thời gian trôi đi, thời điểm sinh nở của Leocadia đã đến. Việc này diễn ra trong bí mật tuyệt đối, với mẹ cô đảm nhận việc hộ sinh. Cô hạ sinh một đứa con trai, một trong những đứa trẻ đẹp nhất cô từng thấy. Với cùng sự kín đáo như thế, đứa trẻ được đưa tới một ngôi làng, nơi cậu ở cho đến khi lên bốn tuổi, rồi được một ông cậu đưa về nhà dưới danh nghĩa đứa cháu họ. Cậu được nuôi dạy, nếu không phải trong sung túc thì ít nhất cũng trong đạo đức. Đứa trẻ được đặt tên Luis theo tên ông ngoại, rất đẹp trai, tính tình ngoan ngoãn dịu dàng; cách cư xử và thái độ của cậu, kể cả ở độ tuổi non nớt đó, cho thấy cậu là con trai của một người cha cao quý nào đó. Ông và bà của cậu rất hài lòng với sự duyên dáng, vẻ đẹp và cách cư xử của cậu, đến mức

cuối cùng họ coi bất hạnh xảy ra với con gái họ là một việc tốt: nó mang lại cho họ đứa cháu trai như vậy. Khi đứa trẻ đi dưới phố, tất cả những ai nhìn thấy cậu đều chúc phúc cho cậu - cho vẻ đẹp của cậu, cho người mẹ đã sinh ra cậu, cho người cha đã sinh ra cậu, cho người nuôi dạy cậu. Được ngưỡng mộ bởi người lạ cũng như tất cả người xung quanh, khi lên bảy tuổi cậu đã có thể đọc tiếng Latin và tiếng mẹ đẻ, viết chữ tròn trĩnh; ông bà cậu muốn cậu có học thức và đức hạnh, vì họ không thể cho cậu sự giàu có, mà kiến thức và đức hạnh là thứ của kẻ trộm không lấy đi được hay bị phá hoại.

Một ngày nọ, khi cậu bé được gửi đi đến nhà họ hàng với lời nhắn từ ông ngoại, cậu đi qua một con phố có một đội kỵ mã lớn đang đi. Cậu dừng lại để ngắm nhìn họ; để thấy họ rõ hơn, cậu rời chỗ mình đứng và đi ngang qua đường. Khi làm vậy, cậu không đủ nhanh khi tránh một con ngựa đang chồm lên lúc người cưỡi nó không kịp chặn nó lại; nó quật ngã Luis và giẫm lên người cậu. Đứa trẻ tội nghiệp nằm vô tri trên mặt đất, đầu chảy rất nhiều máu. Một thoáng sau khi vụ tai nạn xảy ra, một quý ông lớn tuổi nhảy xuống ngựa và với sự nhanh nhẹn đáng ngạc nhiên, đỡ lấy đứa trẻ từ bàn tay của một người đã nhắc cậu khỏi mặt đất, đưa cậu về nhà mình, lệnh cho người hầu đi mời bác sĩ phẫu thuật.

Nhiều người đi theo quý ông này đau khổ trước tai nạn đáng buồn xảy ra với nhân vật ưa thích của công chúng; tin tức sớm loan ra khắp nơi rằng người gặp tai nạn chính là Luis bé bỏng. Tin này nhanh chóng đến tai ông bà và người được cho là chị họ của cậu; trong sự hoang mang tột độ, họ vội vã chạy đến tìm người thân yêu của mình. Quý ông tốt bụng cứu giúp cậu bé là một người có địa vị cao quý, được nhiều người biết đến nên họ dễ dàng tìm đường đến nhà ông ta. Khi đến nơi, Luis đang nằm dưới bàn tay của bác sĩ phẫu thuật. Chủ nhà và phu nhân cầu xin họ đừng khóc hay cất lời than vãn bởi như vậy không có lợi gì cho bệnh nhi. Người bác sĩ phẫu thuật, một người đàn ông có năng lực, cẩn thận và khéo léo băng bó vết thương, thấy vết thương không nguy kịch như anh nghĩ lúc ban đầu.

Giữa lúc đang được băng bó, Luis tỉnh lại, vui mừng khi thấy gia đình cậu. Họ hỏi cậu cảm thấy thế nào; “khá tốt” cậu nói, chỉ là phần đầu và cơ thể cậu rất đau. Bác sĩ muốn họ không nói chuyện mà để cậu nghỉ ngơi. Ông bà cậu sau đó đến gặp người chủ nhà, cảm ơn vì lòng tốt mà người này đã dành cho cháu họ mình. Người đàn ông đáp lời rằng không cần cảm ơn; sự thật là, khi ông nhìn thấy đứa trẻ ngã xuống, ý nghĩ đầu tiên trong đầu ông thấy dưới chân ngựa là khuôn mặt con trai của chính ông, người ông yêu thương da diết. Điều này thôi thúc ông bế cậu bé lên và mang về nhà mình, nơi cậu nghỉ dưỡng trong suốt thời gian cậu nằm dưới bàn tay bác sĩ, được chăm sóc tận tình. Phu nhân của chủ nhà cũng nói điều tương tự, không kém phần tử tế và thân ái.

Người ông và người bà của Luis ngạc nhiên khi nhận được quá nhiều

thiện cảm từ những người lạ; nhưng sự kinh ngạc của con gái họ còn lớn hơn. Sau khi thông báo của bác sĩ làm giảm phần nào sự lo lắng, cô nhìn xung quanh và nhận ra rõ ràng mình đang ở trong chính căn phòng mà kẻ bắt cóc cô năm xưa từng đưa đến. Những tấm vải gấm treo không còn ở đó nữa nhưng cô nhận ra căn phòng nhờ những vật dụng khác. Cô thấy cửa sổ khung sắt nhìn ra ngoài vườn; nó được đóng lại vì người bệnh nhỏ bé nhưng cô hỏi liệu có một khu vườn bên ngoài không và nhận được một lời xác nhận. Chiếc giường mà cô nhớ rất rõ ở đó; trên hết, chiếc tủ, nơi đặt thánh tượng mà cô đã lấy đi, vẫn nằm đúng vị trí đó. Cuối cùng, để chứng thực tất cả những dấu hiệu khác, xác nhận sự thật về khám phá của cô vượt qua mọi nghi vấn, cô đếm số bậc thang dẫn từ căn phòng ra đường, chính xác là con số cô nghĩ đến bởi cô đã nhanh trí đếm chúng lúc trước, khi cô bị bịt mắt.

Về đến nhà, cô kể lại khám phá của mình cho mẹ, người ngay lập tức hỏi xem liệu người đàn ông chủ căn nhà cháu bà đang nằm điều trị đã từng có con trai hay không. Bà phát hiện rằng ông ta có một đứa con trai, Rodolfo - như cách chúng ta gọi gã - người lúc đó vẫn đang ở nước Ý. Sau khi so sánh thời gian anh ta được cho là đã đi ra nước ngoài với sự kiện con gái bà bị cưỡng đoạt, bà thấy rằng chúng thực sự khớp với nhau. Bà nói lại chuyện này với chồng; ba người cuối cùng quyết định rằng họ sẽ không đưa ra vấn đề này vào thời điểm hiện tại, mà chờ ý chí của Thượng đế quyết định, để tôn trọng người bệnh nhỏ bé.

Luis thoát khỏi nguy hiểm trong hai tuần; trong một tháng cậu ra được khỏi giường; trong suốt thời gian đó hàng ngày bà và mẹ đều đến thăm cậu. Người chủ căn nhà cùng phu nhân chăm sóc cậu như con đẻ. Bà Estafania, phu nhân của người đàn ông lịch thiệp, quan sát thấy rằng khi nói chuyện với Leocadia, cậu bé rất giống người con trai của bà đang ở Ý; bà không thể nhìn cậu mà không nghĩ rằng con trai bà đang ở trước mặt.

Một ngày, bà Estafania lặp lại nhận xét này khi đang ở một mình với Leocadia, người nghĩ rằng đây là cơ hội tốt để cời mở với quý bà, theo cách cô đã làm với cha mẹ mình trước đây.

“Thưa bà”, cô nói, “khi cha mẹ tôi biết về tai nạn khủng khiếp xảy ra với cháu trai của họ, như thể cả bầu trời đã sụp đổ trên đầu họ. Đối với họ mất đi người cháu họ giống như mất đi ánh sáng trong đôi mắt, chỗ nương tựa của tuổi già. Tình yêu của họ đối với cậu bé vượt xa những gì cha mẹ dành cho con cái. Nhưng, như tục ngữ nói, Chúa gửi căn bệnh và gửi kèm phương thuốc. Đứa trẻ đã được hồi phục trong căn nhà này; tại đây tôi thấy những hồi tưởng về sự kiện tôi sẽ không thể quên suốt cuộc đời. Tôi, thưa bà, là một quý tộc, như cha mẹ tôi, như cả tổ tiên của tôi, những người dù được thừa kế món quà gia tài vừa phải, vẫn luôn vui vẻ giữ gìn danh dự của mình bất kể nơi sinh sống.”

Bà Estafania chăm chú lắng nghe Leocadia, ngạc nhiên khi thấy cô nói

chuyện với trí thông minh vượt xa tuổi tác của mình, bởi bà không nghĩ cô hơn hai mươi tuổi. Không ngắt lời cô dù chỉ một từ, bà nghe cô kể lại toàn bộ câu chuyện của mình, đã bị cưỡng ép đưa vào căn phòng như thế nào, việc gì đã xảy ra với cô ở đó, và những vật dụng giúp cô nhận ra nơi này lần nữa.

Để xác nhận tất cả, cô rút ra từ ngực áo cây thánh giá cô đã mang theo bên mình, hướng về thánh tượng, nói: “Lạy Chúa, Người đã chứng kiến bạo hành đã xảy ra với con, xin Ngài hãy là người phân xử cho sự đền bù xứng đáng cho con. Con đã lấy Người từ chiếc tủ này, để con có thể liên tục nhắc ngài về điều sai trái xảy ra với con, không phải để xin sự trả thù, điều con không cầu khẩn Người, mà để van xin Người truyền cảm hứng cho con qua những lời khuyên có thể giúp con kiên nhẫn chịu đựng.”

Rồi quay sang Estafania, cô nói, “Đứa trẻ này, thưa bà, người bà đã thể hiện lòng tốt và lòng trắc ẩn vô cùng, là cháu nội của bà. Đó là sự phù hộ của Thượng đế để cậu bị ngựa đâm phải, để có thể được đưa vào nhà bà, để tôi tìm thấy cậu ở đây, nơi tôi hy vọng tìm thấy nếu không phải sự đền bù phù hợp nhất cho sự bất hạnh của tôi, thì ít nhất là một cách làm giảm bớt sự bất hạnh đó”.

Nói đến đó, áp cây thánh giá vào ngực mình, cô ngắt xiu trong vòng tay bà Estafania, một người phụ nữ dịu dàng. Đối với bà, lòng thương hại cũng tự nhiên như sự tàn nhẫn ở con người vậy; bà ngay lập tức áp môi mình vào môi cô gái đang ngắt xiu, rơi nhiều nước mắt đến nỗi không cần hắt thêm nước để cô gái tỉnh dậy.

Trong khi hai người đang ở trong tình huống này, chồng của bà Estafania bước vào phòng, dắt tay cậu bé Luis. Nhìn thấy vợ mình đắm nước mắt và Leocadia đang ngắt, ông thiết tha hỏi nguyên nhân cảnh tượng đáng kinh ngạc này. Cậu bé ôm lấy mẹ mình, gọi cô là chị họ, gọi bà nội cậu là ân nhân, lặp lại câu hỏi giống ông nội mình.

“Tôi có một điều tuyệt vời cần nói, thưa ông,” bà Estafania nói với chồng. “Nói ngắn gọn cô gái đang ngắt đây là con dâu của ông, đứa bé này là cháu nội của ông. Sự thật này tôi vừa nghe được từ chính miệng cô ấy, được xác thực bởi khuôn mặt của cậu bé, khuôn mặt chúng ta đều thấy hình ảnh con trai mình trong đó.”

“Trừ khi bà nói đầy đủ hơn, senora, tôi không thể hiểu bà đang nói gì,” chồng bà trả lời.

Ngay lúc đó Leocadia tỉnh lại, ôm lấy cây thánh giá dường như đã biến thành một biển nước mắt. Quý ông chủ nhà vẫn còn hoang mang tột độ. Đến khi vợ ông kể lại toàn bộ câu chuyện của Leocadia, từ đầu đến cuối, ông hoàn toàn tin vào điều đó, nhờ vào sự sắp đặt phước hạnh của Thượng đế, được xác thực qua nhiều bằng chứng thuyết phục. Ông ôm lấy và an ủi Leocadia, hôn cháu trai mình, ngay trong ngày gửi một người đưa thư tới Naples mang lá thư tới con trai ông, yêu cầu anh ta về nhà ngay lập tức, vì mẹ anh ta và ông đã tìm được đối tượng phù hợp cho anh ta là một quý cô xinh đẹp.

Họ không để Leocadia và con trai cô trở về nhà bố mẹ đẻ, những người vô cùng vui mừng trước vận may của cô, đã hết lòng cảm tạ Thượng đế.

Người đưa thư đến Naples; Rodolfo, háo hức sở hữu một người vợ xinh đẹp như cha gã miêu tả, nhân cơ hội có bốn thuyền galê chuẩn bị lên đường đến Tây Ban Nha, chỉ hai ngày sau khi nhận bức thư gã đã lên thuyền với hai người đồng hành, những người vẫn bên gã từ trước. Sau mười hai ngày đi đường thuận lợi, gã đến Barcelona, từ đó vội vã về Toledo trong bảy ngày, đến ngôi nhà của cha gã trong trang phục cực kỳ sang trọng hợp thời. Cha mẹ gã rất vui mừng khi con trai về đến nơi an toàn sau quãng thời gian dài vắng mặt. Leocadia ngập tràn những cảm xúc khó tả khi cô nhìn thấy gã, kín đáo từ một điểm bí mật sắp đặt bởi bà Estafania. Hai người đồng hành với Rodolfo xin cáo từ và rút về nhà riêng của họ ngay lúc đó nhưng Estafania không muốn họ đi vì bà cần họ có mặt cho một kế hoạch có sẵn trong đầu.

Khi Rodolfo về đến nơi thì đã gần tối. Trong khi chuẩn bị bữa tối, Estafania gọi hai người bạn của con mình ra, tin rằng đó chính là hai trong ba người Leocadia để cập rằng đã ở cạnh Rodolfo cái đêm cô bị bắt cóc. Bà khẩn thiết nài xin họ kể với bà, có phải con trai bà đã đưa đi một cô gái trẻ, vào một đêm như thế nhiều năm về trước; danh dự và tương lai tất cả các mối quan hệ của anh ta đều phụ thuộc vào những gì họ biết về sự thật đó. Lời cầu khẩn quá thuyết phục và lời đảm bảo mạnh mẽ rằng sẽ không có gì bất lợi xảy ra với họ khi đưa cho bà thông tin này khiến họ thú nhận rằng một đêm hè, giống như bà đã để cập, họ cùng một người bạn nữa đi dạo với Rodolfo, đã tham gia vào việc bắt cóc một cô gái thực hiện bởi Rodolfo trong khi những người còn lại ngăn cản gia đình cô gái lúc đó đã la hét và tìm cách cứu cô nếu có thể. Họ nói thêm rằng như Rodolfo kể lại với họ ngày hôm sau, rằng anh ta đã đưa cô về phòng riêng của mình; đó là tất cả những gì họ biết.

Tất cả nghi ngờ có thể còn sót lại về vụ việc giờ đã bị xóa bỏ nhờ vào lời thú nhận này, Estafania quả quyết theo đuổi kế hoạch của mình. Không lâu trước khi ăn tối bà dẫn con trai vào phòng riêng, nơi bà đặt bức chân dung một người phụ nữ vào tay anh, nói: “Đây là một thứ giúp con ngon miệng hơn trong bữa tối, Rodolfo; đây là chân dung cô dâu của con; nhưng ta phải nói rằng những thứ cô ấy muốn thêm ở nhan sắc, đức hạnh đã đủ để bù đắp. Cô ấy đến từ một gia đình tốt, giàu có vừa phải; và vì cha con và ta đã chọn cô ấy, con hãy yên tâm cô ấy sẽ phù hợp.”

“Chà”, Rodolfo nói, nhìn chằm chằm vào bức chân dung, “nếu họa sĩ của bức tranh này cũng tâng bốc người thật như họa sĩ thường làm, thì không nghi ngờ gì nữa người phụ nữ này phải là sự hiện thân của xấu xí. Thật lòng, thưa mẹ, nếu con trai phải vâng lời cha mẹ trong mọi việc, thì cha mẹ cũng phải quan tâm đến mong muốn của con; và vì hôn nhân là một ràng buộc không thể nói lỏng cho đến chết, họ nên cẩn thận sao cho sự ép buộc này

suôn sẻ và bình đẳng nhất có thể. Đức hạnh, gia cảnh tốt, khôn ngoan, tài sản, tất cả đều tốt và sẽ làm vui lòng bất cứ ai có số lấy được quý cô này làm vợ; nhưng sự xấu xí của cô ấy đem lại cho người chồng niềm vui, với con là điều không thể. Con đúng thật là độc thân, nhưng con hoàn toàn hiểu được lời thề nguyện hôn ước và niềm vui chính đáng và hợp lý giữa hai bên trong một cặp đôi cần tương xứng với nhau và nếu không có điều đó, đối tượng kết hôn sẽ thất vọng; hãy tưởng tượng rằng một người phải nhìn một khuôn mặt xấu xí mọi lúc, trong hành lang, trên bàn ăn, trên giường, con nói một lần nữa đó là việc bất khả. Vì Chúa, thưa mẹ, hãy cho con một người vợ sẽ là người đồng hành thích hợp, không phải một người sẽ làm con chán ghét, để chúng con cùng chịu đựng như nhau, với thiện chí chung, cái ách áp đặt bởi ông trời, thay vì co kéo và xích mích với nhau cho đến chết. Nếu người phụ nữ này đoan trang, kín đáo và giàu có như mẹ nói, cô ấy sẽ dễ dàng tìm được một người chồng có tâm tính khác con. Có những người tìm kiếm dòng máu cao quý ở một người vợ, người khác tìm kiếm người hiểu biết, người kiếm tìm tiền bạc; có người lại tìm kiếm sắc đẹp, một trong số đó là con. Về gia cảnh, cảm tạ Chúa và tổ tiên con đã cho nhà mình khá giả; về sự cảm thông, miễn là người phụ nữ không đần độn hay khờ, thì cô ấy không cần phải dí dỏm tinh tế; về mặt tiền bạc con được bố mẹ chu cấp dư dả; nhưng sắc đẹp là điều con thèm muốn, không cần gì thêm cùng với đức hạnh và có giáo dục. Nếu vợ con mang lại cho con những điều này, con sẽ cảm tạ Chúa trời về món quà, và giúp cha mẹ an vui tuổi già.”

Estafania rất vui khi nghe Rodolfo nói vậy, bởi cảm xúc mà con trai bày tỏ là phù hợp nhất để kế hoạch bà đạt được thành công. Bà bảo con trai rằng sẽ cố gắng tác hợp anh với người phù hợp với những mong muốn của anh, rằng anh không cần phải bất an, vì không khó khăn gì để từ chối đối tượng anh thấy quá khó chịu; Rodolfo cảm tạ mẹ. Bữa tối đã sẵn sàng, họ đến bàn ăn nhập hội với những người còn lại. Người cha và người mẹ, Rodolfo và hai người bạn đã ngồi sẵn tại bàn khi bà Estafania nói vội vàng: “Tôi thật là một kẻ tội đồ về cách cư xử với khách” - bà nói với một người hầu - “đi mời nàng Leocadia vui lòng tham gia với chúng ta tại bàn ăn, nói với cô ấy rằng không cần phải cầu nệ gì, bởi ở đây chỉ có con trai ta và người hầu của cô ấy.”

Tất cả đều nằm trong kế hoạch của bà; Leocadia đã biết mọi thứ từ trước.

Quý cô nhanh chóng xuất hiện, trình diễn cảnh tượng quyến rũ nhất với vẻ đẹp hoàn hảo của mình, được làm nổi bật bởi những đồ trang sức thích hợp nhất. Lúc đó là mùa đông, cô mặc một chiếc váy tà dài màu nhung đen, có nút vàng và ngọc trai; đai lưng và vòng cổ của cô làm bằng kim cương; đầu cô để lộ những bím tóc và vòng khuyên lấp lánh trên mái tóc màu hạt dẻ, điểm bằng kim cương làm lóa mắt người nhìn. Tác phong của cô duyên dáng và sinh động; cô dặt tay đưa con trai, trước mặt cô là hai người hầu gái cầm đèn nền với chân nến bằng bạc.

Tất cả đứng dậy để tỏ lòng kính trọng cô, như thể thứ gì đó từ thiên đường đã xuất hiện một cách kỳ diệu trước mắt họ, nhìn dán mắt vào cô, say mê ngưỡng mộ, không ai trong số họ có thể nói một lời. Leocadia cúi đầu chào tất cả với phẩm cách nhã nhặn, và Estafania cầm tay dẫn cô vào ghế ngồi cạnh bà, đối diện với Rodolfo, trong khi cậu nhóc được cho ngồi cạnh ông nội cậu.

“À”, Rodolfo tự nhủ, khi gã ngẩng nhìn sinh vật đáng yêu trước mặt mình, “nếu như ta có thể có chỉ một nửa vẻ đẹp này trong người phụ nữ mà mẹ đã chọn cho ta, ta đã tự thấy mình là người đàn ông hạnh phúc nhất thế gian rồi. Chúa ơi! Ta đang được nhìn ngắm gì đây? Có phải là một thiên thần trong hình dạng con người đang ngồi trước mặt ta không?”

Trong khi tâm hồn anh ta bị giam cầm bởi hình ảnh đáng yêu của Leocadia, cô, ngược lại, thấy bản thân ở quá gần với gã. Trong khi mắt thỉnh thoảng liếc nhìn anh ta, những gì đã xảy ra giữa cô và Rodolfo bắt đầu lặp đi lặp lại trong đầu cô. Niềm hy vọng mẹ anh ta hứa là cô sẽ trở thành vợ anh ta bắt đầu chìm xuống, nỗi sợ dồn lên mạnh mẽ rằng niềm hạnh phúc đó sẽ không dành cho người kém may mắn như cô. Cô nghĩ về việc đang đứng gần thế nào với cơn khủng hoảng sẽ quyết định sẽ được hạnh phúc hay bất hạnh vĩnh viễn; bị hành hạ bởi cường độ cảm xúc của mình, mặt đột nhiên đổi màu, đầu sụp xuống, cô ngã về phía trước choáng váng vào vòng tay của Estafania thất thần.

Tất cả mọi người bật lên hoảng hốt và nhanh chóng đến giúp đỡ cô, nhưng không ai thể hiện sự đồng cảm tha thiết hơn Rodolfo, người ngã xuống hai lần khi vội vã lao đến chỗ cô. Họ tháo dây áo cô, rải nước mát lên mặt cô; cô không tỉnh lại, bộ ngực xung huyết, bất tỉnh hoàn toàn, không có mạch cho thấy dấu hiệu tử vong, đến mức những người hầu bắt đầu vô ý kêu lên rằng cô đã chết.

Tin tức gây sốc này đến tai cha mẹ cô, những người bà Estafania giấu tại phòng bên để họ có thể xuất hiện đúng thời điểm. Lúc này họ vội vã vào phòng ăn; cha xứ, người cũng ở cùng họ, đến bên người phụ nữ đang kiệt sức để tìm bất cứ dấu hiệu nào cho thấy cô hối hận về tội lỗi của mình để ông có thể rửa tội cho cô; nhưng thay vì một người đang ngất, ông nhìn thấy hai, là Rodolfo nằm mặt áp lên ngực Leocadia. Mẹ anh ta để cô lại cho anh ta với tư cách người bảo hộ được chỉ định của cô, nhưng khi thấy rằng con trai mình cũng bất tỉnh, bà suýt nữa trở thành người thứ ba ngã xuống và đã thực làm vậy nếu con trai bà không kịp tỉnh lại.

Anh ta đã rất bối rối khi thấy mình để lộ cảm xúc như vậy nhưng mẹ anh ta, người hiểu suy nghĩ của anh ta, nói “Hỡi con trai, đừng xấu hổ vì đã khuất phục trước cảm xúc của chính mình; sẽ còn tồi tệ hơn nếu như con biết điều ta sẽ không giấu giếm thêm lâu nữa, dù ta đã định dành nó cho một dịp vui vẻ hơn. Vậy thì, con trai của ta, hãy biết rằng người phụ nữ này là cô dâu

thật sự của con; ta nói thật, bởi cô ấy là người ta và cha đã chọn cho con, còn bức chân dung là giả.”

Khi Rodolfo nghe được điều này, bị đam mê mãnh liệt của mình cuốn đi, với sức mạnh của danh hiệu chàng rể không màng đến mọi phép tắc thông thường, gã ôm Leocadia trong vòng tay mình, đôi môi áp vào môi cô, như thể gã chờ linh hồn cô xuất ra để gã có thể hấp thu và hòa trộn nó với linh hồn mình.

Ngay tại thời điểm những giọt nước mắt của khán giả xót thương chảy nhanh và những lời nói thể hiện rõ nhất sự tuyệt vọng, Leocadia có dấu hiệu hồi tỉnh, mang lại niềm vui cho trái tim của tất cả mọi người. Khi cô tỉnh lại, đỏ mặt thấy mình trong vòng tay của Rodolfo, muốn đẩy gã ra, “Không senora”, anh ta nói, “đừng làm vậy; hãy cố đừng rời khỏi vòng tay của người giữ cô trong tâm hồn mình.”

Không cần một lời nào hơn nữa để hoàn thiện sự thức tỉnh của cô và bà Estafania không cần mưu kế gì nữa, yêu cầu linh mục làm nghi thức kết hôn cho con trai của bà với Leocadia ngay tại chỗ.

Điều này đã được thực hiện; vì sự kiện xảy ra ở thời điểm sự đồng ý của mọi người có mặt là đủ để cử hành hôn lễ mà không cần bất kỳ thủ tục sơ bộ chính tể cần thiết giống như ngày nay. Tôi sẽ dành cho một cây bút khéo léo hơn miêu tả niềm vui của tất cả những người có mặt; cái ôm của cha mẹ Leocadia dành cho Rodolfo; lời cảm ơn họ gửi đến Thượng đế, đến cha và mẹ anh ta, lời chúc phúc từ cả hai bên; sự ngạc nhiên từ những bạn đồng hành của Rodolfo khi thấy anh ta bất ngờ kết hôn với cô dâu xinh đẹp ngay đêm trở về; và trên hết, khi họ biết từ lời tuyên bố công khai của bà Estafania, rằng Leocadia chính là người bị con trai bà bắt cóc với sự giúp đỡ của hai người bạn. Rodolfo cũng không kém phần ngạc nhiên; để chắc chắn với bản thân một sự thật tuyệt vời như vậy, anh ta cầu xin Leocadia cho anh ta chứng cứ để anh ta thấy rõ điều mà anh ta thực không nghi ngờ, bởi nó đã được cha mẹ anh ta xác thực.

“Một lần tôi hồi phục sau khi bất tỉnh”, Leocadia trả lời, “tôi thấy mình, thừa ngài, nằm trong vòng tay ngài mất đi danh tiết; nhưng tôi đã có sự đền bù đầy đủ cho điều đó, bởi khi tôi hồi phục ngày hôm nay sau cơn bất tỉnh, tôi cũng thấy mình trong vòng tay đó, đầy vinh dự. Nếu điều đó chưa đủ với ngài, sẽ là đủ để nhắc về cây thánh giá không ai có thể lấy từ ngài ngoài tôi, nếu sự thật là ngài đã làm mất nó vào buổi sáng và đó là cây thánh giá đang nằm trong tay mẹ ngài, thừa phu nhân.”

Rodolfo kêu lên “Em là của ta, người phụ nữ của linh hồn ta và sẽ mãi mãi như vậy suốt cuộc đời ta”; ôm lấy cô một lần nữa, giữa cơn mưa lời tạ ơn và chúc mừng từ những người còn lại.

Cuối cùng họ ngồi xuống thưởng thức bữa tối vui vẻ trong tiếng nhạc, bởi những người biểu diễn đã được đặt trước giờ đã đến. Rodolfo thấy được mình

trên khuôn mặt của con trai như nhìn vào gương. Bốn người ông bà mặt đầy nước mắt hạnh phúc, không có góc ngách nào của căn nhà không tràn đầy sự vui mừng; dù màn đêm vội vã đến với đôi cánh đen nhanh nhẹn, dường như đối với Rodolfo nàng ta không bay mà chỉ tập tễnh trên đôi nặng, bởi trong lòng anh ta không thể chờ để được ở riêng với cô dâu yêu quý của mình.

Giờ phút mong mỏi cuối cùng cũng đến: mọi người lui về nghỉ, cả căn nhà chìm vào im lặng. Nhưng đó không phải là sự thật của câu chuyện này; sự thật sẽ còn sống mãi trong ký ức của con người qua nhiều đứa con và người thừa kế về ngôi nhà nổi tiếng đó ở Toledo, nơi cặp đôi hạnh phúc vẫn sống và hưởng nhiều năm thịnh vượng, ở bên nhau, con cái họ, cháu chắt của họ, nhờ phước lành của Chúa, qua sức mạnh của dòng máu đã chảy xuống trên mặt đất của người ông anh hùng, lưng lầy và theo đạo Cơ đốc của bé Luis.

** Truyện lấy từ tập “Những truyện mẫu mực” của Miguel de Cervantes Saavedra, nhà xuất bản George Bell and Sons xuất bản tại London năm 1881.*

*JEANE NGUYEN dịch từ bản tiếng Anh của Walter K. Kelly
HÀN HOA biên tập*

Tụng ca cái buồn

(Bài nói tại lễ tốt nghiệp của các học sinh trường trung học Darmouth, Mỹ, tháng 6/1989).

JOSEPH BRODSKY

*Nhưng nếu anh không giữ được vương quốc của mình
Thì hãy đến nơi như cha anh từng đến
Nơi tư tưởng thì buộc tội còn tình cảm thì chế giễu.
Hãy tin vào cơn đau của mình...*

*Y.H. Auden
"Alonso nói với Pherdinant"*

Một phần lớn của những gì đang ở phía trước các bạn sẽ phải dính với cái buồn. Nguyên nhân khiến tôi muốn nói về nó với các bạn vào cái ngày hân hoan này là ở chỗ, theo tôi, không một trường trung học nhân văn nào chuẩn bị cho các bạn đến với một tương lai như vậy; và Darmouth không phải là ngoại lệ. Các khoa học chính xác cũng như các khoa học nhân văn đã không dạy cho các bạn một chuyên đề nào về cái buồn. May ra thì chúng chỉ giới thiệu các bạn làm quen với cái buồn bằng cách gợi nhắc đến nó. Nhưng một sự đụng chạm ngẫu nhiên như thế so với cơn đau không tài nào chữa được là cái gì? Một giọng giảng bài lè nhè đơn điệu hoặc là một cuốn sách giáo khoa bóng bẩy khiến buồn ngủ - chẳng là gì so với cả một sa mạc Sahara tâm lý đang bắt đầu ngay trước phòng ngủ của các bạn và choán ngập chân trời.

Được biết đến dưới nhiều tên gọi - buồn bã, mềm yếu, thờ ơ, sầu muộn, chán chường, u uất, trống rỗng, mệt mỏi..., cái buồn là một hiện tượng phức tạp và xét tổng thể thì đó là sản phẩm của sự lặp lại. Trong trường hợp như thế dường như phương thuốc duy nhất trị buồn phải là thường xuyên sáng tạo và độc đáo. Tức là điều mà các bạn, những người trẻ tuổi kiêu căng, đã tính tới. Nhưng than ôi, cuộc sống không cho các bạn khả năng thế đâu, bởi vì cái chính trong cơ chế cuộc sống là sự lặp lại.

Tất nhiên có thể phản đối rằng khát vọng thường xuyên hướng tới sự độc

đáo và sáng tạo là động cơ của tiến bộ và do đó của văn minh. Nhưng - và đây chính là ưu thế của cái nhìn về phía sau - động cơ đó không phải là giá trị nhất. Bởi vì, nếu ta chia lịch sử của giống loài ta theo các phát minh khoa học, bỏ qua những quan niệm đạo đức, thì kết quả sẽ là sầu thảm. Nói một cách cụ thể hơn, ta sẽ nhận được những thời đại cái buồn. Bản thân khái niệm sự độc đáo và sự mới mẻ đã để lộ cho thấy sự đều đều buồn tẻ của một hiện thực, một cuộc sống chuẩn mực, đúng phép tắc, mà bài thơ chính của nó - không, phong cách chính của nó - là cái buồn.

Đây là cái làm cho cuộc sống khác với nghệ thuật vì kẻ thù độc ác nhất của nghệ thuật mà chắc các bạn cũng biết là sự khuôn sáo. Vì thế không có gì đáng ngạc nhiên là nghệ thuật không thể dạy được cho các bạn cách chống chọi cái buồn. Về đề tài này đã có một số tiểu thuyết được viết ra; hội họa thì ít hơn nữa; còn âm nhạc thì chủ yếu là vô nghĩa. Cách duy nhất làm cho nghệ thuật thành nơi trú ngụ tránh cái buồn, tránh cái đương lượng hiện sinh của khuôn sáo, là tự mình trở thành nghệ sĩ. Mặc dù với số lượng các bạn đồng đạo thế này thì viễn cảnh đó thật ít cảm dỗ và ít có khả năng xảy ra.

Nhưng thậm chí nếu các bạn có sai bước hùng hậu đồng đạo đến bên máy chữ, giá vẽ và cây đàn thì các bạn vẫn không ngăn được mình hoàn toàn khỏi cái buồn. Nếu mẹ của cái buồn là sự lặp lại thì các bạn, những người trẻ tuổi kiêu căng, sẽ nhanh chóng bị ngạt thở bởi sự không được thừa nhận và tiền nong ít ỏi, bởi vì cả hai cái đó luôn luôn đi cùng nghệ thuật. Về mặt này, viết văn, vẽ tranh, soạn nhạc thua xa công việc ở văn phòng luật sư, nhà băng hay thậm chí ở phòng thí nghiệm.

Cố nhiên, đây lại chính là sức mạnh cứu vớt của nghệ thuật. Do là không lợi nhuận nên nó trở thành nạn nhân của nhân khẩu học một cách khá là miễn cưỡng. Bởi vì nếu, như chúng ta đã nói, sự lặp lại là mẹ của cái buồn thì nhân khẩu học (cái này trong cuộc sống của các bạn sẽ đóng một vai trò lớn hơn bất kỳ môn học nào mà các bạn đã được học ở đây) lại là bậc sinh thành thứ hai của nó. Có lẽ điều này nghe ra có vẻ yếm thế, nhưng tôi già gấp đôi các bạn và trước mắt tôi dân số quả đất đã tăng lên gấp đôi. Đến lúc các bạn bằng tuổi tôi, nó sẽ tăng lên gấp bốn và hoàn toàn không như các bạn chờ đợi. Chẳng hạn, đến năm 2000 sẽ diễn ra một sự phân bố lại về văn hóa - tộc người và đó sẽ là một thử thách cho lòng nhân ái của các bạn.

Nhưng điều đó làm giảm viễn cảnh sự độc đáo và sáng tạo như là cách chống lại cái buồn. Nhưng thậm chí trong một thế giới đơn sắc hơn thì sự độc đáo và sáng tạo lại cũng gặp rắc rối khác là chúng được bù vốn. Chỉ cần các bạn có khả năng về một thứ nào đó là bạn sẽ giàu lên khá nhanh chóng. Dù muốn hay không đi nữa, phần lớn các bạn đều biết theo kinh nghiệm riêng rằng không ai bị cái buồn nhấn chìm bằng những người giàu có, bởi vì tiền bạc mua được thời gian, mà thời gian thì có thuộc tính lặp lại. Giả sử các bạn không muốn nghèo khổ - nếu không các bạn đã chẳng vào trường trung học

- thì có thể là cái buồn sẽ rượt kịp bạn ngay khi bạn có được những công cụ đầu tiên để tự thỏa mãn.

Nhờ kỹ thuật hiện đại những công cụ này nhiều đến mức như là đồng nghĩa với cái buồn. Do chức năng của chúng - giúp bạn quên đi thời gian dư thừa - nên số lượng của chúng thật hùng hậu. Cũng thật hùng hậu là cách sử dụng khả năng mua bán của các bạn mà đỉnh điểm của nó là các bạn đến đây dưới tiếng sột soạt, vo vo của một số phương tiện mà các bậc cha mẹ và họ hàng bạn đang cầm chắc trong tay. Đó là một cảnh tượng tiên tri, thưa quý bà và quý ông ra trường năm 1989, bởi vì các bạn đang bước vào một thế giới, nơi việc ghi lại sự kiện sẽ thu nhỏ chính sự kiện - thế giới của video, stereo, điều khiển từ xa, của những bộ quần áo và thiết bị tập luyện giúp các bạn có được hình dáng để lại sống qua quá khứ riêng của mình hay của ai đó: niềm thích thú đóng hộp đòi phải có da thịt sống.

Tất cả những cái gì bộc lộ sự đều đặn đều là buồn chán. Điều này một mức độ lớn thuộc về tiền bạc, cũng như các tờ giấy bạc và việc sở hữu chúng. Lẽ dĩ nhiên tôi không có ý tuyên bố nghèo khổ là cách thoát khỏi cái buồn, dù cho có lẽ thánh Francis đã làm được thế. Nhưng dù cho sự nghèo túng vây quanh bạn, ý định tạo ra những dòng tu mới cũng không hấp dẫn mấy nữa trong thời buổi truyền đạo qua video ngày nay. Thêm nữa, hỏi những người trẻ tuổi kiêu căng, các bạn sẽ khao khát làm điều tốt cho Nam Phi hơn là cho người láng giềng, và sẵn sàng từ chối ly nước chanh yêu thích hơn là đi vào một khu phố bẩn cùng. Vì thế không ai đề nghị các bạn nghèo khổ. Tất cả những gì có thể đề nghị với các bạn, đó là: hãy thận trọng với tiền bạc, bởi vì con số không trong tài khoản có thể biến thành đương lượng tinh thần của các bạn.

Còn về sự nghèo khổ thì cái buồn là phần ghê tởm nhất trong những bất hạnh của nó và việc trốn chạy khỏi nó mang những hình thức mạnh mẽ hơn: nổi loạn hoặc ma túy. Cả hai hình thức này đều tạm thời bởi vì nổi bất hạnh của nghèo khổ là vô tận; cả hai do tính tạm thời đó nên đều phải trả giá đắt. Nói chung, người tiêm heroin vào mạch máu cũng có nguyên nhân giống như các bạn mua cái video: đều là tránh thời gian dư thừa. Nhưng cái khác là ở chỗ người tiêm tiêu phí nhiều hơn thu về và các phương tiện giải thoát của anh ta trở nên dư thừa cũng như anh ta được giải thoát nhanh hơn các bạn. Nhìn chung, sự khác biệt về xúc giác giữa mũi kim tiêm và nút bấm stereo cũng gần tương ứng sự phân biệt giữa độ sắc và độ cùn của ảnh hưởng thời gian đến người không có cửa và người có cửa. Nói gọn lại, dù giàu hay nghèo thì sớm muộn các bạn cũng phải đau khổ vì dư thừa thời gian.

Tương lai có thể là những người có cửa, các bạn rồi sẽ bị buồn chán vì công việc, vì bạn bè, vì vợ chồng, vì tình nhân, vì phong cảnh ngoài cửa sổ, vì đồ đạc hay giấy dán tường trong nhà, vì suy nghĩ, vì chính các bạn. Và rồi các bạn sẽ cố tìm con đường giải thoát. Ngoài những thứ đồ chơi mang lại sự thỏa mãn nêu trên, các bạn còn có thể thay đổi nơi làm việc, chỗ ở, người quen, đất nước,

khí hậu; các bạn cũng có thể sống cảnh tạp hôn, vui mình vào rượu, đi du lịch, học cách làm bếp, nghiện ma túy, nghiện ngắm phân tâm học.

Các bạn có thể làm tất cả những việc đó cùng lúc; và đôi khi điều đó có thể giúp bạn. Tất nhiên là cho đến một ngày khi bạn thức dậy trong phòng ngủ giữa một gia đình mới và những lớp giấy dán tường khác, tại một quốc gia và khí hậu khác, với hàng đồng lời khuyên của hãng du lịch và nhà phân tâm học, nhưng vẫn với tâm trạng ủ rũ nhìn ánh ngày chiếu qua ô cửa sổ. Các bạn đuổi đôi giày thể thao ra và nhận thấy chúng thiếu dây, mà như thế thì các bạn không khác gì diện mạo quen thuộc. Tùy thuộc vào thể trạng hay tuổi tác, các bạn sẽ hoặc là lo lắng, hoặc là thỏa hiệp với cảm giác quen thuộc này; hoặc là thêm một lần nữa băng qua bóng ma của những sự thay đổi.

Chứng loạn thần kinh chức năng và sự trầm uất đi vào vốn từ của các bạn; đơn thuốc ở tại quầy thuốc của các bạn. Thực chất, không có gì là xấu trong việc biến cuộc sống thành sự thường xuyên tìm kiếm những sự lựa chọn, sự thay đổi xoành xoạch công việc, vợ chồng, hoàn cảnh, v.v, với điều kiện là các bạn tự cho phép mình được nuôi dưỡng và rồi rã trong các hồi ức. Tình thế này thực chất đã được ca ngợi khá nhiều trên màn ảnh và trong thơ ca lãng mạn. Nhưng trở ngại là ở chỗ chẳng mấy chốc sự tìm kiếm này biến thành một công việc chính yếu, và nhu cầu về sự lựa chọn của các bạn trở nên ngang với một liều ma túy hàng ngày.

Tuy nhiên, còn một lối thoát khỏi tình thế này. Có thể lối thoát đó không phải là tốt nhất, theo quan điểm của các bạn, và không nhất thiết là an toàn, nhưng nó trực tiếp và không đắt giá. Ai trong số các bạn đã đọc bài thơ *A Servant to Servants* của Robert Frost hẳn nhớ câu này: *"He says the best way out is always through"* (*"Cách thoát ra tốt nhất luôn là xuyên qua"*). Và điều tôi định nói hôm nay là biến tấu về đề tài này.

Khi cái buồn xâm chiếm anh, hãy đắm chìm vào nó. Hãy để nó đè bẹp anh; hãy ngụp lặn trong nó đến tận đáy. Nói chung, nguyên tắc xử lý những sự khó chịu là: càng nhanh chạm tới đáy thì càng nhanh nổi lên. Tư tưởng ở đây, nói theo lời một nhà thơ Anh ngữ nổi tiếng khác, là hãy nhìn thẳng vào điều tồi tệ. Nguyên nhân khiến cái buồn đáng phải được chăm chú soi xét như vậy là ở chỗ nó thể hiện một thứ thời gian thuần túy, không thể phân chia trong tất cả vẻ trống lẹ đơn điệu, dư thừa, lặp lại của nó.

Cái buồn có thể nói là ô cửa cho các bạn nhìn vào thời gian, nhìn vào các thuộc tính của thời gian mà chúng ta thường có thiên hướng xem nhẹ đến mức đe dọa sự cân bằng tâm hồn. Nói ngắn gọn, đó là ô cửa cho các bạn nhìn vào sự vô tận của thời gian, tức là nhìn vào sự nhỏ nhoi của các bạn ở trong nó. Có thể điều này giải thích vì sao ta thường hay sợ hãi những buổi chiều lẻ loi, sững sờ, vì sao ta mê mẩn ngắm nhìn làn bụi bay trong nắng, và ở đâu đó có tiếng đồng hồ tích tắc, trời nóng, còn sức mạnh ý chí thì tiêu tan.

Một khi ô cửa đó đã mở ra thì đừng tìm cách đóng nó lại; ngược lại, hãy mở

rộng nó hơn nữa. Bởi vì cái buồn nói bằng ngôn ngữ của thời gian, và nó có nhiệm vụ dạy cho các bạn bài học quý giá nhất trong cuộc đời các bạn - bài học mà các bạn không học được ở đây, trên những bãi cỏ xanh này - bài học về sự nhỏ nhoi vô cùng của các bạn. Nó quý giá đối với các bạn, cũng như đối với những người các bạn sẽ tiếp xúc. “Người là hữu hạn”, - thời gian nói với các bạn qua cái giọng buồn, “vì thế người có làm gì đi nữa thì ta thấy cũng vô ích thôi”. Nói thế nghe chẳng du dương chút nào đối với lỗ tai các bạn; nhưng cảm giác về sự vô bổ, về ý nghĩa nhỏ nhoi của ngay cả những hành động cao cả nhất, nhiệt huyết nhất tốt hơn là ảo tưởng cho rằng những hành động đó có kết quả và vì thế mà mình có thể kiêu căng tự phụ.

Bởi vì cái buồn là sự thâm nhập của thời gian vào hệ thống các giá trị của chúng ta. Nó đem sự tồn tại của các bạn đặt vào sự tồn tại của nó, vào một viễn cảnh mà kết quả cuối cùng là sự chính xác và sự nhẫn nại. Cần chú ý, cái đầu sinh ra cái sau. Bạn càng biết rõ sự lớn lao của mình thì bạn càng nhẫn nại hơn và đồng cảm hơn đối với những người như mình, đối với hạt bụi bay trong nắng hay nằm im lìm trên cái bàn của bạn. Ôi, trong những hạt bụi ấy có biết bao cuộc đời! Không phải là nhìn từ góc độ của các bạn, mà từ góc độ của chúng. Các bạn đối với chúng cũng như là thời gian đối với chúng ta; vì thế chúng có vẻ rất nhỏ bé.

*“Hãy nhớ tới tôi, -
Hạt bụi thì thầm”*

Không gì có thể đi xa hơn trật tự tâm hồn của mỗi người trong các bạn, bởi những người trẻ tuổi và kiêu căng, bằng tâm trạng được diễn tả trong bài thơ hai câu này của nhà thơ Đức Peter Huchel nay đã qua đời.

Tôi dẫn nó ra đây không phải vì muốn gợi lên trong các bạn lòng ham muốn những vật nhỏ bé - hạt mầm và cây cỏ, hạt cát và con muỗi - nhỏ nhưng vô số. Tôi dẫn ra những dòng thơ ấy vì tôi thích chúng, vì đọc chúng tôi nhận biết mình và mọi cơ thể sống là cái sẽ biến khỏi bề mặt hữu hình. “Hãy nhớ tới tôi”, - hạt bụi nói. Và ta nghe thấy ở đây một ám dụ rằng nếu ta nhận biết chính mình từ thời gian thì thời gian đến lượt nó cũng có thể nhận biết điều gì đó từ chúng ta. Điều đó có thể là gì? Nhường nó về tầm quan trọng, ta vượt nó về sự tinh nhạy.

Trở nên nhỏ nhoi nghĩa là gì. Nếu cần có nỗi buồn làm tê liệt ý chí để gọi lên nó, khi đó nỗi buồn muôn năm. Các bạn là nhỏ nhoi bởi vì các bạn là hữu hạn. Nhưng một vật càng hữu hạn thì nó càng tích chứa sự sống, cảm xúc, niềm vui, nỗi sợ, sự đồng cảm. Bởi vì cái vô tận không sống động, không cảm xúc. Nỗi buồn của các bạn, ít nhất nói lên điều đó. Vì nỗi buồn của các bạn là nỗi buồn về sự vô tận.

Trong trường hợp như thế hãy kính trọng nguồn gốc của nó và theo khả

năng không ít hơn tôn trọng nguồn gốc của mình. Bởi vì chính sự linh cảm thấy cái vô tận vô hồn này lý giải cường độ của những cảm xúc con người là cái đưa đi tới sự thụ thai cuộc sống mới. Điều đó không có nghĩa các bạn được thụ thai từ nỗi buồn hay cái hữu hạn sinh ra cái hữu hạn (dù hai điều này nghe ra đều giống thật). Đúng hơn, điều đó khiến nghĩ rằng sự đam mê là đặc quyền của cái nhỏ nhoi.

Vì thế hãy gắng trở nên đam mê, hãy để sự điềm nhiên cho các chòm sao. Đam mê trước hết là thuốc tránh buồn. Và tất nhiên còn có nỗi đau - người bạn đường thông thường mang tính thể xác hơn là tinh thần của đam mê; dù tôi không chúc cho các bạn cả điều này điều kia. Nhưng khi các bạn bị đau, các bạn sẽ biết rằng ít ra các bạn không bị lừa dối (bởi cơ thể hay tâm hồn của mình). Ngoài ra, cái tốt trong nỗi buồn, nỗi chán và trong cảm giác về tính chất vô nghĩa của sự tồn tại của mình hay của tất cả những cái khác là ở chỗ đó không phải là sự lừa dối.

Các bạn cũng có thể thử làm thám tử hay chiến binh - cái hướng đến chỗ mà trước đó các bạn không đến được bằng ngôn từ/thị giác/tâm tưởng - cái diễn ra dù chỉ vài tiếng đồng hồ. Hãy tránh ti vi, nhất là chuyển kênh: đó là sự dư thừa bằng xương bằng thịt. Nhưng nếu các phương tiện này không tác động thì hãy thả mặc nó, “hãy ném tâm hồn mình vào bóng tối dày đặc”. Hãy mở rộng vòng ôm hoặc để cho nỗi buồn nỗi chán luôn lớn hơn các bạn ôm lấy mình. Hiển nhiên, các bạn sẽ nghẹt thở trong những vòng ôm này, nhưng hãy gắng chịu đựng hết mức có thể rồi sẽ đỡ hơn. Cái chính là đừng nghĩ các bạn sơ suất ở đâu đó để sửa chữa lỗi lầm. Không, như nhà thơ đã nói: “Hãy tin vào nỗi đau của mình”. Những vòng ôm tai hại khủng khiếp này không phải là sai lầm. Và tất cả những gì khiến các bạn lo lắng cũng vậy. Hãy luôn nhớ rằng trên thế giới này không có vòng ôm nào mà rốt cuộc không mở ra.

Nếu các bạn thấy tất cả những điều tôi nói đây đều ảm đạm, các bạn không hiểu ảm đạm là gì. Nếu các bạn coi chúng là không đáng kể, tôi hy vọng thời gian sẽ chứng minh các bạn đúng. Nếu các bạn coi chúng là không thích hợp cho một sự kiện trọng thể thế này, tôi không đồng ý với các bạn.

Tôi sẽ đồng ý, việc các bạn có mặt ở đây là một sự kiện đáng đánh dấu, nhưng nó đánh dấu sự rời đi của các bạn. Sang ngày mai các bạn sẽ không ở đây nữa vì cha mẹ các bạn chỉ trả tiền cho bốn năm học, không thừa một ngày. Do đó các bạn sẽ còn phải đi tiếp đến một nơi khác, xây dựng sự nghiệp, kiếm tiền bạc, lập gia đình, đón nhận số phận duy nhất của mình. Mà ở cái nơi khác ấy, dù là giữa trăng sao, tại các vùng chí tuyến hay ở Vermont kể bên sẽ chẳng ai hay biết gì về buổi lễ hôm nay trên bãi cỏ ở Darmouth này. Thậm chí còn không thể chắc là âm thanh dàn nhạc của các bạn vọng đến được White River Junction (một khu dân cư ở Vermont).

Các bạn, những học sinh ra trường năm 1989, sẽ rời khỏi nơi này. Các bạn sẽ bước vào một thế giới dân cư đông đúc hơn chốn hẻo lánh này; ở đó các bạn

sẽ được chú ý ít hơn bốn năm học vừa qua. Các bạn hoàn toàn được bộc lộ mình. Nếu nói về giá trị bản thân, các bạn có thể nhanh chóng đánh giá được khi so sánh con số 1.100 các bạn với 4,9 tỷ người trên thế giới. Do đó trong sự kiện này nên khôn ngoan, biết điều là hợp, như tiếng kèn đồng vậy.

Tôi không chúc các bạn gì cả, ngoài hạnh phúc. Nhưng sẽ có rất nhiều những giờ khắc tăm tối, và tệ hơn nữa là chán chường, sinh ra bởi hoàn cảnh bên ngoài cũng như bởi chính đầu óc của các bạn. Các bạn sẽ phải tìm cách chống lại nó để đứng vững; đó là điều tôi đang gắng giúp các bạn tại đây bằng chút sức lực nhỏ nhoi của mình, dù hiển nhiên thế vẫn là không đủ.

Bởi vì trước mặt các bạn là một chuyến viễn du quan trọng nhưng mệt mỏi; có thể nói hôm nay các bạn đã ngồi lên một chuyến tàu chạy không có lịch trình. Không ai có thể nói cái gì đang chờ đón các bạn ở phía trước, những người ở lại phía sau còn ít hơn. Nhưng điều duy nhất họ có thể làm bạn tin là chuyến đi này một chiều. Vì thế hãy gắng tìm được điều an ủi từ ý nghĩ rằng dù ga này hay ga khác có khó chịu đến đâu chăng nữa, tàu dừng lại ở đấy không phải là vĩnh viễn. Vì thế các bạn không bao giờ bị kẹt lại - ngay cả khi các bạn thấy dường như mình bị mắc kẹt; chỗ đó hôm nay trở thành quá khứ của các bạn. Từ nay nó sẽ ngày càng nhỏ dần đối với các bạn, bởi vì chuyến tàu này chuyển động không ngừng. Nó sẽ ngày càng nhỏ dần đối với các bạn, ngay cả khi các bạn thấy dường như mình bị kẹt lại... Vì thế hãy nhìn nó lần cuối, khi mà nó còn nguyên những dáng nét bình thường, khi mà nó chưa là tấm ảnh. Hãy nhìn nó với tất cả sự dịu dàng mà các bạn có thể, bởi vì các bạn đang nhìn quá khứ của mình. Hãy nhìn thẳng vào điều tốt nhất, nếu có thể nói vậy. Bởi vì tôi không chắc một khi nào đó các bạn sẽ cảm thấy tốt hơn ở đây.

NGÂN XUYÊN dịch theo bản tiếng Nga.
Tạp chí Znamya, số 4/1996

Những bài thơ thời trẻ của Joseph Brodsky

Định nghĩa thơ

Tưởng nhớ Federico Garcia Lorca

*Có một truyền thuyết nói rằng,
trước khi bị bắn ông đã thấy
mặt trời lên trên đầu những người lính
và ông nói: “Dù sao mặt trời vẫn mọc”
có thể đó là câu mở đầu của bài thơ*

Ghi nhớ khung cảnh

phía ngoài cửa sổ căn buồng của phụ nữ
phía ngoài cửa sổ căn hộ của người thân
phía ngoài cửa sổ phòng làm việc của đồng nghiệp

Ghi nhớ khung cảnh

phía sau ngôi mộ của những người đồng đạo.

Ghi nhớ,

tuyết chậm chậm rơi
khi người gọi ta đến với tình yêu

Ghi nhớ bầu trời

nằm trên đường nhựa ướt,
khi người nhắc tình yêu đối với người thân.

Ghi nhớ,

những dòng nước mưa ngoằn ngoèo mặt kính
làm lệch kích thước tòa nhà
khi người nói rõ cho ta những việc ta phải làm.

Ghi nhớ,

những cánh tay thẳng sau cùng
giang cây thập tự
trên đất đai không cửa không nhà.

Đêm trăng
nhớ cái bóng đổ dài
của cây hay của người
Đêm trăng
nhớ những con sóng nặng nề trên sông
lấp lánh như nếp gấp của những chiếc quần sờn rách.
Rạng ngày
nhớ con đường trắng
mà đội áp giải hất đi
nhớ,
mặt trời mọc lên
trên gáy của những người áp giải xa lạ

1959

Cô đơn

Khi ý thức mệt mỏi của bạn
mất cân bằng
Khi những bậc cầu thang này
lung lay dưới chân
như boong tàu
Khi sự cô đơn trong đêm của bạn
khắc nhõ vào loài người

bạn có thể
nghĩ về vĩnh hằng
và hoài nghi sự trinh khiết
của các tư tưởng, giả thiết, cảm nhận
tác phẩm nghệ thuật
và cả sự hoài thai
của Chúa hài đồng

Nhưng tốt hơn là chấp nhận hiện hữu này
với những nắm mồi sâu của nó
về sau qua bao tháng bao năm
chúng dường như trở nên đáng yêu.
Vâng.

Tốt hơn là chấp nhận hiện hữu này
với những con đường ngắn của nó
về sau chúng sẽ hiện ra trước bạn
rộng rãi đến lạ lùng
đường như lớn hơn
đầy bụi
đầy những sự nhượng bộ
đường như đôi cánh lớn
đường như con chim lớn.

Vâng. Tốt hơn là chấp nhận hiện hữu này
với những thước đo tiêu vẹo của nó
về sau chúng sẽ trở thành
những tay vịn cho bạn
(dù là không sạch lắm)
giữ cho thăng bằng
những chân lý khắp khiêng của bạn
trên cầu thang lung lay này.

1959

Những hòn đá trên đất

Bài thơ này nói về những hòn đá nằm trên đất
những hòn đá bình thường một nửa bị mặt trời che khuất
những hòn đá bình thường màu xám
những hòn đá bình thường - những hòn đá không ghi gì cả.

Những hòn đá in dấu bước ta đi
trắng lên dưới mặt trời, còn trong đêm tối
giống như những mắt cá lớn
những hòn đá xoay bước ta đi -
những hòn đá mài vĩnh cửu của bánh mì vĩnh cửu.

Những hòn đá in dấu bước ta đi,
giống như nước đen - những hòn đá xám,
những hòn đá quàng trên cổ người tự tử,
những hòn đá quý bị trí khôn ngoan mài nhẵn.

Những hòn đá trên ghi hai chữ “tự do”.
Những hòn đá một hôm được lát thành đường.
Những hòn đá được xây thành tù ngục,
hay những hòn đá nằm bất động,
giống những hòn đá không gọi liên tưởng gì.

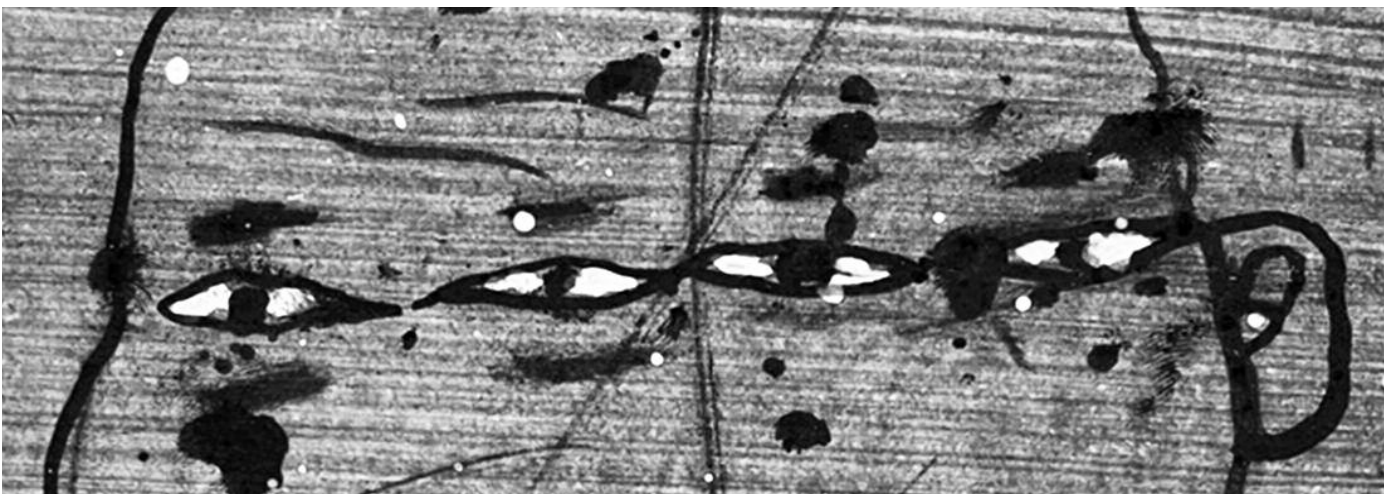
Vậy đấy,
những hòn đá nằm trên đất,
những hòn đá bình thường gọi nhớ chỏm đầu,
những hòn đá bình thường - những hòn đá không ghi gì cả.

1959

Thơ về những nhạc công mù

Những người mù lang thang
trong đêm
Đêm đi qua quảng trường
dễ hơn.

Những người mù sống
mò mẫm,
sờ soạn thế giới bằng tay
không biết ánh sáng và bóng tối
chỉ cảm được đá:
đá xây thành tường.
Sống sau những bức tường là đàn ông.
Phụ nữ.
Trẻ con.
Tiền bạc.
Vì thế
chúng bền vững
tốt nhất là đi vòng qua
những bức tường.
Còn âm nhạc
mục thối trong đó.
Đá hấp thu nhạc.
Và âm nhạc
chết trong chúng



vì bị những bàn tay túm lấy.
Chết thắm trong đêm.
Chết thắm
mò mẫm.

Thế nên người mù xin kiếu...
Người mù đi
qua quảng trường

Võ sĩ giác đấu

Xin giã từ.
Xin hẹn gặp nhau dưới mộ.

Thời gian của chúng tôi đang đến gần.
Còn gì nữa đây?

Chúng tôi đã không thắng
Chúng tôi đang chết trên vũ đài.
Thế càng hay.
Chúng tôi sẽ không bị hói đầu
vì phụ nữ, vì say sưa.

... Bầu trời trên Coliseum
vẫn xanh màu xanh
như trên trời quê hương
buổi sáng chúng tôi ra đi
vì lẽ phải
cũng như
vì sự giàu có của người La Mã.

Vả chăng,
chúng tôi không bức tức.
Bức gì mới được chứ?
Đơn giản, rõ ràng
đấy là số phận
giáng xuống chúng tôi...

Thời gian của chúng tôi đang đến gần.
Mọi người đã tản đi.
Chúng tôi đang chết trên vũ đài.

Mọi người muốn cảnh tượng ấy.

Bài ca về tự do

Tặng Bulat Okudzhava

Ôi tự do, ôi tự do.
Người là mùa thứ năm của năm.
Người là chiếc lá trên cành thông.
Người là ngày thứ tám của tuần lễ.
Ôi tự do, ôi tự do.
Tôi có một bản khoăn:
vì sao trên đời không có nhà máy
sản xuất ra tự do?
Thậm chí nếu như nhà khoa học cho rằng
tự do được làm bằng chữ cái đen
thì chúng ta cũng không đủ giấy trắng.
Không có tự do, dù có gắng làm bao nhiêu.
Vì sao chim bay được trên trời?

Có lẽ đó là thói quen của nó.
Vì sao trên đời không có nhà máy
sản xuất ra tự do?
Thậm chí nếu nhà triết học cho rằng, tự do được làm bằng chúng ta,
những phế liệu
thì vẫn không đủ bình đẳng và bác ái,
để tập hợp vào trong một phòng.
Vì sao cá không chìm dưới biển?
Có lẽ có sai lầm nào chăng?
Vì sao cái có thể với cá và chim
lại phức tạp với người bình thường?
Ôi tự do, ôi tự do.
Người không thành một được
để chúng tôi cỡi ra, mặc vào
khi đi dạo, khi ngồi yên.
Vì sao đám mây mưa
Có chỗ trú xuống?
Vì sao trên đời không có nhà máy
Sản xuất ra tự do?
Ôi tự do, ôi tự do.
Người có thời tiết của mình.
Người có khí hậu đồng đánh.
Người đang đến nhưng không được chấp nhận.

1965

NGÂN XUYỀN dịch từ nguyên bản tiếng Nga

Bên lề bản thảo

Một câu chuyện như thế nào mới là câu chuyện của Trung Quốc?

Hiện nay rất nhiều tác phẩm nghệ thuật, bao gồm cả các tác phẩm văn học, có khá nhiều sự thể hiện của văn hóa Trung Quốc. Nhưng đó đều là những cái có từ đời Minh, Thanh trở về sau này, trong khi thời kỳ Minh, Thanh lại là thời kỳ suy bại của xã hội Trung Quốc, chứ không phải thời kỳ lớn mạnh và hưng thịnh của xã hội Trung Quốc.

Những cái như quyền cước, đèn lồng, múa sư tử, ăn sủi cảo, múa rối bóng..., chỉ là một số nhân tố trong văn hóa Trung Quốc, chỉ là những thứ nông, mỏng, vụn vặt, bề ngoài, nhân tố không phải là điển hình.

Văn hóa Trung Quốc nhất định phải tìm đến được cái tinh túy, cái căn bản của văn hóa Trung Quốc.

Tỉ như, lịch mặt trăng và sự hình thành lên âm dương ngũ hành trong văn hóa Trung Quốc, là cách nhìn của dân tộc Trung Hoa đối với vũ trụ tự nhiên, đối với sự sống. Những cách nhìn này đã hình thành nên phương thức tư duy của dân tộc Trung Hoa thế nào, và quan điểm triết học của nó ra sao? Ví dụ như Nho giáo, Thích giáo, Đạo giáo của Trung Quốc, Đạo thì nói về thiên nhân hợp nhất, Thích thì nói về sự chuyển hóa của tâm, Nho thì nói về tu dưỡng đối với bản thân và trung dung trong việc xử thế. Ba tôn giáo này đã ảnh hưởng đến sự cấu thành và vận hành xã hội của Trung Quốc như thế nào?

Tỉ như, trừ Nho, Thích, Đạo ra, trong dân gian Trung Quốc đồng thời cho rằng vạn vật hữu linh, và kính sợ trời. Những cái điển hình, những cái hạt nhân này trong văn hóa Trung Quốc, mới hình thành nên tư duy và tính cách của người Trung Quốc. Nó trọng chính thể, trọng hỗn độn, trọng tượng hình, trọng đạo đức, trọng quan hệ, trọng trật tự. Đi sâu vào tìm hiểu những cái này, mới có thể nhìn rõ được xã hội Trung Quốc, mới có thể hiểu được rất nhiều sự tình phát sinh ra trong xã hội ấy.

Lối tư duy, tính cách, tôn giáo và triết học ấy của người Trung Quốc đã tiến lên một bước ảnh hưởng và đi liền với thẩm mỹ của người Trung Quốc, hình thành nên một đặc điểm riêng của nó, khác hẳn so với phương Tây. Từ lâu tôi

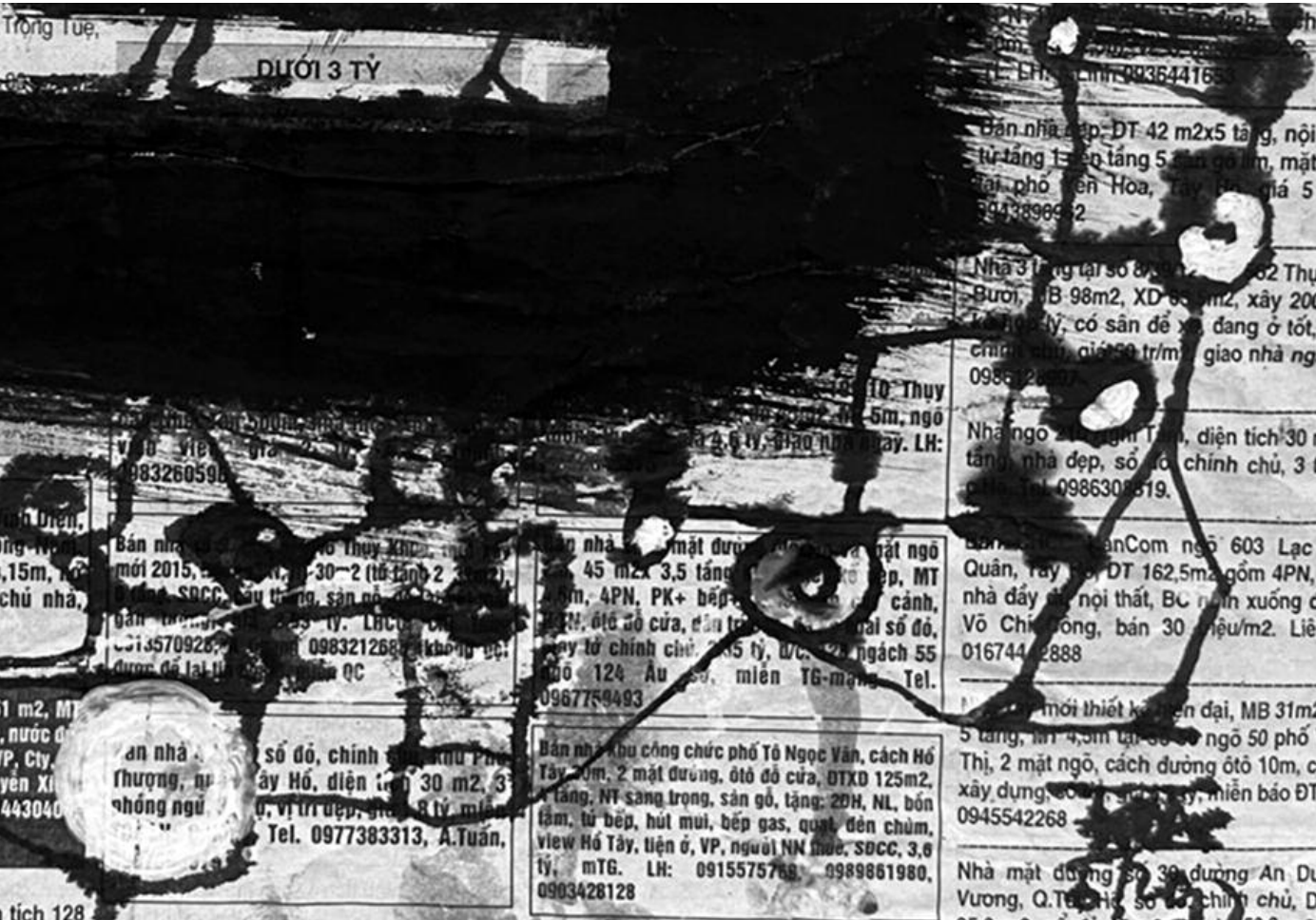
đã từng nói, sáng tác của chúng ta, ở cảnh giới của tác phẩm phải học tập của phương Tây, ở tầm nhìn của tác phẩm phải nhìn rõ được cái chủ lưu của toàn nhân loại, nhưng ở hình thức biểu hiện của tác phẩm lại bắt buộc phải là thứ của dân tộc Trung Hoa.

Tôi xin lấy một ví dụ, khi chúng ta chưa đi máy bay, chúng ta cho rằng trời có râm có tạnh, trăng có khuyết có tròn, mây có tan có tụ. Nhưng khi chúng ta đi máy bay rồi, mới phát hiện ra rằng phía trên những tầng mây đều là ánh nắng mặt trời, xuyên qua bất cứ một đám mây nào, bất kể đám mây ấy có gây ra mưa hay là mưa đá sấm chớp hay gì, thì khi xuyên qua rồi, cũng đều là ánh nắng mặt trời. Giả như coi ánh nắng mặt trời ấy là điểm chung của cả nhân loại, thì tác phẩm của chúng ta nhất định phải xuyên qua những đám mây để đến được tận nơi có ánh nắng mặt trời. Và đồng thời, chúng ta đều tồn tại dưới một đám mây nào đó, dẫu cho đám mây ấy đang đổ mưa, hay sa băng đá, chúng ta cũng không cần phải từ dưới đám mây này, chạy sang dưới một đám mây khác, mà hãy từ dưới đám mây ấy nỗ lực xuyên qua nó để đến nơi có ánh nắng mặt trời.

Đám mây ấy là môi trường sống của chúng ta, xuyên qua nó, lại là hình thức thể hiện của chúng ta. Để xuyên qua tầng mây của chúng ta, tôi cũng đã từng đem hý kịch của chúng ta so sánh với kịch nói của phương Tây, đem tranh thủy mặc của chúng ta so sánh với tranh sơn dầu của phương Tây, đem Trung y của chúng ta so sánh với Tây y. Hý kịch thì tả ý nhiều hơn, còn kịch nói thì tả thực nhiều hơn. Tranh thủy mặc thì đường nét nhiều hơn, tranh sơn dầu thì mảng miếng nhiều hơn. Trung y thì tổng hợp là nhiều hơn, còn Tây y thì phân tích lại nhiều hơn. Tôi nói những điều này, đại khái ý là: trong khi đọc và hiểu những câu chuyện của Trung Quốc, không những phải nhìn thấy câu chuyện ấy có truyền kỳ không, có náo nhiệt không, có tuyệt vời không, mà quan trọng hơn phải xem câu chuyện ấy được kể thế nào, xem tư duy, phương pháp, ngôn ngữ của nó có phải là kiểu Trung Quốc hay không.

Chuyện ếch

Muôn vật trên đời này đều chia ra âm dương; loài ếch thuộc về dương, nó từ dưới nước đi lên. Đầu tiên là ở dưới ao chuôm hay kênh rạch có một đám đính nhơm nhớp nổi lên, bên trong có những cái đốm đen. Những đốm đen ấy lớn dần lên, mọc ra một cái đuôi, bèn bơi theo lũ cá. Nó nghĩ rằng nó cũng là cá, cứ bơi, cứ bơi, rồi một ngày nó bơi rơi cả đuôi, từ dưới nước trèo lên trên bờ.



Có loài vật luôn nghi hoặc về xuất thân của mình: một loài là bướm bướm, vốn chỉ bò trên mặt đất, làm sao lại bay vút được lên không trung? Một loài là ếch, vì sao nó vừa có thể ở dưới nước, lại có thể ở trên cạn? Bướm bướm không thốt một lời, cả đời đi tìm kiếm xem bông hoa nào là kiếp trước của nó. Còn ếch thì chỉ biết kinh ngạc kêu lên: Ộp! Ộp! Ộp! Tiếng kêu của nó đã thành cái tên ếch ộp của nó.

Ếch là con vật mà người ta trước nay chưa từng thuần dưỡng, nhưng lại chưa từng rời xa khỏi con người. Nó và chim én cùng xưa cũ như nhau, nhưng chim én là loài vật báo tin xuân, được ở thoải mái trên mi cửa hay trên xà nhà của người ta. Còn ếch thì vĩnh viễn ở bên bờ nước hay ngoài đồng nội, chăm chú vào việc ăn, ăn cho lớn căng tròn cái bụng lên, thì lại sinh sản.

Khoảng cách giữa hai con mắt của ếch rất rộng, tựa hồ có con mắt mọc ngay trước trán, có con mắt lại mọc ở hai bên trán, vừa to vừa tròn, không khép mi. Tiếng kêu kinh ngạc lúc nó vừa sinh ra, về sau có thể vì trông thấy

quá nhiều những chuyện xấu xa và những điều chẳng lành ở dưới ao ngòi hay trên mặt đất, tiếng kêu kinh ngạc ấy bèn trở thành chất vẩn, rồi tiến triển thành thổ lộ, bèn suốt ngày đêm ộp ộp không nghỉ. Càng chất vẩn lại càng thổ lộ, nảy sinh ra tức giận và chí khí, dưới cổ nó liền có một cái túi khí lớn. Thời Xuân Thu, Việt vương Câu Tiễn bị nước Ngô đánh bại, khi được tha cho về, trên đường đi trông thấy một con ếch, bèn xuống xe kính cẩn vái chào, nói: “Nó cũng là kẻ có chí khí chẳng?” Rồi lập chí rửa nhục, sửa đức rèn quân, cuối cùng trở thành một trong ngũ bá đời Xuân Thu.

Dùng từ đồng âm là một kiểu tư duy độc đáo riêng có của dân gian Trung Quốc: từ con dơi có thể liên tưởng đến Phúc; từ “có cá” có thể liên tưởng đến “có dư”, thậm chí trong rất nhiều đồ án của các loại hình nghệ thuật như thêu thùa, cắt giấy, khắc đá, hình tượng của Nữ Oa được thể hiện bằng một con ếch. Trong tên tôi có một chữ Ao, đồng âm với chữ Oa là ếch, nên rất thích ếch, vì thế trong nhà tôi sưu tầm đủ các kiểu, các loại ếch: ếch đá, ếch nước, ếch gốm, ếch ngọc, ếch sứ... Đến khi sưu tầm được càng ngày càng nhiều rồi, thì tôi phát hiện bắp chân mình cũng nhỏ đi, còn bụng thì ngày một dần to tròn lên. Tôi đùa rằng mình cũng đã biến thành một con ếch rồi, một con ếch biết viết lách.

Có lẽ tiếng ếch kêu hơi nhiều một chút, nên tiếng kêu ấy giúp một số người nghe xong thì thấy thư thái, nhưng cũng khiến một số người nghe xong lại thấy ớn lạnh. Mao Trạch Đông từng viết một bài thơ về ếch rằng: “Bên ao độc tọa tựa hùm ngồi; Di dưỡng tinh thần dưới bóng cây. Xuân đến tứ cò còn chưa cất tiếng; Côn trùng nào dám thốt lên lời?”. Nhưng cũng có lúc ếch không kêu; nếu nó không kêu, thế giới này mới trống vắng và đáng sợ. Tôi từng thấy ở làng quê tỉnh Quảng Tây người ta dùng ếch để chống trộm: họ bỏ ếch vào những cái hũ sành có đục lỗ thủng, để ở bốn góc sân. Đến tối, chủ nhân cứ việc yên giấc trong tiếng ếch kêu. Nếu đột nhiên không thấy tiếng ếch kêu nữa, chủ nhân liền vội vã chạy ra kiểm tra, ắt quả nhiên có trộm len vào sân rồi.

Tuy có câu chuyện đồng thoại về Hoàng tử ếch, nhưng cũng có câu chuyện cười “cóc ghê đòi ăn thịt thiên nga”. Ếch thực sự là có bộ dạng xấu xí, mắt lồi, miệng rộng, hơn nữa lại còn chân ngắn tay ngắn, di chuyển bằng cách nhảy, nhảy một cái lại xa một chút, nhảy một cái lại xa một chút. Nhưng tôi cuối cùng cũng đã đọc được trong một cuốn sách cổ, trong đó có viết rằng: thiềm thừ, cóc ghê đều là một cách gọi khác của ếch, lại còn viết tên của Hằng Nga vốn là “Hằng Ngã”, rằng: “Xưa, Hằng Ngã lấy trộm thuốc bất tử của Tây Vương mẫu uống rồi chạy lên mặt trăng. Trước khi chạy đi, đến chỗ họ Hữu Hoàng để bói. Hữu Hoàng xem xong, bảo: Quẻ tốt. Cô em hối hả, một mình sang tây. Gặp trời tối tăm, chớ kinh chớ sợ, sau sẽ đại cát!” Hằng Ngã bèn thác thân lên mặt trăng, làm con Thiềm thừ.

A ha! Ếch là do mỹ nhân hóa thành, nó mãi trường sinh, nó là mặt trăng trong đêm tối.

Mắt

Vừa mở cửa sổ, thì trên trời có một chiếc máy bay bay ngang qua. Thế là gió làm nổi sóng, mây cũng cuộn bay, tựa như diễn một vở kịch, mô phỏng lại tất cả những cái hoang đường và quỷ quyết trên cuộc đời. Những ngôi sao còn nhấp nháy chút ánh tàn kia, bèn thấp thỏm không yên, cuối cùng đều đổ bệnh, tối đi, rơi xuống.

Ngon tháp trên hẻm núi xa dần dần hiện rõ, dường như có tiếng chuông gió thì phải, vắng đến chỉ là tiếng một đàn quạ, đang quạt đôi cánh rào rào.

Những căn nhà cái cao cái thấp men theo chân núi thò ra thụt vào, tùy chỗ mà thành hình, sắc nét mới tinh, bộ mặt con phố nhỏ này liền trở nên chật chội. Cây tùng già trên vách đá cao vút ấy, vốn như một cái đình nhỏ, bây giờ từng lượt từng lượt lá như những cái kim đều đã vươn trở ra, tựa hồ mang đẩy trên mình những mũi tên.

Nhà nhà bắt đầu nổi lửa nấu ăn rồi. Khói từ những cái ống khói tỏa ra. Từng cuộn từng cuộn khói đen bốc lên như mất hồn.

Một bức tường, kỳ thực là một cổng tam quan, mái đao vươn lên rất cao, lúc nào cũng như muốn được bay lên, nhưng rốt cùng vẫn cứ đứng yên ở đó. Cái bóng ở phía tây gầy dài thườn thượt, rồi dần co lại, co đến dưới chân cột, như một cái áo rách ném đi, hay là một con chó đang nằm.

Bên cạnh quảng trường chéo phía trước mặt, một dòng nước đột nhiên tuôn ra khỏi góc vách núi từ trên cao đổ xuống. Nước cũng đến giống như một cây gậy bạc cắm xuống dưới cái vực nước phía dưới. Có con gà uống nước ở đó, một đứa bé cũng tập tà tập tễnh đến đó uống nước. Nó cầm một cái bát để hứng, nước đổ vào bát lại chạy vọt ra, chẳng làm sao mà hứng được.

Sương mù xám ngoét đã từ trên đỉnh núi chảy tràn xuống, chảy một cách tự do không có gì níu giữ, chớp mắt đã ngã sóng xoài chỗ khúc đường cua, rồi lại trở dậy thành một làn hơi trắng, bắt đầu vọt lên rất nhanh. Có người uống rượu say, là lướt như một bóng ma, tự nói một mình. Nhưng, trong làn hơi sương trắng vẫn về đến được nhà mình, không hề vào nhầm nhà ai.

Trước cửa ngôi nhà dưới mái hiên có treo lá phướn bán hàng, người đàn bà đã đóng xong những tấm ván cửa lên, bắt đầu gầy cái lò nhỏ, vừa nhìn ra con phố ghép bằng những phiến đá ướt lướt thướt, vừa ninh thuốc.

Một người kẹp cái ví da dưới nách đã đứng trên bậc thềm dưới lầu, cầm một tờ giấy, đang nói với chủ quán: Đây là công văn từ Bắc Kinh gửi xuống tỉnh, rồi từ tỉnh gửi về huyện, huyện yêu cầu các anh chị phải học tập cho kỹ. Chủ quán vừa vâng dạ, vừa nhắm nước bọt, quệt vào bốn góc tờ giấy, rồi dán thẳng lên trên cửa.

Cửa sổ đóng lại rồi, cánh cửa đang bạc màu: từ sáng bóng thành xám, từ xám thành đen, đều là vì đêm tối. Tắt đèn rồi, đèn tắt khiến căn buồng trở nên trống rỗng mênh mông trong đêm tối. Trong cái trống rỗng mênh mông, vẫn có ánh sáng và bụi bặm, vi khuẩn và vi rút. Lấy hết sức phúi đập một lúc, thì không còn bất cứ vết tích gì lưu lại nữa.

Đột nhiên cái điện thoại để trên mặt bàn vừa kêu vừa rung lên bần bật, tựa như một con ve sầu bị giữ chặt rồi vẫn còn giãy giụa. Trên màn hình điện thoại hiển thị tên của một người bạn châu Âu.

Thôi cứ ngồi xuống đi. Ngồi rất lâu trước gương, trong gương là tôi.

Tối hôm qua tôi đã từ thành phố đi đến một thị trấn nhỏ ở nằm sâu trong dãy Tần Lĩnh, cả ngày ở lì trong cái khách sạn hai tầng lầu này. Vô cùng buồn chán, tôi nhìn xem tất cả mọi thứ ở đây. Tất cả mọi thứ ở đây có nhìn tôi hay không? Tôi biết, chỉ có tôi nhìn thấy được chúng, và được chúng nhìn thấy, thì tôi mới có thể nhìn đến yêu thương những cái mà mình muốn nhìn như thế.

CHÂU HẢI ĐƯỜNG dịch

(Theo "Tình tuyển Tản văn Trung Quốc 2020")

Lời người dịch

Mùa xuân năm 1934, một thanh niên muốn thành nhà văn đã đi nhờ tàu xe đến Florida để gặp thần tượng của mình là nhà văn Ernest Hemingway.

Đó là Arnold Samuelson, chàng trai hai mươi hai tuổi thích phiêu lưu, sinh ra ở Bắc Dakota trong một gia đình bố mẹ là người Na Uy nhập cư. Samuelson đã hoàn thành chương trình báo chí tại Đại học Minnesota nhưng không chịu trả phí 5\$ để nhận bằng. Sau khi rời trường, muốn chu du khắp nước, anh đã cho cây vĩ cầm vào ba lô và cưỡi chiếc xe đạp cũ nát đến California. Dọc đường anh viết những câu chuyện về chuyến đi của mình và gửi cho tờ *Sunday Minneapolis Tribune*.

Tháng 4-1934, Samuelson trở lại Minnesota, nơi anh đọc được truyện ngắn *One Trip Across* của Hemingway đăng trên tờ *Cosmopolitan*. Truyện này về sau trở thành một phần trong cuốn tiểu thuyết thứ tư của Hemingway là *To Have and Have Not*. Samuelson đọc xong truyện bị ấn tượng đến mức quyết định đi hai ngàn dặm đến gặp Hemingway để xin ông lời khuyên viết văn. “Đó quả là một việc điên rồ”, Samuelson sau này viết, “nhưng một gã trai hai mươi hai tuổi lang thang trong cuộc Đại Suy Thoái chẳng cần phải có nhiều lý do cho những việc anh ta làm.”

Thế là vào cái mùa trong năm khi phần lớn những kẻ đi rong tiến lên phía Bắc thì Samuelson hướng về phía Nam. Anh tìm đường đến Florida rồi nhảy lên một chuyến tàu hàng từ đất liền chạy tới Key West. Ngồi trên nóc toa hàng, Samuelson không thể nhìn thấy đường sắt ở phía dưới, chỉ thấy hàng dặm nước trôi vụt qua khi đoàn tàu rời đất liền. “Nó chạy thẳng về phía Nam dọc theo những cây cầu dài bắc giữa những hòn đảo nhỏ và cuối cùng ra thẳng đại

duyên,” Samuelson viết. “Bây giờ thì không được thế nữa vì các đường ray đã bị bóc đi, nhưng hồi đó chuyện này thật sự đã xảy ra, cứ như trong một giấc mơ.”

Khi Samuelson đến được Key West, anh mới biết vào thời gian này thời tiết ở đây đặc biệt khắc nghiệt. Phần lớn các nhà máy thuốc lá phải đóng cửa, nghề câu cá bị lao đao. Đêm đó anh ngủ trên bến rùa, dùng ba lô làm gối. Làn gió biển khiến lũ muỗi bay xa. Vài giờ sau, một cảnh sát đánh thức anh dậy bắt vào ngủ trong chuồng bò của nhà tù thành phố. Samuelson viết: “Tôi bị bắt hàng đêm và được thả ra mỗi sáng để xem tôi có thể tìm đường ra khỏi thị trấn hay không.” Sau đêm đầu tiên trong nhà tù đầy muỗi, anh liền đi tìm vị cư dân nổi tiếng nhất vùng này.

“Khi tôi gõ vào cánh cửa trước ngôi nhà của Ernest Hemingway ở Key West, ông bước ra và đứng nghiêm nghị trước mặt tôi, chừng như khó chịu vì bị quấy rầy, chờ tôi lên tiếng. Tôi không biết nói gì với ông. Tôi không nhớ được lời nào mình đã sắp sẵn định nói. Ông người to cao, hông hẹp, vai rộng, đứng hai chân mở rộng, hai tay buông thõng. Ông hơi rướn người về phía trước, dồn sức nặng vào các ngón chân, trong tư thế bản năng của một võ sĩ quyền Anh sắp ra đòn.” (Hồi ký)

“Anh muốn gì?”, Hemingway hỏi. Sau một phút lúng túng, Samuelson giải thích cho ông biết mình đã vượt một chặng đường dài từ Minnesota đến đây gặp ông. “Tôi đã đọc truyện *One Trip Across* của ông trên tờ *Cosmopolitan*. Tôi thích nó đến nỗi phải tìm gặp được ông để nghe ông trò chuyện.” Hemingway dường như dịu lại. “Quý tha ma bắt, sao anh không nói rằng anh chỉ muốn nhai mỡ thôi? Tôi đã nghĩ là anh muốn đến thăm tôi.” Hemingway bảo với Samuelson là ông đang bận, nhưng mời anh quay lại vào lúc một giờ rưỡi chiều hôm sau. Năm đó Hemingway 35 tuổi.

Sau một đêm nữa trong tù, Samuelson trở lại nhà Hemingway và thấy ông đang ngồi dưới bóng râm ở hàng hiên phía Bắc, mặc quần kaki và đi đôi dép trong phòng ngủ. Ông đang uống một ly rượu whisky và đọc tờ *New York Times*. Hai người bắt đầu nói chuyện. Khi ngồi tại hiên nhà đó, Samuelson nhận thấy Hemingway đang giữ một khoảng cách an toàn với anh: “Bạn đang ở tại nhà của ông ấy nhưng không phải là ở trong đó. Gần giống như nói chuyện với một người trên phố vậy”. Họ bắt đầu nói về truyện ngắn đăng trên tờ *Cosmopolitan*, rồi Samuelson đề cập đến những nỗ lực thất bại của anh trong việc viết tiểu thuyết. Hemingway đưa ra một số lời khuyên.

“Điều quan trọng nhất tôi học được về việc viết là đừng bao giờ viết quá nhiều một lúc”, Hemingway nói, gõ nhẹ ngón tay vào tay tôi. “Đừng bao giờ bơm cạn hết mình. Hãy để lại một ít cho ngày sau. Cái chính là biết khi nào dừng lại. Đừng đợi khi đến khi anh đã viết cạn kiệt mình. Khi anh đang viết ngon trớn, viết đến chỗ hay, và biết cái gì sẽ xảy ra tiếp, đó là lúc nên dừng lại. Khi đó cứ để nó một mình đấy, đừng nghĩ gì về nó cả; hãy để tiềm thức của anh làm việc.”

Sáng sau, khi anh đã có một giấc ngủ ngon và cảm thấy tỉnh táo, hãy viết lại những cái anh đã viết ngày hôm trước. Khi anh viết đến chỗ hay và biết tiếp theo là gì, hãy đi tiếp từ đó và dừng lại ở một cao trào khác. Như vậy, khi anh kết thúc, tác phẩm của anh sẽ đầy những chỗ hay và khi anh viết một cuốn tiểu thuyết anh sẽ không bao giờ lâm ngõ cụt và sẽ làm cho nó trở nên thú vị trong quá trình viết.” (Hồi ký)

Hemingway khuyên Samuelson tránh các nhà văn hiện thời mà nên tranh đua chỉ với các nhà văn đã chết vì tác phẩm của họ đã chịu được thử thách của thời gian. “Khi anh vượt qua họ, anh biết mình đang tiến triển tốt.” Ông hỏi Samuelson thích những nhà văn nào. Samuelson nói anh thích *Kidnapped* của Robert Louis Stevenson và *Walden* của Henry David Thoreau. “Thế anh đọc *Chiến tranh và Hòa bình* chưa?” Hemingway hỏi. Samuelson nói chưa. “Đó là một cuốn sách hay khủng khiếp. Anh cần phải đọc nó. Vào phòng viết của tôi và tôi sẽ lên cho anh một danh sách những sách cần phải đọc.”

“Phòng viết của ông là một nhà để xe ở phía sau nhà. Tôi theo ông lên một cầu thang phía ngoài đi vào phòng viết, một căn phòng vuông vắn với sàn lát đá, những cửa sổ đóng kín trên ba bức tường, và các kệ sách dài chạy từ dưới cửa sổ xuống tận sàn. Ở một góc có một chiếc bàn cổ to mặt bằng và một chiếc ghế tựa lưng cao. EH (Ernest Hemingway) ngồi vào một chiếc ghế trong góc và chúng tôi đối diện nhau qua bàn. Ông lấy một cây bút và bắt đầu viết trên một tờ giấy trong sự im lặng tôi thấy rất khó chịu. Tôi hiểu mình đang làm mất thời gian của ông nên tôi muốn giải khuây cho ông bằng những câu chuyện đường trường của mình, nhưng nghĩ rằng chúng rất buồn tẻ thế là tôi ngậm miệng. Tôi ở đó để lấy tất cả những gì ông trao và không có gì trao lại.” (Hồi ký)

Hemingway đã viết một danh sách gồm hai tập truyện ngắn và 14 tiểu thuyết đưa cho Samuelson.

Hemingway với lên giá sách của mình lấy một tập truyện ngắn của Stephen Crane đưa cho Samuelson. Ông cũng trao cho anh một bản cuốn tiểu thuyết của mình *Giã từ vũ khí* (*A Farewell to Arms*). “Tôi muốn anh sẽ gửi trả lại nó khi đã đọc xong,” Hemingway nói. “Đây là cuốn duy nhất tôi có trong lần in này.” Samuelson nhận lấy cuốn sách một cách biết ơn và mang về nhà từ buổi tối hôm đó để đọc. “Tôi không muốn ở lại đó một đêm nữa,” anh viết, “chiều hôm sau tôi đã đọc xong *A Farewell to Arms* và dự định bắt chuyến tàu hàng đầu tiên đi Miami. Vào lúc một giờ, tôi mang sách trở lại nhà của Hemingway.”

Khi đến nơi, anh bàng hoàng khi nghe những điều Hemingway nói.

“Tôi có việc muốn bàn với anh. Ngồi xuống đây”, ông nói về suy nghĩ. “Hôm qua sau khi anh ra về, tôi chợt nghĩ là tôi đang cần một người ngủ trên con tàu của tôi. Bây giờ anh có kế hoạch gì chưa?”

“Tôi chưa có kế hoạch gì.”

“Tôi có một con tàu chạy từ New York. Thứ Ba tôi sẽ phải đi đến Miami và đậu nó lại đây, vì vậy tôi muốn có người ở trên boong. Cũng không nhiều việc lắm

đâu. Nếu anh muốn một việc làm thì anh có thể dọn dẹp nó vào các buổi sáng và vẫn có thời gian để viết.” (Hồi ký)

“Thế thì tốt quá ạ”, Samuelson đáp. Khi mọi việc đã sắp xếp ổn định, Hemingway chở chàng trai trở lại nhà tù để lấy chiếc ba lô và cây vĩ cầm. Samuelson nhớ lại cảm giác chiến thắng của mình khi cùng tác giả nổi tiếng quay lại đây lấy đồ. “*Cảnh sát tại nhà tù dường như ngỡ ra trước việc tôi chuyển từ phòng giam đầy muỗi của họ đến nhà của Ernest Hemingway. Họ đã nhìn thấy chiếc xe hơi nhãn Model A của ông đậu bên ngoài đợi tôi. Họ đã thấy tôi bước ra khỏi xe. Họ đã nhìn thấy Ernest đang ngồi sau tay lái chờ và họ không nói được một lời nào.*”

Từ đó bắt đầu cuộc phiêu lưu kéo dài một năm của Samuelson trong tư cách người giúp việc của Hemingway. Với tiền công một đô la một ngày, Samuelson ngủ trong căn phòng rộng 38 foot (gần 13 m²) trên con tàu “Pilar” và luôn giữ cho nó sạch sẽ. Khi Hemingway đi câu hay dong thuyền sang Cuba, Samuelson luôn đi cùng.

Arnold Samuelson đã ghi lại toàn bộ những trải nghiệm với nhà văn lớn trong cuốn hồi ký *With Hemingway: A Year in Key West and Cuba* (Với Hemingway: Một năm ở Key West và Cuba) được con gái ông tìm thấy sau khi ông mất năm 1981 và cho xuất bản năm 1988. Trong một năm đó, Samuelson và Hemingway đã có những cuộc nói chuyện dài về công việc viết văn. Hemingway cũng đã ghi lại việc này trong một bài viết đăng trên tờ *Esquire* (10-1935) mà tôi giới thiệu bản dịch ở đây.

Bài viết của Hemingway nhan đề *Monologue to the Maestro* (Độc thoại với Nhạc Sư). Gọi là độc thoại cho dù bài viết dưới hình thức đối thoại, hỏi đáp giữa hai người. Đây là một hình thức dùng để trình bày tư tưởng của một người, vốn có truyền thống xa xưa ở phương Tây, ví như Plato dùng nó để thể hiện các tư tưởng của Socrates. Trong bài viết của mình, Hemingway vào vai “Your Correspondent” - “Ký giả của bạn”, còn Samuelson vào vai “Mice” - gọi tắt của “Maestro”. Trước khi vào phần đối thoại, Hemingway đã kể lại quá trình gặp gỡ và trò chuyện với Arnold Samuelson. Ông cũng nói rằng những lời khuyên của ông ở đây chỉ đáng giá năm mươi xu thôi khi bạn đang ở tuổi 21, 22.

HÀ YÊN

Độc thoại với nhạc sư

ERNEST HEMINGWAY

Khoảng một năm rưỡi trước, có một thanh niên đến trước cửa ngôi nhà ở Key West và nói rằng anh ta đã đi nhờ tàu xe từ thượng nguồn Minnesota xuống để hỏi ký giả của bạn một số câu hỏi về việc viết văn. Ký giả hôm ấy vừa từ Cuba về, còn phải đi thăm một vài người bạn thân sắp lên tàu sau một giờ nữa và viết mấy bức thư, nghĩ đến viễn cảnh cuộc hỏi chuyện thì vừa hãnh diện vừa hoảng sợ nên bảo anh thanh niên chiều hôm sau hãy đến. Đó là một chàng trai cao người, dáng rất nghiêm nghị, chân tay to và mái đầu cắt ngắn trông như lông nhím.

Có vẻ như suốt cả cuộc đời anh ta đã muốn trở thành nhà văn. Lớn lên tại một trang trại, anh ta đã học xong trung học và Đại học Minnesota, từng làm báo, làm mộc, làm người thu hoạch mùa màng, làm công nhật, đã hai lần đi xuyên nước Mỹ. Anh ta muốn trở thành nhà văn và có những câu chuyện hay để viết. Anh ta kể chúng rất dở, nhưng nếu nghe kỹ thì vẫn thấy có cái gì đó khả dĩ nếu anh ta biết cách. Anh ta coi việc viết văn nghiêm túc đến mức có vẻ như sự nghiêm túc sẽ giúp anh ta vượt qua mọi trở ngại. Anh ta đã giam mình một năm trong căn nhà gỗ mà anh ta dựng lên tại Bắc Dakota và suốt cả năm đó ngồi viết. Anh ta không cho tôi xem bất cứ thứ gì anh ta viết trong khoảng thời gian ấy. Chúng còn dở lắm, anh ta nói.

Tôi nghĩ, điều này có lẽ là do khiêm tốn, cho đến khi anh ta đưa tôi xem một truyện đã đăng trên một tờ báo của Minneapolis. Nó dở kinh khủng. Tuy nhiên, tôi nghĩ nhiều người khi mới viết cũng rất tệ và chàng trai này nghiêm túc như vậy chắc phải có một thứ gì đó; thái độ nghiêm túc đối với nghề văn là một trong hai điều tuyệt đối cần thiết. Điều kia, thật không may, là tài năng.

Ngoài chuyện viết, chàng trai này còn có một ám ảnh khác; anh ta luôn muốn ra biển. Vì vậy, để tiện cho việc học, chúng tôi đã cho anh ta làm công việc của người gác đêm trên thuyền, dành cho anh ta một chỗ ngủ và làm việc, giao cho anh ta dọn dẹp mỗi ngày hai, ba tiếng và còn lại nửa ngày rảnh rang

ngồi viết. Để thỏa ước muốn ra biển của anh ta, chúng tôi hứa sẽ mang anh ta đến Cuba khi đi đến đó.

Anh ta là một người gác đêm xuất sắc, làm việc chăm chỉ trên thuyền cũng như viết lách, nhưng trên biển thì anh ta quả là một tai họa; chậm chạp nơi lẽ ra phải nhanh nhẹn, đôi khi có cảm giác như anh ta phải có bốn chân thay vì hai chân và hai tay, phần khích đến căng thẳng, luôn bị say biển và mắc cái thói nông dân không chịu nghe lời. Tuy nhiên anh ta luôn sẵn sàng và làm việc tích cực nếu như có đủ thời gian cho công việc.

Chúng tôi gọi anh ta là Maestro (Nhạc Sư) vì anh ta chơi vĩ cầm; cái tên này cuối cùng được rút gọn thành Mice (Chuột) và một cơn gió mạnh sẽ thực sự làm chậm sự phối hợp của anh ta đến mức ký giả của bạn đã có lần bảo anh ta, “Mice, cậu chắc chắn sẽ thành một nhà văn khủng bởi vì cậu không làm được gì khác cả.”

Nhưng mặt khác anh ta viết lên tay thấy rõ. Anh ta có thể vẫn thành một nhà văn. Nhưng ký giả của bạn, người đôi khi tính khí nóng nảy, sẽ không bao giờ chìa tay ra nữa cho kẻ đang mong trở thành nhà văn, cũng như sẽ không trải qua một mùa hè nữa ở Cuba hoặc một bờ biển nào khác với làng nhăng những câu hỏi đáp về nghề văn. Nếu có cho nhà văn khởi nghiệp nào nữa lên boong tàu “Pilar” thì thà để cho các phụ nữ xinh đẹp, bởi ít ra họ còn biết phục vụ sấm panh.

Ký giả của bạn thực hành viết văn, khác với những cái viết hàng tháng, rất nghiêm túc; nhưng không thích nói nhiều về nó với hầu hết mọi người đang sống. Bởi đã phải nói về nhiều khía cạnh của nó trong thời gian một trăm mười ngày với lão Maestro hiền lành, mà trong phần lớn thời gian đó, ký giả của bạn đã phải cố nén lắm mới không ném cả cái chai vào mặt Mice mỗi khi anh ta mở miệng đọc những lời đã viết ra, vì vậy chàng đành trình bày ra đây một số lời đã viết đó.

Nếu chúng ngăn được ai khỏi viết văn thì cứ để người đó bị ngăn. Nếu chúng có thể có ích cho ai thì ký giả của bạn vui lòng. Nếu chúng làm bạn chán ngấy thì có đầy tranh ảnh trong các tờ tạp chí bạn có thể mở xem. Ký giả của bạn xin lỗi vì thông tin chứa đựng trong những điều nói đây chỉ đáng giá năm mươi xu khi anh ta ở tuổi 21.

Mice: *Ý ông muốn nói gì khi đối lập viết hay và viết dở?*

Y.C: Viết hay là viết đúng. Nếu một người tạo ra một câu chuyện, nó sẽ đúng tỷ lệ với lượng kiến thức cuộc sống mà hắn có và cách hắn nhận thức về nó; vì vậy khi hắn nghĩ ra cái gì đó thì phải sao cho nó như là thực. Nếu hắn không biết bao người suy nghĩ và hành động ra sao thì may mắn có thể cứu hắn được một thời gian, hoặc hắn có thể viết truyện hoang tưởng. Nhưng nếu hắn cứ tiếp tục viết về những gì hắn không biết, hắn sẽ tự thấy mình là giả tạo. Sau vài lần làm giả như vậy, hắn sẽ không thể viết một cách trung thực được nữa.

Mice: *Vậy còn trí tưởng tượng thì sao?*

Y.C: Không ai biết điều chết tiệt gì về nó, ngoại trừ nó là cái chúng ta nhận được cho cái không có gì. Đó có thể là một kinh nghiệm chung tộc⁽¹⁾. Tôi nghĩ điều đó hoàn toàn có thể. Bên cạnh sự trung thực, nó là cái mà một nhà văn giỏi cần phải có. Hẳn càng học được nhiều từ kinh nghiệm thì hẳn càng có thể tưởng tượng chân thực nhiều hơn. Nếu hẳn làm thế hẳn có thể hình dung được đủ số người nghĩ rằng những điều hẳn viết là có xảy ra và hẳn chỉ việc thuật lại.

Mice: *Viết văn khác gì với thuật lại?*

Y.C: Nếu đó là thuật lại, họ sẽ không nhớ nó. Khi anh mô tả một cái gì đó đã xảy ra vào cái ngày đó thì tính thời gian sẽ khiến mọi người nhìn thấy nó trong trí tưởng tượng riêng của họ. Một tháng sau yếu tố thời gian qua đi và sự ghi nhớ của anh phai nhạt và họ sẽ không còn thấy nó trong tâm trí mình và cũng không nhớ nó nữa. Nhưng nếu anh nghĩ ra thay vì mô tả nó, anh có thể xoay vòng nó, làm cho nó thành một khối vững chắc và cấp cho nó sự sống. Anh tạo ra nó, dù tốt hay xấu. Nó được làm ra; không phải được mô tả. Nó là thực trong khả năng anh tạo ra nó và kiến thức anh đặt vào nó. Bạn hiểu tôi chứ?

Mice: *Không hiểu lắm.*

Y.C (cáu bẳn): Quý tha ma bắt anh đi, vậy ta nói chuyện khác.

Mice (không nao núng): *Xin nói thêm cho tôi về công cụ viết.*

Y.C: Ý anh là gì? Như bút chì hay máy chữ à? Lạy các thánh.

Mice: *Vâng.*

Y.C: Nghe đây. Khi anh bắt đầu viết, anh có sự thúc đẩy còn người đọc không có gì cả. Vì vậy anh có thể dùng máy chữ vì nó dễ dàng hơn và anh thích nó nhiều hơn. Sau khi học viết rồi, toàn bộ đối tượng của anh là truyền tải mọi thứ, mọi cảm nhận, cái nhìn, cảm giác, địa điểm và cảm xúc đến người đọc. Để làm được điều này anh phải làm việc với cái anh viết ra. Nếu anh viết bằng bút chì, anh sẽ có ba cái nhìn khác nhau để xem liệu người đọc có nhận được những gì anh muốn gửi đến họ hay không. Đầu tiên là khi anh đọc lại nó; sau đó là khi đánh máy anh có cơ hội làm cho nó hoàn chỉnh hơn và cuối cùng lại xem lại lần nữa. Viết nó lần đầu bằng bút chì cho anh thêm một phần ba cơ hội nữa để cải thiện nó. Cái 333 chết tiệt này là tỷ lệ trung bình tốt cho vận động viên bóng chày. Điều này cũng giữ nó lỏng lẻo lâu hơn để anh có thể cải thiện nó dễ dàng hơn.

Mice: *Cần viết bao lâu trong một ngày?*

Y.C: Cách tốt nhất là luôn dừng lại khi bạn đang tiến triển tốt và khi bạn biết chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo. Nếu bạn làm điều đó mỗi ngày khi bạn đang

(1) *Chú thích của Ernest Hemingway: ("nghĩa là, tôi tin, chủng tộc con người", như trong vô thức tập thể của Jung.)*

viết một cuốn tiểu thuyết, bạn sẽ không bao giờ bị mắc kẹt. Đó là điều quý giá nhất mà tôi có thể nói với bạn vì vậy hãy cố gắng ghi nhớ nó.

Mice: *Được rồi.*

Y.C: Luôn dừng lại khi bạn đang tiến triển tốt và đừng nghĩ về nó hay lo lắng về nó cho đến khi bạn bắt đầu viết vào ngày hôm sau. Bằng cách đó, tiềm thức của bạn sẽ hoạt động về nó trong mọi thời gian. Nhưng nếu bạn cố ý nghĩ về nó hoặc lo lắng về nó, bạn sẽ giết nó và bộ não của bạn sẽ mệt mỏi trước khi bạn bắt đầu. Một khi bạn đã đi vào cuốn tiểu thuyết thì thật hèn nhát khi phải lo lắng về việc liệu bạn có thể đi tiếp vào ngày hôm sau không vì nỗi lo phải đi tiếp là điều tất yếu. Bạn phải đi tiếp. Vì vậy, lo lắng là vô nghĩa. Bạn phải học để viết một cuốn tiểu thuyết. Cái khó khi viết một cuốn tiểu thuyết là kết thúc nó.

Mice: *Làm sao học được cách không lo lắng?*

Y.C: Bằng cách không nghĩ về nó. Hễ cứ bắt đầu nghĩ về nó thì hãy dừng lại. Nghĩ về thứ gì khác. Bạn phải học điều đó.

Mice: *Hàng ngày ông đọc lại mấy lần trước khi bắt đầu viết?*

Y.C: Cách tốt nhất là ngày nào cũng đọc nó từ đầu, sửa lại những đoạn đã viết, sau đó tiếp tục từ chỗ bạn dừng lại ngày hôm trước. Khi nó đã dài đến mức bạn không thể làm điều này mỗi ngày thì hãy đọc lại hai hoặc ba chương mỗi ngày; sau đó hàng tuần đọc lại tất cả nó từ đầu. Việc này tạo cho nó thành một khối thống nhất. Và hãy nhớ dừng lại khi bạn vẫn đang viết tốt. Điều đó giữ cho nó chuyển động thay vì chết dí mỗi khi bạn tiếp tục và viết tiếp. Khi anh làm thế, anh sẽ thấy ngày hôm sau anh rất mệt mỏi và không thể đi tiếp được.

Mice: *Ông có làm điều này khi viết truyện ngắn không?*

Y.C: Có, chỉ thỉnh thoảng mới có thể viết được truyện ngắn trong một ngày.

Mice: *Ông có biết điều gì sẽ xảy ra khi viết một truyện ngắn?*

Y.C: Hầu như không bao giờ. Tôi bắt đầu tạo ra nó và khi nó phát triển thì cái gì xảy ra với nó sẽ phải xảy ra.

Mice: *Đó không phải là cách ở đại học họ dạy viết.*

Y.C: Tôi không biết điều đó. Tôi chưa bao giờ học đại học. Nếu thành chó đẻ nào biết viết thì hẳn đã không đi dạy viết ở đại học.

Mice: *Ông đang dạy tôi đây.*

Y.C: Tôi điên rồi. Hơn nữa đây là một chiếc tàu, không phải trường đại học.

Mice: *Nhà văn nên đọc sách gì?*

Y.C: Hẳn phải đọc đủ thứ để biết những gì hẳn cần đánh bại.

Mice: *Hẳn không thể đọc hết được mọi thứ.*

Y.C: Tôi không nói hẳn có thể đọc những gì. Tôi nói là hẳn cần phải đọc. Tất nhiên hẳn không thể đọc hết được.

Mice: *Vậy những cuốn sách nào là cần thiết?*

Y.C: Hẳn cần phải đọc *War and Peace* (Chiến tranh và Hòa bình) và *Anna Karenina* của Tolstoy, *Midshipman Easy*, *Frank Mildmay* và *Peter Simple* của

Captain Marryat, *Madame Bovary* (Bà Bovarry) và *L'éducation Sentimentale* (Giáo dục tình cảm) của Flaubert, *Butdenbrooks* (Gia đình Butdenbrooks) của Thomas Mann, *Dubliners* (Những người Dublin), *Portrait of the Artist* (Chân dung một nghệ sĩ) và *Ulysses* của Joyce, *Tom Jones* và *Joseph Andrew* của Fielding, *Le Rouge et le Noir* (Đỏ và Đen) và *La Chartreuse de Parme* (Tu viện thành Parme) của Stendhal, *The Brothers Karamazov* (Anh em nhà Karamazov) và hai cuốn khác của Dostoevsky, *Huckleberry Finn* của Mark Twain, *The Open Boat* và *The Blue Hotel* của Stephen Crane, *Hail and Farewell* của George Moore, *Autobiographies* của Yeats, tất cả truyện hay của De Maupassant, tất cả truyện hay của Kipling, tất cả của Turgenev. *Far Away and Long Ago* của W. H. Hudson, các truyện ngắn của Henry James, đặc biệt là các truyện *Madame de Mauves* và *The Turn of the Screw*, *The Portrait of a Lady*, *The American*.

(Người dịch chỉ chú tiếng Việt những cuốn đã có bản tiếng Việt - NX)

Mice: Ông nói nhanh quá tôi không ghi kịp. Còn nhiều nữa không?

Y.C: Hôm khác tôi sẽ nói nốt những sách còn lại. Khoảng gấp ba thế này nữa.

Mice: Một nhà văn có cần phải đọc tất cả những thứ đó không?

Y.C: Tất cả những cuốn đó và còn nhiều cuốn khác nữa. Nếu không hẳn không biết mình phải đánh bại những gì.

Mice: Ý ông nói “phải đánh bại” là sao?

Y.C: Nghe này. Viết ra những cái trước đó đã được viết rồi là một việc vô ích, trừ phi anh đánh bại được nó. Nhà văn thời đại chúng ta chỉ phải làm một việc là viết những cái chưa từng được viết trước đây hoặc là đánh bại những người đã chết vì những thứ họ đã viết ra. Cách duy nhất để hẳn có thể nói mình đã viết ra sao là sự cạnh tranh với người đã chết. Hầu hết các nhà văn đang sống là không tồn tại. Danh tiếng của họ được tạo ra bởi những nhà phê bình luôn cần một thiên tài theo mùa, người mà họ hoàn toàn hiểu được và cảm thấy an toàn khi khen ngợi, nhưng khi những thiên tài bịa đặt này đã chết, họ sẽ không hiện hữu nữa. Những người duy nhất đáng để một nhà văn nghiêm túc cạnh tranh là những người chết mà hẳn biết rõ. Điều này giống như một vận động viên chạy đua dựa vào đồng hồ hơn là tìm cách đánh bại ai trong các đối thủ đang đua với anh ta. Trừ khi hẳn chạy ngược lại thời gian, hẳn sẽ không bao giờ biết điều gì hẳn có khả năng đạt được.

Mice: Nhưng đọc hết các nhà văn nổi tiếng thì dễ nhụt chí.

Y.C: Nếu thế thì anh cứ việc nhụt chí đi.

Mice: Sự đào tạo sớm tốt nhất cho một nhà văn là gì?

Y.C: Một tuổi thơ bất hạnh.

Mice: Ông có nghĩ Thomas Mann là một nhà văn lớn?

Y.C: Ông ấy sẽ là một nhà văn lớn nếu ông ấy không bao giờ viết cuốn nào khác ngoài tiểu thuyết *Gia đình Buddenbrooks*.

Mice: Nhà văn có thể tự đào tạo như thế nào?

Y.C: Hãy quan sát những gì xảy ra hôm nay. Giả như chúng ta chui vào một con cá để xem chính xác những gì mọi người đã làm với nó. Nếu anh cảm thấy thích thú khi nó nhảy lên thì hãy nhớ trở lại cho đến khi anh thấy chính xác hành động nào đã gây cho anh cảm xúc đó. Cho dù đó là làn nước dâng lên và cách nó kéo căng như dây đàn cho đến khi những giọt nước bắt đầu rơi khỏi nó, hay là cách nó quẫy tung nước khi nhảy lên. Hãy nhớ những tiếng ồn ra sao và những gì đã được nói ra. Hãy tìm những cái đã gây cho anh cảm xúc, những hành động nào đã làm anh phấn khích. Rồi viết nó ra thật rõ ràng sao cho người đọc cũng sẽ thấy nó và có cùng cảm giác như anh. Đó là bài tập cho năm ngón tay.

Mice: Được rồi.

Y.C: Sau đó, chui vào đầu người khác để xem sự thay đổi. Giả như tôi hét bảo anh hãy hình dung tôi đang nghĩ gì cũng như cách anh cảm nhận nó thế nào. Nếu Carlos chửi rủa Juan thì hãy đứng từ hai phía mà nghĩ về chuyện của họ. Đừng chỉ nghĩ là ai đúng. Với tư cách con người, mọi việc của họ có thể là nên hoặc không nên. Với tư cách con người, anh phải ra quyết định và buộc họ thi hành. Với tư cách nhà văn, anh không nên phán xét. Anh chỉ cần biết.

Mice: Được rồi.

Y.C: Bây giờ nghe đây. Khi mọi người nói chuyện hãy lắng nghe hoàn toàn. Đừng nghĩ đến điều anh sẽ nói. Hầu hết mọi người không bao giờ lắng nghe. Họ cũng không quan sát. Anh phải có khả năng đi vào một căn phòng và khi bước ra anh biết hết mọi thứ anh thấy ở đó và không chỉ thế. Nếu căn phòng đó mang lại cho anh bất kỳ cảm giác nào, anh phải biết chính xác đó là gì và cái gì đã mang lại cảm giác đó. Hãy thực hành việc này. Khi bạn ở trong thị trấn, hãy đứng bên ngoài rạp hát quan sát cách thức mọi người bước ra khỏi taxi hoặc xuống xe máy khác nhau như thế nào. Có một nghìn cách để thực hành. Và luôn nghĩ đến những người khác.

Mice: Ông có nghĩ rằng tôi sẽ thành một nhà văn?

Y.C: Làm thế quái nào mà tôi biết được? Có thể anh chẳng có tài cán gì. Có lẽ anh không thể cảm nhận được những người khác. Anh có một số truyện hay nếu viết ra được chúng.

Mice: Làm sao tôi biết được?

Y.C: Viết. Nếu anh tập trung viết năm năm mà chẳng nên cơm cháo gì thì với kết quả đó cũng nên tự bắn vào mình như bây giờ.

Mice: Tôi sẽ không tự bắn mình.

Y.C: Vậy biến đi, nếu không tôi sẽ bắn anh.

Mice: Cảm ơn.

Y.C: Rất hoan nghênh, Mice. Bây giờ chúng ta nói chuyện khác chứ?

Mice: Còn chuyện gì nữa?

Y.C: Bất kỳ chuyện gì khác, Mice lão ạ, bất cứ chuyện gì khác.

Mice: Được rồi. Nhưng...

Y.C: Không nhưng gì cả. Kết thúc. Nói chuyện viết lách thế đủ rồi. Không gì nữa. Hôm nay mọi người đi cả. Cửa hàng đóng hết. Ông chủ về nhà.

Mice: Được rồi. Nhưng ngày mai tôi vẫn muốn hỏi ông vài thứ.

Y.C: Tôi cá là anh sẽ viết được những cái vui sau khi anh chỉ cần biết được cách viết.

Mice: Ý ông là gì?

Y.C: Anh biết mà. Vui thôi. Những khoảng thời gian tốt đẹp. Vui vẻ. Đập tan một kiệt tác cũ.

Mice: Hãy nói với tôi...

Y.C: Dừng lại.

Mice: Được rồi. Nhưng ngày mai...

Y.C: Phải. Được rồi. Chắc chắn. Nhưng ngày mai.

HÀ YÊN (dịch từ tiếng Anh)



L ạ i N g u y ê n Â n



Xung quanh tiểu thuyết *Vào đời* của Hà Minh Tuân

LẠI NGUYỄN ÂN

Trong số những vụ việc đấu tranh văn hóa văn nghệ hồi thập niên 1960 của thế kỷ trước, có thể kể tên những vụ việc mà đối tượng đấu tranh có khi chỉ là một tác phẩm cụ thể vừa ra mắt mà đáng kể nhất chắc chắn là vụ việc xảy ra giữa năm 1963 với tiểu thuyết *Vào đời*, của tác giả Hà Minh Tuân.

Về tác giả Hà Minh Tuân

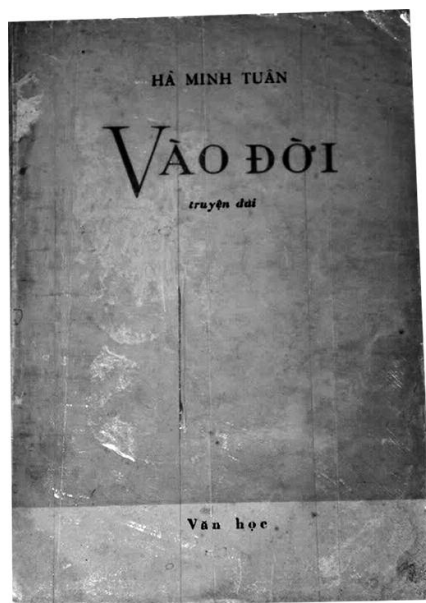
Theo bản tiểu sử hội viên do Hội Nhà văn Việt Nam cung cấp (bản in 2010) thì Hà Minh Tuân họ tên khai sinh là Nguyễn Văn Trí, sinh 10-2-1929 (có nguồn khác, nói là năm 1926 ?) tại xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Nguồn tư liệu này không nói về sự học hành. Chỉ cho biết từ 1943 người trai này đã hoạt động bí mật trong Thanh niên Cứu quốc ở Hà Nội, là đội trưởng Thanh niên xung phong thành Hoàng Diệu, rồi Đại đội trưởng Giải phóng quân. Sau tháng 8-1945, vào Vệ quốc đoàn với chức vụ Đại đội trưởng rồi Tiểu đoàn trưởng. Năm 1950: chính ủy trung đoàn 209 (Sư 312), tham gia các chiến dịch Việt Bắc, Trung du, Điện Biên. Năm 1954: là Trưởng phòng tại Cục Tuyên huấn, Tổng cục chính trị. Trong thời gian này đã viết và in các tác phẩm: ký sự *Những ngày máu lửa* (Cứu Quốc xb., 1949), tiểu thuyết

Trong lòng Hà Nội (Nxb. Quân đội nhân dân, 1957). Hà Minh Tuân vào Hội Nhà văn Việt Nam từ 1957.

Năm 1958, Trung tá Hà Minh Tuân được chuyển ngành về Hội Nhà văn Việt Nam, làm biên tập tại báo *Văn học* rồi làm giám đốc Nhà xuất bản Văn học. Năm 1960 công bố tiểu thuyết *Hai trận tuyến* (Nxb. Văn học, 1960).

Tiểu thuyết *Vào đời* có lẽ viết xong từ cuối 1962, in và phát hành tháng 4 năm 1963, bị một đợt đấu tranh phê phán kịch liệt. Vì sự kiện này, tác giả Hà Minh Tuân mất chức giám đốc, bị biệt phái sang Tổng cục thủy sản làm chuyên viên. Mười năm sau (chưa rõ thời gian), Hà Minh Tuân trở lại Nhà xuất bản Văn học làm trợ lý giám đốc, công bố thêm tiểu thuyết *Về đẹp bình dị* (Nxb. Văn học, 1977); thời đầu đổi mới, *Vào đời* có được in lại (1991) ít lâu trước khi tác giả qua đời (11-3-1992).

Theo nguồn lưu trữ của Thư viện Quân đội thì Hà Minh Tuân còn là tác giả một số sách huấn luyện in trong thời kháng chiến như: *Công tác chính trị trong đại đội* (Chính trị cục xb., 1948); *Công tác tuyên huấn* (Ban chính trị Tổng chính ủy xb., 1950); *Bàn về công tác đảng trong một chiến dịch* (Chính trị cục xb., 1950), v.v.



Tiểu thuyết *Vào đời* ra mắt và bị phê phán

Ở thời điểm tiểu thuyết *Vào đời* ra mắt và bị phê phán, sinh hoạt xã hội miền Bắc đang lặng lẽ chuyển từ trạng thái thời bình sang thời chiến. Không ít cơ sở báo chí, xuất bản bị thu hẹp, rút gọn. Chẳng hạn, tờ nhật báo *Thủ đô Hà Nội* (1959-1967) vốn đã là sự gộp lại của các tờ *Hà Nội hàng ngày* (1955-1958) và *Thủ đô* (1957-1958), rồi cuộc, vẫn tiếp tục bị gộp với tờ nhật báo tư nhân *Thời mới* (1954-1967) để trong địa phương Hà Nội chỉ duy nhất có một tờ báo ngày (nhật báo) là *Hà Nội mới* (từ 1967).

Trong khu vực cơ quan văn nghệ, ngay sau Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ 3 (26-11-1962), tờ *Tạp chí Văn nghệ* (Hội LHVHNT Việt Nam) ra số cuối cùng (s. 71, tháng 4-1963) để hợp nhất với tuần báo *Văn học* (Hội Nhà văn Việt Nam, s. 1, ngày 25-5-1958; số cuối: s. 248, ngày 24-4-1963) thành tuần báo *Văn nghệ* trực thuộc Hội LHVHNT Việt Nam (s. 1 ra ngày 3-5-1963).

Sau Đại hội Nhà văn Việt Nam lần 2 (10 - 12-1-1963), Nhà xuất bản Văn học

(của Hội Nhà văn Việt Nam, thành lập từ 1958, trụ sở 38A Hai Bà Trưng, Hà Nội) cũng được lệnh hợp nhất với Nhà xuất bản Văn hóa (thuộc Viện Văn học, thành lập 1958, trụ sở 49 Trần Hưng Đạo, Hà Nội) thành Nhà xuất bản Văn học (trực thuộc Hội Nhà văn); Nhà xuất bản Văn học mới này bắt đầu hoạt động từ 1-7-1963, trả lại cơ sở 38A Hai Bà Trưng, tập trung về trụ sở 49 Trần Hưng Đạo.

Hà Minh Tuân chuyển ngành về làm việc ở Nhà xuất bản Văn học (cũ) ngay từ ngày đầu của Nhà xuất bản này (1958). Đây là một cơ sở xuất bản được lập mới lại khi Nhà xuất bản Hội Nhà văn (1957 - 1958) bị giải thể, nhân sự được ghép với nhân sự của Nhà xuất bản Văn nghệ (lập ở Việt Bắc từ 1948, thông báo ngừng hoạt động từ 10-5-1957 khi Hội Nhà văn Việt Nam lập Nhà xuất bản Hội Nhà văn, tháng 5-1957) mà thành.

Rất thoáng qua, ta bắt gặp cái bóng ông giám đốc ấy trong vài đoạn hồi ức của Mai Ngũ, cây bút từng là cán bộ biên tập tại nhà xuất bản này, thời gian đó:

“Có thể nói thời kỳ cực thịnh của Nhà xuất bản Văn học gắn liền với thời kỳ cực thịnh của tình hình văn học sau Nhân văn. Và bước sang năm 1963, thời kỳ ấy đã bắt đầu thay đổi, tình hình chính trị phức tạp cả trong nước và ngoài nước. Cái không khí êm ả của Nhà xuất bản được bộc lộ khi buổi chiều hết giờ làm việc, giám đốc Hà Minh Tuân còn nán ở lại để đọc duyệt nốt ít trang bản thảo, rồi sau đó ra mảnh sân thượng bên ngoài cùng vợ là chị Tuệ, kế toán, đánh bóng bàn. Hai vợ chồng thủ trưởng mãi sẩm tối tắm rửa xong mới về nhà...”

“... sang năm 1963, Nhà xuất bản Văn học của Hội Nhà văn Việt Nam và Nhà xuất bản Văn hóa thuộc Viện Văn học sáp nhập làm một, đeo cái tên mới: Nhà xuất bản Văn học, Hội Nhà văn Việt Nam. (...) Từ 38A Hai Bà Trưng, chúng tôi kéo về 49 Trần Hưng Đạo với khí thế như đi tiếp quản khu vực mới. Về đây vẫn Hà Minh Tuân làm giám đốc (...). Giám đốc Hà Minh Tuân có vẻ rất lạc quan, niềm lạc quan lây lan sang cả anh em. Nhưng cái không khí mới vừa được nhóm lên thì bị sự kiện *Vào đời* dập tắt. Mà đã thôi đâu, sau *Vào đời* còn *Đống rác cũ rồi Sương tan*. Lại nghe nói *Núi đồi và thảo nguyên* cũng có vấn đề, thậm chí cả *Chuông nguyện hồn ai* nữa. Tất cả những “sự kiện” ấy tác động đến tinh thần của biên tập viên...”

(Mai Ngũ /1994/: *Trách nhiệm, niềm vui, nỗi buồn, trong sách: 50 năm Nhà xuất bản Văn học*, H., 1998, tr. 188-190).

Sách *Vào đời* in xong tháng 4-1963, nộp lưu chiểu cùng tháng và được phát hành. Ngay trong Thư viện Quốc gia ở 31 Tràng Thi, Hà Nội hiện tại (2015) đã không còn bản *Vào đời* in năm 1963, chỉ có bản in lại vào năm 1991, chưa ai ghi nhận bên trong văn bản có thay đổi những gì?

Bài điểm cuốn này xuất hiện sớm nhất trên báo chí ở Hà Nội, tức là ở toàn miền Bắc, vào ngày 13-6-1963, theo kết quả khảo sát mới đây. Còn những bài

đăng sau cùng của đợt phê phán cuốn sách này, là trên một số tạp chí xuất bản ở Hà Nội trong tháng 8-1963.

Đợt phê phán diễn ra suốt gần 3 tháng, nhắm vào một tác phẩm hư cấu, với lý do: nó “bôi đen đời sống hiện thực miền Bắc”, nhất là đời sống công trường xí nghiệp, đời sống ở thủ đô Hà Nội!

Một trong những đặc điểm của cuộc phê bình *Vào đời* là có vẻ như một bộ phận công chúng độc giả lên tiếng trước tiên và thái độ của họ dường như có ý nghĩa quyết định; các giới nhà văn, nhà phê bình, và cả giới quản lý nữa, dường như đều ở vào thế bị động, bị lôi cuốn theo, và rốt cuộc phải ra tay “trừng phạt” theo sự kết luận của bộ phận công chúng kia!

Thế nhưng, nếu xem xét kỹ hơn, người ta sẽ thấy phần đông những công chúng “tự phát” lên tiếng trên báo chí lại thường là những cán bộ làm công tác đoàn thể ở các cơ sở sản xuất, các đơn vị quân đội hay công nhân viên, các địa phương, chứ rất ít khi là công chúng người đọc thông thường. Nổi bật lên là những cán bộ của Đoàn thanh niên, của giới công tác Công đoàn, giới công tác Mặt trận... Trong số những giọng điệu của những độc giả “quần chúng” nói trên, người ta nhận ra rõ nhất giọng điệu “kiêu binh” của những người đọc tự xưng là quân nhân, hoặc còn tại ngũ hoặc đã chuyển ngành, tỏ thái độ giận dữ vì đạo đức và danh dự quân nhân bị một quyển truyện xúc phạm.

Dư luận của những người tự xưng là công chúng độc giả ấy liệu có anh minh, sáng suốt hay không? Có thể khẳng định: hoàn toàn không, mà là ngược hẳn lại.

Có thể coi cuộc phê phán cuốn sách *Vào đời* hồi 1963 trên báo chí miền Bắc như là kết quả không thể tránh khỏi của tình trạng chuẩn nhận diện đúng/sai, hay/dở, xấu/tốt bị lệch lạc, chưa kể đến tâm lý gia trưởng, định kiến kiểu Nho giáo lạc hậu thâm căn cố đế trên hàng loạt vấn đề xã hội, nhất là tâm lý kỳ thị nữ giới.

Chỉ tạm nêu một tình tiết nhân vật cô Sen bị hãm hiếp ở đầu truyện *Vào đời*. Xã hội Việt Nam, xã hội miền Bắc, tính đến cuối thế kỷ XX, vẫn ghi nhận còn tình trạng hãm hiếp, lạm dụng tình dục phụ nữ ở mức khá nghiêm trọng; điều này có thể thấy rõ trong những điều tra nghiên cứu xã hội học.

Thế nhưng, cách nay nửa thế kỷ, việc có tình tiết loại ấy trong thiên truyện hư cấu *Vào đời* hồi năm 1963 lại bị hầu như tất cả mọi người, từ người xưng là công chúng độc giả bình thường, đến các nhà văn có tên tuổi, nhất nhất cho rằng đó là điều bịa đặt, là để nói xấu xã hội chứ không hề có thật!

Phải nói, sự kiện này cho thấy một nét tâm lý đạo đức giả trở nên phổ biến ở một số đối tượng độc giả thời kỳ đó! Tác giả *Vào đời* cho thấy cô Sen, từng là nạn nhân những bạo lực tình dục, bạo lực gia đình, vẫn có thể trưởng thành, có thành tựu trong lao động kỹ thuật, v.v., thì dường như sự việc cô từng là nạn nhân vụ cưỡng hiếp kia lại chính là lý do ngầm ẩn để hầu hết mọi công chúng

kể trên từ chối thừa nhận bước trưởng thành của cô, cho đó chỉ là sự miêu tả giả tạo của tác giả *Vào đời*! Họ coi sự kiện từng bị cưỡng hiếp kia như vết nhơ mà suốt cuộc đời mọi cô gái sẽ không thể nào xóa nổi!

Ở đây, một thứ vô thức tập thể về “chữ trình” như một chuẩn giá trị tiên thiên ở người nữ, vẫn chi phối nặng nề tâm lý một bộ phận công chúng hồi những năm 1960 ở miền Bắc!

Việc tác giả *Vào đời* mô tả những hoạt động chống đối của nhân vật Hiếu như là sự bất mãn của nhân vật này vì bố anh ta bị chết do sai lầm của cải cách ruộng đất; sự lý giải này của tác giả Hà Minh Tuấn hiển nhiên có căn cứ từ sự kiện Trung ương Đảng LĐ Việt Nam, Quốc hội và Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa đã công khai thừa nhận sai lầm của cải cách ruộng đất và tiến hành sửa sai từ tháng 10-1956. Vậy mà hầu như mọi ý kiến phê bình cuốn truyện *Vào đời* đều nhất quán lên án tác giả Hà Minh Tuấn về nội dung này, xem đó như biểu hiện chống đối!

Tất nhiên, trong các loại phản xạ của những công chúng này thời ấy cũng tồn tại những cái gọi là “hạn chế của thời đại”, ý nói thời Chiến tranh Lạnh (1945-1990) chia đôi nhân loại, chia đôi đất nước, chia đôi dân tộc, hai nửa “phe ta, phe địch” đều trái ngược nhau về lợi ích, về hệ giá trị, v.v.

Trong phần lớn các bài lên tiếng phê phán cuốn *Vào đời*, có rất ít, nếu không nói là hầu như không có những bài có thể coi là tạm được về mặt chất lượng phê bình. Một điều cũng khá lạ nữa là tuy ai nấy đều bảo rằng mình chỉ viết ra nói ra “ý kiến cá nhân”, nhưng lời lẽ đầy rẫy sự lấp rập những từ ngữ, mệnh đề được chế sẵn thừa sẵn, kiểu như những “chữ gỗ”!

Đọc lại những bài viết cách nay nửa thế kỷ, ta sẽ thất vọng khi chỉ nghe thấy quá ít những lời thật ý thật, cách viết, cách lập luận lại thường kém cỏi, vụng về!

Ở phương diện gọi là “tai nạn văn học”, có thể nói vụ việc *Vào đời* là một tai nạn đích thực!

Có lẽ chính tác giả Hà Minh Tuấn cũng không thể ngờ rằng một thiên truyện hư cấu do mình viết ra và in ra tại chính nhà xuất bản mà mình là giám đốc, lại có thể khiến chính mình lâm nạn, khiến cuộc đời và số phận mình đổi thay đến mức không thể tiên liệu. Chính các đồng nghiệp của tác giả Hà Minh Tuấn, ở Hội Nhà văn Việt Nam, ở Nhà xuất bản Văn học, hẳn cũng không thể ngờ những gì sẽ xảy đến với viên cựu sĩ quan mà họ đã vùi bằng được từ quân đội về để bổ sung cho nhân sự Hội Nhà văn ngay sau vụ Nhân văn - Giai phẩm vốn đã khiến các cơ quan của Hội thiếu hàng loạt những người có thể tin cậy để giao phụ trách các công việc chủ chốt!

Trong sự xuất hiện của tiểu thuyết *Vào đời*, có một điểm khác biệt rất rõ giữa trường hợp này với hàng loạt tác phẩm khác; ấy là *Vào đời* hầu như không bị biên tập hay kiểm duyệt gì đùng tới trước khi in! Điều này được chính nhà thơ Hoàng Trung Thông là giám đốc Nhà xuất bản Văn học (mới) báo cáo tại

hội nghị thường vụ Ban chấp hành Hội Nhà văn, ngày 6-7-1963, khi tác phẩm *Vào đời* đã bị nhiều tờ báo lên tiếng phê phán!

Vậy là bản in *Vào đời* năm 1963 có thể xem như sáng tác nguyên bản của tác giả Hà Minh Tuấn, không có dấu vết kiểm duyệt hay biên tập gì đáng kể! Quả là một đặc ân của những ngẫu nhiên! Đây là một ngoại lệ mà hầu như duy nhất cuốn sách này được hưởng, do chỗ tác giả cũng chính là người có quyền cho in sách, trong khi tất cả sách đương thời đều xuất hiện sau khi các bản thảo đã qua bộ máy biên tập, đọc duyệt, tức là đã có những sự giám định, những sự sửa đổi nhất định so với bản thảo của tác giả.

Có thể nói, những sóng gió mà tác phẩm này đã hứng chịu, phần nào bị gia tăng mức độ nghiêm trọng, là có xuất xứ từ đặc điểm nêu trên.

Sau cuộc phê phán này, sau khi tác giả đã bị xử lý kỷ luật, người ta thường chỉ nghe nhắc tới cuốn truyện *Vào đời* này như một thất bại, một cuốn sách viết dở, viết hỏng!

Thế nhưng chính việc cuốn truyện *Vào đời* đã gây ra cả một dư luận sôi động như thế, lại là sự kiện khá hy hữu trong đời sống văn nghệ ở miền Bắc, tạo nên sóng gió dư luận hồi giữa thập niên 1960, một dấu hiệu cho thấy nó đã động tới những gì không hề là bề ngoài của đời sống xã hội đương thời.

Chính đây là dấu hiệu để không nên xem thường tác phẩm này.

Những mẫn cảm về con người và xã hội mà tác giả *Vào đời* cảm nhận và biểu thị trên các trang truyện, sẽ trở nên rõ nét dần trong những năm tháng về sau, tuy rằng người đời đã quên đi chính những tiên cảm ấy. Ở phương diện đó, có lẽ Hà Minh Tuấn không có gì phải hối hận vì đã viết ra các trang truyện *Vào đời*.

Trước sau, *Vào đời* vẫn là tác phẩm để đời của nhà văn Hà Minh Tuấn!

Niên biểu sự kiện vụ “Vào đời”:

- 26-11-1962: Hà Nội, Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba.
- 10-12-1-1963: Hà Nội, Đại hội nhà văn Việt Nam lần II họp tại câu lạc bộ Đoàn Kết, Hà Nội; bầu BCH gồm 33 người, Nguyễn Đình Thi được tái cử chức vụ Tổng thư ký.
- 26-4-1963: Tuần báo *Văn học* ra số cuối cùng (s.248) để hợp nhất với *Tạp chí Văn nghệ*.
- Tháng 4-1963: *Tạp chí Văn nghệ* ra số cuối cùng (s.71) để hợp nhất với tuần báo *Văn học*.
- 3-5-1963: Tuần báo *Văn nghệ* của Liên hiệp VHNT Việt Nam (hợp nhất tuần báo *Văn học* của Hội Nhà văn Việt Nam với *Tạp chí Văn nghệ* của Liên hiệp VHNT Việt Nam) ra số 1.
- 13-6-1963: Hà Nội, báo *Lao động*, s. 1223, tr. 3: Lê Ngải (*Vài ý kiến sau khi đọc cuốn “Vào đời” của Hà Minh Tuấn*, Nxb. Văn học).

- 21-6-1963: Hà Nội, Nxb. Văn học của Hội Nhà văn Việt Nam ra thông báo: từ 1-7-1963, Nxb. Văn hóa (Viện Văn học) và Nxb. Văn học sẽ hợp nhất thành một nhà xuất bản lớn lấy tên là Nhà xuất bản Văn học thuộc Hội Nhà văn Việt Nam, chuyên xuất bản những sáng tác mới trong nước, những tác phẩm văn học cổ điển và dân gian Việt Nam, những tác phẩm chọn lọc của văn học thế giới, những sách lý luận, phê bình, nghiên cứu văn học. Trụ sở Nxb. Văn học /mới/ đặt tại 49 Trần Hưng Đạo, Hà Nội.

- 21-6-1963: Hà Nội, tuần báo *Văn nghệ*, s. 8, điểm sách: Tuần Chi: “Vào đời”, tiểu thuyết Hà Minh Tuân, Nxb. Văn học, 1963.

- 23-6-1963: Hà Nội, báo *Cứu quốc*, s. 3125, tr. 5: Nguyễn Xuân Bình (*Chúng tôi không tán thành “cặp mắt” của ông Hà Minh Tuân trong cuốn “Vào đời”*);

- 26-6-1963: Hà Nội, báo *Tiến phong*, s. 1054, tr. 3, 4: Thanh Bình (“Vào đời”, một tác phẩm rất xấu).

- 27-6-1963: Hà Nội, báo *Thời mới*, s. 3125, tr. 2: Trọng Khiêm (*Đọc sách: “Vào đời” của Hà Minh Tuân*, Nxb. Văn học).

- 28-6-1963: Hà Nội, báo *Tiến phong*, s. 1055, tr. 3, 4: Đ.V.N. (“Vào đời” đã miêu tả lao động của thanh niên một cách tiêu cực và phiến diện); tr. 3, 2: Nguyễn Xuân Bình (Ý kiến của một người cha: *Chúng tôi không tán thành “cặp mắt” của ông Hà Minh Tuân trong cuốn “Vào đời”*; ghi chú chân trang: Bài đã đăng báo *Cứu quốc* số ra ngày 23-6-1963).

- 28-6-1963: Hà Nội, báo *Văn nghệ*, s. 9, tr. 4, 18: Trần Hữu Thung (*Cách nhìn và thái độ đối với cuộc sống qua cuốn “Vào đời”*).

- 29-6-1963: Hà Nội, báo *Nhân dân*, s. 3380, tr. 3: Minh Tâm (“Vào đời”, một cuốn tiểu thuyết có hại).

- 29-6-1963: Hà Nội, báo *Quân đội nhân dân* s. 1221, tr. 4: Lê Lương Nghĩa & Dân Hồng (*Đọc “Vào đời” của Hà Minh Tuân*, Nxb. Văn học).

- 29-6-1963: Hà Nội, báo *Thủ đô Hà Nội*, s.1455, tr. 3: Lê Hồng Mai (*Một cuốn sách lạc hậu và nhiễm độc*).

- 30-6-1963: Hà Nội, báo *Tiến phong*, s. 1056: tr. 3: Tuổi vào đời đọc cuốn “Vào đời”: Đặng Minh Hân, Nghĩa Đàn, Nghệ An (*Cái xấu choán cái tốt, bóng đen trùm lên ánh sáng trong tác phẩm “Vào đời”*); Nguyễn Việt Hùng, hòm thư 5856, Hà Nội (*Tác phẩm “Vào đời” trái ngược hẳn với cuộc sống lành mạnh, tươi vui của chúng tôi*).

- 30-6-1963: Hà Nội, báo *Cứu quốc*, s. 3126, tr. 13: Nguyễn Bắc (*Nhân đọc “Vào đời” của Hà Minh Tuân: Một bức tranh về Hà Nội và cách nhìn của chúng ta*).

- 3-7-1963: Hà Nội, báo *Tiến phong*, s. 1057, tr. 3: Nguyễn Bình, nhà máy cơ khí Hà Nội (*Ý kiến của thanh niên công nhân nhà máy cơ khí Hà Nội: Hà Minh Tuân đã mô tả lệch lạc bước vào đời của chúng tôi*).

- 3-7-1963: Buổi tối, tại trụ sở Hội Nhà văn Việt Nam, 65 Nguyễn Du, Hà Nội, một số nhà văn, trong đó có Nguyễn Tuân, Kim Lân, Huyền Kiêu, Nguyễn

Đình Thi, Hoàng Trung Thông, Trần Hữu Thung, Vũ Tú Nam, Bùi Hiến, Thành Thế Vỹ, v.v... đã họp để góp ý phê phán cuốn *Vào đời*. Sau khi nghe tác giả Hà Minh Tuân trình bày, các nhà văn nói trên đã phê phán những tư tưởng sai lầm nghiêm trọng của cuốn truyện.

- 5-7-1963: Tuần báo *Văn nghệ*, s. 10: Nguyễn Đình Thi (*Cần phê bình rất nghiêm khắc quyển truyện ‘Vào đời’*); Ban biên tập Nxb. Văn học cũ (*Tự phê bình về việc biên tập cuốn “Vào đời”*).

- 5-7-1963: Hà Nội, báo *Thông nhất*, s. 315, tr. 14: Phạm Hữu Tùng (*Đọc sách: “Vào đời” của Hà Minh Tuân*).

- 6-7-1963: Hà Nội, báo *Tiến phong*, s. 1058, tr. 3, 4: Thanh Bình (*Qua cuốn tiểu thuyết “Vào đời” của Hà Minh Tuân: Nói về những “nhếch nhác, lệch lạc” của thế giới quan tiểu tư sản*).

- 6-7-1963: Hà Nội, báo *Lao động*, s. 1223, tr. 2: Ngọc Lộc, công nhân nhà máy cơ khí Hà Nội (*Tiểu thuyết “Vào đời” đã bôi nhọ sự thật trong các nhà máy công trường*).

- 6-7-1963: Tại hội nghị thường vụ Hội Nhà văn: Hoàng Trung Thông, giám đốc Nxb. Văn học trình bày trường hợp xuất bản cuốn *Vào đời*. Sau khi nêu những thiếu sót của các đồng chí biên tập viên và các đồng chí trong Ban giám đốc, đồng chí Hoàng Trung Thông đã tự phê bình vì thiếu kiểm tra nên cuốn sách đã không được đồng chí giám đốc duyệt trước khi xuất bản. Ban Thường vụ Hội đã phê bình nghiêm khắc khuyết điểm của Nxb. Văn học (cũ) và đặt vấn đề rút kinh nghiệm để cải tiến lề lối làm việc của Ban biên tập cho chặt chẽ. Hội nghị đã bàn việc hợp nhất hai Nxb. Văn hóa và Văn học và việc kiện toàn Ban biên tập của Nxb. Văn học mới. (P.V.: Văn nghệ khắp nơi: Hội nghị của Ban thường vụ Hội Nhà văn Việt Nam // Văn Nghệ, s. 12 (19-7-1963), p. 19)

- 7-7-1963: Hà Nội, báo *Cứu quốc*, s. 3127, tr. 13: Phùng Bảo Kim (*Không! Chúng ta không vào đời như vậy!*).

- từ 8 đến 10-7-1963, tại Hà Nội, Đại hội lần thứ nhất những người xuất sắc trong phong trào tình nguyện vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. (Tin bài trên báo *Tiến phong* s. 1059, ngày 8-7-1963).

- 9-7-1963: Hà Nội, báo *Quân đội nhân dân*, s. 1225, tr. 3: Nguyễn Thiều & Võ Xuân Viên (*“Vào đời” của Hà Minh Tuân đã xuyên tạc bản chất truyền thống của quân đội*).

- 9-7-1963: Hà Nội, báo *Lao động*, s. 1234, tr. 3: Đặng Chính, công đoàn nhà máy tơ Nam Định (*Bàn thêm với Hà Minh Tuân, tác giả “Vào đời”: Cần phải đánh bại những loại tư tưởng ngược dòng ấy!*).

- 12-7-1963: Tuần báo *Văn nghệ*, s. 11: xã luận (*Nâng cao hơn nữa tính đảng trong văn nghệ*); Phê bình: Hoàng Trung Thông (*Tư tưởng sai lầm nguy hại của cuốn truyện “Vào đời”*).

- 13-7-1963: Hà Nội, báo *Nhân dân*, s. 3394, tr. 5: Trần Hạnh, bộ đội, hòm thư 1230, Hà Nội (Ý kiến bạn đọc: *“Vào đời” xuyên tạc sự thật của chế độ ta*);

- 14-7-1963: Hà Nội, báo *Tiến phong*, s. 1062: tr. 3, 2: Nguyễn Thị Hồng Tuyền, nữ công nhân xưởng cơ khí, nhà máy cơ khí Hà Nội (*Ý kiến một nữ thanh niên công nhân về cuốn “Vào đời”: Ông Hà Minh Tuân đã làm tổn thương đến danh dự chúng tôi*).

- 14-7-1963: Hà Nội, báo *Cứu quốc*, s. 3128, tr. 12-13: Dân Hồng (*Trong “Vào đời” hình ảnh anh bộ đội đã bị bôi một vết nhơ*).

- 17-7-1963: Hà Nội, báo *Tiến phong*, s. 1063: tr. 3: Nguyễn Thị Phương Hoa, phòng Kế hoạch, xưởng đóng tàu 3, Hải Phòng (*“Vào đời” của ông Hà Minh Tuân chỉ là câu chuyện bịa đặt, xuyên tạc sự thật mà thôi*); Kim Thoa, 10 Hàng Bông, Hà Nội (*Những bài báo phê bình cuốn “Vào đời” đã giúp tôi lấy lại lòng tin và hiểu rõ cuốn sách đó hoàn toàn xuyên tạc sự thật*).

- 18-7-1963: Hà Nội, báo *Quân đội nhân dân*, s. 1229, tr. 3: Phương Tổng, nông trường Mộc Châu (*Lập trường tư tưởng tư sản phản động trong cuốn “Vào đời”*).

- 19-7-1963: Hà Nội, tuần báo *Văn nghệ*, s. 12: Xuân Cang (*Tiểu thuyết “Vào đời” và trách nhiệm của nhà văn*), Văn Dân (*Anh bộ đội trong “Vào đời” bị bóp méo, xuyên tạc*).

- 19-7-1963: Hà Nội, báo *Tiến phong*, s. 1064, tr. 3: *Tiến phong* (*Cần vạch trần hệ tư tưởng tư sản phản động trong cuốn tiểu thuyết “Vào đời”*); Nguyễn Lương, Cục Vật liệu kiến thiết, Bộ Nội thương (*“Vào đời” đã xuyên tạc hết sức bi ối bản chất tốt đẹp của các quân nhân phục viên, chuyển ngành*).

- 21-7-1963: Hà Nội, báo *Cứu quốc*, s. 3129, tr. 12-13: Hoàng Thiếu Sơn (*“Vào đời” dưới mắt nhà giáo chúng tôi*).

- 25-7-1963: Hà Nội, báo *Lao động*, s. 1241, tr. 3: Nguyễn Anh Tài (*Cần vạch ra thêm các loại tư tưởng xấu trắng trơn và cài ngầm trong cuốn “Vào đời”*).

- 26-7-1963: Tuần báo *Văn nghệ*, s. 13: Đông Hoài (*Cuốn truyện “Vào đời” đã chống chọi lại nhiều chủ trương chính sách hiện nay của Đảng*); Dương Văn Hùng, Tô Minh Trung, Đào Phương, Nguyễn Thanh Dân, Lương Sĩ Cầm (*Bạn đọc phê phán nghiêm khắc cuốn “Vào đời”*).

- 27-7-1963: Hà Nội, báo *Lao động*, s. 1242, tr. 3: Trần Dũng Tiến (*Bàn thêm với tác giả cuốn “Vào đời”: Sai lầm của Hà Minh Tuân chủ yếu là sai lầm về quan điểm*).

- 28-7-1963: Hà Nội, báo *Tiến phong*, s. 1068, tr. 3: Tần Lê, tác giả Trung Quốc (*Làm cho văn học cách mạng nở hoa kết quả trong lòng người thanh niên, bài trên Nhân dân nhật báo Bắc Kinh, 23-6-1963, Tuyết Mai trích dịch*).

- 28-7-1963: Hà Nội, báo *Cứu quốc*, s. 3130, tr. 12-13: Xuân Hải (*“Vào đời” viết cho ai đọc và nhằm phục vụ ai?*).

- 31-7-1963: Hà Nội, báo *Tiến phong*, s. 1068, tr. 3: Tần Lê, tác giả Trung Quốc (*Làm cho văn học cách mạng nở hoa kết quả trong lòng người thanh niên, bài trên Nhân dân nhật báo Bắc Kinh, 23-6-1963, Tuyết Mai, Thanh Lam trích dịch, tiếp, hết*).

- Tháng 8-1963: Tạp chí *Phụ nữ Việt Nam*, s. 119, tr. 22-23: Lê Đoan (*Quan điểm của cuốn “Vào đời” đối với phụ nữ như thế nào?*);

- Tháng 8-1963: Tạp chí *Văn nghệ Quân đội*: Hồ Phương (*Phải đấu tranh không khoan nhượng chống nội dung tư tưởng nguy hại của quyển truyện “Vào đời”*); Lê Bá Sứ, Nguyễn Thanh Tùng, Xuân Ngọc (*Ý kiến bạn đọc về cuốn “Vào đời”*).

- Tháng 8-1963: Tạp chí *Văn học*: Nguyễn Phan Ngọc (*“Vào đời”, một quyển truyện đầy rẫy tư tưởng tư sản phản động, một khuynh hướng nghệ thuật suy đồi*); Trung Ngôn (*Sai lầm của Hà Minh Tuân trong quyển “Vào đời” là sai lầm về lập trường tư tưởng*).

- 16-8-1963: Tuần báo *Văn nghệ*, s. 16: Tổ phê bình báo *Văn nghệ* (*Qua cuộc đấu tranh chống những tư tưởng sai lầm trong cuốn tiểu thuyết “Vào đời” của Hà Minh Tuân*).

2015 - 2022

NHỮNG NGƯỜI
NỔI TIẾNG
THẾ GIỚI

P a b l o N e r u d a



CHÂN DUNG NHÀ THƠ CHILE PABLO NERUDA (1904 - 1973)
DO NHÀ THƠ NGÀ YEVGENY YEVTUSHENKO (1933 - 2017) VIẾT



Nhà thơ Chile Pablo Neruda.

Công lý của bữa ăn sáng

YEVGENY YEVTUSHENKO

Vào khoảng năm năm bảy, Semen Isaakovich Kirsanov gọi điện cho tôi:
- Neruda đến... Tôi mời ông ấy tới nhà ăn tối. Nhân dịp này tôi đã xoay được một đùì dê núi... Còn Neruda hứa sẽ làm một món cocktail tuyệt hảo...
Tối ấy, Neruda tuy là khách nhưng xử sự như một vị chủ nhà hiếu khách, lịch thiệp.

Khi bước vào nhà ông hỏi ngay:

- Có đủ các thứ để làm cocktail rồi chứ? A, có rượu gin, có chanh rồi... Phù, đường cát à, tôi thì lại cần đường bột... Có thể kiếm được nó không? Đá lạnh to cục quá, phải đập nhỏ nó ra... Món daiquiri mà dùng đá vụn thì hỏng...

Nói chung ông thích đãi khách. Toàn bộ thơ của Neruda - đó là lời mời

đến một cái bàn lớn, ở đó mọi người chen chúc chật chội nhưng không hề thấy khó chịu, nơi trên mặt bàn vững chắc những câu thơ đầm mùi đất đai, biển trời của ông đứng thục với khuỷu tay của các công nhân, thủy thủ, nhà thơ. Thơ của ông thực sự là công lý của bữa ăn sáng cho tất cả mọi người, khi không có thứ gì thiếu thốn trên bàn ăn.

Trước hết Neruda yêu quý mọi người; ông có một cái tài hiếm hoi là không ngớt tò mò về họ. Tính tò mò này không phải là tính tò mò theo chuyên môn hẹp ngẩn ngui của một họa sĩ vẽ chân dung hay một nhiếp ảnh gia biên niên sử, những người nhay xung quanh khuôn mặt người theo cách này cách khác, cố tìm cách nắm bắt các đặc điểm biểu cảm nhất của nó, nhưng, sau khi nắm bắt được rồi thì quên ngay lập tức.

Những khuôn mặt người đi sâu vào tận bên trong Neruda, ở lại vĩnh viễn không chỉ trong thơ mà cả trong con người ông. Đó là tính tò mò của sự tham dự, tính tò mò của sự thấu hiểu cái giá cuộc đời của mỗi con người như là một cái gì đó không lặp lại, có thể rơi vào cõi lãng quên và mất hút trong đó không quay về nữa. Neruda hiểu cái giá của cuộc sống bởi vì ông không bao giờ quên sự có mặt vô hình của cái chết bất cứ lúc nào, có thể một ngày sau cũng có thể ngay phút sau, mang đi cái người lúc này đang cùng ông trò chuyện. Ông tha thiết yêu Trái Đất bởi vì ông luôn ý thức thường trực về khả năng biến mất của nó nếu mọi người đối xử với nó một cách khinh suất và tàn bạo.

Thơ Neruda quả là đầy chật những người ông đặt ngồi bên bàn ăn sáng của công lý. Đó là người bố đầy mùi khói đầu máy hơi nước, là người mẹ kể hiền dịu, là người chú cầm ly rượu vang sóng sánh như bướm lượn, là nàng Matilda yêu thương, là những thợ mỏ, nông dân Chile, là những chiến binh của lũ đoàn quốc tế ở Tây Ban Nha, là những người Inca cổ đại, là tên cướp bất hạnh Joaquín Murieta và nhiều, rất nhiều những người khác nữa. Thơ của Pablo Neruda giống như khối tượng đài hội họa “Hành trình nhân loại” của Siqueiros, chỉ khác là trong bức tranh khảm khổng lồ nhiều khuôn mặt và nhân vật đó, Neruda đã biết tìm thấy cho mỗi khuôn mặt không chỉ là một giải pháp tượng trưng, mà còn màu nước tinh tế. Tất cả các bài thơ của Neruda gộp lại - đó là sự kết hợp giữa chủ nghĩa hoành tráng vĩ đại với sự tinh tế của màu nước.

Neruda lôi những kẻ độc tài tàn bạo, những kẻ áp bức và các tay sai chính trị của chúng ra trước bàn ăn sáng của công lý mà ngay tức khắc trở thành cái bàn xét xử. Neruda là người chủ nhà hết sức tốt bụng đối với những người xứng đáng hưởng công lý của bữa ăn sáng, nhưng không khoan nhượng với những kẻ mưu toan tước đoạt bữa ăn sáng đó của những người đáng được hưởng. Sự căm giận quân vô lại luôn là dấu hiệu của tình yêu đối với những người gần gũi. Nếu trên mặt đất mọi thứ đều đã tốt đẹp, lý tưởng, thì tất nhiên nhiệm vụ của nhà thơ không phải là đấu tranh chính trị. Nhưng chừng nào còn bất công thì một nhà thơ lớn không được quyền đứng ở bên trên

trận đánh, mà bắt buộc phải ở bên trong nó để bảo vệ giá trị tinh thần nguyên khởi của con người.

Sức mạnh của thơ Neruda còn ở chỗ dù suốt đời đấu tranh chính trị nhưng không vì thế mà ông đánh mất khả năng cảm nhận trực quan về thế giới, không chuyển từ màu dầu và màu nước sang loại áp phích thô thiển. Nếu có buộc phải làm thế thì ông vẽ các bức biểu ngữ kêu gọi, các bức biếm họa, nhưng rồi lại có ngay các tranh tĩnh vật, phong cảnh, chân dung và những bức tranh lớn và không bao giờ mất đi tài nghệ điêu luyện.

Neruda căm thù tất cả những gì là cái chết thể xác và cái chết tinh thần; ông yêu tất cả những gì là sự sống sinh động. Đó là hai mặt thống nhất giản dị và thông thái trong triết học của ông. Triết học của Neruda không cầu kỳ, rắc rối - nó hài hòa, sung mãn. Những bài tụng ca (ode) căng mọng theo lối Flamand về “Quả táo”, “Chiếc thuyền”, “Khăn trải bàn”, những bài thơ dịu dàng về các loài chim Chile được kết hợp với sự chế nhạo thường xuyên con chim lạ Pablo, tính chất trong trẻo pha lê được kết hợp với tính sắc dục cổ điển, những cấu trúc ẩn dụ phức tạp được luân phiên với sự đơn giản trong suốt của folklor... Tất cả những cái đó gộp lại đem đến cảm giác về sự hào phóng của chiếc bàn công lý trải khăn ăn. Ông mời ngồi vào sau chiếc bàn này con người, chim chóc, thú vật, cây cỏ, trăng sao, nhưng ngay cả hành và táo, sò và khoai tây trên chiếc bàn này cũng cảm thấy mình không phải là thức ăn, mà là những vị khách danh dự, những nhân vật của thơ.

Các kẻ thù văn chương và chính trị gọi Neruda là kẻ yêu mình, trách cứ ông về sự hai mặt, sự tinh ranh.

Phải, ông yêu bản thân mình và không che giấu điều đó, nhưng ông yêu mình chỉ như một bộ phận của đại gia đình nhân loại mà ông thấy mình thuộc về đó vừa như người cha vừa như người con. Không có gì là đáng xấu hổ trong việc một nhà thơ lớn biết cái giá không chỉ cho những người khác mà còn cho cả chính mình.

Còn sự hai mặt, tinh ranh ư? Phải, ông là người tinh ranh, nhưng không phải là cái tinh ranh của đầu óc kẻ ngu, mà là cái tinh ranh của bậc minh triết không cho người ngoài có được đặc quyền nhìn vào tâm hồn mình bởi vì cái nhìn của những kẻ tò mò thường là thiếu thân thiện và ghen tuông.

Cũng giống như bất kỳ con người lớn lao nào, ông không phải là người hai mặt, bởi vì ở ông không phải có hai mà là nghìn khuôn mặt. Nhưng nghìn khuôn mặt đó hoàn toàn không phải là những mặt nạ để phòng - chúng là sự đa diện tự nhiên của một nhân cách lớn.

Tôi nhớ cái vẻ trẻ con của ông khi chúng tôi sửa soạn đi đọc thơ ở Santiago. Ông chăm chú hỏi tôi ăn mặc thế nào.

- Aha, nếu anh không đeo cà vạt thì tôi cũng vậy, nếu không tôi sẽ trông như một viên chức khi đứng bên cạnh anh.

Tôi nhớ ông đọc thơ mình và các bản dịch thơ tôi ra tiếng Tây Ban Nha

trước hàng nghìn người, trong đó có Luis Corvalan và Salvador Allende. Giọng của ông thanh mảnh không cân xứng với thân hình to lớn, thậm chí còn hơi có chút giọng mũi. Neruda không diễn cảm, cổ tình kéo dài giọng như thế nghe sẽ không hay nếu như không có sức mạnh nhịp điệu bên trong khiến ông đọc thơ như hát. Trọng giọng đọc của ông nghe như có tiếng sóng biển vỗ đều đều và chính cái đó chinh phục mọi người.

Những người dân Chile khi gặp ông trên phố đội chiếc mũ màu xanh nhỏ xíu, họ không bao giờ có vẻ khúm núm trịnh trọng trước ông mà chỉ mỉm cười như với một đứa trẻ, và đó là sự bày tỏ cao nhất lòng tôn kính thực sự của nhân dân, không hề có gì chung với thái độ tôn sùng cung kính.

Neruda mang trong mình tất cả những phẩm chất tốt đẹp mà không chỉ bất kỳ nhà thơ lớn nào mà bất kỳ công dân chân chính nào của loài người cũng phải có. Ông là nhà quý tộc về tinh thần và đồng thời là một nhà dân chủ đến tận xương tủy. Ông là nhà yêu nước của Chile và là nhà yêu nước của cuộc đấu tranh vì công lý, dù nó diễn ra ở bất kỳ đâu - bên các bức tường của Madrid hay của Leningrad. Thơ của Neruda nói rằng không thể là một công dân nếu không phải là một nhà quốc tế.

Nếu nói về tài năng nghệ thuật thì thậm chí nếu Neruda chỉ viết hai câu:

*... và trên các đường phố máu con trẻ
chảy bình thường như là máu con trẻ...*

cũng đủ là bằng chứng cho thấy thiên tài của ông.

Tất cả các nhà thơ, muốn hay không muốn, đều là những nhà tiên tri. Những dòng thơ này của Neruda vang lên một cách tiên tri:

*Có tên bộ trưởng gọi tôi là kẻ phản quốc
Thế là những thằng ngu vội vã hòa theo
và một con chuột nhà báo nhúng bút vào lọ mật
sẽ lòi tên tuổi tôi và công việc của tôi lên tờ “El Mercurio”
Chàng trai đang khát vọng vươn lên
được tôi trao cho bánh mì và lời nói
gắng hết sức kêu lên: “Phải tập hợp những người chết
Đi vào cuộc đấu tranh cùng với bài ca sống động của ông ta”.*

Điều khủng khiếp nhất đã xảy đến với Neruda - ông đã phải thấy bi kịch của điều mình mơ ước khi nó bị xe tăng đè nát và điều đó đã khiến ông đang trong cảnh hấp hối bị chết hẳn.

Tội ác diễn ra ở Chile chỉ có thể đem so sánh với các tội ác của triều đình Versailles đã dìm công xã Paris vào bể máu. Cứ mỗi khi trong lịch sử xuất hiện những trang hiệp sĩ cao quý, trung thực tìm cách thực hiện các lý tưởng của loài người - bác ái, tự do, bình đẳng - thì trên con đường của họ lại có những bóng ma ám đạm hoặc của những kẻ Dantes cỡ nhỏ hoặc của những tên sát nhân cỡ lớn kiểu Hitler. Bao giờ cũng là như thế cả trong cách mạng lẫn trong thơ, bởi vì thơ luôn là cách mạng, còn cuộc cách mạng của nhân dân luôn là

thơ. Những tên sát nhân hiểu rõ sự thống nhất này của thơ và cách mạng, vì thế chúng đã giết hại cả Neruda và Allende. Trong việc này có một quy luật máu, bởi vì những tập đoàn quân phiệt trên toàn thế giới không có các lập luận triết học, những lập luận duy nhất của chúng - đó là những đoàn xe tăng đề nát tự do, là những quả bom phá hủy tòa nhà của hy vọng, là những đám cháy từ những cuốn sách bị đốt thiêu rụi các giá trị vĩnh cửu.

Nhưng các lập luận bằng vũ khí bọc thép và thậm chí nguyên tử không phải là bằng chứng về sự mạnh mẽ, mà là bằng chứng của sự nghèo nàn đạo đức, sự yếu ớt của kẻ đi săn chỉ che đậy bằng tấm giáp sắt của sức mạnh.

Đôi khi những người hoài nghi đã gọi những người như Neruda là những kẻ mộng mơ và nói rằng họ sống trong mơ và không nhìn thấy hiện thực.

Thực ra hiện thực của lịch sử lại chính là những trang hiệp sĩ cao quý hiện thân cho hình ảnh cao cả của cách mạng, còn cái gọi là hiện thực trắng thế hiện nay của các tập đoàn tài phiệt lại chỉ là giấc mộng hãi hùng mà rốt cuộc sẽ trôi qua vĩnh viễn. Có thể thay chính phủ, nhưng không thể thay dân tộc.

Đám tang của Neruda đã diễn ra dưới tiếng nhạc của bản “Quốc tế ca” mà trọn đời ông đã hiến dâng “sức mạnh ngân vang của nhà thơ” cho nó. Khúc ca đó của giai cấp vô sản đã đưa tiễn nhà thơ trong chuyến đi cuối cùng.

Cuối cùng? Chẳng lẽ chuyến đi đến nắm mồ là chuyến đi cuối cùng của nhà thơ vĩ đại?

1974

THẠCH LINH dịch
(từ nguyên bản tiếng Nga)

CHÂN DUNG VĂN NGHỆ
ẢNH TỰ LIỆU

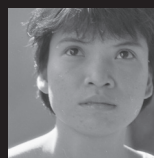
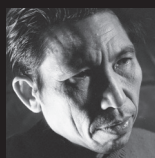
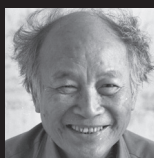
D ư ơ n g M i n h L o n g

Khoảnh khắc gặp gỡ

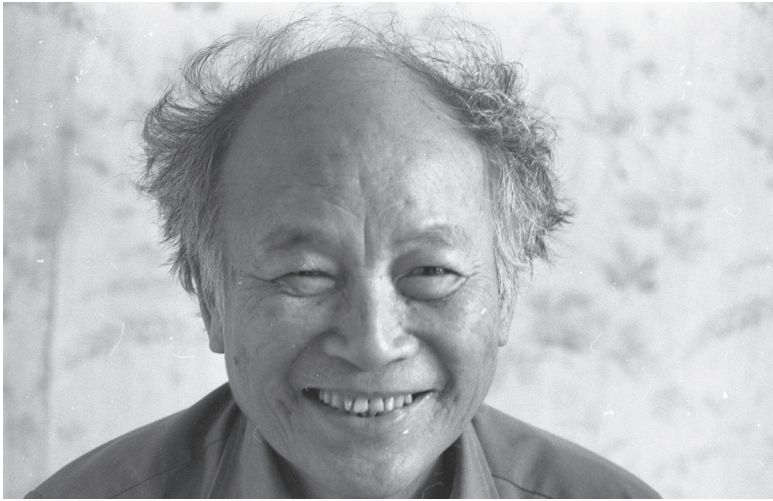
Tô Hoài

Thạch Quý

Phan Thị Vàng Anh



tô hoài

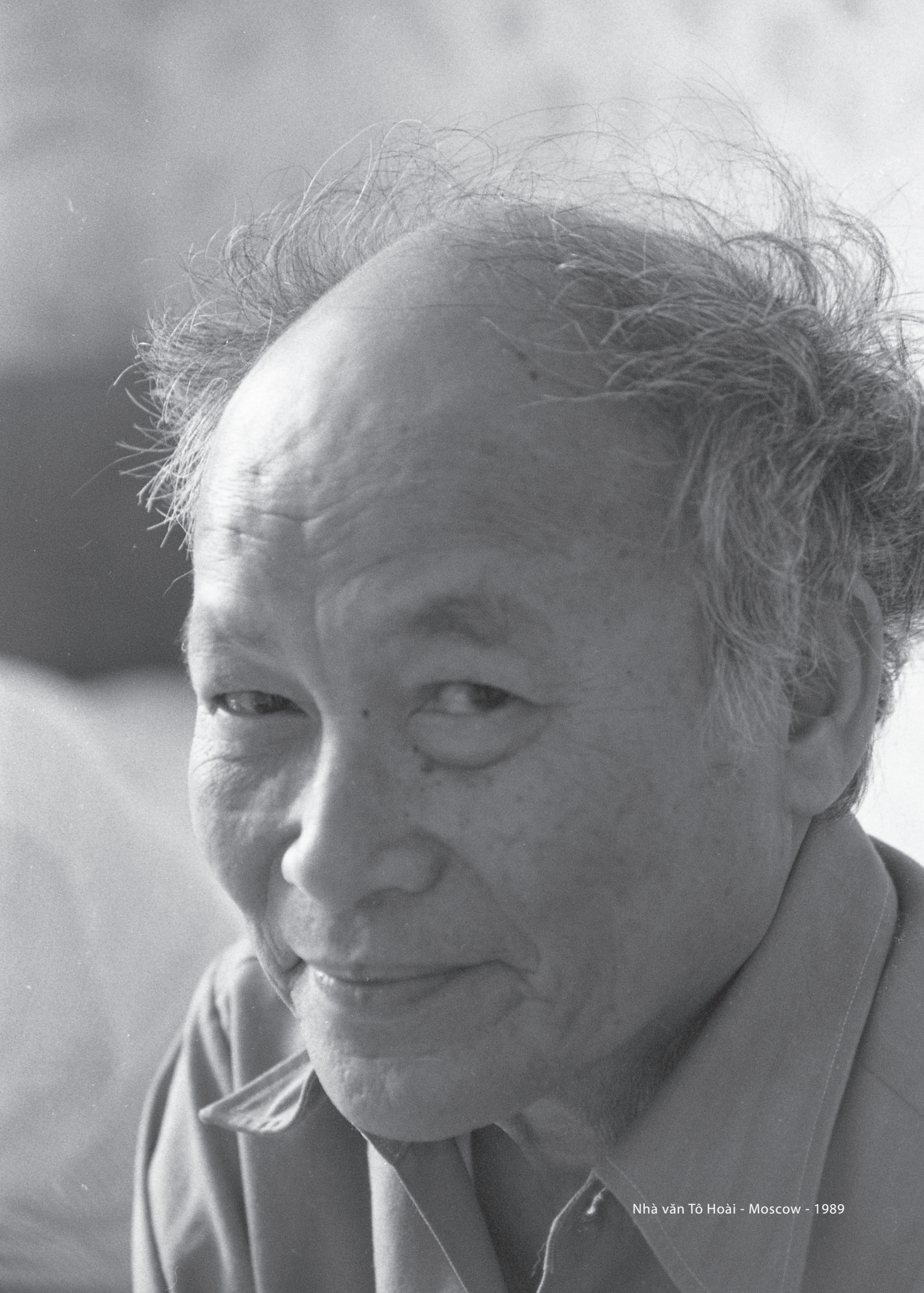


27-9-1920
6-7-2014

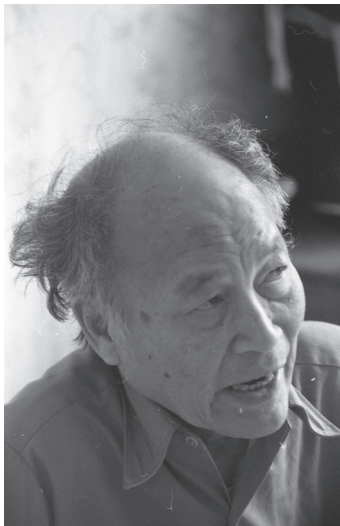
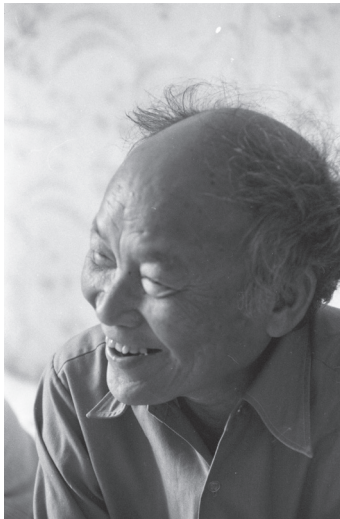
Tô Hoài tên thật là Nguyễn Sen, sinh tại làng Nghĩa Đô, Từ Liêm thuộc phủ Hoài Đức xưa (nay là phường Nghĩa Đô, Hà Nội).

“Có một lần, tôi đã nói chuyện về bút hiệu của Tô Hoài và hỏi xem ai đã đặt cho anh. Tô Hoài cho biết anh chẳng nhờ ai đặt cả. Thấy người ta viết có bút hiệu, anh cũng tự tìm một bút hiệu cho mình. Vì làng Bưởi nơi anh ở có một con sông nổi tiếng là sông Tô Lịch chảy qua, mà ở đấy lại thuộc về phủ Hoài Đức nên anh lấy hai chữ đầu, đặt bút hiệu là Tô Hoài. Thế thôi. Giản dị hết sức: Giản dị như đời anh. Giản dị như lời văn anh”.

Chân dung Tô Hoài
của nhà văn Vũ Bằng



Nhà văn Tô Hoài - Moscow - 1989



Tô Hoài đam mê văn chương từ nhỏ, dù cuộc sống vất vả, lam lũ nhưng ông vẫn tự học Quốc văn, Pháp văn. Học vừa hết tiểu học, ông đã đi vào đời với nhiều nghề để kiếm sống: từ làm thợ dệt, dạy học tư, bán hàng thuê, đến kế toán hiệu buôn... Với tài năng thiên bẩm, óc quan sát tinh tế và những trải nghiệm cuộc sống phong phú, ông bước vào làng văn một cách tự nhiên. Ở tuổi mười bảy, mười tám, những sáng tác đầu tay của ông đã xuất hiện trên Hà Nội tân văn và Tiểu thuyết thứ Bảy.

94 năm tuổi đời và hơn 70 năm tuổi nghề, với gần 200 đầu sách trải rộng trên nhiều mảng đề tài, trong đó có những tác phẩm được tái bản nhiều lần như: Dế mèn phiêu lưu ký, Truyện Tây Bắc, Chuyện cũ Hà Nội, Chiều chiều, Cát bụi chân ai... Tô Hoài xứng đáng được coi là một trong những cây đại thụ của nền văn học Việt Nam. Ông đã để lại một gia sản văn chương và văn hóa cho các thế hệ mai sau. Đọc văn của ông, độc giả biết thêm rất nhiều những phong tục, tập tục từ sinh hoạt trong gia đình, đến những sinh hoạt cộng đồng lễ hội, ma chay, cưới hỏi... ở nhiều vùng miền khác nhau.

Hoàng Yến
Tổng hợp



Nhà văn Tô Hoài cùng con gái và dịch giả M.Tkachov
trước kí túc xá trường viết văn M.Gorki - Moscow - 1989

hành trình dế mèn phiêu lưu ký

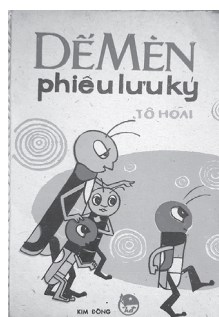
Dế mèn phiêu lưu ký là tác phẩm nổi tiếng của Tô Hoài, đồng thời cũng là một trong những tác phẩm văn học Việt Nam được giới thiệu nhiều nhất ở nước ngoài.



"Tiền thân" của Dế mèn phiêu lưu ký có tên là Con dế mèn, do NXB. Tân Dân Hà Nội phát hành **năm 1941**.



Bản của Hội Văn nghệ Hà Nội, xuất bản **năm 1972**, họa sĩ Ngô Mạnh Lân vẽ bìa và minh họa, được giới sưu tầm săn lùng.



Bản của NXB. Kim Đồng, **năm 1982**.



Bản xuất bản tại miền Nam trước 1975, Hoa Tiên phát hành **năm 1967**.



Dế Mèn phiêu lưu ký dưới dạng truyện tranh của NXB. Kim Đồng **năm 1998**, Trương Qua vẽ.



Dế Mèn phiêu lưu ký bản tí hơn 6x9cm, NXB. Đồng Nai phát hành **năm 2000**.



Dế Mèn phiêu lưu ký bản đặc biệt giấy dó, kỷ niệm 100 năm ngày sinh Tô Hoài, NXB. Kim Đồng ấn hành **năm 2020**, sử dụng lại minh họa của Ngô Mạnh Lân.

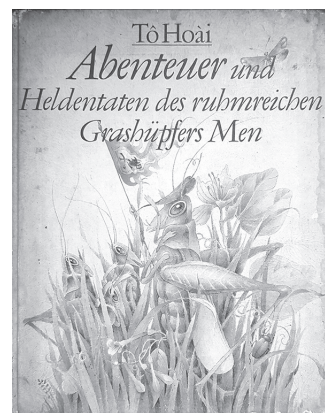
Tác phẩm được dịch ra rất nhiều thứ tiếng.



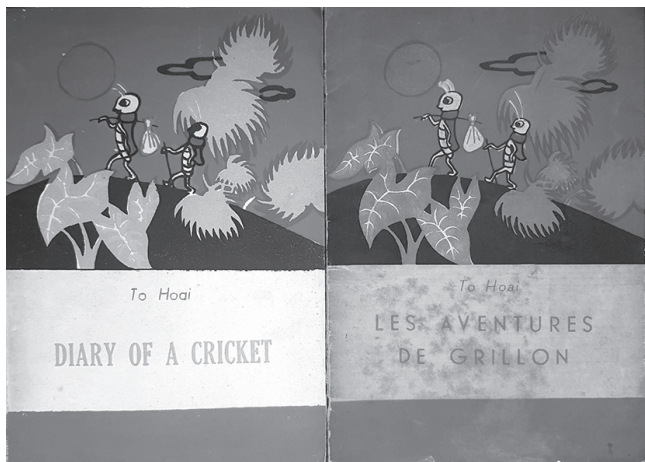
Ấn bản tiếng Nga



Ấn bản tiếng Rumania



Ấn bản tiếng Đức



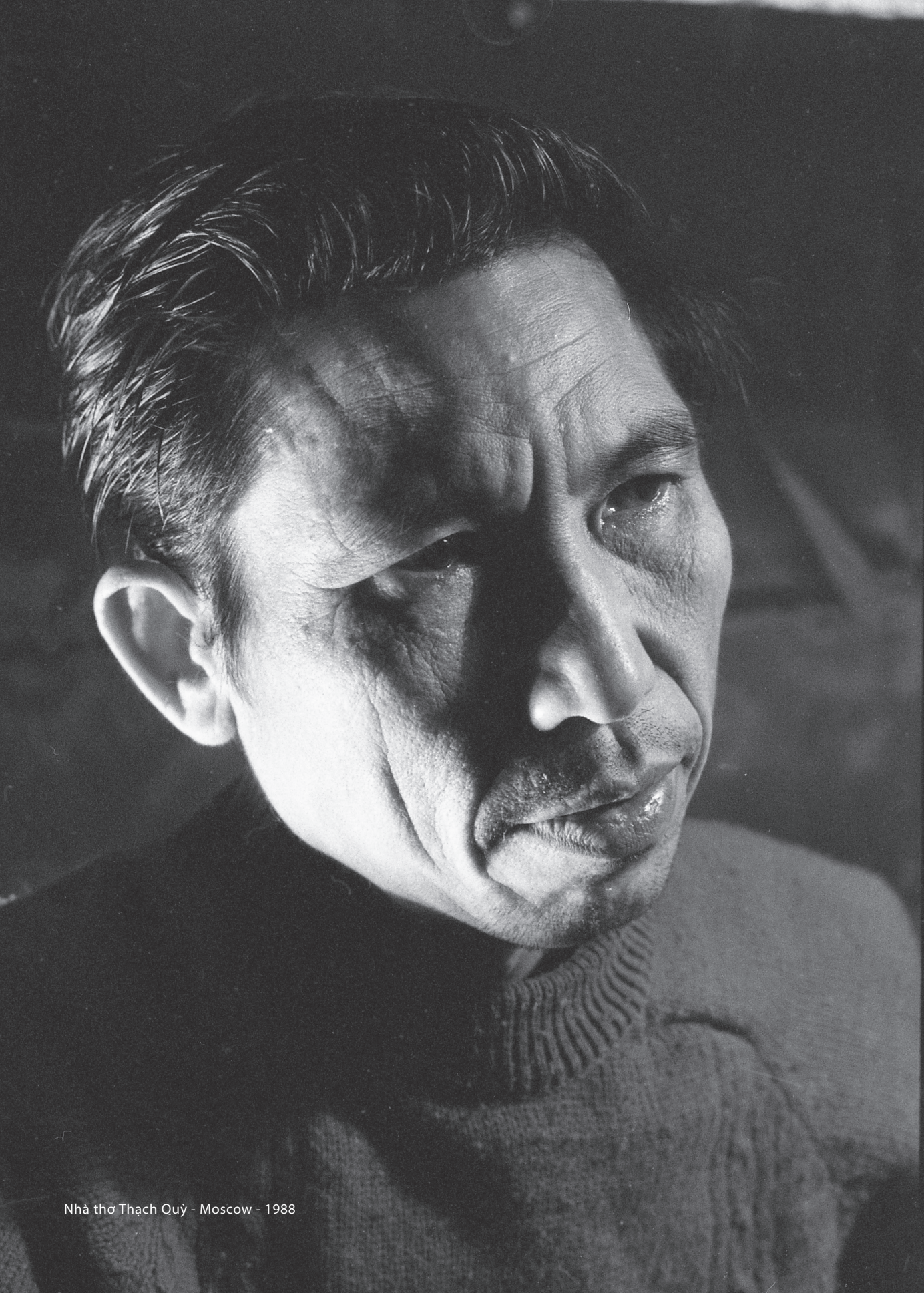
Ấn bản tiếng Anh và Pháp

thạch quỳ

Nhà thơ **Thạch Quỳ** tên thật là Vương Đình Huấn, sinh năm 1941, tại làng Đông Bích, dưới chân núi Quỳ Sơn (dân địa phương gọi là rú Cuối) thuộc xã Trung Sơn, Đô Lương, Nghệ An, trong một gia đình trí thức Nho học. Ông nội nhà thơ thuộc dòng dõi khoa bảng, ông ngoại từng thi đỗ ba khoá tú tài, bà ngoại và mẹ là cả một kho tàng văn học dân gian.

Cho đến nay, Thạch Quỳ đã cho ra mắt 8 tập thơ:

- Sao và đất (in chung, 1967)
- Tảng đá nhàn cây (1973)
- Nguồn gốc cơn mưa (thơ thiếu nhi 1978)
- Con chim Tà Vạt (1985)
- Cuối cùng vẫn một mình em (1996)
- Đêm giáng sinh (2004)
- Tuyển thơ Thạch Quỳ (2009)
- Bức tượng (2010)



Nhà thơ Thạch Quý - Moscow - 1988

Độc lại toàn bộ thơ Thạch Quỳ, điều dễ nhận nhất là cái khí chất mạnh mẽ và đầy bản lĩnh của một cây bút từng trải: Trơ trơ tảng đá/ Đá đổ mồ hôi/ Biết hay không biết/ Lầm lì mồ côi (Tảng đá); Cả cái chết đợi chờ tôi trước mặt/ Hù dọa tôi, tôi chấp nhận lâu rồi. Đó cũng là khí chất, bản lĩnh của một số nhà thơ miền Trung như Phùng Quán (Dù ai cầm dao dọa giết/ Cũng không nói ghét thành yêu); Hải Kỳ (Tôi là tôi như thể tự ngày xưa); Hồng Nhu (...nguyện làm cây sét đánh/ Chết trong tươi xanh và ương ngạnh đâm chồi)... Thạch Quỳ là một con người đầy kiêu hãnh – một sự kiêu hãnh hết sức chính đáng. Bởi anh nói rất trung thực bản tính và tài năng của mình: Tôi đầy ứ, thẳng căng, tôi mạnh khỏe/ Tôi cao hơn đất đá mọi công trình/ Tôi không phải sơ đồ bản vẽ/ Tôi cao hơn người máy, thần linh” (Tôi); Toàn bộ loài cây – một cau mọc thẳng/ Toàn bộ loại chim – một cò thân trắng (Đêm vườn rừng). Đọc những câu thơ này, tôi chợt nhớ đến Bài ca ngắt ngưỡng của Nguyễn Công Trứ: Trong triều ai ngắt ngưỡng bằng ông! Đó là cái ngắt ngưỡng, cái kiêu hãnh của những người chân tài. Thật ra thì Thạch Quỳ rất tự biết mình: Không bé nhỏ tầm thường, không vĩ đại/ Có thể vút đi trong xó tối u buồn / Có thể đứng trên đôi chân vững chãi/ Tôi một mình, tôi lớp lớp triều dâng...(Tôi).

*Trích bài viết của tác giả
Mai Văn Hoan - 9.2011*

ĐỢI EM NGÀY GIÁP TẾT

*Trời đã Tết. Khói xanh mờ bụi nước
Góc vườn con hoa mận đã đơm khụy
Lòng như đất lặng thắm mơ dấu guốc
Cỏ thanh thiên hoa trắng đợi em về.*

*“Những mảnh nắng trắng như lông ngỗng
rơi đầy dưới lối phi lao
chợt nghe chân cọ vào cát bỏng
quay nhìn ngơ lối My Châu.*

*An Dương Vương thuở ấy cũng quay đầu
và đã thấy góc thành lửa cháy
và đã thấy sau chân ngựa chạy
lông ngỗng rơi - lông ngỗng trắng bên đường...”*

*Trích từ bài thơ:
Qua đền Công ghi chuyện cũ*

ĐÊM SÔNG HƯƠNG

*Bây chừ gõ chén sông Hương
Lanh canh phách nhịp bốn phương cung đình
Một sông trăng ở Hoàng thành
Một trăng sông nhạt trong thành dưới sông
Xáng xẻ cái nhịp thi công
Cái chân ai bước giữa vòng nam ai
Rượu nâng sóng nhạc ngang mày
Em lững thững giữa đêm bảy chiếu hoa
Xáng xẻ sông đổ về xa
Xáng xẻ phách nhịp đổ qua hồn mình
Ai ngâm khúc nhạc cung đình
Để ai thương cả Hoàng thành cỏ rêu...*



Nhà thơ Thạch Quỳnh - Suzdan, Nga - 1988

Nhà thơ Thạch Quỳnh cùng các bạn văn - Suzdan, Nga - 1988





“Tôi rất yêu đá, tuổi thơ chăn trâu, kiếm củi ngày nào chẳng ở cùng đá núi. Tôi cũng ví mình như một hòn đá của trái núi nhỏ bé ấy thôi. Cái tên Thạch Quý cũng khiêm nhường và bình dị vậy thôi. Không có gì đặc biệt, không có gì đáng phải để ý cả. Còn làm thơ, viết văn thì nhà thơ, nhà văn nào mà chẳng có cá tính.

Bởi tôi cấm mình viết hoa hồng, hoa huệ, hoa ti gôn... nên buộc tôi phải viết về những loài hoa không ai viết.

Nói cho cùng, cái bảng cấm tôi tự đề ra cho mình khi sáng tác chính là những yêu cầu nghiêm ngặt của nghệ thuật mà tôi buộc mình phải thực hiện.

Tôi nghĩ cái “bảng cấm” tôi tự đề ra cho mình khi cầm bút, với các bạn trẻ trong buổi đầu đến với nghề bút mực cũng có thể có đôi điều để nghĩ suy, tham khảo”.

*Trả lời phỏng vấn nhà
báo Thủy Vinh -
Báo Nghệ An 10-4-2018*

phan. thị vàng anh

Phan Thị Vàng Anh sinh ngày 18-8-1968 tại Hà Nội.

Bút danh: Thảo Hào, An Bàng...

Tốt nghiệp Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh năm 1993.

- In bài thơ đầu tiên năm 7 tuổi - 1975: Mèo con đi học.
 - Từ 2002: Viết tạp văn phê bình văn hoá nghệ thuật trên các báo: Thể thao Văn hoá, Tuổi trẻ, Đại biểu Nhân dân, Tia sáng, Thời báo Kinh tế Sài Gòn...
 - Khi người ta trẻ (tập truyện, NXB. Hội Nhà văn)
 - Ở nhà (truyện thiếu nhi, NXB. Trẻ)
 - Hội chợ (tập truyện, NXB. Trẻ)
 - Truyện ngắn Phan Thị Vàng Anh - Nguyễn Trọng Nghĩa (tập truyện, NXB. Công an nhân dân)
 - Nhân trường hợp chị Thỏ Bông (tạp văn, NXB. Hội Nhà văn)
 - Gửi VB (tập thơ, NXB. Hội Nhà văn)
 - Ghi chép nhỏ của người cười ngựa (tản văn, NXB. Trẻ)
-

Giải thưởng:

- Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1993 cho tập truyện Khi người ta trẻ
- Giải nhất truyện rất ngắn của tạp chí Thế giới mới 1995 cho tác phẩm Hoa muện
- Giải thưởng Hội Nhà văn Hà Nội năm 2007

“Trong thế giới của Phan Thị Vàng Anh, những sự vật gần gũi nhất lại đưa tâm hồn con người đi xa nhất.

Ngòi bút này đã rú rê những từ tinh nghịch nhất để làm văn học...

Đứng giữa một thế giới văn chương đang già cỗi – hay nói đúng hơn, đang có nguy cơ già cỗi – tác phẩm của Phan Thị Vàng Anh cũng như một số cây bút mới xuất hiện những năm gần đây là thứ văn chương khi người ta trẻ.

Vâng, khi người ta trẻ thì người ta nhìn đời khác lắm, nghĩ khác lắm, và viết cũng khác lắm.”

*trích bài viết của nhà nghiên cứu phê
bình văn học Huỳnh Như Phương -
Khi người ta trẻ - NXB. Trẻ 1995*



“Phan Thị Vàng Anh là một bà mẹ chồng khó tính đáng ghét, một người đả đố, độc đoán, mạnh mẽ và... bạo liệt.”

Làm nhiều việc chung với chị, nhờ đó thấy được chị rõ nhất: nóng tính, quyết liệt, cực đoan, cương nghị và lạnh lùng.

Nhưng bên cạnh đó là những điều không thể phủ nhận: nhiệt tình, đảm thắm, chu đáo, tận tụy, thông minh, đường hướng rõ ràng...”

trích báo Công an nhân dân, ngày 4-7-2018, nhà văn Trần Thị Trường

MÈO CON ĐI HỌC

*Hôm nay trời nắng chang chang
Mèo con đi học chẳng mang thứ gì
Chỉ mang một chiếc bút chì
Và mang một mẫu bánh mì con con.*

- 1975 -

“Bài thơ này em rất thích từ khi còn bé, hay đọc nghèo ngao, mẫu bánh mì thay cho cái tẩy, vì nhà nghèo không có tiền mua nổi cái tẩy...”

Bình luận của bạn Hailua trên Thivien ngày 1-5-2007

“Bài Mèo con đi học này, hầu như tất cả ai ở thế hệ 7x đều thuộc. Không biết tại sao nó bình thường như thế, mà lạ lùng đặc biệt như thế nhỉ? Đã lâu nay không nhớ tới (nhưng không quên) nay đọc lại, nhớ tuổi học trò làm sao. Bài thơ cực dễ thương nhỉ!”

Bình luận của bạn Tịnh Mạc trên Thivien ngày 6-9-2008

“Em rất thích bài thơ này, sách giáo khoa trước khi đổi mới bây giờ em học vẫn còn có, bây giờ không biết có còn không. Bài thơ giản đơn giống như trẻ thơ vậy...”

Bình luận của bạn Sinhvienvonnhien trên Thivien ngày 20-8-2009



NGÀY THỨ HAI Ở HỘI AN

...

Từ sau quán, ba con chó con bước ra, một con miệng ngậm lệch mẩu tằm
Với hai miếng giấy ăn, lũ chó xé thành một đồng rác trắng
Mực một nắng nướng kiểu gì cũng không nhận ra hình thù nắng
Say la đà trở về nhà, sờ túi mới biết mất chìa khoá
Bên góc miệng, không khác gì con chó, vẫn còn ngậm một cái tằm

trích từ tập thơ Gửi VB,
NXB. Hội Nhà văn, 2006

Ở KHÁCH SẠN PHÚ GIA

...

Hồ Gươm ban đêm lặng lẽ một mặt nước u tối
Buổi sáng phủ sương của những ánh Võ An Ninh
Cửa Hà Nội khi còn đủ cả gia đình

...

Hồ Gươm rút hết hơi những ngày oi Hà Nội
Hồ Gươm khiến cái buồn bỗng không còn chịu đựng nổi
Hồ Gươm như hũ nước cốt tinh thần sóng sánh trên người
Lấp ló bên kia đường
Tôi không trốn được tôi

Thốc đến tận tầng ba giọng nói người Hà Nội
Hồ Gươm năm tôi mười tám tuổi
Nhiều rùa hơn vào những năm tôi ba mươi tuổi

trích từ tập thơ Gửi VB,
NXB. Hội Nhà văn, 2006

TẬP LÀM THƠ

Rướn lên nào, cầu kỳ vào nào, con lừa già chỉ biết gặm cỏ thực tế
Rồi phun ra cũng chỉ những dòng thực tế

...

Tập làm thơ như tập múa, những ngón tay thô kiểu gì cũng không thành hình sen nở
Tôi phục kẻ thù tôi, nghĩ ra những câu co quắp, rợn người, thoát ra ngoài biên giới nào
Cũng có lúc tôi lúi vào trong cái chần lục bát đồng rơm bà ngoại

trích từ tập thơ Gửi VB,
NXB. Hội Nhà văn, 2006

“Không ai biết được chính xác mình được mấy điểm về sắc đẹp cả. Tuyền tự hỏi mình vì sao lại đi cái buổi cắm trại này, để gần như cô độc giữa đám người quen này. Rồi tìm ra lý do, cô cười vu vơ. Có lẽ cô đi để khẳng định: những cái liếc mắt kín đáo, những câu nói dài khó hiểu, những cú đỏ mặt của anh bí thư Đoàn phường ngày thường là có lý do đằng hoàng, chẳng phải vu vơ mà nó thế...”

trích Cuộc du ngoạn ngắn ngủi
- Khi người ta trẻ
NXB. Hội Nhà văn 1995

“Chiều nay trời mưa và buồn hơn. Tường không vào ôn bài nữa. Mặt Tường không tỏ vẻ buồn bã nhưng lạnh lùng xã giao với tôi hơn xưa. Giờ thì đến lượt tôi khổ vì Tường. Tường không chào tôi bằng những cái méo miệng để tôi có thể mắng “Thằng điên” được nữa, bây giờ Tường gật đầu như người lớn chào nhau. Tôi đùa Tường cái kẹo, Tường cười: “Cảm ơn nhé!” Tôi muốn vận cổ hai chữ “cảm ơn”.

trích Truyện trẻ con
- Khi người ta trẻ
NXB. Hội Nhà văn 1995

“Cô là một người đầy mầu thuẫn, ngông nghênh mà lại sợ dư luận: ăn nói ác độc, kiêu căng mà lại rất tự ti, chơi rất nhiều mà học cũng rất nhiều. Cô nhiều bạn nhưng chỉ thích tiếp bạn ngoài quán cà phê, là một người không bao giờ làm được việc gì đến nơi đến chốn, trong ngăn kéo còn lại vô số những bản tự cam kết: Sẽ không... Nếu không... Trong tủ đầy những mảnh vải thêu cắt đang dở, những cuốn tiểu thuyết gấp góc ở những trang gần cuối. Thích đấy rồi chán đấy, cô làm khối kẻ điên tiết...”

trích Khi người ta trẻ
- Khi người ta trẻ
NXB. Hội Nhà văn 1995

“Trên kệ, vô thiên lủng tổ tò vò, một con tò vò đang cong đít bèn cái tổ như cái nệm rượu, em lấy cán chổi đập vào nó, tò vò hoảng hốt bay đi, rồi vo một mùi mạng nhện, em nhét vào cửa nhà nó. (Một lần em làm thế, có điều, em nhét bằng cơm nguội, anh bảo: “Em ác quá!”. A, anh là người luôn luôn mắng em ác!)”

trích Si tình
- Khi người ta trẻ
NXB. Hội Nhà văn 1995

“Sau lễ hoả táng, anh Định và tôi được giao nghỉ lễ cuối cùng là đem tro của cha thả xuống sông. Tôi ngồi sau ôm chặt cái túi còn ấm nóng. Đây là cha tôi, ngày nào còn ôm tôi, đứa trẻ con ngủ gật trên xe; đây là thầy giáo tôi... giờ thu lại trong hũ cốt và một bao tro. Chúng tôi ra sông Sài Gòn, khi tro được thả xuống, tôi biết từ nay mình đã mồ côi cha...”

trích Cha tôi - Hội Chợ
NXB. Trẻ 1995

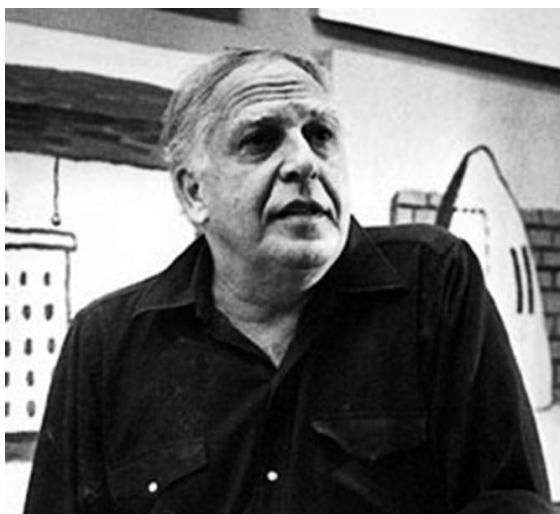
“Tôi chờ mẹ qua những ruộng rau muống, ếch nhái đã bắt đầu kêu i uôm, đi qua những hàng tre bị mưa quật ngã, thấy sao lạ thế này, sao như chờ một em bé từ vườn trẻ về thế này, cũng mong manh và cần thông cảm. Tôi nói với mẹ là không biết ngày nào đây con cũng sẽ được đón về, à mà quên, không biết có ai lấy con không.”

trích Mưa rơi - Hội chợ
NXB. Trẻ 1995

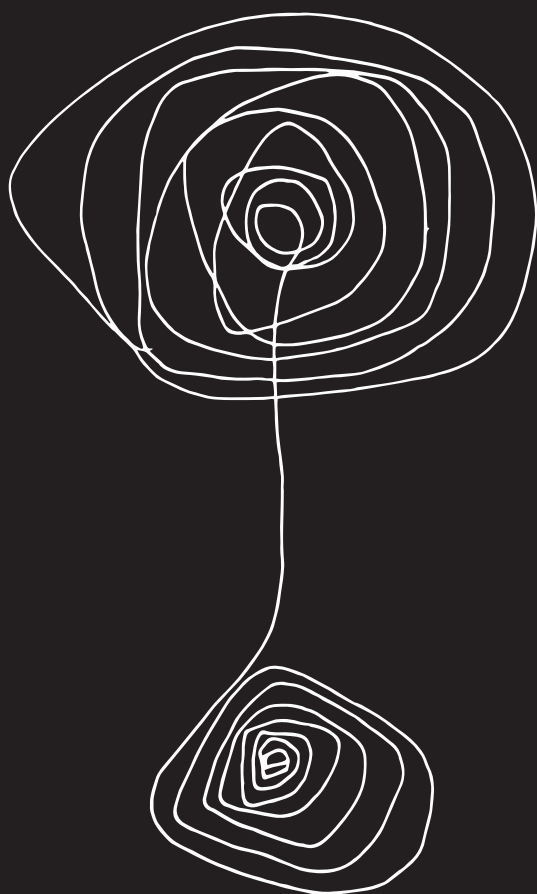
Nhà văn Phan Thị Vàng Anh - Sài Gòn - 1993



Hội họa là ảo ảnh, là ma thuật,
vì thế cái anh thấy
đâu phải là cái anh thấy.



PHILIP GUSTON
HỌA SĨ MỸ GỐC CANADA
(1913-1980)



Không thể sống mà không viết
viết&đọc

viết&đọc
CHUYÊN ĐỀ MÙA HẠ 2022

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 Nguyễn Du - Hà Nội - Tel & Fax: 024.38222135,
E-mail: nxbhoinhavan@yahoo.com.vn - <http://sachvan.vn>
Chi nhánh miền Nam: 371/16 Hai Bà Trưng-Q3-TP. HCM. Tel & Fax: 028.38297915
Email: nxbhvn.saigon@gmail.com
Chi nhánh miền Trung và Tây Nguyên: 344 - đường Trưng Nữ Vương - thành phố Đà Nẵng
Tel: 0236.3888333. Email: nxbhvn.mientrungtaynguyen@gmail.com

Chịu trách nhiệm nội dung & xuất bản: Giám đốc - Tổng Biên tập NGUYỄN QUANG THIẾU
Biên tập: ĐÀO BÁ ĐOÀN - NGUYỄN CHÍ HOAN
Trình bày: TRẦN THẮNG - Sửa bản in: VIỆT PHƯƠNG

In 2.000 bản khổ 18x25cm
tại Công ty TNHH In và dịch vụ thương mại Phú Thịnh, Lô B2-1-5 và B2-2-5
Khu công nghiệp Nam Thăng Long, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Số xác nhận ĐKXB: 747 - 2022/CXBIPH/02 - 19/HNV
Số quyết định xuất bản: 537/QĐ-NXBHNV ký ngày 20 tháng 05 năm 2022
In xong và nộp lưu chiểu: Quý 2 năm 2022
Mã ISBN: 978-604-347-873-0

LẠI NGUYỄN **ÂN**, YÊN **BA**, LƯU SƠN **MINH**, PHAN **ĐĂNG**,
MAI **THÌN**, ĐẶNG XUÂN **HÒA**, PHẠM THỊ PHONG **LAN**,
JEANE **NGUYEN**, NGUYỄN **HIỆP**, VÕ **ĐĂNG KHOA**,
PHẠM GIAI **QUỲNH**, DART **GIANG**, LƯƠNG KHẢ **TÚ**,
NGUYỄN LÊ VÂN **KHÁNH**, CAO VIỆT **QUỲNH**,
NGUYỄN CHÍ **HOAN**, PHẠM MINH **QUÂN**, BÍCH **NGÂN**
HOÀNG PHONG **TUẤN**, HỒNG **CƯ**, MIÊN **DI**, VĨ **HẠ**,
CHÂU HẢI **ĐƯỜNG**, NGUYỄN THỊ KIM **NHUNG**,
NGUYỄN **NHƯ**, NGUYỄN TẤT **NHIÊN**, HÀ **YÊN**,
NGUYỄN PHONG **VIỆT**, TRƯƠNG **ĐĂNG DUNG**,
GIÁP VĂN **CHUNG**, MAI BÁ **ẤN**, KONCZ **TAMÁS**,
GIẢ BÌNH **AO**, PHÙNG THỊ HƯƠNG **LY**, PHÙNG **KIÊN**,
PHAN TƯỜNG **ĐAN**, MIGUEL DE **CERVANTES**,
JOSEPH **BRODSKY**, ERNEST **HEMINGWAY**,
NGÂN **XUYÊN**, YEVGENY **YEVTUSHENKO**, UÔNG **TRIỀU**,
PABLO **NERUDA**, THẠCH **LINH**, YÊN **TRANG**
NAM **THI**, DƯƠNG MINH **LONG**, TRẦN **THẮNG**,
NGUYỄN QUANG **THIỆU**

Giá: 210.000 đ

ISBN: 978-604-347-873-0



9 786043 478730